

**ẤN QUANG PHÁP SƯ
VĂN SAO TỤC BIÊN**

QUYỂN HẠ

Giảng giải: Đại sư Ấn Quang

Viết dịch: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Đạo nghiệp vị thành, cảm sử thử tâm tán loạn,

Tử kỳ tương chí, lực từ nhất thiết ứng thù

Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,

Kỳ chết sắp đến, tận lực từ tạ mọi thù tạc

Liễu quân đại sự duy tu tịnh

Sướng Phật bốn hoài tại vãng sanh

Xong đại sự của ông chỉ có tu tịnh,

Thỏa bốn hoài của Phật ở nơi vãng sanh

Tam nghiệp tương ứng, vãng sanh hữu phần,

Lục căn đô nhiếp, kiến Phật vô nan

Ba nghiệp tương ứng, vãng sanh có phần,

Sáu căn nhiếp trọn, thấy Phật chẳng khó

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TỤC BIÊN

QUYỀN HẠ

II. TƯ

1. Lời tựa cho sách Văn Hội Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Góc Lấn Ngọn

(Mùa Đông năm Kỷ Mão (1939) thời Dân Quốc, khi ấy đã bảy mươi chín tuổi)

Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “tâm tánh”. Sự thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”. Lý tâm tánh nhỏ nhiệm, dầu là thánh nhân vẫn có điều không biết; sự nhân quả rành rành, dù ngu phu cũng có thể hiểu đại khái. Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: “*Đại Học chi đạo, tại minh Minh Đức*” (đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ Đức Sáng). Minh Đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét, nên Minh Đức bị tư dục huyễn vọng che lấp chẳng thể hiển hiện để thụ dụng được! Cách để làm sáng tỏ Minh Đức là “khắc chế ý niệm”. Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là “tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật”. “Vật” là gì?

Chính là tư dục huyễn vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài!

Do những tư dục này kết chặt trong tâm nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan, rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt! Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đây đều là do tư dục Tham và Ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đút lót hay mong cầu sai trái nữa!

Trước hết, phải hiểu chữ Vật này là tư dục huyễn vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng! Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dầu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây lớn, trở thành một gã theo sóng đuổi sóng! Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết “vật” ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại trong tâm ta thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì “ý thành, tâm chánh, thân tu” sẽ được hướng dẫn xuôi dòng với khí thế như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế. Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thảy mọi người ai nấy đều sẵn có Minh Đức, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị

tư dục xoay chuyển, luân hồi sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy “cách vật trí tri” mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được!

Tôi thường nói: *“Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh”*. Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật Quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả. Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Không Tử khen ngợi Châu Dịch, thoát đầu liền nói: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chất chứa điều bất thiện tai ương có thừa). *“Tích thiện, tích bất thiện”* là nhân, *“dư khánh, dư ương”* là quả. Hơn nữa, đã có dư khánh, dư ương, lẽ đâu chẳng có bồn khánh, bồn ương? Bồn khánh, bồn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, những quả báo ấy sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần! Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư? Ví như trong đêm tối om chẳng thấy được hết thấy mọi vật, nhưng chẳng được nói hết thấy mọi vật đều bị tiêu diệt! Cơ Tử trình bày Hồng Phạm, trong phần cuối cùng mới nói: *“Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực”* (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều khôn khó). Ngũ Phước, Lục Cực là nói đến cái nhân trong đời trước trở thành cái quả trong đời này. “Hưởng” là thuận theo, “dụng” là “đĩ” (thì, là), là đắc (được). Trong Ngũ Phước, một là “thọ”, hai là “phú” (giàu có), ba

là “khang ninh” (mạnh khỏe, yên ổn), điều thứ năm là “khảo chung mạng” (hết tuổi thọ mới chết), đó chính là quả cảm thành bởi tu đạo, tu đức trong đời trước; điều thứ tư là “du hảo đức” (thường có đức tốt) chính là thói quen tu đạo tu đức từ đời trước. “Cực” có nghĩa là tai ách tốt cùng. Nên hiểu nghĩa chữ Oai là Vi , tức trái nghịch; ý nói: Những gì đã làm trong đời trước trái nghịch với đạo đức thì đến đời này sẽ bị: Một là xui xẻo chết ngang và đoản thọ (xui xẻo và đoản thọ gộp thành điều thứ nhất); hai là thân bệnh tật chẳng được mạnh khỏe; ba là tâm lo lắng không yên; bốn là nghèo cùng, chi dùng chẳng đủ; năm là diện mạo xấu xa; sáu là thân yếu ớt, không có năng lực!

Nhà Nho mờ mịt nơi tiền nhân hậu quả, nên chuyện gì cũng đều quy về sự cai trị của vua, gần như diệt thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua! Trẻ nhỏ sanh vào nhà phú quý bèn hưởng phước, sanh vào nhà nghèo cùng sẽ chịu khổ, há có phải là do nhà vua cai trị có phân biệt khiến nó phải sanh như vậy hay chẳng? Vì thế, kinh dạy: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật nội dung sách ấy với Vũ Vương. Lời nói về Ngũ Phước, Lục Cực ở cuối thiên sách ấy đã giảng rõ nghĩa “nhân quả ba đời” cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Tổng Nho cho rằng: “Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy”. Họ phán quyết: “Con người

sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém - chặt - xay - giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?” Họ quyết đoán “chắc chắn không có nhân quả”, vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền đã tạo sẵn căn cứ cho Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chăng? Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái Ta thật sự đã không có, hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. Lại còn riêng xưng cao giọng dạy người “làm lành thì phải là không làm gì cả, hễ có làm gì để làm lành tức là ác”. Thứ tà thuyết này gây lầm lạc, nguy hiểm cho quốc gia, xã hội chẳng cần đâu!

Kẻ vô tri khâm phục Châu - Trình cao minh, trọn chẳng có một niệm muốn làm lành. Người có trí đầu xé tâm can bởi Tống Nho hoàn toàn phế bỏ đạo “khuyên dụ dần dần làm lành” của thánh nhân mà cứ mong con người có tư cách thánh nhân! Nhưng thánh nhân cũng chẳng phải là hạng “chẳng làm gì mới là làm lành”! Khổng Tử đến năm bảy mươi tuổi vẫn muốn trời cho sống thêm dăm mười năm nữa để học Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Một bộ kinh Dịch không điều gì chẳng nhằm dạy con người về đạo “hướng lành, tránh dữ, lo lắng dè dặt khắc chế ý niệm để tu trì”. Nếu đúng như họ (tức những nhà Tống Nho) nói thì Phục Hy, Văn Vương, Châu Công, Khổng Tử đều trở thành những kẻ tội lỗi đứng đầu, là cội gốc họa hại lầm lạc dạy người khác làm ác cả, có lẽ ấy hay chăng?

Tình người như nước, nhân quả như đê. Tống Nho cực lực bài bác nhân quả, cho đây là chỗ dựa dẫm để Như Lai gạt gẫm người ta tuân phụng giáo pháp của Ngài, nhưng lẽ nào nhân quả được nói trong kinh điển đạo Nho chẳng phải là thật có ư? Họ muốn bác Phật để bảo vệ Nho, rốt cuộc trở thành phê kinh, phê trừ luân thường, thực hành biến con người thành loài thú. Vỡ tuồng xấu xa ấy đều do những kẻ cao giọng đề xướng ấy diễn xuất, khiến cho đạo làm người hầu như diệt mất! Ông Phí Trí Nghiễm xưa kia từng lạm phải chất độc của Trinh - Châu rất sâu, đến lúc tuổi già, do sự lịch duyệt sâu xa, nhân đời loạn mà biết được cái gốc họa; bởi vậy bèn quy y Tam Bảo, đọc khắp các sách vở, đối với sự tích nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, đều sao chép sơ lược đại khái, ngõ hầu người đọc bỏ được tà kiến Đoạn Diệt, tuân theo quy củ lớn lao của đạo Nho và Thích. Nếu con người ai nấy đều hành theo thì cõi đời sẽ trở lại thuở Đường Ngu, con người giữ vẹn lễ giáo, biến nghị lục tàn sát lẫn nhau trở thành sự nghiệp lớn lao duy trì lẫn nhau. Do vậy, bèn đặt tên cho sách này là Tập Sách Văn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn.

Do thầy thuốc trị bệnh, bệnh cấp bách bèn trị nơi đặng ngọn (triệu chứng), bệnh tình hòa hoãn bèn trị nơi đặng gốc (căn nguyên). Như người cổ họng sưng phồng, hai đường đại - tiểu tiện chẳng thông, nếu trước hết chẳng dùng thuốc để tiêu chứng phù thũng và khai thông đại tiểu tiện thì người ấy sẽ chết ngay, dầu có cách trị tận gốc cũng trọn chẳng có chỗ nào để áp dụng được! Vì thế, phải trị đặng ngọn trước. Với những chứng bệnh thuộc đặng ngọn khác, chỉ cần điều hòa tạng phủ cho tốt lành thì những chứng đặng ngọn không trị cũng sẽ tự mất!

Sự lý “cách vật, trí tri, thận độ (cẩn thận, dè dặt), khắc chế ý niệm, nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi” từ địa vị phàm phu cho đến khi thành thánh, thành Phật, đều chẳng thể lìa được! Không Tử lo âu vì “*đức chẳng tu, học chẳng giảng, nghe điều nghĩa chẳng thể noi theo, điều không tốt chẳng thể sửa đổi*”; đức Như Lai giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, lục độ, vạn hạnh, mỗi mỗi đều là nhân quả. Nếu không có nhân quả thì con người có khác gì cầm thú, há nên nói xằng ư?

2. Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, gồm thâm lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật rời khỏi pháp này thì dưới chẳng thể độ khắp quần sanh. Hết thấy pháp môn, không một pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thấy hạnh môn, không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Nếu luận theo chỗ thấy của bậc căn cơ Đại Thừa thì pháp môn này quả thật bắt nguồn từ kinh Hoa Nghiêm, vì Thiện Tài tham học với khắp các tri thức, cuối cùng ở dưới tòa của đức Phổ Hiền nhờ oai thần của Ngài gia bị, sở chứng bằng với đức Phổ Hiền và bằng với chư Phật, trở thành bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Ngài Phổ Hiền bèn đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng tức là hàng Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả, đấy chính là pháp quy tông kết đảnh của kinh Hoa Nghiêm vậy! Kinh Hoa Nghiêm dạy rõ pháp thành Phật trong một đời, nhưng quy tông nơi cầu sanh

Tịnh Độ. Do đó, biết rằng: *Một pháp Tịnh Độ chính là vô thượng đại pháp thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy.* Đây chính là chỗ thấy của bậc căn cơ Đại Thừa, hàng Nhị Thừa còn chưa được thấy nghe, huống là phạm phu đây đây triển phước ư?

Cho đến hội Phương Đẳng, đức Phật đặc biệt chuyên nói ba kinh Tịnh Độ để hết thấy dù phạm hay thánh đều cùng chăm chú tu trì ngõ hầu được thoát khỏi cõi Ngũ Trục đây, vượt lên cõi sen chín phẩm kia ngay trong đời này. Tại núi Linh Thứu thuộc nước Ma Kiệt Đề, đức Phật nói ra nhân địa lúc ban đầu của A Di Đà Phật: Bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện. Lại trải kiếp dài lâu, tu hành theo đúng lời nguyện, cho đến khi phước huệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm màu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ Tát và hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại lẫn phạm phu trọn đủ Hoặc nghiệp đều được vãng sanh, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Đây là kinh Vô Lượng Thọ.

Trong vương cung nước Ma Kiệt Đề, nói ra ba phước Tịnh nghiệp, mười sáu phép quán màu nhiệm để hết thấy chúng sanh đều biết nghĩa lý *“tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh Biển Tri của chư Phật đều từ tâm tưởng sanh; tâm này là chúng sanh, tâm này làm chúng sanh, biển nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng sanh”* đã được nêu rõ ràng. Nếu có thể hiểu sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ cái

nhân của chín phẩm vãng sanh ngũ hầu ai nấy đều tu Thượng Phẩm. Đây là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

Tại nước Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, nói diệu quả của y báo và chánh báo cõi Tịnh Độ để thính chúng sanh lòng tin, khuyên những người nghe hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh. Lại dạy các hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh Độ. Đây đủ ba pháp này thì hoặc là suốt đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc khi lâm chung mới được nghe, chỉ xưng danh mười niệm, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đây là A Di Đà Kinh.

Ba kinh này là những kinh chuyên giảng về Tịnh Độ, nhưng A Di Đà Kinh thâm nhiếp căn cơ phổ biến nhất. Vì thế, các tông Thiên, Giáo, Luật đều cùng vãng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại Thừa nói kèm về Tịnh Độ nhiều không đếm xuể, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm quả thật là khai thị mầu nhiệm nhất về pháp Niệm Phật. Nếu chúng sanh có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há có ai chẳng thể trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng Viên Thông, xa là thành Phật đạo ư? Vì thế đem chương này xếp vào sau ba kinh; nối theo sau Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm để thành một đại duyên khởi cho pháp môn Tịnh Độ khiến cho những người đọc sẽ biết pháp này tỏ bày thông suốt rộng lớn bản hoài của đức Phật, so với các pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì sự khó - dễ khác xa một trời, một vực! Do vậy, chín giới cùng hướng về, mười

phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. Bản khắc Tịnh Độ Tứ Kinh ở Kim Lăng đã bị mờ nét, người tu Tịnh nghiệp khổ vì không có bản rõ ràng nhất để đọc. Vì thế, cho đúc bản kẽm, ghép Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương vào sau ba kinh Tịnh Độ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Nếu luận trên duyên khởi của pháp môn nên để kinh Vô Lượng Thọ đứng đầu, nhưng nay để thuận tiện cho việc đọc tụng nên đặt kinh A Di Đà lên đầu, mong người đọc lượng thứ.

3. Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Bộ kinh Hoa Nghiêm mâu nhiệm sự lý viên dung, Lý là do Sự mà hiển, Sự là do Lý mà thành, Lý lẫn Sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng Tỳ Lô Pháp Thân. Vì thế, đức Như Lai khi mới thành Chánh Giác bèn cùng các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác nói ra các pháp nhân quả của những pháp môn do đức Như Lai tự chứng. Nhân quả chính là Sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là Nhất Chân Pháp Giới, là Chân Như Phật Tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh, bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật Tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng. Đức Phật do đã chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh; chúng sanh do triệt để mê nên luôn chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi hư vọng. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi đóng cả kiếp, dầu có ánh sáng chiếu trời soi đất vẫn chẳng có

cách nào tỏ lộ để thụ dụng được! Vì thế, phải nhờ đến các vị Bồ Tát hỏi đáp với nhau để nói ra những pháp môn Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác. Lại dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc hồng viên mãn Phật Quả. Đây là Như Lai đem nhân quả do Ngài tự chứng dạy cho khắp hết thầy chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng được khuôn phép lớn lao. Những người thuộc Tín vị (tức những người thuộc địa vị Thập Tín) thì dùng phẩm Tịnh Hạnh làm Nhân Địa Tâm (cái tâm trong lúc tu nhân) để trên là hợp với hoằng thệ đại nguyện về Quả Giác. Dù có vượt lên những bậc cao sâu hơn như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, nhưng trong mỗi địa vị vẫn phải dùng một trăm bốn mươi một nguyện này để làm căn cứ tấn tu.

Do vậy, biết rằng phẩm kinh này giữ một vai trò quan trọng rất lớn, nó chẳng những là cơ sở đầu tiên để nhập cảnh giới Phật, mà thật sự còn đáng gọi là cội gốc lớn lao để thành Phật! Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém mỏng, nếu có thể tâm tâm niệm niệm thường tụng kinh văn này, thường phát những nguyện này thì tam nghiệp sẽ mau được thanh tịnh, niệm niệm trên khế hợp tâm Phật, lâm chung lên thẳng Thượng Phẩm, công đức của phẩm này cùng công đức thọ trì phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện soi rọi lẫn nhau, chẳng hề kém sút. Vì thế, pháp sư Tịnh Thường đầu đời Tống hâm mộ phong thái của Lô Sơn Viễn Công (tổ Huệ Viễn), đề xướng pháp môn Tịnh Độ, trích máu chép phẩm này. Lại dùng chữ Tịnh Hạnh để đặt tên cho liên xã. Liên tông được chấn hưng, nguyên do là vì dốc sức sâu xa nơi lời lẽ, hành vi thường ngày đều hợp với giác đạo vô thượng của Như Lai vậy!

Một đệ tử là Dương Huệ Đạo tính muốn in gộp chung phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên để lưu thông, Quang nói: “Muốn cho kẻ sơ cơ lắng lòng niệm Phật, hãy nên dùng Tịnh Độ Ngũ Kinh để dẫn đường, chẳng nên chỉ chọn một mình phẩm Hạnh Nguyên trong Ngũ Kinh, hãy nên làm sao cho họ được đọc trọn khắp năm kinh, lại còn dùng phẩm Tịnh Hạnh để nhắc nhở trong hết thầy thời, hết thầy chỗ thì họ sẽ tự hớn hở nơi đạo vậy!” Than ôi! Đời bây giờ là đời gì vậy? Chính là lúc vút bỏ cương thường luân lý, chuyên đề cao mưu mẹo dối trá, tàn sát lẫn nhau. Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để hướng dẫn thì sợ rằng đời sau làm người đối với những tên gọi “cương thường, luân lý” do thánh nhân đời trước đã lập còn chẳng thể được nghe! Vì thế, phàm là người có đủ chánh tri kiến, chánh tín tâm đều lấy sự tu trì tịnh nghiệp làm chí hướng, sự nghiệp. Do vậy, ở đây tôi riêng thuật duyên khởi ghép phẩm này vào sau kinh văn để người đọc sau này không nghi ngờ vậy!

4. Lời tựa tái bản lưu thông sách Tâm Kinh Thiêm Túc

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Tâm Kinh dạy rõ về Bồ Đề, Niết Bàn được chứng bởi tam thể chư Phật và hết thầy chúng sanh sẵn có Chân Như Phật tánh. Kinh này là đạo trọng yếu để độ sanh của mười phương Như Lai, là khuôn mẫu tốt lành cho cả hằng trăm hành nhân thành Phật. Văn giản dị, nghĩa phong phú, từ ngữ ngắn gọn nhưng lý uyên thâm, khiến cho khắp mọi thượng trung hạ căn hễ khởi công tu tập đều cùng được vào thẳng địa vị của Như Lai, trong các kinh thật là bậc nhất! Tuy chỉ gồm hai trăm sáu

mươi chữ, nhưng nghĩa lý sâu thẳm của sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã đều được bao trùm sạch sành sanh.

Ấy là vì đức Như Lai trí huệ tự tại vô ngại, tùy theo đương cơ nghe pháp mà nói rộng hay nói đại lược cho phù hợp. Nói rộng thì tuy trọn hết biển mực cũng chẳng thể viết trọn hết được, nói đại lược thì kiếm một chữ cũng không ra, khiến cho người nghe ai nấy đều được lợi ích thật sự. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn thường trì kinh này, y theo đó tu tập, sẽ tự được Ngũ Uẩn rỗng không, chứng Thật Tướng của các pháp, lia diên đảo, đạt được Niết Bàn rốt ráo. Vì thế, trong số các danh nhân thời cổ thường có những vị tụng đến mấy trăm vạn biến, bởi kinh này là pháp môn Tổng Trì của các pháp.

Con trai thứ của cư sĩ Hạ Huệ Hoa là Thúc Quỳ bẩm tánh thông minh, mẫn tiệp, nhiệt tâm làm chuyện công ích, luôn ôm ấp chí hướng “*chẳng làm lương tướng ắt làm lương y*”, làm Hội Trưởng Hội Sinh Viên trường thuốc Hiệp Hòa tại Bắc Bình (Bắc Kinh). Năm Dân Quốc 15 (1926), tuổi tròn hai mươi bảy, bị bệnh rất nặng, khi sắp chết, hỏi cha rằng: “Nên giải nói ý nghĩa bất sanh bất diệt của Tâm Kinh như thế nào?” Cư sĩ dạy: “Đây chính là nói về bản thể của cái tâm bọn ta, giống như thái hư không, không tướng, không hình, chẳng phải không, chẳng phải có, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, ở trong sanh tử chẳng như, chúng Niết Bàn chẳng sạch, tướng sanh còn chẳng có, làm sao có tướng diệt cho được? Ngộ được lý ấy, mới xứng danh là Phật Tử. Tuy nhiên, nói thì dễ dàng làm sao! Con hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương đợi đến khi hoa nở thấy Phật chứng Vô

Sanh Nhẫn thì mới phần chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này! Từ đây tán tu mãi cho đến khi ba Hoặc đều hết sạch, hai thứ tử (biến dịch và phần đoạn) đều vĩnh viễn mất, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được nữa thì mới là rốt ráo chứng được tâm thể bất sanh bất diệt ấy! Chớ nên nghĩ ‘nghe tên là đích thân chứng’, chẳng cầu vãng sanh, để đến nỗi trầm luân cả kiếp dài lâu, không cách nào thoát khỏi được!”

Không lâu sau, người con liền mất, lúc sống đối với Phật pháp anh ta hoàn toàn chưa từng bận tâm, lâm chung lại hỏi đến chuyện này, chẳng phải là có túc căn hay sao? Được cư sĩ khai thị, nếu không vãng sanh cũng có thể trở thành duyên nhập đạo cho đời sau, so với những kẻ cho đến hết đời chẳng được nghe đến, khác biệt hệt như một trời một vực!

Nhân đó, cư sĩ muốn lưu thông bản chú giải Tâm Kinh rõ ràng, rộng rãi, cận kề nhất ngõ hầu hàng sơ cơ đều có thể lãnh hội được; cư sĩ Phạm Cổ Nông khuyên nên in cuốn Tâm Kinh Thiêm Túc của pháp sư Hoặng Tán đời Minh, lại còn đích thân giáo chánh câu chữ. Do vậy, bèn cho in ra chùng đó quyền để tặng các tịnh lữ hòng kết pháp duyên để siêu tiến, giữ lại hai bản in để tái bản mãi mãi. Mong những ai thấy nghe, thọ trì, đều dùng Quán Trí rất sâu soi thấy Ngũ Uẩn đều không, đích thân chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này để vượt qua hết thảy khổ ách!

5. Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai. Kẻ chẳng thể làm Phật, thường làm chúng sanh là vì chính họ chẳng có huệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không có thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, diêu tâm sẵn có Phật tánh trở thành căn bản để khởi Hoặc tạo nghiệp đến nỗi luân hồi cả kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn ta bèn lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ, vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều cùng mong báo ơn cha mẹ, nên đặc biệt dạy rõ Địa Tạng Bồ Tát trong những kiếp xưa do cứu mẹ đã rộng phát thệ nguyện Bồ Đề để làm thuyền bè cho chúng sanh trong tương lai được thoát biển khổ.

Toàn bộ kinh văn kinh Địa Tạng Bồ Tát Nguyên dạy cặn kẽ cả sự lẫn lý, văn từ rõ ràng, thoáng đạt, nêu tỏ trọn vẹn những nghĩa lý “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật; tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh*” và “*tâm có thể tạo nghiệp thì tâm có thể chuyển nghiệp, tâm chẳng chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm*” v.v... Hai câu chuyện đức Địa Tạng trong kiếp xưa cứu mẹ càng nêu thật sát sao, rõ ràng ý nghĩa này; thật có thể gọi là “*người dẫn đường nơi lối hiểm, đước huệ nơi đường tối, kho báu cho kẻ nghèo thiếu, gạo thóc cho năm đói kém*” khiến cho hết thảy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thảy những đứa con hiếu thuận có được sự thừa. Lợi ích của kinh không thể nào tuyên nói được! Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này bèn khởi chí chẳng thể nào đếm xuể!

Hòa Thượng Chân Đạt muốn báo ân võng cực, tính mời người viết chữ đẹp cung kính chép kinh này để in theo lối thạch bản thí tặng, gặp đúng lúc cư sĩ Trí Chuẩn Lỗ Chỉ Nam đem bản kinh Kim Cang do

chính ông ta tự viết xin Hòa Thượng giáo chánh. Sư thấy cư sĩ vì muốn báo ân cha mẹ liền đích thân cung kính chép kinh Kim Cang để thường trì tụng, ắt cũng sẽ vui sướng chép kinh này, nên bèn khẩn khoản nhờ chép, liền được cư sĩ nhận lời. Hòa Thượng sai Quang viết lời tựa phơi bày trọn vẹn sự lợi ích của kinh, hòng phát khởi tấm lòng hiếu thảo của những kẻ làm con trong thế gian, mong họ sẽ tùy thời, tùy việc trọn hết đạo hiếu. Nghĩ đến ân sâu cù lao, ắt sẽ thực hiện cho đến khi cha mẹ ta được rốt ráo an ổn nơi bảo sở mới thôi. Do vậy, dùng tâm chí thành, niệm thánh hiệu Phật, kèm thêm kính cẩn giữ vẹn luân thường, trọn hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức này để giúp cho cha mẹ ta, mong cho cha mẹ còn sống sẽ được nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí huệ khơi mở, đã khuất bóng thì thần hồn siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chúng Vô Sanh Nhân, ở vào địa vị Bất Thoái, ngõ hầu hơi trọn được tấm lòng riêng của quạ, chẳng làm đấng sanh thành phải thẹn. Lại còn phải biết: Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, hãy nên dùng tâm Đại Bồ Đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu giúp hòng khế hợp Phật tâm, phù hợp cái nguyện của chính mình, quạt gió Từ dập tắt ác nghiệp, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng được hưng khởi, can qua dứt bật mãi mãi, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình!

6. Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Tập Chứng

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Kinh Phạm Võng là đại pháp để đức Như Lai nung luyện hết thấy dù thánh hay phàm, ngõ hầu họ sẽ rốt ráo đoạn trừ ba Hoặc, đích thân

chúng được ba đức, khôi phục Phật Tánh sẵn có, thành Phật Quả vô thượng. Ấy là vì đối với Chân Như diệu tánh thì chúng sanh và Phật cùng một thể, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng, nhưng từ vô thủy đến nay cứ mê chẳng ngộ, như vàng còn trong quặng chẳng thụ dụng được! Đức Như Lai thương xót hết thấy chúng sanh mê mất minh châu trong chéo áo, uổng công rong ruổi hướng ra ngoài tìm tòi. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm đến nỗi luân hồi lục đạo trọn chẳng có thở ra! Dù có người đoạn được những Hoặc trong tam giới, thoát lìa sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật quá xa! Bởi thế, khi mới thành Chánh Giác, Phật liền lập tức vì hết thấy thánh - phàm giảng đại pháp này, trước hết làm cho họ liễu ngộ tự tâm vốn là Phật tâm, nên mới nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh, các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành”*.

Tin được như thế, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh nhưng tự cam phận phàm ngu, trên là cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới là phụ bạc tánh linh của chính mình! Cho nên mới nói: *“Thường tin tưởng như thế thì giới phàm đã đầy đủ!”* Rồi đối với những lời ăn tiếng nói, hành vi thường ngày, khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dẹp lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ cái ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm những điều thiện, sao cho luôn đứng chừng mực, không phải hổ thẹn chút nào, nơi ba nghiệp vĩnh viễn trọn chẳng có tỳ vết thì hai thứ đại thể đại dụng “tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha” đều đầy đủ. Giữ tám lòng thanh khiết xông tận trời thăm, khác nào hư không minh mông chứa khắp muôn hình tượng trọn chẳng chướng ngại gì! Xử sự chánh đại quang minh

như mặt trời chói lọi chiếu khắp muôn phương, nhưng trọn chẳng hề chọn lựa. Do vậy, Tứ Nhiếp cùng được thực hiện, Tứ Hoảng phổ độ, đáng gọi là “*tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (trước hết dùng dục để lôi kéo, sau làm cho nhập Phật trí), hư không đâu có tận, nguyện tôi vẫn vô cùng.

Làm được như thế, nào còn có cái tâm ta - người, đúng - sai, tự tư tự lợi chi nữa, huống là có chuyện phá trai, phạm giới và tổn người, lợi mình, lật đổ, tàn hại lẫn nhau nữa ư? Do vậy biết: Kinh này đều thuộc về đại pháp xuất thế, nhưng quả thật là mưu lược tốt lành để giữ yên cõi đời. Vì thế, hết thấy quốc vương, đại thần và tứ chúng xuất gia, bốn chúng tại gia cùng các quý thần đều nên thọ trì! Nếu có thể thọ trì sẽ như nước rửa sạch đồ đựng, liền khôi phục sự sạch sẽ sẵn có; như hương xông áo, sẽ mau chóng thêm thơm ngát hơn. Trong lúc Kiếp Trược này, muôn vạn hồi mà bỏ pháp này, làm sao yên được?

Hành giả Diệu Lãng xưa đã có linh căn, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, thường đọc kinh này, ngưỡng mộ khôn xiết, phát nguyện lưu thông để lợi khắp hết thấy. Lại thường đối với những ý nghĩa trì giới trọng yếu đã được khai thị trong các kinh Tiểu Thừa, Đại Thừa và các truyện ký mà chính mình đã đọc đều trích lục, ghi vào đằng sau chánh kinh để làm pháp răn dạy cho mình lẫn người cùng tu trì, ngõ hầu người đọc biết được lợi ích do trì giới: Gần là ba nghiệp thanh tịnh, Tam Học (Giới - Định - Huệ) viên minh, xa là sạch hết ba Hoặc, ba đức trọn bày. Họa hoạn do phạm giới thì gần là ba nghiệp ô trược, vĩnh viễn đọa trong tam đồ; xa là ba chướng

thường hiện diện, chẳng thoát được tam giới! Phật do chính ta làm, địa ngục do chính ta tạo, như đến trước gương báu, tốt - xấu hiện rành rành, ai lại chịu tự chuốc lấy mối lo, bỏ lợi ích để nhận lấy họa hoạn cơ chứ?

Người chị dâu của Diệu Lãng là Phương Tĩnh, vâng theo di mạng của bà mẹ chồng đã quá cố, nguyện bỏ ra tịnh tài để giúp in một vạn cuốn hồng thành tựu chí nguyện này, ngõ hầu kính tặng các Phật tử tại gia và xuất gia. Do công đức này, mong cửa nhà bình yên, may mắn, quyền thuộc yên ổn, mạnh khỏe, đời này được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, con cháu được hưởng trăm điều tốt lành như trong bài huấn dụ của Y Doãn. Lại cầu thời thế hòa bình, mùa màng sung túc, dân giàu, vật mạnh, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, can qua vĩnh viễn chấm dứt, pháp vận thông suốt, thiên hạ thái bình. Do vậy, bèn tụng rằng:

Đức Thế Tôn ta,

Là vua các pháp,

Khiến khắp chín giới,

Cùng chứng chân thường,

Các pháp nói ra,

Đều tùy cơ nghi,

Chỉ giới pháp này,

Phàm - thánh cùng nương,

Đẳng Giác Bồ Tát,

*Quần manh sáu đường,
 Không có một ai,
 Chẳng nên hành trì!
 Do tâm chúng sanh,
 Chẳng khác tâm Phật,
 Do bởi Hoặ̣c nghiệp,
 Trở thành khác xa,
 Về tướng tuy khác,
 Nhưng tánh vốn đồng,
 Nên nói kinh này,
 Hòng chứng Đại Hùng,
 Đã biết chúng sanh,
 Đều có Phật Tánh,
 Phật là đã thành,
 Ta thật sẽ chứng,
 Ví như cùng tử,
 Được kho báu xưa,
 Được, vốn chẳng được,
 Hoan hỷ vô lượng,
 Đã ngộ Phật Tánh,
 Phải hành Phật Hạnh,*

*Nghiêm tịnh Tỳ Ni,
 Cẩn thận bóng áo,
 Phát tâm từ bi,
 Và tâm hiếu thuận,
 Tự lợi, lợi tha,
 Cùng thoát vòng khổ,
 Người được như thế,
 Là chân Phật tử,
 Những gì Phật đấng,
 Ta sẽ giống thế,
 Phải biết kinh này:
 Khuôn lành đức Phật,
 Tận lực tu theo,
 Liên chúng Vô Du,
 Nguyên người thấy nghe,
 Cùng chăm thọ trì,
 Tiêu trừ Hoặc nghiệp,
 Viên mãn Bồ Đề.*

7. Lời tựa cho sách Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Chánh Giác, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ. Nên dùng thân nào để độ được liền hiện thân ấy để thuyết pháp, nguyện cho hết thấy chúng sanh trong hết thấy thế giới đều được lìa khỏi nỗi khổ huyễn vọng trong hiện tại, hưởng pháp lạc chân thường, nhưng Ngài lại thương xót thế giới Sa Bà nhất. Do vậy, trong hội Pháp Hoa, Thích Ca Thế Tôn muốn cho chúng sanh cõi Sa Bà luôn được che chở, bèn đặc biệt nhân lời hỏi của Vô Tận Ý Bồ Tát mà trình bày rõ ràng thệ nguyện từ bi, công đức, oai thần của đức Quán Âm để hết thấy chúng sanh trong chín giới đều được nương tựa.

Cho đến khi Phật pháp được truyền sang xứ này, đến đời Tấn, pháp sư La Thập riêng dịch kinh Pháp Hoa, mọi người mới biết đức Quán Âm dù Bồ địa hay Tích môn đều khó nghĩ lường! Trong hội Lăng Nghiêm, đức Quán Âm tự thuật pháp Viên Thông; trong hội Hoa Nghiêm, đức Quán Âm chỉ dạy Thiện Tài, đều phù hợp khít khao với ý chỉ Pháp Hoa. Do vậy, biết: Đại Sĩ vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính mình, cho nên hễ cảm liền ứng, trọn chẳng sai chạy! Vào cuối đời Tấn, Thư Cừ Mông Tôn nhà Bắc Lương bị bệnh, ngài Đàm Vô Sám dạy tụng phẩm Phổ Môn, Mông Tôn liền được lành bệnh. Do vậy, phẩm này được lưu truyền riêng. Đời Tùy - Trần, đại sư Trí Giả chú giải kinh Pháp Hoa, đặc biệt giải thích cặn kẽ phẩm này. Đủ thấy tâm của Phật, Bồ Tát, tổ sư chỉ mong cho hết thấy chúng sanh lìa hết thấy khổ, được hưởng hết thấy vui.

Pháp sư Đê Nhân tận lực hoằng dương tông Thiên Thai, kiêm tu Tịnh Độ. Mùa Hạ này, Sư hoằng giới (diễn giảng về giới luật) tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin), trở về đi ngang qua Đại Liên, các cư sĩ Phan Đồi Phù, Thi Tinh Chi v.v... thỉnh Sư giảng diễn kinh này. Lại sợ tiếng địa phương Nam - Bắc không thông, nhân đây bèn đem những nghĩa đã giảng trước đó, in ra năm trăm bản, tặng cho mọi thính giả để họ đều được tận mắt thấy lời dạy; nhưng do thời gian vội vã, chẳng tránh khỏi sai sót. Cư sĩ Phan Đồi Phù muốn bài giảng ấy được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời; do vậy, bèn gửi cho tôi một bản và cậy viết lời tựa.

Trộm nghĩ kinh tạng Pháp Hoa sâu thẳm u viễn, không ai có thể thấu đạt được, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu triệt rốt ráo, Quang là một ông Tăng tâm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ đến mức tột bậc cho được? Đành lược thuật Bản - Tích của đức Quán Âm và lai lịch lưu thông, chú thích kinh này cho xong trách nhiệm. Nguyên khắp các đồng nhân thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Nếu đạt đến mức “niệm cực tình vong”, tâm lẫn cảnh cùng vắng lặng thì hằng sa công đức, vô lượng diệu nghĩa sẽ tự hiển hiện trọn vẹn trong một niệm. Do vậy, chẳng cần phải trình bày rườm rà chi nữa!

8. Lời tựa cho ấn bản Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh được viết theo lối chữ Khải để tặng đại chúng đọc tụng

Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh chúng sanh và Phật cùng sẵn đủ, trọn chẳng hề tăng - giảm. Phật do rốt ráo chứng nên an trụ Tịch Quang, thụ hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Chúng sanh do triệt để mê nên khởi Hoặc tạo nghiệp, chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi huyễn vọng. Tuy là tịnh - nhiễm bất đồng, khổ - vui sai khác, nhưng tánh

Chân Như màu nhiệm sẵn có vẫn tự chẳng tăng, chẳng giảm! Chúng sanh chỉ có Tánh Đức, trọn chẳng có Tu Đức, nên chẳng thể thụ dụng được, ngược ngạo nương theo sức công đức của diệu tánh ấy để tạo ra cái nhân sanh tử, chịu quả luân hồi. Do nhân duyên ấy cảm Phật đầy lòng từ bi, thị hiện sanh trong thế gian, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, biết lấy hạt châu trong chéo áo, ngõ hầu chẳng đến nỗi cô quạnh, lênh đênh, không nơi nương tựa.

Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm Kinh chính là nhân bí mật để viên mãn Bồ Đề của tam thế chư Phật, là diệu hạnh để tiến về giác đạo của hết thầy Bồ Tát, cho nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm (Śūrangama). Tiếng Phạn Thủ Lăng Nghiêm, tiếng Hán là Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố (hết thầy sự rốt ráo cứng chắc). Nhất Thiết Sự là gì? Chính là hai pháp tâm và cảnh; nói rộng ra là Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại. Nhất Thiết Sự (hết thầy mọi sự) này đều là toàn thể đại dụng của Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, vốn tự cứng chắc, trọn chẳng có các tướng sanh, diệt, sạch, nhơ, tăng, giảm, nhưng chúng sanh mê chân đuổi theo vọng, trái giác hợp trần, dù tâm hay cảnh đều thành huyễn vọng, đều là sanh diệt, đều chẳng cứng chắc!

Vì thế, do ngài A Nan thưa hỏi phương tiện ban đầu để mười phương Như Lai thành tựu Bồ Đề, Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na màu nhiệm, Như Lai liền gạn hỏi cái tâm, chỉ rõ cái Thấy, lần lượt giảng về Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại để hiển thị “mỗi mỗi đều là Như Lai Tạng, thuận theo tâm chúng sanh, thuận theo nghiệp mà tỏ lộ” khiến cho họ khai ngộ. Kế đó, hai mươi lăm vị thánh nhân, mỗi vị chứng một pháp Viên

Thông riêng biệt trong hai mươi lăm pháp, mỗi vị tường thuật pháp Viên Thông do chính mình đã chứng nhằm chứng thực lời giảng ấy. Kinh này nhằm thích ứng với năng lực đa văn của A Nan và căn cơ “tánh nghe nhạy bén nhất” của cõi Sa Bà. Do vậy, đức Văn Thù chọn lựa pháp Viên Thông bèn chỉ chọn pháp Viên Thông của Quán Âm.

Pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật thích hợp trọn khắp căn cơ của hết thảy chúng sanh trong mười phương ba đời; do vậy, được kể sau pháp Viên Thông của ngài Di Lặc, trước pháp Viên Thông của đức Quán Âm, nhằm ngầm nêu ý nghĩa thích hợp khắp mọi căn cơ! Nếu không, sẽ kể pháp này sau pháp của ngài Hư Không Tạng, trước pháp của ngài Di Lặc. Luận sát sao về những pháp môn thông thường thì phải đoạn sạch Phiền Hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử, chỉ có bậc thượng thượng lợi căn nhất mới có thể giải quyết xong ngay trong đời này! Nếu chẳng phải là loại căn tánh ấy thì hoặc hai, ba, bốn, năm đời, hoặc hai, ba, bốn, năm kiếp, hoặc thậm chí từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo, kể như vậy nhiều lắm! Bởi cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn sạch Hoặc nghiệp phiền não tham - sân - si cho nên khó khăn. Huống chi đang nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ con người hèn kém, thọ mạng ngắn chùn, tri thức hiếm hoi, tà ma, ngoại đạo tung hoành, hễ chánh kiến hơi thiếu liền bị đọa vào lưới ma ư? Chỉ có pháp môn Tịnh Độ đặc biệt “cậy vào thế nguyện từ bi của đức Di Đà và sức tín nguyện ức niệm của chính mình”, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây

Phương là thỏa đáng! Nếu là hạng Thượng Thượng Căn sẽ mau chứng Vô Sanh, dầu là kẻ Hạ Hạ Căn vẫn được dự vào dòng thánh! Lợi ích ấy làm sao diễn tả được? Nghĩa này là nghĩa quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm; đừng vì Quang là kẻ kém cỏi mà cho là sai lầm, bịa đặt!

Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối để niệm, thì hai tầng công phu “xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh” của đức Thế Chí và “xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh” của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm để niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, đây gọi là “*dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tốt nguồn nhân*”. Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ. Đây là đường vào cửa Niết Bàn của vi trần đức Phật, hướng gì chúng ta là người đời Mạt Pháp há dám chẳng noi theo? Cuối cùng, kinh chỉ bày nghiêm ngặt bốn thứ giới luật để bồi đắp nền tảng ấy, nói cạn kẽ công đức của thần chú Lăng Nghiêm ngũ hầu hành nhân được nương tựa, bảo vệ.

Kinh giảng cạn kẽ nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi đều là theo nghiệp hiện ra. Chỉ rõ cảnh Ngũ Âm Ma hòng người nghe biết kẻ công hạnh sâu vẫn còn có chuyện bị ma dựa tạo tội đọa địa ngục, hướng hồ kẻ sơ tâm ư? Xem kinh thoát đầu là bảy chỗ gạn tâm, mười phen tỏ rõ cái Thấy, lần lượt giảng đến Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại, tầng tầng khai thị khiến cho vị căn tánh nhạy bén nhất là A Nan viên ngộ Tạng tánh (tức là cái được nhà Thiên gọi là đích thân thấy được “bản

lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra”), vậy thì đại triệt đại ngộ quả thật chẳng dễ dàng gì! Phần sau kinh nói về hành giả đã có sức Thiên Định sâu rồi, đã phá được hai Âm là Sắc và Thọ, vẫn bị ma mê hoặc, đánh mất chánh kiến, tạo các ác nghiệp, sống vương phép vua, chết đọa địa ngục. Do vậy biết: Muốn liễu sanh tử chỉ cậy vào Tự Lực thì nguy hiểm, khó khăn chẳng thể nào sánh ví được! Nguyên những người cùng hàng hãy nương theo pháp “nhớ Phật, niệm Phật” của đức Thế Chí và lời dạy mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc của đức Phổ Hiền để cùng với các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng Thế Giới Hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương, đấy mới thật là kế sách vẹn toàn vậy!

Cư sĩ Trí Mậu Hứa Văn Thanh chép kinh Lăng Nghiêm theo lối chữ Khải để tặng những liên hữu trong Giác Xã đọc tụng; hai vị cư sĩ Cù Trí Hồng, Diệp Thánh Phương mua giấy. Chép xong, xin Quang viết lời tựa. Do Quang thấy Giác Xã là đạo tràng niệm Phật, theo đúng lý thì phải nêu tỏ ý nghĩa thắng diệu của pháp môn Tịnh Độ, ngõ hầu những kẻ ham cao chuộng xa chẳng đến nỗi chuyên trọng tự lực, vứt bỏ Phật lực, rốt cuộc trở thành kết quả “cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng!” Vì vậy, lời lẽ tựa hồ bàn luận tràn lan, viển vông, hủ bại. Dầu có ai vì điều này mà quở trách, cũng chỉ thừa A Di Đà Phật, A Di Đà Phật mà thôi!

9. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thập Yếu

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Hết thấy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong suốt cả một đời tuy là Đại, Tiểu, Đốn, Tạm bất đồng, Quyền, Thật, Thiên, Viên sai

khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm khiến cho hết thảy chúng sanh đều theo đường về nhà, khôi phục tâm tánh mà thôi! Nhưng những pháp ấy đều cần tự lực tu trì để đoạn Hoặc chúng Chân, liễu sanh thoát tử, hoàn toàn không được một sức nào khác nhiếp trì hồng chắc chắn được siêu phàm nhập thánh, thành tựu sở nguyện ngay trong đời này! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào sức thế nguyện, nhiếp thọ của Phật và lòng thành tín nguyện niệm Phật của chính mình, bất luận đã chứng ngộ hay không; thậm chí kẻ chưa đoạn mảy may Phiền Hoặc nào vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực liền được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã được vãng sanh, nếu là người đã chứng ngộ liền lên thẳng Thượng Phẩm, kẻ chưa đoạn Hoặc vẫn dự vào dòng thánh.

Do vậy biết pháp môn Tịnh Độ rộng lớn không có gì ra ngoài được, như trời che khắp, dường đất chở đều, thống nhiếp các căn cơ trọn chẳng sót vật nào! Thật có thể nói là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâm trọn lợi căn và độn căn. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được; dưới là phàm phu nghịch ác vẫn có thể dự vào trong đó. Thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, mở ra con đường chánh để chúng sanh trở về nguồn. Vì thế, pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Huông chi đang nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, bỏ pháp này tu pháp khác thì chẳng những hàng phàm phu bộn bề

phiền não chẳng có cách nào thoát ly sanh tử, mà ngay cả bậc thánh nhân Thập Địa cũng khó viên mãn Bồ Đề! Vì vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh đều phát tâm Kim Cang hoằng truyền, tán dương, ngõ hầu lục đạo, tam thừa đều được vượt ngang ra khỏi tam giới, khôi phục lại tâm tánh vốn có. Trước thuật tại Thiên Trúc và Chân Đán (Trung Hoa) đề tuyên giảng pháp môn này nhiều khó thể kể xiết! Đại sư Ngẫu Ích chọn lấy chín tác phẩm khế hợp thời cơ nhất và bộ Di Đà Yếu Giải do chính mình trước tác, gộp thành một bộ sách đặt tên là Tịnh Độ Thập Yếu, muốn cho người học nhờ xem những tác phẩm này sẽ hiểu trọn vẹn chỗ trọng yếu trong sự độ sanh của đức Như Lai và nguyên do pháp này thống nhiếp khắp hết thảy các pháp.

Đại Sư mất rồi, môn nhân là Thành Thời muốn tác phẩm này được lưu truyền trọn khắp pháp giới, nhưng sợ văn từ dài dòng, số lượng quyển quá lớn, chi phí lớn lao, khó thể lưu truyền rộng khắp được, bèn tóm lược câu chữ, đối với mỗi tác phẩm chỉ trình bày đại lược những ý chánh quan trọng, thêm vào những điều bình luận, quả thật hết sức lao tâm khổ tứ! Tiếc rằng Sư ỷ mình trí có thể chiếu soi trọn vẹn, đọc đến đâu, trích lược đến đấy, chẳng bỏ công tra duyệt lại, cứ cho khắc in ngay, đến nỗi lời văn nhiều chỗ mù mờ, lại thêm giọng điệu sai lầm, lời lẽ chẳng đạt ý vậy!

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cư sĩ Từ Úy Như đến thăm Quang; do ông ta lo liệu việc khắc in Tạng kinh, tôi bèn cậy ông ta sưu tập, khắc in bản gốc của bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Sau đây, ông ta bèn khắc in hai tác phẩm là Di Đà Yếu Giải và Tây Phương

Hiệp Luận. Nay đã có được nguyên bản đầy đủ, cư sĩ Lý Viên Tịnh tính tái bản theo đúng như hình thức sách Tịnh Độ Thập Yếu đã được in trước kia: Phàm mỗi một lời bình luận do sư Thành Thời đã viết đều chiếu theo đó sao lục, chỉ bổ sung những chỗ sư Thành Thời khiếm khuyết, hòng chẳng diệt mất sự cực trí của sư Thành Thời, soạn thành bốn quyển. Do những chỗ trích lược khác nhau bao nhiêu đó chỗ, cho nên phải sắp xếp lại thứ tự từng quyển. Trước kia, Tây Trai Thi, Niệm Phật Trực Chỉ thứ tự trước - sau bị đảo lộn, nay sắp xếp lại cho thích đáng; cuối mỗi quyển đều kèm theo những bài văn quan trọng và những đoạn trích từ Triệt Ngộ Ngũ Lục. Lại còn đem Vãng Sanh Luận Chú và Liên Hoa Thế Giới Thi gộp thành một quyển để làm phụ bản, tổng cộng là năm quyển, thấy đều phù hợp với lời văn, ý nghĩa và tông chỉ của sách Thập Yếu, hoàn toàn chẳng khác biệt. Giống như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế soi bóng lẫn nhau, khiến cho những người đọc biết sâu xa pháp môn Tịnh Độ chính là chỗ quy túc của hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng lưu lộ từ pháp giới này, chẳng trở về pháp giới này!

10. Lời tựa sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận Sớ

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Triệu pháp sư nói: *“Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình”*. Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tột theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, hằng cổ, hằng kim, luôn luôn hiển lộ! Đây chính là như

câu nói: “*Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức*” (Luôn luôn chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích Ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi Hoạch tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có thuở ra! Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có đủ trí chiếu Bát Nhã liền lập tức rỗng không các uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị làm được như vậy, nhưng đấy chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đời Mạt mà hồng mong mỏi được! Bởi vậy, đức Phật mở ra một pháp môn đặc biệt ngõ hầu thượng - trung - hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, tức là do báu Tam Muội chúng được báu Thật Tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy.

Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức thấy đều tuân hành pháp này do pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác nào một trời, một vực! Pháp sư Phi Tích đời Đường trụ tích tại chùa

Thảo Đường núi Tử Các trong rừng Chung Nam, hoằng dương giáo hóa rộng lớn pháp môn Tịnh Độ, đặc biệt soạn ra bộ Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận để hết thảy tứ chúng niệm trọn vẹn tam thế Phật, nhưng chuyên chú nơi Tây Phương A Di Đà Phật. Do nếu chẳng niệm chư Phật vị lai sẽ chẳng thể phát đại Bồ Đề tâm, chiết phục tràng ngạo mạn, trong hết thảy cảnh vẫn còn có tình kiến phàm - thánh, làm sao lia trọn vẹn bốn tướng, triệt chứng Nhất Chân cho được? Nếu thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật thì tâm sẽ tự chẳng còn có tình kiến phàm - thánh để được nữa, nên mới rôt ráo đoạn trừ phiền não, rôt ráo viên chứng tự tâm. Nếu chẳng niệm trọn vẹn chư Phật trong quá khứ và hiện tại thì có lẽ cái tâm niệm A Di Đà Phật sẽ bị câu nệ, hạn cuộc, chẳng thể viên mãn, trọn khắp. Vì thế, dạy người niệm Phật *“dẫu niệm một đức Phật nhưng niệm trọn tam thế chư Phật; tuy niệm trọn hết tam thế chư Phật nhưng ắt phải chuyên dốc sức nơi A Di Đà Phật, ngõ hầu cái tâm niệm Phật theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời!”* Đây chính là cái tâm niệm Phật này và tâm của mười phương ba đời chư Phật không lúc nào chẳng khế hợp nhau!

Bộ luận này ý nghĩa sâu rộng, nếu chẳng chú thích chắc có lẽ người đọc sẽ gặp tận mặt mà bỏ lỡ, cũng như chưa chắc đã khỏi hiểu lầm lý sự. May mà lão pháp sư Đệ Nhàn thuộc tông Thiên Thai chẳng tiếc tinh lực, riêng soạn số giải đề dù văn hay nghĩa đều được sáng tỏ. Lợi ích ấy há diễn tả được ư? Cư sĩ Chí Tịnh tu Tịnh nghiệp đã lâu, tâm lợi người tha thiết, phát tâm in năm ngàn bộ để tặng cho các vị Tăng - tục tu Tịnh Độ, xin tôi trình bày đại ý của bộ luận, ngõ hầu người đọc ngay từ đầu đã thấy được chỗ chỉ quy của bộ luận. Do vậy, chẳng nài thô lậu,

trình bày đại lược những điều ẩn chứa, để người đọc biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn vừa cạn vừa sâu, vừa là Quyên vừa là Thật. Hết thầy pháp môn, hà sa diệu nghĩa, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu lộ, không pháp nào chẳng trở về pháp giới này, do pháp này chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu thấy lời này chẳng thích đáng, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát là vị đã khuyên phát mười đại nguyện vương, hướng dẫn về Cực Lạc!

11. Lời tựa cho bộ Di Đà Thánh Điển

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp Niệm Phật chính là tổng trì lời Phật dạy, nhưng có người chuyên niệm Tự Phật, có người chuyên niệm Tha Phật, hoặc niệm Tự Phật lẫn Tha Phật bất đồng! Kẻ chuyên niệm Tự Phật là như tham cứu sâu xa đến cùng tận Thật Tướng trong các kinh để mong ngộ chứng, dùng trí chiếu Bát Nhã để thấu hiểu trọn vẹn đương thể của hết thầy các pháp Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại v.v... toàn là không, đích thân thấy được tánh Chân Như màu nhiệm vốn sẵn có, hoặc như Thiên Tông khán những câu thoại đầu như “*người niệm Phật là ai?*” v.v... để mong đích thân thấy được “*bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra*”. Trong bốn loại Niệm Phật, cách này được gọi là Thật Tướng Niệm Phật.

Chuyên niệm Tha Phật thì có ba cách niệm:

1) Một là quán tướng, nghĩa là dựa theo Thập Lục Quán Kinh để quán, hoặc chuyên quán tướng bạch hào, hoặc chỉ quán thân Phật một

trọng sáu, hay thân tám thước, hoặc quán Pháp Thân rộng lớn và quán trọn vẹn mười sáu phép Quán.

2) Hai là quán tượng, tức là đối trước hình tượng Phật, tưởng tượng hảo, quang minh của Phật v.v...

3) Ba là trì danh, tức là nhất tâm xưng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật.

Ba cách niệm Phật này tuy cách thức khác nhau, nhưng đều cần phải có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới cảm ứng đạo giao cùng đức Phật được, mới có thể chắc chắn trong đời này lìa khỏi cõi Sa Bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia.

Trong bốn thứ niệm Phật này, chỉ có Thật Tướng Niệm Phật là để lý sâu xa nhất, nhưng chẳng dễ gì tu được! Do cậy vào Giới - Định - Huệ và sức tham cứu, quán chiếu, soi xét của chính mình, chứ không có Tha Lực nào khác phụ trợ, nếu chẳng phải là hạng túc căn chín muồi thì ngộ còn chưa dễ gì đạt được, huống là thật chứng! Chỉ có Trì Danh Niệm Phật, thực hiện dễ dàng nhất, thành công nhanh nhất! Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục ắt sẽ đích thân chứng được Niệm Phật tam-muội ngay trong đời này, lâm chung chắc chắn vãng sanh Thượng Phẩm. Dầu căn cơ hèn kém, chưa chứng được tam-muội, chỉ dùng lòng tin chân thành trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, luôn luôn chẳng gián đoạn, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao, nương theo Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời Mạt chỉ có pháp này để nhờ cậy. Nếu không, chỉ gieo được cái nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự!

Nếu có thể chí tâm trì niệm, niệm đến khi “*toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không niệm mà niệm, niệm mà không niệm, tâm lẫn Phật cùng tỏ rạng, lại cùng mất hẳn*” thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiện rõ rành rành, y báo, chánh báo cõi Tây Phương triệt để hiện trọn vẹn. Tuy trì danh nhưng đạt Thật Tướng sâu xa, chẳng quán tưởng mà đích thân thấy được Tây Phương! Pháp trì danh nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, được lợi ích sâu xa nhất, lợi lạc nhất cho kẻ độn căn trong đời Mạt Pháp, thỏa thích lớn lao bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế, từ xưa hàng tri thức phần nhiều đều chuyên chú nơi một môn Trì Danh. Đây là nói đại lược về cách niệm Tha Phật vậy.

Còn như niệm Tự Phật lẫn Tha Phật thường được gọi là Thiên Tịnh Song Tu, có người chuyên khán câu “*người niệm Phật là ai?*” để mong minh tâm kiến tánh, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Tuy tụng hồ Thiên Tịnh Song Tu, nhưng thật ra là “*có Thiên, chẳng có Tịnh*”. Đã không có tín nguyện, sẽ không có cách nào cậy vào Phật lực để đời nghiệp vãng sanh được! Nếu chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử! Do vậy biết: Thiên Tịnh Song Tu chỉ hạng người có đầy đủ tín nguyện sâu xa mới có thể được lợi ích. Nếu không, đương nhiên chẳng bằng chuyên dốc sức nơi một môn trì danh hiệu Phật! Pháp môn Tịnh Độ thật là pháp môn đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai. Vì thế, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ bảo hướng về.

Ông X... ở Đông Doanh (Nhật Bản), trích lục những nghĩa lý xiển dương pháp Niệm Phật từ các kinh luận, soạn thành bộ Di Đà Thuyết Lâm, nội dung phân thành mười môn, diễn giảng thông suốt Nhất Hạnh, đáng là một bộ sách trợ giúp cho việc tu Tịnh nghiệp. Cư sĩ Phạm Cổ Nông đích thân giáo chánh, tra cứu, đổi tên thành A Di Đà Phật Thánh Điển nhằm tỏ rõ ý nghĩa tôn sùng; nhưng những phần trích lục hoàn toàn chẳng nêu rõ nguồn gốc, đờì khi nào có thời gian rảnh rỗi, cư sĩ sẽ dựa theo kinh mà phân định tường tận để hết thảy mọi người biết một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là đạo để hết thảy thượng thánh hạ phàm cùng tu, ngõ hầu chẳng đến nỗi phạm những lỗi như sanh lòng tự phụ “ta là bậc thượng căn”, chẳng chịu tu trì, hoặc tự hạ thấp “ta là hạ căn chẳng thể tu trì được”! Thợ sắp chữ gần xong, cây Quang viết lời tựa, bèn ước theo những điều mình biết để giải bày. Nên biết rằng: Một pháp Niệm Phật chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu chẳng tin tưởng được, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát!

12. Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Thuốc không quý - hèn, thuốc nào trị được bệnh thì thuốc ấy là thuốc hay. Pháp chẳng cạn - sâu, pháp nào hợp căn cơ sẽ là pháp mâu nhiệm. Đang thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, nếu chẳng nương vào hoàng thệ nguyện lực của đức Như Lai, ai có thể đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng vô sanh? Ví như bệnh đã lậm vào tạng phủ, tuy bệnh tình hòa hoãn vẫn không thể

làm gì được, nhưng nếu chịu uống thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh này, thì chuyện “đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh” vừa nói trên đây ai nấy đều đích thân chứng được, hoàn toàn chẳng khó khăn gì! Vì sao vậy? Do người ấy dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thân cận Phật Di Đà dài lâu, theo gót hải chúng, còn có thể viên mãn Bồ Đề, triệt chứng Niết Bàn rốt ráo, huống là những chuyện “đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh” vừa mới nói đó ư? Do vậy, biết rằng: Trong thời tiết này, chỉ có một pháp này thích hợp căn cơ nhất. Nếu bỏ pháp môn cây vào Phật lực này để tu những pháp môn tự lực khác, đừng nói hạng trung - hạ căn không cách chi mong mỏi, dầu là thượng căn chắc chắn cũng khó lòng thành tựu ngay trong một đời được; phần nhiều chỉ gieo nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự! Vì thế, hàng tri thức xưa nay cực lực hoằng dương pháp này để mong trên báo ơn Phật, dưới độ những người cùng hàng.

Các ông Phan Huệ Thuận và Thiệu Huệ Viên ở Lưu Dương (thuộc tỉnh Hồ Nam) dốc lòng tin tưởng Phật pháp, xem xét thời tiết, căn cơ; do vậy, bèn tập hợp những ý nghĩa trọng yếu đề xướng Tịnh Độ xưa nay, tạo thành một cuốn sách, chia làm ba thiên. Thiên đầu là tập hợp sao lục, biên tập những lời dạy từ tướng lưỡi rộng dài của đức Phật, hơi tóm gọn một chút, để làm bậc thang nhập môn đầu tiên cho hàng sơ cơ. Thiên giữa gồm những phần trích lục những lời khai thị thiết yếu nhất, viên đốn nhất trích từ sách Long Thư Tịnh Độ Văn, Giác Minh Diệu

Hạnh Bồ Tát, và ngữ lục của các đại sư Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Ưu Đàm, Thiên Như, Liên Trì, Hám Sơn, Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tĩnh Am, Triệt Ngộ, và gần đây nhất là cư sĩ Bành Nhị Lâm, ngô hầu người đọc từ cạn tiến đến sâu, lãnh ngộ đại lược chỉ thú của pháp môn Tịnh Độ. Thiên cuối cùng tập hợp những ghi chép về nghi thức Niệm Phật, những kinh chú Tịnh Độ trong khóa tụng hằng ngày và các bài văn hồi hướng để dùng làm nghi thức cho khóa tụng sáng tối. Cuối cùng là phần Phụ Lục về nhân duyên ứng hóa của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát và Đa Đa Ha Bồ Tát để nêu bật pháp môn Tịnh Độ khế hợp thời cơ sâu xa. Họ tính ẩn hành lưu thông để biểu những ai có cùng chí hướng trong khắp cõi xem đọc; do vậy, bèn đặt tựa đề là Tịnh Độ Tập Yếu, và lược thuật nguyên do của pháp môn Tịnh Độ ngô hầu người đọc lẫn người nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng tu Tịnh nghiệp, để có thể cùng sanh về Tịnh Độ, cùng chứng Vô Sanh, để rồi cùng thành Chánh Giác!

13. Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Lịch Sử tường thuật những chuyện thanh bình hay loạn lạc, hiền hay ngu xưa nay. Cảm Ứng là những chứng nghiệm về sự được - mất, tốt - xấu xưa nay. Lịch sử nhiều quá, ai có thể đọc trọn khắp từng chuyện cho được! Vì thế, đặc biệt chọn lấy những sự tích cảm ứng rõ ràng nhất ghi lại hết để cống hiến cho những người cùng hàng, hòng làm tấm gương “cách vật, trí tri, thành tâm, chánh ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” ngô hầu tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, thiên hạ sẽ thái bình, nhân dân sẽ yên vui. Phải biết: Nói đến cảm ứng chính

là nói đến nhân quả vậy. Tu nhân như thế nào sẽ được quả như thế ấy như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Nếu muốn tránh khỏi quả ác, ắt phải tu nhân lành; nếu tạo ác nhân, quyết khó thể được thiện quả! Tôi thường nói: *“Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh”*.

Nếu không có nhân quả, thiện sẽ không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, há còn bàn đến chuyện “làm sáng tỏ Minh Đức để đạt đến chí thiện, đoạn Phiền Hoặc, chứng Bồ Đề” nữa ư? Do những ai biết có nhân quả ắt sẽ hướng lành, lánh dữ, sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, ngõ hầu được dự vào bậc thánh, mong lên được cõi Cực Lạc. Bậc thượng bèn yên vui mà làm, bậc trung bèn vì lợi mà làm, bậc hạ bèn miễn cưỡng làm, đều cùng trừ khử được vật dục để tỏ lộ lương tri, thoát đường mê, lên bờ giác. Do vậy, biết thánh hiền, Phật, Bồ Tát tham dự, giúp đỡ cho đạo sanh thành, dưỡng dục, xét từ cội nguồn đến kết thúc chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”; đây là căn cứ lớn lao khiến cho thiên hạ xưa nay thanh bình hay loạn lạc, vũng vàng hay nguy ngập và để được yên thân, giác ngộ cõi đời, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu muốn văn hồi thế đạo, lòng người, mà bỏ đi việc đề xướng nhân quả báo ứng, dẫn cho người ấy học thức, đạo đức, thần thông, trí huệ ngang bằng thánh hiền, Phật, Bồ Tát vẫn chẳng làm gì được, huống là những kẻ kém cõi hơn ư?

Người đời thường tưởng nhân quả diệt mất không dấu vết, thường hay coi thường, chẳng chịu suy xét sâu xa. Đối với những thứ nhân quả rõ ràng dễ thấy, có thể có những thứ nhân quả khác xen lẫn vào khiến

cho khó thấy được sự báo ứng; phàm phu mắt thịt chẳng biết nguyên do, bèn bảo “thiện ác đều rỗng không, chẳng có nhân quả”. Do vậy, cậy vào thiên kiến của chính mình, cho là đích xác không lầm lẫn, coi lời của thánh hiền, Phật, Bồ Tát đều là hoang đường, vô căn cứ, chẳng đáng noi theo! Từ đây, phô phang tà kiến của chính mình, làm lạc khoe khoang là bậc thông gia, lập ra những nghị luận tự lầm, lầm người. Do một đồn thành nhiều, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại đến nỗi ào ạt biến thành những thảm kịch “phê kinh điển, phé luân thường, bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng hổ thẹn, tranh thành, đoạt đất, tàn sát lẫn nhau” mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa giáng xuống hằng ngày, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến cội nguồn, nói chung là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra!

Năm Dân Quốc 13 (1924), vùng Giang - Chiết đánh nhau, cư sĩ Ngụy Mai Tôn tản cư sang Thượng Hải, nghĩ cách muốn dứt sát kiếp để chấm dứt họa loạn cho tương lai. Tôi khuyên ông ta nên đọc khắp hai mươi bốn bộ sử, chọn lấy những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng nhất, chép thành một bộ sách để làm gương răn mình cho các giới trong thiên hạ đời sau. Ông Mai Tôn rất hoan hỷ, từng nhiều lần thương lượng biện pháp, nhưng vì tuổi già, tinh thần chẳng đủ, lại không có sức thỉnh người khác chịu nhọc nhằn thay cho chính mình nên đành buồn bã bỏ dở giữa chừng. May sao, tháng Chín năm Dân Quốc thứ 16 (1927), cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh được cư sĩ Hứa Chí Tịnh biên tập, vâng lệnh của thái phu nhân cung cấp chi dụng. Đến tháng Tám năm nay hoàn thành bản thảo, gặp đúng dịp ông Nhiếp Vân Đài dưỡng bệnh tại Lô Sơn, tôi bèn vượt quyền tiếm phận, lo toan

những chuyện trình bày, ấn hành v.v... Do thỏa lòng mong mỏi của tôi, ông Nhiếp Vân Đài bèn vui vẻ giao định và gom góp tiền bạc để khắc in rộng rãi. Lần đầu in hai vạn bộ; nay lại dùng loại giấy in báo, in một bản với kiểu chữ Tứ Hiệu Tự để mong cho giới thanh niên học sinh đều mua đọc được. Hai loại sách này mỗi thứ đều cho đánh máy thành ba bản, tận hết sức chắc cũng in được mấy chục vạn bộ, khiến cho người đời đều biết nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai! Do vậy sẽ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui sẽ trở thành sự thật, chứ không phải chỉ là niềm hy vọng suông!

14. Lời tựa sách Cấm Ứng Thiên Trục Giảng

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Con người tánh vốn lành, do đối cảnh chạm duyên nhưng chẳng ra sức kiểm điểm, xem xét, cho nên khởi lên các chấp trước tốt - xấu, đủ mọi thứ tình kiến khiến bản tánh bị mai một, đều luôn là như thế. Do vậy, những vị thánh nhân thời cổ vị nào cũng để lại ngôn giáo, mong cho con người hành theo để trở lại thuần thiện như thuở ban đầu. Những lời dạy ấy tuy nhiều, nhưng chẳng ngoài “cách vật trí tri, làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi sự tốt lành tột cùng” mà thôi.

Trong chữ “cách vật” vừa nói đó, “cách” giống như “cách đấu” (trừ khử, chiến đấu), giống như một người chống lại muôn người; “vật” là phiền não, vọng tưởng, mà cũng là cái được gọi là “nhân dục” (lòng ham muốn của con người) trong cõi đời. Chiến đấu với lòng nhân dục vọng tưởng phiền não, ắt một phen phải đầy đủ ý chí chẳng khiếp

nhược thì mới có hiệu quả thật sự. Nếu không, tâm bị chuyển theo vật, làm sao trừ khử vật cho được? “Trí” có nghĩa có là thúc đẩy, mở rộng đến cùng cực. “Trí” chính là lương tri “yêu thương cha mẹ, kính trọng anh” sẵn có của chúng ta, chứ không phải do dạy dỗ, do học hành rồi mới có. Nhưng thường nhân trong xử sự thường ngày, nếu chẳng phản tỉnh, soi xét, kiểm điểm, thì từ đây sẽ bị vật chuyển, chắc là lương tri “yêu thương cha mẹ, kính trọng anh” ấy cũng bị mất đi, còn mong chi thúc đẩy lương tri ấy đến cùng cực để đối phó khắp vạn sự, hàm dưỡng tự tâm nữa ư? Do vậy, thánh nhân muốn con người làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi chỗ tốt lành tốt cùng, bền dạy con người chỗ thực hiện đầu tiên chính là trước hết phải khởi sự từ cách vật trí tri. Công phu vừa nói ấy mâu nhiệm không chi hơn được!

Nhưng muốn cho thường nhân y theo đó tu trì, phải có khuôn phép đã hoàn chỉnh thì mới dễ được lợi ích. Ngũ Kinh, Tứ Thư đều là những khuôn phép đã hoàn chỉnh, nhưng do lời lẽ mênh mông, lại còn rải rác trong các sách, chẳng được tập hợp lại chia theo từng loại, hơi khó để bắt chước theo. Kẻ chưa đọc nhiều sách càng chẳng thể nhờ vào đâu để vâng theo những khuôn mẫu ấy. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên thấu tóm những lý lẽ tốt cùng “*thuận theo chánh đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, phước thiện, họa dâm*”, thốt ra lời nghị luận rung trời rung đất, mắt nhìn vào, tâm kinh hãi: “Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Kẻ làm lành sẽ đắc thiện báo nào? Kẻ làm ác sẽ mắc ác báo nào?” đều thấy rõ cội nguồn sáng tỏ như xem ngọn lửa, nhưng kẻ ngu chẳng chịu làm lành, cứ mặc tình làm ác! Ấy là vì cái tâm tự tư tự lợi xui khiến như thế. Nay biết: Kẻ tự tư tự lợi dâm ra sẽ đánh mất lợi ích lớn lao,

mắc họa ương lớn lao, há dám chẳng gắng sức lương thiện để mong họa diệt, phước nhóm ư? Do vậy, bèn nói rằng: Sách này tạo lợi ích cho con người cũng sâu xa lắm. Vì thế, bậc Đại Nho thời cổ phần nhiều đều ngâm tu tập theo sách này.

Đời Thanh, ông Bành Ngung Chỉ ở Trường Châu phụng hành sách này từ bé, đến lúc vinh hiển đậu kỳ thi Đình, đạt đến địa vị Thượng Thư rồi, vẫn hằng ngày đọc sách này, lại còn đem tặng người khác, ghi tựa đề là Nguyên Tể Tất Độc Thư (sách phải đọc của Trạng Nguyên, Tể Tướng). Lại còn giải thích rằng: *“Chẳng có nghĩa là đọc sách này liền có thể làm Trạng Nguyên, Tể Tướng, mà nghĩa là Trạng Nguyên, Tể Tướng nhất quyết không thể không đọc sách này!”* Sự nêu tỏ ý nghĩa ấy có thể nói là thấu triệt đến tột bậc! Nhưng “người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí”, đều tùy theo tánh chất của từng người. Sách này luận đến tột cùng thì chỉ có thể thành tiên. Nếu dùng đại Bồ Đề tâm để thực hành sẽ có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đoạn Tam Hoặc, chứng Pháp Thân, viên mãn phước huệ, thành tựu Phật đạo; hưởng hồ cứ khăng khăng nơi những quả báo nhỏ nhoi trong cõi trời người như thành tiên ư?

Sách này được chú giải rất nhiều, chỉ có bản Tiên Chú của Nguyên Hòa Huệ Đổng đời Thanh tinh xác, sâu xa, rộng rãi, thông suốt nhất, tiếc rằng nếu chẳng phải là hạng học rộng sẽ không thể đọc nổi! Kế đến là bộ Vụng Biên quả thật là bản hay nhất để người nhả, kẻ tục đều cùng xem được, nhưng đàn bà, trẻ nít không thông thạo chữ nghĩa lắm thì vẫn khó thể lãnh hội được. Chỉ có mỗi một cuốn Trục Giảng là có thể lợi ích trọn khắp, lời văn tuy nông cạn, dễ hiểu, nhưng từ ngữ thật hay

đẹp, giản dị nhưng không thô thiển, dễ cảm động con người nhất. Cư sĩ Hương Đào bỏ ra một ngàn đồng ấn hành để lưu thông rộng khắp. Cũng có những người cùng chí hướng đều giúp sức, nguyện cho cuốn sách này được phổ biến trọn khắp vũ trụ, ngõ hầu người người tu Thập Thiện, nhà nhà tôn sùng hiếu đễ. Biết họa - phước chỉ do con người tự chuốc lấy, thiện hay ác đều có báo ứng thì có ai còn chịu làm ác để chuốc họa nữa đây? Phong tục ấy vừa được lưu hành thì điều thiện sẽ có thiện báo: Lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ hưng thịnh, can qua vĩnh viễn chấm dứt, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Nguyện những ai có tài lực hay trí lực hoặc in rộng rãi sách này để lưu truyền, hoặc thuyết pháp để giảng diễn khiến cho những kẻ chưa đánh mất bản tánh sẽ càng thêm thuần chân, kẻ đã mất bản tánh sẽ mau khôi phục cái tánh ban đầu. Hành vi ấy có công đức há thể diễn tả được ư?

15. Lời tựa sách Sức Chung Tâm Lương

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, phàm - thánh như một. Do Phật rốt ráo ngộ được tâm này nên triệt chứng Niết Bàn, chúng sanh do rốt ráo mê cái tâm này nên luân hồi sanh tử dài lâu. Nghĩ lại từ vô thủy đến nay, bọn chúng sanh ta và đức Thích Ca Thế Tôn cùng là phàm phu, cùng chịu nỗi khổ sanh tử dữ dội. Đức Thế Tôn do tự phát khởi hùng tâm, trọn đủ sức đại hùng mãnh, tu ròng Giới - Định - Huệ, nên đoạn trọn vẹn Tam Hoặc, hai thứ Tử (Biến Dịch và Phần Đoạn) vĩnh viễn mất, an trụ trong Tam Đức bí tạng, phổ độ quần sanh thuộc chín giới. Luận về thời kiếp,

dù có dùng hết số vi trần trong một cõi nước cũng chẳng thể tính toán được! Luận về pháp môn thì cạn hết biển mực vẫn khó chép được!

Trong thời kiếp ấy, ban sự pháp hóa này, bọn chúng sanh ta há chẳng nghe pháp tu hành, muốn chứng được tâm này trong một đời hay sao? Chỉ vì Phiền Hoặc sâu dày, không sức nào đoạn trừ được, hễ thọ sanh lần nữa lại bị mê mất. Cũng như do chưa gặp được pháp cấy vào Phật từ lực để vãng sanh ngay trong đời này, hoặc do tu pháp này, nhưng tự lực mỏng yếu, không người giúp đỡ, hoặc tuy tự lực sung túc nhưng lâm chung bị quyến thuộc lăm cách phá hoại! Do đấy, trải cả kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Dẫu được Phật giáo hóa, vẫn y như cũ uổng mang cái tâm chẳng khác gì tâm Phật, nhưng chẳng thể chứng được quả chân thường giống như đức Phật! Trên đã cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Mỗi phen nghĩ đến, ngũ tạng như lửa đốt.

Nay may được nghe đức Như Lai vì thương xót chúng sanh thuở mạt kiếp không có sức đoạn Hoặc, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ để hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương: Kẻ đã đoạn Hoặc sẽ cao đăng Bồ Xứ, kẻ vẫn còn đầy dẫy phiền não cũng dự vào dòng thánh. Thật là một pháp môn đặc biệt trong suốt cả một đời giáo hóa của đức Như Lai; thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều thấu tóm. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát còn chẳng thể vượt ra ngoài pháp môn này được; dưới là phàm phu Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Vì thế, pháp môn này được mười phương cùng khen ngợi, chín giới

cùng tuân hành. Huống hồ bọn phàm phu chúng ta bỏ đi pháp này thì lấy đâu để nhờ cậy?

Gần đây, đời đã loạn đến cùng cực, thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Người có chánh tri kiến đều biết thế giới này là nơi không yên ổn, Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là quê nhà ta sẵn có. Do vậy, tính kế trở về nhà, cùng tu Tịnh nghiệp. Lại sợ khi lâm chung tự lực mỏng yếu, không ai phụ trợ, và bị quyến thuộc vô tri phá hoại chánh niệm đến nỗi vẫn lưu lại trong thế giới này, chẳng được vãng sanh. Do vậy, mọi người đề xướng chuyện trợ niệm hồng phụ trợ kẻ lâm chung. Như các hội Phật Học ở Thiệu Hưng, Dur Diêu, Vân Nam, Thượng Hải hoặc soạn định chương trình, hoặc xiển dương sự lợi - hại, đều nhằm mong sao người mạng chung chắc chắn được sanh về Tây Phương mới thôi! Tâm ấy, chuyện ấy thật đáng khâm phục!

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vẫn sợ những chương trình ấy quá giản lược, rất có thể người ta chẳng lưu ý, bèn tuyển chọn những điểm hay nhất của chương trình các nơi và các ngôn luận, lại còn chọn lọc những bài văn nêu rõ lẽ lợi - hại lúc lâm chung của xưa nay và những câu chuyện vãng sanh do được trợ niệm gần đây, biên soạn thành bốn thiên. Thiên đầu tiên là Súc Chung Chương Trình (chương trình trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ hai là Súc Chung Ngôn Luận (những bàn luận về việc trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ ba là Dự Tri Lợi Hại (biết sẵn những điều lợi - hại), thiên thứ tư là Súc Chung Thật Hiệu (hiệu quả thật sự do trợ niệm lúc lâm chung), đặt tên cho cả tập sách là Súc

Chung Tân Lương (những hướng dẫn về việc trợ niệm khi lâm chung), xin Quang viết lời tựa.

Quang đã ở vào tuổi bảy mươi, học chẳng thành được gì, trộm sợ một hơi thở ra không hít vào được sẽ lại bị luân hồi trong sáu nẻo thì khổ chẳng thể nào tưởng tượng được! Do vậy bèn giấu tung tích, ẩn dật lâu dài, chuyên tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu chẳng đến nỗi thường luôn khuyên người khác mà ngược lại chính mình chẳng có phần, khiến cho kẻ vô tri do đấy sẽ báng pháp rồi đọa ác đạo. Trước lúc bế quan, nhận được thư của ông ta, lòng khôn ngăn cảm động, bèn nêu đại lược đại ý của pháp môn Tịnh Độ và lợi ích của sự trợ niệm, mong sao những người học Phật trong cõi đời ai nấy đều chú ý, ngõ hầu thỏa thích lớn lao bản hoài phổ độ chúng sanh của đức Như Lai cũng như nhằm để làm chín muồi cái nhân thù thắng đã được vun bồi từ nhiều kiếp!

16. Lời tựa bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ Tát thế nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn; vì thế, phân thân trong các cõi nhiều như số vi trần, tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh, nhưng đối với thế giới Sa Bà, Ngài lại càng nghĩ thương xót trọn khắp, tha thiết, cứu vớt chẳng sót. Huống chi trong những năm gần đây, nhân dân hằng ngày gặp cảnh hoạn nạn, dù muốn trốn tránh quả thật cũng không có chỗ nào để lánh mình được, mà cũng chẳng có cách nào trốn lánh được; bởi thế đạo nhân tâm gần đây đã bại hoại đến cùng cực! Ngay như đại ân sanh thành, nuôi dạy của cha mẹ, vẫn cứ công khai đề xướng bỏ đi lòng hiếu và coi giết hại cha mẹ là chuyện đại nghĩa diệt thân! Người dân sống trong cõi đời

này chẳng đáng thương ư? Do vậy, phàm những ai có chánh tri kiến không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì Tịnh nghiệp để cầu thoát lia đời ác Ngũ Trược này, mau được dự vào Liên Trì Hải Hội, ngõ hầu vĩnh viễn lia mọi sự khổ, chỉ hưởng các sự vui.

Trong thời thế này, Quán Thế Âm Bồ Tát đặc biệt dấy lên lòng đại từ Vô Duyên, vận lòng đại bi Đồng Thể, trong đủ mọi khổ nạn, rủ lòng nghĩ nhớ, bảo vệ, che chở. Xung hồng danh của Ngài gặp dữ sẽ hóa lành, gặp nạn lại trở thành điều may mắn, làm sao kể xiết? Những sự tích Bồ Tát cảm ứng đã được ghi chép thấy rải rác khắp các sách. Những sách chuyên ghi chép thì có bộ Quán Âm Từ Lâm Tập của ngài Hoàng Tán, Quán Âm Trì Nghiệm Ký của ông Châu Khắc Phục, Quán Âm Linh Cảm Lục của ông Vu Tịch Âm, Quán Âm Bản Tích Tụng của ông Hứa Chi Tịnh, Quán Âm Linh Nghiệm Ký của ông Nhiếp Vân Đài, đều là những sách do được thấy nghe rồi bèn ghi lại.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh lại tổng hợp từ tất cả các sách nói trên soạn thành một tác phẩm, đặt tên là Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục, có thể gọi là tập hợp tất cả những chuyện linh cảm của đức Quán Âm, là chỗ y cứ cho hết thảy những người tín phụng, trì niệm. Tuy nhiên, cần phải biết vì sao đức Quán Âm có thể linh cảm như thế? Ấy là vì Ngài xoay được Tánh Nghe để nghe nơi tự tánh và chiếu soi Ngũ Uẩn đều không. Đọc bộ sách này rồi, có thể chí thành khẩn thiết niệm hồng danh của Quán Âm Đại Sĩ, niệm đến khi niệm cực tình vong thì bản thể của hết thảy phiền não ác nghiệp đều là không, ngó lại hết thảy cảnh duyên sướng - khổ đều là chẳng thể được! Trong cái “chẳng thể được” ấy, chẳng ngại gì hưng lòng Từ, vận lòng Bi, tùy cơ tiếp dẫn, lấy

tâm của đức Quán Âm làm tâm mình, lấy sự nghiệp của đức Quán Âm làm sự nghiệp của mình, làm cho khắp hết thầy chúng sanh đang chịu khổ cùng được gội ân trạch của đức Quán Thế Âm để rồi trong đời vị lai sẽ cùng hành đạo Quán Thế Âm xoay vần cứu độ vậy!

17. Lời tựa cho Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Địa Tạng Bồ Tát thế nguyện rộng sâu, tuy đã chứng cùng tốt pháp tánh từ lâu, nhưng vẫn chẳng trụ Tịch Quang, chẳng chứng Phật quả, do lòng đại từ bi tùy loại hiện thân độ thoát hữu tình trọn khắp các cõi nước nhiều như số vi trần. Ngài lại còn thường ở trong chốn u minh nhằm cứu bạt chúng sanh tội khổ cực nặng trong địa ngục. Do Bồ Tát xưa kia từng phát đại nguyện: “*Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ Đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật*” (Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề; địa ngục chưa trống không, thệ chẳng thành Phật). Ấy là vì tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai; do mê muội nên đối với chân thường lầm sanh mê hoặc, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm đến nỗi luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thứ thoát ra. Lúc sanh vào trời người thì ít, khi đọa tam đồ lại nhiều! Bồ Tát riêng rủ lòng từ mãi, nhiều cách cứu vớt, mong sao chúng sanh sẽ bỏ vọng về với chân, trừ mê, được ngộ, để khôi phục lại Chân Như Phật Tánh sẵn có mới thôi. Ví như bảo châu Ma Ni vô giá, rớt trong nhà xí, kẻ ngu coi như đồ dơ, chẳng thêm mến tiếc! Người trí biết là bảo châu vô giá, vào nhà xí nhặt lấy, gột trừ phân dơ, dùng nước thơm gột rửa, treo trên tràng cao, tỏa sáng chiếu trời soi đất, mưa ra khắp đủ mọi thứ báu. Tâm tánh của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy còn mê muội

tạo nghiệp, đọa lạc trong ác đạo, nhưng Chân Như Phật Tánh sẵn có vẫn trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, trọn chẳng có tướng biến đổi, tồn thất. Vì thế, bất luận kẻ nghiệp nặng tội sâu đến đâu, tâm Bồ Tát trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, đối với chúng sanh khổ sở nhất càng riêng rủ lòng thương xót hơn, gấp gáp muốn độ thoát hơn.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh cảm lòng từ bi của Bồ Tát, tiếc cho chúng sanh mê muội, do vậy bèn dùng thể văn Bạch Thoại, biên soạn trình bày những chuyện thuộc về mặt Bản lẫn mặt Tích của Bồ Tát. Lại sao lục mười tám chương sự tích cảm ứng của Ngài từ Tục Tạng của Nhật Bản, cho ấn hành lưu thông, mong sao hết thảy hữu tình đều biết Bồ Tát từ vô lượng kiếp đến nay khởi lòng Từ, vận lòng Bi, ngõ hầu hết thảy chúng sanh được thoát khỏi sanh tử, chứng được Phật tánh vốn có. Từ đây, chúng sanh đều quy mạng, cung kính, cúng dường, xưng niệm hồng danh để được nương cậy, được thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, sanh sang cõi sen chín phẩm kia, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lấy tâm Bồ Tát làm tâm của chính mình, lấy sự nghiệp của Bồ Tát làm sự nghiệp của chính mình, ngõ hầu chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình mà thôi. Do vậy, tôi bèn viết duyên khởi để thừa với những bậc thông sáng mai sau vậy.

18. Lời tựa sách Quán Âm Cảm Ứng Khóa

Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát nghĩ thương chúng sanh, chẳng thể dùng ngôn ngữ để hình dung được! Dầu lấy trời đất, cha mẹ, vẫn chưa đủ để sánh ví chút phần! Làm cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết

pháp. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa ban ngày, muôn vật đều được chiếu tỏ. Xuân về trên lãnh thổ vua Vũ, trăm loài thảo mộc đều được sanh thành. Có cảm liền thông, không chuyện mưu cầu gì chẳng ứng. Ấy là vì Bồ Tát vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính Ngài, nên hễ khắp pháp giới cảm, liền ứng khắp pháp giới, đều đáp ứng tâm niệm của họ trọn chẳng sai biệt. Quán Âm Cảm Ứng Khóa là phương tiện mầu nhiệm lớn lao thuận theo thói đời để bói tốt - xấu ngõ hầu cùng gieo thiện căn. Phàm những người xem bói đều phải xưng niệm danh hiệu Bồ Tát. Như trẻ nhỏ bị bệnh chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú, thì trẻ nhỏ không uống thuốc mà vẫn uống thuốc. Danh hiệu của Bồ Tát như Phấn Hồn Hương, nếu được thấy nghe, tức nghiệp tự tiêu, tức thiện (sự lành trong đời trước) sẽ tự sanh, dần dần cho đến trên là noi theo chí hướng, sự nghiệp của đức Quán Âm, rốt ráo tự lợi - lợi tha nơi vô ký. Sách này do cư sĩ Từ Tích Dư và phu nhân tìm được cổ bản thuộc đời Minh trước kia, đem in thạch ấn một ngàn quyển để kết Tịnh duyên. Tôi bèn lược thuật ý nghĩa Bồ Tát hành lòng Từ như vậy đó.

19. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Hết thấy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy các hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Người thiên tư thông minh thường vì tưởng lầm pháp này sự giản dị, lý tầm thường nên chẳng bỏ công xét kỹ, chẳng những chính mình không

tu tập, lại còn thốt lời bàn luận, ngăn trở, phá hoại, bài xích người khác tu trì, nhằm tỏ vẻ chính mình cao minh. Điều này đúng là “*biến quán lục hợp nhi bất kiến lai mao*” (thấy trọn vũ trụ nhưng chẳng thấy được sợi lông nơi khước mắt), biết trọn các pháp nhưng chẳng biết chính mình thế trí biện thông, tự coi mình Tông - Giáo đều thông, đức Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng thương xót! Họ chẳng nghĩ chỗ quy tông của kinh Hoa Nghiêm là cầu sanh Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền thầy đều phát nguyện vãng sanh. Những vị ấy là người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào? Dầu bọn ta có hiểu được chút giáo nghĩa, nhưng Phiền Hoặc chưa đoạn, sanh tử chưa giải quyết xong, hễ trải qua một phen biến đổi sanh sang kiếp sau, há có thể chẳng mê mất được ư? Chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Nguyên do đức Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ này là nhằm làm cho thượng thánh hạ phàm đều cùng thoát được sanh tử ngay trong đời này. Huống chi hai vị Đại Sĩ kia thành Phật đã lâu, thị hiện thuộc địa vị Đẳng Giác, lấy thân làm gương cho kẻ khác phát nguyện cầu sanh; ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Nghĩ kỹ như thế, chắc chắn sẽ nhanh nhẩu thay đổi, tuân theo giáo huấn phổ độ thánh - phàm của đức Như Lai, noi theo Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v... các vị đại Bồ Tát, Tổ Sư mà nhất trí tiên hành, dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngộ hầu viên mãn Phật quả, làm bậc đại trượng phu rất ráo. Ai chịu cam lòng nhường đại lợi ích này cho người khác, rồi tự mình ở yên trong nhà lửa tam giới, thường bị thiêu đốt vậy thay? Từ khi đại pháp được

truyền sang phương Đông, người đích thân chứng được tam-muội, đắc đạo, vãng sanh trong hiện đời và kẻ đầy dẫy Phiền Hoặc cậy vào Phật từ lực được đỏi nghiệp vãng sanh kẻ sao cho xiết?

Trong thời Càn Long đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh sai cháu trai là Hy Túc tập hợp, sao lục những câu chuyện vãng sanh Tịnh Độ, đầu tiên thuật chuyện Phật Di Đà nhằm chỉ rõ đấng giáo chủ lập ra pháp môn này. Kế đến là Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v... nhằm tỏ rõ thánh chúng xiển dương pháp môn này. Tiếp đó là tỳ-kheo tăng ni, vua chúa, quan lại, thường dân, nữ nhân, các loài vật vãng sanh, nhằm kể ra tứ chúng vãng sanh Tịnh Độ, tổng cộng hơn năm trăm người, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Đây chính là bộ Sơ Biên. Trong số ấy, dù thánh hay phàm, dù trí hay ngu, đều cùng vào trong biển đại thế nguyện của đức Như Lai, rồi dần dần chứng được sự vui sướng trong cõi Thường Tịch Quang. Nhìn từ chỗ này, biết pháp môn Tịnh Độ dường như biển cả dung nạp khắp mọi dòng chảy, cũng giống như thái hư bao hàm khắp vạn tượng. Chúng sanh trọn khắp pháp giới không một ai chẳng được nhiếp vào đây! Các pháp trong khắp cả pháp giới đều do pháp môn này mà đắc Thật Tế, bởi nó là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là đạo tổng trì trọng yếu của tam thế chư Phật.

Đến cuối niên hiệu Đạo Quang, cư sĩ Liên Quy Hồ Đĩnh tập hợp hành trạng của những vị vãng sanh sau thời Càn Long được hơn một trăm mấy chục người, soạn thành sách đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tục Biên. Vào đời Hàm Phong - Đồng Trị, giặc giã tràn lan, người đề xướng ít ỏi, gần như quạnh quẽ. Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày

càng đi xuống, phạm những ai có con mắt thông suốt, mang lòng cứu đời, không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và pháp tín nguyện niệm Phật. Người có chánh tri kiến, không ai chẳng thuận theo chiều gió. Vì thế, trong mấy chục năm qua, lại tập hợp được chuyện vãng sanh của hơn hai trăm người nữa, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tam Biên. Bản thảo này do thầy Đức Sâm biên tập, nay đã sắp chữ xong. Vì thế, tôi thuật duyên khởi.

Khi xưa không có thuyền máy, xe lửa, bưu cục, tòa báo, tuy từng địa phương ở sát cạnh nhau nhưng thường chẳng hay biết, cho nên thời cổ pháp đạo hưng thịnh lớn lao, nhưng số người vãng sanh được ghi chép lại trong một ngàn mấy trăm năm chỉ được mấy trăm người mà thôi! Một là vì thiếu ghi chép, hai là vì sách vở xưa thất lạc. Nếu mọi chuyện đều tiện lợi như ngày nay, dẫu cả mấy chục vạn vẫn là chưa nhiều. Người đọc chớ nên đem xưa để luận nay, nghĩ chưa chắc đã đều là chuyện thật; mà cũng đừng dùng nay luận xưa, cho là pháp khi xưa chẳng hưng thịnh lớn lao! Hãy thử nghĩ ngài Thiên Đạo ở Trường An, ngài Thiệu Khang tại Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường, những người vãng sanh đương nhiên chẳng phải chỉ có trăm ngàn vạn ức! Nay thì xa cách ngàn dặm, sáng vừa gởi đi, tối đã đến, lại thêm bưu điện, báo chí; vì thế, tuy ngoài ngàn dặm thấy đều biết được liền. Nhưng vẫn còn nhiều người vãng sanh chưa được ghi chép, nếu mỗi chuyện đều chép, quả thật còn nhiều hơn thế nữa! Nguyện người trong khắp cõi đời, ai nấy đều lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm nền tảng, lấy “thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện

niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để tu trì, thì sống sẽ là bầu bạn của thánh hiền, thác sẽ vào cõi nước của Như Lai, lợi ích ấy nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể nào biết được! Nguyện khắp những ai thấy nghe đều gắng công!

20. Lời tựa cho sách Trùng Đỉnh Tây Phương Công Cứ

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Sách Tây Phương Công Cứ lưu truyền trong cõi đời đã lâu; tuyền chọn sao lục những ngôn luận hoặc tỉ mỉ hoặc giản lược khác nhau. Có bản xếp kinh Di Đà, chú Vãng Sanh vào đầu sách, cũng có bản chẳng chép. Nhưng bên trong có in hình Tam Thánh, đài sen chín phẩm, trên đài sen có những vòng tròn để người niệm Phật chắm vào đáy hòng ghi nhớ số câu đã niệm thì các bản in đều giống nhau. Đa số các bản in, với mỗi đài sen thuộc chín phẩm đều vẽ một tượng Phật. Tiếp đó, chọn lọc những khai thị thiết yếu xưa nay và những sự tích rõ ràng, ngõ hầu người đọc sanh lòng tín nguyện quyết định, chắc chắn nhờ vào đó để vãng sanh. Dụng ý sâu đậm, chu đáo làm sao, nhưng do niệm xong, hoặc do người niệm đã khuất, bèn đốt đi, thật cảm thấy mắc lỗi hủy hoại kinh tượng. Một cuốn sách tốt đẹp lợi người rất cuộc bị phó cho ngọn lửa, chẳng những uổng phí một món vật quý báu, lại còn chẳng thể lợi lạc rộng khắp. Nếu giữ lại để truyền cho đời sau thì do khuyen chắm đen đúa, lem luốc, khó gợi hứng thú cho người đọc được. Suy đi nghĩ lại, thật khó thể nào thích hợp!

Bạn tôi là Dật Nhân sắp xếp nội dung sách lại theo một thứ tự khác: Đầu tiên là kinh, chú, nghi thức niệm Phật. Kế đến liệt kê các khai thị rõ ràng, rộng rãi, giản dị, gần gũi từ xưa đến nay, rồi

lại chú trọng đến cách thức trợ niệm khi lâm chung, ngõ hầu chẳng đến nỗi công lao niệm Phật sắp thành công lại bị quyền thuộc vô tri phá hoại. Tiếp đó là những giải thích đại lược về Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Đế, Tứ Liệu Giản và một trăm bài ca tụng Phật hiệu để cho người sơ phát tâm biết đại lược ý nghĩa. Tu chỉnh thành một bản hồng giữ lại đọc vĩnh viễn. Cách thức dùng chín phẩm đài sen để ghi nhớ số câu đã niệm được in riêng thành một quyển, kèm theo cuốn chánh để giúp hành giả nhớ số rồi thiêu đi trong tương lai. Cách này rất hay, bèn cho ấn hành để biếu tặng rộng rãi, mong sao hết thấy những người cùng hàng đều được vãng sanh.

Phải biết lợi ích của pháp môn Tịnh Độ nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy, trong hội Hoa Nghiêm, những vị Bồ Tát sau khi đã chứng Đẳng Giác vẫn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh. Trong Quán Kinh, kể Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc sắp đọa A Tỳ, niệm chưa đủ mười tiếng liền dự vào chín phẩm, quả thật có thể nói là mười phương tam thế hết thấy Như Lai, trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, không vị nào chẳng bắt đầu bằng pháp này và đến cuối cùng quy kết về pháp này! Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều sanh chánh tín.

21. Lời tựa cho bộ Phổ Đà Lạc Già Tân Chí

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hết thấy các pháp thế gian, xuất thế gian, đều do thời tiết nhân duyên mà phát khởi. Vì thế, cổ đức nói: “*Thời tiết nhược chí, kỳ lý tự*

chương” (Nếu đến thời tiết, lý sẽ tự được tỏ rõ), thật là đúng lắm! Quang vì tâm thường, kém cỏi, trăm chuyện chẳng làm được một chuyện nào, ăn bám chùa Pháp Vũ núi Phở Đà ba mươi hai năm. Trước kia đọc Phở Đà Chí, thấy những điều được ghi chép đều là chuyện đạo tràng hưng - suy và những chuyện tâm thường giống như vậy; còn đối với sự lý Bốn - Tích trong các kiếp xưa của Quán Âm Đại Sĩ và nhân duyên cảm ứng nơi phương này thấy đều thiếu sót, sơ sài, khôn ngoan người ta phải thở dài!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ba vị cư sĩ Vương Thái Thần, Châu Hiếu Hoài, Trần Tích Châu tới núi thăm viếng. Ông Vương và ông Châu nói: “Phở Đà là thánh địa đạo tràng của Quán Âm Đại Sĩ, trong nước lẫn ngoài nước đều kính ngưỡng, có sao đẹp bỏ giảng tòa đã lâu, nữ để cho pháp đạo tịch mịch vậy? Xin thầy hãy phát tâm giảng kinh, chúng con sẽ lo liệu chi dụng đầy đủ”. Quang viện có kém cỏi cực lực chối từ. Ông Tích Châu liền nói: “Bộ Sơn Chí chưa được tu chỉnh đã lâu, bản in đã mờ mịt rồi, nếu thầy chịu sửa chữa, con sẽ cho khắc in”. Quang nói:

- Chuyện ấy nào phải dễ dàng! Nếu theo như lệ cũ thì bậc văn nhân mới có thể làm được. Nếu đem sự tu chứng về mặt Bốn lẫn mặt Tích của Đại Sĩ trong những kiếp xưa và sự tích cảm ứng nơi phương này mỗi mỗi đều lược thuật những nét chánh yếu khiến cho người đọc đều biết ân Đại Sĩ trọn khắp các cõi nước số lượng nhiều như cát, lòng Từ cứu vớt không ngần mé; từ đáy phát khởi chánh tín, thân lẫn tâm đều quy y thì gần là được hưởng phước trong cõi trời người, xa là chứng quả Bồ Đề. Nếu không đọc trọn khắp Đại Tạng, tham khảo trọn khắp

các sách sẽ không thể làm được. Nếu chẳng tỏ rõ các sự lý cảm ứng về mặt Bản lẫn mặt Tích của Đại Sĩ sẽ trở thành bỏ chủ trọng khách, bỏ gốc lấy ngọn, có khác gì những sơn kinh thủy chí tầm thường đâu? Làm sao có thể tỏ rõ Phổ Đà chính là đạo tràng ứng hóa của Đại Sĩ, lại làm sao có thể tỏ rõ Đại Sĩ chính là cha mẹ đại từ bi của chúng sanh trong pháp giới, có nhân duyên sâu đậm nhất đối với chúng sanh cõi Sa Bà? Nhưng Quang do túc nghiệp, đến nỗi tâm không hiểu biết, mắt gần như lòa, vẫn cần phải sám hối một hai năm, đợi khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, mắt sáng, sẽ chẳng tiếc thân mạng, gắng sức thành tựu. Nếu như nghiệp nặng, chẳng thể cảm ứng, trừ khử được nghiệp chướng, thì sẽ qua Giang Tây, cầu cư sĩ Lê Đoan Phủ thay tôi lo liệu công việc này. Vị ấy học thông suốt cả Nho lẫn Thích, văn chương hơn người, ắt sẽ có thể nêu tỏ tấm lòng, sự tích từ bi của Đại Sĩ được!

Năm sau, cư sĩ Từ Úy Như đem Văn Sao ấn hành, khiến cho những người không suy xét tường tận, tưởng lầm Quang là tri thức, từ đấy thư từ qua lại, hằng ngày chẳng rảnh rỗi! Giữa Xuân năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Đoan Phủ quy Tây, cái tâm đã phát trước kia rốt cuộc trở thành lời nói xuông! Mùa Xuân năm Dân Quốc 11 (1922), Tri Sự huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông lên núi, nói: “Sơn Chí lưu thông sẽ khiến cho người ta do tin tưởng, đổi dữ hướng lành, bỏ vọng về với chân, quả thật là nhiệm vụ trọng yếu căn bản để văn hồi thể đạo nhân tâm, hãy nên gấp rút sửa chữa, tu chỉnh”. Do ông Đào tâm hộ pháp tha thiết, lòng cứu thế ân cần, Quang liền cậy chủ nhân hai chùa Phổ Tế, Pháp Vũ khẩn khoản thỉnh ông Đào đích thân đảm nhiệm chuyện ấy. Ông Đào do việc công chẳng rảnh rỗi, bèn ủy thác một vị hương thân

trong vùng là ông Vương Nhã Tam đảm nhiệm. Hết thầy sự việc cần thiết thì bên ngoài có ông Đào, trong núi có hòa thượng Khai Như đã về hưu chằm chước lo liệu. Do không rảnh rỗi nên Quang trọn chẳng hề hỏi đến. Năm sau, ông Đào được thăng chức lên huyện Hàng, nhưng vẫn thư từ qua lại, bàn soạn, lo liệu mọi sự. Nếu chẳng phải là do đời trước đã nhận sự phó chúc của Đại Sĩ, há có thể được như thế chẳng?

Thoạt đầu vừa bàn bạc về chuyện tu chỉnh Sơn Chí xong, chưa đầy một tháng, cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây đến thăm, vừa gặp mặt đã trở thành bạn thiết. Quang thuật lại nỗi niềm trước kia, rồi đem chuyện soạn Đại Sĩ Tụng gởi gắm, ông ta liền nhận lời. Nếu không phải là Đại Sĩ thâm rủ lòng gia hộ, há có dịp gặp gỡ như vậy hay chẳng? Ông Hứa bèn tra duyệt, sưu tập trong khắp kinh tạng và các sách vở, mất cả hai năm mới hoàn thành bản thảo, soạn ra lời văn ca tụng gần đến hai vạn chữ, lại còn chú thích ý nghĩa liền ngay sau đó để người đọc đều biết rõ nguyên do. Lại còn trích lục các kinh để làm chứng cứ rõ ràng. Lời văn ca tụng gồm ba quyển, kinh văn trích dẫn để làm chứng gồm một quyển, tổng cộng hơn ba trăm bảy mươi trang, gởi tới Phổ Đà vào đầu Hạ. Ý nghĩa bài tụng đã được trình bày trong lời tựa của ông Hứa, ở đây không nhắc lại nữa.

Thoạt đầu, Quang muốn đặt cuốn này vào đầu bộ Sơn Chí, nay vì số quyển quá nhiều, bèn cho lưu hành riêng ngõ hầu được lưu truyền rộng khắp trong thiên hạ đời sau. Nếu in chung với Sơn Chí sẽ khó thể lưu hành rộng rãi được! (Về sau, ông Đào thấy tụng văn cao trỗi, tuyệt diệu, bảo phải đặt vào đầu bộ Sơn Chí, bèn lược bớt lời chú thích và các dẫn chứng từ kinh điển, chỉ sao lục chánh văn, gộp chung thành

một quyển, đặt tên là Bồn Tích Môn, tức quyển thứ nhất của bộ Sơn Chí). Nhưng Đại Sĩ từ vô lượng kiếp đến nay, phân thân trong các cõi nước số nhiều như vi trần, cảm ứng dù Bồn hay Tích nếu không phải là đức Phật sẽ chẳng thể biết được! Mấy quyển tụng ấy bất quá là một hạt bụi trong đại địa, là một giọt nước trong biển cả, để kẻ chẳng biết đến lòng đại từ bi sâu xa của Đại Sĩ sẽ tạm biết đại khái! Từ đây sẽ thẹn thùng, xấu hổ, hào khí bùng bùng nói:

- Cái tâm của chúng ta và tâm Đại Sĩ không hai, không khác, nhưng Đại Sĩ viên thành Phật đạo đã trải kiếp lâu xa, lại do Bi tâm vô tận chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, hiện khắp các sắc thân độ thoát chúng sanh. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, những kẻ được nhờ ơn Bồ Tát đích thân dẹp khổ ban vui, chẳng biết là bao nhiêu? Mãi cho đến ngày nay, ta vẫn còn là phàm phu, trên đã phụ bạc ân sâu Đại Sĩ cứu vớt, dưới ruồng rẫy Phật Tánh sẵn có của chính mình. Lặng im suy nghĩ, há chẳng thẹn đến chết ư? Ngài đã là trượng phu, ta cũng thế, chẳng nên tự khinh rồi lùi bước, thua sụt.

Do vậy, chuyển phàm tình để dõng theo dấu thánh, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng làm các điều lành thế gian, kiêm tu Tịnh nghiệp. Lâu ngày chầy tháng sẽ cùng được biến đổi. Bạc thượng sẽ liền có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này; bậc hạ đến khi lâm chung, sẽ nương vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Được như thế thì ai nấy đều giữ vẹn lễ nghĩa, ai nấy biết nhân quả, tự nhiên can qua vĩnh viễn dứt, nhân họa vĩnh viễn diệt, mưa nắng đúng thời, quyền thuộc trời thường giáng xuống. Nhiệm vụ căn bản trọng

yếu để vấn hồi thế đạo nhân tâm như ông Đào đã nói có phải là đầy hay chẳng? Nguyên cho người thấy, kẻ nghe đều cùng phát tâm ngưỡng mộ Đại Sĩ, gắng sức tu tập, may mắn vô cùng! Tán rằng:

Quán Âm thế nguyện diêu nan tư,

Phó cảm ứng cơ bất thất thời,

Cứu khổ tâm thanh từ hấp thiết,

Hiện thân thuyết pháp nguyệt án trì,

Trần sát quốc trung hàm sự tế,

Sa Bà giới nội cánh thù từ,

Thâm ân cùng kiếp mạc năng tán,

Ký mãn quần manh phổ hộ trì.

(Quán Âm thế nguyện diêu khôn lường,

Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng,

Cứu khổ tâm thanh: từ hút sắt,

Hiện thân thuyết pháp: nước in trắng,

Cứu vớt muôn sự trần sát cõi

Sa Bà càng nặng tấm lòng Từ,

Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,

Che chở quần manh khắp xót thương)

22. Lời tựa cho bản tu chỉnh Thanh Lương Sơn Chí

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Văn Thù Bồ Tát đạo chứng Nhất Chân, đức vượt trời Thập Địa, nhập bí tạng Tam Đức, thường trụ trong Tịch Quang, nhưng do lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh thiết tha, nên chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện thân trong các cõi nhiều như số vi trần, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Ngài là thầy của bảy đức Phật, là mẹ của các Bồ Tát, đây vẫn là những sự thuộc về Tích Môn. Luận về Bản Địa, nếu chẳng phải là đức Phật sẽ không thể biết được. Dù trọn hết các cõi nhiều như số vi trần trong một cõi nước, không cõi nào Ngài chẳng trụ, nhưng phàm phu chướng nặng không cách nào biết được diệu dụng, chiêm ngưỡng pháp phạm (khuôn mẫu về đạo pháp)! Vì thế, chẳng thể không vì kẻ sơ cơ bày ra một cuộc đất ứng hóa để họ có chỗ hướng về hòng gieo thiện căn xuất thế. Do vậy, từ xưa đến nay, Ngài cùng với một vạn Bồ Tát thường trụ tại núi báu Thanh Lương, diễn thuyết đạo Nhất Thật, đồng thời thị hiện đủ mọi thứ biến hóa thần dị chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho kẻ thiện căn chín muồi liền chứng chân thường, kẻ chưa chín muồi do đó sẽ được tăng trưởng.

Phải biết: Bồ Tát chẳng dấy niệm mà tùy cơ thị hiện thuyết pháp, trọn chẳng khác biệt gì! Như vàng trắng giữa trời, in bóng trong các chỗ có nước. Chẳng những sông to rạch lớn mỗi nơi đều hiện một vàng trắng, ngay cả một chước, một giọt cũng đều hiện một vàng trắng. Vàng trắng trong sông rạch, một người nhìn vào chỉ thấy một vàng trắng; trăm ngàn vạn người ở trăm ngàn vạn nơi nhìn vào, ai nấy cũng đều thấy một vàng trắng. Nếu con người đi qua phía Đông, trăng cũng theo sang Đông. Nếu ai đi sang Tây,

trăng cũng theo sang Tây. Nếu con người đứng yên, trăng cũng bất động. Sắc pháp trong thế gian còn hay khéo như thế, huống là bậc Bồ Tát triệt ngộ duy tâm, viên chứng tự tánh, vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên ư? Sợ những kẻ câu nệ hẹp hòi thấy tất cả những chuyện thần diệu trong Sơn Chí sẽ ôm lòng ngờ vực, cho nên mới bày tỏ căn cội. Hiểu được điều này thì đọc khắp kinh điển Đại Thừa sẽ chẳng đến nỗi kinh nghi, sợ hãi, chẳng uổng công đọc bộ Sơn Chí này để làm phương tiện dẫn đường! Bộ Sơn Chí cũ được pháp sư Trấn Trìng tu chỉnh vào thời Vạn Lịch nhà Minh nói chung rất hay, nhưng trong ấy có những lỗi chưa khảo cứu tường tận. Lúc ấy, các vị Hám Sơn, Tử Bách, Diệu Phong đều là bạn thiết, chẳng những có quan hệ lớn lao với núi này, mà thật ra còn có quan hệ lớn lao với Phật pháp, thế đạo, nhưng trong Sơn Chí đều chẳng thuật truyện các Ngài! Dưới thời Khang Hy đời Thanh, lại có người tu chỉnh, trọn chẳng tham khảo rộng khắp, đối với những phần văn tự quan hệ lớn lao lại mặc tình cắt xén; do vậy, chẳng được lưu truyền. Nay y theo bộ Sơn Chí đời Minh, khảo cứu, hiệu đính, bổ túc, tu chỉnh đại lược mà thôi! Mùa Xuân năm ngoái, một đệ tử là Lý Viên Tịnh nói:

- Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, bốn đại Bồ Tát quả thật là chỗ nương cậy cho hết thảy chúng sanh. Thầy ở tại Phổ Đà từng thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn Quán Âm Bổn Tích Tụng, nêu rõ ân sâu đức nặng của ngài Quán Âm thật là chu đáo! Thầy lại còn sửa chữa bản Phổ Đà Chí do ông Vương Nhã Tam đã tu chỉnh, sao chẳng đem Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa tu

chỉnh đúng theo lệ ấy? Huống chi Thanh Lương Chí không thỉnh ở đâu được, nhưng thể tài còn khá, chứ Nga Mi Chí thì chỉ chú trọng đến thể núi, vẫn chẳng chú trọng nêu tỏ đạo của ngài Phổ Hiền. Cửu Hoa Chí càng đau lòng đáng than hơn nữa! Đang trong lúc thể đạo, lòng người suy yếu đến cùng cực này, cố nhiên càng phải khăng khăng sửa chữa cho lưu thông hồng làm căn cứ văn hồi vậy!

Do vậy, bèn quên mình hèn tẻ, gắng sức theo đuổi, bèn thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh trình bày những nét chánh, còn việc tu chỉnh, sửa chữa do Quang đảm nhiệm. Việc giáo chánh, đối chiếu do thầy Đức Sâm lo. Nay đã hoàn thành bản thảo, dẫu chưa thể nêu tỏ lớn lao, nhưng cũng bỏ tức không ít. Đối với những chuyện gần đây, do thân chẳng ở nơi ấy, lại tuổi đã “sáng không bảo đảm được chiều”, cũng chẳng dám cậy người hỏi dò. Sợ chưa tập hợp được đầy đủ tài liệu mà người đã mất, đến nỗi trở thành chuyện nói xuông. Vì thế để lại những chuyện gần đây cho bậc thông suốt đời sau tu chỉnh!

Nhớ năm Quang Tự 13 (1887) khi trước, tại núi Hồng Loa, xin nghỉ phép đi triều bái Ngũ Đài (tức tên khác của Thanh Lương), muốn thỉnh Thanh Lương Sơn Chí, tới xưởng lưu ly ở kinh đô, hỏi khắp các tiệm bán sách cũ, chỉ tìm được một bộ, do vậy bèn mua về. Nay cho ấn hành lưu thông để người đời sau dễ tìm được hầu cởi gỡ mối tiếc nuối của chính mình thì may mắn nào hơn! Ngũ Đài tuy là đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát, nhưng chưa hề thấy khi niệm danh hiệu Bồ Tát bèn cất lên lời tán tụng. Mùa Hạ năm nay, một vị sư ở Hoa Nghiêm Lãnh là Tĩnh

Thê xin tôi viết một bài tán đề nghi thức niệm tụng được đầy đủ, bèn ghép thành tám câu gọi cho thầy ấy. Tán rằng:

Văn Thù Bồ Tát đức nan lượng,

Cửu thành Long Chủng Thượng pháp vương

(Long Chủng Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn Thù thành Phật trong một đời thuộc quá khứ. Long Chủng Thượng Tôn Vương trong Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Kinh lại là một đức Phật khác, chẳng thể lầm lẫn dùng làm dẫn chứng được!)

Nhân mãn chúng sanh mê tự tánh,

Đặc phụ Thích Ca chấn huyền cương,

Vi thất Phật sư thể mạc trắc,

Tác Bồ Tát mẫu dụng vô phương,

Thường trụ Tịch Quang ứng chúng cảm,

Vạn xuyên nhất nguyệt ảnh hàm chương

(Văn Thù Bồ Tát đức khôn lường,

Quá khứ thành Phật Long Chủng Thượng,

Do thương chúng sanh mê tự tánh,

Riêng giúp Thích Ca mở đạo huyền,

Thầy bảy vị Phật thể khôn thấu,

Mẹ chư Bồ Tát dụng khôn ngần,

Thường trụ Tịch Quang ứng mọi cảm,

Muôn sông trăng hiện bóng muôn gương)

23. Lời tựa bản tu chỉnh Nga Mi Sơn Chí

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Phổ Hiền Bồ Tát đạo chứng Nhất Chân, đức viên mãn Lương Túc, trụ cõi Tịch Quang, nhưng hung khởi lòng Từ, vận dụng lòng Bi, phù tá đáng Thiện Thệ dùng quả để tu nhân. Trọn đủ toàn thể của đức Giá Na, thị hiện thuộc địa vị Bồ Xứ, kết quy đại nghĩa Hoa Nghiêm chỉ về Tây Phương. Tuy trọn hết mười phương pháp giới, nhưng không nơi nào chẳng trụ trong chân cảnh. Hòn núi Đại Quang Minh này thật ra là đạo tràng ứng hóa vậy. Xét đến ý nghĩa đặt tên thì chính là vì Phật quang hiện trong ban ngày, thánh đấng xuất hiện trong đêm, xưa nay vẫn thường chẳng hề ẩn diệt cho đến tận đời vị lai hồng khơi gọi quần sanh. Do vậy, núi báu Nga Mi này còn gọi là Đại Quang Minh. Một tên đặt theo hình thể của núi, tên kia đặt theo thánh tích, cố nhiên chẳng có nhân duyên gì khác, nhưng những kẻ không biết đến đức tướng của Bồ Tát, cứ muốn dựa vào lời kinh để làm bằng chứng rất thuyết phục, bèn lầm lạc dẫn câu kinh trong phẩm Bồ Tát Trụ Xứ của kinh Hoa Nghiêm: *“Phương Tây Nam có chỗ tên là Quang Minh Sơn, từ xưa đến nay các vị Bồ Tát trụ ở trong đó, hiện đang có vị Bồ Tát tên là Hiền Thắng và các vị Bồ Tát quyền thuộc ba ngàn người cùng thường trụ trong ấy để diễn thuyết pháp”*.

Đức Như Lai ở bên Thiên Trúc, thành Đẳng Chánh Giác tại nước Ma Kiệt Đề, giảng kinh Hoa Nghiêm lần lượt tại bảy chỗ, tổng cộng chín hội. Hội đầu tiên được nói tại Bồ Đề Tràng. Hội thứ hai, hội thứ bảy, hội thứ tám đều giảng trong điện Phổ Quang Minh. Điện này cũng nằm trong Bồ Đề Tràng. Phẩm Bồ Tát Trụ Xứ là một phẩm được giảng

trong hội thứ bảy. Trước hết, nói đến bốn phương Đông, Nam, Tây, Bắc, rồi đến bốn phương bàng Đông Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc. Thứ tự của các phương vị rạch ròi chẳng loạn. Những kẻ ấy thấy có ba chữ “Quang Minh Sơn” liền tưởng ngọn núi ở phía Tây Nam được nói trong kinh Hoa Nghiêm ấy chính là Nga Mi của nước Chấn Đán (Trung Hoa), vì Nga Mi nằm ở phía Tây Nam Trung Quốc. Đối với câu kinh “*nay có Bồ Tát tên là Hiền Thắng*”, bèn làm lạc chú thích rằng: “*Tức là Phổ Hiền*”. Đức Phổ Hiền còn có tên là Biến Cát, chưa hề thấy Ngài còn có tên là Hiền Thắng! Viện dẫn kinh nhưng trái nghịch kinh sâu xa, ấy là muốn làm cho người khác sanh lòng tin lại ngược ngạo khiến cho người ta dấy lòng nghi!

Chẳng biết: Dầu vận dụng trí huệ của Như Lai hết cả kiếp cũng chẳng thể nói hết đức tướng của ngài Phổ Hiền! Trong tám mươi một quyển của bộ kinh Hoa Nghiêm, thần thông, trí huệ, đức tướng, đạo đức, công nghiệp của Phổ Hiền Bồ Tát được phô diễn rõ ràng đến hơn mười quyển! Nếu bỏ công nghiên cứu một chút, há chịu dẫn giải sai lầm! Giống như chỗ Luân Vương ngụ chính là vương đô (kinh thành), chỗ được quang minh chiếu đến sẽ trọn chẳng tối tăm. Do vậy, trong bộ Sơn Chí hiện tại, đặc biệt lập ra một môn gọi là Bồ Tát Thánh Tích. Trong môn ấy, chia thành sáu chương:

- 1) Một là Thích Danh, tức phần giải thích đại lược ý nghĩa danh hiệu Phổ Hiền.
- 2) Hai là Tu Chứng: Trích lục hai kinh Bi Hoa và Lăng Nghiêm để chỉ rõ nhân địa và công phu tu chứng của Bồ Tát. Theo kinh Như Lai

Bát Tư Nghị Cảnh Giới thì Bồ Tát thành Phật đã lâu, bốn địa của Ngài nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được.

3) Ba là Đức Tướng: Trích dẫn đại lược những đoạn kinh Hoa Nghiêm xưng tán Bồ Tát thần thông đạo lực chẳng thể nghĩ bàn.

4) Bốn là Pháp Yếu: Nêu đại lược những pháp trọng yếu do Bồ Tát đã nói, nhưng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ngõ hầu viên mãn Phật Quả, đây chính là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, biết một quyển kinh này rộng mở pháp môn Tịnh Độ, quả thật là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, phạm lãn thánh đều cùng nhiếp thọ, hành nhân đời Mạt đều nên y chỉ. Vì thế, sao lục toàn văn để mong mọi người cùng chứng Liên Bang.

5) Năm là Lợi Hành: Trích lục kinh Pháp Hoa, kinh Quán Phổ Hiền Hành Pháp để nêu đại lược những chuyện Bồ Tát bảo vệ, che chở hành nhân.

6) Sáu là Ứng Hóa: Chỉ rõ Bồ Tát chứng trọn cùng pháp giới, tùy loại hiện thân trong mười phương pháp giới, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Vì vậy, mười phương pháp giới chỗ nào cũng đều có thể là đạo tràng của Bồ Tát; nhưng Ngài muốn cho chúng sanh có chỗ để gieo lòng thành nên mới đặc biệt thị hiện ứng hóa ở núi Nga Mi. Phải biết: Bồ Tát ứng hóa gồm có Phổ và Chuyên. Phổ là đại chúng đều được đích thân trông thấy, Chuyên là chỉ

có chính mình tự hiểu rõ trong tâm. Ví như hiện tướng trên chót mây, mọi người đều cùng thấy; Bồ Tát hiện tướng đứng với viên quang trùm thân, dầu có rất nhiều người cùng đứng sát bên nhau nhưng mỗi người mỗi thấy thân Bồ Tát hiện cho chính mình, chẳng thấy thân hiện cho người khác. Đối với hai điều này, đủ biết Bồ Tát thân thông ứng hiện không ngăn mé; phàm phu, Nhị Thừa chẳng thể suy lường được! Đã có những nghĩa chẳng thể nghĩ bàn như thế, cần gì cứ phải làm lạc dẫn kinh văn để tự vu báng, trở thành trò cười cho người khác ư?

Những điều được chép trong bộ Sơn Chí cũ sai lạc rất nhiều. Như với truyện Thiên Tuế Bảo Chương trong quyển hai, nơi phần Nêu Tỏ Ý Nghĩa Các Kinh đã nói: Trước năm Quý Hợi (63) thuộc niên hiệu Vĩnh Bình đời Hán, Thiên Tuế Bảo Chương đã trụ tại núi này, Bồ Công thấy dấu chân nai giống như hoa sen, liền theo đường tắt đến hỏi chuyện ngài Bảo Chương. Ngài Bảo Chương dạy Bồ công qua Lạc Dương hỏi đạo với hai vị sư Ma Đăng và Pháp Lan. Năm Giáp Tý, Bồ Công qua Lạc Dương, yết kiến hai vị Sư. Người biên soạn Sơn Chí chẳng biết Giáp Tý (64) chính là năm thứ bảy đời Hán Minh Đế (58-75), năm ấy, vua mới sai Thái Âm, Tần Cảnh, Vương Tuân v.v... sang Tây Vực tìm kiếm Phật pháp. Đến năm Đinh Mão (67), tức năm thứ mười đời Hán Minh Đế, hai vị Sư mới theo những người ấy đến Lạc Dương. Theo truyện Bảo Chương trong Truyền Đăng Lục, ngài Bảo Chương đến Trung Quốc vào năm Kiến An hai mươi bốn (219) đời Hiến Đế (196-220) nhà Đông Hán. Vào thời Ngụy - Tấn, Sư vào đất Thục lễ đức Phổ Hiền, ở lại chùa Đại Từ. Trong bản Sơn Chí cũ, truyện này chỉ bỏ đi một câu “*Đông Hán, Hiến Đế...*”, sao chẳng lấy điều này để chứng tỏ

sự sai ngoa trong phần trên? Cả hai cảnh ấy đều còn mà vẫn chẳng thể nói ai đúng, ai sai được ư?

Trí Giả đại sư cả đời chẳng đến Tây Thục, mà bản Sơn Chí cũ cũng lập truyện. Lại còn nói đại sư với tôn giả Mậu Chân, Tôn Chân Nhân, đấu cờ vây trên bàn cờ khắc trên tảng đá dưới chân ngọn Hồ Ứng. Lại còn dựng Hồ Ứng Am để ở, đều dùng tiếng hô, tiếng đáp trong khi đấu cờ vây để đặt tên cho ngọn núi và am! Kẻ đặt ra thuyết này chẳng những không biết gì về ngài Trí Giả, mà còn hoàn toàn chẳng thông Phật pháp. Ngài Trí Giả cả đời đem thân phụng sự pháp, làm gương mẫu cho hàng hậu học, làm sao có thể hằng ngày cùng với ông tăng, đạo sĩ nhàn tản thường làm chuyện phạm giới cấm nhà Phật, vui chơi, đánh mất chí hướng cho được?

Ngài Huyền Trang sanh vào năm Giáp Tý, tức năm Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy Văn Đế. Anh Ngài là Tiệp pháp sư cho Ngài đi xuất gia, sống tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương. Năm 15 tuổi, do nhà Tùy sụp đổ, bèn đến Trường An, khi ấy nhà Đường mới thành lập, vẫn còn nhiều chuyện chưa thể giải quyết xong, chưa rảnh rỗi để hoằng pháp được. Ngài cùng với anh qua Thành Đô cầu học, chẳng bao lâu, tiếng tăm lan xa. Năm Vũ Đức thứ năm (622), thọ giới Cụ Túc ở Thành Đô. Sư tính lên kinh đô để mong nghe được những điều chưa từng nghe. Bị anh giữ lại, Sư bèn lén ra đi, theo đường Tam Hiệp đến Hán Dương, tới Tương Châu, theo đuổi chuyện cầu học, hoằng pháp. Sau đó đến Trường An, muốn theo gót các vị Pháp Hiển, Trí Nghiêm, bèn kết bạn, dâng sớ xin qua Tây Vực để cầu những kinh chưa có tại Trung Hoa. Thuở ấy, cõi đời mới thái bình, Trung Hoa và ngoại quốc còn chưa qua

lại, nên vua xuống chiếu không chuẩn tấu. Mọi người đều ngã lòng, riêng Sư chẳng khuất phục, vào tháng Tám năm Trinh Quán thứ ba (629) bèn lên ra đi, suốt cả mười bảy năm mới trở về Trung Quốc. Đến Vu Điền, Sư liền sai người dâng biểu lên Đường Thái Tông. Thái Tông ưu ái xuống chiếu đáp lời, lại còn hạ lệnh cho các quan chức có trách nhiệm dọc theo đường đi đều phải hộ vệ, đưa đón. Sư nghe vua muốn hỏi tội xứ Liêu Tân, sợ trùng trình sẽ chẳng gặp được nhà vua bèn lên đường đi suốt ngày đêm. Từ Lưu Sa đến Sa Châu, đều do đường Cam Túc mà đến, vua sắc các quan chức có trách nhiệm phải chuẩn bị nghi trượng nghênh tiếp. Đột nhiên Sư đã đến Tây Tào của kinh thành, vị quan chịu trách nhiệm nơi đó không biết xoay trở ra sao! (Do căn cứ theo hành trình mà chuẩn bị nghi trượng, nhưng vì Sư đi suốt ngày đêm nên mới đón hụt). Từ đấy, hằng ngày Sư lo phiên dịch. Sự nghiệp chưa hoàn tất đã tịch, lẽ nào có chuyện Ngài còn trở sang Tây Vực, đến động Cửu Lão núi Nga Mi, gặp đức Thánh nói kệ, truyền dạy kinh u? Chỉ vì đời đã xa, người đã khuất, qua bao lượt biển dâu, sách vở thất lạc, thiếu chứng cứ đến nỗi đem chuyện sai lầm truyền tụng sai lầm, không cách nào khảo cứu để sửa cho đúng được, nên mới thành ra như thế!

Vào cuối đời Minh, ông Hồ Thế An thích đi chơi núi, tuy tin Phật, nhưng chẳng lắng lòng nghiên cứu. Vì vậy, thâm thập rộng rãi những sáng tác nghệ thuật, biên tập thành bộ sách Dịch Nga Lại, thật ra Dịch Nga Lại chính là công trình sưu tập văn học cho bộ Sơn Chí của Tướng Hồ Thần đời Thanh. Hồ Thần tự cho là bộ Dịch Nga Lại đã thâm thập hết những trước tác chẳng sót một chữ nào, nhưng những gì ông ta sao

lục chẳng ngoài mô tả những ngọn núi chót vót, vách núi đẹp tốt vời, tình huông gió mây biến chuyển, chùa chiền hưng thịnh hay suy sụp mà thôi! Còn đối với nguyên do đức Phổ Hiền khởi lòng Từ, vận lòng Bi và tại sao tứ chúng cạn lòng thành tận lòng kính thì vẫn chưa thể hình dung được chút nào; huông hồ là quang cảnh rạng ngời nơi bồn địa của Bồ Tát, tâm tứ chúng khế hợp biến giác thì làm sao có thể hình dung cho được?

Thêm nữa, núi này xưa kia có quán, miếu của Đạo Giáo. Từ khi đại pháp hưng thịnh, họ lần lượt trở về với lẽ chân. Quả sáng diệt yêu quái, chói ngời dựng chùa nơi ngọn núi Trung Ương. Bọn khoác áo lông (đạo sĩ) cảm đức, lũ đội mũo vàng trở thành Tăng sĩ mặc áo thâm. Từ đấy, nhất trí tiến hành, quy y Tam Bảo, Đạo giáo mất tăm mất tích đã hơn một ngàn năm. Đối với những chuyện về đức Phổ Hiền và bậc cao tăng thuở trước đã có kinh truyện để khảo chứng mà bộ Sơn Chí cũ vẫn còn ghi chép lảm điều sai ngoa, huông hồ là những sự thực về Đạo Giáo vốn bị tuyệt tích đã lâu, há lại chẳng thể sai ngoa được ư? Hoàng Đế đến núi Không Động, hỏi đạo với Quảng Thành Tử, như đã chép trong thiên Tại Hựu sách Trang Tử thì làm sao lại có thể đến núi Nga Mi hỏi đạo nơi Thiên Hoàng chân nhân cho được?

Thiên Hoàng chân nhân chính là Quảng Thành Tử! Hoàng Đế là người có trách nhiệm với thiên hạ, đâu thể nào sánh với tăng sĩ hay đạo sĩ nhàn tản, tùy ý vân du! Đã đến Không Động hai lần, ắt có sở ngộ. Dẫu cho Quảng Thành Tử dời sang sống tại Nga Mi, lẽ nào Hoàng Đế lại tới Nga Mi? Huông chi đường sang đất Thực

gian nan, đến nay vẫn còn nghe tiếng than vang dậy. Trong thời Hoàng Đế, chẳng lẽ không khó khăn hơn hiện thời trăm ngàn lần ư? Vì thế, biết những điều ghi chép ấy đều là bịa đặt. Dầu cho cực đích xác đi nữa, cũng chẳng liên quan khẩn yếu, bởi những pháp được nói ấy đều là pháp thuộc về Nhân thừa và Thiên thừa trong Phật pháp. Đạo giáo ở Nga Mi đã tuyệt tích từ lâu, sao lại còn lập riêng pháp ấy để đến nỗi đời sau bị phân vân đôi đường, chẳng biết theo ngã nào? Bởi thế, đem những chuyện ghi chép ấy bỏ đi gần hết, hòng gương cao Phật nhật thích hợp khắp ba căn, chắc cũng được Thiên Hoàng chân nhân tán thành, chấp thuận!

Quang là một ông Tăng tâm thường, sao dám dôi xưng là bậc thông gia hòng tu chỉnh bốn bộ Sơn Chí của Tứ Đại Danh Sơn! Nhưng do ở đậu núi Phổ Đà hơn ba mươi năm; năm Dân Quốc 11 (1922), Tri Sự huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông đề xưng tu chỉnh bộ Phổ Đà Sơn Chí, thỉnh bậc túc nho trong vùng là tiên sinh Vương Nhã Tam chủ trì việc ấy. Đối với đạo Nho, có thể xưng tụng ông Vương là bậc bác lãm, nhưng đối với đạo Phật ông ta chưa hề nắm được đường lối. Ông ta tu chỉnh Sơn Chí xong, bậc kỳ túc trong núi sai Quang sửa chữa lại. Gần đây, Quang do khắc in các sách trọn chẳng được rảnh rỗi. Đến năm Dân Quốc 19 (1930), yểm quan tại thành Tô Châu, mới in ra sách, thì một đệ tử là Lý Viên Tịnh, nhiệt tâm làm chuyện công ích, nói: “Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa là Tứ Đại Danh Sơn của Trung Quốc, thầy đã sửa đổi bộ Phổ Đà Sơn chí thỏa đáng rồi đem ấn hành, nhưng ba

bộ Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa cũng chớ nên mặc kệ không quan tâm đến!”

Do vậy, đặc biệt cầu thỉnh người trước kia đã soạn Quán Âm Bồ Tát Tích Cảm Ứng Tụng, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỳ, và Phật Học Cứu Kiếp Biên là một đệ tử quy y ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây tức cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn cương yếu. Quang chỉ đảm nhiệm việc cắt xén cho thỏa đáng và ấn hành, còn việc giáo chánh đưa về cho vị hiện đang ở nơi xa lãnh nhiệm vụ Trụ Trì chùa Thọ Lượng ở Cám Châu là pháp sư Đức Sâm và cư sĩ Trần Vô Ngã. Thanh Lương Chí đã in thành sách vào năm ngoái. Nga Mi Chí chẳng bao lâu nữa cũng sẽ cho ấn hành. Cửu Hoa Chí chắc là trong khoảng từ Xuân sang Hạ năm sau sẽ in ra được. Bốn bộ Sơn Chí cũ chỉ có Thanh Lương Chí là hay nhất, kể đến là Phổ Đà Chí, Nga Mi Chí lại kém hơn nữa, Cửu Hoa Chí đứng hạng bét. Ấy là vì ba bộ Sơn Chí đều do hạng Nho sĩ chẳng thông hiểu Phật học sửa chữa, mới đến nỗi mua rương trả lại ngọc, kính trọng lính hầu, khinh mạn chủ nhân, chỉ dốc sức miêu tả hình thế núi non huyễn vọng, chẳng hình dung được chỗ Bồ Tát khởi lòng Từ, vận lòng Bi cứu khổ, ban vui. Chú trọng đến núi, chẳng chú trọng vào Phật, làm việc điên đảo. Tuy có Sơn Chí nhưng chẳng thể làm cho người thấy, kẻ nghe tăng trưởng thiện căn, gieo nhân Bồ Đề. Đây là chỗ ngụ ý sâu xa của bộ Sơn Chí hiện thời, nên tôi trình bày đại lược ý ấy. Nhưng vì chẳng phải là người đích thân trải qua cảnh sắc nơi ấy, nên chẳng thể hỏi han tường tận được, chỉ dựa theo bộ Sơn Chí cũ và các kinh truyện để tra cứu, điều chỉnh. Đối với những bậc danh đức

gần đây và những kiến trúc mới đều nhất loạt chẳng ghi thêm vào, để khỏi vướng lỗi sót tên bậc danh đức, bị chê bai “ghi tên một vị để sót cả vạn”. Người sáng mắt hiểu biết ắt sẽ lượng thứ cho!

24. Lời tựa tu chỉnh Cửu Hoa Sơn Chí

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Chân Như Phật Tánh, chúng sanh và Phật đồng thể, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng. Dẫu Tánh Đức tuy đồng, Tu Đức khác biệt, nên đến nỗi chúng sanh và Phật khác xa, khổ - vui khác biệt vời vợi! Chư Phật vì thuận tánh tu hành, do đây bỏ vọng về chân, trái trần hợp giác, đoạn sạch Phiền Hoặc, triệt chứng Chân Như Phật Tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Vì thế, được yên trụ trong Tịch Quang, vĩnh viễn hưởng pháp lạc Niết Bàn thường trụ. Chúng sanh vì nghịch tánh mà tu, do vậy mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, khởi Hoặc tạo nghiệp, hoàn toàn bị mê nơi Chân Như Phật Tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Do vậy, thường trụ trong Sa Bà, luôn chịu nỗi khổ huyễn vọng luân hồi trong sáu nẻo. Do chư Phật thấy chúng sanh về tâm thể thì đồng nhưng tâm tướng lại khác, nên thương xót khôn ngần, chẳng nài khổ nhọc, phát hoằng thệ nguyện độ thoát chúng sanh, bởi coi hết thấy chúng sanh đều là Phật vậy! Vì thế, kinh Phạm Võng nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh”*. Lại nói: *“Ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành. Thường tin được như vậy thì giới phẩm đã trọn đủ”*. Bởi lẽ, nếu đã tin chính mình là Phật trong tương lai, chắc chắn sẽ chẳng chịu tùy thuận phạm tình tạo nghiệp sanh tử, chắc chắn lập tức tin nhận lời Phật dạy, tu đạo Bồ Đề.

Có kẻ mê muội cạn, tức căn sâu xa, vừa nghe lời Phật dạy, liền được liễu ngộ, tin nhận phụng hành. Có những kẻ mê muội sâu xa, tức căn nông cạn, vừa nghe lời Phật dạy, liền ngược ngạo sanh lòng phỉ báng, hoặc còn hủy diệt cho hết sạch chẳng còn sót gì, bởi họ coi Phật là chúng sanh vậy! Dùng cái tâm chúng sanh tham - sân - si của chính mình để suy lường tâm Phật, cho những gì Ngài đã nói đều là những lời dối trá nhằm lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Phật, hoàn toàn chẳng chân thật, chẳng thể tin cậy được! Nếu tin theo sẽ vĩnh viễn đi vào nẻo mê, không cách gì thoát ra được. Đối với loại chúng sanh ấy, tâm chư Phật trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, càng sanh lòng xót thương yêu tiếc gấp bội. Như kẻ mắc bệnh cuồng, đánh chửi cha mẹ, cha mẹ chẳng trị tội mà lòng càng thêm thương xót, biết hẳn đã mất bản tâm rồi! Nếu lành bệnh cuồng sẽ tự chẳng mắc lỗi ấy.

Nếu là kẻ mê cực sâu, từ kiếp này sang kiếp khác cũng khó tỉnh ngộ, cho nên chư Phật thệ nguyện “độ thoát chúng sanh đến hết đời vị lai”, những vị Bồ Tát đã chứng Pháp Thân không vị nào chẳng đều như vậy. Những kẻ do tự tư tự lợi bèn báng Phật nếu biết được nghĩa này há chẳng thẹn đến chết ư? Kẻ mê cạn, tức căn sâu xưa nay chẳng thiếu người. Nay nêu lên những trường hợp đặc sắc nhất, như Thừa Tướng Trương Thương Anh đời Tống, cư sĩ Chung Đại Lãng thời Minh.

Thương Anh thoát đầu chẳng biết đến Phật pháp, do đến chơi một ngôi chùa, thấy kinh Phật trang nghiêm thù thắng, giận dữ nói: “Sách của người Hồ lại được trang nghiêm như vậy, sách của bậc thánh nước ta vẫn chưa thể sánh bằng”. Tới đến, cầm bút, rên rỉ, không viết được một bài nào. Phu nhân là Hương Thị khá tin Phật, thấy vậy bèn hỏi

chồng rên rĩ về chuyện gì. Ông đáp: “Ta định viết bài luận chứng minh không có Phật”. Phu nhân nói: “Đã là không có Phật, cần gì phải luận nữa! Mà ông đã từng đọc kinh Phật chưa vậy?” Đáp: “Ta đòi nào chịu đọc loại kinh ấy!” Phu nhân nói: “Đã chưa đọc kinh của người ta thì dựa vào ý nghĩa nào để luận định đây!” Ông bèn thôi.

Sau đây, ở chỗ bạn đồng liêu, thấy trên bàn có cuốn kinh Duy Ma Cật bèn ngẫu nhiên mở ra xem, cảm thấy từ lý cao siêu, tuyệt diệu, nhân đấy bèn thỉnh về đọc cho hết. Chưa được quá nửa, bèn sanh lòng hồi hận, ngộ đạo lớn lao, phát nguyện hết báo thân này hoằng dương pháp hóa. Đối với Giáo lữ Tông thầy đều tâm đắc, soạn cuốn Hộ Pháp Luận cực lực tán dương, luận ấy được đưa vào Đại Tạng. Ông ta vào triều làm Thừa Tướng đời Tống Huy Tông, lúc ấy hạn hán đã lâu, ngay đêm đó trời liền đổ mưa ngọt lai láng, Huy Tông viết hai chữ to “Thương Lâm” thưởng cho ông. Ấy là lấy ý nghĩa trong thiên Thuyết Mạng của sách Thương Thư: “*Nhược tuế đại hạn, dụng như tác lâm vũ*” (Như gặp năm bị hạn hán to, dùng người như được trận mưa dầm) để khen ngợi vậy.

Chung Đại Lãng người trấn Mộc Độc, Tô Châu, cha mẹ cầu đảo Quán Âm sanh được ông. Thuở nhỏ theo cha mẹ lễ tụng, nhưng đến khi đi học, nghe được cái học của đạo Nho bèn lấy việc hoằng dương đạo Nho làm trách nhiệm của chính mình. Do vậy, chẳng những không lễ tụng mà còn tự tiện viết văn báng Phật. Về sau, đọc bài tựa cuốn Tự Tri Lục của Liên Trì đại sư mới biết hổ thẹn, chẳng còn báng Phật nữa. Đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh, ông liền phát tâm học Phật làm cư sĩ, rồi nghiên cứu các sách của Thiên Thai và Thiên Tông, mỗi

mỗi đều có sở đắc, bèn lễ môn nhân của Hám Sơn đại sư xin xuất gia, pháp danh là Trí Húc, tự là Ngẫu Ích. Giới hạnh trong sạch như băng tuyết, kiến địa sáng tỏ như nhật nguyệt, nhưng Ngài chú trọng một pháp Tịnh Độ. Do chúng sanh đời Mạt chẳng nương theo Phật lực, quyết khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Cả đời hoằng pháp, chẳng làm Trụ Trì, do thường ngụ tại chùa Linh Phong ở núi Bắc Thiên Mục nên người đời sau thường gọi ngài là Linh Phong, chứ thật ra Ngài chẳng phải là chủ nhân của Linh Phong!

Như bọn Hàn, Âu báng Phật, chỉ căn cứ theo những hành vi luân thường gần gũi của đạo Nho và lấy lễ nhạc, hình phạt, sự cai trị để luận, trợn chẳng dẫn kinh văn nhà Phật để luận. Do vậy, biết những lời chê bai của bọn họ đều là chưa thấy màu sắc đã bàn luận mù quáng. Họ Hàn (Hàn Dũ) do gặp được thiền sư Đại Điền, họ Âu (Âu Dương Tu) do gặp được đại sư Minh Giáo mới hơi biết về Phật, nên chẳng thể hoằng dương như họ Trương, họ Chung được! Nhưng những ông Châu, Trình, Trương, Châu đời Tống là người tiếp nhận được đạo tâm truyền của Khổng Mạnh xét về nguồn gốc đều do học Phật mà được. Ông Châu Mậu Thúc người cực thuần hậu, trợn chẳng báng Phật một chữ. Hai ông Trình, họ Trương và họ Châu thì ngấm ngấm khâm phục, ngoài mặt chống đối, họ lấy những ý nghĩa sâu thẳm trong kinh Phật để giải thích kinh điển đạo Nho, sợ người đời sau bảo những gì họ nói đều phát xuất từ kinh Phật bèn cực lực báng bỏ thật sự, thật lý “nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo” do đức Phật đã nói, cho là Phật bịa chuyện để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu, ngu phụ tin thờ giáo pháp của Phật, chứ thật sự không hề có chuyện ấy!

Từ đây trở đi, phàm là nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích là dị đoan. Phàm bọn Lý Học đều lên lút xem kinh Phật để tự hùng, nhưng đều cực lực báng Phật để tự củng cố địa vị, danh tiếng, đến nỗi càng lúc càng đi xuống, cho nên mới diễn ra thảm kịch tai họa liên miên, dân không lẽ sống! Nếu như mọi người đều đề xướng nhân quả sẽ hoàn toàn chẳng đến nỗi cùng cực như thế này. Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để chư Phật độ chúng sanh. Bỏ nhân quả đi sẽ không thể lập ra cách nào khác được! Nay đời loạn đến cùng cực, mong cõi đời yên ổn, mà nếu vẫn chẳng lấy nhân quả làm gốc thì cái họa mai sau sẽ còn thê thảm kịch liệt hơn nữa!

Cửu Hoa Sơn là đạo tràng ứng hóa của Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước đã chứng Pháp Thân từ lâu, đã thành Phật đạo, nhưng chẳng ở địa vị Phật. Do phát nguyện “độ hết chúng sanh mới chứng Bồ Đề, địa ngục chưa trống thề chẳng thành Phật”, tâm xót thương chúng sanh chịu nỗi khổ sanh tử sâu đậm, thiết tha không cách nào diễn tả được! Vì thế, khi đức Phật vì mẹ thuyết pháp trên cung trời Đao Lợi, mười phương thế giới chư Phật, Bồ Tát, thiên long bát bộ đều đến dự hội, dấu dùm Phật nhân vẫn chẳng thể tính biết được! Những vị Phật, Bồ Tát ấy đều do ngài Địa Tạng giáo hóa nên mới đắc đạo quả, nhưng ngài Địa Tạng vẫn hiện thân dưới hình thức Thanh Văn. Ngoài việc hiện đủ mọi loại thân để thuyết pháp trong mười phương thế giới ra, Ngài lại thường trụ trong chốn u minh khổ sở tội bậc để cứu độ. Mười phương chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng tán thán tấm lòng

sâu thăm “hung lòng Từ, vận lòng Bi” của Ngài. Đại sư Ngẫu Ích vừa đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên liền phát đại Bồ Đề tâm, do đức Địa Tạng là thầy của chư Phật, là mẹ của các Bồ Tát vẫn còn miệt mài chuyên chú độ bọn ta, nếu bọn ta chẳng coi “ta và người cùng thoát sanh tử” là chí hướng, sự nghiệp thì cô phụ từ ân cũng lớn lắm thay!

Bồ Tát thị hiện giáng sanh tại nước Tân La vào đời Đường (Trước thời Đường Cao Tông, vốn có ba nước Cao Câu Ly, Tân La, Bách Tế riêng biệt. Đường Cao Tông diệt Cao Câu Ly, đất đai của Bách Tế đều gộp vào nước Tân La, hợp thành một nước. Thời Ngũ Đại, Vương Kiến kế thừa nước Tân La, đặt quốc hiệu là Cao Ly. Từ đầu đời Minh đến nay, đặt tên nước là Triều Tiên. Người ta thường cho Tân La chính là Tiêm La, thật làm vậy), dòng dõi nhà vua, họ Kim, tên Kiêu Giác, đến năm Vĩnh Huy thứ tư (653) đời Đường Cao Tông, Sư đến núi Cửu Hoa, sự khổ hạnh tu tập của Ngài trong cõi đời không ai hơn được. Thức giả coi Ngài là Địa Tạng thị hiện, xin coi chi tiết trong Sơn Chí, ở đây không cần phải viết nhiều. Nhưng những kẻ câu nệ, hẹp hòi, chẳng biết hành trạng phân thân ứng hóa trong cõi nước nhiều như số vi trần của Bồ Tát, thường nói vị Địa Tạng này chẳng phải là Địa Tạng trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên. Nếu vậy thì cũng có thể nói Bồ Đại Hòa Thượng chẳng phải là Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Bồ Tát hay sao? Núi này kể từ khi được Bồ Tát kiến lập đạo tràng trở đi, sau nhiều năm tháng sâu xa, bao lượt đổi thay, đến nỗi sách vở thất truyền. Đến thời Gia Tĩnh nhà Minh, mới biên tập Sơn Chí. Từ thời Vạn Lịch, Sùng Trinh nhà Minh cho đến Khang Hy, Càn Long, Quang Tự nhà Thanh,

trải qua sáu lần biên soạn Sơn Chí đều do triều đình chủ trì, do Nho sĩ biên tập. Đối với lòng hoẵng từ đại bi của Bồ Tát, ý nghĩa tinh diệu của pháp môn đều chưa nêu tỏ được, nên chẳng khác gì những sơn kinh thủy chí tầm thường, thật đã mất đi ý nghĩa của một đạo tràng vì nước cầu an, vì dân chúc phước nơi danh sơn, nhưng cũng không có câu chữ nào hủy báng Phật pháp. Bộ Sơn Chí thời Quang Tự, khi Châu Sơn Môn tu chính đã đưa thêm vào rất nhiều lời văn hủy báng hòng phô phang tri kiến cao minh của chính mình, buộc Tăng chúng bỏ tiền, nhưng bản thảo vẫn giữ tại công đường nơi huyện lỵ, không cho phép khắc in, tôi chẳng biết ý ông ta như thế nào!

Do ông Lý Viên Tịnh xin tu chính, tôi bèn cậy cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh xem xét, hiệu đính, nhờ thầy Đức Sâm biên tập. Sách đã hoàn thành (hết thầy nhân duyên thành tựu, trong lời bạt của thầy Đức Sâm nơi quyển cuối đã nêu cặn kẽ, ở đây không nhắc lại nữa). Do vậy, trình bày đại lược lòng đại từ bi sâu xa của Bồ Tát hòng người thấy kẻ nghe ai nấy đều sanh chánh tín, ngõ hầu cậy vào từ lực của Bồ Tát thoát khỏi nỗi khổ huyễn vọng, được sự vui rớt ráo. Nhân đó, bèn tán rằng:

*Đại Sĩ thế nguyện bất khả trắc,
 Vận bi châu biến trần sát quốc,
 Chúng sanh tận hậu thế phương hưu,
 Địa ngục không thời nguyện thí tức,
 Thọ hóa đã thành vô thượng đạo,
 Tự thân do thị Thanh Văn tích,
 Chỉ duyên sanh Phật tánh duy nhất,*

Dục linh đồng hoạch Cứu Cảnh Tức.

(Đại Sĩ thế nguyện há thể lường,

Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,

Chúng sanh độ hết mới xong thế,

Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.

Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,

Tự thân vẫn hiện tướng Thanh Văn,

Chúng sanh và Phật tánh vốn một,

Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương)

25. Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyên Lục

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng được nêu lên, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rõ ráo. Bậc Đấng Địa Bồ Tát vẫn chưa thể thấu hiểu triệt để đến tận nguồn tận đáy được, huống là phàm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nhưng rút lấy những ý nghĩa trọng yếu trong giáo pháp nhà Phật thì chỉ là mong sao chúng sanh hiểu rõ tự tâm, chứng Phật tánh triệt để. Muốn hiểu rõ tự tâm để chứng Phật tánh, ắt phải dùng Giới để trói buộc cái thân, dùng Định để dứt vọng, dùng Huệ để đoạn Hoặc ngộ hầu có thể tự thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, chứng Niết Bàn chân thường. Về thứ tự tu trì thì nên lấy việc mở mang trí kiến của chính mình để dẫn đường, dùng Tín - Nguyện - niệm Phật làm Chánh Hạnh, lấy vạn thiện trang nghiêm làm Trợ Tu. Vì thế, sách này xếp Kim Cang Kinh lên đầu, rồi

đến Tâm Kinh, Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm, Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương, A Di Đà Kinh, Vãng Sanh Chú, Niệm Phật Khởi Chi Nghi (nghi thức niệm Phật), Phát Nguyện Văn, và các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, hoặc kiêm trì các thứ, hoặc chuyên trì một thứ đều nhằm để giúp cho sự tu trì Tịnh nghiệp ngõ hầu triệt ngộ “*Ngũ Uẩn vốn là không, các pháp chẳng có tướng*”, hành khắp muôn hạnh nhưng chẳng thấy tướng năng hành, chuyên chí niệm Phật mà hiểu rõ “*tâm làm, tâm là*”.

Tu được như thế sẽ nhanh chóng ra khỏi đường mê, lên thẳng bờ giác! Ấy là vì chúng sanh đời Mạt chướng sâu, huệ cạn, nếu chẳng cậy vào Phật lực, thật khó thể giải thoát, bởi một pháp Niệm Phật chính là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; so với hết thấy những pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hồng liễu sanh tử thì khác biệt một trời, một vực! Lại muốn cho sơ cơ hành nhân biết sâu xa nguyên do của các pháp môn, hai chúng tại gia trong cuộc sống hằng ngày và trong luân thường có thể dung thông cả Chân lẫn Tục, trọn hết cả Phật lẫn Nho, nên bèn in kèm theo Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh và những khai thị về tu trì Tịnh Độ để làm quy củ, chuẩn mực hồng cái ác hướng thiện, hướng lành tránh dữ, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngõ hầu ngay trong đời này liền vượt ra ngoài tam giới lục đạo, vào thẳng chín phẩm sen bảy báu. Nguyện những người tu đều cùng ra sức chú ý.

26. Lời tựa sách Tịnh Độ Thiên

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, đối với người tại gia lại càng khẩn yếu; vì người tại gia ai nấy đều có công việc, chẳng dễ gì tham cứu những pháp như Thiền, Giáo v.v... được! Chỉ có pháp Niệm Phật này là khế lý, khế cơ nhất. Thật thà cảm cúi niệm Phật, niệm đến lúc nghiệp tận tình không thì *“bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”*, Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh thủy đều tỏ lộ trọn vẹn sát sao. Đến khi lâm chung, chắc chắn lên Thượng Phẩm. Nếu như căn cơ kém hèn chưa thể nghiệp tận tình không, nhưng do lòng thành tin tưởng chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ có thể cảm ứng đạo giao với Phật, đích thân được Phật tiếp dẫn, liền được đơi nghiệp vãng sanh. Tịnh Độ mâu nhiệm chính là ở chỗ này đây!

Nếu chẳng biết nghĩa này, dầu tham thiền đạt được cốt tủy, khán Giáo minh tâm, hễ còn mảy may Hoặc nghiệp chưa hết sạch thì vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể thoát lìa được! Hãy chớ nên tự ý lại, để đến nỗi bị hàng ngu phu ngu phụ do niệm Phật cầu sanh Tây Phương được đơi nghiệp vãng sanh phải thương xót! Than ôi! Kẻ ngu đại tâm thường tốt bậc phần nhiều đạt được lợi ích thật sự, còn người đại thông minh chẳng mong chi sát cánh kẻ vai! Phần đông là vì ý mình thông minh, tuy có Phật lực vẫn chẳng chịu nương cậy, rốt cuộc phải luân chuyển số kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Từ xưa, bậc cổ đức vốn sẵn mang lòng Bi của Phật đề xướng Tịnh Độ, bao nhiêu trước thuật nhiều khôn kể xiết, nhưng phần lớn viết bằng thể loại Văn Ngôn, chẳng thuận tiện cho hạng bình dân.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vốn dựa theo bốn kinh Tịnh Độ và ý tứ từ những trước thuật của cổ đức, dùng lời văn nói (Bạch Thoại) để xiển dương Tịnh tông. Tuy nội dung sách được chia thành mười môn, lời văn gần đến một vạn chữ, nhưng mỗi chữ mỗi nghĩa đều xuất phát từ kinh Phật hay lời Tổ, trọn chẳng tự lập ý kiến để tự khoe khoang đến nỗi mắc lỗi “lầm người, hoại pháp”! Do thấy sách này có ích cho kẻ sơ cơ, Phật Học Thư Cục đặc biệt xếp nó vào loại tiểu tụng thư để sách được lưu truyền rộng rãi. Nay lại in riêng theo lối chữ Tam Hiệu Đại Tự để những người lớn tuổi mục lực suy yếu chẳng bị khó đọc. Lại cậy Quang viết lời tựa dẫn giải hồng khơi gợi chánh tín. Những nghĩa trọng yếu khác trong sách đã tự có đủ, không cần phải rườm rà! Phải biết pháp môn Tịnh Độ là biển pháp để hết thảy các pháp đổ về. Nếu ai tin được như thế, người ấy liền có thể cao đăng chín phẩm ngay trong đời này, tương lai chắc chắn viên mãn Tam Giác. Có kẻ cho lời ấy nói quá lớn, tôi thưa: “Tội lỗi này tôi đâu dám gánh vác, đã có Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật gánh chịu rồi!”

27. Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Văn Biện và Công Quả Cách

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cổ nhân nói: “*Tử sanh diệc đại hỷ, khả bất bi tai!*” (Chết - sống cũng lớn thay, chẳng đáng buồn ư?) Biết chết - sống đáng buồn, hãy nên cầu lấy pháp có thể liễu được sanh tử thì chuyện đáng buồn sẽ biến thành đáng vui. Nếu chẳng cầu pháp liễu sanh tử, sanh lòng bi cảm xuông, có ích chi đâu? Đại trượng phu sống trong thế gian, không chuyện nào

chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà! Mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người! Do vậy nói rằng: “Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!” Phải biết: Pháp môn vô lượng, nhưng đều phải dùng tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có phần liễu sanh tử, nên chúng sanh đời Mạt hơi khó thể được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất, do cậy vào Phật từ lực nên dầu là kẻ chưa đoạn được Hoặc nghiệp vẫn có thể thoát khỏi cõi Sa Bà này, lên cõi Cực Lạc kia. Pháp môn Tịnh Độ quả thật là một sự nương tựa lớn lao cho hạng không có sức đoạn Hoặc như lũ chúng ta.

Vì thế, cư sĩ Châu Tiếp Thần chỉ sợ người đời quen thói chấp thường, chẳng chịu tu tập đến nỗi tự làm. Do vậy, đem những thứ nghi tình chính mình từng ôm ấp trước kia, mỗi mỗi đều mổ xẻ rạch rời để hướng dẫn hết thảy mọi người cùng hàng. Lại còn đính kèm những thiên sách khuyên hiếu răn dâm để làm những hướng dẫn hồng nghiêm ngặt vâng giữ điều thiện tột bậc, răn dè điều ác tột bậc, ngô hầu nền tảng vững vàng, tiến tu không bị vướng mắc. Lại sợ bị sai sót trong luân thường và xử sự hằng ngày nên đem Công Quả Cách in kèm vào phần sau. Trộm nghĩ: Công Quả Cách này chính là nhiệm vụ trọng yếu để cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, hễ tận hết tâm lực thực hiện thì lo chi chẳng đạt đến địa vị thánh hiền. Phàm những ai có chí mong

thành thánh thành hiền, xin chớ vì pháp này vụn vặt rồi xem thường thì tốt đẹp lắm thay!

Thêm nữa, Công Quá Cách viết theo thể văn xuôi, chẳng thuận tiện tụng thuộc. Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn thật sự là cội nguồn của Công Quá Cách; vì thế, cung kính chép vào đầu sách để mong sao sáng chiều tụng đọc, chiếu rọi lẫn nhau, ngõ hầu ba nghiệp thanh tịnh, một dạ thuần thành, chuyên dốc, hòng đáng sanh ra ta khỏi thẹn, hành vi trở thành mẫu mực cho cõi đời. Do vậy, thế pháp lẫn Phật pháp một bề cùng tu, thành tựu chính mình, thành tựu người khác, trọn chẳng sai biệt. Trước là kế thừa bậc thánh đời trước, sau là mở mang nếp học cho người sau, tán trợ quyền sanh trưởng, giáo hóa của trời đất, giúp cho đất nước yên lành, đều do những lời lẽ tâm thường, hành vi tâm thường ấy mà đạt được! Nếu bỏ đi những điều này chẳng thực hành, cầu lấy pháp huyền diệu nào khác, dẫu cho sở đắc lớn lao vẫn chỉ có thể lợi lạc cho hạng căn tánh nào đó mà thôi, huông chi là kẻ chuyên chuộng bàn xuông mà hòng được lợi ích ư?

28. Lời tựa cho bộ Giác Hậu Biên

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Khổng Tử nói: “*Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã*” (Tánh thì gần giống như nhau, nhưng do rèn luyện mà thành khác xa nhau). Tánh chính là bản thể của Giác, Tập chính là công dụng của Giác. Tánh thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật trọn chẳng khác nhau, nên nói “*tương cận*”, cũng giống như nói: “*Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý*” (con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này). “Tập” thì có thuận tánh, nghịch tánh sai khác. Thuận theo tánh thì suy tư, nảy sanh ý

niệm, xử sự đều tự có thể nén giận, khắc chế được ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Cho đến khi nhân dục hết sạch, thiên lý thông suốt, sẽ khôi phục trọn vẹn giác tánh nơi bản thể, cho đến trở thành hiền thành thánh, vượt ra ngoài điều mong đợi lúc ban đầu. Người như thế gọi là Giác Giả. Người đã giác ngộ trước (tiên giác) đem điều chính mình đã giác để giác ngộ kẻ chưa giác, khiến cho họ đều cùng được giác, khiến cho những kẻ chưa giác sau đây mỗi mỗi đều giống như bậc tiên giác vậy.

Đại pháp để kế thừa đời trước, mở mang cho đời sau, tham dự quyền sanh thành giáo hóa của trời đất, duy trì thiên hạ hậu thế ấy cũng chính là nguyên do vì sao con người cùng với trời đất được xưng là Tam Tài vậy. Vì thế, Y Doãn nói: *“Dư thiên dân chi tiên giác giả dã, dư tương dĩ tư đạo giác tư dân dã, phi dư giác chi nhi thùy dã”* (Ta là người giác ngộ trước hết thấy nhân dân, ta phải đem cái đạo ấy để giác ngộ cho những người dân ấy. Chẳng phải là ta giác ngộ họ thì còn ai vào đây nữa?). Ông ta đã coi hết thấy nhân dân như thánh hiền, nhân dân nghe được lời lẽ ấy, ai chịu tự hạn cuộc trong phạm ngu hèn, chẳng thể không sốt sắng tu trì để tiến thẳng vào địa vị thánh hiền ư? Tiếc cho đời sau chưa được bậc tiên giác chỉ dạy, thường mê chân, đuổi theo vọng, trái giác, xuôi trần, rong ruổi trong thanh, sắc, của cải, lợi lộc, đến nỗi đạo đức, nhân nghĩa đều bị bỏ lửng hết. Tuy cùng sẵn có giác tánh ấy, nhưng vì trái nghịch nên không những chẳng thể là hiền thánh, mà trái lại còn đọa xuống phạm ngu tối, tầm thường, thành phường bạo loạn, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

Kinh Thư dạy: “*Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh*” (Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh) nên chẳng thể không miệt mài tìm tòi đạo hậu giác (giác ngộ cho người chưa giác)! Cư sĩ Chánh Định Vương Khắc Am là một vị ẩn sĩ vào đời Thanh xưa kia, do cõi đời đang trong thuở Mạt, khó thể thân cận thánh hiền, không thể do đâu mà bắt chước theo khuôn phép được, hạng người bình thường lại chẳng thể lãnh hội những lời lẽ trong sáu kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Do vậy, bèn chọn lọc những lời dạy trong Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Công Quả Cách... và những lời lẽ tốt lành về hiếu thảo cha mẹ, kính trọng bậc trưởng thượng, giữ thân, xử thế, sửa lỗi hướng thiện từ những trước tác của những bậc hiền triết xưa nay, biên soạn thành một tập sách, tổng cộng gồm mười bốn môn. Đầu tiên là Minh Tông (nêu rõ tông chỉ), sao lục ba thứ cảm ứng để làm tổng cương (cương lãnh tổng quát), mỗi môn sau đó đều nhằm nêu tỏ ý nghĩa “những khuôn phép nên tuân theo, những điều nên răn dè” thuộc về ba thứ cảm ứng ấy.

Nếu người đời sau đọc được cuốn sách này sẽ giống như giở cái lưới lên, mọi mắt lưới đều căng ra, gốc đã lập đạo bèn sanh, phạm mỗi lời nói, mỗi hành động không gì chẳng theo đúng khuôn khổ. Giống như vàng lỏng đổ vào cái khuôn tốt đẹp, lẽ đương nhiên phải trở thành món vật đàng hoàng; như giống lúa tốt được đắm mưa ngọt, chắc chắn mùa màng bội thu. Thiện quả thế gian đã đạt được thì ai chịu vạch đất tự hạn chế, chẳng chịu chăm chú tu trì pháp môn Tịnh Độ để mong chúng trọn vẹn giác tánh ấy, để trở thành vô thượng đại giác trong thế gian lẫn xuất thế gian ư? Em ông ta là Lôị Hạ tính lưu truyền sách này,

đưa cho tôi xem. Do vậy bèn quyên mộ tiền bạc ấn loát để lưu truyền rộng rãi. Người có duyên gặp được hãy nên đọc kỹ, nghĩ chín, đừng để luống qua thì may mắn lắm thay!

29. Lời tựa sách Học Phật Thiển Thuyết

(năm Dân Quốc 13 - 1924)

Phật pháp rộng sâu như biển cả, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tận nguồn đáy. Chín pháp giới kia dù thánh - phàm, lợi - độn khác nhau, ai nấy đều tùy theo khả năng của chính mình để tu tập hòng chứng nhập. Ví như Tu La, hương tượng và muối mòng uống nước biển cả, mỗi loài uống no bụng rồi đi. Nếu muốn một hơi hút cạn hết, trừ phi là kẻ có dung lượng bằng biển cả mới làm được. Nếu không, chỉ có thể đích thân ném vại nước biển, chưa dễ gì thấu tận nguồn đáy được! Nhưng Phật pháp chính là pháp sẵn có trong tâm của hết thảy chúng sanh, ngoài cái tâm của chúng sanh ra, trọn chẳng có pháp nào thêm vào được vì bản thể của tâm hết thảy chúng sanh và tâm Phật chẳng hai! Nhưng do mê muội chưa ngộ, bèn khởi Hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp chịu khổ, đến nỗi trí huệ đức tướng sẵn có nơi cái tâm ấy bị phiền não, ác nghiệp che lấp giống như mây phủ kín mặt trăng, chẳng thấy được tướng sáng. Tuy chẳng thấy được tướng sáng, nhưng tướng sáng của mặt trăng vẫn tự thường chẳng biến đổi, trọn chẳng bị giảm suy. Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Từ vô duyên, vận lòng Bi đồng thể, tùy thuận cơ nghi thuyết pháp. Tuy tùy theo căn cơ đặt ra Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, đủ mọi thứ sai khác, nhưng bản ý của đức Phật không lúc nào chẳng nhằm làm cho hết thảy chúng sanh đều

trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, thành tựu Phật đạo vốn sẵn có mới thôi!

Do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng chưa dễ gì tiêu trừ, nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ tín nguyện niệm Phật để hết thảy dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí, đều cùng nương vào hoàng thệ nguyện lực của đức Di Đà vãng sanh Tây Phương hòng khôi phục tâm tánh sẵn có, thành vô thượng Bồ Đề dễ dàng. Từ khi Phật pháp được truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), hơn một ngàn tám trăm năm qua, phàm là bậc vua thánh, tôi hiền, vĩ nhân, danh sĩ, không ai chẳng tuân phụng lời Phật dạy dò mà hộ trì, lưu truyền, bởi lẽ Phật pháp tuy thuộc pháp xuất thế, nhưng tất cả đạo xử thế trong cõi đời đều được bao gồm chẳng sót. Phàm những gì Phật pháp đã nói về cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tứ trung thành đều chẳng khác gì với những điều thánh nhân thế gian đã nói. Thánh nhân thế gian chỉ dạy dỗ con người trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, còn đức Phật dạy rõ báo ứng thiện - ác của việc trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận và không trọn hết tình nghĩa, không trọn hết bổn phận. Trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận thì chỉ có thể dạy bậc thượng trí; còn nếu là kẻ bầm tánh ương bướng, kém cỏi, nếu không giả vờ làm, ắt sẽ chống trái. Nếu biết báo ứng thiện - ác thì muốn làm lành ắt sẽ gắng sức, muốn làm ác ắt chẳng dám làm. Đối với những pháp nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã nói, kẻ sâu sắc sẽ thấy là sâu sắc, kẻ nông cạn sẽ thấy là nông cạn. Dùng những pháp ấy để tu tâm sẽ có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Dùng những pháp ấy để giữ yên cõi đời sẽ thắng được tàn bạo, bỏ được

giết chóc, bỏ sự bạc ác trở thành thuần lương. Gần đây, thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến cực điểm, đua nhau đề xướng cách thức mới, vứt bỏ đường lối cũ. Ngay như cả mối quan hệ cha - con, vợ - chồng họ còn muốn đập đổ, hướng chi những mối quan hệ nhỏ hơn ư?

Vì thế, thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Những người có tâm lo cho thế đạo muốn cứu vãn, đều khuyên khắp mọi người nghiên cứu Phật học, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, cho đến ngàn, đến vạn, không ai chẳng ngả theo chiều gió mong sao thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đây quả thật là pháp luân căn bản để dứt đời loạn, vãn hồi vận nguy, uôn nắn thế đạo lòng người vậy. Đang trong thời này, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để dạy dỗ, dù thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết phải làm như thế nào! Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu, dầu là kẻ thiên tư cao thượng cũng khó lòng đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử!

Cư sĩ Vương Bác Khiêm túc căn sâu dày, tâm cứu đời tha thiết, lại còn là chủ bút một tờ báo, nắm máu chốt thao túng ngôn luận, muốn khiến cho mọi người cùng hàng đều cùng học Phật. Do kinh luận, trước thuật Phật giáo văn sâu nghĩa thẳm, dầu là văn nhân sẵn đủ trí huệ nghiên cứu lâu ngày vẫn khó thể hiểu được máu chốt để bước vào chỗ sâu thẳm, hướng hồ ngu phụ ngu phụ ư? Do vậy, ông ta đem những lý chính mình đã thấy soạn thành Học Phật Thiên Thuyết (những lời bàn nông cạn về sự học Phật) gồm hai mươi thiên, nhất loạt dùng những

chữ nghĩa thông tục, nhưng những lời lẽ ấy vốn đều xuất phát từ kinh luận của Phật, Tổ, chẳng qua mượn lối văn đơn sơ, rõ ràng để trình bày, mong sao người nhả kẻ tục cùng xem, trí hay ngu đều thấu hiểu vậy! Do Quang hình tích tuy khác, nhưng chí đạo vốn đồng, ông Bác Khiêm đã trông lòng hỏi xuống, đem bản thảo gửi cho xem, làm lạc cây Quang giám định, sửa chữa để tiện lưu truyền. Do vậy bèn đọc kỹ càng, khôn ngoan hoan hỷ, bày tỏ nỗi lòng ngu độn để tỏ sự đồng ý. Nguyên khắp những người đọc đều sanh lòng tin, bao nhiêu lợi ích sẽ tự chứng biết.

30. Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiền Tịnh Song Úc

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Tâm đăng của Phật - Tổ thường luôn sáng ngời. Lý tốt cùng Thiền - Tịnh tràn ngập pháp giới, ai nấy đều sẵn có, cần chi phải tán dương? Do vì kẻ chưa hiểu rõ mà phải ghi chú tỉ mỉ bên dưới! Kinh Phạm Võng dạy: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh”*. Lại nói: *“Người là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành”*. Trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát trông thấy tứ chúng đều lễ bái thưa: *“Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật”*. Trong hội Hoa Nghiêm, khi đức Như Lai thành Đăng Chánh Giác, than rằng: *“Lạ thay! Hết thấy chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí sẽ được hiện tiền”*. Do vậy biết chúng sanh về bản thể là Phật, nhưng vì mê muội nên chưa ngộ, hoặc ngộ nhưng chưa chứng, nên chẳng thể tránh khỏi vẫn là chúng sanh!

Pháp khiến cho họ được ngộ, không chỉ hơn tham Thiền, tức tham cứu điều thường được gọi là “*thấy được bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*” nhằm dạy con người hướng về lúc trước khi dấy lên ý niệm để đích thân thấy được chủ nhân ông. Nếu có thể thấy triệt để thì gọi là Ngộ; nhưng phiền não chưa đoạn thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi y như cũ! Nếu có thể đoạn hết sạch Phiền Hoặc thế gian thì mới vượt khỏi được ba cõi. Do vậy, biết rằng Chứng là chuyện lớn lao, chẳng dễ dàng gì! Vì thế, chẳng thể không nương vào tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong cậy vào Phật từ lực đởi nghiệp vãng sanh! Suy nghĩ chín chắn nghĩa này, sẽ biết Như Lai đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ chẳng phải chỉ để tiếp dẫn riêng hạng hành nhân tầm thường mà thật ra còn nhằm bảo vệ những người đã có ngộ chứng trong Tông, trong Giáo, nhưng chưa đạt đến mức “phàm tình lẫn thánh kiến đều bất khả đắc”.

Phiền Hoặc hết sạch đương nhiên sẽ giải thoát. Người đã ngộ đã chứng nhưng chưa đạt đến mức cùng cực, nếu không có pháp môn Tịnh Độ che chở, nhiếp trì thì những hành nhân ấy lại phải thọ sanh, kẻ bị chìm đắm thì nhiều mà kẻ tấn tu thật ít! Cảm ân đức của Phật khiến con người khôn ngoan nghẹn ngào ứa lệ! Đại sư Liễu Nhiên túc căn sâu dày, từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Do những bài kệ của Thất Phật và ba mươi ba vị Tổ của Tây Trúc, Đông Chấn (Trung Hoa) văn sâu nghĩa thẳm, thật khó thể lãnh hội,

Sư bèn chú thích rõ ràng, thêm vào một vài câu chữ khiến ý nghĩa càng được sáng tỏ, bèn đặt tên là Phật Tổ Tâm Đăng.

Tiếp đó, Sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh Độ quả thật là biển pháp rất sâu để chur Phật, chur Tổ tự lợi, lợi người rốt ráo, hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp này. Do vậy, sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì để mong được vãng sanh ngay trong đời này hòng thỏa ý nguyện ban đầu, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiên và Tịnh, lời lẽ đích xác, thiết thực, khiến người khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiên Tịnh Song Úc (Thiên và Tịnh cùng ra công gắng sức).

Tuy đề xưng Thiên Tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh Độ ngộ hầu người đã ngộ chứng lẫn kẻ chưa ngộ chứng đều cùng được liễu thoát ngay trong đời này. Bạn của Sư là đại sư Đức Sâm muốn ấn hành lưu truyền, cậy tôi thẩm định và thuật những ý nghĩa cốt yếu; do vậy, bèn thâu tóm những ý nghĩa quan trọng để giải bày. Điều đáng tiếc là văn tự lẫn ý nghĩa của hai cuốn sách ấy hơi sâu, kẻ sơ cơ thông thường chưa thể vừa đọc đã hiểu rõ được ngay, nhưng sách tiếp dẫn kẻ sơ cơ rất nhiều, nên điều này vẫn chưa phải là điều đáng ân hận vậy. Tuy thế, sách này cũng có thể khiến cho kẻ tham thiền nhưng chưa ngộ chứng sẽ có được đạo để hoàn tất ngay trong đời này, có ích cho kẻ tu Thiên lớn lắm. Nguyện những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin tưởng.

31. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú

(Bài tụng vỡ lòng cho trẻ bằng thể loại ba chữ nhằm hướng dẫn về cái học chánh đáng với lời chú giải của ông Tề Dụng Tu) (năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, thánh - phàm như một. Thánh nhân đạo Nho đạo Thích là những bậc đã thấu hiểu “tâm của chúng ta giống hệt như nhau” trước hết, thương xót chúng sanh vì mê hoặc nên chưa ngộ được lý ấy, chưa thụ dụng được. Do vậy, mỗi vị đều lưu lại ngôn giáo để dẫn dắt, khơi gợi, mong sao ai nấy đều đích thân chứng được lý đó. Lại còn dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác. Nhưng đạo Nho chú trọng cách xử thế nên chú trọng giảng về luân thường, đối với lý tột bực về tâm tánh bất quá chỉ trình bày đại lược đầu mối mà thôi! Nếu có thể nghiên cứu Phật học đến tột cùng, hẳn có sở ngộ, lãnh hội thì ngay trong luân thường xử sự hằng ngày sẽ không một điều nào chẳng thấm đẫm Nhất Chân, đâu đâu cũng gặp nguồn. Vì thế, xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hào khí lập trời đất, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra. Đó gọi là “*chẳng biết đến Phật pháp sẽ không thể nào biết đạo Nho được!*” Chẳng biết đến cái hay của pháp xuất thế sẽ không có cách nào xử thế trọn vẹn được!

Đạo Thích đặt nặng xuất thế; vì vậy, toàn bộ luân thường thế gian và lẽ tột bực về tâm tánh mỗi mỗi đều nêu tỏ đến triệt để, tùy theo căn cơ mà lập giáo, đối bệnh phát thuốc, ngõ hầu hết thảy chúng sanh ai nấy tùy theo cơ nghi đều được lợi ích thật sự. Do đây, gặp cha nói Từ,

gặp con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tứ trung thành, mỗi mỗi đều dạy về nhân đời trước, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả đời sau, khiến cho con người có muốn làm ác cũng chẳng dám, không muốn làm điều thiện cũng không thể được! Nếu ai này đều biết nghĩa này, há luân thường chẳng được chỉnh đốn, thiên hạ thái bình ư? Phật pháp dạy về Nhân Thừa, Thiên Thừa mà hiệu quả còn được như thế ấy, nếu lại xét đến lợi ích của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật Thừa, há còn có thể suy lường được ư?

Điều đáng tiếc là Tống Nho hẹp lượng! Do học Phật pháp, họ hiểu được tâm pháp của thánh nhân, nhưng muốn suy tôn Nho giáo bèn ngược ngạo bài bác Phật pháp. Thật ra, về căn bản, họ bài bác là vì muốn cho con người thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận; nhưng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là thật lý, thật sự trong thiên hạ xưa nay. Nếu con người biết điều này, há có dám trái tâm nghịch lý để chuốc lấy tội lệ đến nỗi tương lai bị đọa vào chỗ chẳng vừa ý, ắt sẽ tự nhiên chánh tâm, thành ý, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận! Tống Nho nói: “Phật dùng nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử để dụ dỗ, mê hoặc kẻ ngu tục, chẳng biết con người do bẩm thụ khí trời đất mà sanh, đến khi đã chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có hình phạt, lấy gì để thi thố đây?” Họ làm lạc tướng chết đi là diệt mất vĩnh viễn, trở thành đại tà kiến. Từ một truyền ra nhiều, di hại cho đời sau, rất trái nghịch đạo “*nguyên thủy phản chung, cố tri sanh tử chi thuyết*” (truy xét đến tận nguồn gốc ban đầu cho nên hiểu được lời nói về sanh tử) và ý nghĩa “*trinh khí vi vật, du hồn vi biến, cố tri quỷ thần chi tình trạng*” (trinh khí là vật, du hồn biến đổi; từ đó biết được

tình trạng của quý thân) của thánh nhân. Do vậy, phường gian tà dám làm ác, vì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả, sao còn khư khư giữ chùng mực, chịu đựng ràng buộc, đến nỗi uổng công nhọc nhằn cả đời, sao không buông lung tình ý, mặc lòng thích gì cứ làm để hưởng hạnh phúc tự do tự tại ư? Do đấy, thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt, đây - kia bắt chước nhau đến nỗi trở thành hiện tượng phé bỏ kinh điển, phé bỏ luân thường. Trong ý bọn họ (tức bọn Tống Nho), cứ sợ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, con người đa số sẽ theo về đạo Phật, nên mới đặc biệt xướng ra chuyện bài xích để ngăn chặn hòng con người không cách nào tiến nhập đạo Phật được, ngõ hầu Nho Giáo hưng thịnh, vĩnh viễn không bị suy sụp. Nào biết là ngược lại khiến cho đạo thánh nhân do vậy bị diệt mất, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Giang Dịch Viên ở Vụ Nguyên xưa đã trông cội đức, phẩm đức cao cả, học vấn ưu tú, thoát đầu chuyên đề cao Trình - Châu, chẳng biết Phật là người như thế nào; về sau, do đã từng trải sâu xa, tri kiến câu nệ dần dần tiêu tan, thử đọc kinh Phật mới biết giống như lên non Thái, nhìn khắp bốn phương, tâm thần thông suốt, vui sướng không chi ví được, mới biết tiên Nho do tri kiến môn đình khiến cho hậu thế chẳng được hưởng lợi ích nơi pháp, đau tiếc khôn cầm. Vì thế, ẩn cư ở quê nhà, noi theo tu trì; người trong cả làng đều được ông giáo hóa. Lại mong khơi gợi, dẫn dắt cho thế hệ tương lai, mong sao họ được hưởng lợi ích thật sự. Do vậy bèn soạn bài tụng mỗi câu gồm ba chữ, lược thuật ý chỉ lớn lao vì sao Nho, Phật lập giáo giác ngộ cõi đời và những nét chánh về hành trạng của chư tử trong lịch sử, ngõ hầu người học

chẳng bị làm lạc bởi những lời lẽ mang tính chất môn đình của người xưa, để đều cùng trọn hết luân thường học Nho, tận hết tánh học Phật, lo toan cõi đời hay xuất thế đều gộp thành một việc. Sáng tỏ Minh Đức để ở yên nơi chí thiện, không trụ vào đâu mà sanh tâm, chẳng chấp một pháp nào, tu trọn các điều lành, vĩnh viễn lìa khỏi bốn tướng, phô trọn vạn đức, chứng pháp sẵn có trong tâm ta, kế tục đạo Như Lai đã đắc, xa là thỏa thích bồn hoai của tiên thánh, gần là bù đắp cho lỗi lầm của Tống Nho. Công đức ấy thật chẳng cạn cợt!

Môn hạ của ông ta là Tề Dụng Tu lại chú giải bài tụng ấy để người đọc vừa xem liền hiểu rõ. Cư sĩ Lý Viên Tịnh đặc biệt cho ấn hành, cậy tôi viết lời tựa, ngõ hầu lưu truyền rộng rãi. Do vậy, chẳng nài kém cỏi, trình bày đại lược. Nguyên những vị phụ huynh và những người mang chức trách giáo dục hãy bảo con em cùng đọc tụng sách này thì sẽ biết dù Nho hay Thích đều trọn chẳng phải là hai đạo, lo toan cõi đời hay xuất thế vốn là một pháp. Nhân quả tỏ thì tâm tánh tự ngộ, luân thường rành mạch, thiên hạ thái bình, lẽ tất nhiên là như thế ấy! Người sáng mắt chớ nghĩ lời tôi là viễn vông vậy!

32. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú

(năm Dân Quốc 27 - 1938. Khi soạn hai bài tựa này, vẫn chưa biết nhóm Giang cư sĩ đã chìm đắm quá sâu vào chuyện ‘mâm cát bút gỗ’ (cầu cơ))

Lòng người suy hãm, chánh đạo khó nghe lắm thay! Con người tánh vốn lành, sẵn có Minh Đức, nhưng vì không có người chỉ dạy nên tối tăm chẳng biết. Nhưng có kẻ được chỉ dạy càng thêm mê

muội, đến nỗi suốt cả đời chẳng được nghe chánh đạo. Vì thế, Không Tử nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!*” (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được), đủ thấy cõi đời kẻ sống uổng chết phí nhiều lắm thay! Ấy là vì đạo ở gần lại cầu nơi xa, sự tuy dễ mà cầu nơi khó. Kẻ giảng giải đạo học toan làm sáng tỏ đạo của thánh nhân, lại ngược ngạo làm cho tâm thánh nhân bị tối tăm che lấp là vì chẳng khởi sự từ cội rễ, cứ đốc sức nơi nhánh ngọn, lại còn tưởng cội rễ là nhánh ngọn, tưởng nhánh ngọn là cội rễ. Tuy muốn thành ý chánh tâm, nhưng chẳng chú trọng trừ sạch món vật tư dục trong tâm thì cái tâm này đã bị món vật tư dục che lấp, nên tri kiến đều lấy tư dục trong tâm làm chuẩn mực. Như kẻ yêu vợ thương con, dù vợ con tội tệ đến đâu đi nữa vẫn cứ cảm thấy là tốt, trọn chẳng biết là tội tệ. Do tâm chìm đắm trong tình yêu thì sẽ không có chánh tri chánh kiến. Nếu trừ sạch được tư dục yêu thương thì vợ con tốt hay xấu sẽ như gương hiện bóng, tốt - xấu thấy ngay lập tức.

Tư dục đã không có thì chân tri sẽ tự hiện, ý chẳng mong thành mà tự thành, tâm chẳng mong chánh mà tự chánh, thân chẳng mong tu mà tự tu! Tri chính là Minh Đức, “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân” chính là công phu để làm sáng tỏ Minh Đức vậy. Đầy đủ năm điều này thì Minh Đức sẽ sáng tỏ, sau đây sẽ chú trọng tề gia, trị quốc cho đến thân dân để ở yên nơi chí thiện vậy. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch cũng như Sử Ký, Hán Thư đều đã có ghi, chẳng qua chưa thể nói tường tận nguyên do đây thôi! Có những chuyện ấy thì kẻ căn cơ hạng trung hạng hạ biết “*làm lành sẽ được điều lành*”

giáng xuống, làm điều chẳng lành, tai ương sẽ giáng xuống”. Đã có những điều mong mỗi, hâm mộ, có những điều sợ hãi như vậy thì chẳng muốn “thành ý chánh tâm, mong mỗi thiện báo” cũng không thể được, vì sợ ác báo mà chẳng dám làm chuyện ác. Nay có kẻ cho rằng “sự lý nhân quả luân hồi ấy chính là do đức Phật bịa ra để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy”. Lại còn cho rằng: “Con người chết đi thân hồn diệt mất, còn ai để chịu hình phạt và thác sanh? Hễ chết sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch”. Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi ủa nhau phê kinh điển, phê luân thường, thực hành biến con người thành loài thú, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Dịch Viên thoát đầu chẳng biết Phật, cũng chẳng khỏi “người ta nói sao mình bảo vậy”. Đến khi xem kinh Phật, mới biết trước kia sai lầm, bèn ngâm tu tại gia, người trong cả một làng đều được ông giáo hóa. Do muốn tạo sự hướng dẫn sáng suốt cho thiên hạ đời sau, bèn soạn bài tụng theo lối ba chữ để nêu rõ vì sao Phật là Phật, Khổng, Lão và Phật tuy giống nhau nhưng chẳng giống nhau, Phật và Khổng, Lão tuy khác nhau nhưng chẳng khác nhau. Do con người chưa xem kinh Phật thì không những chẳng biết Phật mà cũng chẳng biết Nho. Đã xem kinh Phật, mới thật sự biết Nho. Vừa xuất thế vừa lo toan cõi đời, vừa tiêu cực vừa tích cực. Tâm pháp nhà Nho, nhà Phật một mực thông suốt. Lại còn trình bày đại lược những điểm quan trọng trong lịch sử đạo học, ngõ hầu mở toang rào giậu, cùng trở về đại đồng. Môn nhân là Tề

Dụng Tu đã đặc biệt soạn “tiên chú” (lời chú giải đại lược) để người đọc đều hiểu. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), ấn hành lưu truyền trong đời, Quang từng viết lời tựa.

Nay môn nhân là Du Hữu Duy do thấy bản chú giải của ông Tề quá đại lược, kẻ chưa đọc kinh Phật và các sách vở Nho giáo sẽ khó thể thấu triệt, do vậy, bèn viện dẫn kinh luận để diễn giải thông suốt, lợi ích không thể kể xiết. Nếu chịu nghiên cứu, ắt mong thâm nhập, từ đây tuân theo lời Không - Mạnh dạy để duy trì thể đạo, tu pháp của Như Lai để triệt chứng tự tâm, ắt sẽ tuân giữ lòng dè dặt kính sợ tu trì “ba điều phản tỉnh”, vâng lãnh “bốn điều đừng”, để chẳng thẹn vì phải ẩn giấu những điều nhỏ nhặt, Ngũ Uẩn rỗng rang, chẳng lập mảy trần, tịnh sáu căn, lia trọn các tướng, đạt thẳng đến chỗ trở về chỗ “không có gì để đạt được” thì mới đắc Bồ Đề viên mãn, làm bậc trượng phu điều ngự, làm đạo sư cho trời người, đều do lấy những điều này làm nền tảng vậy!

33. Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đại pháp của Như Lai bao trùm pháp giới, bao quát có - không, chỉ dạy chân tâm sẵn có, tỏ rõ diệu dụng tùy duyên. Tâm thể ấy chúng sanh và Phật giống hệt như nhau, phàm - thánh chẳng hai, chân thường bất biến, tịch chiếu viên dung. Do Phật chứng rốt ráo nên được Ngũ Uẩn đều là không, vượt khỏi các khổ, chẳng lập mảy trần, phô bày trọn vẹn vạn đức. Do chúng sanh triệt để mê nên đến nỗi mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hiệp trần, luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra.

Do vậy, đức Như Lai tùy theo căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy được cha mẹ vốn có. Lành chèo áo tìm được hạt châu, liền được của báu vô tận nhà mình sẵn có. Bạc thượng căn cố nhiên được giải thoát, nhưng hàng trung - hạ vẫn trong luân hồi, nên đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ “vượt ngang ra khỏi tam giới”, khiến cho khắp các hạng trung - hạ nổi gót bạc thượng căn. Lợi ích ấy không thể nào diễn tả được! Nghĩa này tuy phát xuất từ hội Phương Đẳng, nhưng thật ra đạo ấy bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm, chỉ vì phàm phu, tiểu thánh chẳng thể dự hội Hoa Nghiêm nên không có cách chi vâng nhận được. Trước khi kinh Hoa Nghiêm được truyền đến Trung Quốc, pháp môn Tịnh Độ thường bị coi là đạo phương tiện hay Tiểu Thừa. Sau khi phàm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã được dịch ra rồi, mới biết đây là lời giảng chân thật về pháp thành Phật.

Viễn Công ở Lô Sơn xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai. Chưa được thấy kinh Niết Bàn đã soạn luận Pháp Tánh Thường Trụ; chưa xem kinh Hoa Nghiêm đã xiển dương tông chỉ hướng dẫn về Cực Lạc, lập pháp ngầm hợp với các kinh, đạo thích hợp khắp ba căn, thông trên, thấu dưới, thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, giải quyết trọn vẹn đại sự sanh tử của hàm thức. Nếu chẳng phải là bậc Đại Quyền thị hiện, làm sao có thể dự đoán như vậy được? Vì thế, pháp sư La Thập nói: *“Kinh dạy: Trong đời Mạt sau này, phương Đông sẽ có vị Bồ Tát hộ pháp. Gắng lên nhân giả! Hãy khéo hoằng dương chuyện này”*. Tăng chúng Tây Vực đều nói đất Hán có bậc Khai

Sĩ Đại Thừa, liền hướng về phương Đông cúi lạy, dâng lòng lên rặng Lô Sơn. Tung tích thân lý chẳng thể lường được!

Xét ra Viễn Công, vào năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384) đời Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn mới đến Lô Sơn, trụ tại chùa Tây Lâm của đồng môn là pháp sư Huệ Vĩnh. Sau này, do người đến học đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không chứa hết nổi, nên lại dựng chùa Đông Lâm. Lúc mới lo liệu, sơn thần hiển linh, gỗ rường tự đưa đến, Thứ Sử oàn Y bèn đứng ra xây cất, đặt tên cho điện ấy là Thần Vận để biểu thị sự linh dị. Do vậy, bậc cao hiền Tăng - tục lũ lượt tìm đến. Đến ngày Hai Mươi Tám tháng Bảy năm Canh Dần (390), tức năm Thái Nguyên mười lăm, Sư cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người kết xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Những người ấy lúc lâm chung đều ứng hiện tướng lành, đều được vãng sanh. Ấy là vì mọi người đều có trí huệ siêu quần bạt tụy, lại được Viễn Công chỉ dạy và được sức giùi mài, gọt giũa của các bạn nên đạt được lợi ích ấy. Đây chính là những người kết xã đầu tiên.

Nếu xét theo cả một đời Viễn Công, trong hơn ba mươi năm, những người được hưởng sự pháp hóa tu trì Tịnh nghiệp, đặc tam-muội lên liên bang kê sao cho xiết! Xét từ năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn Công đến Lô Sơn, về Tây vào ngày mùng Sáu tháng Tám năm Bính Thìn tức năm Nghĩa Hy 12 (416), suốt ba mươi hai năm không ra khỏi núi, chẳng dẫn mình vào cõi tục. Những trước thuật hoằng dương pháp hóa, hộ trì Phật giáo của Ngài được chép đầy đủ trong Lô Sơn Tập. Trải bao cuộc biến dâu, thất lạc gần hết. May là

trong những bộ Hoàng Minh Tập, Quảng Hoàng Minh Tập đều có sao lục khiến cho dấu thơm của cổ đức được truyền mãi mãi trong cõi đời.

Thái Sử Sa Kiện Am ở Như Cao đến tuổi già dốc lòng tin tưởng Phật pháp, chuyên tu Tịnh nghiệp, xem rộng khắp các sách, phàm những trước thuật Viễn Công và những bài truyện, tán, ký, tụng v.v... do người đời sau soạn ra đều sao lục đầy đủ, tập hợp thành sách đặt tựa đề là Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao, phân thành hai bộ Chánh Biên và Phụ Biên. Môn nhân là Hạng Trí Nguyên lại còn sao lục bổ sung, ủy thác Quang giáo chánh và ấn hành. Trộm nghĩ: Viễn Công là Liên Tông Sơ Tổ, sách ấy được lưu truyền rộng rãi người đọc sẽ có dấy lòng tu trì, nhưng do tài lực không đủ, trước hết bèn in một vạn bản để xướng suất, sau này sẽ có người kế tiếp liên tục in thì làm sao biết được con số. Người học đời sau do cuốn sách này đều biết cội nguồn của pháp môn Tịnh Độ, ắt đều gặp việc nhân chẳng chịu nhường, nổi gót bậc tiên giác, cùng thoát khỏi Ngũ Trược, cùng lên chín phẩm sen. Vì thế, trước lúc sắp chữ, bèn lược thuật lai lịch. Còn như đạo đức, công nghiệp, văn chương, sự cảm thông của Viễn Công đã được chép đủ trong Chánh Biên và Phụ Biên của Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao, ở đây không cần rườm lời tường thuật nữa!

Cõi đời truyền tụng Viễn Công và mười tám vị cao hiền, một trăm hai mươi ba người kết xã. Trong số mười tám vị ấy, Viễn Công đứng đầu. Mười lăm người kia đa số là những vị kết xã đầu tiên. Nếu ngài Phật Đà Bạt Đà La vào năm Nghĩa Hy thứ hai (406) đời Tấn An Đế mới dự vào liên xã, tức là năm thứ mười bảy sau khi Lô Sơn kết xã. Ngài Phật Đà Da Xá dự vào liên xã trong năm Nghĩa Hy thứ mười (414)

thì đây là năm thứ hai mươi lăm sau khi Lô Sơn kết xã. Trong Bảo Vương Luận, pháp sư Phi Tích có nói Viên Công nhận lãnh phép Niệm Phật tam-muội từ ngài Phật Đà Bạt Đà La xong bèn cùng những vị cao hiền Tăng - tục kết xã niệm Phật. Đây chính là đề cao những vị Tăng Tây Trúc, nhưng chưa khảo cứu tường tận thời gian ngài Phật Đà Bạt Đà La dự vào Liên Xã vậy.

34. Lời tựa bộ Vệ Sinh Tập

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Giữa khoảng trời đất hoàn toàn là một khối nguyên khí thái hòa. Vì thế mưa gió đúng thời, lúa thóc chín rộ, các loài động thực vật đều được sanh trưởng. Nếu con người thấu hiểu, hành theo điều này cố nhiên chẳng thẹn đứng chung với trời đất thành ba ngôi, xưng là Tam Tài. Từ đây, sẽ tự bảo vệ, bảo vệ kẻ khác, cốt sao hết thảy hàm thức đều được sống yên ổn, cùng vui lẽ thiên chân. Đây chẳng phải là “kế thừa đời trước, mở mang đời sau, dùng tiên giác để giác hậu giác, bù đắp cho chỗ thiếu sót của trời đất, giúp cho quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất” đó ư? Nhưng người đời do tham vui sướng bụng miệng, bắt lấy các loài vật bơi dưới nước, chạy trên đất, bay trên không để giết ăn, cốt sao thỏa thích bụng miệng mình, bảo vệ cái sanh mạng của ta, như vậy thì muốn cầu giữ gìn mạng sống lại đâm ra gặt phải kết quả trái ngược. Do sát sanh nên gây ảnh hưởng lớn lao đến thiên hòa, cảm lấy lệ khí (khí hung dữ, độc hại), đến nỗi những thiên tai như lụt lội, hạn hán, ôn dịch, sâu rầy v.v... Do kết quả của sát nghiệp, phát sanh những nhân họa (tai họa do con người gây ra) như đôi bên chiến tranh.

Xét đến nguyên do của những tai họa ấy, nói chung là do trong đời trước hay đời này đã sát sanh ăn thịt mà ra! Tai họa do ăn thịt cực kỳ khốc liệt! Không chỉ gây hại cho đời này mà còn gây lụy đến nhiều kiếp. Phàm những ai muốn tự bảo vệ cuộc sống của chính mình, không thể nào không bảo vệ cuộc sống của khắp hết thảy các loài dưới nước, trên hư không, trên mặt đất, vậy thay! Ăn thịt để bảo vệ mạng sống là chuyện lạ lùng quá sức! Do thói quen, cứ coi đó là thường. Như người Phi Châu giết người làm tiệc, người xứ ấy cứ điềm nhiên chẳng lấy gì làm lạ cả! Nghĩ lại thuở xưa thánh nhân ngự trên ngôi, kinh Thư đã chép: “*Điều thú ngư miết hàm nhược*” (Chim, thú, cá, ba ba đều sống yên vui). “*Nhược*” nghĩa là thuận. “*Hàm nhược*” nghĩa là đều thuận theo thiên tánh của nó, chẳng mắc nổi khổ giết hại và sợ hãi kinh hoàng chạy trốn. Đấy quả thật là nói đến hoài bão: “*Càn vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu, dân ngô đồng bào, vật ngô dữ dã*” (Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt với ta, loài vật giống như ta vậy). Được như thế thì chẳng xứng là một vị bảo vệ cuộc sống lớn lao ư? Tiếc rằng những chuyên viên vệ sinh học hiện thời cứ hại sanh mạng kẻ khác để bảo vệ cuộc sống của chính mình, rồi cuộc đời này, đời sau khổ báo vô cùng. Dê và người lần lượt xoay vần, mạnh - yếu lần lượt thay đổi vai trò đến tận đời vị lai cũng khó thể kết thúc được. Do vậy, những bậc bảo vệ sanh mạng lớn lao xưa nay đều đề xướng yêu thương loài vật, thực hành lòng Từ, kiêng giết, phóng sanh, trì trai, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, quả thật là nghĩa cử bảo vệ sanh mạng rất ráo, viên mãn đến tột bậc vậy.

Cư sĩ Hoa Ngô Thê dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu trì Tịnh nghiệp, muốn văn hồi thế đạo, nhân tâm, đặc biệt tập hợp những ngôn luận của các bậc danh nhân xưa nay và đủ mọi chuyện quả báo do sát sanh hay phóng sanh, đặt tên là Vệ Sinh Tập, mong sao người đời muốn bảo vệ sanh mạng của chính mình thì trước hết hãy bảo vệ mạng sống của những sanh vật bơi dưới nước, sống trên mặt đất, bay trên không kia. Tự bảo vệ sanh mạng như vậy thì chẳng phải chỉ trong một đời này mà còn khiến cho đời đời kiếp kiếp phạm sanh vào nơi đâu đều được tốt lành, không có các tai họa. Nếu lại niệm Phật, đem công đức bảo vệ sanh mạng này hồi hướng vãng sanh thì sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đoạn hết sạch Phiền Hoặc, đắc đại vô úy, bảo vệ sanh mạng cho khắp hết thảy những chúng sanh cô đơn, lênh đênh không nơi nương tựa trong sáu nẻo. Đây gọi là ý nghĩa nhỏ nhiệm của việc bảo vệ sanh mạng vậy.

Cư sĩ Quách Hàm Trai do thấy mấy lúc gần đây sát nghiệp ngút ngàn, trọn chẳng ngơi dứt, liền muốn lưu truyền tập sách này, ngõ hầu người đọc đều cùng phát tâm bảo vệ sanh mạng hòng dứt sát kiếp, uốn nắn phong hóa, cây tôi giáo duyệt. Do vậy, tôi sửa đổi đôi chút thứ tự, danh xưng, số quyển. Lại đăng kèm vào theo mấy đoạn phê phán của tiền nhân dưới mỗi đoạn văn, đăng kèm theo Khuyến Hiếu Ca và Bát Phán Ca của người đời Đường vào sau sách, ngõ hầu ai nấy đều coi trọng bảo vệ sanh mạng, đều vâng giữ lòng hiếu để mở rộng lòng nhân đức hầu báo ân cha mẹ; nhưng hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong

tương lai, ắt sẽ mở rộng lòng hiếu kính để mong rớt ráo tự bảo vệ sanh mạng, bảo vệ sanh mạng kẻ khác vậy.

35. Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lương Phong

Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Vì thế, đức Phật coi hết thầy chúng sanh đều là Phật, thương họ trái giác hiệp trần, luân hồi sáu nẻo, trải kiếp số nhiều như mây trần không cách gì thoát lìa được. Do vậy, tùy theo căn cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, đủ mọi phương tiện chỉ dạy, mong sao họ sẽ trái trần hiệp giác, bỏ vọng về với chân, tiêu trừ Hoặc nghiệp vốn chẳng có, chúng trọn vẹn Phật tánh sẵn có mới thôi. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh cho nên nghe lời Phật, nhìn hành vi của Phật, chẳng thể tin nhận ngay, có kẻ cho là huyền vọng chẳng thật, chỉ nhằm gạt gẫm kẻ ngu tục. Có kẻ cho rằng đạo Phật phé bỏ luân lý, làm hại chánh đạo. Có kẻ cho rằng càng gàn lý, càng gây loạn lớn lao cho lẽ chân. Nhưng đức Phật chẳng vì những điều ấy mà vứt bỏ họ, chỉ đợi khi thời tiết nhân duyên chín muồi sẽ ra tay độ thoát.

Có lắm kẻ vì thoát đầu chẳng hay biết nên làm lẫn bài xích, tiếp đến do hiểu biết sâu xa bèn tận lực tu, sau đây do chân tu nên ngộ chứng. Do vậy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, rộng để lại ngôn giáo nhằm khơi gợi người sau. Do họ đã biết rõ đức Phật lập pháp bao gồm trọn vẹn hết thầy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, không những chẳng trái pháp thế gian mà còn hữu ích lớn lao cho pháp thế gian. Luận về mặt tu trì thì chẳng bỏ sót điều thiện mảy may nào, nhưng nhất tâm vô trụ. Bàn đến đế lý, chẳng lập mảy trần nhưng vạn đức đều tỏ lộ trọn vẹn. Vì thế, những người có tri kiến lỗi lạc, có chí đặc biệt quy

hướng, không một ai chẳng dốc lòng sùng phụng để mong tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha.

Cũng có kẻ ăn trộm những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho, lại ngược ngạo ra sức bài bác Phật pháp hết sức dữ dội hòng ngăn chặn người trong thiên hạ đời sau đừng bước vào Phật pháp. Bôn ý của họ chẳng qua là do tri kiến môn tường nặng nề, sợ chẳng ra sức ngăn lấp thì mọi người đua nhau theo Phật, cửa Nho do đó sẽ bị lạnh lẽo, điêu tàn! Họ chẳng biết bậc thượng căn thật sự quyết chẳng bị ngăn chặn, nhưng kẻ trung - hạ do họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, sẽ cho đó là những điều đức Phật dùng làm căn cứ để gạt gẫm kẻ ngu tục. Đối với những pháp đức Phật dạy như sửa lỗi hướng thiện và liễu sanh thoát tử v.v... họ chê bai là tự tư, tự lợi, hề có điều gì để làm lành thì đây chính là ác, ắt sẽ mong sao không làm gì mới là làm lành, trái nghịch ý chỉ “đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, giảm bớt lỗi, bậc hạ thì học, bậc thượng thì thấu đạt” của thánh hiền quá lớn, cũng như trái nghịch đạo “*hướng theo thì lành, trái nghịch thì xấu, xuôi theo thì tốt lành, trái nghịch thì hung hiểm*” của kinh Dịch, kinh Thư, vận dụng xuông thuật “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm” nhằm yên đời và tạo ra phong tục tốt đẹp! Đối với căn bản khiến cho con người không thể nào không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm lại hoàn toàn vứt bỏ, đem chuyện thuộc về khả năng của thánh nhân giao cho phàm phu thực hành; cho nên đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đủ mọi vớ tuồng xấu ác như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường đều được diễn

ra. Cái gốc họa quả thật là do cái tâm trộm cướp bài xích nhân quả, báo ứng, sanh tử luân hồi và quan niệm “có làm gì để làm lành thì đó chính là ác” và “tự lợi, lợi tha, liễu sanh thoát tử” là tự tư tự lợi mà ra! Do vậy, người có tâm lo cho thế đạo liền xúm nhau nghĩ cách cứu vãn.

Khéo sao, tôi được tặng cuốn Chánh Tín Lục do cư sĩ La Lương Phong biên soạn. Đọc xong, nổi canh cánh bên lòng được cởi gỡ! Cư sĩ thừa nguyện tái lai, dùng tầm mắt thông suốt lớn lao vô ngại, đối với những chuyện thế tục nghi ngờ như thiên đường, địa ngục, con người và súc vật luân hồi, thân trước, thân sau v.v... mỗi mỗi đều dựa theo kinh, dẫn chứng từ sử để chứng minh những chuyện đó. Đạo học uyên nguyên, những lời bàn luận tột cùng của các bậc danh nhân và các lỗi tu trì, cũng như pháp cây vào Phật từ lực để vượt ngang ra khỏi tam giới thấy đều chỉ bày tường tận duyên do khiến cho con người biết được cửa nẻo, có chỗ dựa nương, cốt sao kẻ câu nệ hẹp hòi thấy được vàng mặt trời, khiến cho những kẻ cô đơn, lênh đênh trở về quê nhà vốn có, tạo lợi ích không thể nào diễn tả được! Tôi bèn giáo chánh câu chữ, tính in ra trước hết một vạn cuốn để đề xướng. Sau đấy, mặc lòng những nhà từ thiện bao lượt tái bản ngõ hầu lưu truyền khắp toàn quốc. Bạn tôi là đại sư Thê Phạm nguyện bỏ tiền ấn loát, cư sĩ Quách Phụ Đình ở Triều Châu muốn khắc mộc bản cho tinh tường, cây tôi giáo duyệt bản in gốc và viết lời tựa ngõ hầu được lưu truyền rộng rãi.

Đủ thấy con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, người có tâm ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta! Trong cùng một lúc vừa được sắp chữ vừa được khắc in, đúng là một chuyện may mắn lớn lao trong hiện thời. Nguyện những ai thấy nghe, do những điều ông

Lưỡng Phong đã nói sẽ tin sâu xa vào lời Phật, dùng Ngũ Giới, Thập Thiện, Lục Độ, vạn hạnh tùy phân tùy sức tu trong luân thường hằng ngày, lúc sống sẽ dự vào địa vị thánh hiền, mất đi sẽ lên cõi Cực Lạc, ngô hầu chẳng phụ Chân Như Phật Tánh sẵn có và lòng đại từ phổ độ của Như Lai, cũng như một phen ông Lưỡng Phong khổ tâm đề xướng, hướng dẫn vậy!

36. Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyển Thế Bạch Thoại Văn

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Thế đạo nhân tâm ngày nay đã suy hãm đến cùng cực lắm thay! Những người mang tâm lo lắng cho đời bày đủ mọi cách để duy trì. Nếu không, đạo làm người gần như diệt mất, thật đáng sợ thay! Tuy nhiên, muốn vấn hồi thế đạo nhân tâm hãy nên giải quyết từ căn bản thì dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao. Người có tri kiến chân chánh đích xác ắt sẽ ủa nhau vâng theo như gió lửa cỏ rạp. Thầy thuốc trị bệnh có bệnh đặng gốc, có bệnh đặng ngọn, xét coi bệnh tình gấp rút hay hòa hoãn để trị liệu, chẳng thể chấp vào một phía để luận định. Nay chứng bệnh nơi thế đạo nhân tâm đã sâu lắm rồi; nếu chỉ dựa trên mặt Sự để khuyên dụ, tuy cũng đạt được hiệu quả biến đổi phong tục, nhưng cố nhiên chẳng thể đạt hiệu quả bằng cách đốc sức nơi căn bản được! Nói đến chuyện đốc sức nơi căn bản chính là đề xướng giáo dục trong gia đình, đề xướng nhân quả báo ứng, sao cho hết thảy mọi người ai nấy biết đạo làm người, ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Nếu ai nấy đều được như vậy thì cửa nhà hưng thịnh,

con cháu hiền thiện. Lại phải biết thường nghiêm giữ những lời về “phước thiện, họa dâm, thiện ác, tai ương, may mắn” để tự tu, lại còn dùng những điều ấy dạy người trong nhà thì người nhà sẽ dựa vào địa vị thánh hiền tốt đẹp mà chẳng tự biết.

Vì thế, Khổng Tử nói: “*Thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân*” (Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là nhà, gốc của nhà là thân). Lời này đâu phải nói riêng với người mang tước vị, mà thất phu thất phụ đều cùng mang trách nhiệm này! Cổ nhân đã nói: “*Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách*” (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Bởi lẽ, nhân tài trong thiên hạ đều từ gia đình mà ra. Gia đình khéo dạy, con cái tự nhiên đều hiền thiện. Gia đình không khéo dạy, đứa con nào có thiên tư sẽ quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư sẽ quen nét bướng bỉnh, hung ác. Hai loại ấy đều là sâu mọt cho quốc gia, xã hội! Do vậy, biết giáo dục gia đình chính là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ, còn nhân quả báo ứng là đạo trọng yếu để phụ trợ cho giáo dục gia đình. Từ đứa bé con cho đến kẻ bạc đầu, từ chính bản thân cho đến xã hội, từ làm người cho đến thành thánh hiền, từ tu thân cho đến bình thiên hạ đều phải nương theo những điều ấy để được thành tựu, thật đúng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, thành thủy thành chung vậy, là đại pháp để cùng trị cả gốc lẫn ngọn, phạm lẫn thánh đều phải tuân theo.

Những nhà Nho đời sau chẳng biết đến ý nghĩa này, xằng bậy bài bác, đến nỗi thành ra thái độ xấu xa không kiêng dè ngày nay. Nguyên những ai có chí giác thế yên dân văn hồi kiếp vận hãy dốc sức nơi đây

thì chẳng mấy chốc sẽ được thỏa nguyện vậy! Cư sĩ Hoàng Hàm Chi lòng tha thiết vì người khác, dùng thể văn Bạch Thoại viết ra hơn hai mươi loại, không loại nào chẳng phanh gan phơi mật, đi vào từng chi tiết sát sao. Người có thiên lương xem đến ắt sẽ rửa lòng gột ý, sửa lỗi hướng lành, hồng khôi phục chân tâm vốn có thì thật là hạnh phúc lớn lao không chi hơn được nữa!

37. Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Kẻ khéo trị bệnh sẽ trị từ lúc bệnh chưa phát, sẽ được lợi ích sâu xa mà chẳng tốn kém. Vì thế, nói: “*Chí trị vu vị loạn, bảo bang vu vị nguy*” (Đạt đến yên ổn khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy). Như vậy là đã không có cái gọi là bệnh thì đâu cần phải trị nữa? Tuy nhiên, người làm được như vậy có mấy ai? Con người sống trong thế gian, chỉ có sống và chết là quan trọng nhất. Nếu chẳng hiểu thấu đạo ấy thì khi sanh nở, rất có thể mẹ lẫn con cùng chết. Dầu cho chẳng chết, chắc cũng oan uổng chịu đủ mọi thống khổ, trong khi chết chắc vạn phần may lại được sống, thật đáng thương xót quá! Cư sĩ Cúc Trai đặc biệt soạn ra Đạt Sanh Thiên để chỉ rõ sản nạn trong thế gian, phần nhiều do tưởng lầm những cơn đau bụng quặn lên là vì sắp sanh, đến nỗi sanh ra đủ mọi hiểm nạn như sanh ngang, sanh ngược v.v... Đây là một điều quan hệ lớn lao khi sanh nở.

Lại nói: “*Dưỡng thai bằng cách tuyệt dục, đây là ý nghĩa bậc nhất*”. Vì thế, tâm pháp đầu tiên để dưỡng thai là phải kiêng ăn nầm. Thiên sách ấy ghi: “*Hễ vợ có thai rồi thì phải hết sức kiêng ăn nầm. Đó là lý do vì sao người xưa hễ có thai bèn ở phòng khác,*

chẳng ngủ chung với nhau nữa vì sợ dấy lên dục niệm. Nói chung, trước khi thai được ba tháng mà phạm chuyện cấm kỵ ấy thì, do dục niệm dấy lên, tử cung lại bị mở ra, rất dễ bị nguy cơ chảy máu, động thai. Sau khi thai đã được ba tháng mà phạm lỗi ấy thì bọc thai sẽ dày, khó sanh. Phải biết lựa dục làm tổn thương thai đến nỗi những chất như bản lắng đọng. Hơn nữa, những đứa nhỏ thân có chất như màu trắng, đậu mùa, ghẻ chốc khó chữa lành được đều là vì cha mẹ chẳng cẩn thận”. Đây chính là điều có quan hệ lớn lao lúc mới thọ thai vậy.

Nếu biết mối quan hệ giữa chuyện thọ thai và sanh nở thì hễ sanh nở chẳng bị các nguy cơ sẩy thai hay khó sanh, mà con cái sanh ra đều có thể chất mũm mĩm, tánh tình dịu dàng, hiền lành, đã ít bị lên sởi, lên đậu v.v... lại sống lâu, mạnh khỏe. Nếu con người sẵn biết những nghĩa này, thân tâm ắt sẽ yên vui, con cháu hiền thiện, gia tộc tiếng tăm rạng rỡ, hữu ích cho xã hội. Đây gọi là “*trị bệnh phải trị từ lúc chưa có bệnh*”, mà cũng bao gồm những lợi ích thù thắng như “*đạt đến yên ổn từ lúc chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy ngập*”. Vì thế, nói rằng cuốn sách này cũng quan trọng lắm!

Ông Trương Thiện Trung ở Duy Dương do mẹ là phu nhân họ Lưu qua đời lúc tuổi còn rất bé, chưa thể phụng dưỡng ngọt bùi trong thuở sanh tiền, muốn vì báo đáp mẹ sẽ khiến cho hết thảy những người làm mẹ, những kẻ làm con đều được hưởng thụ lợi ích yên vui, trường thọ, bèn phát tâm ấn hành bốn vạn cuốn sách này để tặng hết thảy những ai hữu duyên, khiến cho họ đều biết

cách trị bệnh từ lúc chưa bệnh và cách trị khi đang bị bệnh, ngộ hầu chẳng đến nỗi bị đau khổ trong khi sanh nở và mang nỗi lo sanh con nhưng chẳng nuôi lớn được!

Hơn nữa, từ xưa đến nay, những đứa mắc chứng kinh phong lâu ngày, mười đứa hết chín bị chết rất nguy hiểm, nhưng y theo thiên sách Phước Ấu do tiên sinh Trang Nhất Quỷ biên soạn để trị thì mười đứa sống được cả mười, quả thật là cuốn sách quan trọng nhất về bệnh tật trẻ nhỏ, nên cũng in kèm vào cuối sách để được lưu truyền rộng rãi. Nhân đây, bèn cho đánh máy thành bốn bản để những người sau này muốn tạo phước lợi cho người khác sẽ ấn loát thuận tiện.

Hơn nữa, cái nhân gần của tai biến khi sanh nở, đã được trình bày như trên rồi. Nếu bàn về cái nhân xa thì phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước hay đời này chiêu cảm. Nếu con gái từ lúc thơ ấu thường niệm thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật và Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ tự tiêu trừ được sát nghiệp trong đời trước và đời này. Hễ sát nghiệp tiêu thì sanh nở sẽ chẳng bị oán gia gây chướng ngại chẳng sanh được. Đây cũng là một cách trị sẵn trước khi chưa bệnh. Hoặc nếu có kẻ chưa được nghe Phật pháp, nhưng tới lúc sanh nở, nếu chẳng sanh được ngay, hãy nên dạy sản phụ và những kẻ thân thuộc chăm sóc bên cạnh đều dùng tâm chí thành niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát thì tất cả những oán gia đời trước gây chướng ngại khiến cho sản phụ chẳng thể sanh vừa được nghe danh hiệu Bồ Tát sẽ do oai đức, thần lực của Bồ Tát mà liền tránh xa, chẳng dám khuấy rối nữa! Có kẻ nói đang sanh

nở lỏa lò bất tịnh, niệm danh hiệu Bồ Tát chắc sẽ mắc tội khinh nhờn. Đây chính là đem tình kiến phàm phu để làm lạc suy lường tâm hạnh của Bồ Tát. Chẳng biết đây là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể đem lúc bình thường trọn chẳng bị bệnh khổ để bàn luận. Ví như con cái té vào lửa nước, gọi cha mẹ cầu cứu, cha mẹ nghe được liền đến cứu ngay, trọn chẳng vì đũa con áo mũ không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ mà chẳng chịu cứu giúp.

Một đệ tử của tôi mấy năm trước ở Tứ Xuyên đến nhà một người bạn, nghe người vợ bạn kêu gào rất thương tâm, nhân đó hỏi thăm duyên cớ. Người bạn đáp: “Vợ đã hai ngày không sanh con ra được, sợ chẳng giữ được tánh mạng”. Ông ta nói: “Hãy gấp bảo sản phụ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, còn ông ở ngoài giếng trời, đốt hương quy niệm, đảm bảo sẽ sanh ngay”. Người ấy liền nói với vợ, lại còn tự niệm. Chẳng mấy chốc liền sanh ra đứa nhỏ mà người vợ vẫn chưa hay. Đến khi nghe con khóc mới biết đã sanh rồi. Người vợ kể: “Khi trước lúc sắp sanh, thấy một người dùng vải chèn kín phần dưới thân thể nên sanh không được. Đến khi niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thấy vải bị tuột ra, nên sanh rồi mà vẫn không biết, nghe con khóc mới biết là con đã sanh!”

Cổ nhân nói: *“Tử sanh diệc đại hỷ, khả bất bi tai!”* (Chết - sống cũng lớn lao thay, chẳng đáng buồn ư?) Pháp môn Tịnh Độ đặc biệt lập ra cho lúc chết và sau khi chết đi thần hồn sẽ siêu sanh Tịnh Độ. Sách này lập ra cho khi sắp sanh và những cách bảo vệ, che chở sau khi đã sanh. Nguyên khắp những bậc nhân từ, quân tử lần lượt lưu truyền ngõ hầu nhà nào cũng có một bản, cùng nhau dốc sức vun bồi đức, tiết dục

thì những điều đã được nói trong sách này sẽ đều chẳng cần đến nữa, và ý niệm của tiên nhân lưu thông, và ông Thiện Trung in tặng, cũng như ý Bất Huệ trình bày hai mối quan hệ mới trọn chẳng còn tiếc nuối nữa!

38. Lời tựa cho sách tường trình hoạt động cứu trợ lũ lụt của hội Cứu Trợ Từ Thiện tỉnh Giang Tô

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cần là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống hệt như ta. Vì thế, ông Vũ, ông Tắc thấy thiên hạ đói kém như chính mình bị đói kém. Y Doãn thấy một người chẳng được hưởng ân trạch khác nào chính mình xô đẩy người ấy xuống ngòi rãnh vậy. Phật xem hết thấy chúng sanh dường như con một, nói đủ mọi pháp để độ thoát. Người đời sau tuy chẳng có quyền như ông Vũ, ông Tắc, Y Doãn, chẳng có đạo như đức Phật, vẫn chẳng ngại gì tùy sức mình thực hiện hầu trọn hết tấm lòng vậy! Vì thế, ông Tào Tung Kiều nhiều năm chuyên đảm nhiệm nghĩa cử cứu giúp, châu cấp dân nghèo tại địa phương. Lại còn trừ tính cứu trợ cho Thiểm Tây hơn mười vạn đồng. Trước kia, cha ông ta từng làm Phiên Đài tại đất Dự (tỉnh Hà Nam), nặng lòng yêu dân. Nay ông Tào lại mở rộng lòng thương dân ấy sang đất Thiểm, càng chẳng ngại nhọc nhằn, vì trăm vạn sinh linh vùng Giang Bắc trừ tính kế sách an ổn. Có thể nói là người có đức trong cõi đời, không ai hơn được!

Ông Viên Hiếu Cốc người huyện Đan Đồ, ông nội cũng từng làm Thái Sử, vốn làm quan ở đất Tô nhiều năm, giữ lễ công chánh, tuân thủ pháp tắc, có cảm tình sâu đậm với người địa phương, bèn đến kêu ngụ

nơi thành Tô Châu, thông dong tu Tịnh nghiệp. Giữa Thu, vùng Giang Bắc bị thủy tai thật là từ trước đến nay chưa hề có. Vào ngày Hai Mười Tám tháng Tám, hội Từ Thiện Cứu Trợ Lũ Lụt tỉnh Giang Tô cấp tốc gọi điện cho hai ông Tào và Viên hãy đi cứu trợ trước, đừng chần chờ. Họ liền khởi hành đến đất Dương, trước hết hội họp quan viên, thân sĩ, rồi lập cơ sở cứu trợ. Tiếp đó, mới chia nhau điều tra tình hình lũ lụt các nơi, rồi gửi thư hay gọi điện thoại cho những nhà từ thiện ở Tô Châu và các nơi kêu gọi đóng góp, vì những người dân bị nạn mà van xin, lần lượt được số tiền khoảng mười lăm vạn. Áo đơn, áo kép, áo bông, giày, vớ v.v... mới hay cũ tổng cộng hơn mười vạn bộ, mền bông hơn một ngàn cái. Nồi niêu, thuốc men số lượng thật nhiều. Khoản đóng góp của những nơi khác được bốn phần mười, khoản tiền và quần áo, đồ đạc đóng góp lớn nhất đều do Tô Châu quyên tặng.

Một là vì hai ông Tào và Viên được người địa phương kính tin; hai là vì Tô Châu là chỗ hai đức Phật Duy Vệ và Ca Diếp từng ở, cũng như do phong cách, sự cai trị tốt lành của Lục Nguyên Phương đời Đường, Phạm Văn Chánh ời Tống vẫn còn giữ lại. Vì thế, nhân dân phần nhiều đều từ thiện, nhân ái, coi người khác như chính mình, nên mới đóng góp một khoản lớn lao như thế. Đối với mỗi một biện pháp tiến hành đều thuật rõ tình hình, tổng cộng mười bảy điều, đọc đến liền biết rõ. Những khoản chi tiêu được nêu trong điều thứ tư, chủ yếu là cứu trợ dân chúng bị thiên tai tại các địa phương. Điều thứ bảy là những chuyện phải gấp rút tiến hành. Điều thứ tám là bảo vệ trâu cày. Điều thứ chín những việc phải sử dụng nhiều nhân công như tu bổ đê điều, cầu cống. Điều thứ mười là cho vay hay cấp thóc giống. Điều thứ mười

một là nuôi nấng trẻ bị thiên tai. Điều thứ mười hai là trừ tính lập ra những địa điểm phát cháo. Điều thứ mười ba là phân phát quà cứu trợ giúp dân nghèo ổn định cuộc sống. Điều thứ mười bốn là duy trì cơ sở phước lợi. Điều thứ mười lăm là duy trì những văn phòng giúp đỡ tiền bạc, củi, gạo v.v... Những duyên do, biện pháp đều được chép tường tận trong cuốn sách này.

Nhưng điều thứ mười bảy là phát chẩn vào mùa Đông: Do ngày dài quá, sẽ cần đến một khoản tiền rất lớn, vẫn mong những nhà đại từ thiện mọi giới nghĩ thương nỗi khổ của người dân bị thiên tai, lại quyên tặng những khoản tiền lớn để cứu dân mắc phải thiên tai, làm nhẹ vận nước, để cầu quyên thuộc cõi trời đến giúp tránh khỏi sát kiếp, sẽ thấy Phật trời che chở như mây nhóm, tốt lành, may mắn ủa nhau kéo đến, giàu, thọ, yên ổn, hiện đời được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, hiền lương, tước lộc, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như Y Doãn đã dạy. Kinh dạy: *“Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”*. Sợ nhân sẽ chẳng gây nhân ác, nào có quả ác? Sợ quả thì nhân ác đã chín, khó tránh quả ác! Dầu sanh lòng sợ hãi, trọn chẳng ích gì! Sao bằng sửa lỗi hướng thiện để tiêu nghiệp cũ, gieo phước cho tương lai, để làm biện pháp căn bản rất ráo hòng tránh khỏi ác quả ư?

Hơn nữa, bố thí có ba loại:

- Một là Tài Thí, tức là dùng tiền tài và quần áo, thức ăn, chỗ ở để châu cấp hay giúp đỡ người bần cùng, khốn khổ.

- Hai là Pháp Thí, đối với người chẳng biết thiện - ác, tà - chánh và nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo và pháp môn thiết yếu để liễu sanh thoát tử bèn dùng phương tiện khéo léo tuyên nói, hoặc ẩn tống, lưu

thông những sách ghi chép những câu nói khế lý khế cơ của chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, thiện tri thức ngõ hầu người thấy nghe sanh lòng chánh tín, dần dần thâm nhập cho đến khi liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đó đều gọi là Pháp Thí.

- Ba là Vô Úy Thí: Hết thầy chúng sanh ham sống sợ chết, khuyến khích những người cùng hàng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, và hễ ai có điều sợ hãi thì hoặc là dứt tai họa ấy, hoặc bày tỏ lòng quan tâm. Đây chính là Vô Úy Thí nhỏ nòi. Hết thầy chúng sanh rất cuộc khó tránh khỏi cái chết, chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết, bao kiếp vĩnh viễn ôm nỗi lo sợ ấy, dạy cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương dần dần tấn tu, cho đến khi thành Phật đạo. Đây gọi là Đại Vô Úy Thí.

Trong ba thứ Bồ Thí này, Tài Thí chỉ thuộc đời này, hai thứ sau tồn tại mãi đến đời vị lai. Phạm những ai muốn lợi người để trọn thành phước huệ của chính mình, hãy nên tùy theo sức mình để thực hành thì nhân dân may mắn, nước nhà may mắn lắm thay!

39. Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Hiện nay thế đạo loạn lạc quả thật là từ ngàn xưa chưa hề nghe thấy! Xét đến nguồn gốc đều do cái tâm tự tư tự lợi ươm thành. Vì hễ ôm lòng tự tư tự lợi sẽ mặc tình giành nhau làm chuyện tổn người, lợi mình, thương thiên, hại lý, coi rẻ đạo “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ” chẳng đoái hoài! Do vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng thêm tăm tối, không cách nào đạt đến chỗ chánh đại quang minh. Nếu như

biết “*họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy*”, thiện báo, ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình, giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình, giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ, ắt con ta có hiếu. Khéo thờ anh, ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rỏ nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước!

Xem đó, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người, lợi vật đều là nền phước về sau cho chính mình! Tôn người, lợi mình, thương thiên, hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình. Người dẫn chí ngu chắc chắn chẳng sung sướng vì mắc tai, gặp họa, theo dũ, tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân hiểu quả, thì cái tâm tham - sân - si chẳng đến nổi lẫy lừng, nghiệp giết - trộm - dâm chẳng dám làm càn. Yêu người, lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh!

Cư sĩ Lý Viên Tịnh thương cõi đời suy hãm, đặc biệt viết sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh. Điểm quan trọng là đề xướng nhân quả báo ứng. Ông Châu An Sĩ nói: “*Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã*” (Ai nấy đều biết nhân quả thì là đạo để bình trị lớn lao vậy. Ai cũng chẳng biết nhân quả, đấy là đường lối dẫn đến đại loạn vậy).

Do vậy biết nhân quả báo ứng quả thật là đạo trọng yếu từ đầu đến cuối để giữ thân, tiếp vật, yên đời, hiền dân, mong thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm Tổ vậy! Mong sao những người đọc đều triệt để gột sạch cái tâm tự tư tự lợi, để tự sáng tỏ Minh Đức thì thiên hạ may mắn lắm thay!

40. Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người bẩm thụ chánh khí của thiên địa mà sanh ra, thường phỏng theo đức cao dày, che chở của trời đất để giúp cho sự sanh thành, trưởng dưỡng, kế tục đời trước, mở mang đời sau, ngõ hầu chẳng thẹn đứng cùng trời đất thành ba ngôi, xưng tên là Tam Tài. “Trung, hiếu, tiết, nghĩa” chính là giềng mối chánh yếu của đạo làm người. Nếu không có những điều ấy, con người khác gì cầm thú? Dầu vào thời dân chủ, cũng chẳng thể nào không dạy trung nghĩa! Bởi “trung” chẳng phải chỉ có nghĩa là trung với vua. Vì thế, Tăng Tử dùng “trung thứ” (trung thành, rộng lượng) để tỏ rõ đạo của Phu Tử, thường phản tỉnh “*hằng ngày vì người khác mưu toan công việc, bản thân có hết lòng trung hay không*”. Vì thế, biết một chữ Trung có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh! Thờ vua chỉ là một khía cạnh mà thôi!

Trộm nghĩ: Trung có nghĩa là “tận hết tấm lòng của chính mình, chân thành, không dối trá”. Nếu con người giữ tấm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ cô cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bốn phận.

Do trọn hết bổn phận nên đối với những chuyện thuộc về bổn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình. Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi “ta dôi gạt, ngươi mắc lừa”, luông tuông, không chuẩn mực vậy! Đắc thế bèn hòa nhau phò tá, sa cơ kéo nhau bỏ đi, hoặc còn đâm ra công kích, chà đạp lẫn nhau, trọn chẳng ngưng dứt. Đấy đều là vì chẳng màng đến trung nghĩa mà ra. Trung nghĩa chẳng màng tới thì quan hệ cha - con, vợ - chồng đều coi như mảy lông! Coi nhẹ lâu ngày, những quan hệ ấy sẽ trở thành gông cùm. Mang những gông cùm ấy chẳng được tự do, chẳng thể nào không diễn ra những vở tuồng tội tệt giết cha, giết mẹ, nghịch trời, trái lý, hòng mặc tình tùy ý, chẳng bị câu thúc gì! Than ôi! Chẳng nói đến trung nghĩa, họa hại tới mức cùng cực như thế đó, há chẳng đau đớn tuôn lệ, thở dài sườn sượt ư?

Cư sĩ Trâm Di Sanh muốn đẩy lùi ngọn sóng cuồng, tính ẩn hành những chuyện tận trung báo quốc, tận tụy hành hiếu đễ, di huấn để lại cho con cháu của tiên sinh Dương Tiêu Sơn hòng lưu truyền rộng rãi để mong sao ai nấy có hiếu với cha mẹ, kính trọng anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, thương kẻ cô cút, giúp người góa bụa, nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, lòng thành sắt son vì nước, nhiệt tâm cứu đời, mỗi mỗi đều phỏng theo tiên sinh Tiêu Sơn để thực hiện, cốt sao trọn hết chức phận của chính mình, chẳng ôm lòng chần chừ, lười nhác, hư giả chút nào! Như vậy thì lòng người đã chuyển, nhân họa tự mất. Một khi nhân họa đã mất, lòng trời tự thuận; đương nhiên

sẽ mưa nắng đúng thời, vật mạnh, dân khỏe, thiên hạ, thái bình, nhân dân yên vui!

Đọc hai tờ số xin dẹp chợ bán ngựa, giết tặc thân, có thể nói là tiên sinh chỉ biết vì nước, chẳng màng đến thân. Đang trong lúc tặc thân chuyên quyền, bậc chánh nhân quân tử hễ hơi kinh chống bèn mắc họa ngay, tiên sinh vẫn dám dâng số, xin bãi chức, xin giết, nếu không phải là hạo khí ngập trời đất, lòng tinh trung lò nhật nguyệt, há được như thế ư? Tuy vì thế mà mất mạng, nhưng người trăm ngàn năm sau thấy đều kính ngưỡng. So ra những kẻ địa vị chót vót một thời, nhưng chẳng tạo lập công nghiệp gì làm sao bằng được? Huống chi lúc sắp bị hành hình, tiên sinh soạn ra Niên Phổ và những bài văn khuyên vợ, răn con, đúng là tâm như gương sáng, chiếu rọi tỉ mỉ, nếu chẳng phải là người hàm dưỡng thuần túy, gác chuyện sống chết ra ngoài thì làm sao được như vậy?

Nay để thuận tiện cho những người bình thường nên xếp bài răn dạy con lên đầu, kế đến là lời khuyên vợ, tiếp đó là Niên Phổ, rồi đến hai bài số. Tiếp đó là tiểu truyện của tiên sinh, sao cho vừa mở sách ra liền được lợi ích thật sự, chẳng đến nỗi do văn chương dài dòng, chẳng liên quan thiết thực đến phận mình bèn ngán đọc! Lòng Trung của Tiêu Sơn, chẳng phải chỉ là thờ vua. Đọc kỹ lưỡng Niên Phổ của ông, thì thờ cha mẹ, kính anh, đãi người, tiếp vật, không một chuyện nào chẳng bắt nguồn từ lòng Trung. Phải biết tám sự “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ”, tám pháp “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” đều phải lấy Trung làm giềng mối! Do Trung nên tận tâm thực hiện sao cho trọn vẹn hết khả năng mới thôi. Do vậy,

nên nói: Đạo Trung xuyên suốt muôn hạnh, lòng Trung tăng thêm sự thành tựu cho muôn sự. Bất luận chuyện mình hay chuyện người, không có lòng Trung quyết khó thể thành tựu lớn lao được! Xưa nay, những vị lập đại công, tạo đại nghiệp, cùng lý tận tánh, mong thành thánh thành hiền, ai không lấy lòng Trung làm gốc? Vì nếu chẳng dốc sức nơi lòng Trung, sẽ ngã theo biếng nhác, chần chừ, vì chính mình còn chưa thể được, huống là vì xã hội, nước nhà ư? Người thời nay chẳng những không màng đến thực hiện lòng Trung mà ngay cả hiếu và tiết nghĩa cũng chẳng chú ý. Tôi thường muốn khuyên chỉ, nhưng chẳng cách nào phát khởi được!

Khéo sao cư sĩ Bành Mạnh Am đưa truyện người con gái có hiếu ở Hồ Nam cho đọc. Cô con gái có hiếu ấy chỉ biết có mẹ, người con gái tiết hạnh chỉ biết đến nghĩa, sự sống chết của chính mình chẳng thềm màng đến nữa. Tuy đã thể hiện gương táng thân vì mẹ, vì nghĩa, nhưng chẳng thể dùng gương ấy để răn dạy người tầm thường được; tuy vậy, lòng thành tận hiếu, tận nghĩa, ngay đến cả thiên địa, quỷ thần cũng bị cảm động, huống chi những người sẵn cùng một cái tâm ấy ư? Những kẻ chẳng nghĩ đến ân dưỡng dục, tùy ý tự do luyện ái, thấy nghe những chuyện này há chẳng thẹn muốn chết, do đó bèn đau đầu sửa đổi lỗi trước, dốc lòng tu đức sau ư? Điều này liên quan đến thể đạo nhân tâm cũng lớn lắm. Hơn nữa, tiết tháo như Tần Chiêu, ngay trong khi ấy mà giữ được lòng chẳng loạn lại càng sâu sắc gấp trăm lần. Do giữ cho một lúc chẳng loạn thì dễ, nhưng nhiều ngày chẳng loạn thì khó lắm. Huống chi ông Đặng X... đã nói: “Nếu chẳng thể kiềm chế được thì cô gái ấy sẽ thuộc về anh” đó ư? Thêm nữa, thiếu niên nam nữ trong mấy

chục hôm, ngày cùng ăn, đêm cùng ngủ, mà có thể trọn chẳng có chuyện nam nữ tình dục, chẳng xáo trộn thiên lý, chẳng phải là kẻ trọn chẳng có nhân dục mà làm được ư? Tôi đem chuyện này ghi thêm vào An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám. Hai cuốn sách ấy đã in hơn hai mươi vạn cuốn, nay lại ghi kèm câu chuyện trên đây vào cuốn sách này, hợp thành truyện trung hiếu tiết nghĩa để làm nhát kim đâm xuống đỉnh đầu những gã phé trừ luân lý, ngõ hầu căn bệnh đã lạm vào tạng phủ được mau lành, khôi phục chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng giữ những điều lành. Gia huấn của Lục Phóng Ông chú trọng nơi kiệm ước, trung hậu, khoan dung, phần dạy về tang chế quả thật là món thuốc mầu nhiệm để trị chứng bạc bẽo của thế tục, nên cũng in kèm vào sau sách để cùng được phổ biến lưu truyền, ắt những vị nhân từ, đầy đủ chánh tri chánh kiến, quan tâm đến thế đạo lòng người sẽ đề xướng lớn lao, khiến cho mọi người trở về với sự thuần chân, chất phác, khôi phục lại cõi đời hưng thịnh bình trị tốt bậc!

41. Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Thiên hạ không hai đạo, thánh - phàm chẳng hai tâm. Khắp xưa nay, trong nước, ngoài nước, không đâu chẳng dùng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để làm căn bản lập thân hành đạo và trị quốc an dân. Ấy là vì những sự lý này đều là những giếng mối thường hằng vốn sẵn có trong tâm tánh của chúng ta, bất luận trí - ngu, hiền - tệ đều sẵn đủ, nhưng có những hành động, cử chỉ phù hợp hay trái nghịch với những điều ấy sai khác là vì “dứt

lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa” hay vì “mê tâm chạy theo vật, phóng túng tình ý” mà ra. Vì thế, kinh Thư có lời giáo huấn: “*Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh*” (do thánh mất niệm nên thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm nên thành thánh). Phật dạy đạo “*mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật*”. Do vậy, biết: Thánh hay cuồng, chúng sanh hay Phật chỉ trong khoảng một niệm mê hay ngộ. Do thoát đầu lập tâm sai khác đôi chút, rớt cuộc đến nỗi cách biệt một trời, một vực, con người há chẳng nên tự gắng sức để mong thành thánh thành hiền ư?

Trăm nghề hay khéo trong thế gian mỗi nghề đều có quy củ, chuẩn mực. Căn cứ theo quy cách do cổ nhân đã thành lập để tập luyện, đến khi đã nhuần nhuyễn tột bậc rồi thì không chuyện gì chẳng “tùy lòng nghĩ đến, tay liền hoàn thành”. Mong thành thánh thành hiền cũng giống như vậy đó! Nêu lên đại cương thì chỉ có ba điều “làm sáng tỏ Minh Đức, làm cho dân mỗi ngày một tiến bộ, an trụ nơi chí thiện” mà thôi. Nhưng muốn làm sáng tỏ Minh Đức thì trước hết phải thực hiện bằng trừ khử vật dục phiền não, thúc đẩy lương tri vốn sẵn có. Có nghĩa là “dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa,” mãi cho đến khi trừ khử, thấu hiểu đến tột cùng rồi thì nhân dục đã hết sạch, thiên lý sẽ tự lưu hành. Đại cương “làm sáng tỏ Minh Đức” đã đạt được rồi thì những chuyện khác hễ làm bèn được, không chuyện gì chẳng thuận theo lòng nghĩ tay liền thực hiện thành tựu. Nhưng cần phải biết nhiều về ngôn hạnh của

người xưa để phụ trợ cho việc duy trì, trưởng dưỡng sự suy xét phản tỉnh.

Cư sĩ Dương Chương Phủ ở Vô Tích tập hợp những lời hay hạnh đẹp của các bậc danh nhân xưa nay trong nước, ngoài nước, soạn thành tám quyển. Đầu tiên là luân lý, rồi đến những sự tu tỉnh, lòng từ thiện của quan viên, thân sĩ, thương nhân, khuê các, và những lời hay ý đẹp nên vâng giữ trong gia đình, xã hội, quốc gia của Trung Hoa và Tây Phương. Khi ấy, sách được in hơn một vạn cuốn, gởi đi khắp các huyện trong toàn quốc. Lợi ích quả thật chẳng nông cạn vậy. Từ đây, một nhà đại từ thiện ở Thượng Hải là cư sĩ Vương Nhất Đình cho rằng sách này khá hợp thời cơ, tính in mấy ngàn cuốn để đề xướng, ngõ hầu ai có tâm cứu vãn thế đạo nhân tâm sau này sẽ tiếp tục ấn hành sao cho sách được lưu truyền khắp hoàn cầu hòng ai nấy biết rõ sự lý “nhân quả, báo ứng, sanh tử luân hồi”, sẽ miệt mài hành những môi luân thường “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”. Như vậy thì nhà nhà hành hiếu đễ, người người giữ vẹn lễ nghĩa, nhân nhượng, dẫu ở trong nhà tối vẫn như đối trước Phật, trời, hòng lương tri chẳng bị vật dục che lấp. Rốt cuộc Minh Đức được sáng ngời, lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình, nhân dân chẳng yên vui ư? Do vậy, tôi bèn viết đại lược để phô rõ ý nghĩa ẩn kín này. Sau đây, do lại có được những lời hay đẹp về mặt đức dục của các danh nhân hoàn cầu bèn cho in chung vào sách này để hết thấy những ai muốn tự lợi, lợi người đều có căn cứ. Do vậy, bèn ghi kèm vào đây thêm mấy câu nữa!

42. Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Đời loạn đến cùng cực, con người hết sức mong mỏi bình trị. Đạo để bình trị vốn thật gần, thật dễ, nhưng những kẻ thông minh trong thế gian thường muốn lập dị để mong lấn áp cổ nhân. Vì thế, họ coi thường những điều gần gũi, dễ dàng, chẳng thèm sử dụng, cứ muốn coi trọng những điều xa xôi, khó khăn để tỏ rõ bản lãnh của chính mình. Rốt cuộc chỉ thành rồi ren, đạt hiệu quả trái ngược, nước loạn, dân khốn khổ hết thuốc chữa, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Chẳng biết thánh nhân vốn từ thiên lý, luân thường để lập pháp, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn bốn phận, tôn trọng luân thường, tận tụy hành hiếu để, nên mới nói: “*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để nhi dĩ hỹ*” (Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu - để mà thôi). “*Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chương thượng*” (Dùng lòng phụng dưỡng, tôn kính người già cả của ta để phụng dưỡng, tôn kính người già cả của kẻ khác, đem lòng thương yêu con thơ của ta để thương yêu con thơ của người khác, thì giữ cho cõi đời bình trị sẽ là chuyện nắm chắc trong tay). Nếu ai nấy đều giữ được tấm lòng trung hậu, khoan thứ, cùng thấu hiểu sâu xa “mọi người là ruột thịt của ta, muôn vật cũng giống như ta” thì lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ thịnh hành, thắng hung tàn, bỏ giết chóc, phong tục thuần thiện, thiên hạ thái bình.

Thánh nhân lại lo con người không nghĩ chín chắn tới nơi tới chốn, bèn dùng sự lý nhân quả báo ứng để răn dạy. Vì thế, kinh Thư chép: “*Huệ địch cát, tòng nghịch hung, duy ảnh hưởng*” (thuận theo đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh vậy). Lại chép: “*Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương*” (Làm lành trăm điều lành giáng

xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống). Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích chứa điều thiện, sự vui có thừa. Nhà làm điều chẳng lành, tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối thiên sách mới nói: *“Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực”* (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu nỗi cực nhọc). Những nhà Nho về sau chẳng biết nhân quả ba đời, gom hết ngũ phước, lục cực về sự cai trị của nhà vua. Chẳng những vu báng sự cai trị của vua là bạo ngược, mà còn vu báng cả từ ngữ “phước, cực” nữa. Vì thế, khó thể nào giải thích không khắp khiêng cho được!

Nay lại dùng lẽ nhân quả rõ ràng để nói thì: *“Ái nhân giả, nhân hằng ái chi; kính nhân giả, nhân hằng kính chi”* (Yêu người, người mãi thương yêu; kính người, người sẽ luôn thường kính ta). Nói ra lời trái tai thì sẽ nghe lời trái tai. Cho vay sự trái nghịch thì cũng sẽ nhận lại sự trái nghịch. Giết cha người khác, người ta cũng sẽ giết cha ta. Giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Phạm những gì đã làm cho người khác thì không chuyện gì bản thân ta sẽ gặp phải lại chẳng giống như vậy. Còn đối với nhân quả tự tu thì nói: *“Thánh do mất niệm thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm bèn thành thánh”*. Thánh hay cuồng chỉ do mất niệm hay khắc chế được ý niệm mà thôi! Như câu nói: *“Cầu chí ư nhân hỹ, vô ác dã. Năng chí ư nhân, tắc kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri ư khâm ảnh. Bất chí ư nhân tắc nhân dục nhật tứ, thiên lý nhật mãn, tiện dữ cầm thú cơ hy hỹ!”* (Nếu dốc chí vào lòng nhân thì không ác, dốc chí nơi nhân sẽ thấy

bậc tiên triết trong canh, nơi tường, cần thận dè dặt như sợ cả bóng áo của chính mình sẽ biết được tội lỗi của chính mình. Nếu lòng chẳng hướng về điều nhân thì lòng ham muốn ngày một phóng túng, thiên lý ngày một mất đi, có khác gì cầm thú cho mấy). Mạnh Tử nói: “*Tây tử mông bất khiết, tắc nhân giai yếm ty nhi quá chi*” (Tây Thi bôi đồ dơ thì mọi người đều bịt mũi, quở trách) (Tây Tử (tức nàng Tây Thi) cực đẹp, nhưng bôi phân khắp mặt thì mọi người đều sợ hôi thối, chẳng những không chịu nhìn mà còn bịt mũi chê trách). “*Tuy hữu ác nhân* (ác ở đây là xấu xa, “ác nhân” là người diện mạo xấu xí), *trai giới mộc dục, tắc khả dĩ sự Thượng Đế*” (Tuy người xấu xí, nhưng trai giới tắm gội sẽ có thể thờ Thượng Đế). Đây đều là sự lý nhân quả báo ứng vậy! Thánh nhân dạy người, trước hết nói thẳng vào những cách thức nên làm, rồi lại dạy những lẽ lợi - hại, được - mất do tuân thủ hay chống trái những phương cách ấy. Hai điều này tiến hành song song thì sẽ chẳng thể nào lệch lạc hay phé bỏ được.

Thánh nhân muốn cho con người ai nấy đều tu đức, đều trọn hết phận mình, chỉ sợ có kẻ coi thường, nên dùng sự lý nhân quả báo ứng để đôn đốc sao cho họ nghiêm túc tuân thủ, chẳng trái nghịch vậy. Nhưng nhân quả được thánh nhân nói đến chỉ là nói về bản thân và con cháu mà thôi! Do chẳng nói đến chuyện trước khi sanh ra và sau khi đã mất, nên đối với chuyện quá khứ, vị lai của người ấy dù nhân hay quả đều chẳng nhắc tới. Cơ Tử nói đến ý nghĩa Ngũ Phước, Lục Cự, chính là chỉ rõ cái nhân quá khứ tạo thành cái quả trong hiện đời. Vì thế biết rằng: Do kẻ tầm thường chẳng dễ gì hiểu được nên thánh nhân chẳng nói, chứ không phải là chẳng biết có nhân quả ba đời! Từ khi Phật giáo

truyền sang phương Đông, nêu rạn rỡ lý “tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt” và sự “nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi”, nhân dân được hưởng ngậm lợi ích chẳng thể kể xiết. Thử nêu ra một hai điều ắt sẽ biết rõ.

Vào đầu đời Châu, ân trạch của Văn Vương thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy ba bốn trăm năm, tục lệ giết người tuần táng đã phổ biến cả thiên hạ. Thiên tử, chư hầu, đại phu, kẻ sĩ đều tùy sức giết người để tuần táng. Những kẻ có thể lực mạnh mẽ đều cho rằng càng giết nhiều càng sang! Mục Công là vua hiền của nước Tàn còn giết một trăm bảy mươi bảy người. Ba vị họ Tử Xa đều là hiền thần của nước Tàn, vẫn chẳng thể vì nước vì dân mà được miễn khỏi cái chết. Trong các nước còn có mấy trăm mấy ngàn người bị tuần táng theo. Từ khi Phật giáo hiển minh sự lý nhân quả ba đời thì tục lệ này mới vĩnh viễn chấm dứt. Nếu không, cũng hiếm người được hưởng hết tuổi thọ rồi mới chết! Lợi ích ấy, nếu chẳng suy nghĩ sâu xa, ai hòng biết được!

Tổng Nho trộm lấy nghĩa lý sâu thẳm về tâm tánh trong kinh Phật để hoằng dương, hiển phát đạo Nho, quá sợ người đời sau học Phật sẽ khiến cho môn đình Nho Giáo bị lạnh lẽo, điêu hiu, nên đã học từ nơi người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, tà vạy bài bác, bảo Phật dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ phỉn phờ ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của Ngài. Hơn nữa, con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có những dụng cụ hành hình trong địa ngục thì sẽ thi thố vào đâu? Nếu đúng như họ nói thì con người sanh ra không

từ đâu đến, chết rồi cũng chẳng đi về đâu, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch cả rồi, dẫu thiện hay ác hễ chết đều là không cả! Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, chỉ dạy dỗ tận nghĩa, tận phận, thành ý, chánh tâm xuong, nhưng lại ra sức bài xích phương tiện đôn đốc con người chẳng thể không tận nghĩa, tận phận, thành ý, chánh tâm. Sai lầm của kế sách ấy chẳng thể nói xiết!

Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, cũng chẳng dám dạy con người nỗ lực làm lành, do họ thường cho rằng “hễ có làm gì để làm lành thì đấy chính là ác”, tức là dạy con người tự tư tự lợi vậy! “Không làm gì để làm lành quả thật là làm lành đến cùng cực”, đấy chính là chuyện của bậc thánh nhân, sao lại đem chuyện này dạy người bình thường? Nếu dạy điều ấy cho người bình thường thì sẽ ngăn trở người ta làm lành, hướng dẫn người ta làm chuyện chẳng lành! Tuy “thánh nhân không làm gì là làm lành” nhưng thánh nhân cũng thường có chuyện để làm, chứ không phải là hoàn toàn chẳng làm gì hết! Ông Cừ Bá Ngọc tuổi tròn hai mươi biết mười chín năm trước sai trái. Đến khi năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước sai quấy, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể được. Đấy chính là những gì bình sinh ông ta đã thực hiện vậy. Tăng Tử hằng ngày dùng ba chuyện để tự phản tỉnh, đến lúc lâm chung mới nói: *“Kinh Thi chép: ‘Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim nhi hựu, ngô tri miễn phụ’* (dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng

mỏng, từ rày mai sau, ta biết thoát rồi). Đây là từ đầu đến cuối “có làm” vậy.

Nhan Uyên hỏi về lòng nhân, Khổng Tử bảo *“dùng đánh đồ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa”*. Hỏi đến chi tiết, Ngài dạy: *“Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”* (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Cả hai câu đáp đều là “có làm”, chứ không phải là không làm gì! Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Tuổi đã bảy mươi vẫn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh được lỗi lớn, đều là “có làm” sâu xa!

Tổng Nho cất giọng cao xa, muốn tự khoe khoang cao minh, chẳng hề biết đã trái nghịch đạo “khéo léo khuyên dụ dần dần” của thánh nhân. Họ tự làm, gây lầm lạc cho người và cả thiên hạ đời sau cũng lớn lắm. Từ sau khi Tổng Nho bài xích nhân quả luân hồi, phàm là người đọc sách đều chẳng dùng những gì được nói trong Ngũ Kinh để luận định mà cứ coi những thuyết của Tổng Nho như khuôn thước. Nếu có ai biết thì sợ bị mang tiếng “trái nghịch tiên Nho”, hoặc nếu có thành tựu đáng dự vào Văn Miếu nhưng vì đã dự phần học Phật thì sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy, chẳng dám hé răng! Nhưng kẻ hiểu Phật lý sâu xa, đem những pháp ấy diễn tả rõ ràng ra, nhưng vẫn kèm theo lời lẽ bài bác, chỉ vì muốn có chỗ đặt chân hòng được dự vào Văn Miếu trong mai sau! Vì thế, mấy trăm năm qua, phương tiện lớn lao để khuyên

lành phạt dữ đã nhất loạt bị bỏ lửng, dù có khuyên hay phạt đều là chuyện thuộc về cành nhánh, chẳng đạt được cội rễ, được lợi ích quá ít! Gần đây, do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những kẻ ham mới chuộng lạ đối với những chuyện người Âu Tây làm, không gì chẳng bắt chước, biến đổi dữ dội tận gốc càng nhiều gấp mấy lần hơn nữa, đến nỗi đối với những chuyện “vì nước, vì lễ công” họ bỏ mặc, coi như không nghe thấy, nên mới đề xướng những đường lối phê kinh điển, phê luân thường, phê bỏ lòng hiếu, không hổ thẹn v.v... chẳng nữa thấy nghe! Cả nước thành cuồng không sao kể xiết!

Nếu hết thấy mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, dẫu dùng cái chết để uy hiếp họ, ép họ phải làm những chuyện như trên đây thì họ sẽ thà chết chứ chẳng dám làm những chuyện đại ác ấy! Do vậy, biết cái gốc họa của chuyện diệt Nho giáo, diệt luân lý để mong thực hiện biến con người thành cầm thú, đều từ học thuyết bài xích nhân quả của Tống Nho ươm thành, thật vậy đó! Học thuyết gây lầm lạc cho con người, dù nước lũ, mãnh thú, cũng chẳng gây họa khốc liệt như vậy.

Trước kia, có người hỏi tôi: “Đời đã loạn tột bậc, nên bình trị như thế nào?” Tôi nói: “Nếu ông biết được nguyên nhân của sự loạn lạc thì sẽ biết được pháp tắc để bình trị”. Ông Châu An Sĩ nói: *‘Ai nấy đều biết nhân quả, đó là đạo để bình trị lớn lao. Ai nấy đều chẳng biết nhân quả thì đây là con đường dẫn đến đại loạn vậy’*. Do nhà Nho ky nói đến nhân quả khiến cho thế đạo, nhân tâm ngày càng bạc bẽo dần dần, cho đến tận ngày nay rốt cuộc có kẻ dám đề xướng phê kinh điển,

phế luân thường v.v... Nếu thật sự biết nhân quả thì chẳng những miệng không dám thốt ra lời ấy, mà cũng chẳng dám để lọt vào tai! Bởi đây là những tiếng xấu xa, bực ác, người có tấm lòng lo cho con người chẳng nên nghe! Hễ nghe sẽ khiến cho con người đau lòng buốt óc, không làm sao được! Nay muốn biến loạn lạc thành bình yên mà nếu chẳng cực lực đề xướng giáo dục trong gia đình thì sẽ không thể thực hiện được. Nhưng giáo dục trong gia đình thì điều đầu tiên là lấy “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” làm gốc. Lại phải thường bàn về sự lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo thì những nhân tài xuất hiện trong gia đình đều là bậc hiền thiện. Trong gia đình đã có nhân tài hiền thiện xuất hiện thì thiếu số chẳng hiền thiện cũng sẽ được un đúc, đều được cảm hóa. Vì thế nói: *“Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách”* (thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Đây là lời bàn luận xác định: “Do cái nhân suy sụp mà đời yên bèn thành loạn, do cái nhân được hưng thịnh mà đời loạn bèn thành yên” vậy. Chẳng nương theo đó mà muốn đất nước được bình trị thì làm sao thực hiện cho được? Đây là điều những người có tâm lo cho thế đạo, nhân tâm đều cùng lo nghĩ.

Cư sĩ Phan Đồi Phù thấy được điều này, vào năm trước đã thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên soạn cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để sửa lỗi hướng lành, bỏ mê trở về với ngộ, giữ ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh, tu Tam Học Giới - Định - Huệ để mong trừ khử vọng nghiệp vốn chẳng hề có, khôi phục chân tâm vốn sẵn có. Lại còn dạy người đời tín nguyện niệm Phật, cầu sanh

Tây Phương để vĩnh viễn lìa khỏi đời ác Ngũ Trược, thường hưởng pháp lạc Tứ Đức. Lại còn lấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát để làm chỗ nương về, ngõ hầu nương vào từ lực của Phật Di Đà và nguyện luân của chính mình, tùy loại hiện thân trong mười phương các cõi, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, khiến cho khắp mọi hàm thức đều thành Phật đạo. Hu không có cùng tận, nguyện của ta vô cùng. Đây là công lao cứu vãn kiếp nạn đến cùng cực vậy.

Tục ngữ có câu: “*Cứu người phải cứu tới nơi tới chốn*”. Cứu như vậy có thể nói là triệt để đến cùng cực! Nhưng đối với người chưa biết đến chân lý Phật pháp thì thoát đầu chẳng thể không dùng những sự tích nhân quả nông cạn, gàn gỏi để khơi gợi tín tâm của họ. Đừng vì những chuyện ấy nông cạn gàn gỏi mà chẳng muốn đọc rồi bỏ qua, thì sẽ tự đạt được diệu đạo thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều cùng gắng sức.

43. Lời tựa cho bộ Vụ Bản Tùng Đàm

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Đời đã loạn tột cùng hết thuốc chữa! Xét đến cái gốc họa thì chỉ vì các tiên hiền bên Lý Học đã bài xích những sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã dạy. Họ nói: Phật bịa đặt những chuyện đó để làm căn cứ dụ dỗ, mê hoặc hàng ngu phu ngu phụ, chẳng biết “*thuận theo thiên lý thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, tích thiện sự vui có thừa, tích bất thiện thì tai ương có thừa*”, cũng như “*tinh khí là vật, du hồn biến chuyển*” chẳng phải là nhân quả đó sao? Chẳng phải là luân hồi đó ư? Huống chi những chuyện nhân quả luân hồi được ghi chép

trong sử sách kể sao cho xiết! Há họ trọn chẳng hề đọc đến hay sao? Chỉ vì tri kiến môn tường quá nặng, muốn tạo đường lối khác biệt nhà Phật để ngăn trở người đời sau, sợ họ đều học theo Phật hết thì Nho giáo sẽ bị lạnh lùng, suy sụp. Bọn họ chỉ lấy “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm” làm đạo giáo hóa dân, để biến đổi phong tục thành tốt đẹp. Đối với phương tiện khiến cho dân không thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm, sửa lỗi hướng thiện, họ chẳng những phế bỏ không bàn tới mà còn bài xích sâu đậm là sai trái, chỉ sợ lỡ ra người ta tin vào nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo! Do vậy, bậc thượng trí biếng nhác tu trì, kẻ hạ ngu dám làm ác, bởi Nghiêu hay Kiệt đều cùng chết, đều mất sạch cả rồi, cần gì phải chú tâm, dè dặt, không dây mà tự buộc để tự khổ sở cả một đời ư? Sao chẳng mặc tình buông lung cốt sao đời này được sung sướng, quản chi cái danh xuống sau khi đã chết? Đến nỗi thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt! Tới khi gió Âu thổi dần sang phương Đông, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, rớt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường v.v... lạm sâu mê hoặc bên trong, biến thành những chuyện tranh thành, tranh đất v.v... làm giặc bên ngoài. Nông nghiệp thì thiên thời lẫn địa lợi đều mất, nhân họa, thiên tai cùng xảy tới. Xót thay dân đen, mắc phải sự hung tàn này. Xét đến nguồn gốc của họa loạn chẳng thể nào không quy tội cho học thuyết bài xích “nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo”! Xưa kia, khi họ đề xướng thuyết này, chẳng qua chỉ muốn chèn ép Phật giáo để đề cao Nho giáo, chẳng biết do đây con người sẽ phóng túng không kiêng dè, đến nỗi phát sanh những hiện tượng phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, vứt bỏ hổ thẹn.

Ôi! Tình người như nước, nhân quả như đê. Đắp cho chắc còn sợ nước ngập lênh láng, huông hồ là trừ bỏ đê đi, há nước chẳng chảy tràn lan hay sao? Học thuyết làm người, họa đến cùng cực như thế đấy, chẳng đáng buồn ư? Gặp phải thời vận này, người có tâm sao nở bỏ mặc được ư? Vì thế, cư sĩ Quách Giới Mai phổ biến lưu thông sách Vụ Bản Tùng Đàm để mong cứu vãn. Sách ấy nêu tỏ từng sự lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, cũng như pháp tắc phát Bồ Đề tâm, tự lợi, lợi tha, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương v.v... Nếu có thể hành theo đó thì khi sống ắt sanh vào địa vị thánh hiền, khuất bóng sẽ lên cõi Cực Lạc, ngũ hầu chẳng phụ chân tâm có thể làm Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật và tiếng thơm cùng sánh với Trời Đất xưng là Tam Tài vậy!

Những ai muốn mở rộng giềng mối “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” lớn lao, muốn thành tựu đại sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, muốn chứng đại quả hết sạch Phiền Hoặc, phước huệ viên mãn, xin hãy dùng sách này để làm hướng dẫn hòng dẫn dắt người khác bước vào nơi thù thắng và những ai đã vào rồi sẽ tiến sâu thêm thì cuốn sách này sẽ không thể nào diễn tả tường tận sự thành tựu của người ấy cho được. Nguyên người thấy nghe chớ có xem thường thì may mắn lắm thay!

44. Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, nhiếp trọn các pháp thuộc chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thích hợp khắp ba căn thượng - trung - hạ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, chắc chắn thoát sanh tử trong đời hiện tại! Chẳng trải qua tăng-kỳ kiếp số mà đích thân chứng được Pháp Thân, chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu để thoát khổ trong hết thảy sự tu trì của chúng sanh. Do pháp này cậy vào Phật từ lực, nên lợi ích so với những pháp chuyên cậy vào tự lực sẽ khác biệt vời vợi một trời, một vực! Vì vậy, kẻ sắp đọa A Tỳ do mười niệm liền được vãng sanh, bậc đã chứng Đẳng Giác phát ra mười nguyện để hồi hướng Tịnh Độ. Do vậy biết: Pháp môn này chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Bởi đó, từ hội Hoa Nghiêm hướng dẫn về, từ lúc được diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, vãng thánh tiền hiền người người hướng đến, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ về. Huống chi nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến tột cùng, chánh pháp suy tàn, tà thuyết hoành hành, nếu chẳng dùng những điều lành thế gian như “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” và điều lành xuất thế “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh” để duy trì thì đạo làm người chắc sẽ gần như biến mất! Do vậy, bèn tập hợp những vị Tăng - tục

cùng hàng, lập ra Liên Hoa Thắng Hội cầu sanh Tây Phương này, dùng cái tâm “lập mình, lập người, tự lợi, lợi tha” để hành đạo “đôn đốc luân thường, tu ròng Tịnh nghiệp”, ngõ hầu làm tiêu chuẩn uốn nắn những kẻ xô đổ luân lý, dùng tà thuyết dối dân, để làm hướng dẫn cho kẻ mê muội tâm tánh ở trong đường hiểm không thoát ra được! Những người trong hội nếu có thể tận tụy thật sự thực hành ắt sẽ làm cho những người cùng hàng nhìn theo nhau bắt chước làm lành thì chẳng riêng gì kẻ có tín tâm được gọi Phật ân sâu xa, mà ngay cả kẻ một mực phản đối cũng sẽ phát ra thiện niệm lớn lao. Ấy là vì sẵn có Phật tánh, do gặp được nhân duyên tăng thượng sẽ được hiển hiện ngay lập tức. Những điều khác đã được nói tường tận trong kinh luận Tịnh Độ, nguyện những người tham gia hội và thấy nghe đều cùng gắng công.

45. Lời tựa cho Bội Độ Trai Văn Tập

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Đời loạn đến cùng cực, phàm những người có tâm không ai chẳng ôm lòng lo lắng. Cư sĩ Quách Giới Mai do muốn cứu vãn nên trước kia đã từng soạn bộ Vụ Bản Tùng Đàm, tiếp đó lại chọn lọc từ văn cáo nhiều năm, gạn lọc thành sách. Phàm những gì được trước thuật đều là những sự tích thiện ác, lời hay hạnh đẹp trích từ Kinh, Sử, Tử, Tập, các kinh luận của Phật, Tổ, và đủ mọi ngôn luận cân nhắc cẩn kẽ của người đương thời, chia thành bốn môn: Một là hiếu hữu (hiếu thảo, hòa thuận), hai là chánh trị (đường lối cai trị đúng đắn), ba là hoằng pháp, bốn là đức hạnh, đặt tựa đề chung là Bội Độ Trai Văn Tập.

Vì sao lại dùng Bôi Độ để đặt tên cho Trai? Ấy là vì muốn độ người nơi biển cả phiền não ác nghiệp thì phải dùng những lời hay hạnh đẹp của cô thánh tiên hiền và sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã dạy để làm căn cứ, tùy sự tùy cảnh dùng văn tự của chính mình để tỏ rõ. Đối với những chỗ nào chẳng thể dùng lý luận giảng rõ được bèn dẫn những sự tích xưa nay làm chứng cứ ngõ hầu kẻ cứng cổ phải quay đầu, kẻ tánh tình buông lung phải sửa đổi cái tâm. Nhưng vì đạo đức của chính mình nhỏ bé, mỏng manh, chẳng thể cảm hóa lớn lao, giống như dùng cái chén (Bôi) để độ (cứu vớt) người, nên chỉ độ được hữu hạn. Đây chính là danh xưng tự khiêm.

Phải biết: Cái chén này thuộc loại đại nguyện thuyền của Như Lai. Chạm lên cái chén ấy sẽ có thể ngay lập tức lên thẳng thuyền đại nguyện theo chiều dọc cùng tốt ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, rộng lớn không bờ bến. Chín pháp giới dù phạm hay thánh đều do thuyền này đến được bờ giác Bồ Đề. Nguyện những ai trong biển khổ phiền não gặp được cái chén này chớ thấy nó nhỏ nhoi mà vứt bỏ. Nếu không, dẫu gặp được đại nguyện thuyền ắt cũng chẳng hay biết để rời bỏ lỡ, tự mình làm lạc cũng lớn lắm đấy! Tôi thường nói: *“Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh”*. Bỏ nhân quả mà bàn về bình trị thì chẳng qua là trị lành đôi chút căn bệnh ngoài da! Nếu là tâm bệnh thì ngược lại, bệnh càng tăng trưởng, chẳng lẽ nào chữa lành bệnh cho được! Những người nói giọng cao xa, cứ bảo “nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi chính là lời bàn luận hư vọng để dối người của đức Phật” chẳng những không biết nhân quả mà còn hoàn toàn u mê nơi

chánh lý thế gian. Thánh nhân cùng lý tận tánh, đức Như Lai đoạn Hoặc chứng Chân, đều chẳng ra ngoài nhân quả! Nếu con người tin sâu nhân quả sẽ tự nhiên ý thành, tâm chánh, thân tu!

Họ dùng thành ý, chánh tâm, tu thân để làm căn cứ khiến cho đời yên dân hiền, mong thành thánh, thành hiền, nhưng cực lực bài xích nhân quả, luân hồi, chẳng biết “chỉ có sự lý nhân quả luân hồi là phương tiện làm cho con người thành ý, chánh tâm, tu thân!” Đã không có nhân quả, luân hồi thì có mấy ai chịu theo đuổi thành ý, chánh tâm, tu thân? Muốn cho ai nấy đều thành ý, chánh tâm, tu thân, mà trước đó đã bài xích phương tiện khiến cho con người không thể không thành ý, chánh tâm, tu thân, chẳng dám không thành ý, chánh tâm, tu thân! Cái tội đã vu báng bậc thánh đời trước, gây lầm lẫn cho người học đời sau, dù hết sạch trúc cũng khó ghi trọn được! Họ vẫn tự kiêu là “đề cao điều chánh, trừ bỏ lẽ tà, khiến đời yên dân lành”, đến nỗi xuất hiện những cảnh phê kinh điển, phê luân thường, phê hiếu thuận, bỏ hồ thẹn, tàn sát lẫn nhau, dân không lẽ sống v.v... đều là do sự bài xích nhân quả luân hồi ấy uơ thành!

Nếu họ mộng thấy được cái họa ấy, dù có bị hình phạt tan xương nát thân bức bách họ đề xướng bài xích, họ cũng chẳng dám làm! Huống là do chỉ cầu lấy hư danh chẳng liên quan khản yếu mà lại dám làm ư? Thật vậy, chúng sanh ác nghiệp sâu nặng, cảm phải học thuyết này, nghiệp tăng nặng thêm, há chẳng đáng thương quá ư? Nguyện cho hết thảy những người cùng hàng đều cùng ôm lòng tự lợi, lợi tha, đừng giữ những tri kiến môn đình đây kia! Do giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành mà đạt đến minh tâm kiến tánh,

đoạn Hoặc chứng Chân, và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì bởi cái chén này sẽ lên thẳng đại nguyện thuyền của đức Như Lai, đến được bờ giác kia, lại còn lần lượt độ thoát đến hết đời vị lai, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và dịp gặp gỡ này!

46. Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phàm những loài có huyết khí đều có tri giác. Đã có tri giác ắt tham sống sợ chết, hướng lành, lánh dữ. Chim, thú, côn trùng, rắn, rệp, không loài nào chẳng như vậy. Nếu coi thường bắt giết thì tuy sức chúng nó chẳng thể chống lại, đành không biết làm sao được, nhưng tâm chúng nó thù hận quả thật chẳng ngôn ngữ văn tự nào có thể hình dung được! Nếu chúng sắp bị giết mà có người mua đem thả khiến cho chúng được sống, tâm chúng nó cảm kích cũng lại chẳng thể hình dung được! Dẫu cho chúng nó hiện thời chẳng có sức báo ân, báo oán, nhưng cái duyên thiện - ác đã kết thì hoặc là trong đời này, hoặc trong tương lai, ắt sẽ có sự báo ứng chẳng ngờ được! Dẫu chúng nó chẳng thể báo đền ngay lập tức, nhưng thường hành phóng sanh hay thường hành sát sanh thì thiên địa quỷ thần đều thường soi xét để giáng phước hay giáng họa, chớ coi thường, nghĩ chúng nó yếu ớt rồi khinh khi!

Người đời chẳng biết nhân quả, coi sát sanh ăn thịt là lẽ chánh đáng, là điều nên làm; chẳng biết những tai ương thâm trọng như đao binh, giặc cướp, lũ lụt, hạn hán, tật dịch v.v... phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà ra! Nếu ý niệm từ bi thật sự tinh thuần, dù ở trong cùng một thời kiếp này nhưng mỗi người mỗi thọ quả báo khác biệt. Xưa kia, một đũa

bé được cha dẫn đến quy y, tôi hỏi: “Con có thích ăn thịt hay không?” Nó thưa: “Thích lắm ạ!” Tôi lấy ngón tay nó bỏ vào miệng nó, bảo: “Miếng thịt này ngon lắm, ăn thử xem nào!” Nó cực lực phản đối: “Không ăn được, không ăn được đâu!” Tôi nói: “Thịt của chính mình thì không ăn được, sao lại ăn thịt của những sanh linh khác được? Hiện tại con ăn thịt nó, tương lai nó cũng ăn thịt con. So với việc ăn thịt chính mình càng khổ độc gấp vạn lần”. Do vậy, thánh nhân dùng lòng trung hậu, khoan thứ dạy người, những gì chính mình không thích bị làm thì đừng làm cho người khác, không giống như người đời vô tri ỷ mạnh nuốt yếu, quen thói coi đó là chuyện thường, nào biết sát sanh ăn thịt là tội ác, là phi lễ! Thấy người không ăn thịt lại chê là hủ bại, là mê tín! Giả sử người ấy đột nhiên bị biến thành chim, thú, cá, tôm, bị người ta bắt được sắp bị giết, trong tâm liền tự nhủ đây là chuyện đúng lẽ, là chuyện nên làm, hoan hỷ trảm đày miệng bụng người khác hay sao? Hay sẽ nói là tội ác, là phi lễ, ôm lòng hận thù không cởi gỡ được ư? Nếu lúc ấy có người kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật, chẳng ăn thịt, khuyên người ta đừng giết, sắp muốn mua đem thả, trong tâm con vật có chê người ấy là viễn vong, hủ bại, là mê tín hay không? Hay là sẽ cảm đức cứu mạng, suốt đời chẳng quên vậy? Nếu kẻ đó đặt mình vào chỗ ấy, suy đi nghĩ lại, tôi e rằng kẻ ấy thà ăn thịt của chính mình chứ chẳng chịu ăn thịt của chúng sanh nữa! Than ôi! Ai nấy đều có thể thành Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, sao lại trái giác hiệp trần đến mức cùng cực như vậy?

Tiên sinh Giang Thận Tu chính là vị quân tử ần dật vào đời Thanh trước kia, học vấn uyên bác, phẩm hạnh thuần chánh, tuy chưa từng

ngiên cứu Phật lý đến tột cùng, nhưng tin sâu nhân quả. Vì thế, cụ sao lục những chuyện thấy nghe được về sự báo ứng do sát sanh hay phóng sanh, biên soạn thành sách. Hậu duệ của cụ là Dịch Viên đem ấn hành vào năm Dân Quốc 11 (1922), Quang đã viết lời tựa, nên ở đây không cần phải nói nhiều. Hiện nay sát kiếp ngập tràn, lại thêm lũ lụt, hạn hán, đủ mọi tai họa, dân không lẽ sống, hết cả thuốc chữa! Những người cùng hàng muốn giải quyết vấn đề từ căn bản, tính ấn hành rộng rãi bộ Hiện Báo Lục để làm căn cứ văn hồi kiếp vận.

Lại do đối với lý tột cùng, bộ Hiện Báo Lục chưa nêu tỏ đầy đủ, nên đem những bài văn “kiêng giết, phóng sanh” của Quang trong phần phụ lục của cuốn Vạn Thiện Tiên Tư trước kia in gộp vào cuốn Hiện Báo Lục này. Do vậy, sẽ thấy tâm pháp của Nho và Phật chẳng hai, miệt mài cứu vật quả thật là miệt mài cứu người. Cách cứu văn này chính là dốc sức từ nơi căn bản, đừng gièm chê là hoãn, gấp, nặng, nhẹ không thích đáng! Những bài văn khuyên kiêng giết, phóng sanh của Liên Trì, Từ Vân, Tăng Đoan Phủ đều là vàng ròng trải qua trăm lần luyện, là ngọc đẹp không tỳ vết. Đọc những bài văn ấy sẽ khiến cho cái tâm tàn nhẫn của con người nhanh chóng tiêu diệt, ý niệm từ bi tràn trề nảy sanh. Chỉ có một bài sơ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh ở Nam Tầm của Quang khó tránh khỏi bị chê bai là đem thau xen lẫn vào vàng, nhưng cạn hết tác lòng ngu thành của tôi, gắng trọn hết thiên chức, khen hay chê cũng chẳng màng!

47. Lời tựa cho bộ Viên Anh Pháp Vựng

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Tri kiến Như Lai chúng sanh đều cùng sẵn có; nhưng nếu đức Phật chẳng nói, ai hòng tự biết được? Vì vậy, đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, vì khắp chúng sanh chín giới, tùy theo căn cơ tuyên nói diệu pháp sao cho lý lẫn cơ đều khế hợp, giải lẫn hạnh cùng trọn vẹn, ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục tâm tánh vốn có mà thôi!

Lại do những nhân duyên như: Chúng sanh độn căn khó mong đoạn chứng được, hễ phải thọ sanh lần nữa, tiến chỉ một, lùi cả vạn; chỉ có bậc thượng sĩ Nhất Thừa đích thân chứng được Pháp Thân, chẳng phải trải qua tăng-kỳ đại kiếp, mau thành Phật đạo v.v... nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để chín pháp giới thượng thánh hạ phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Bậc thượng sĩ sẽ viên mãn Bồ Đề, kẻ hạ căn cũng đích thân lên bậc Bất Thoái. Ân che chở, vỗ về, nuôi dưỡng ấy dù hết cả kiếp cũng chẳng thể nói trọn. Do vậy biết: Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đang thời Mạt Pháp này, căn cơ con người kém hèn, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, nếu không có pháp này thì làm sao yên được? Vì thế, khi Phật pháp được truyền sang Chấn Đán, hai ngàn năm qua, tất cả tri thức ai nấy hoặc chuyên tu hoặc kiêm tu, hoặc hiển tu hoặc ngầm tu pháp này để mong rớt ráo tự lợi, lợi tha.

Pháp sư Viên Anh xưa đã sẵn huệ căn, nghiên cứu Giáo Quán đã lâu, tuy thị hiện dáng vẻ duy trì Tông môn, nhưng thật ra lòng chuyên chú nơi Tịnh Độ. Người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào

chẳng viên, tùy lòng người ưa thích mà giảng các kinh. Phật Học Thư Cục tập hợp những trước tác của Sư để ấn hành, lưu truyền, đặt tên là Viên Anh Pháp Vượng. Đầu sách là A Di Đà Kinh Chú (chú giải kinh A Di Đà) để nêu rõ ý pháp sư chú trọng Tịnh Độ. Trộm nghĩ vùng Chiết Giang xưa kia đã có Vân Thê Pháp Vượng, gần đây thì có Đệ Nhàn Giảng Lục, Viên Anh Pháp Vượng, đều là người hướng dẫn nơi đường hiểm, là thuyền từ trong biển khổ. Kẻ có duyên gặp được may mắn chi hơn? Quang là một ông Tăng tâm thường chỉ biết cơm cháo, ngoài niệm Phật ra, chẳng biết một chuyện gì, được Sư chẳng chê bỏ, sai viết lời tựa dẫn giải, chỉ đành lược thuật những gì được biết cho xong trách nhiệm, nhưng lời văn chẳng ăn nhập gì đến đầu đề, đành mặc cho bậc đại thông gia chỉ trích, chê cười mà thôi!

48. Lời tựa cho Viên Mồ Côi của hội Phật giáo Thượng Hải

Nuôi dạy con người thuở bé là chuyện cấp bách. Ấy là vì lúc mới hiểu biết sẽ hấp thụ sự huân tập dễ dàng. Tập tành chuyện lành sẽ là người lành; tập thói ác sẽ thành kẻ ác, huống gì những cô nhi không cha, không mẹ, không cơm, không áo u? Những hạng người này không được nuôi dạy thì nếu không chết đói sẽ lưu lạc thành ăn mày, hoặc thành kẻ bậy bạ. Bởi lẽ, tài đức thiên phú do nghèo cùng nên chẳng thể bộc lộ, chẳng tiếc lắm u? Nếu được nuôi dạy thì sẽ như Thích Đạo An đời Tấn, Thích Diệu Phong đời Minh, đạo truyền Phật tâm, trên hoàng dương, dưới hóa độ. Lã Văn Mục, Phạm Văn Chánh đời Tống, dùng đạo cứu giúp cõi đời hoạn nạn, kế thừa người trước, mở mang hậu học, xưa nay vốn chẳng thiếu những người giống như thế. Dầu đứa không có thiên tư cũng sẽ được nuôi thành lương thiện, biết tự chủ, trở thành

bạc thuần thành, cẩn thận trong một làng, một ấp, tận tụy hành tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ”, sẽ biến đổi thế đạo nhân tâm mà chẳng hay chẳng biết. Do vậy, củng cố nền tảng đất nước, giúp cho sự bình trị, cố nhiên chẳng riêng gì đứa bé côi cút được hưởng lợi ích ấy!

Nguyện những người nhân từ, những bậc quân tử, hãy đem cái lòng thương yêu trẻ thơ của ta để nhất trí tiến hành giúp đỡ cho chuyện này ngõ hầu an ủi tấm lòng thương trẻ của Không Tử, cái tâm thương yêu chúng sanh như con một của Phật Thích Ca thì cái tâm thương yêu trẻ thơ mới được viên mãn, không còn thiếu sót gì, khôn ngăn thom thảo ngày đêm cầu khẩn vậy!

49. Bài tụng và lời tựa nêu bày ý nghĩa ẩn kín nhân dịp khánh thành công trình xây dựng thêm nhà cửa cho viện Mồ Côi của hội Phật giáo thành phố Thượng Hải

Tử Du Thị từng nói: *“Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chưởng thượng”*. (Đem lòng phụng dưỡng người già của ta để phụng dưỡng người già của kẻ khác, đem lòng thương yêu đùm bọc trẻ thơ của ta để đùm bọc, thương yêu con thơ người khác thì thiên hạ bình trị là điều nắm chắc trong tay). Từ khi cái học chân chánh bị thất truyền, nhà Nho đều lấy bài xích luân hồi làm chí hướng, sự nghiệp. Dẫu có biết cũng chẳng dám nói ra miệng. Do vậy, phụng dưỡng người già, nuôi dạy trẻ thơ của chính mình đều chẳng đạt đến đạo rốt ráo, huông hồ là với người già, trẻ thơ của người khác ư! *“Lão lão”* vừa nói đó chính là dùng đạo để cha mẹ được tự yên và dưỡng cái chí

của cha mẹ, khuyên dụ cha mẹ hướng về đạo. Nếu không, dù có phụng dưỡng cẩn thận, vẫn chẳng thể khiến cho thân tâm cha mẹ rốt ráo yên vui, đều chẳng được gọi là thật sự “*lão ngô lão*” vậy!

Hãy để câu ấy lại mà bàn đến chuyện “*ấu ấu*”. Ấu ấu là dùng thân làm gương ngõ hầu nuôi dạy đúng đắn con thơ, mỗi một lời nói, mỗi một hành vi chẳng để vượt khỏi quy củ, sao cho đều là hiền là thiện, có ích cho nước nhà, chẳng gây hại cho xã hội thì mới được! Nếu không, dầu chẳng tiếc tiền của cung cấp học phí, học vấn thành tựu xong, con cái chẳng hề chú trọng đạo nghĩa thì đều chẳng gọi là “*ấu ngô ấu*” thật sự! Con thơ của ta còn chẳng thể chân thật nuôi dạy như vậy, huống chi đối với những đứa con thơ của người chung quanh hay người đời, làm sao có thể quan tâm đến nơi đến chốn cho được? Gần đây, thế đạo hoang tàn, loạn lạc, dân không lẽ sống, bao nhiêu cô nhi không cha, không mẹ, không áo, không cơm sắp bị chết đói. Dầu chẳng chết đói nhưng do không được dạy dỗ, ắt khó thể trở thành người đàng hoàng được! Chẳng thành gã dân ương bướng, ắt sẽ trở thành kẻ hư hỏng!

Các đại thiện sĩ như Quan Quynh Chi v.v... nhiệt tâm làm chuyện công ích, nghĩ đến nỗi khốn khổ của cô nhi, trong năm trước đã lập một cô nhi viện Phật giáo ở nhờ chùa Bảo Liên tại Áp Bắc. Nay người đông, nhà ít, xây cất thêm bao nhiêu gian nữa, nay đã hoàn thành, cho in đặc san Kỷ Niệm, sai Quang lược thuật những nét chánh. Do vậy, bèn tụng rằng:

Giúp đỡ cô nhi,

Tài cao chót vót,

*Nếu chẳng cứu giúp,
 Sống bằng cách nào?
 Đã được nuôi dạy,
 Chánh khí ắt thành,
 Hoặc là công, thương,
 Học hành, cày cấy,
 Là hiền, là thiện,
 Tốt lành, thuần thực,
 Chăm giữ đạo nghĩa,
 Tuy hèn vẫn vinh,
 Huống chi chẳng ít,
 Anh tuấn lỗi lạc,
 Do vậy biết rằng:
 Nuôi dạy cô nhi,
 Lợi ích sâu rộng,
 Lời ông Tử Dư
 Thật đã nghĩ chín,
 Chỉ nguyện người nhân,
 Cùng sẵn từ bi,
 Nhà viện tuy thành,
 Nhu cầu vẫn thiếu,*

*Ai nấy ra tay,
Giúp cho hoàn thành,
Thương con của người,
Con ta ắt nhờ.
Hiền thiện tiếp nối,
Nêu gương cho đời,
Lợi người, tự lợi,
Nhân quả như thế,
Chớ nên chẳng tin,
Lời Phật chẳng dối!*

50. Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa. Nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: “*Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực*” (thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều cực) đây chính là nghĩa “nhân đời trước, quả đời này” vậy. Nho gia trong cõi đời chẳng biết nhân quả, quy hết mọi chuyện về sự cai trị của vua. Thế nhưng, tánh tình hung bạo, thọ mạng ngắn ngủi, tám thân bệnh tật, nỗi lòng lo sâu, cảnh ngộ nghèo cùng, diện mạo xấu xí, thân thể yếu

đuôi đều do sự cai trị của vua gây ra hay sao? Vu báng sự cai trị của vua, trái nghịch tâm pháp của thánh nhân quá sức!

Đạo “sửa mình trị người” của thánh nhân lấy “sáng tỏ Minh Đức” làm gốc. Công phu bước đầu của làm sáng tỏ Minh Đức chính là cách vật. “*Vật*” chính là nhân dục tham - sân - si - mạn, trừ sạch hết đi thì lương tri sẵn có tự nhiên hiển hiện. Lương tri đã hiển hiện thì chẳng thể nào ý không thành, tâm không chánh, thân không tu! Kẻ học phải học từ đầu nguồn như vậy mới là thật học. Người căn tánh trung hạ chẳng thể trừ khử nhân dục để thành ý, chánh tâm, tu thân thì dùng thật sự, thật lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo để giảng nói cho họ, ắt họ sẽ gắng sức làm lành, càng cố ý bỏ ác, dùng “*bốn điều đừng*” của Nhan Tử và “*ba điều phản tỉnh*” của Tăng Tử để làm gương báu cho suy nghĩ, khởi niệm, hành xử, sẽ dần dần tự đạt đến chỗ hết sạch nhân dục, đạt được địa vị làm sáng tỏ Minh Đức. Những nhà Nho đời sau ky nói nhân quả luân hồi là đã đánh mất phương tiện thúc bách con người chẳng thể không thành ý, chánh tâm, tu thân. Lại còn đặc biệt cao giọng đề xướng đề tự khoe bản lãnh cao minh, cho “có gì để làm lành thì đấy chính là ác”. Con người chết đi, hình hài đã mục nát, thân hồn cũng phiêu tán, dẫu bị chém - chặt - xay - giã, sẽ thực hiện vào đâu? Nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là lời dối trá để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin phụng giáo pháp nhà Phật. Do những lời lẽ ấy, thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, dẫu có pháp bình trị cõi đời đi nữa cũng đều thuộc ngoài da, trọn chẳng có căn bản!

Vì thế, đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, tất cả những pháp do thánh nhân Trung Quốc lập ra đều bị bỏ đi, học theo

văn hóa mới của Thái Tây, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, những tấn tuồng xấu xa như phê kinh điển, phê luân thường, phê hiếu, không hổ thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau đều thấy diễn ra, đạo làm người gần như bị diệt mất! Do vậy, người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm đua nhau cứu vãn, hoặc đề xướng Phật học, hoặc biên soạn thiện thư, không gì chẳng muốn cho con người đều biết nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo, đổi ác hướng lành, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng hành tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”, luyện tập tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” hòng tự sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi địa vị chí thiện. Tự giác được giác tâm để khôi phục bầu trời sẵn có, sao cho nhân họa dứt, lễ nghĩa, nhân nhượng thịnh hành, thuận lòng trời thì mưa nắng đúng thời. Cõi đời quay lại thuở Đường, Ngu, con người trở lại hiền thiện. Đây chính là thâm tâm cứu thế của các vị hữu tâm ở mọi nơi.

Tiên sinh Trần Kính Y ở Hải Môn bác học đa văn, chú trọng tận tụy hành thực tiễn, hiểu nhân rõ quả, cực lực mong giác thế yên dân, soạn ra bộ Đạo Đức Tùng Thư gồm mười lăm loại, văn tự lẫn ý nghĩa đều viên thông, sự lý đích xác, quả thật là món thuốc tốt lành cho căn bệnh trầm kha, là người hướng dẫn trong đường mê. Nếu có thể khắc in lưu hành rộng rãi thì lợi ích há thể tính lường được ư? Nguyên những người có tâm lực, khẩu lực, tài lực đều cùng chú ý.

51. Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản
(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Hai khí Âm - Dương trong trời đất hóa sanh vạn vật. Thánh nhân lấy nam nữ “chánh vị” (“chánh vị” là hành xử đúng theo địa vị, tức là

giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận) để lập ra giềng mối. Trời đất rộng lớn, con người chẳng thể nào diễn tả được! Nhưng con người sống giữa trời đất, bảy thức bé tẹo, đứng cùng trời đất thành ba ngôi xưng là Tam Tài bởi có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kế thừa người trước, mở mang cho người sau, tham dự giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng, chẳng đến nổi uổng công trời đất sanh ra muôn vật. Đây là duyên do con người là “vạn vật chi linh”, chỉ riêng con người được danh xưng cực tôn quý nhất. Nếu chẳng lấy đạo nghĩa làm gốc, chỉ mãi miết ham muốn ăn uống, trai gái, há có khác gì cầm thú đâu? Gần đây, thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến mức cùng cực, những người dân vô tri bị tà thuyết bên ngoài mê hoặc, đua nhau đề xướng phế kinh điển, phế luân thường, cứ muốn cho con người trong cả cõi đời đều trọn chẳng khác gì cầm thú mới thôi! Mỗi họa ấy khốc liệt có thể nói là đến mức cùng cực.

Xét đến căn nguyên, đều do gia đình thiếu dạy dỗ và chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra. Nếu con người từ lúc được sanh ra, hằng ngày được cha mẹ hiền khéo dạy và biết họa - phước, tốt - xấu khác gì bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng khác gì trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, dẫu dùng oai thế bức hiếp bắt theo tà thuyết ấy, nếu không, ắt phải chết, họ vẫn cứ nghĩ “do trọn hết luân thường mà chết cũng là may mắn”, quyết chẳng đến nỗi sợ chết mà cầu thả đi theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Cái gốc để thiên hạ yên ổn hay loạn lạc chính là ở chỗ thất phu thất phụ có trọn được hết luân thường, trọn hết bổn phận hay không! Vì thế, nói: *“Cái gốc của thiên hạ là đất nước, cái gốc của đất nước là gia đình. Cái gốc của gia đình*

là cái thân”. Cố nhiên, đây là thiên chức của hết thầy thất phu, thất phụ, chứ không phải chỉ nói đến người có tước vị!

Trong sự dạy dỗ nơi gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất, bởi tánh tình của con người phần nhiều tiếp nhận từ mẹ: Lúc còn trong thai thì bảm thụ khí phận của mẹ, lúc nhỏ quen theo oai nghi của mẹ. Nếu mẹ hiền, chắc chắn chẳng đến nỗi sanh ra con cái không ra gì! Ví như vàng lỏng đúc thành món đồ, nhìn vào khuôn liền biết món đồ ấy sẽ tốt hay hư, nào đợi phải đổ khuôn rồi mới biết hay sao? Nhân tài nước nhà đều từ gia đình. Nếu ai nấy chú trọng vào giáo dục gia đình thì chẳng đầy mấy chục năm hiền nhân sẽ xuất hiện đông đảo. Lòng người đã chuyển, lòng trời sẽ tự thuận, thời tiết hòa thuận, mùa màng sung túc, dân giàu, vật mạnh, phong thái đại đồng thuở Đường Ngu ắt sẽ được thấy trong ngày nay! Do vậy, những bậc lo cho đời không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình để làm căn cứ văn hồi thế đạo, nhân tâm.

Nhưng muốn đề xướng cần phải có trợ giúp. Bốn quyển Khuê Phạm do tiên sinh Lã Thúc Giản đời Minh biên tập vào năm Canh Dần tức năm Vạn Lịch 18 (1590) đời Minh. Do vậy, được lưu truyền rộng rãi khắp nước, mọi nơi đều khắc bản, ấn hành. Gần đây, sách bị thất truyền, con người không biết đến. Ông Châu Nghiệp Cần tìm được trong tiệm sách cũ, cầm đưa cho ông Ngụy Mai Tôn coi. Mai Tôn thấy quyển một trích lục những lời hay ý đẹp dạy dỗ nữ giới trích từ Tứ Thư, Ngũ Kinh và các truyện ký. Quyển hai, quyển ba, quyển bốn chép cặn kẽ ngôn hạnh của các hiền nữ, vợ hiền và mẹ hiền. Trước mỗi chuyện có hình vẽ, sau mỗi chuyện có lời bình để mắt người vừa chạm vào liền

dấy lòng cảm kích, đua nhau bắt chước làm theo; thật đáng để giữ yên phương Khôn hòng giúp cho đạo bình trị, phụ trợ sự dạy dỗ trong gia đình, bồi đắp thêm cho oai nghi người mẹ, nên khôn ngoan vui thích, tán thưởng! Lý Kỳ Khanh nghe vậy, do bà vợ ông ta lúc còn sống đã tính lưu truyền những thiện thư hầu giữ yên chốn khuê các, nhưng chưa được toại nguyện, bèn tự đảm nhiệm in năm trăm bộ để hoàn thành chí nguyện ấy, xin tôi đề tựa. Tôi nghĩ cuốn sách này vừa được in ra, ắt sẽ có đông đảo bậc thực nữ anh liệt hưng khởi tấm lòng mong sao trọn hết phận mình, hoàn thành thiên chức. Trên là noi bước hai bà Phi, ba bà Thái, trong xử sự, luân thường hằng ngày, lo liệu, giúp đỡ, un đúc, giáo hóa, dạy dỗ, ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện hòng cõi đời đạt đến yên ổn tốt bậc. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Do xét đến cội nguồn như thế liền viết thành lời tựa.

52. Lời tựa trình bày duyên khởi của Tịnh Niệm Liên Xã tại trấn Hợp Hưng, thành phố Phụ Ninh

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, hoàn toàn thấu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật chẳng thể vượt ra ngoài pháp này được; tội nhân Ngũ Nghịch, Thập Ác sắp đọa địa ngục cũng có thể dự vào trong ấy. Là con đường tắt để chúng sanh lia khổ, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế, pháp này được vãng thánh tiền hiền, người người hướng về, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Xét từ khi đại giáo truyền sang phương Đông, Viễn Công mở Liên Xã đầu tiên, bậc cao Tăng, đại Nho dự hội

gồm một trăm hai mươi ba người. Nếu xét trọn cuộc đời Ngài, trong hơn ba mươi năm những người tham gia Liên Xã tu Tịnh nghiệp được vãng sanh khi báo thân đã tận làm sao đếm xuể? Từ đây trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương truyền bá rộng khắp trong nước, ngoài nước. Tri thức các tông Luật, Giáo, Thiên, Mật hoặc chuyên chú ngâm tu, hoặc còn tán dương rõ rệt, đều lấy Tịnh Độ làm chỗ quy túc, vì đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Gần đây, thế đạo nhân tâm đắm chìm đến cùng cực, những võ tuồng xấu ác như phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, không thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau, mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Người có lòng lo cho thế đạo đua nhau đề xướng Phật học, nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Phật Tánh sẵn có, tu Tịnh nghiệp niệm Phật để mong đẩy lùi cơn sóng cuồn loạn, khôi phục phong hóa thuần phác, lập Cư Sĩ Lâm, Tịnh Nghiệp Xã v.v... ở các nơi để làm phương cách cứu vãn. Nếu không, đạo làm người gần như bị diệt mất!

Cư sĩ Thí Nguyên Lượng ở Hải Môn, ngụ cư ở Phụ Ninh, khai khẩn đất hoang, thương người đời muốn tu Tịnh nghiệp nhưng khổ vì không có người biết pháp, rút cuộc đi theo các thứ ngoại đạo luyện đan vận khí để cầu trường sanh và thành Đại La thần tiên, ăn trộm những câu nói trong kinh Phật để chứng tỏ đạo của chính mình là Phật pháp chân truyền, như kẻ ngu coi mắt cá là chân châu, thật đáng thương xót! Nhưng Phật pháp mênh mông, chẳng

tranh với người. Nếu có thể tận lực tu trì chánh pháp, chắc chắn sẽ có ngày bọn họ nghe biết thanh danh rồi dấy lòng cải tà theo chánh. Phàm những người tham dự Liên Xã, ắt đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng tín nguyện chân thành trì danh hiệu Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Cực Lạc. Dùng pháp này để tự hành, lại đem giáo hóa người khác để trong là cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài là xóm giềng, thân thích, bè bạn đều cùng được gọi ân Phật giáo hóa, đều cùng tu Tịnh nghiệp, cùng trong đời này được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng phụ một phen thành tâm dự vào Liên Xã ngày hôm nay.

Phải biết: Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm Tông. Điều quan trọng của Niệm Phật là *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”*. Muốn *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”* thì bất luận đi - đứng - nằm - ngồi hãy thường niệm Phật hiệu, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, đều cần phải lắng nghe tiếng niệm Phật của chính mình. Nếu làm được như thế thì nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, phàm làm bất cứ điều gì đều thuận lợi. Đối với những nghề nghiệp sĩ - nông - công - thương chẳng những hoàn toàn không trở ngại gì mà còn có thể khơi mở tâm linh nơi nghề nghiệp của chính mình; do vì tâm không tán loạn sẽ tự chủ trong công việc. Như đối trước mọi lẽ rối ren, nếu tâm thần ngưng lặng sẽ giải quyết dễ dàng; nếu tâm thần chao động sẽ gặp khó khăn. Do vậy, những bậc lập đại công, dựng đại

ngiệp thuở xưa, công huân trùm bốn biển, ngôn hạnh lưu lại ngàn thu, đều là do học Phật đắc lực mà ra!

53. Lời tựa cho sách Niệm Phật Khẩn Từ

Pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, bình đẳng nhiếp thọ phàm lẫn thánh. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Dạy dỗ không phân biệt, hễ ai sanh chánh tín đều được lợi ích thật sự, hoàn thành ngay trong đời này. Kẻ trọn đủ Phiền Hoặc vẫn dự vào dòng thánh. Dường như biển cả dung nạp khắp trăm sông, như thái hư chứa khắp muôn hình tượng. Nếu Như Lai chẳng lập ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt ai có thể đoạn Phiền Hoặc để liễu sanh tử, thoát Ngũ Trược, vượt khỏi tam giới? Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải nương vào đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn Phiền Hoặc tham - sân - si. Nếu đạt đến mức có sức Định Huệ sâu, đoạn sạch được Phiền Hoặc thì mới có phần liễu sanh tử! Nếu chưa thể đoạn sạch Phiền Hoặc, dẫu cho anh có đại trí huệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được; huống chi những kẻ kém cõi hơn ư? Cậy vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn Niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận xuất gia hay tại gia, sĩ, nông, công, thương, già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, hiền, ngu, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì, đều có thể nương vào Phật từ lực đời

nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì Định - Huệ chẳng mong được mà tự được, Phiền Hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di Đà, thánh chúng, vầy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, để những người đời nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng địa vị Bất Thoái, những vị đã đoạn được Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh. Đấy toàn là cậy vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy, cảm ứng đạo giao mà được lợi ích lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Nhưng thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại Thừa, nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập. Nếu biết kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy Niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận kém hèn sẽ dấy lòng tu trì. Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam Tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng của bộ kinh ấy, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa? Huống chi Thiện Tài đã chứng Đăng Giác, hải hội thánh chúng đều chứng Pháp Thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập? Chẳng những dựng cao tràng kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm. Muốn phô trương hư danh Đại Thừa, đích thân tạo cái họa báng pháp cùng cực vậy!

Nếu kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được nữa, cảnh giới Hoa Tạng thế giới chẳng thể nghĩ bàn vốn thường mong mỗi đều biến thành cảnh khổ A Tỳ địa ngục, chịu đựng đầy ắp những hình phạt đẽ đèn cái lỗi thuyết pháp trái nghịch kinh điển, tự làm, làm người. Đến khi nghiệp báo sắp mãn, mới tỉnh ngộ, liền phát tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khô thay! May mắn thay! Nguyễn những ai học Đại Thừa đều dự ghé vào Hoa Tạng hải hội thì tự lợi, lợi người cũng lớn lắm. Phàm những ai tu pháp môn Niệm Phật thì phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, khuyên khắp những người cùng hàng cầu sanh Cực Lạc. Nếu làm được như thế thì “*vạn người tu, vạn người đến*”, quyết chẳng sót một ai!

Ông Trịnh Bá Thuận ở huyện Bảo Sơn tỉnh Vân Nam là bậc học rộng ngâm tu, thoát đầu nghiên cứu kinh Dịch để mong hiểu thấu gốc đạo của Nho giáo, tiếp đó nghiên cứu cặn kẽ nguyên ủy kinh điển luyện đan để mong hiểu được bí quyết chân thật của thuật bảo vệ tánh mạng. Sau đấy, lại bỏ đạo luyện đan để tham Thiền, biết tự lực chẳng bằng Phật lực, cuối cùng chuyên tu pháp môn Niệm Phật, miệt mài lấy việc “*minh lẫn người đều cùng sanh Tây Phương*” làm chí hướng, sự nghiệp, gởi thư xin quy y, liền được pháp danh là Đức Thuận. Ấy là vì pháp môn Niệm Phật tuy nhiếp khắp các pháp Thiền, Giáo, Luật, Mật, nhưng tu trì nơi địa vị phàm phu cố nhiên phải lấy thuần nhất không tạp làm gốc. Ông ta còn phát khởi đại tâm mạnh mẽ, muốn lợi lạc khắp những người cùng hàng, do vậy bèn soạn cuốn Niệm Phật Khẩn Từ để

mong trí hay ngu đều biết rõ. Lời lẽ tuy nông cạn, gàn gỏi, nhưng lý thật sâu xa, như cái móc chỉ lối cho người đi đường, như kim chỉ nam cho người đi biển; nương theo đó mà hành sẽ có thể về đến quê cũ, lên được bờ kia. Do vậy, tôi bèn trình bày duyên do Tự Lực và Phật Lực ngõ hầu những ai thấy - nghe đều tu trì vậy.

54. Lời tựa cho tác phẩm Kỹ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu (Trích yếu bút ký của ông Kỹ Quân)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nếu chẳng đề xướng nhân quả thì thiện chẳng có gì để khuyến, ác không có gì để phạt. Chỉ có bậc đại hiền mới có thể giữ phạm tuân đạo, những kẻ khác ai có thể cam lòng chẳng phóng túng tình ý cho sướng khoái một đời ư? Do đã không có “nhân trước, quả sau” thì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết hết sạch, sao lại không dây tự buộc, khư khư theo lễ giữ phạm để đến nỗi mọi việc đều chẳng được tự tại ư? Trong kinh sử Nho Giáo, sự lý nhân quả nhiều không xiết kể! Tiếc rằng những nhà Nho sau này chẳng chịu suy xét sâu xa, thường thấy kinh Phật nói đến nhân quả tường tận, bèn muốn ra vẻ khác biệt với tông chỉ nhà Phật, ngược ngạo bảo những gì đức Phật đã nói đều là hư vọng, chẳng biết là đã trái nghịch thánh đạo, diệt thiên lý, chôn vùi cái gốc bình trị, hưng khởi đầu mối loạn lạc, gây nghi ngờ, lầm lạc cho người đời sau, chôn vùi đạo thể, những chuyện ấy đều là do những lời lẽ này tạo ra nền tảng vậy, chẳng đáng buồn ư?

Từ khi có nhà Thanh đến nay, trong số những người bác học đa văn thì tiên sinh Giang Thận Tu là bậc nhất. Tiếp đó là ông Kỹ Văn Đạt ,

rồi đến ông Viên Tử Tài. Họ Giang là bậc quân tử ản dật cùng lý tận tánh, tuy chưa nghiên cứu Phật học, nhưng đối với Phật pháp cũng chẳng bài bác, lại còn tin sâu nhân quả báo ứng. Vì thế, đối với những quả báo do bảo vệ sanh mạng hay sát sanh, ông đều ghi chép hết để mong khơi gợi thiện niệm, dứt cơ duyên giết chóc. Từ những điều này có thể biết được cách suy nghĩ của ông ta. Viên Tử Tài thoát đầu báng Phật, nhưng từ tuổi trung niên trở đi, do lịch duyệt ngày càng sâu, liền sanh lòng chân tín đối với Phật pháp. Chỉ vì cuồng vọng tự đại, lười nhác, biếng trễ, không chịu thân cận cao nhân, lẳng lòng nghiên cứu, tuy những sự tích cảm ứng trong Phật pháp ông ta đều sao chép, nhưng những gì ông ta bàn luận khó thể hợp lý, thích đáng được! Ông Kỷ Văn Đạt từ bé đến già dốc lòng tin tưởng nhân quả, hề được thấy nghe những sự tích nhân quả nào đều ghi chép hết, trình bày cặn kẽ, sáng sủa, văn bút thông suốt. Do ông ta hoàn toàn chưa từng nghiên cứu Phật pháp nhưng cứ thường muốn bàn bạc thông suốt lý sâu nên có khi bị mâu thuẫn thật ghê.

Phật nói *“thế trí biện thông, khó thể nhập đạo”*, ba ông Giang, Kỷ, Viên học rộng mà vẫn chẳng biết *“Phật pháp chính là tâm pháp nơi chính mình”* để rồi chuyên tinh nghiên cứu, hòng đích thân chứng được, chẳng đáng tiếc quá ư? Nếu họ bỏ chút thời gian rảnh rỗi, nghiên cứu đại lược, lẽ đâu chẳng phát đại Bồ Đề tâm, chuyên tinh dốc sức, hoằng dương đại pháp để mong ta lẫn người đều cùng thoát khổ luân, đều cùng thành giác đạo, lẽ nào chỉ ghi chép sự tích nhân quả để mở ra một con đường hướng thiện cho người đời mà thôi! Nhưng những sao chép ấy thật sự có lợi ích lớn lao. Vì thế, cư sĩ Trần Địch Châu trích lục một

trăm thiên từ bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký, tính in ra để phổ biến lưu thông hòng làm tấm gương xét soi cho những kẻ không biết nhân quả trong cõi đời.

Nhân quả giống như bóng theo hình, tiếng vọng đi theo âm thanh. Chưa hề có hình mà không có bóng, có âm thanh mà chẳng có tiếng vọng vậy. Vì thế, kinh Thư nói: *“Huệ địch cát, tòng nghịch hung, duy ảnh hưởng”*. (Thuận theo đạo lý thì tốt, trái nghịch thì xấu, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng đi theo âm thanh vậy). Những kẻ bàn chuyện cao xa, cho nhân quả là hư huyền, khác gì chấp rằng “mẹ quyết chẳng thể sanh được con, con quyết chẳng phải do mẹ sanh ra” ư? Trong đời nếu có kẻ như vậy, ắt bị người ta coi là điên khùng! Rất lạ là nhà Nho đọc sách thánh hiền, chẳng lấy ngôn luận của thánh hiền làm chuẩn, chẳng lấy sự thật xưa nay làm chuẩn, cứ lấy sự thiên chấp, cái nhìn lầm lạc của chính mình làm chuẩn! Một người xướng, mọi người hòa theo, kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, đến nỗi phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, không hổ thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, cho là ta chú trọng quay về đại đạo, chẳng bắt chước bọn hủ bại đời trước cứ luôn luôn câu nệ, trói buộc, khiến cho con người suốt đời chẳng thể tùy ý làm được gì, nay ai nấy đều được tự tại! Từ nay trở đi chúng ta cùng được hưởng hạnh phúc, tự do, nghĩ đến điều gì đều làm được cả! Cõi đời may sao có bọn ta cải cách, con người may sao được sống cùng thời bọn ta! Tà thuyết như vậy đều do những kẻ bài xích nhân quả uơng thành!

Nếu như lý nhân quả được nhà nhà khuyên dạy, giảng giải, cha mẹ dùng đó để dạy con cái, sư trưởng dùng đó để giáo huấn học trò thì có ai chịu diệt lý, rồi luân thường, hiện đáng vẻ xấu xí trước gương sáng nữa ư? Chỉ vì bậc đại Nho trong cõi đời thường hay bài xích, kể tiểu Nho dẫu biết là sai mười mươi đi nữa, cũng chỉ đành người ta nói sao ta cũng ừ vậy, để khỏi bị mọi người chõ miệng chê bai, khích bác! Nơi trường học đã như vậy thì trong gia đình càng không có lý do gì để bàn đến. Rốt cuộc đến nỗi những kẻ theo tân học hoàn toàn vứt bỏ nhân luân, diệt thiên lý, muốn cho con người hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú! Mọi họa ấy chẳng quy vào những kẻ bài xích nhân quả thì còn quy vào ai đây? Lành thay lời nói của tiên sinh Châu An Sĩ: *“Người người đều biết nhân quả, đấy là đạo để bình trị lớn lao; ai ai cũng chẳng biết nhân quả, đấy là con đường đưa đến đại loạn”*. Tôi thường thương cõi đời rối ren, nhưng không sức cứu vãn, do lời thỉnh của Trần cư sĩ bèn trình bày đại lược cội nguồn lợi - hại như thế đó.

55. Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật đã lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, an trụ trong Tịch Quang Tịnh Độ, thường hưởng pháp lạc chân thường, nhưng do Bi tâm vô tận, Từ thế chẳng cùng, lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh tha thiết, nên lại chẳng lìa Tịch Quang, hiện hình trong chín giới. Trong các cõi Phật nhiều như số vi trần trong mười phương, hiện khắp các sắc thân, tầm thanh cứu khổ;

nhưng đối với thế giới Sa Bà, càng thương xót sâu đậm hơn. Có những kẻ nào thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền dạy họ gieo, khiến cho chín muồi, khiến cho độ thoát, nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Những thân đã hiện, những pháp Ngài đã nói mỗi mỗi tùy thuận cơ nghi, trọn chẳng nhất định, nhưng hiện tiền được lìa mọi khổ, tương lai thường hưởng chân lạc thì đều giống hệt. Nhiều năm gần đây, thế đạo nhân tâm càng ngày càng đi xuống, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau, nhân họa đã khốc liệt, thiên tai lại xảy đến, lũ lụt, hạn hán, sâu rầy, ôn dịch cùng lúc giáng xuống. Những tai họa ấy đều do những ác nghiệp của mọi người trong đời trước hoặc đời này chiêu cảm.

Nhưng tâm đã tạo được nghiệp thì tâm sẽ chuyển được nghiệp. Đang trong lúc thiên tai nhân họa đồng thời xảy ra này, nếu có thể phát tâm chí thành, niệm thánh hiệu “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*”, thệ nguyện từ nay trở đi giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì chắc chắn sẽ được Ngài rủ lòng từ che chở, gặp dữ hóa lành, trong các hoạn nạn chẳng bị nguy hiểm, ấy là dùng biệt nghiệp niệm thánh hiệu Bồ Tát trong hiện tại để chuyển Cộng Nghiệp đã tạo trong đời trước hoặc đời này. Vì thế thường được tốt lành. Chư Phật, Bồ Tát coi hết thấy chúng sanh trong lục đạo như con ruột, thường muốn cho họ được lìa khổ hưởng vui. Hiềm rằng chúng sanh mê muội chẳng sanh lòng tin tưởng, đến nỗi uổng phí Từ tâm, chẳng thể được lợi ích. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa trời chiếu khắp muôn phương, kẻ đội chậu dù có đứng

ngay dưới đó cũng chẳng được chiếu. Lỗi do đội chấu, chứ mặt trời đâu có lỗi!

Gần đây sát kiếp ngập tràn, nhân dân tử vong, lưu lạc, tan tác, khổ chẳng nói nổi! Cư sĩ Phí Huệ Mậu ở Nam Thông muốn bày cách cứu vãn từ lâu, nên đặc biệt sưu tầm những thánh tượng Quán Thế Âm do những nhà danh họa thuộc năm triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã vẽ, được một trăm bốn mươi hai bức, dùng loại giấy Tuyên tốt nhất, in theo lối Kha La Bản một ngàn bộ, ngõ hầu người thấy nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng niệm thánh hiệu, cùng tiêu trừ ác nghiệp trong đời trước và đời này, cùng gieo thiện căn Bồ Đề.

Phải biết: Bồ Tát vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, Bồ Tát không cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh, vì thế hễ cảm liền thông, chẳng phải suy nghĩ để ứng. Ấy là vì bản thể của tâm chúng sanh và bản thể của tâm Bồ Tát tương thông khít khao, do chúng sanh trái giác hiệp trần nên thành ra hiện tượng “tuy thông mà chẳng thông”. Nếu chúng sanh một niệm sanh lòng tin, kiên thành trì thánh hiệu, trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, sẽ lại biến thành hiện tượng “chẳng thông mà thông”. Vì thế, hễ gặp phải hiểm nạn cực lớn, vừa niệm liền được cảm ứng. Lại nữa, Bồ Tát hiện thân chẳng chuyên hiện thân hữu tình. Ngay như núi, sông, cây cối, cầu, bến, thuyền, bè, lầu, đài, nhà cửa, tường, vách, thôn, xóm cũng đều tùy cơ mà hiện, ắt đều khiến cho kẻ đã lâm vào tuyệt địa lại gặp đường thông, không chỗ trốn tránh lại được nơi che đậy lớn lao. Đủ mọi loại cứu vớt, che chở, khó thể tuyên nói trọn!

Hãy nên đọc Quán Âm Bồ Tịch Tụng, Quán Âm Linh Cảm Lục, Quán Âm Từ Lâm Tập sẽ biết được đại lược. Đang trong lúc thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống này, nếu chẳng sửa ác tu lành, thường niệm thánh hiệu Quán Âm để được nương cậy thì muốn được yên vui sẽ là chuyện khó khăn nhất trong mọi điều khó! Dầu hoàn toàn chẳng có tai nạn gì, cũng nên thường niệm, ngõ hầu sống sẽ hưởng Ngũ Phước, dự vào địa vị Thánh Hiền cao cả, thác sẽ lên chín phẩm, triệt chứng tâm Đại Giác. Người làm được như thế thì mới an ủi được tâm Bồ Tát cứu khổ. Do Bồ Tát phổ thí vô úy (ban cho khắp tất cả mọi loài sự không sợ hãi) nên chúng sanh được viên mãn Bồ Đề rồi thì tâm đại từ bi thí vô úy của Bồ Tát mới thôi! Kinh Pháp Hoa dạy: *“Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa dục, lìa sân, lìa si”*. Nguyện người thấy nghe đều thường niệm!

56. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trung Tín Lục của chùa Pháp Vân

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Xem khắp cổ kim, thời bình trị thì ít, thời loạn lạc lại nhiều. Dầu cho thịnh trị thì bất quá chỉ được một trăm mấy chục năm mà thôi. Nguyên do vì đâu? Ấy là do cái nghiệp đời trước sát sanh ăn thịt kết thành và do cái tâm tự tư tự lợi trong đời này mà ra! Kết quả của sát nghiệp chỉ có ăn thịt là dữ dội nhất. Cả một đời người chẳng biết ăn thịt mấy trăm ngàn vạn sanh mạng, chỉ mong thỏa thích bụng miệng ta, bất kể nỗi thống khổ của chúng! Tuy là cậy mạnh nuốt yếu mặc sức ta làm, nhưng chất độc oán hận kết lại trong tám thức điền, đời đời kiếp kiếp giết chóc lẫn nhau, chẳng nhỏ bỏ cái gốc ấy, khó chuyển được sát kiếp!

Huống chi kẻ có trí thức nhưng chẳng biết thật sự thật lý “nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo”, bèn coi chuyện “tự lập, lập người, tự đạt, làm cho người khác đạt” là viển vông, sai lầm, chỉ muốn đoạt hết của cải người khác về tay ta. Do vậy, tranh thành, giành đất, dẫu giết người ngấp thành, ngấp đồng vẫn chẳng đoái hoài. Ý họ muốn mở rộng cương thổ của ta, tăng lớn thế lực của ta, để con cháu ta hưởng phước vĩnh viễn! Chẳng biết trời đất lấy hiếu sanh làm đức, đã sống trong khoảng trời đất hiếu sanh ghét giết, sao lại khiến cho con cháu hưởng cái phước nghịch trời trái lý đạt được bởi sự giết người vô lượng ấy? Chính họ khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo, sao lại đáng thương như vậy? Con cháu nếu chẳng phải là những người bị ta chiếm đoạt tài sản trong đời trước nay đến sanh vào nhà ta thì sẽ tuyệt diệt đến hết sạch, trọn chẳng sót một ai!

Thanh Lương Sơn Chí chép: Vào đời Tùy, Triệu Lương Tướng ở Đại Châu giàu nứt đổ đổ vách, có hai đứa con, trưởng tên là Mạnh, thứ tên là Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc sắp mất, Lương Tướng chia tài sản ra làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Đến khi Lương Tướng mất rồi, Doanh cướp đoạt sạch, chỉ để lại cho Mạnh một rẻo vườn, nhà. Mạnh làm thuê kiếm sống. Sau đó, Doanh chết đi làm con của Mạnh tên là Hoàn. Mạnh chết đi, đầu thai làm cháu của Doanh tên là Tiên. Hoàn lớn lên làm đầy tớ cho Tiên, lòng hận Doanh cướp đoạt sản nghiệp. Đúng dịp Tiên muốn đi triều bái Ngũ Đài sai Hoàn theo hầu. Vào trong núi, đến chỗ đồng trống không người, Hoàn rút dao nói: “Ông nội mày đoạt gia nghiệp của tao, tao sẽ giết mày!” Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo. Tiên chạy vào một am tranh, một vị lão tăng

ngăn họ lại, trao cho mỗi người một chén trà thuốc. Uống xong, như mộng vừa tỉnh, biết rõ chuyện trước kia, cảm thấy hồ thẹn đau xót. Lão tăng nói: “Doanh là tiền thân của Hoàn, cướp đoạt sản nghiệp của người khác chính là tự vứt bỏ sản nghiệp của chính mình. Tiên là Mạnh đầu thai trở lại để hưởng sản nghiệp trước kia. Lời cha vẫn còn đó!” Hai người bèn xuất gia tu đạo tại Ngũ Đài. Hai người này đời trước có thiện căn nên được Bồ Tát điểm hóa, được kết quả như thế đó. Nay người đời coi giết người là vui, quả báo về sau sẽ khó lòng tưởng tượng được!

Năm Dân Quốc 11 (1922), các vị thiện sĩ Phùng Mộng Hoa, Ngụy Mai Tôn, Vương Áu Nông v.v... do thấy sát kiếp tràn lan, nghĩ cách cứu vãn, bèn tậu đất bên sông Tam Xoa, lập chùa Pháp Vân làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đào chín cái ao sâu để phóng sanh theo từng loài. Năm Dân Quốc 13 (1924) liền bắt đầu lo phóng sanh, hoặc chính mình mua về thả, hoặc có thiện sĩ mua đến thả. Tám năm qua, số lượng loài vật do chính hội ấy mua về phóng sanh tính ra tổng cộng là ba trăm sáu mươi, bảy mươi gánh, tiền chi phí tổng cộng là bốn ngàn sáu trăm mấy chục đồng, đều do các thiện sĩ nối tiếp nhau thực hiện. Nay đem số lượng những con vật được thả và khoản tiền chi dụng trong tám năm lập thành báo cáo, ngõ hầu ai nấy đều biết rõ. Suốt chín năm nay, vị thường sống ở nơi ấy chịu đựng nhọc nhằn, chẳng nề gian khổ, chính là Hòa Thượng Tâm Tịnh. Những người khác tuy cũng tận lực duy trì, nhưng chưa ai chuyên dốc sức vào đây bằng sư Tâm Tịnh.

Xét ra, hành động phóng sanh vốn nhằm phát khởi cái tâm kiêng giết ăn chay của những người cùng hàng. Nếu có thể kiêng giết, ăn chay thì sát nghiệp chẳng tạo, sát báo sẽ tự dứt. Đối với những nghiệp đã tạo từ trước thì dùng sự kiệt lực tu thiện, chí thành niệm Phật để tiêu diệt. Phải biết: Chùa Pháp Vân phóng sanh quả thật đã đi tiên phong dẫn đường cho hết thảy những người cùng hàng kiêng giết ăn chay vậy. Người có tâm do nghe được chuyện ấy sẽ dấy lòng, cùng sanh tâm từ bi, rộng lòng trắc ẩn, cùng hành đạo nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, sẽ thấy lòng người chuyển biến, quyên thuộc trời thường giáng xuống, mưa nắng đúng thời, ngũ cốc sung túc, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, chiến tranh tiêu diệt, trong ngoài hiệp hòa, thiên hạ thái bình. Đấy chính là điều các vị như ông Phùng vốn dốc chí qua việc tạo dựng chùa Pháp Vân, đề xướng phóng sanh vậy.

57. Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ

(năm Dân Quốc 25 -1936)

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài, toàn thể sự chính là lý, toàn thể tu chính là tánh, hạnh cực bình thường, lợi ích cực thù thắng. Ấy là vì dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nên được nhân trùn biến quả, quả tột nguồn nhân. Hết thảy pháp môn không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong ấy. Thông nhiếp các tông Luật, Giáo, Thiên, Mật, xuyên suốt các giáo Quyên, Thật, Đốn, Tiệm.

Trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, riêng một pháp môn này là đặc biệt. Chớ nên dùng giáo nghĩa theo đường lối thông thường để phân định nhân quả tu chứng của pháp này.

Xưa nay có nhiều kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, nhưng chẳng sanh lòng tin tưởng đối với pháp môn này vì chấp chặt vào giáo nghĩa “cậy vào tự lực” của đường lối thông thường để luận định nhân quả đặc biệt “cậy vào Phật lực” mà nên nổi! Nếu biết nghĩa này thì tấm lòng tin tưởng, tu trì ngay đến cả đức Phật cũng chẳng thể ngăn trở được, vì pháp môn này chính là pháp môn tông trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi thế, pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền bèn xung tán công đức Như Lai thù thắng nhiệm mầu, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác. Do các vị ấy đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thế nguyện Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa.

Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn chẳng có ai là phàm phu Nhị Thừa và Quyền Vị Bồ Tát; do vậy, tuy hoằng dương lớn lao pháp này, nhưng phàm phu, tiểu căn không cách chi vâng nhận được!

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thầy trời, người, phàm, thánh, nói kinh Vô Lượng Thọ, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của Phật A Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm mầu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp Thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh - phàm trong chín giới. Dầu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời Mạt không một ai có thể liễu sanh tử! Do lòng đại từ, đức Phật rất sợ chúng sanh chẳng thuận tiện thọ trì được, bèn lại nói kinh A Di Đà, ngõ hầu họ thường đọc tụng hằng ngày. Lại nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để y báo, chánh báo trang nghiêm cõi Tây Phương thường hiện hữu trong tâm mục của các hành nhân.

Ba kinh này tuy kinh văn tuy rộng - lược khác nhau, nhưng lý chẳng hề khác biệt. Người học đời Mạt Pháp nếu trí lực sung mãn, chẳng ngại gì tu trọn vạn hạnh, hồi hướng vãng sanh. Nếu không, đương nhiên nên chuyên tu Tịnh nghiệp, để mong nương vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Kinh Vô Lượng Thọ có rất nhiều bản chú giải cổ, gần như đều bị thất lạc hết, còn sót lại chẳng được mấy! Đại sư Đạo Truyền đọc tụng kinh này,

cảm niệm sâu xa ơn Phật, soạn bài tụng để tán dương. Tuy chưa thể nêu tỏ, giải bày trọn vẹn ý nghĩa kinh và tâm Phật, nhưng cũng có thể phụ trợ tín nguyện cho bọn ta là hạng không có sức đoạn Hoặc chứng Chân, khiến cho hùng tâm kiên quyết vãng sanh được mạnh mẽ. Vì thế, cho ân hành lưu thông vậy.

58. Lời tựa cho bài ký “Địa Tạng Bồ Tát cứu mẹ trong kiếp xưa”

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Tâm chúng sanh và tâm Phật chẳng hai. Kẻ chẳng thể làm Phật thường làm chúng sanh là vì chính họ không có huệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không được thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, dùng diệu tâm sẵn có Phật tánh để làm căn bản khởi Hoặc tạo nghiệp, đến nỗi trải vô lượng kiếp luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, đức Thế Tôn ta lúc mới thành Chánh Giác, lên cung trời Đao Lợi, vì mẹ thuyết pháp, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều mong báo ân cha mẹ, liền đặc biệt nêu rõ chuyện Địa Tạng Bồ Tát trong kiếp xưa do cứu mẹ nên rộng phát thệ nguyện Bồ Đề làm thuyền bè vượt biển khổ cho chúng sanh đời vị lai. Trọn bộ kinh văn lý sự rõ ràng, tường tận, văn từ thoáng đạt, rõ rệt. Hai chuyện ngài Địa Tạng cứu mẹ trong ấy càng cho thấy rõ những nghĩa lý “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh*” và “*tâm tạo được nghiệp thì tâm chuyển được nghiệp. Tâm chẳng thể chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm*”. Thật có thể nói là người dẫn đường nơi nẻo hiểm, là đuốc huệ nơi ngõ tối, là kho báu cho kẻ nghèo thiếu, là thóc gạo trong năm đói kém, khiến cho hết thảy

chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thấy những đứa con hiếu thuận có được sự thừa. Lợi ích của kinh chẳng thể tuyên nói được!

Từ khi đức Phật nói kinh này xong, phàm tại Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này tâm được hưng khởi kể sao cho xiết! Cư sĩ Phụng Trì xót mình chưa thể hiếu dưỡng với mẹ, truy niệm ân đức, ôm hận suốt đời, nguyện khắp những kẻ làm con trong thế gian tùy thời, tùy sự để trọn đạo hiếu, nghĩ đến ân sâu cù lao, ắt sẽ làm sao cho cha mẹ ta được rôt ráo yên ổn nơi bảo sở mới thôi! Do vậy, dùng tâm chí thành niệm thánh hiệu Phật, kiêm dùng lòng cung kính giữ vẹn luân thường, tận hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức ấy để giúp cho cha mẹ ta được lợi ích, quyết mong sao cha mẹ còn sống thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí huệ mở mang, khi khuất núi thì thần thức siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chứng Vô Sanh Nhân, lên địa vị Bất Thoái. Lại phải biết: Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, hãy nên dùng tâm Đại Bồ Đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu vớt, ngõ hầu trên khế hợp tâm Phật, dưới phù hợp nguyện của chính mình. Gió Từ vừa dấy, sát nghiệp liền tiêu, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, can qua dứt bật vĩnh viễn, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình.

59. Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Nghe Di Đà thệ nguyện, dạy chúng sanh phương hướng “*tâm làm, tâm là*” thích hợp khắp chín giới. Pháp môn Tịnh Độ là đạo thành thủy

thành chung của Như Lai, thỏa thích lớn lao bản hoài của Phật. Phật, Tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi. Kẻ độn căn đời Mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngõ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Linh Nham là ngôi chùa cổ được khai sáng từ thời Đông Tấn, trải các đời Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường, bao lượt được sắc tu. Những vị Trụ Trì xưa kia phần nhiều chẳng thể tra cứu được; còn những vị Trụ Trì đời Tống phần lớn là bậc đại lão nhà Thiền, vì thế đạo phong đứng đầu miền Giang - Chiết. Sau đây mãi đến tận đầu đời Thanh vẫn cứ như vậy, lịch sử truyền thừa của nhà chùa đã được ghi chép trong sách vở, ở đây không cần phải ghi cặn kẽ.

Gặp loạn Hồng Dương, chùa cháy tan hoang, vị Tăng tên Niệm Thành ở trong tháp báu, gặp đúng lúc ông Bành Cương Trực lên chơi núi, chuyện trò hợp ý, bèn tra xét rõ ràng ruộng đất. Nhân đây, dựng hơn mười gian điện đường, nhưng vẫn chưa sắp xếp Tăng sĩ tu hành nơi đây. Đến đời Tuyên Thống, vị Tăng sống ở đây do bị mất y, đánh làm người lui tới. Người dưới núi bèn kéo nhau đến hỏi tội, ông Tăng liền bỏ trốn. Tất cả đồ đạc trong chùa đều bị những kẻ kéo đến dọn sạch. Vị hương thân là Nghiêm Lương Xán do thấy danh sơn vô chủ, bèn bảo vị Tăng chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy vị Tăng ấy là Hòa Thượng Chân Đạt đến tiếp nhận. Hòa Thượng Chân Đạt phát nguyện sau này tìm được người thích hợp sẽ giao cho người ấy chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Lập ra cách thức chẳng giống với những nơi

khác, chuyên nhất niệm Phật, nhất loạt chẳng thực hiện hết thảy Phật sự mang tính cách thù tiếp. Bắt đầu từ năm Dân Quốc 15 (1926), hơn mười năm qua, nghiêm nhiên trở thành một đạo tràng lớn mà chẳng cầm sổ hóa duyên.

Mỗi ngày tu trì chẳng khác gì đả Phật thất. Khi mở Phật thất chỉ thêm lễ cúng dường Phật, hồi hướng trước bàn linh mà thôi. Bất luận thí chủ thỉnh bao nhiêu vị Tăng tham dự niệm Phật đều là cả chùa cùng niệm, đem số tiền cúng dường của thí chủ với ý định mời bao nhiêu vị tham dự niệm Phật chia đều cho cả chùa. Vì thế chẳng lập danh sách những vị Tăng được mời tham dự Phật thất, do không lập danh sách nên không bị ty nạn “ghi tên người ta mà chẳng ghi tên tôi!” Nếu làm Phật sự thù tiếp các nơi thì chánh khóa (khóa tụng chánh yếu) của chùa ắt bị gián đoạn. Khi Linh Nham đả Phật thất, công khóa chỉ có tăng thêm chứ không giảm. Vì thế, tuy công khóa nghiêm ngặt, nhưng mỗi kỳ Phật thất số người đến ghi danh thường là ba bốn chục, chỉ có mấy người bỏ đi mà thôi. Ăn uống giống hệt nhau, không phân biệt chủ, khách, hay người làm công. Chùa này đúng là chùa thập phương:

1. Trụ Trì bất luận là Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, chỉ lấy “giới hạnh tinh nghiêm, tin sâu pháp môn Tịnh Độ” làm chuẩn. Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp để dứt thói tệ pháp quyền riêng tư.

2. Truyền thừa Trụ Trì luận theo thứ tự, chẳng luận theo thế hệ, để tránh thói tệ bậc cao đức phải ở dưới kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Không truyền giới, không giảng kinh, để khỏi bị chèo kéo, dao động, nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng, nhưng chẳng thăng tòa và níu kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, trừ đả Phật thất ra, nhất loạt không làm hết thầy Phật sự thù tiếp.

5. Bất luận là ai chẳng được thâm nhận, thế độ đồ đệ trong chùa.

Trong năm điều hễ trái một điều nào, lập tức ra khỏi chùa. Khóa tụng sớm tối phần lớn giống như công khóa thông thường, nhưng cũng có chỗ khác biệt. Người mới đến nếu không có kinh sách để xem, chắc là sẽ hiểu lầm. Vì thế, Giám Viện là Diệu Chân đại sư tính sắp xếp, ấn hành, cậy tôi viết lời tựa. Do vậy, tôi lược thuật duyên khởi như vậy đó.

60. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ của Linh Nham Sơn Tự

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Chùa Linh Nham do ngài Bảo Chí Thiên Sư đời Lương khai sơn, Trí Tích Bồ Tát trùng hưng, là cuộc đất đạo tràng thù thắng được nhiều đời cao tăng thuộc các tông Thiên, Giáo, Luật trụ trì. Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thù thắng vừa Tiểu vừa Đại, vừa cạn vừa sâu, hết sức bình thường, nhưng hết sức đặc biệt, lạ lùng: Thoát khỏi sanh tử ngay trong một đời này! Cách tu dễ dàng nhất, lợi ích sâu rộng nhất. Nơi cuộc đất tối thắng này, tu pháp môn nhiệm nhất này, nếu không phải nhiều kiếp vun bồi há được gặp gỡ ư? Nhưng muốn tu hạnh thù thắng, ắt phải nhờ vào các món vật cần dùng. Vì thế, trên là kinh tượng và các món đồ vật, mỗi mỗi phải sắm sửa đầy đủ thì mới có thể thẳng đường tu tập không trở ngại. Nhưng đạo tràng tồn tại vĩnh viễn muôn đời, người thì mấy chục năm đã đổi thay. Tất cả những thứ có được này, nếu không ghi chép vào sổ, lâu ngày có thể bị mất mát. Hơn nữa, qua bao lần thay đổi, cũng không thể truy xét được nguồn gốc ban đầu.

Do vậy, mỗi món đều được ghi lại để phàm những ai sống trong chùa này và làm Trụ Trì, làm Giám Viện, thấy những vật này, tâm liền tự suy nghĩ: “Những vật này là những vật cần dùng để giúp chúng ta tu trì pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu tự lợi, lợi tha, để cùng sanh về thế giới Cực Lạc, phải yêu mến như thịt nơi thân mình, giữ gìn như tròng mắt. Chẳng phải là keo tiếc các vật mà chính là kính trọng tâm lòng thành trợ đạo của thí chủ để mong ít cần, bớt dùng, đạo nghiệp sẽ dễ thành tựu. Hết thấy pháp môn nếu chẳng đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể thoát lìa sanh tử, chỉ có pháp Tịnh Độ này chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, liền có thể dự vào cảnh giới Phật. Có được đạo tràng tối thắng này, lại tu pháp môn tối thắng này, há chẳng nên càng thêm mến tiếc, giữ gìn, quý trọng những vật cần dùng này ư? Nếu chẳng càng thêm giữ gìn, quý trọng tức là phung phí vật của trời, phụ ân thí chủ. Dầu có tu trì, cũng khó được tương ứng cùng Phật, vì sao? Do kẻ ấy chỉ cốt sao mình được yên ổn, thanh thoi, mặc kệ công sức người khác chế tạo, người xưa sắp đặt, lo liệu, đủ mọi nỗi khó khăn. Nguyên do sấm sửa những thứ ấy là để cho ta tu đạo hồng liễu sanh tử. Đã coi thường những vật này, chẳng biết mến tiếc, tâm hạnh ấy hoàn toàn chẳng tương ứng với đạo, làm sao cảm được Phật xót thương nhiếp thọ để được thoát ngay khỏi biển khổ sanh tử!” Phàm những người chân thật tu hành ắt phải nhận được những điều người khác chẳng thể nhận, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu nhọc nhằn thay cho người, thành tựu điều tốt đẹp cho người. Được như thế thì tương ứng với đạo, tương ứng với Phật! Nguyện những người sống trong chùa này ai nấy đều cố gắng.

61. Lời tựa cho Linh Nham Khai Thị Pháp Ngữ

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo “chánh tâm thành ý, siêng năng việc nước, yêu dân” của các vị tổ là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung, chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm. Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư Không Lục Ngoạn xây nhà trên đó, sau nghe Phật pháp, bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, ngài Bảo Chí Công cầu xin Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ Tát nhiều lượt hiện thân tượng vẽ, hiển thị đạo nhiệm màu, dẫn dắt kẻ tục còn đang mê. Đến đời Đường, em trai Tể Tướng Lục Tượng Tiên (người Tô Châu) mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị Tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, lập tức khỏi hẳn bệnh. Dem mọi vật đáp tạ Sư đều không nhận, nói: “Tôi tên là Trí Tích. Sau này ông trở về Tô Châu, nên đến núi Linh Nham gặp gỡ tôi”. Về sau, người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị Tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế, đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được trung hưng. Từ đời Tấn đến đời Đường, danh tánh tất cả Trụ Trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những vị Trụ Trì núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn, đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu Giang Tô; do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam, đều nghỉ tại hành cung trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương, chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau, đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp, nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân đi chơi núi gặp gỡ, bèn tra xét ruộng đất chuộc lại hơn sáu trăm mẫu, dựng hơn mười gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), trụ trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y ca-sa mà đánh đập người tới chùa quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả sử như ông ta tận lực vâng giữ Thanh Quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng Tịnh Nghiệp duy nhất trong cả nước được! Họa - phúc dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi. Bất nguồn từ việc thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán bảo nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập

phương chuyên tu Tịnh Độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần đến đây, bèn giao cho Ngài làm Trụ Trì. Tăng chúng thường trụ lấy hai mươi người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ chi tiêu không đủ thì ngài Chân Đạc sẽ bù cho. Chẳng quyền mộ, chẳng làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tặc, chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi cử hành Phật thất thông thường. Trụ trì bất luận Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa, chỉ cần là người giới hạnh tinh ròng, trì giới nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh Độ là được. Nếu những mặt khác đều khá, nhưng chẳng chuyên chú Tịnh Độ thì quyết chẳng thể mời làm Trụ Trì.

Từ đây trở đi, người thường trụ ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ, trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng Niệm Phật Đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng Hai năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây, tháng Tư liền bé quan tại chùa Báo Quốc, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, toan chết già trong nơi bé quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai mỗi ngày giảng khai thị một lần, tỏ rõ lý “nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo”, đề xướng pháp “tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này” để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mồng

Sáu tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hổ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày Mười Lăm viên mãn, ngày Mười Sáu vì họ nói Tam Quy - Ngũ Giới.

Sáng nay theo đường tắt từ đất Hổ trở về đây, nhưng các vị cư sĩ ở thành Tô Châu đã đến trước rồi. Lên núi, trông thấy điện vũ nguy nga, Tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Do được Giám Viện là đại sư Diệu Chân mời vào pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu Tịnh Độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, chắc sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác! Đối với người thông suốt rộng lớn thì không gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy, trước hết thuật bày duyên khởi vậy.

62. Lời tựa cho Đại Tạng Kinh bản Tích Sa đời Tống được in theo lối ảnh ấn

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đại Tạng Kinh chính là huệ mạng của Như Lai, là mắt cho trời người, là đuốc trí trong đêm dài vô minh, là thuyền Từ trong biển khổ sanh tử, là nguồn pháp để bậc tiên giác giác ngộ kẻ hậu giác, là gốc của đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu không phải đời trước đã trồng thiện căn, dù trải cả kiếp còn chưa được nghe tới danh tự, huống là được đích thân thừa sự cúng dường, thọ trì đọc tụng, nương theo đó mà tu tập cho đến khi được viên chứng ư? Pháp được nói trong Đại Tạng chính là pháp sẵn có trong cái tâm của mười pháp giới, chúng sanh,

Phật, phàm, thánh, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, Phật do rốt ráo chứng nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Chúng sanh vì chưa ngộ nên ngược ngạo nương theo sức của diêu tâm này để trái giác hiệp trần, mê chân đuổi theo vọng, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, vĩnh viễn ngụp lặn trong tam đồ lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Tam thừa thánh nhân tuy có ngộ chứng, nhưng chưa đạt đến mức rốt ráo; vì thế, vẫn chưa thể thụ dụng hoàn toàn. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, để họ theo đường về nhà, trọn chẳng lập ra khuôn khổ nào khác. Với hàng đại căn (căn cơ Đại Thừa) bèn nói thẳng đại pháp Nhất Thừa, khiến họ nhanh chóng chứng được Vô Sanh, với tiểu căn (căn cơ Tiểu Thừa) bèn trước hết dạy nương theo những pháp môn Quyền - Tiệm để tu trì hòng vun bồi nền tảng bước vào Đại Thừa, cuối cùng cho họ được nhận lãnh gia nghiệp, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật. Lời Phật dạy trong cả một đời được chia thành năm thời:

1. Thời Hoa Nghiêm: Chỉ nói đại pháp viên đốn nằm ngoài các giới. Trời, người, Nhị Thừa đều chẳng phải là pháp khí của thời này.
2. Thời A Hàm: Nói pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Quyền, Tiệm, khiến cho họ vào trong hóa thành.
3. Thời Phương Đẳng: Bàn trọn tứ giáo thích hợp khắp ba căn.
4. Thời Bát Nhã: Dùng diệu trí Bát Nhã để trừ sạch tình kiến của phàm lẫn thánh.
5. Thời Pháp Hoa - Niết Bàn: Khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản, thọ ký trọn khắp ba căn để họ cùng được nhận lãnh của báu trong

nhà sẵn có. Niết Bàn “*phù luật đàm thường*”, là giáo huấn tối hậu để ba nghiệp thân - khẩu - ý đều cùng thanh tịnh như Phật, Tam Học Giới - Định - Huệ cùng được viên mãn như Phật.

Tổng hợp những pháp được nói thì có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiên, Mật và Tịnh. Năm tông này tuy tên gọi sai khác, nhưng lý thể là một. Hãy nên chuyên chú vào một môn, nhưng chớ nên sai lệch bỏ phế các môn khác. Như do bốn cửa vào được một thành, như do bốn mùa hợp thành một năm, những tông ấy mang công năng duy trì lẫn nhau, phụ trợ lẫn nhau, nếu chẳng phải là kẻ thấu hiểu sâu xa nguồn pháp sẽ chẳng thể nào biết được! Trong ấy, Luật là nền tảng ban đầu để nhập đạo; dù đạt đến viên mãn Bồ Đề vẫn phải nương tựa vào đó. Tịnh là pháp môn phổ độ, dẫn cho đã chứng Đăng Giác vẫn phải nên hướng lòng về. Chúng sanh đời Mật nếu không do pháp này sẽ chẳng độ được ! Bậc trí của các tông hãy gấp nên gìn giữ. Nếu không, tất cả tu trì chỉ trở thành cái nhân lành để thành quả Phật trong đời vị lai, muốn ngay trong đời này hễ siêu thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, e rằng chẳng phải dễ dàng đâu! Ngoài các kinh này ra, tất cả các luật Đại Tiểu Thừa, đều thuộc vào năm thời. Do vậy, chẳng cần phải nói riêng. Ngoài kinh, luật ra còn có các bộ luận do các vị Bồ Tát, tôn giả soạn ra để thích kinh, tông kinh, nhằm hiển lý, phá Hoặc, hàng ma, chế phục ngoại đạo, ngõ hầu sự giáo hóa của đức Phật sẽ nhờ vào đây mà được phổ biến khắp trong và ngoài nước. Đây là Tam Tạng Kinh - Luật - Luận từ Phật quốc (Án Độ) được dịch ra.

Đến khi đại giáo được truyền sang phương Đông, bậc pháp tượng xuất hiện đông đảo, trước thuật của các tông đẹp đẽ khôn kể

xiết. Những tác phẩm được đưa vào Đại Tạng chỉ là một hay mười phần trong trăm ngàn phần mà thôi. Trước đời Đường, để có được kinh sách đều phải sao chép. Thời Ngũ Đại, Phùng Đạo xướng xuất việc in bằng cách khắc ván. Đến đời Tống, sách Nho, kinh Phật đều in bằng lối khắc ván. Đại Tạng Kinh bản đời Tống có mười mấy loại, nhưng ni sư Hoằng Đạo thuộc Tích Sa Diên Thánh Viện chặt tay đề xướng, khắc thành bản in Đại Tạng này có thể nói là bậc trượng phu trong nữ giới, khiến cho mọi người khâm phục, bội phục. Từ đời Tống đến nay, hơn bảy trăm năm, do cõi đời nhiều phen loạn lạc, những kinh đã được in phần nhiều bị mất đi. Hai chùa Ngọa Long và Khai Nguyên ở Thiểm Tây may còn giữ được. Cư sĩ Châu Tử Kiều sang đất Thiểm lo việc phát chẩn trông thấy, bèn cùng với đại cư sĩ đất Hồ (Thượng Hải) thương lượng in lại bằng phương pháp Ảnh Ấn, nhọc nhằn vất vả khó thể nói trọn được. Nay sắp hoàn thành đợt đầu, sai Quang viết lời tựa. Quang là một ông Tăng chẳng hiểu biết gì, chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ sự quan trọng của Đại Tạng, đành nhờ vào những gì hằng ngày đã quen nghe, gom góp lẫn lộn lại để viết cho xong trách nhiệm. Diệu nghĩa của toàn bộ Đại Tạng người đọc sẽ tự biết, dấu chưa thể đọc trọn khắp, nhưng hồi quang phản chiếu nơi các pháp “Căn, Trần, Thức, Đại” hiện tiền sẽ đích thân chứng được viên thông, cần chi phải viết tràn lan cho nhiều để gai mắt người nhả ư ?

63. Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục

(Đề từ được viết vào tháng Hai năm Dân Quốc 16 (1927) dành cho bản in bằng loại giấy in báo. Lời tựa được viết vào ngày mùng Tám tháng Chạp năm Dân Quốc 16 khi sách được in thành hai cuốn)

1) Tịnh Độ đại pháp môn lớn lao không gì ở ngoài nó được, như trời che khắp, như đất chở trọn. Bậc Đẳng Giác sắp thành Phật còn phải cậy nhờ pháp này; kẻ nghịch ác sắp đọa A Tỳ mười niệm lên cõi sen, thích hợp căn cơ khắp chín pháp giới, đều cùng siêng gắng đánh lễ kính vâng, sớng thỏa tâm độ sanh của Phật, duy nhất không còn pháp thứ hai nào nữa! Tôi do sức tức nghiệp, từng làm một gã Nhất Xiển Đề, bắt chước bọn Âu, Hàn v.v... ngu xuẩn không sao chữa được. May là bị bệnh mấy năm, lúc ấy mới suy nghĩ kỹ càng: Các bậc thánh hiền xưa nay lẽ đâu đều vô tri cả? Bọn họ đều cùng tôn thờ, ta nào dám chê bai? Dầu bậc thánh cũng có chỗ không biết, nhưng bọn họ vẫn đủ sức làm thầy bọn Âu, Hàn! Từ đó, quy y Phật, xuống tóc, khoác áo thâm. Tự lượng tức nghiệp sâu xa, Tông, Giáo ta đều chẳng thích hợp, chỉ có cậy vào Phật lực may ra mới thỏa lòng mong, nên chuyên tâm tu Tịnh nghiệp hầu được dự vào Liên Trì.

Gần mười mấy năm qua, người khác đều lắm hỏi đến, lời đáp cũng giống như thế ấy, chẳng dám vượt phạm tí nào. Ông Từ Úy Như ở Hải Diêm cho rằng những lời lẽ ấy thiết thực, gằn gũ, đôi ba lượt đem in ở Bắc Kinh, Thượng Hải. Lời lẽ tuy chất phác, nhưng mọi người chẳng chê bai, tìm đọc càng nhiều, có nhiều người sanh chánh tín. Cư sĩ Lý Viên Tịnh tức căn vừa sâu vừa dày, chú thích các kinh luận, xiển minh Như Lai tâm, sau đó vì hao tổn tinh thần, yếu bệnh ngày càng thêm nặng, bèn bỏ nơi rộng lớn chọn lấy chỗ ước lược, lập chí nối gót Đông

Lâm. Lại muốn lợi lạc hàng sơ cơ, tạo thành quy củ, châm ngôn tu trì cho họ, nên bèn trích yếu những lời trong bộ Văn Sao, phân thành từng loại để biên tập, cũng như tự bỏ ra tịnh tài in tặng những ai hữu duyên, mong cho hết thảy mọi người đều gắng sức mong thành thánh, thành hiền, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ai nấy đều hoàn thành tánh thiên (bầu trời chân tánh) của chính mình, vâng làm các điều thiện, tiêu trừ sạch các điều ác, tín nguyện siêng năng niệm Phật, cầu lên được chín phẩm sen, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, đều được như trăng in bóng trên sông, ngay lập tức vãng sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát vực sâu sanh tử, thấy Phật ngộ Vô Sanh, dần dần đạt đến phước huê trọn vẹn.

Do vậy, thỉnh tôi viết mấy câu để rộng lưu truyền. Lời quê lọt vào mắt nhĩ, uổng chuốc lấy tiếng cười chê, thương xót. Mặt dày mày dạn dưng tâm lòng ngu thành, mong ai nấy đều xét tỏ tường. Nếu chưa vượt lên được bậc Đăng Giác thì cũng dự vào hàng Hồi Hương vậy.

2) Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông minh, tri kiến cao siêu thường xem Tịnh Độ là pháp tu của bọn ngu phu, ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo thành thủy, thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh! Họ thấy kẻ ngu phu, ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường pháp môn, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật Quả? Miệt thi pháp môn Tịnh Độ chẳng xứng đáng để tu tức là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm

thuộc hạng người gì? Hơn nữa, chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

Có thái độ như vậy không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như sự lớn, nhỏ, khó, dễ giữa tự lực và Phật lực, nên mới đến nỗi như thế! Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? Án Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiệm ngay chất độc bài Phật của Hàn, Âu, Trình, Châu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Châu. Nếu như có được chút tài như họ, ắt sẽ đến nỗi tự mình làm, khiến người làm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A Tỳ mất rồi! Từ năm mười bốn, mười lăm tuổi về sau, bệnh nặng nhiều năm. Từ đấy chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Châu lập đó đều là những tri kiến môn đình, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền ảo.

Nhược quan được một năm, tôi liền xuất gia làm Tăng, chuyên tu Tịnh nghiệp. Thẻ trọn một đời này làm một kẻ tự lo giải thoát, chẳng lập môn đình, rộng thâu đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm cho Phật pháp bại hoại, kéo cả Án Quang tôi vào trong địa ngục A Tỳ chịu khổ với chúng. Đến năm Quang Tự 19 (1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ ở Phở Đà lên kinh đô thỉnh Đại Tạng Kinh, sai tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, Hòa Thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi chẳng thích tham gia Tăng sự, Ngài cho tôi ở riêng một căn liêu, tùy ý tu trì. Đến nay đã ba mươi lăm năm rồi. Ở núi lâu ngày, hễ có ai giao cho viết lách gì, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Án Quang. Ngay cả những văn tự chính mình cần phải ký tên, cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ

là xong. Vì thế trong hai mươi năm qua, trọn không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cáo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Ấn Quang, mà dùng tên Ấn Quang thường tự xưng là Thường Tâm Quý Tăng (ông tăng thường hồ thẹn). Vì thế, ký tên là Thường Tâm. Cư sĩ Từ Úy Như và Châu Mạnh Do lại lầm lạc tán thưởng, hỏi dò cả ba bốn năm nhưng chẳng ai hay biết. Sau Mạnh Do lên núi báı yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cáo dờ tẹ gửi cho Úy Như, đưa in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao khiến cho văn từ của tôi gai mắt khắp những vị cao nhĩ nên càng thêm hồ thẹn. Năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), giao cho Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ 10 (1921), sách in xong. Quang tôi lại ở Dương Châu, đem bản đã sắp chữ năm Dân Quốc thứ 9 (1920) cho khắc thành một bản, chia ra làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc thứ 11 (1922), lại giao cho Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy, các cư sĩ chỉ đảm nhiệm in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Ấn Thư Quán in xong, gửi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ!

Mùa Đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng (bản mở rộng – do thêm vào những bài mới), cũng chia thành bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa Hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản. Bản gốc đã đem cho chế Chỉ Bản thành bốn

bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho Chiết Giang Ấn Loát Công Ty tại Hàng Châu in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp, tùy theo nhân duyên.

Cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua chuyên tâm nơi học, đối với luận Khởi Tín, kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác đều viết số giải. Quang bảo: “Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dày rồi sẽ lại nêu tỏ ý Phật, tự có thể xiển minh ý Phật tuyên truyền khắp vũ trụ”. Khi ấy, ông Lý vẫn chẳng chịu là đúng. Sau này, vì dụng tâm quá độ, tinh thần, thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời tôi nói chẳng sai. Ông ta bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn, cậy Quang viết lời đề từ, tính dùng giấy in báo in một ngàn cuốn để đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả (do những phần ấy đã được đăng trước trên tờ lâm san của Cư Sĩ Lâm, nên độc giả nhiều lượt thôi thúc ấn hành). Tháng Năm, Quang đến đất Thân (Thượng Hải), ông ta bèn cùng vợ xin quy y. Tháng Tám sách in ra, chẳng lâu sau sách được thịnh hết. Thư yêu cầu nườm nượp gởi tới, tôi bèn bảo cơ quan quản trị nhà tù tại Tào Hà Kính sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Địch Châu xin đảm nhiệm việc trình bày, cũng như chịu phí tổn làm bốn bộ Chỉ Bản. Ông ta lại chịu tiền in hai ngàn bản. Cùng một lúc đảm nhiệm ấn loát, gần đến hai vạn. Đối với những bản Chỉ Bản thì dự tính để lại một bản ở cơ quan quản trị nhà tù hầu đáp ứng cho việc tái bản lưu thông sách tại Thượng Hải, một bản gởi về cho cư sĩ Viên Tịnh giữ, để chính ông ta và các vị thiện sĩ sử dụng. Một bản gởi sang Tuyên Giảng Đường tại

Cáp Nhĩ Tân để những vị có tín tâm nơi vùng Quan Ngoại dễ thỉnh đọc. Một bản gửi sang Thương Hội ở Tân Gia Ba thuộc Nam Dương để Hoa kiều ở các đảo đều cùng được đọc tụng.

Với xuất xứ của mỗi câu được sao lục trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với toàn văn trong Văn Sao. Do chỉ chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp thành một loại, nên thường có những đoạn trích lời văn, ý nghĩa khá giống nhau, nhưng tôi chẳng lược bớt đi, ngõ hầu người đọc hưởng lợi ích được khuyến đi, khuyến lại nhiều lần sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo cách đánh số trong bản Tăng Quảng Văn Sao. Lấy bản Tăng Quảng Văn Sao làm bản lưu thông vĩnh viễn, những thứ khác (tức những bản in có trước bản Tăng Quảng) thì về lâu về dài sẽ không phải tiến hành in lại nữa.

Lại vì Văn Sao văn từ sâu rộng, rườm rà, có lẽ kẻ sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu được đâu là pháp môn dễ hiểu nhưng hợp cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được cửa ngõ, từ đây sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển cả than dài, hoặc đến nỗi đành lòng lui sụt. Nhân đây, chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyển Đọc vào sau lời tựa cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học có cái nương tựa để tiến bước vào đạo. Tâm lợi người ấy có thể nói là châu báu hết mức, không còn gì hơn được nữa! Do vậy, tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều cùng được biết.

Nguyện người thấy, người nghe đừng cho lời tôi nói đều là tầm thường, kém cõi rồi bỏ qua, cứ cầu lấy những điều cao thâm, huyền diệu. Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi. Đạo của Như Lai chỉ là Giới - Định - Huệ mà thôi! Thực hành được việc tầm thường, kém cõi đến cùng cực thì lý cao thâm huyền diệu há còn phải cầu đâu khác nữa ư? Nếu không thì chỉ cao thâm huyền diệu nơi đầu môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến chẳng dùng được mảy may! Xin độc giả hãy lưu tâm!

64. Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Đức Như Lai chẳng xuất hiện, cõi đại thiên giống như đêm dài. Phật nhật đã chiếu khắp, các pháp đều rạng rỡ. Chẳng riêng gì tam thừa thánh nhân mau lên được bờ giác, mà còn khiến cho hàm thức trong sáu đường đều dần dần thoát vòng khổ. Phật dùng một âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu. Ví như một trận mưa nhuần thấm trọn khắp, cây cỏ mỗi loài tự sum xuê; một vầng trăng hiện bóng khắp nơi, nơi sông biển tùy mỗi người thấy khác. Chỉ rõ Phật tánh sẵn có, chúng sanh và Phật vốn đồng. Dạy rõ do tu trì thuận hay nghịch Phật tánh mà phàm - thánh thật khác biệt. Chia ra nói thành năm thừa, để mong chúng sanh theo đường về nhà. Chẳng lập một pháp ngõ hầu hiểu gốc mà biết ngọn. Ngũ tánh, tam thừa cùng về một đạo; Tứ Đế, Lục Độ chẳng ngoài một tâm. Hết thấy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, pháp pháp dung nhiếp. Hết thấy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hạnh hạnh viên thông. Đây chính là quy củ lớn lao nuôi dạy hàng

ngàn căn cơ của đức Như Lai, là nghĩa lý lớn lao trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật.

Xét từ lúc đạo Phật được hưng khởi vào đời Chiêu Vương nhà Châu, đạo truyền khắp cõi Tây Càn (Ấn Độ), đến đời Hán Minh Đế, pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa). Thoạt đầu chỉ được hoàng truyền nơi đất Bắc, đến đời Ngô mới bắt đầu truyền xuống phương Nam. Từ đời Tấn trở đi, đạo được truyền khắp trong nước, ngoài nước: Cao Ly, Nhật Bản, Tiêm La (Thái Lan), Diên Điện đều cùng được gọi pháp hóa của Phật trong thời ấy. Ngài La Thập ở Quan Trung, Viễn Công tại Lô Sơn, công huân hoàng pháp không ai to lớn bằng. Do vậy, pháp được truyền đến các nước, đều được bình đẳng hưởng ơn Phật. Từ đây trở đi, đến thời Đại Đường, kinh, luận, pháp môn thầy đều trọn vẹn. Tính chung những tông lớn thì có năm tông là Luật, Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Cố nhiên tri thức các tông đều thông suốt các pháp, nhưng để hoằng dương thì hoặc kiêm, hoặc chuyên, chỉ mong sao kế cơ, nên không nhất định! Đa số là bậc đã chứng thánh quả, thừa nguyện thị hiện, hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Khi sống được vua quan khâm phục, kính ngưỡng, dân chúng tôn sùng; mất đi, trời người buồn khóc, cảm thú kêu ai oán. Làm bậc thầy mô phạm cho cõi đời khi ấy, làm cầu bến cho đời sau. Đạo đức lợi ích nói chẳng thể cùng!

Rặng Côn Luân tuy sanh ngọc, vẫn có đá tảng; rừng chiên-đàn phân nhiều thơm ngát, vẫn sanh cỏ thối. Đó là vì chư Tăng hoặc thừa nguyện thị hiện bệnh hạnh, hoặc do mê tâm nên phạm Thanh Quy. Dấu tích của những lợi ích bị mất mát và những khổ báo chiêu cảm đều đáng để khơi gợi thiện tâm cho người đời sau, răn dạy đời Mạt phải gắng chí,

vĩnh viễn là gương soi về sự trái đạo nghịch pháp trong pháp môn. Vì thế, chưa chắc những gương phạm giới ấy đã là trái nghịch sự giáo hóa của Phật, mà là nhằm khiến cho con người y giáo phụng hành vậy.

Cư sĩ Quách Hàm Trai ở Hồ Nam xem rộng rãi các sách vở, tiện tay sao lục những chuyện đáng để làm gương, đáng để răn dè được bao nhiêu đó chuyện, đặt tên là Thích Môn Pháp Giới Lục với chí nguyện mong mọi lợi lạc mọi người. Nhưng do tuổi đã già suy, tinh thần chẳng đủ, chưa thể sắp xếp trước sau theo từng triều đại được, thật chưa được thỏa đáng lắm, nhưng sách khiến cho người đọc bắt chước theo, đề phòng, răn dè thì nào có trở ngại gì! Phần Phụ Lục cuối sách là một số đoạn giáo huấn thiết yếu trích lục từ Vân Thê Pháp Vựng. Phần trước là những hạnh đẹp đáng noi theo, phần này chính là những lời tốt lành. Miệng thường tụng, tâm thường nghĩ những lời hay hạnh đẹp của cổ đức sẽ giống như người nhiễm hương, thân tự có mùi thơm, dù kẻ ấy ương bướng, kém cỏi đến đâu cũng trở thành bậc “tri hành hợp nhất”, hướng là những bậc đại chí một bề mong thành thánh thành hiền, học Phật, học Tổ, lợi ích ấy làm sao lường được? Nguyên tứ chúng học Phật thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền trong lòng tự phản tỉnh thì pháp môn may mắn lắm, thế giới may mắn thay!

65. Lời tựa cho tác phẩm Tịnh Độ Tam Yếu Thuật Nghĩa

(năm Dân Quốc 16 - 1927)

Cư sĩ Lạc Quý Hòa ở Thiệu Hưng xưa đã có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người, chỉ chăm chú tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn chú trọng giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các

điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, mền tiếc sanh mạng loài vật. Lại cho rằng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình là điều pháp duy nhất không hai để vấn hồi thế đạo, nhân tâm. Thật có thể gọi là “người biết được cái gốc để cấp bách chú trọng trước tiên”. Lúc cư sĩ còn trẻ, rất hâm mộ chí hướng “*chẳng làm lương tướng, ắt phải làm lương y*” của cô nhân, bèn lưu tâm nơi y lý để mong lợi người. Lâu ngày, tinh thông y thuật, khá nổi tiếng. Kế đó, nghĩ: “Tâm bệnh là gốc, thân bệnh là ngọn; nếu chẳng trị tâm bệnh sao cho hết thảy mọi người đích thân thấy được bản lai diện mục, thoát lìa sanh tử luân hồi thì lợi ích rất nhỏ, rốt cuộc chẳng phải là đạo tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha. Đòi coi đức Phật là Đại Y Vương, ta hãy nên cầu y thuật nơi Ngài ngộ hầu ta cùng người đều được rốt ráo yên vui”. Do vậy, giao du với các thiện tri thức, nghiên cứu kinh Phật, mới biết y thuật của đức Phật độc nhất vô nhị trong cõi đời, như ra khỏi nhà tối thấy được mặt trời, tấm lòng vui sướng không thể nào sánh ví được!

Nhưng đức Phật nói ra vô lượng vô biên pháp môn, cầu lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất, viên đốn nhất, thực hiện dễ, thành công cao, ngộ hầu nghiệp lực phàm phu do không có sức đoạn Hoặc sẽ có thể ngay trong đời này thoát khỏi tam giới lên chín phẩm sen, bỏ thân phàm dự vào dòng thánh thì chỉ riêng một pháp Tịnh Độ là được như vậy mà thôi! Do vậy, lẳng lòng nghiên cứu, hiểu được cương yếu, gặp dịp pháp sư Hoa Trí kết xã niệm Phật, pháp sư bèn xin cư sĩ thay mình tuyên giảng, giảng đến đâu ghi đến đó, thành một cuốn sách, từng đăng tải trên báo Đại Vân để tặng những người cùng chí hướng. Phàm ai thấy nghe đều hoan hỷ, tán thán, bảo là hợp với căn cơ. Các cư sĩ thuộc

hội Phật học ở Dư Diêu khuyên nên in ra để lưu truyền, cậy tôi viết lời tựa.

Tôi nghĩ pháp Tịnh Độ lý - sự viên dung, tánh - tu chẳng hai, phạm lẫn thánh đều thâm nhiếp trọn vẹn. Hết thấy pháp môn, hà sa diệu nghĩa không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không gì chẳng trở về pháp giới này! Như biển cả dung nạp khắp trăm sông, dường thái hư chứa trọn muôn hình tượng. Quả thật là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, được chín giới cùng tuân hành, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Tôi nói lời này, nếu có ai chẳng tin, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, ngõ hầu cùng dự vào Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành, để đều mong sao trong đời này vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, tấn tu dần dần cho đến khi viên chứng vô thượng Bồ Đề mới thôi! Cao đẹp thay! Tốt lành thay!

66. Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Phật xem hết thấy chúng sanh đều là Phật, nên kinh Phạm Võng nói: *“Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy, giới phàm đã đầy đủ”*, bởi lẽ, tin chính mình là Phật chưa thành thì chắc chắn muốn cải ác tu thiện, phát tâm Đại Bồ Đề tự lợi, lợi tha, ngõ hầu đoạn sạch Phiền Hoặc, đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi cái tâm này. Tin hết thấy chúng sanh trong sáu đường đều là Phật chưa thành, chắc chắn sẽ tận lực khuyên lơn, chỉ bảo, duy trì đồng

loại, chắc chắn chẳng làm chuyện tranh giành, tàn sát lẫn nhau, chắc chắn sẽ muốn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tạo sự thuận lợi lớn lao cho dị loại, chắc chắn sẽ không có cái tâm tham độc ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cho ta. Do con người chẳng biết chính mình và hết thấy chúng sanh đều là Phật chưa thành nên mới tranh chấp, giết người ngấp thành, ngấp đồng chẳng tiếc nuôi, cũng như giết thân chúng nó hòng thỏa thích bụng miệng ta. Người đời sát sanh quen thói nên coi thường, sự thể lớn - nhỏ gì cũng đều phải giết chóc. Tế thần, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, không có thịt sẽ chẳng thể thành lễ được! Dem chuyện cực khổ, cực phẩm giáng xuống thân loài vật, nhằm biểu thị tấm lòng thành khẩn, hiếu kính của ta. Nếu luận trên phương diện mê muội thì còn chấp nhận được, chứ luận trên thực tế thì đáng thương quá đỗi! Do hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyền thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dầu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận, vâng làm, lại càng ít hơn nữa!

Do vậy, Phật dùng lòng Đại Bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngộ hầu hết thấy mọi người biết là do Phật hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có hình ảnh đức Phật ngự trong ấy khiến tai mắt con người thấy nghe phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời, những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn?

Trước khi giết đều nói là loài thú, đã giết rồi, mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật! Dầu không phải do đức Phật hiện ra, cũng vẫn là Phật đòi vị lai. Giết ăn thì tội quá biển cả, núi non, hãy gấp đầu đáu răn chừng ngô hầu được giải thoát. Phải biết: Con người và loài vật tuy khác, mang hình dạng có linh tánh hay ngu xuẩn, kẻ ngốc tâm thức tối tăm, loài vật có linh tánh thì trí lại sáng rõ: Ngũ Luân, Bát Đức cố nhiên chẳng nhường con người, lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn!

Lần xem sử sách, từ xưa đến nay, phạm những ai lợi người lợi vật con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người hại vật con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt. Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch rằng: *“Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương”* (Nhà tích thiện sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). “Dư khánh, dư ương” chính là những thứ thừa sót lại của “chánh khánh, chánh ương”. Chánh khánh, chánh ương là những gì bản thân người ấy phải thọ trong đời kế tiếp hay trong những đời sau nữa do tích thiện hay tích bất thiện, so với dư khánh, dư ương sẽ còn hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần! Nếu con người biết được điều này, chắc chắn chẳng chịu vì sung sướng nhỏ nhặt một lúc để rồi vĩnh viễn chịu đựng mọi họa hại lớn lao đến vô cùng!

Trong thời Gia Khánh - Đạo Quang nhà Thanh, tại huyện Quảng Phong tỉnh Giang Tây, Thái Sử Từ Khiêm, tự Bạch Phảng,

ẩn cư soạn sách hòng giác thế yên dân, chí thiết tha răn kiêng giết, đọc rộng các sách, phàm những đức hạnh tốt đẹp của loài vật đều tập hợp lại, soạn thành một cuốn sách, phân chia thành mười bốn tám gương hiếu hữu, trung nghĩa, trinh liệt, từ ái, thương kẻ cô độc, quyền luyện nghĩa cũ, giữ chữ tín, giữ phận khiêm tốn, giúp đỡ điều lành, cứu nạn, báo đức, rửa sạch tiếng oan, hiểu biết nhiều thứ, thông minh trí huệ, đặt tên là Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế ấy). Ấy là vì muốn cho người thấy kẻ nghe đều phát khởi tấm lòng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thấu hiểu đức hiếu sanh của trời đất, chẳng tàn sát dị loại, đề cao nỗi lòng “coi mọi người như ruột thịt, coi muôn vật như chính mình” của đạo Nho, che chở khắp quần sanh. Nghĩ đến những loài vật ấy còn có những hạnh đẹp như thế, mà chúng ta mang tấm thân sáu thức, sánh cùng trời đất thành ba ngôi, xưng là Tam Tài, lại còn được kinh sách của thánh hiền giáo huấn, nếu chẳng kế thừa người xưa, mở lối cho người đời sau, tán trợ quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, yêu dân, thương vật, hòng thỏa tấm lòng Từ của trời đất thì chẳng những đã cô phụ ân sâu nuôi dạy của trời đất, thánh hiền, mà còn hết sức thẹn với những dị loại bay, chạy, lặn ngụp nữa! Sẽ nói đến những chuyện như thế này: Nên hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng anh, trung với chủ, trọn hết nghĩa như thế nào, dùng Ngũ Luân để hành Bát Đức, nên bác ái, cứu vớt rộng khắp như thế nào để thực hành đại đạo “bình đẳng đối đãi”, nên như thế nào đánh đổ sự ham muốn xằng bậy của chính mình để tu trì, hòng chẳng khiến cho đáng sanh ra ta phải hổ thẹn, chẳng bị trời đất quỷ thần

thương xót, chẳng bị trời đất quỷ thần xem thường, vớt bỏ, chẳng bị hết thấy loài vật khinh miệt.

Ông Từ nhân phẩm cực thuần, học vấn cực rộng, tiếc rằng đời trước chưa từng gieo thiện căn rõ ràng, đời này cũng chẳng thân cận bậc thiện tri thức sáng mắt, đến nỗi đối với Phật pháp hay ngoại đạo đều chẳng phân biệt được tà - chánh, chân - ngụy. Vì thế, trong cuốn Hải Nam Nhất Chúc do ông trước tác, đã đem quyển Trung và quyển Hạ của Tâm Kinh do ngoại đạo ngụy tạo – quyển Hạ có hai loại – xếp chung ba thứ ngụy tạo này với Tâm Kinh chân chánh do đức Phật nói, tôn trọng như cùng một thể, chẳng hề thua kém nhau! Điều này tạo ra thói tệt khiến cho những kẻ không hiểu Phật pháp sẽ coi tà là chánh, xem ngụy là chân, khiến cho các ngoại đạo biến chánh thành tà, biến chân thành ngụy. Trong cuốn sách này (tức cuốn Vật Do Như Thử), mười ba tấm gương đầu chỉ luận về luân thường, cố nhiên không gì chẳng thích đáng. Trong tấm gương thứ mười bốn, lời phê bình về sự thông huệ của ông Từ Khiêm khó tránh khỏi khuyết điểm tà - chánh chẳng phân, mong độc giả hãy suy xét tường tận.

Ông Lý Tuấn Thừa ở huyện Vĩnh Xuân, tỉnh Phước Kiến, pháp danh Huệ Giác, nhiều năm buôn bán tại Tinh Châu (Singapore) và Nam Dương. Do đứa con thứ là Nghi Tông bị bệnh, gởi món tiền một ngàn sáu trăm đồng xin Quang ấn tống những kinh sách văn hồi kiếp vắn, uồn nắn thế đạo nhân tâm, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật v.v... Quang thấy thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống là do Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả, luân hồi, bảo đức Phật dùng những điều ấy để lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo hóa của Ngài, chứ thật

ra không có chuyện ấy. Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi hòa nhau phé kinh điên, phé luân thường, tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau, không thể nào chấm dứt được!

Muốn vãn hồi sát kiếp thì phải bắt đầu từ kiêng sát sanh. Sách kiêng giết rất nhiều, nhưng sách cảm động lòng người, ngăn dứt cơ duyên giết chóc thì sách này có thể tôn là bậc nhất; bởi lẽ, loài vật còn có những hạnh cao đẹp như thế, người có lòng nghĩ đến người khác nào dám buông lung giết ăn nữa ư? Trong lời tựa lại giảng rõ ta và loài vật đều là Phật chưa thành, đức Phật muốn ngưng dứt sát kiếp trong cõi đời, liền chẳng tiếc sức hiện thân trong dị loại để cũng bị con người giết; đã giết rồi mới biết là do Phật hóa hiện. Kẻ biết tốt - xấu sẽ chẳng dám buông lung giết ăn y như cũ để tự chuốc lấy nỗi lo. Tuy cuốn sách này chẳng nói đến chuyện kiêng giết, nhưng quả thật là sách đứng đầu về kiêng giết, chấn động kẻ điếc, sáng mắt người đui, khiến cho những ai xem thấy đều dấy lòng, đều tự suy nghĩ: “Loài vật còn như thế, lẽ nào con người thua chúng?” bèn cực lực sốt sắng hành trì để khỏi hổ thẹn. Từ đây, gắng sức trọn hết thiên chức, sống chẳng làm thây đi thịt chạy, tận lực tu tịnh hạnh, chết sẽ về thẳng thế giới Cực Lạc, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, can qua chấm dứt, thiên hạ thái bình, chánh trí mở mang, tà chấp tiêu diệt, sự giáo hóa của Phật được rộng khắp. Do vậy, cho tái bản sách này, dùng hết số tiền ông ta đã gởi để ấn tống, ngõ hầu người thấy nghe đều có được khuôn mẫu để làm người, làm Phật vậy!

67. Lời tựa sách Kỹ Lộ Chỉ Quy

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Tam giới không đâu chẳng phải là quán trọ, chúng sanh trong lục đạo đều là kẻ nghèo cùng. Tuy hứng chịu khổ - vui tạm thời sai khác, nhưng hết vui sẽ tới khổ, rốt cuộc chẳng phải là chỗ an thân lập mạng rốt ráo! Do vậy, đức Thích Ca Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh Giác, tùy theo căn cơ chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho khắp các chúng sanh đều theo đường về nhà, nhận lãnh của gia bảo, vĩnh viễn hưởng an lạc. Nhưng các pháp ấy mỗi pháp lợi lạc cho một loại căn cơ, lại chẳng dễ tu tập, dầu tu cũng khó thể liễu thoát ngay trong đời này, bởi hoàn toàn cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn Hoặc chúng Chân thì mới thoát sanh tử. Chúng sanh đời Mạt Pháp khó lòng trông mong được!

Do lòng đại từ bi, đức Như Lai lại bày ra một pháp môn đặc biệt, đó là “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”, để những người đã đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực mau chóng Bồ Đề, kẻ chưa đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực liền thoát sanh tử. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn; thượng thánh hạ phàm cùng nương về, kẻ mới phát tâm lẫn người tu lâu đều cùng tiến. Pháp môn này không riêng gì phàm phu đầy dẫy phiền não nên chuyên tu, ngay cả bậc Đăng Giác Bồ Tát sắp thành Phật cũng cần phải dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc thì mới có thể viên thành Phật quả. Pháp môn lớn lao như hư không chứa đựng rộng khắp, pháp môn lợi ích như mùa Xuân khiến cho khắp mọi loài sanh trưởng; trọn cả kiếp tán dương cũng khó lòng cùng tận.

Quang nghiệp chướng sâu nặng, trí huệ cạn mỏng, mấy chục năm qua chuyên tu pháp này. Gần đây, các ông Chiên Đức Khắc và Lý Đức Minh ở Cử Thành, tỉnh Sơn Tây, lầm nghe người khác nói, gửi thư xin quy y. Do vậy, liền dạy họ “hàng phàm phu sát đất muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì trọn chẳng có pháp nào khác để mãn nguyện cả!” Lại gửi cho họ những sách như Văn Sao v.v... để làm căn cứ tu trì. Ông Đức Khắc bèn dựa theo những ý nghĩa ấy, soạn ra cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngã rẽ), mượn hình thức vấn đáp để tháo gỡ nghi ngờ, làm sáng tỏ tông chỉ. Lại cậy ông Đức Minh giảng duyệt, chí mong lợi người chẳng tiếc tâm lực. Sách đã được ấn hành lưu thông, gửi sách đến chỗ Quang cầu ấn chứng.

Quang đọc xong, khôn ngoan an ủi, vui vẻ. Trong ấy có chỗ câu chữ, ý nghĩa chưa viên mãn, sợ độc giả khó thể lãnh hội, nên sửa chữa đôi chút để vừa xem sẽ hiểu ngay, trọn chẳng còn nghi ngờ, bàn bạc nữa! Cho ấn hành để lưu thông rộng rãi ngõ hầu người đọc đối với giáo điển trong suốt một đời đức Phật, chỉ nương theo một pháp khế lý, khế cơ “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để tu. Các pháp khác tuy cao sâu huyền diệu, rộng lớn tinh vi, khế lý nhưng không khế cơ đều để làm căn cứ sau khi vãng sanh sẽ tự hành, dạy người. Đối với đủ mọi tà kiến, kiến giải sai lầm, truyền dạy riêng tư, bí mật chẳng truyền của hết thầy ngoại đạo, những lời nói nhăng nói cuội tự xưng là “thật sự được tâm truyền của Phật, Tổ” cần gì phải nhắc đến nữa! Tu chính xong xuôi, sắp giao cho thợ in, lại nhận được bài Phát Lộ Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ gửi đến. Đây cũng là một sự chỉ dạy đường về nơi ngõ

rẽ lớn lao rất phổ thông; do vậy, bèn đem in kèm vào sau sách hòng lưu thông rộng rãi để làm gương soi cho người khắp cõi đời vậy!

68. Lời tựa giải bày ý nghĩa việc Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Chuyện ăn thịt là chuyện kỳ quái nhất, nhưng do quen làm đã lâu, chẳng biết là sai, ngược ngạo coi đó là lễ. Vì thế, tế trời đất, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa đều dùng thịt làm vật biểu thị tấm lòng cung kính. Thánh nhân thế gian chẳng nói đến sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, cũng tùy thuận tâm tình của thế tục mà làm theo, nhưng vẫn ra rả về đạo “thương dân, yêu vật”. Suy từ lòng nhân yêu thương loài vật của thánh nhân, đủ biết sự vô nghĩa của việc dùng thịt nhằm biểu lộ lòng thành, lòng hiếu thảo, hay lòng cung kính! Để biểu thị tấm lòng thành, hiếu thảo, cung kính của ta, hãy nên dùng những món hết sức nhân từ, tươi tắn, thanh tịnh thì mới nên, sao lại dùng những con vật hết sức ô uế như heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v... Chúng đang sống sờ sờ lại đem giết chết. Lúc những con vật ấy chết, nỗi đau đớn thảm khốc, lòng oán hận khó thể tuyên nói được. Người có lòng nhân sao nỡ giết những con vật ấy để biểu thị tấm lòng của chính mình ư? Hãy thử suy nghĩ xem lòng thành kính ấy có phải là lòng thành kính thuận lý hay không? Hay là lòng thành kính trái đức vậy? Người nhân cúng giỗ tổ tiên còn tìm thóc từ nơi người có lòng nhân. Nay cầu món thịt bị giết, bị chặt mà là thành kính hay sao?

Do vậy, nói: Sát sanh để tế trời đất chính là trái nghịch đức hiếu sanh của trời đất, thiên thần địa kỳ há coi những con vật ô uế ấy là thơm sạch mà hâm hưởng hay sao? Phàm những kẻ cúng tế chỉ là

muốn mượn có đó để ăn những thứ đồ cúng đầy thôi! Đối với chuyện cúng tế tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, hãy nên nghĩ cách có ích cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa thì mới hợp lý. Nay dùng sát nghiệp cực thảm khốc để biểu thị tấm lòng hết sức thành kính của ta, khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa đều phải mang lấy cái họa do sự giết chóc thì tấm lòng thành kính ấy chính là họa hại, chứ chẳng phải là thành kính! Huống chi hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, chẳng càng ra sức cứu vớt, lại ngược ngạo biểu thị lòng thành kính của ta bằng cách ra tay sát hại ư?

Kinh Phạm Võng dạy: *“Nếu là Phật tử thì do lòng Từ nên thực hiện chuyện phóng sanh. Hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta. Ta đời đời không lúc nào chẳng được họ sanh ra. Vì thế, chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt tức là giết cha mẹ ta vậy”*. Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê, chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh đến hết đời vị lai. Người thiếu mạng ta, ta trả nợ người. Do nhân duyên ấy, trải trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử!”* Phẩm Đoạn Thực Nhục (bỏ ăn thịt) của kinh Nhập Lăng Già dạy: *“Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân ái, tôi tớ, đổi sang kiếp khác lại mang những thân cảm thú v.v... Sao lại giết chúng để ăn thịt?”*

Người đời chỉ biết đời hiện tại, chẳng biết đến quá khứ, vị lai. Vì thế, giết thân chúng nó để no ứ bụng ta, coi đó là lẽ đương nhiên. Nếu biết đời đời kiếp kiếp phải đền trả lẫn nhau, cũng như ta và những con

vật ấy là cha mẹ, anh em, quyền thuộc của nhau, sanh ra nhau, là oán gia đối đầu của nhau, giết lẫn nhau, đừng nói chẳng dám tự ăn, dù té lể trời đất, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa cũng chẳng dám dùng thịt! Bởi lẽ, thịt là vật do tinh huyết tạo thành, nói trời đất thần thánh hưởng những thứ ấy, khác gì vu báng các ngài ăn thịt người! Cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, nào khác giết tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong quá khứ để cung phụng tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại, lại còn khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại bao kiếp phải thường chịu quả báo giết hại ư?

Chớ nói con người luân hồi thành súc vật là chuyện mờ mịt khó thể tra cứu, sử sách đã ghi chép nhiều không thể kể xiết! Ngay cả những chuyện thấy nghe gần đây cũng chẳng ít gì! Vì thế, đương nhiên phải tin tưởng sâu xa, đừng tạo sát nghiệp, do đã tạo sát nghiệp ắt sẽ phải chịu sát báo! Kinh dạy: *“Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”*. Sợ nhân thì chẳng gây nhân giết chóc, sẽ tự chẳng có sát báo. Sợ quả chỉ là uổng công kinh sợ, trọn chẳng có ích gì! Ông Châu Thiện Xương ở Du Diêu từ sau khi quy y chẳng ăn đồ mặn, do năm sau nhằm đúng dịp ông phải lo liệu cỗ bàn cúng giỗ vị tổ đời thứ hai mươi chín là Liễu Am Công. Những vật phẩm để cúng từ trước đến giờ đều có lệ nhất định rồi, chẳng được thay đổi. Ông ta đã bàn bạc sẵn biện pháp với tộc thúc tổ (ông chú trong họ) là cụ Sở Thường. Cụ Thường là người thông suốt, hiểu lý, hết sức tán thành. Bèn vào ngày Đông Chí, tập hợp cả họ bàn bạc, kể từ năm sau trở đi, từ rày giỗ tổ nhất loạt dùng đồ chay, chẳng dùng cỗ mặn. Mọi người đều cùng chấp thuận, vĩnh viễn lấy đó làm lệ

nhất định, cây tôi viết lời tựa để con cháu đời sau và những người thấy nghe ai nấy đều hành lòng hiếu chân chánh. Do vậy, bèn nói đại lược nguyên do như thế đó.

69. Lời tựa cho bản Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh được viết bằng lời chữ Khải

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Thật Tế lý địa chẳng lập mảy trần, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều khó xưng nói. Về phương diện tu trì, cần phải đầy đủ các đức. Nếu thiếu một pháp, chẳng thể chứng Pháp Thân được! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ta trong trần điểm kiếp trước đã sớm thành Chánh Giác, vì độ chúng sanh bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, ẩn giấu thánh đức, thị hiện chưa ngộ giống như chúng sanh để làm gương cho muôn loài. Xuất gia, tu đạo, đến lúc sao Mai vừa lộ dạng, hoát nhiên đại ngộ, than rằng: *“Lạ thay, hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí đều được hiện tiền”*. Do vậy, trong hội rộng lớn như biển, những vị tụ họp như mây nhóm về thế giới Hoa Tạng đều là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, tức các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị. Trong Bồ Đề Tràng và sáu nơi khác, nói Nhất Chân pháp giới tịch chiếu viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai, lý tánh chẳng thể gọi là có hay không, và sự tu nhân chứng quả của các giai đoạn từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác cho đến Diệu Giác Phật Quả.

Vì thế, biết: Lý do sự hiển, sự do lý thành, lý sự viên dung mới hợp Phật đạo. Đòi có kẻ cuồng chuyên trọng lý tánh, chẳng chuyên chú sự tu, trên là trái nghịch lời Phật dạy, dưới là phụ bạc tự tâm, tự làm, làm người, thật đáng thương xót! Kinh này gồm tám mươi một quyển, ba mươi chín phẩm, Thanh Lương quốc sư chia thành bốn phần Tín - Giải - Hạnh - Chứng. Lại gọi sáu phẩm thuộc phần Tín là Sở Tín Nhân Quả Châu. Ba mươi một phẩm kinh thuộc phần Giải được chia thành hai Châu: Hai mươi chín phẩm đầu gọi là Sai Biệt Nhân Quả Châu, hai phẩm sau gọi là Bình Đẳng Nhân Quả Châu. Phần thứ ba là Hạnh gồm một phẩm kinh, được gọi là Thành Hạnh Nhân Quả Châu. Phần thứ tư là Chứng gồm một phẩm kinh, được gọi là Chứng Nhập Nhân Quả Châu.

“Châu” có nghĩa là sự lẫn lý đều trọn đủ, không bị khiếm khuyết. Đại cương của trọn bộ kinh đã được nêu ra hết sạch, y theo đây để tu trì sẽ đạt thẳng tới chỗ sâu thẳm. Tám hội trước trọn chẳng có phạm phu, Nhị Thừa. Tuy có thiên long bát bộ, nhưng đều là bậc đại quyền thị hiện, chẳng thật sự là phạm phu bị trói buộc bởi nghiệp. Một hội cuối tuy có Thanh Văn như ngài Xá Lợi Phất v.v... dẫu đã chứng thánh quả, nhưng ở trong hội chẳng thấy được Pháp Thân thắng diệu của đức Như Lai, chẳng nghe diệu lý viên đốn Nhất Thừa, chỉ thấy thân ứng hóa của Như Lai và nghe pháp sanh diệt Tứ Đế mà thôi. Đây gọi là *“một thân hiện tướng, nhưng thấy thù thắng hay kém hèn khác biệt; một âm thuyết pháp, nhưng nghe thành pháp Thiên hay Viên khác biệt”*. Đến khi ngài Văn Thù đến trước Đại Thập Miếu nơi Phước Thành, Thiện Tài

thân cận Văn Thù, đã chứng trọn tâm Thập Tín rồi, vâng lời ngài Văn Thù dạy, đi về phương Nam tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức, đầu tiên tham kiến ngài Đức Vân, liền chứng Sơ Trụ. Từ đấy, hễ nghe liền chứng, cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền, Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, khiến sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền liền vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, nhiệm màu của Như Lai, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Kinh này dạy rõ trọn vẹn nhân quả thành Phật trong một đời, lấy cầu sanh Tây Phương làm chỗ kết quy. Đủ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Trong đời có hạng hành nhân miệt thị nhân quả và Tịnh Độ đều là vì chẳng biết nhân quả và Tịnh Độ chính là căn bản để thành Phật, cứ tưởng điều đó chỉ thích hợp cho hàng ngu phu ngu phụ đến nỗi tự đánh mất lợi lành.

Cư sĩ Tào Tung Kiền dốc lòng tin tưởng Phật thừa, mang tâm tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha, làm những chuyện giúp ngặt cứu nghèo, cứu trợ tai nạn, cứu khổ, hơn mười năm qua miệt mài gắng sức, tận lực thực hiện việc lành, tốn kém chẳng ít. Mười chuyện dự tính thực hiện lúc đầu, nay chỉ còn hai chuyện chưa thể tiến hành. Do quyên mộ khó khăn nên phát tâm chép toàn bộ kinh Hoa Nghiêm để mong những nhà đại từ thiện thỉnh về thọ trì, đọc tụng, rồi sẽ chẳng tiếc khoản tiền lớn

lao để thành tựu hai việc lành ấy thì người chép, kẻ thọ trì đều thực hiện được Tài Thí lẫn Pháp Thí. Những kẻ nghèo khổ kia do được che chở đều sanh lòng cảm kích xưng niệm Phật hiệu sẽ có thể trong đời này hoặc trong tương lai vãng sanh Tây Phương, đều là do việc chép kinh và tụng kinh phát khởi. Công đức ấy há thể nói tận ư?

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên có câu: *“Nếu Bồ Tát có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật. Nếu tôn trọng, thừa sự chúng sanh, chính là tôn trọng và thừa sự Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ sẽ khiến cho hết thảy Như Lai hoan hỷ. Vì sao? Do chư Phật Như Lai dùng lòng đại bi làm thể, do nơi chúng sanh mà khởi đại bi. Do nơi đại bi mà sanh tâm Bồ Đề. Do tâm Bồ Đề thành Đẳng Chánh Giác”*. Do vậy biết: Cha trời mẹ đất, dân là ruột thịt, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng là chuyện phải tùy theo khả năng mà gắng thực hiện vậy! Quang then chẳng có tài lực, lại không có đạo đức, cảm động trước tấm lòng thành vì dân nghèo của ông ta, lược thuật đại ý kinh này để mong người thấy kẻ nghe đối với hai việc cứu giúp người nghèo và niệm Phật sẽ đều phát tâm ngỗ hầu chẳng đến nỗi vốn sẵn Phật tánh có thể thành Phật mà lại chìm đắm dài lâu trong tam đồ lục đạo, oan uổng chịu khổ sở chẳng thụ dụng được!

70. Lời tựa cho bản chép kinh Pháp Hoa

(năm Dân Quốc 22 -1933)

Kinh Pháp Hoa nghĩa lý rộng sâu, công đức rộng lớn, khai Quyền hiển Thật, thọ ký Thanh Văn thành Phật, việc lành “tán tâm niệm Phật và gior tay, cúi đầu” cũng đều là cái nhân để thành Phật trong vị lai. Khai Tích hiển Bản, dạy rõ Như Lai thọ lượng vô biên, quyền thuộc

nơi Bốn Địa và diệu dụng lợi sanh của bậc đại sĩ cũng được tỏ rõ triệt để về mặt Bốn lần mặt Tích, khiến cho khắp hết thầy chúng sanh đều cùng biết nỗi khổ luân hồi bao kiếp là huyễn vọng, biết Phật tánh sẵn có nơi chân tâm. Từ đó, trên là ngưỡng mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, mau chứng Vô Sanh như trong phẩm Dược Vương Bốn Sự đã dạy. Thỏa mãn bản hoài xuất thế của Như Lai, là sự hướng dẫn tốt lành cho chúng sanh trong chín giới. Lợi ích ấy nếu không phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy, hễ ai đọc tụng, thọ trì, biên chép, lưu thông, thì công đức ấy phàm phu trong thế gian, Nhị Thừa chẳng thể nào suy lường được!

Tôi thường nói: “Muốn được lợi ích chân thật nơi Phật pháp thì phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính liền tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước huệ”. Phàm những ai đọc tụng, thọ trì, biên chép, đều phải giữ thân - khẩu - ý trong sạch, cạn lòng thành, kiệt lòng kính như trung thân tuân phụng thánh chỉ của minh chúa, như hiếu tử đọc di chúc của từ thân (cha mẹ nhân từ), cung kính run sợ, chẳng dám coi thường thì vô biên lợi ích sẽ tự đích thân đạt được. Nếu khinh mạn, không kính nể, mặc lòng khinh nhờn, cũng giống như những nhà Nho đọc sách Nho trong thời gần đây, trọn chẳng có ý tưởng giống như đang đối trước thánh hiền, chẳng dám nghĩ tưởng dễ dãi, những kẻ đọc tụng theo kiểu khinh nhờn ấy tuy cũng có thể gieo được thiện căn đặc độ trong tương lai, nhưng cái tội khinh nhờn, ngạo mạn thật chẳng cạn nhỏ! Vì thế, chẳng thể không chú

ý! Do cư sĩ Khế Thành Tào Tung Kiều kính cẩn chép kinh này, muốn cho những người thọ trì đọc tụng sau này đều được lợi ích chân thật, nên cậy tôi lược thuật ý nghĩa. Do vậy, tôi bèn viết bài tựa này để tặng cho. Nếu chẳng coi lời tôi sai lầm thì lợi ích đạt được sẽ chẳng thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được đâu!

71. Lời tựa cho tập sách Thượng Hải Hộ Quốc Túc Tai Pháp Hội Pháp Ngữ

(năm Dân Quốc 25 -1936)

 Án Quang tôi là một ông Tăng phàm tục ở Tây Tân chỉ biết đến cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì; túc nghiệp sâu nặng đến nỗi trời phải quở trách. Mới sanh được sáu tháng đã mắc bệnh mắt, trong suốt một trăm tám mươi ngày không mở nổi mắt. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Nhờ thiện lực xưa, may còn được thấy ánh mặt trời, cũng may mắn lắm! Đến tuổi thiếu niên đọc sách, lại bị hãm vào vực xoáy bóng Phật của Trình, Châu, Âu, Hàn. Từ đấy, hằng ngày chuyên chí bác Phật, nghiệp tướng lại hiện, bệnh tật triền miên. Tận lực nghĩ ngợi, suy xét cặn kẽ mới biết lỗi đó; năm hai mươi một tuổi, xuất gia làm Tăng. Nhân thấy Tăng chúng có kẻ chẳng như pháp nên phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thâm đồ đệ, chẳng hóa duyên, chẳng cùng ai kết xã lập hội. Hơn năm mươi năm chẳng đôi chí ban đầu, sống lẩn quất gần Ngô Môn. Đầu tháng Chín, Lý Sự Trưởng (hội trưởng) hội Phật Giáo Trung Quốc là pháp sư Viên Anh, các vị lãnh tụ của Bồ Đề Học Hội như cư sĩ Khuất Văn Lục v.v... thấy Quang tuổi cao, ngỡ tôi có chút tâm đắc, nào hay tôi chỉ biết húp cháo nuốt cơm, họ thỉnh tôi khi pháp hội Túc Tai Hộ Quốc khai mạc,

sẽ đến đất Hồ diễn thuyết. Cố sức từ chối chẳng được, chỉ đành đem điều mình hiểu biết lầm lạc bù đắp sự lầm lạc.

Đến kỳ, mỗi ngày ông Đặng Huệ Tải và hai ba vị cư sĩ ở Vô Tích đều dùng máy thu âm thu lại, nghe băng chép ra, mang đến xin tôi giám định, tính đem ấn hành. Những bản sao lục này có vài điểm sai khác đôi chút, nhưng bản sao của ông Đặng chép chữ to, nên tôi dựa theo đó, sửa đổi, tóm tắt lại. Cáo bản này bậc thông huệ chẳng cần xem đến, còn ai ngu độn như Án Quang tôi mà lại muốn ngay trong đời này kết liễu đại sự sanh tử và muốn trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, nhưng chẳng biết bắt đầu từ đâu, xem đến cáo bản này họa chẳng có điều bổ ích vậy.

72. Lời tựa cho niên san của Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã tại Vô Tích

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, hễ y theo một pháp nào dùng Bồ Đề tâm để tu trì thì đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng trong khi tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm khác biệt lớn lao! Tìm lấy một pháp chí viên, chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý, khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp cả ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn độn căn lẫn lợi căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho người, trời, phàm, thánh chứng Chân thì không gì bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương! Ấy là vì hết thầy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật lại kiêm nhờ vào Phật lực. Cậy vào tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, sẽ có thể cao

đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì trọn chẳng còn hy vọng gì hết!

Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ pháp pháp viên thông. Như vàng mặt trăng sáng ngời giữa trời, dòng sông nào cũng đều hiện bóng, thủy ngân rót xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thể, yên dân, giữ cho nước nhà yên ổn, đều có lợi ích lớn lao thân diêu; mà ngay như cả sĩ, nông, công, thương muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, nam, nữ muốn tiêu diệt tật bệnh, khổ não, không ai chẳng “hễ cảm liền ứng, vừa lòng mãn nguyện”. Nay lòng người suy hãm, cõi đời rối ren đến cùng cực, phé kinh điển, phé luân thường, bỏ lòng hiếu, vút lòng thẹn, tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau, đủ mọi tà thuyết bạo hành được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn, chắc đạo làm người sẽ gần như diệt mất. Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu bày nhân quả ba đời, tỏ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Sa Bà trước ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong thời buổi này sẽ dẹp trừ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lại lễ nghĩa, sống thì dự vào địa vị thánh hiền, liễu sanh thoát tử, mất sẽ trở về cõi Cực Lạc.

Ở Vô Tích, các cư sĩ Dương Tiểu Lệ, Tàn Hiệu Lễ, Viên Lệ Đình, Tào Bội Linh v.v... lập một Tịnh nghiệp xã tại chùa Sùng An, mông Một, ngày Rằm mỗi tháng tụ họp mọi người niệm Phật, đồng thời diễn thuyết đạo “sống trong cõi trần học đạo, nơi rầy báỉ báo quốc, giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” và pháp “thật vì sanh tử, phát Bồ

Đề tâm, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ” ngõ hầu hết thảy mọi người biết duyên do “ai nấy đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật” sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chuyên chú mong thành thánh, học Phật. Đây thật sự là pháp môn đại phương tiện để “chẳng có địa vị mà hộ quốc cứu dân, chẳng tỏ lộ hình tích mà thay đổi phong tục”. Nay đã thực hiện được tròn một năm, thành tích của tất cả những việc lành đã thực hiện và những kinh phí chi ra, thu vào mỗi mỗi đều liệt kê trong sách để bố cáo, cậy tôi soạn lời tựa để nêu sơ lược đại ý vậy.

73. Lời tựa trình bày duyên khởi của Đôn Luân Liên Xã

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh, Phật, phàm, thánh, ai nấy đều có. Chúng sanh thì toàn thể là mê trái nên dầu có vẫn như không. Phật thì triệt ngộ, triệt chứng, đích thân được thọ dụng, lại còn dây lòng đại từ bi, đem sở ngộ sở chứng của chính mình chỉ dạy hết thảy chúng sanh ngõ hầu họ đều triệt ngộ, triệt chứng mới thôi! Nhưng vì chúng sanh mê muội, trái nghịch đã lâu, dù nghe đủ mọi pháp môn đối trị, nhưng bởi Hoặc nghiệp sâu dày, phước huệ cạn mỏng nên khó lòng đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này. Do đã khó thể đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này nên lại phải thọ sanh, quá nửa bị mê mất, đến nỗi trải kiếp lâu xa luân hồi sanh tử, không do đâu thoát lìa được! Đức Như Lai thương xót, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn đều nương vào đại bi nguyện lực của đức Phật Di Đà cùng trong đời này thoát cỏi Sa Bà đây, sanh về cỏi

Cực Lạc kia, khiến cho kẻ đã đoạn Hoặc mau chứng Vô Sanh, kẻ chưa đoạn Hoặc cũng lên Bất Thoái.

Pháp này vừa cạn vừa sâu, vừa là Quyền vừa là Thật, thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này. Vì thế, bậc đã chứng Đẳng Giác còn phải dùng mười nguyện dẫn về, kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cõi này. Do vậy, kẻ sắp đọa A Tỳ địa ngục vẫn có thể dự vào chín phẩm. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai, là đạo thông đạt để chúng sanh thoát khổ. Vì thế, các vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ... các tổ sư như Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh... đều cùng hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, phát tâm Kim Cang để lưu truyền rộng khắp; bởi pháp này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này thì làm sao yên được?

Tần Xuyên chính là cõi đất hoằng dương Tịnh Độ của các đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật v.v... xưa kia, hết thầy tứ chúng xưa kia cũng đã gieo thiện căn sâu đậm, nhưng do từ sau đời Đường hiếm có người hoằng dương pháp này đến nỗi túc căn chẳng thể phát sanh tăng trưởng, đáng than thay! Gần đây thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có tâm lo cho thế đạo đều cùng đề xướng Phật học, bởi trong đời hiện thời nếu chẳng cực lực đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi... thì thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, muốn cho con người chẳng ăn nuốt lẫn

nhau há có được chẳng? Nếu chẳng đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trì trai, ăn chay thì sát kiếp ngập trời làm sao dứt được? Nếu chẳng đề xướng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, chẳng thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, những tà thuyết bạo hành sẽ khiến cho nhân dân trong khắp cõi đời cùng mắc nỗi khổ tử vong. Nếu chẳng đề xướng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lục đạo luân hồi ai có thể thoát được? Đây chính là lý do những bậc quân tử hiểu lý đề xướng Phật học trong thời gần đây.

Phật pháp chứa trọn cương thường, luân lý thế gian, lại còn nói rõ quả báo thiện ác do trọn hết hay không trọn hết tình nghĩa, bốn phận. Quả thật là đạo trọng yếu để trị quốc bình thiên hạ. Những kẻ đố kỵ là vì chẳng suy xét nghĩa lý, bài xích xằng bậy, nói nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi đều là những lời Phật dối trá để bịp người! Do vậy, mọi người đều coi nhân quả luân hồi là chuyện mộng lung, khi gió Âu vừa thổi qua, đều tranh nhau hòa theo. Nếu tin sâu nhân quả luân hồi, những tà thuyết ấy dù có dữ dội đến mấy, làm sao gây mê hoặc rồi ren cho được? Đây chính là nguyên do các nơi đề xướng Phật học.

Cư sĩ Đức Tấn Ninh Chí Vũ thừa dịp phát khởi, đặc biệt lập một chỗ niệm Phật ở làng mình, đặt tên là Đôn Luân Liên Xã. Do Phật pháp gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, khiến cho ai nấy trọn hết bốn phận, trước hết làm người hiền, người thiện trong thế gian, lại còn sanh lòng tin, phát nguyện khẩn thiết niệm Phật, cậy vào Phật từ lực vãng

sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ngũ hầu đoạn sạch Phiền Hoặc, khôi phục tâm tánh, viên mãn Bồ Đề, thành vô thượng đạo, lại còn dùng sở ngộ sở chứng của chính mình để dẫn dắt hết thảy hàm thức. Nguyên những người cùng quê với tôi đều cùng đầy lòng tin tưởng, tu tập thì may mắn lắm thay!

74. Lời tựa cho việc ông Triệu Vận Xương thỉnh bộ Đại Tạng Kinh bản đời Tống được in theo lối ảnh ấn

(năm Dân Quốc 22 -1933)

Ông Triệu Vận Xương ở trấn Bao Trường thuộc Nam Thông đời đời kế thừa đức hạnh, đời đời vừa cày vừa học, chỉ tu tước vị cõi trời, chẳng màng vinh hoa cõi thế, tin sâu nhân quả, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, muốn cho con cháu đời đời vĩnh viễn vâng giữ chẳng để suy sụp, nên đặc biệt thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh bản đời Tống, thờ nơi Phật Đường trong nhà để mong con cháu và những người trong họ đều được thọ trì, đọc tụng, chẳng đến nỗi sống uổng, chết phí, cậy Quang viết lời tựa để dạy hậu thế. Do hội ấn tống Đại Tạng Kinh bản đời Tống theo lối ảnh ấn đã sai Quang viết lời tựa, Quang bèn chép nguyên văn lời tựa ấy và lược thuật ý niệm thương yêu con cháu, họ hàng sâu xa của ông Triệu. Nguyên những người thấy nghe sẽ liền tùy phần tùy sức thực hành, đừng chỉ như gã si đã đến núi báu vẫn trở về tay không, thì chẳng những không cô phụ sự giáo hóa của đức Phật mà cũng chẳng phụ tánh linh của chính mình, và cũng an ủi được một phen dốc hết tâm ý thỉnh kinh của ông Triệu vậy.

75. Lời tựa cho bài luận Khuyến Tu Pháp môn Niệm Phật

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, quả thật đạo màu nhiệm thành thủy thành chung để Như Lai trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Thệ nguyện của đức Di Đà cả chín giới đều được nương nhờ, chính là khuôn mẫu tốt lành “*tâm làm, tâm là*” để chúng sanh mau thoát biển khổ, mau dự vào Liên Trì. Pháp này là pháp môn đặc biệt nương vào Phật lực trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể luận định giống như hết thầy các pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật cậy vào tự lực! Cõi đời phần nhiều chẳng suy xét, kẻ hơi thông minh thì đa số kiêu căng về trí lực của chính mình, chẳng chịu tu trì, lại còn miệt thị những ai tu trì pháp này, coi khinh là ngu phu ngu phụ, như sợ bị dính bản vậy! Do vậy, nhường đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này cho hàng ngu phu ngu phụ, còn chính mình chẳng muốn đạt được, chẳng đáng buồn ư? Họ chẳng biết pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, là pháp môn bất nguồn và quy túc của hết thầy pháp môn. Do vậy, hết thầy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không pháp nào chẳng trở về pháp giới này.

Nếu đã đoạn sạch Tam Hoặc, chứng trọn vẹn Tứ Đức thì không tu pháp này cũng chẳng sao! Nếu vẫn chưa đạt đến địa vị này, xin hãy theo gót những vị Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác trong Hoa Tạng hải chúng để nhất trí tiến hành, dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm mong mau tròn Phật quả. Người được như thế có thể gọi là đại trí huệ, là đại trượng phu, đã hoàn tất sự nghiệp thế gian lần xuất thế gian vậy. Lại còn phải

làm giống như những vị Quán Âm, Phổ Hiền... sau khi đã chứng được Phật quả liền tùy loại hiện thân hoằng dương pháp này ngộ hậu chúng sanh đều được thành Phật đạo mới thôi.

Quang túc nghiệp sâu nặng, hơn năm mươi năm luống dưng vào hàng Tăng chúng, hết thấy các pháp đều chẳng biết được một pháp nào, tuy thường niệm Phật nhưng do nghiệp nặng nên tâm chưa hề tương ứng với Phật. Nhưng tin tưởng Phật chẳng nguyện hư vọng, sẽ chẳng vứt bỏ ta, vì thế dẫu là ai cũng chẳng chuyên chí nguyện của Quang được. Gần đây pháp sư Viên Anh nhân lúc giảng diễn các kinh được rảnh rỗi, đã soạn bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật, muốn lưu truyền, gửi thư sai Quang viết lời tựa. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, đã tạ tuyệt những chuyện sai khiến viết lách từ lâu. Nay may mà pháp Niệm Phật lại được có người đề xướng bèn tóm nêu đại ý cho xong trách nhiệm vậy!

76. Lời tựa cho sách Trập Viên Trát Ký

Đời loạn đến tột cùng hết thuốc chữa! Người có chí sao nữ ngồi nhìn? Tuy sống nơi rẫy bãi, nhưng những bàn luận trong gia đình, bầu bạn, chưa hề chẳng phải là lời hay ý đẹp để cứu vãn thế đạo nhân tâm vậy! Ông Trần Đôn Phục ở Sở Kỳ, pháp danh là Huệ Phục, đem những ngôn luận trong lúc thù tạc giữa gia đình và thân hữu, chọn lấy những điều trọng yếu biên soạn thành sách. Bạn bè khuyên đem in, do vậy bèn đem bản thảo gửi cho Quang, xin giám định. Quang đọc xong, thấy những lời lẽ lập luận vốn lấy ý từ sách Nho, nhưng ý nghĩa chẳng trái Phật pháp, nếu có thể y theo đó tự tu thì sự nghiệp mong thành thánh thành hiền nơi mọi người há nào khó thấy!

Lòng người đã chết, chẳng dễ vẫn hồi. Khổng Tử chẳng từng nói như thế này đó sao? “*Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tòng hồ? Cải chi vi quý, tổn dữ chi ngôn, năng vô duyệt hồ? Dịch chi vi quý, duyệt nhi bất dịch, tòng nhi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dĩ hỹ*” (Lời thánh nhân nói, chẳng thể không nghe theo ư? Sửa đổi lỗi lầm mới quý. Lời nói mềm mỏng, ai mà chẳng vui? Suy xét tìm ra đầu mối mới quý. Chứ vui sướng rồi không chịu suy xét tìm ra đầu mối, chỉ nghe theo lời thánh nhân mà chẳng sửa đổi, rốt cuộc ta phải làm như thế nào đây). Cõi đời lúc này, lời thánh nhân, lời mềm mỏng đều khó tạo được lợi ích vì không có ba ý niệm kinh sợ, chỉ toàn là khoe khoang tài năng của chính mình. Nghe lời thánh nhân bèn vỗ gươm đứng dậy, nghe lời mềm mỏng bèn coi như gió lùa qua cây, dầu là bậc trí đức như Châu Công, Khổng Tử cũng chỉ có thể nói: “*Rốt cuộc ta phải làm như thế nào đây!*”

Nhưng trong khi không thể bày ra cách nào, chẳng ngại gì lập riêng một pháp. Do thế đạo đã loạn, lòng người đã chết là vì chẳng nói đến nhân quả, chẳng bàn đến giáo dục trong gia đình. Nếu có thể chú trọng hai việc này thì người người đều biết nhân quả, nhà nhà đều có giáo dục, hết thảy những lời của thánh nhân, những câu mềm mỏng đều trở thành những câu nói thường nhật trong gia đình, không một ai chịu bỏ một ngày không nhắc tới. Quang thường nói: “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh*”. Dạy con là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn, vì có hiền nữ thì mới có hiền thê, hiền mẫu. Con cái do hiền mẫu sanh ra đều là hiền nhân. Đây là nguyên do tại sao ba

bà Thái khiến cho nhà Châu được hưng thịnh, đời sau xưng tụng nữ nhân là Thái Thái. Vì thế lại nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ, phụ nữ nắm quá nửa vì sự giáo dục của mẹ là cội gốc vậy*”. Nguyện những người đọc đều cùng chú ý!

III. KÝ

1. Bi ký trình bày sự thần dị của suối Bát Công Đức thuộc Tam Thánh Thiên Viện núi Phổ Đà

Quán Thế Âm Bồ Tát tùy loại hiện thân trong mười phương thế giới, tâm thanh cứu khổ, nhưng vẫn lấy Phổ Đà làm cuộc đất ứng hóa, là vì muốn cho hết thầy tử chúng có chỗ để gieo lòng thành. Sự từ bi linh cảm của Bồ Tát cố nhiên ai nấy đều biết rõ, ngay cả một hòn đá, một giòng nước, không gì chẳng tỏ rõ dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát. Những hòn đá kỳ lạ ở Phổ Đà cố nhiên nhiều lắm, nhưng chỉ có Bàn Đà Thạch là bậc nhất. Người hiểu lý trông thấy tảng đá này thì thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát chẳng cần phải đợi nói tường tận mà sẽ đều ngộ giải cả. Những cuộc đất gần biển thì nước đều mặn chát, chẳng thể dùng để uống được; vậy mà khắp núi Phổ Đà nước đều ngọt ngào, tuy là cuộc đất ở sát bên biển mà trọn chẳng có nước mặn, nhưng con suối Bát Công Đức thật là bậc nhất!

Theo Sơn Chí, vào thời Vạn Lịch nhà Minh, vị Tăng tên Đại Phương dựng lều tranh nơi đây. Năm Vạn Lịch ba mươi (1602), nội giám Trương Tùy, Đãng Lễ vâng chiếu đốc thúc xây cất điện chứa kinh, nhàn du đến nơi đây, uống nước thấy ngọt ngào, nghe Tăng chúng kể lại dấu hạn hán hay lũ lụt, nước suối vẫn không tăng, không

giảm, hễ cầu mưa ắt lấy nước từ nơi đây, liền quyên tiền dựng Tam Thánh Đường, đặt tên cho con suối ấy là Bát Công Đức. Ấy là phỏng theo tên nước trong ao bảy báu nơi Cực Lạc thế giới. Suối Bát Công Đức do Tam Thánh Đường mà được tên, Tam Thánh Đường do nước tám công đức mà khởi đầu; ấy gọi là do thời tiết nhân duyên cho nên có chuyện chẳng mong cầu mà tự được! Theo kinh Phật, nước ở cõi Cực Lạc có tám công đức là:

- 1) Trong treo: Khác với nước ở phương này thường như đục.
- 2) Sạch mát: Khác với phương này nước thường lạnh hay nóng.
- 3) Ngọt ngào: Khác với phương này nước thường mặn, nhạt, hay vị rất tệ.
- 4) Mềm nhẹ: Khác với phương này nước thường nặng nề.
- 5) Trơn láng, tươi tắn: Khác với phương này nước thường tù đọng, màu sắc ử dột, bệch bạc.
- 6) An hòa: Khác với phương này nước thường chảy xiết, dữ dội.
- 7) Trừ đói khát: Khác với phương này, nước thường gây cảm giác lạnh lẽo.
- 8) Trưởng dưỡng các căn: Khác với phương này nước gây tổn hoại các căn và tạo ra tật dịch, tăng thêm bệnh tật, chết chìm v.v...

Chúng sanh đời trước nghiệp lực sâu nặng đến nỗi nước cõi này không có những công đức, lực dụng ấy. So với những loại nước thông thường khác, nước suối Bát Công Đức có rất nhiều công đức. Vì thế, đặc biệt nêu rõ để tỏ bày dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát ngũ hầu những người sống trong núi và những ai đến núi chiêm bái sẽ từ

mỗi tảng đá, mỗi giòng nước đều có thể ngộ sâu xa thường lý viên thông, hòng lấy tâm Bồ Tát làm tâm của chính mình, lấy sự nghiệp của Bồ Tát làm sự nghiệp của chính mình vậy!

2. Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu

Tịnh nghiệp tại núi Linh Nham

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Kinh Hoa Nghiêm màu nhiệm lý sự viên dung, Lý do Sự hiển, Sự do Lý thành. Lý lẫn Sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng Tỳ Lô Pháp Thân. Vì thế, lúc đức Như Lai mới thành Chánh Giác bèn cùng với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác nói các pháp môn và các pháp nhân quả do đức Như Lai đã tự chứng. Nhân quả chính là Sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là Nhất Chân pháp giới, Chân Như Phật Tánh tịch - chiêu viên dung, bất sanh, bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật Tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh; chúng sanh do triệt để mê nên hằng chịu nỗi khổ huyễn vọng sanh tử luân hồi. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi phủ cả kiếp, tuy có ánh sáng chiếu trời soi đất nhưng không do đâu tỏ lộ để thụ dụng được. Vì thế, nhờ vào các vị Bồ Tát cùng nhau xướng đáp để nói ra các pháp môn Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác. Lại còn dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc để mong viên mãn Phật Quả. Đây chính là đức Như Lai dùng nhân quả tự chứng để làm một khuôn mẫu lớn lao hòng dạy khắp hết thầy chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng

đắc. Kinh Hoa Nghiêm riêng thích hợp cho căn cơ Đại Thừa; chứ Nhị Thừa, phàm phu chẳng thể vâng nhận được! Vì thế, trong hội Phương Đẳng, đức Phật đặc biệt nói ra ba kinh Tịnh Độ để dù phàm hay thánh đều cùng chuyên chú tu trì, ngõ hầu trong đời này thoát khỏi cõi Ngũ Trược đây, lên được cõi sen chín phẩm kia.

1) Trong núi Linh Thứu nước Ma Kiệt Đề, đức Phật nói đến nhân địa đầu tiên của đức Phật A Di Đà: Bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện, lại trải qua nhiều kiếp dài lâu tu hành đúng như lời nguyện cho đến khi phước huệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm, màu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ Tát và hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại lẫn phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp đều được vãng sanh, được bình đẳng nhiếp thọ. Đây là Vô Lượng Thọ Kinh.

2) Trong vương cung nước Ma Kiệt Đề, nói ba phước Tịnh nghiệp, mười sáu phép Quán màu nhiệm để hết thấy chúng sanh hiểu rõ những nghĩa *“tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng mà sanh. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Biến nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng mà sanh”* vượt ngoài ngôn ngữ. Nếu có thể hiểu được sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ những nhân vãng sanh của chín phẩm ngõ hầu ai nấy đều tu Thượng Phẩm. Đó là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

3) Nơi vườn Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, nói diệu quả y báo, chánh báo của Tịnh Độ để người nghe sanh lòng tin, khuyên người nghe hãy

nên phát nguyện cầu vãng sanh, dạy hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh Độ. Đầy đủ ba pháp này rồi, hoặc suốt một đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc lâm chung mới được nghe pháp này chỉ xưng mười tiếng, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đây là kinh A Di Đà.

Ba kinh này chuyên nói về Tịnh Độ, nhưng kinh A Di Đà lời lẽ đơn giản, ý nghĩa phong phú, nhiếp thọ căn cơ bậc nhất nên các tông Thiên, Giáo, Luật đều vâng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại Thừa nói kèm về Tịnh Độ nhiều không thể kể xiết, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm quả thật là khai thị mẫu nhiệm nhất về pháp Niệm Phật. Nếu có thể như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há chẳng trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng viên thông, xa là thành Phật đạo ư? Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Phật: Tuy là phàm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện niệm Phật sẽ có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Dù là vị Bồ Tát đã chứng địa vị Đẳng Giác cao cả vẫn phải hồi hướng vãng sanh thì mới viên mãn Phật quả được!

Do vậy biết: Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên sẽ chẳng có gì để viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật lia pháp này thì dưới chẳng có gì để phổ độ quần sanh. Hết thấy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy hạnh môn không hạnh nào chẳng trở về pháp giới này, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành

chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Nhưng pháp môn này do hai đức Thế Tôn hai cõi tạo lập, đức Thích Ca nơi Sa Bà dạy rõ Tịnh Độ để đưa con người đi về cõi Cực Lạc, đức Di Đà nơi Cực Lạc đợi lúc họ lâm chung tiếp dẫn từ Sa Bà về tới Cực Lạc. Ấy là muốn cho chúng sanh thoát được nỗi khổ sanh tử ngay trong đời này, chúng sự vui chân thường. Tâm thương xót, che chở, bảo vệ ấy dẫu hết cả kiếp khó thể nói trọn. Có kẻ bảo: “Đã là đệ tử Phật Thích Ca, hãy nên niệm Thích Ca Mâu Ni Phật cầu sanh Hoa Tạng thế giới trong cõi này”, họ chẳng biết đức Thích Ca dạy niệm A Di Đà Phật là nhằm làm cho hàng phàm phu sát đất nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh. Chỉ có bậc Đại Sĩ đã phá vô minh chứng Pháp Thân mới thấy được Hoa Tạng thế giới của cõi này; phàm phu chỉ thấy uế độ, chẳng thấy được cõi Thật Báo Trang Nghiêm, há nên mong tưởng quá phận! Huống chi Tây Phương cũng nằm trong Hoa Tạng thế giới, mà trong hội Hoa Nghiêm hết thấy các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải đều dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Ông là hạng người như thế nào mà dám chống đối các vị ấy?

Kể từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công lập Liên Xã đầu tiên, một người xướng, trăm người hòa, không ai chẳng noi theo, thỏa thích bồn hoài của Phật chỉ có mỗi một mình pháp môn này là bậc nhất! Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân, tục diệm

truyền đăng, rạng rỡ trong ngoài nước mãi cho đến tận hiện thời, tông phong chẳng suy sụp, nhưng Trí Giả đại sư thuộc tông Thiên Thai, Thanh Lương quốc sư thuộc tông Hiền Thủ, Khuy Cơ pháp sư thuộc tông Từ Ân, Bách Trọng thiền sư thuộc Thiên tông, Đại Trí luật sư thuộc Luật tông, không vị nào chẳng giải thích kinh, soạn luận, khuyên khắp mọi người tu trì. Những sự tích của họ đã được chép tường tận trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Do vậy biết những vị trí thức các tông Thiên, Giáo, Luật đều noi theo Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành cầu sanh Cực Lạc, hưởng chi kẻ căn cơ cạn mỏng đời Mạt Pháp ư? Nhân duyên Linh Nham sáng lập Tịnh Độ đạo tràng đã được chép đầy đủ trong tấm bia thuật duyên khởi xây dựng Niệm Phật Đường trước kia. Nay tu bổ đại điện, đặc biệt nêu rõ nguyên do của pháp môn Tịnh Độ để những bậc thông sáng mai sau có cái để nương tựa, hướng về. Chi phí xây cất và phương danh của người đã quyên tặng được ghi trong một tấm văn bia riêng, không ghi tường tận nơi đây.

3. Bi ký về việc chùa Linh Nham vĩnh viễn trở thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh Độ và công đức xây dựng lần này

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Có được cuộc đất tối thắng thì mới hoàng dương được đạo tối thắng. Tạo dựng chuyện phi thường ắt phải đợi người phi thường. Tuy bi cực thái lai thuộc về vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới thật sự phải nhờ vào con người thực hiện. Núi Linh Nham là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai dựng cung Quán Oa nơi đây, chỉ chuộng dâm lạc, làm ô nhục núi này quá sức! Vì thế, xây xong cung điện chưa được bao lâu liền bị nước tan, mạng mất, đúng là nhân

quả phù hợp nhau. Nếu ông ta lập đức thi thố lòng nhân noi theo phong cách cai trị tốt đẹp của tổ tiên là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung đã lưu lại, ắt sẽ ngang ngửa với Văn Vương trên linh đài, lúc sống được hưởng phước vôi vọi, khi mất để lại thanh danh vang dội, đâu đến nỗi quỳ gối xin được sống cũng chẳng được, rốt cuộc che mặt tự vẫn, gây nhục lây cho tổ tiên ư? Do vậy biết kẻ không có đức cao trội mà có cuộc đất thù thắng, đâm ra lại là cái gốc họa! Nguyên những bậc quân tử đời sau đều lấy Phù Sai làm gương thì lợi ích ấy chẳng thể nào diễn tả được!

Đời Tấn, Tư Không Lục Ngoạn sống tại núi này, do nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa, đây chính là khởi đầu của đạo tràng Linh Nham vậy. Đến đời Lương lại càng được phát triển. Đến đời Đường lại càng thêm trùng hưng. Trong khoảng thời gian ấy, phần nhiều là do hình vẽ của Trí Tích Bồ Tát hiện thân, khơi gợi lòng tin tưởng, ngưỡng mộ của mọi người, khiến cho đạo tràng Linh Nham đứng đầu đất Ngô. Cung khuyết dâm lạc xưa kia nay trở thành cuộc đất thánh đạo tràng, cho thấy các pháp tùy duyên, hễ có người tài giỏi ắt cuộc đất sẽ linh ứng! Những vị Trụ Trì trong đời Tấn, đời Đường chẳng thể tra cứu được. Từ đời Tống cho đến đời Thanh, ngôi Trụ Trì đều do Giáo hải lão long, Thiên quật cự sư, đức hạnh đáng làm bậc thầy gương mẫu cho cả trời lẫn người, đạo tiếp nối được huệ mạng của Phật, của Tổ. Đầu đời Thanh, sư Hoàng Trữ trụ nơi đây, mở mang giảng tòa rộng lớn, điện đường, liêu xá mới mẻ rạng ngời. Thánh Tổ, Cao Tông (Khang Hy, Càn Long) tuần du phương Nam đều nghỉ lại nơi đây, pháp môn hưng thịnh chói ngời xưa nay.

Năm Hàm Phong thứ 10 (1860), gặp cơn binh hỏa, cháy tiêu gần hết. Trong thời Đồng Trị, vị Tăng tên Niệm Thành được ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân hộ trì những mong sẽ dần dần được phục hưng. Năm Quang Tự 18 (1892), vị Tăng tên Biền Ngọc đúc hồng chung, nhưng chưa xây lầu chuông. Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), vị Tăng tên Đạo Minh do bị mất y ca-sa đánh làm kẻ khả nghi, khiến cho dân chúng phần nộ, phải bỏ trốn. Chùa đã không có chủ, tất cả đồ đạc không còn được một vật nào, ruộng đất cũng bị mất mát chẳng ít. Vị hương thân vùng Mộc Độc là Nghiêm Lương Xán khai thỉnh hòa thượng Chân Đạt làm Trụ Trì. Cụ Chân bèn sai học trò là Minh Hú thay mặt trông coi, trước hết dựng lầu chuông.

Đến năm Dân Quốc 15 (1926), đất Ngạc (tỉnh Hồ Bắc) loạn lạc, pháp sư Giới Trần và học trò xuống miền Nam, cụ Chân liền đem Linh Nham giao cho, biến thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh nghiệp vĩnh viễn. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thâm nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc, chỉ quanh năm niệm Phật, chương trình giống như phổ thông Phật thất. Huê lợi ruộng đất chỉ thu được tám chín trăm đồng, hạn định số người sống ở đây là hai mươi vị, nếu chi phí không đủ, cụ Chân sẽ bù đắp, chứ Linh Nham cũng chẳng mộ duyên. Năm Dân Quốc 17 (1928), thầy Giới đặc biệt sang Phổ Đà, cầu cụ Chân dựng thêm phòng ốc, lấy năm sáu ngàn đồng làm chuẩn, cụ Chân bằng lòng. Thầy ấy trở về núi, liền rời chùa, đi sang Vân Nam, ấy là để tránh nỗi phiền phức do xây dựng. Do vậy, mọi việc trong chùa giao cho pháp sư Từ Châu.

Thầy Từ Châu khí lực yếu ớt, không chịu đựng được khổ nhọc, liền mấy lượt sang Hán Khâu giảng kinh. Mùa Hạ năm ngoái lại nhận lời mời của Cổ Sơn, chẳng từ tạ, bỏ đi. Hai ba năm gần đây, đàn-việt nhiều người biết đến đạo phong của Linh Nham, có người muốn cầu siêu cho tiên vong, chúc thọ cho cha mẹ, xin đả thất. Số người ở lại đã trên bốn mươi vị, phòng ốc chẳng chứa nổi, lại thêm hẹp nhỏ, trời mùa Hè rất nóng. Nay dựng năm gian lầu cao, phía dưới làm Niệm Phật Đường, rộng rãi mát mẻ. Ngoài ra lại dựng thêm hơn ba mươi gian nữa, chi phí ước chừng hơn năm vạn đồng. Cụ Chân bỏ ra hơn hai vạn hai ngàn đồng, khoản còn lại góp từ số tiền chi dùng của Thường Trụ còn dư và do đàn-việt vui vẻ giúp sức. Nay đã hoàn thành, thầy Diệu Chân làm Đương Gia Sư. Do hai lần xây dựng, cụ Chân bỏ ra gần ba vạn, lần này cụ cũng đứng ra xướng suất, công đức ấy và việc biến ngôi chùa này thành đạo tràng thập phương đều đáng nên lập bia, do vậy, tặng chúng Linh Nham thỉnh tôi lược thuật chuyện ấy để ghi chép công đức hồng bảo với mai sau; vì thế, bất đắc dĩ chẳng thể từ tạ chuyện viết lách được! Thuở ban đầu đã lập năm điều quy ước:

1) Trụ Trì bất luận thuộc tông phái nào, chỉ cần lấy chuẩn mức là “tin tưởng Tịnh Độ sâu xa, giới hạnh tinh nghiêm”. Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp để dứt thói tệ pháp quyền riêng tư.

2) Trụ Trì chỉ luận thứ số, chẳng luận theo thế hệ để bậc cao đức khỏi bị đứng sau kẻ đức hạnh tầm thường.

3) Chẳng truyền giới, chẳng giảng kinh để khỏi chèo kéo, xáo động, gây nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng nhưng chẳng lôi kéo người ngoài đến nghe.

4) Chuyên nhất niệm Phật, ngoại trừ đả Phật thất ra, nhất loạt chẳng làm hết thầy các Phật sự mang tính cách thù tạc.

5) Bất luận là ai, chẳng được ở trong chùa mà thâm nhận đồ đệ xuất gia.

Ai phạm một điều nào trong năm điều sẽ lập tức ra khỏi chùa. Đại sư Tử Bách đời Minh một đời xây dựng hơn mười ngôi đại tùng lâm, nhưng chẳng làm Phương Trượng, chẳng thâm nhận đồ đệ, hễ xong việc liền bỏ đi, gác bỏ mọi việc. Đại sư Diệu Phong phạm những công trình chùa, tháp, cầu cống, đường sá người khác chẳng thể lo liệu được, thỉnh Sư trông nom, hễ qua tay Sư đều thành công, hoàn tất xong liền cáo từ. Trong lúc đang tu bổ hay xây dựng, có khi Sư sai học trò thay mình lo liệu, công trình hoàn thành, trọn chẳng để lại đó một người nào của chính mình cả! Tấm lòng Sư chánh đại quang minh, mấy trăm năm sau còn nghe tiếng, khiến cho mọi người khâm phục khôn nguôi, đáng được vua tôi cung kính, long thiên ủng hộ, lúc sống tiếng tăm vang dội, lúc mất chứng thánh quả. Người đời nay phần nhiều âm mưu cướp đoạt đạo tràng của người khác, ai chịu đem những gì mình đã có nhường cho người khác?

Cụ Chân khẳng khái làm như vậy, tuy đạo còn kém xa Tử Bách, Diệu Phong, nhưng tấm lòng sáng ngời không riêng tư cũng gần bằng các vị ấy, thật đáng khâm phục! Nguyên những người làm Trụ Trì và giữ chức trách trong nhà chùa, cũng như những người nhập chúng tu trì đều cùng giữ tấm lòng đại công vô tư, chuyên tinh tu tập, ngõ hầu chẳng phụ ân Phật đã nói ra pháp môn Tịnh Độ hoành siêu và lịch đại

tổ tông hoàng pháp, ân cụ Chân Đạt tạo dựng cũng như một phen yêu thương, siêng năng nhọc nhằn lo toan sâu đậm của thầy Diệu Chân.

4. Bi ký thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức Đại Giác Thế Tôn là đại sư của ba cõi, cha lành của bốn loài, xem hết thấy chúng sanh như con một vì hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật đời vị lai. Trong các kinh Đại Thừa, Phật đã nghiêm cấm sát sanh ăn thịt ngũ hầu hết thấy chúng sanh đều được hưởng quả báo gần là trường thọ yên vui, quả báo xa là cùng chúng giải thoát Niết Bàn. Đại sư Trí Giả đề cao lòng từ bi của Phật, trong niên hiệu Đại Kiến (569-583) đời Trần đã mua hơn sáu mươi chỗ thuộc Lâm, Hải, Giang, Hồ, Khê, Lương, cả hơn ba trăm dặm để làm ao phóng sanh, xin vua ban sắc chỉ, lập bia ngăn cấm đánh cá, kẻ nào bắt trộm sẽ bị mắc họa. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-649) đời Đường vẫn còn như thế. Đây chính là bi tâm phổ độ chúng sanh của Phật, Tổ vậy.

Cần là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta. Đây chính là chí hướng thường hằng coi con người và loài vật bình đẳng như nhau của nhà Nho vậy. Nghiêm cấm đọa thai phá trứng để chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui (*“điều thú ngư miết hàm nhược”*: *“Nhược”* nghĩa là thuận. *“Hàm nhược”* là đều được sống thuận lợi vậy). Đây chính là sự cai trị bằng đức để thắng tàn bạo, trừ giết chóc của bậc thánh vương. Ấy là vì đức lớn của trời đất là

Sanh, nổi khổ lớn lao của con người lẫn loài vật chính là Sát. Thắng bạo tàn, trừ giết chóc phải từ nhỏ đến lớn. Nhân từ với con người, yêu thương loài vật ắt phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan dung từ cội gốc, ắt sẽ trở thành bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó vậy! Hằng ngày làm chuyện tàn sát, mà lầm lạc mong mỗi nhân từ với con người, yêu thương loài vật sẽ trở thành nói xuông, chắc chắn khó thể thật hành được chuyện ấy! Vì sao nói vậy? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thật hành chuyện yêu thương loài vật, hành lâu ngày, bụng dạ đầy ắp nhân từ, mai kia có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ có thể che chở dân đen lớn lao. Dầu ẩn cư trong một làng vẫn có thể lấy thân mình đốc thúc mọi người thay đổi phong tục! Như vậy, đạo nhân từ với người khác phải được bồi đắp từ lòng yêu thương loài vật thì mới có thể viên mãn trọn khắp, không có điều tệ vậy!

Nếu chẳng do lòng yêu thương loài vật thì tuy trong đời này chưa có gì đáng tiếc, nhưng trong tương lai ắt sẽ phải lo lắng lớn lao, vì đã gieo cái nhân tàn hại loài vật sẽ khó tránh được cái quả luân phiên báo đền lẫn nhau! Nguyên người có lòng nhân với kẻ khác thường suy nghĩ cẩn thận vậy. Chuyện phóng sanh vốn nhằm khơi dậy thiện tâm của con người trong hiện tại, vị lai, cốt sao họ kiêng giết, ăn chay, khiến cho khắp mọi hàm thức đều được sống yên ổn, đều hưởng hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được quả báo do giết chóc, nhỏ là khiến cho tâm chúng ta toàn thuần là lòng nhân, lớn là chấm dứt sát kiếp cho toàn thế giới. Chớ nghĩ đây là chuyện chẳng cấp bách, rồi coi thường bỏ qua.

Nguồn gốc khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hồ Khiếu (Hồ Gầm) của Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu như sau: Vào tháng Bảy năm Giáp Tý tức năm Dân Quốc 13 (1924), hội viên Hội Cứu Vớt Loài Vật tại Thượng Hải là ông Lục Duy Dung đến đất Tô bàn bạc, mới biết những hội viên Hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu đã bàn tính chuyện thiết lập khu vườn ao phóng sanh bèn cực lực tỏ ý tán thành. Ông cho biết: Khéo sao ông Trầm là người đất Tô có một khu đất rộng khoảng sáu mẫu, đã quyên tặng cho Hội Cứu Vớt Loài Vật Thượng Hải, nay đem tặng lại cho phân hội Tô Châu để làm cơ sở tạo lập khu vườn ao phóng sanh. Trong khu đất ấy có một cái đầm, đào vét thành ao rất đỡ tốn công, tiếp đó ông ta đem bằng khoán đất gởi xuống Tô Châu.

Đến tháng Chín năm Dân Quốc 14 (1925), hội viên thuộc phân hội Tô Châu là ông Dương Đạt Toàn giới thiệu ông Uông Cát Đình gia nhập phân hội, ông Uông đứng ra ngỏ ý quyên tặng tiền để xây dựng, các hội viên lại đóng góp thêm vào được hơn một vạn đồng, xây dựng liên tục, đào ao, dựng đình, sắp đặt hết thảy. Tuy chẳng hoa mỹ, nhưng thanh nhã không phàm tục, đáng gọi là chốn “thế ngoại đào nguyên” (chốn tiên bồng ngoài cõi tục). Đến tháng Chạp năm Dân Quốc 15 (1926), công trình mới hoàn thành. Tháng Năm năm Dân Quốc 17 (1928), ông Viên Hiếu Cốc tậu thêm một nền đất rộng bảy phân ở phía Nam, nhờ đó khu vườn ao càng thêm rộng rãi, vẽ họa đồ, trình lên huyện, lập hồ sơ đầy đủ. Việc quản lý kinh phí trong mấy năm đều do nhóm các ông Ngô Dĩnh Chi v.v... trước sau lo toan.

Mùa Hạ năm ngoái, Giám Viện Linh Nham Sơn Tự là thầy Diệu Chân do thấy Linh Nham không có hạ viện tại thành Tô Châu, sau này đến đất Tô cảm thấy khá bất tiện, chú ý đến khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hồ Khiếu, cây Quang hỏi thăm tình hình nơi ông Tào Tung Kiều, cũng như nhờ cây ông ta thương lượng với mọi người trong hội ấy. Nếu chịu thí tặng thì sự nghiệp phóng sanh càng được tiến hành mạnh mẽ hơn; lại không cần phải phái người chuyên lo quản lý, đôi bên đều có lợi, đúng là *“một chám thủy mặc, đôi bên đều thành rồng”*. Ông Tào đi hỏi, mọi người đều cùng tán thành, bảo rằng: “Linh Nham sơn chưa đầy mười năm mà đạo phong đã nghe tiếng khắp xa gần, nghiêm nhiên trở thành đạo tràng thanh tu bậc nhất của Ngô Huyện. Nếu biến khu vườn ao phóng sanh thành Hạ Viện thì sau này sẽ phát đạt, an hòa nào kém Linh Nham?” Bèn bàn bạc, ước định năm điều kiện ngõ hầu vĩnh viễn chẳng suy sụp:

- 1) Danh xưng khu vườn ao phóng sanh thuộc hội Phật Giáo Cứu Vớt Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu.
- 2) Điện thờ Tể Công tổ sư.
- 3) Bài vị của thầy Ngô Căn.
- 4) Tòa cát đình trên bờ ao.
- 5) Mộ phần của chủ đất họ Trâm nằm ngoài tường bao quanh khu vườn.

Năm thứ này phải được bảo tồn vĩnh viễn, chẳng được bỏ đi. Những thứ kiến trúc, mở mang khác do Tăng chúng chùa Linh Nham tùy ý tiến hành. Duyên khởi ấy được khắc vào bia, ghi vào sổ sách để

lưu lại vĩnh viễn. Do vậy, đem tất cả khế ước, họa đồ, hồ sơ, giấy tờ chứng minh đã lập từ trước kia đều giao ra hết. Có thể nói là thành tựu cho Linh Nham Tịnh nghiệp đạo tràng, phát triển sự nghiệp phóng sanh, công đức lớn nhất! Mong sao hội viên hội này và giám viện Linh Nham, mọi người đồng tâm dốc sức đề xướng bảo vệ sanh mạng, ăn chay, để thành tựu chuyện “không phóng sanh mà là phóng sanh lớn lao”, chí thành niệm Phật để được vãng sanh hồng liểu sanh tử, dứt sát kiếp để vời thính quyền thuộc cõi trời, vãn hồi thế đạo, uốn nắn nhân tâm thì công đức ấy há vắng tự, ngôn ngữ có thể hình dung được ư?

5. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thành lập ao phóng sanh

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn... (cho đến) coi thường bỏ qua (phần này giống hệt như trong bài bi ký ở trên nên lược đi). Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa hàng đầu của núi Thiên Thai. Hòa Thượng Khả Hưng cực lực khôi phục, lại thỉnh pháp sư Tĩnh Quyền phụ trợ, muốn mở rộng lòng từ bi của Phật, Tổ để khơi gợi thiện niệm cho người đời, do đó bèn lập ao phóng sanh nơi vườn rau phía Tây của Tam Môn. Dòng Khê Thủy từ Tây Sơn đổ vào nơi đó, nước chảy vào chảy ra cuộn cuộn, là chỗ thích hợp nhất để nuôi cá. Mùa Thu, mùa Hạ, nhằm buổi trời trong, đêm trăng, tiết Xuân, tiết Đông thì sau giờ Ngọ, trước lúc xế chiều, đại chúng đến đây niệm Phật hiệu vang vang, nhiễu quanh ao ba vòng hồi hướng Tịnh Độ để những loài thủy tộc ấy đều gieo thiện căn xuất thế cũng như khiến cho đại chúng đều phỏng theo bi nguyện của Phật, của Tổ. Do muốn tỏ rõ ý nghĩa “do phóng sanh mà đạt được lợi

ích”, chùa Quốc Thanh sai Quang viết bài ký để thừa cùng bậc sáng suốt mai sau.

Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn là để đền xướng kiêng giết, ăn chay. Nếu con người suốt đời ăn chay sẽ trở thành không phóng sanh mà phóng sanh lớn lao vậy. Nay tôi chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc đời Tống để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ đôi ba phen, ắt chẳng nỡ ăn và tâm chẳng dám ăn nữa sẽ bừng bừng dấy lên. Bài thơ ấy như sau:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,

Danh thù, thể bất thù,

Bổn thị nhất chủng tánh,

Chỉ vi biệt hình khu,

Khổ não từng tha thụ,

Phì cam vi ngã nhu,

Mạc giao Diêm Quân đoán,

Tự suy ینگ hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,

Danh khác, thể vốn đồng,

Vốn cùng một chủng tánh,

Chỉ hình hài khác nhau!

Khổ não chúng húng chịu,

Béo ngon ta hưởng riêng,

Chớ đợi Diêm La xử

Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ ấy có ý nghĩa lắm thay! Trung hậu, khoan dung cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng muốn người khác làm cho chính mình thì chớ làm cho người khác. Lòng nhân với con người, yêu thương loài vật ấy chính là đại kinh đại pháp thành thủy thành chung, chẳng cần phải nói tường tận về ý nghĩa nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo sâu xa! Nguyện những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu đậm.

6. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Sa Bà là cõi khổ sở cùng cực, vì thế cõi này thuộc về quán trọ trên đường lữ thứ; An Dưỡng là chốn vui sướng tốt bậc, vốn là quê nhà sẵn có. Nhưng do chúng sanh mê muội chưa ngộ, bèn cứ khăng khăng coi quán trọ là quê nhà, chẳng biết có trụ xứ thanh tịnh an ổn tốt bậc do cha ông đã tạo dựng. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, luân hồi trong sáu nẻo, chìm đắm trong tam đồ từ kiếp này sang kiếp khác, không cách nào thoát ra. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, tùy thuận căn cơ thuyết pháp để các chúng sanh bỏ mê về với ngộ, theo đường về nhà. Do chúng sanh căn cơ chẳng phải chỉ có một, nên mỗi pháp đức Như Lai nói ra đều khác biệt. Nhưng các pháp ấy đều phải cấy vào tự lực, chỉ bậc thượng căn cao nhất mới có thể hoàn thành được ngay trong đời này. Nếu là kẻ kém hơn thì sẽ hai đời, ba đời mới giải quyết xong. Những kẻ trải kiếp dài lâu vẫn chưa thể giải quyết xong vẫn chiếm đa số! Lòng Như Lai phổ độ chúng sanh chan chứa nhưng chưa thỏa mãn được; do vậy, bèn đặc biệt mở ra một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để

thượng thánh hạ phàm đều cùng trong đời này thoát cõi Sa Bà đây lên cõi An Dưỡng kia. Bậc thánh sẽ mau thành Phật đạo, kẻ phàm sẽ dần dần chứng được Bồ Đề. Phổ độ chúng sanh cô đơn quanh quẽ không nơi nương tựa, thỏa thích lớn lao bồn hoai xuất thế của đức Như Lai. Trên là Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch, Thập Ác cực nặng đều là căn cơ được thâm nhiếp bởi pháp này. Chúng ta trên chẳng bằng được các vị như Văn Thù v.v... dưới chưa đến nỗi giống như hàng Ngũ Nghịch, Thập Ác, há lẽ đâu chẳng mạnh mẽ phát ra đại chí ngõ hầu vượt ngang ra khỏi tam giới ư?

Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, tuy có môn đình Thiên, Giáo, Luật, Mật, Tịnh bất đồng, nhưng không một môn nào chẳng lấy vãng sanh Tịnh Độ làm chỗ quy túc! Núi Thiên Thai là đạo tràng của Trí Giả đại sư. Đại sư dùng Ngũ Thời Bát Giáo để phân thích giáo pháp cả một đời đức Như Lai nhưng vẫn chú trọng nơi một môn Tịnh Độ. Tuy chưa thấy được phần kinh văn quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm nhưng đã lập pháp ngầm hợp, đủ thấy Phật và Tổ vốn thờ cùng một lỗ mũi! Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa được xây trên nền đất ngôi chùa lúc Đại Sư sắp nhập Diệt Định. Đến nay đã một ngàn ba trăm mấy chục năm, tuy trải qua nhiều lượt biến dâu, có khi hưng, khi phế, nhưng nhờ được cao nhân làm Trụ Trì, cho đến hiện thời đạo phong vẫn chẳng suy sụp.

Đầu thời Càn Long nhà Thanh, Bảo Lâm Trân Công trùng hưng, điện đường, liêu xá mới toanh rạng ngời, nhưng còn ba viện chưa đủ sức để thành lập. Một là Dưỡng Lão vì bậc danh đức các phương, bậc kỳ cựu trong chùa, tuổi già lắng lòng chuyên lo tu tập đạo nghiệp của

chính mình nhưng chưa có một tòa viện chuyên biệt thì làm sao giúp cho Tịnh nghiệp được? Hai là Dưỡng Bệnh: Thập phương tăng lữ cô quạnh một thân, đã đến chùa này nương tựa thì chính là người ruột thịt, hễ bị bệnh tật chẳng thể theo đại chúng, bèn dời đến nơi này để an dưỡng mong cho chóng lành. Nếu tuổi thọ sắp hết sẽ đưa sang Trợ Niệm Đường. Ba là Trợ Niệm, phàm người bệnh nặng sắp mất, sẽ chuyển sang viện này. Thường Trụ liên phái người luân phiên trợ niệm. Trụ Trì hay người trưởng ban sẽ khai thị, hướng dẫn người sắp mất ấy, để người ấy toàn thân buông xuống hết, nhất tâm niệm Phật. Trước mặt người ấy nên thờ tượng Phật tiếp dẫn, để người ấy tâm niệm, miệng niệm, tai nghe, mắt nhìn, trừ đức Phật ra, không còn nghĩ gì khác nữa, ngõ hầu chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Đây chính là một đại sự khẩn yếu tốt bậc của chốn tùng lâm hoằng pháp lẫn người xuất gia tu hành.

Người làm Trụ Trì và những vị có chức trách hãy nên coi người khác già - bệnh - chết giống như chính mình già - bệnh - chết, ắt sẽ lo liệu ôn hòa, chắc chắn chẳng chịu quấy quá cho xong chuyện thì đạo đức hiện tại sẽ ngày một cao quý, phẩm sen vãng sanh càng thù thắng vậy! Huống chi cổ nhân tạo dựng tùng lâm vốn là vì người già kẻ bệnh mà lập, cũng như khiến cho tăng chúng đông đảo có chỗ nương tựa, người học ùn ùn có nơi để tham học, thừa sự. Có ai chẳng già? Có ai không bệnh? Ai mà không chết? Nếu chẳng đặc biệt lập ra một viện thì người già, người bệnh, thân tâm khó yên. Thân tâm đã chẳng yên thì niệm Phật cầu vãng sanh sẽ bị chướng ngại. Đây chính là nguyên do thành lập riêng hai tòa điện đường Dưỡng Lão và Dưỡng Bệnh.

Nhưng già và bệnh còn có thể tạm đề đó, chứ lâm chung chắc chắn khó thể coi thường, trì hoãn được! Nếu công phu chưa sâu, Phật niệm chưa thuần, lại thêm bệnh khổ trầm trọng, chẳng có tri thức khai thị, hướng dẫn, Tịnh lữ trợ niệm, sẽ trở vào luân hồi, trọn chẳng có hy vọng gì được liễu thoát! Nếu là người công phu đã sâu, Phật niệm đã thuần, lại có sức trợ niệm của đại chúng, há chẳng mau chóng thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân ư?

Do vậy biết chuyện trợ niệm quan hệ rất lớn. Đang trong lúc tánh mạng sắp chấm dứt ấy, nhằm lúc phán định thăng - trầm, mà đã có người khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ví như kẻ khiếp nhược tránh giặc tính ngòi thuyền trốn xa, được mọi người nâng đỡ, liền có thể vọt lên thuyền, liền được ngòi yên ổn đến tận bờ kia. Nếu là người không được khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ắt sẽ mắc cái họa phá hoại chánh niệm, đừng nói người công phu chưa sâu chẳng thể liễu thoát, dầu là người Phật niệm đã thuần vẫn khó vãng sanh! Ví như dững sĩ phá vòng vây lọt ra, tính ngòi thuyền thoát đi, bị mọi người chèo kéo, ngay lập tức té xuống vực sâu. Siêu phàm nhập thánh hay vẫn luân hồi y như cũ chỉ trong một hơi thở này! Lẽ được - mất quá nửa nằm trong tay vị Trụ Trì, một phần ít nằm trong tay những người giữ chức trách. Nếu vị Trụ Trì hay những vị có chức trách thấy người khác chết giống như cha mẹ, thầy, bạn của chính mình chết ắt sẽ cực lực trợ niệm đúng pháp, thành tựu vãng sanh. Đã được vãng sanh, lâu dần ắt sẽ viên thành Phật đạo. Thành tựu một người vãng sanh chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật; công đức ấy há thể diễn tả được ư?

Đến năm Dân Quốc 17, 18, do không kiếm được người Trụ Trì nên Quốc Thanh Tự lâm vào cảnh suy bại sát đất. Năm Dân Quốc 19 (1930), những bậc kỳ lão trong núi và các vị hương thân cung thỉnh hòa thượng Khả Hưng là bậc đã xin thôi chức Trụ Trì về hưu trước kia trở lại làm Trụ Trì để mong khôi phục nhà chùa. Cụ Hưng bèn mời người bạn thân là pháp sư Tĩnh Quyền giúp sức. Do vậy, đặc biệt mở học xã để hoằng dương xiển phát tông Thiên Thai, hưng khởi điều lợi, trừ thói tệ, tiến hành đầy đủ trăm chuyện đã bị phế bỏ. Nay lại tính lập ra ba viện này, mỗi viện gồm năm gian, vị trí ở gần nhà bếp để tiện cung cấp những thứ thức ăn, trà, nước cho những vị già cả, bệnh tật. Mỗi viện đều cử người trông nom, đều lập quy ước. Trụ Trì và những vị có chức trách thường đi xem xét, chẳng để cho những người chăm sóc lười nhác, coi thường. Dụng tâm cẩn thận, sát sao đáng cho người khác khâm phục! Hòa thượng Khả Hưng sai Quang soạn bài ký. Do vui đẹp trước tấm lòng thành vì pháp vì người của chùa Quốc Thanh nên Quang quên mình hèn tệ, viết những ý chính. Nguyên từ nay trở đi, Trụ Trì và những vị có chức trách chùa Quốc Thanh cũng như Trụ Trì và những vị có chức trách các nơi trong hiện tại lẫn tương lai ai nấy đều chú ý sâu xa.

7. Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm

bệnh có những thứ nào? Chính là tham - sân - si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ồ ạt dấy lên. Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tẻ giết - trộm - dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đây gọi là “do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trải tràn điếm kiếp chẳng thuở nào xong!” Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: *“Tâm tham - sân - si chẳng phải là cái tâm vốn có của các người, tâm các người vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, tròn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi tròn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trăn hợp giác liền dự vào dòng thánh”*. Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dầu cảm xúc lạnh - nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham - sân - si, sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tẻ giết - trộm - dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư?

Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thời xưa không vị nào chẳng sùng phụng, hộ trì, bởi Phật pháp giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy! Tiếc cho những nhà Nho đời sau tâm lượng hẹp hòi, nhỏ nhen, lấy diệu nghĩa từ kinh Phật để giúp cho những chuyện bàn xuông của bọn họ, nhưng bài xích thật lý do

đức Phật đã nói, bảo là bịa đặt! Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là đại kinh đại pháp khiến cho người hiền mau lên cảnh thánh, kẻ ngu gắng sức làm người dân lương thiện, thế mà bọn chúng bảo “thật ra chẳng có chuyện nhân quả báo ứng, con người chết đi, thân hồn đã diệt, còn ai để chịu tội và thác sanh?” Từ đấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, bỏ thẹn, chẳng hề xấu hổ, ngược ngạo coi đó là vinh, đều là do những thứ học thuyết ấy uơng thành! Cõi đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều lo sợ, muốn cứu vãn thì chẳng thể không noi theo đại pháp của đức Như Lai. Do vậy, các nơi đều lập Tịnh nghiệp xã hoặc Cư Sĩ Lâm để đề xướng nhân quả, chuyên tu Tịnh nghiệp.

Trụ Trì Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện là đại sư Thanh Thiên và các cư sĩ tại địa phương đã sáng lập Hương Quang Liên Xã từ lâu, nay đặc biệt xây cất năm gian Tây Phương Tam Thánh Điện ở phía Đông thảo am. Những tăng nhân sống trong am suốt năm tu tập, Tăng - tục tham dự liên xã định kỳ cử hành, sắm sửa đầy đủ kinh sách Tịnh tông để mọi người đọc tụng. Ngày Rằm mỗi tháng mọi người đều tụ lại, niệm Phật một ngày, hễ thuận tiện bèn giảng diễn tông chỉ của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu những người tu trì hiểu thấu triệt tự tâm, chẳng đến nỗi miệng nói cầu sanh Tây Phương mà lòng vẫn nhớ tưởng cõi này đến nỗi công phu sắp thành nhưng vì mắc lỗi hiểu lầm đến nỗi mong thoát sanh tử mà vẫn đọa luân hồi! Lại còn chỉ dạy cặn kẽ nhân quả, thuật đủ tội phước.

Phàm những ai tham dự liên xã đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, giữ gìn tám đức “hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sĩ”, dốc chí nơi tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, ắt sẽ khiến cho Nho tông nhờ Phật pháp mà được phục hưng, sự giáo hóa của Phật do hàng Nho sĩ mà được truyền rộng rãi, bù đắp thiên kiến “trong lòng sùng phụng, ngoài mặt chống trái”, tự làm, làm người của tiên nhân, dạy đời sau quy củ rộng lớn “sống trong cõi trần học đạo, tự lập, lập người”. Ba người cùng đi ắt có người là thầy ta; một ấp mười nhà, ắt có nhà trung tín. Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Người ta là trượng phu, mình cũng là trượng phu, chớ nên tự khinh rồi cam phận lui sụt, ngõ hầu chẳng cô phụ Phật tánh sẵn có nơi tâm mình và đại pháp liễu thoát ngay trong đời này! Nguyện khắp những người đến với liên xã này đều ghi nhớ chớ quên thì may mắn lắm thay!

8. Bi ký thuật duyên khởi của Tây Phương Điện tại Vô Tích

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật, là cội nguồn của các pháp, cả phàm lẫn thánh đều được độ, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ; Thiên, Giáo, Luật cùng hướng về một đạo, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng đạt hiệu quả nhanh chóng. Quả thật là con đường tắt cho chúng sanh trong chín pháp giới trở về lẽ chân, thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Bổn Sư Thích Ca. Xét từ khi pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), Viễn công mở Liên Xã đầu tiên, từ đấy những bậc

cao nhân chí hâm mộ Tây Phương ai nấy vâng theo tông phong, sự giáo hóa lan khắp cả nước và các nước ngoài. Tuy hơn một ngàn năm qua không lúc nào chẳng có những tình trạng hưng thịnh hay suy vi, trong tâm chúng sanh vẫn thường giữ lòng thành quy hướng.

Huyện Vô Tích chính là cuộc đất thù thắng nơi Thái Bá, Trọng Ung ẩn mình. Tây Phương Điện là đạo tràng cùng tu cả Phật pháp lẫn thế pháp. Nhằm năm Quang Tự 29 (1903) đời Thanh đã có năm vị ưu-bà-di là Cao Siêu Tắc, Tần Học Tây, Triệu Tịnh Chứng, Đặng Tâm Tịnh, Cố Tịnh Minh, hạnh noi theo ba bà Thái, chí mong nơi chín phẩm sen, mỗi người bỏ ra một món tịnh tài là năm trăm đồng, tính dựng tinh xá niệm Phật ngoài cửa Tây, thuộc khu vực đánh số 22-7 trên bản đồ. Bà Siêu Tắc lại bảo con là Chấn Thục tặng cho tinh xá sáu phân năm ly đất nữa để góp thêm vào khoảnh đất do các xã hữu đã chung sức quyên góp tậu được. Bền dựng đại điện, cửa tam quan, nhà khách, tịnh thất, tổng cộng hơn mười gian, mất ba năm mới xây dựng xong. Phạm tượng Phật, kinh điển, pháp khí trang nghiêm nói chung đều đầy đủ, lại còn định quy ước rõ ràng, ghi chép lại để lưu truyền, vâng giữ. Nếu là hàng phụ nữ quy y Tam Bảo, dốc lòng tu Tịnh nghiệp thì đều có thể tùy hỷ tu trì, đây chính là nơi tiên khởi của liên xã dành cho nữ giới tại Vô Tích vậy.

Thuở đầu, bà Siêu Tắc lòng nhằm chán sanh tử mong mau được liễu thoát, được hai người chú là các tiên sinh Ngưng Phong và Đạo Nam chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ, bền phát tâm kết xã đồng tu Tịnh nghiệp. Lúc ban đầu, lập hội trong Thạch Sư Am; tiếp đó, sáng lập điện này để tự có thể chủ trì được việc này. Tới năm Tuyên Thống thứ

hai (1910), bà sắp về Tây, bèn mời khắp các vị hương thân, cao niên, thiện tín hộ pháp đến, giao cho bà Học Tây kế tục đảm nhiệm mọi việc. Nối tiếp bà Học Tây chủ trì đến nay là bà Hiền Trung. Bà Hiền Trung xưa đã gieo huệ căn, hiếu học, chuyên tu, thường nương theo bà Siêu Tắc tu trì tại đây. Gần đây bà lãnh đạo tịnh hữu rất được tiếng khen. Trong điện từ trước đến nay khóa tụng sáng tối, ba thời niệm Phật quy củ nghiêm túc, tu trì tinh tấn, khiến cho kẻ thấy nghe đều sanh lòng chánh tín. Do vậy, những người bỏ mê về với ngộ, chuyển tà thành chánh mà chẳng hề hay biết không thể đếm xuể được! Gần đây, liên xã thành lập như rừng, tiếng niệm Phật chở đạo chưa hề có nơi nào chẳng phải do điện này phát khởi vậy! Lại ở trước cửa dành ra hai phân năm ly đất, dự tính mai sau sẽ dần dần mở rộng cuộc đất ra.

Hiền Trung do chủ trì đã lâu, bị già - chết bức bách, ý muốn thoái ẩn, hòng chuyên tu Tịnh nghiệp. Do vậy trình bày với Quang về duyên khởi, lai lịch của điện này, cậy tôi viết bài ký. Do vậy, tôi bèn trình bày đại lược sự rộng lớn cao sâu của pháp môn Tịnh Độ, cũng như do sự tu trì tinh tấn của mọi người trong điện này nên được thiện tín khâm phục, ngưỡng mộ, hộ trì, nhằm thành tựu đạo tràng thù thắng nhiệm màu “tu chân ngay trong cõi tục, tự lợi, lợi tha” này, ngõ hầu hết thấy mọi người đều biết “ở ngoài thế giới giống như nhà cháy này, vốn có quê hương thanh tịnh yên vui tốt bậc”, cùng chuẩn bị tư lương Tín - Hạnh - Nguyện để trở về nhà, mong sao đích thân thấy được bậc cha mẹ đại từ bi là A Di Đà Phật, liền được cùng với Phật chứng vô lượng quang thọ. Nguyện ai nấy gắng sức, nguyện mỗi người hãy gắng công lên! (Tam môn chính là ba môn giải thoát Không, Vô Tướng, Vô Tác, nhưng một môn có đủ cả ba nghĩa giải thoát này vậy)

9. Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong cõi đời. Gọi là “đại sự” là vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật, ai nấy đều được thành Phật mới thôi. Do chúng sanh căn tánh lớn - nhỏ khác biệt, nên pháp môn của đức Như Lai có Quyền - Thật bất đồng. Vì vậy, tâm phổ độ chúng sanh của Như Lai chưa được thỏa mãn lớn lao. Bởi thế, đặc biệt mở ra một pháp “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này thoát khỏi cõi khổ này, sanh sang nước vui sướng kia. Bậc thượng căn sẽ mau chứng Pháp Thân, kẻ căn cơ trung - hạ cũng đều cùng lên Bất Thoái, khiến cho chúng sanh cùng thoát sanh tử, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được! Vì thế, pháp này được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, vì pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Chùa Pháp Vân phỏng theo đạo tràng niệm Phật phóng sanh do chùa Vân Thê đã lập. Nguyên do là vì trong tháng Tám năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang sang Dương Châu để khắc in sách, ông Vương Áu Nông đi cứu trợ ở Nam Kinh, theo lời ước hẹn đến thăm viếng. Ngày hôm sau đến thăm ông Lưu Viên Chiếu, ông Ngụy Mai Tôn cũng đến gặp, cho biết chính ông ta “*khá tin tưởng Phật pháp, đã*

từng đọc Văn Sao của thầy, gần đây cũng niệm Phật, nhưng hận rằng nghiệp chướng, tập khí sâu dày, chẳng thể ăn chay được!” Quang bảo: “Bệnh ấy dễ trị, xin hãy đem bài sớ kêu gọi tu bỏ ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tâm đọc kỹ, đảm bảo ông sẽ ăn chay được!” Vào tháng Mười, ông ta liền ăn chay trường, lòng đau đáu nghĩ tưởng sát kiếp tràn lan đều do sát sanh ăn thịt cảm thành, nhân đầy bèn miệt mài đề xướng niệm Phật, phóng sanh, mong sao người và vật đều được sống yên vui, đều được vãng sanh Tây Phương. Năm sau, ông Mai Tôn cùng với Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, Diệu Liên, Tâm Tịnh v.v... thương lượng mua chùng đó mẫu đất của ông Phương Tuấn Sanh bên sông Tam Xoa để thực hành chuyện ấy.

Ông Tuấn Sanh vốn là con cháu của một gia tộc đời đời đức hạnh, khôn ngoan hỷ, đặc biệt bán giá rẻ, xin đem bài vị tổ tiên cha mẹ thờ vĩnh viễn trong Niệm Phật Đường để mong cây vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh hòng báo ân cha mẹ. Liền khởi công vào tháng Chạp, đào ao, đắp nền. Năm sau, dựng liên xá và mười mấy căn nhà để sử dụng, đào chín cái ao để phóng sanh theo từng loại nhằm tránh cái nạn cá dữ nuốt cá. Năm ấy lại đề xướng lập Cô Nhi Viện nuôi dạy cô nhi để chúng nó học chữ, học nghề hầu có thể tự lập, chẳng đến nỗi lang thang chết đói và trở thành phường không ra gì! Do vậy, xây dựng Cô Nhi Viện trước, còn chuyện dựng chùa sẽ tính từ từ. Do nhiều năm liên tiếp thời cuộc không ổn, nên lần khần mãi đến ngày nay. Ông Đặng Phác Quân và Mai Tôn đều là học trò của ông Phùng Mộng Hoa, lại cùng quy y với Quang, xin ông Phùng và Quang đề tựa cho sổ vàng Bốn Mươi Tám Nguyên nhằm quyên mộ khoản tiền xây dựng Pháp Vân. Phàm những người khác quyên mộ cũng gộp vào trong sổ vàng

ấy. Mỗi nguyên là một ngàn đồng, hễ có được bốn năm vạn đồng liền có thể xây dựng. Ghi đến hơn năm chục nguyên, đã giao ra hai vạn hai ngàn bảy trăm bảy chục đồng mà vẫn chưa khởi công, vì thế chẳng quyên góp nữa.

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Phác Quân quy Tây, hai cuốn sổ ấy con ông ta là Hàn Phân giao lại cuốn đầu, cuốn sau bị thất lạc, nên không biết được tên những người quyên mộ, cũng như do có người đã qua đời hay chuyển chỗ ở nên tuy có tên trong sổ cũng khó lòng thấu hết được. Mấy năm qua, khi kinh phí cho Cô Nhi Viện chẳng đủ đã tự tiện dùng tiền lời của khoản tiền ấy để bù đắp; vì thế, trọn chẳng tăng thêm được. Năm ngoái, ông Mai Tôn quy Tây, ông Áu Nông do thấy Quang và ông ta đều là khách chẳng còn ở lâu trong cõi đời này, nếu chẳng gấp rút lo toan, sau này chắc sẽ bị mất tích, bèn quy định biện pháp cho khởi công động thổ, sắm sửa vật liệu, mùa Xuân năm nay sẽ đứng ra đốc thúc xây cất. Gặp đúng lúc chánh phủ cử ông ta làm ủy viên chánh phủ tỉnh Thiểm Tây kiêm nhiệm chức vụ trưởng ty dân sự vụ tỉnh Thiểm Tây, giữ nhiệm vụ trông nom xây dựng, nên mọi việc giao lại hết cho thầy Trụ Trì Tâm Tịnh.

Hơn nữa, việc này do Quang phát khởi nên thầy Tâm Tịnh bảo Quang soạn bi ký nhằm thừa với những người thông sáng mai sau. Trong năm Dân Quốc 11 (1922), lúc mua đất, đã bàn bạc quyết định chương trình là đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp, quanh năm niệm Phật, công khóa mỗi ngày giống như phổ thông Phật thất. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thấu nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc. Trụ Trì bất luận Thiên Thai,

Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, nếu giới hạnh tinh nghiêm, thông hiểu giáo lý, tin tưởng Tịnh Độ sâu xa, chí mong lợi người thì đều có thể mời đảm nhiệm chức Trụ Trì. Nếu những mặt khác đều xuất sắc, chỉ có với Tịnh Độ chẳng hề chú ý thì quyết chẳng thể thỉnh được! Trụ Trì luận theo tuổi hạ, đức hạnh, chẳng luận trên thế hệ truyền thừa, do theo lệ truyền hiền chứ không theo lệ thầy truyền cho trò. Trong Niệm Phật Đường, mỗi ngày vị Trụ Trì hoặc người trưởng ban nói về Tịnh Độ và giới luật, khai thị một lần để các sư phát tâm tăng thượng thù thắng. Có vị tín sĩ nào hâm mộ đạo phong nơi này xin mở Niệm Phật Thất để cầu cho cha mẹ được tăng tuổi thọ, cầu siêu linh hồn của tổ tông, tiêu trừ tội khiên do chính bản thân, hoặc vun đắp nền phước cho con cháu thì vẫn cứ niệm Phật như thường lệ, chỉ thêm vào ba lượt hồi hướng mà thôi! Lễ Diệm Khẩu cũng nhất quyết không thực hiện, nhằm ngăn ngừa hạng Tăng ứng phó thừa cơ ẩn nấp phá hoại đạo tràng. Phạm những ai xin mở Phật thất chỉ được đến một hai người để tỏ lòng kính trọng, lễ bái, nhưng phải ra về ngay trong ngày hôm ấy. Nếu tụ họp bạn bè đông đảo và đem theo quyến thuộc nữ giới trẻ tuổi ở lại cho đến khi viên mãn mới về thì quyết chẳng chấp thuận. Đạo tràng này thực hành pháp môn đặc biệt nên chẳng tuân theo thông lệ đã thành lập. Chương trình ấy đã ấn định ổn thỏa ngay trong lúc mua đất, nhưng trong năm Dân Quốc 15 (1926), tại Linh Nham ở Tô Châu, hòa thượng Chân Đạt khi biến ngôi chùa của mình thành đạo tràng thập phương đã thực hiện quy định này trước hết!

Hiện thời do khoản quyền góp hữu hạn, lại thêm thời cuộc khó khăn chẳng dễ gì quyền mộ, chỉ có cách tốt nhất là thu nhỏ phạm vi để khỏi bị bó tay. Đại điện dựng năm gian lầu cao, phía trên thờ Đại Tạng Kinh bản đời Tống mới được ấn hành và làm chỗ xem kinh. Phía dưới là đại điện, niệm Phật cũng ở chỗ đó. Hai bên đều dựng mười mấy gian để làm nhà khách, nhà kho, nhà bếp, phòng để bể quan. Cửa Tam Quan chính là điện Di Lạc Vi Đà. Phạm vi tuy nhỏ, nhưng nói chung hình thức đầy đủ. Trước đó, đã sắp xếp mười mấy vị tăng thật lòng tu đạo, tích cực tu trì để cầu vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, tai họa tiêu diệt, mưa - nắng đúng thời, thiên hạ thái bình. Tất cả việc đả thất hoặc cầu siêu cho vong linh, hoặc cầu thọ, do bài vị được thờ sau khám thờ Phật sẽ được nghe tiếng Phật hiệu suốt năm, giúp ích cho thần thức cũng lớn lắm. Phương danh công đức cho lần xây dựng này được khắc trong một tấm bia khác. Nếu có vị đại công đức chủ phát tâm hộ trì thì số người thường trụ nơi đây sẽ được tăng thêm. Kính mong những vị sống trong chùa này đều cùng phát tâm “tự lợi, lợi tha, cùng sanh Tây Phương”, ngõ hầu khỏi phụ bạc sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ rẫy tánh linh của chính mình, báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi vậy.

10. Bi ký ghi công đức xây dựng lầu Tàng Kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử, không riêng gì người có chí mong

đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử phải nên nương tựa, mà ngay cả những ai chuyên tâm nơi “minh đức, thân dân, trị quốc, an bang” cũng phải lấy việc “sáng tỏ diệu lý tâm tánh, nêu rõ sự thực nhân quả” làm một trợ duyên lớn lao cho việc xoay chuyển lòng người, phụ trợ nền bình trị của nước nhà vậy. Vì thế, xưa kia, những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng trung lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều do học Phật đắc lực mà ra, không ai chẳng dốc sức nơi trang nghiêm tượng Phật, lưu thông kinh Phật, hộ trì Tăng chúng tu hành, mong cho hết thảy nhân dân đều cùng do Trụ Trì Tam Bảo mà ngộ nhập Nhất Thể Tam Bảo, đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi tâm này. Ở chùa Lăng Vân xưa kia, thế nước chảy xiết, thuyền đi ngang bị đụng vỡ gây hại rất lớn. Đầu đời Đường, thiền sư Hải Thông thấy vậy thương xót, muốn tìm cách cứu vớt, che chở, bèn tạc một bức tượng Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật ngồi trên núi, cao đến ba mươi sáu trượng, kích thước của tòa sen Ngài ngồi chẳng tính vào trong con số ba mươi sáu trượng ấy. Do nguyện lực của Sư nên cảm được đức Phật rủ lòng Từ gia hộ, nước đổi dòng, chảy sát vào chân núi, nổi lên một bãi cát bồi để người ta có thể sống được ở đó. Ý Sư cho rằng ngài Di Lặc là đức Đương Lai Thế Tôn lòng Từ không ai hơn được, tạc bức tượng lớn này chẳng những chỉ muốn cậy vào Phật từ lực để cứu giúp, che chở thuyền bè qua lại mà còn vì mong mỏi sâu xa những kẻ thấy nghe sẽ nạp vào tám thức điền tạo thành một đại nhân duyên hòng trong đời này phát tâm tu trì, vãng sanh Tây Phương, tương lai trở vào Sa Bà phù tá Di Lặc Phật trong hội Long Hoa. Sư đến hết đời vẫn chưa hoàn thành được công trình, đến niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông công trình mới hoàn thành. Gặp dịp

Nam Khang Vương là Vi Cao làm Tiết Độ Sứ Tây Xuyên bèn soạn bi ký, có câu: *“Thân cao ba trăm sáu mươi thước, đầu to chừng đó thước, mắt rộng hai trượng, những tướng hảo khác mỗi mỗi đều xứng hợp. Đây chính là tượng Phật lớn nhất nước ta. Nhưng Pháp Thân thật sự của Phật trọn khắp pháp giới, còn thân ứng hóa biến hiện thì mệnh mông chảng nhất định”*. Năm Dân Quốc thứ 9 (1920), ông Trang Tư Giam ở Thường Châu triều bái Phổ Đà, đem theo ba bức “mễ Phật” (tượng Phật hiện trên hạt gạo) đưa cho xem. Những tượng ấy trang nghiêm vi diệu, cả cõi đời không thể sánh bằng, ấy chính là tượng đứng do thiên nhiên tạo thành, dưới hạt gạo vẫn còn vòng cám. Hễ ai thấy nghe đều cảm kích ân Phật.

Đối với những đế lý được nói trong kinh Phật, cố nhiên chẳng dễ gì tỏ rõ, nêu được những điều quan trọng là Luận. Tứ thánh, lục phàm, nhân quả của mười pháp giới vốn trong một tâm. Đối với bản thể của tâm, phàm - thánh chẳng hai, chúng sanh và Phật hệt như một, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, thường hằng khắp xưa - nay, chẳng đổi dời, chẳng biến chuyển, Thể tuy bất biến, Dụng thường tùy duyên. Thuận theo tịnh duyên, do công đức có sâu hay cạn mà có chứng quả Thanh Văn, chứng quả Duyên Giác, chứng quả Bồ Tát, chứng quả Phật sai khác. Tuy Thanh Văn là nhỏ nhất, nhưng đã đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, thường hưởng pháp lạc, chẳng thọ thân sau nữa. Theo nhiễm duyên, do Hoặc nghiệp nặng hay nhẹ mà có sanh lên đường trời, sanh trong đường người, sanh trong đường A Tu La, sanh trong đường súc sanh, sanh trong đường ngựa quỷ, sanh trong đường địa ngục khác biệt. Dẫu trời - người là cao nhất, vẫn là đầy dẫy Hoặc nghiệp, sanh tử luân hồi, thường ở trong tam giới, lục

đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Mười pháp giới ấy do một tâm của chính đương nhân tạo ra, thăng - trầm, khổ - vui khác biệt vời vợi một trời một vực; nhưng thể tánh của cái tâm ấy vẫn thường tự như như, nơi phạm chẳng nhiễm, tại thánh chẳng tịnh. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”* (nếu ai muốn hiểu rõ hết thấy Phật ba đời, hãy quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ tâm tạo).

Do vậy, đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật chưa thành, tùy thuận cơ nghi của họ mà trước hết nói Ngũ Giới Thập Thiện thuộc Nhân Thiên Thừa, rồi nói Tứ Đế của Thanh Văn Thừa, rồi nói Thập Nhị Nhân Duyên của Duyên Giác Thừa, rồi nói đến Lục Độ Vạn Hạnh của Bồ Tát Thừa, rồi nói đến phước lẫn huệ cùng trọn vẹn, tịch chiếu cùng dung thông, hết sạch Tam Hoặc, vĩnh viễn mất hai thứ chết, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ “không có gì để đạt được” của Phật Thừa. Lại nghĩ chúng sanh kém hèn, không cậy vào sức thế nguyện rộng sâu của Phật Di Đà chắc chắn khó lòng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này được, nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu bọn phạm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp nương vào Phật từ lực đối nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh thì Hoặc nghiệp đã hết, đã chứng địa vị thánh, so với những kẻ chỉ cậy vào tự lực thì sự khó - dễ dù hết cả năm cũng chẳng thể nói trọn!

Nhưng pháp môn này chính là nhằm tiếp độ thượng căn, tiếp độ kèm thêm hàng trung - hạ; vì thế, Thiện Tài đã chứng Đăng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả, cũng

như khuyên khắp các vị Bồ Tát thuộc Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiên hành, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đời có những kẻ bầm tánh thông minh đôi chút thường coi rẻ pháp môn Tịnh Độ, chẳng chịu tu trì, chẳng những tự làm, làm người, mà đúng là còn hủy báng Phật pháp nữa! Như Hoa Tạng hải chúng là các vị Đại Sĩ đã chứng Pháp Thân thuộc bốn mươi một địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, dùng công đức của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương hầu mong mau chứng viên mãn Bồ Đề, trở về Phật quả “không có gì để đạt được”. Những vị ấy là hạng người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào, ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Còn như kinh văn trong giáo pháp của cả Đại Tạng được chia thành ba phần là Kinh, Luật, Luận, nên có tên là Tam Tạng. Tạng có nghĩa là “sâu chắc, u viễn, lấy để sử dụng chẳng bị cạn kiệt!” Nếu đối với mỗi một chữ, một câu mà có thể thâm nhập thì sẽ thông suốt hết thấy pháp, hiểu hết thấy nghĩa. Vì thế, Lục Tổ của Thiên Tông nghe một câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy không trụ vào đâu để sanh tâm) bèn nối tiếp ngôi vị Tổ; hành nhân Liên Tông thường trì sáu chữ “nam-mô A Di Đà Phật” liền có thể ngay trong đời này sanh về nước Cực Lạc, dự vào hội Liên Trì.

Ba tạng Kinh, Luật, Luận ấy từ Thiên Trúc truyền sang, trong bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục đời Đường đã chép kinh điển nhà Phật có đến năm ngàn bốn mươi tám (5.048) quyển. Từ đấy, liên tục dịch

thêm cũng chẳng ít, nhưng cũng có những quyển bị thất lạc! Hiện thời, Đại Tạng Kinh đời Thanh (Càn Long Đại Tạng Kinh) từ chữ “*Thiên, Địa, Huyền, Hoàng*” đến chữ *Tất* trong câu “*Tất Thư Bích Kinh*” gồm có bốn trăm tám mươi lăm (485) hòm, tức bốn ngàn tám trăm năm mươi quyển. Trước thuật thuộc phương này (Trung Hoa) gồm thích kinh, tông kinh, các sớ luận và truyện ký, ngữ lục v.v... từ chữ “*Thư, Bích, Kinh*” đến câu “*Lưỡng Sớ Kiến Cơ*” mới hết, gồm hai trăm ba mươi chín (239) hòm, tức hai ngàn ba trăm chín mươi quyển, tổng cộng là bảy ngàn hai trăm bốn mươi quyển. Bộ này được khởi công khắc từ tháng Hai năm Ung Chánh mười ba (1735) đến ngày Rằm tháng Chạp năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành.

Bậc thượng căn lợi trí đối với mỗi chữ một câu trong những kinh này, nếu tâm hồn thông hiểu liền có thể tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người. Tiếp đó lại chí thành, khẩn thiết thọ trì, đọc tụng, y giáo phụng hành, hiểu nhân quả, rõ tội phước, dùng thân xương suất người khác, ngõ hầu hết thấy mọi người nhìn vào bắt chước làm lành thì đối với pháp môn, đối với xã hội đều có lợi ích. Nếu hoàn toàn chẳng có ý niệm cung kính, chỉ cầu đa văn, hoặc làm lạc dùng ý kiến ước đoán để luận định nghĩa lý sâu xa trong kinh thì tuy là nhân lành lại chắc chắn chuốc lấy quả ác! Nguyện những người đọc ai nấy hãy gắng công!

Trụ Trì chùa Lăng Vân là hòa thượng Quả Tĩnh đã muốn cung thỉnh Đại Tạng từ lâu, để những người có đại chí trong hàng Tăng - tục đều được nghiên cứu, xem đọc, nhưng lâu chưa kinh chưa xây, thỉnh về sẽ không có chỗ để. May sao năm Dân Quốc 18 (1929), pháp sư Vinh Nham cùng cư sĩ Vương Húc Đông đến chùa văn cảnh, nhân đó

nói chuyện thỉnh kinh cần phải dựng lầu, hai vị liền khăng khái mỗi người giúp năm trăm đồng. Do vậy, bèn dốc hết sức lo toan, nung ngói, mua gỗ, khởi công từ tháng Giêng năm Dân Quốc 23 (1934) đến tháng Tư năm nay mới hoàn thành. Lầu ấy gồm bảy gian, cao năm trượng sáu thước, hai bên lầu dựng năm gian nhà mỗi bên để làm chỗ nghỉ ngơi cho người đọc kinh. Đã lên Bắc Bình thỉnh kinh, trước khi kinh về tới, đã sai Quang soạn bi ký về việc xây dựng lầu tàng kinh; do vậy bèn viết đại lược về nguyên do lập chùa và những nghĩa trọng yếu của Đại Tạng cùng số hòm, số quyển để những bậc thông sáng đời mai sau đều thấu hiểu cặn kẽ. Kính mong nền tảng đất nước vững bền, đạo bình trị hưng thịnh, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển, đàn-việt tín chủ hưởng phước, tăng chúng an hòa, binh đao vĩnh viễn chấm dứt, mưa gió thuận thời!

11. Bài ký về việc trùng tu tháp viện của Đại Từ Lão Nhân

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Xem rộng khắp những bậc anh hiền lỗi lạc xưa nay, tài năng tốt vời, tại gia thì lập đại công, dựng đại nghiệp, thờ vua giúp dân, nêu gương cho hậu thế, xuất gia thì triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, dạy dỗ lợi lạc trời - người, nối tiếp huệ mạng của Phật thì đều là do đức hạnh cao đẹp của ông bà cha mẹ cảm thành. Nếu không, làm sao sanh được con cháu hiền tài siêu quần bạt tụy, giúp đỡ hết thảy như vậy được ư? Người ta chỉ thấy quốc sư Ngọc Lâm đạo đức cao vời, ngộ chứng sâu thẳm, trên cảm động cửu trùng, dưới hóa độ tứ chúng, Phật tử, tâm ấn, đại pháp chiếu khắp nhân quần, sống tươi chết héo, khuôn mẫu tốt đẹp lưu lại đời sau, chẳng biết đầy đủ đều là do ông nội và cha mẹ Ngài đã giữ

ven luân thường, trọn hết bốn phận, lợi người giúp vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người mà ra!

Xét ra, Sư có họ ngoài đời là Dương, thuộc dòng vọng tộc ở Diên Lăng (thuộc tỉnh Thiểm Tây), đời nào cũng có người hiền đạt, cha húy là Phương, tuổi ngoài ba mươi vẫn chưa có con. Người trong họ là Dương Hưng bị thổ hào vu hãm, sắp đến nỗi phải chết. Ông nội Ngài bảo cha Ngài vào triều kêu oan, quan liền thả Dương Hưng, đánh đòn thổ hào. Thổ hào ôm hận, không lâu sau, trong ấp bắt được kẻ gian, giải lên quan xét án. Gã thổ hào thừa dịp ghi tên ông nội Ngài vào sổ, quan xét án rất nghiêm khắc, tàn khốc, truyền bắt giữ khẩn cấp. Chú Ngài và cha Ngài tranh nhau chịu tội thay, cha Ngài không chịu liền tự đi. Quan xét án rất ghét kẻ chịu tội thay, dùng hình phạt quá đáng để giết chết. Ngày hôm ấy đã giết chết liên tiếp mấy người rồi. Đến phiên cha Ngài liền gào to: “Tôi chịu đòn thay cho cha tôi”, quan xét án nghe tiếng cảm động vô cùng, xét hỏi cặn kẽ, biết là bị vu cáo bèn thả ra.

Tháng Tư năm ấy, tức năm Giáp Dần thuộc niên hiệu Vạn Lịch 42 (1614) đời Minh, liền sanh ra Sư. Lúc sanh, bà mẹ là Mậu Thị mộng thấy Quán Âm ẵm một đứa bé trao cho, liền sanh ra Sư. Thêm nữa, cha mẹ Sư thường giảm bớt sự chi tiêu của chính mình để mua những con vật đem phóng sanh. Cha mẹ Sư hiếu hữu nhân từ như vậy đó! Năm sau, cha Sư quy y với đại sư Liên Trì, có pháp danh là Quảng Phúc, cũng xin quy y cho Sư, được pháp danh là Đại Tiềm. Đến năm mười hai tuổi, lúc cha Sư sắp mất, bèn đối trước tượng ngài Liên Trì, cầu cao tăng thay mặt cho đại sư Liên Trì xuống tóc, thuyết giới cho cụ; nửa tháng sau cụ mất. Năm mười chín tuổi, Sư lễ ngài Khánh Sơn xin

xuất gia. Chưa đầy hai năm đã đại triệt, ngài Khánh Sơn rất coi trọng, dặn dò Sư hãy xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, đặt pháp danh là Thông Quang. Năm Sư hai mươi hai tuổi, ngài Khánh Sơn thị tịch tại chùa Báo Ân, Sư giữ tâm tang hầu hạ bên khám thờ đồng thời lo liệu việc trong chùa. Năm sau, Tăng - tục thỉnh Sư kế nhiệm, trăm điều đã bỏ phé đều được tiến hành, tông phong chấn hưng lớn lao.

Năm hai mươi chín tuổi, tuân theo di mạng của ngài Khánh Sơn, Sư thay ngài Khánh Sơn xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, lại đón về chùa Báo Ân, dựng nhà tranh để phụng dưỡng suốt đời, gọi là Đại Từ Lão Nhân. Bà cụ chuyên tu Tịnh nghiệp, kiêm tu tham cứu, liền được đại ngộ. Mười một năm sau, tức năm Sư bốn mươi tuổi, nhằm năm Thuận Trị thứ mười (1653) đời Thanh, Đại Từ Lão Nhân thị tịch, thọ bảy mươi một tuổi. Sư ở trước khám thờ ngồi xếp bằng trên mặt đất suốt bảy ngày đêm, chẳng đụng đến một hạt gạo! Một thị giả đứng cạnh Sư suốt bảy ngày đêm đến nổi chân và đầu gối nước vàng chảy ròng ròng, vẫn chẳng tạm rời đi. Đại chúng chùa Báo Ân thấy Sư đau buồn quá mức, muốn khích cho Sư ăn uống liền niêm phong nồi, đóng chặt bếp. Sư nghe nói như vậy liền húp cháo, bảo mở nồi ra. Sư đã xuất gia còn đau buồn như thế, hiếu tử trong thế gian cũng chẳng hơn được! Nhưng Sư làm cho mẹ ngộ đạo thì hiếu tử trong cõi đời có ai làm được như vậy đâu? Sư nghĩ đến ân của phụ sư, mẫu sư tính tìm một cuộc đất thích hợp để an táng hòng báo ân sâu dưỡng dục, dạy dỗ. Tìm được một cuộc đất ở Ngũ Sơn bèn dời quan tài cha về chôn tại đó.

Đến năm Thuận Trị 15 (1658), đạo phong thấu đến bề trên, tháng Chạp sứ giả cầm chiếu đến triệu Sư về kinh lập tức. Sư lấy có sắp

dựng tháp chôn mẹ đẻ từ tạ, vua xuống chiếu rằng: “Đợi khi gặp Sư hỏi đạo xong liền đưa Sư về núi chôn mẹ, quyết chẳng giữ lâu”. Tháng Ba năm sau, Sư lên kinh đô châu vua, vua dùng lễ đãi Sư như thầy, phong hiệu là Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư. Đến tháng Tư, Sư từ tạ chốn cung khuyết trở về Nam, tìm được miếng đất phía sau chùa Tạng Hải ở Ngũ Sơn bèn dựng tháp cho Đại Từ Lão Nhân, nhân đó lập ra chùa Tạng Hải, sai đệ tử là Đức Nham Thiệu làm Trụ Trì. Như vậy, nguồn pháp Tạng Hải do Đại Từ Lão Nhân khởi đầu; kẻ làm pháp tự phải quan tâm. Đương thời, xây dựng phức tạp hay giản dị đều thích nghi. Năm tháng lâu sau, lại thêm chiến tranh, nên bị tan nát, còn sót lại một cái tháp, chứ những thứ khác đều thành gò hoang hết.

Nay vị Trụ Trì đã về hưu là Giới Công, thấu hiểu sâu xa tấm lòng hiếu thảo của Quốc Sư, đặc biệt trùng tu, dựng lại đình, bia, xây tường vây quanh, cũng dựng lại bia mộ mới, lát con đường đá hơn mười trượng, vun trồng cây cối để lấy bóng mát ngõ hầu những ai sau này đến đây đều biết tới tháp viện của bậc cao ni đặc đạo là Đại Từ Lão Nhân mẹ của quốc sư Ngọc Lâm, do đó sẽ khởi lòng kính ngưỡng, ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi lạc cứu giúp người lẫn vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người, để mong sanh được đứa con phước đức trí huệ, hễ nghèo túng thì riêng bản thân kẻ ấy tốt lành, làm gương cho cả một làng, một ấp, hễ hiển đạt thì sẽ làm cho người khác cùng thiện, để lợi lạc, cứu giúp khắp bốn biển chín châu! Do vậy, soạn bài ký.

Hơn nữa, khi Quang mới xuất gia, thấy các vị thiền tăng khắp Nam Bắc lên núi triều bái, tụ tập bàn đến chuyện Ngọc Lâm Quốc Sư tâm

liền khinh thường họ, cho là những hạng tăng nhân này không những chẳng biết tâm tướng của Phật, Bồ Tát mà cũng chẳng biết tâm tướng của thánh hiền thế gian, chỉ dùng tri kiến của bọn vô lại đầu đường xó chợ bịa đặt đồn đãi để vu báng, miệt thị cô đức, tội cùng cực đến đâu! Về sau, đọc Niên Phổ của Quốc Sư thì những gì bọn họ đã nói ngay cả một câu cũng không có, mà những điều chép trong Niên Phổ bọn họ cũng chưa hề nghe thấy một câu nào! Do vậy, biết những lời nói lưu truyền trong cõi tục chẳng đáng tin tưởng! Kính mong bậc quân tử hiểu lý đừng coi những lời lẽ đó là chuyện thật, rồi vì đó mà coi thường cô đức, khinh miệt Phật pháp thì sẽ tự gieo được thiện căn sâu dày, được gọi pháp trách lớn lao vậy!

12. Bi ký về việc chùa Bích Sơn núi Ngũ Đài được thảo am Quảng Tế tiếp pháp thành tựu, vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Trộm nghĩ phạm phu đầy dẫy triển phược lấy mê nhiễm làm căn bản để thọ sanh, bậc Pháp Thân đại sĩ dùng bi trí làm nguồn ứng hóa. Vì thế, đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ta đạo chúng Lương Túc, đức trối Thập Địa, thành Chánh Giác đã lâu, an trụ Tịch Quang, do Bi nguyện rộng sâu nên chẳng động Chân Tế mà hiện thân trong các cõi nhiều như vi trần. Trong thế giới này, ngài thị hiện làm Bồ Tát, dùng sức đại trí phù tá Thích Ca, thị hiện ứng hóa tại núi Thanh Lương như trong kinh Hoa Nghiêm đã báo trước. Vì thế, khi đại pháp được truyền sang phương Đông, Ngũ Đài liền được khai sơn, từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương pháp hóa, lợi ích quần sanh. Từ đời Hán

đến nay, tiếp nối chẳng dứt. Đến khoảng niên hiệu Thành Hóa đời Minh, có thiền sư Cô Nguyệt Tịnh Trừng Thiên lẫn Tịnh đều đạt đến tột bậc, tiếng tăm đạo hạnh nhân đầy vang dội. Vua đất Đại là Thành Luyện thờ Sư làm thầy, dựng chùa ở Hoa Nghiêm Cốc để cung phụng, xin được vua xuống chiếu ban biển tên Bích Sơn Phổ Tế Thiền Tự, pháp đạo hưng thịnh lớn lao, tông phong rạng rỡ. Đầu đời Thanh, thiền sư Uẩn Chứng Như Bích trụ trì chùa này, lâu dần được vua quan tôn kính. Đầu thời Khang Hy, đổi tên chùa thành Hộ Quốc. Đến cuối đời Thanh, bậc triết nhân đã khuất, chùa khá điêu linh.

Năm Quang Tự 32 (1906), hai Sư Thừa Tham, Hằng Tu đến núi triều bái các Đài, thấy trên đỉnh các Đài chỉ có nhà đá, trọn chẳng có Tầng ở. Phàm những người triều bái các Đài khát không có nước uống, đói không có gì để ăn, mệt không có chỗ nghỉ, liền phát đại tâm, dựng một am tranh nơi đỉnh Bắc Đài, đặt tên là Quảng Tế, chuyên làm chỗ nghỉ ngơi, ăn uống cho người triều bái các Đài, tùy sức kết duyên hồng lợi lạc hết thấy Tầng - tục trong ngoài nước. Dân Quốc thành lập, Tầng chúng chùa Bích Sơn không thể duy trì được, ruộng đất đã cầm cố gần như hết sạch. Thừa Tham, Hằng Tu, Quả Định nhập tịch chùa Bích Sơn, xưng danh thảo am Quảng Tế là Đông Phòng. Thừa Tham đổi tên là Xương Thừa, Hằng Tu đổi tên là Xương Hằng, Quả Định đổi tên là Long Quả, đó gọi là “tiếp pháp thành tự”. Do vậy, tận lực quyên mộ duy trì đạo tràng, kiến thiết thảo am hồng tiếp đãi thập phương Tầng chúng, dốc hết sức cúng dường. Từ đây trở đi, mùa Xuân mở niệm Phật thất, mùa Hè giảng kinh, Thu - Đông thì mở thất tọa hương đả tịnh để trọn hết bốn phận của chính mình cầu

chúc quốc dân. Xây cất thêm thiền đường, liêu xá, tính khôi phục lại quy mô cũ, tiếp nối vĩnh viễn Tổ đấng. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), quyên tiền chuộc lại nhà đất thuộc hai viện Đông, Tây. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), chuộc lại ruộng lúa mạch ở thôn chùa Quang Minh thu tô được bốn mươi thạch để làm cái ăn cho Tăng chúng.

Trong hai năm Dân Quốc thứ chín và thứ mười, hai vị Thừa Tham, Hằng Tu nối nhau viên tịch. Môn nhân nối pháp là Quả Định tuân theo di mạng, gắng sức duy trì, được các vị đại hộ pháp, chư sơn trưởng lão ra sức nâng đỡ, xây dựng thêm nhà cửa hơn ba mươi gian nữa, in thêm tạng kinh, trồng trọt cây cối, sửa chữa ngôi nước từ thôn chùa Quang Minh chạy thẳng đến bên trong chùa Bích Sơn, lại tu bổ đập đá bên sông để ngừa nước ngập làm hại hoa màu. Các chùa Nam - Bắc, các vị đại cư sĩ do thấy chùa Bích Sơn đã là thập phương thường trụ, mọi người đều tán thành là hợp lý, trình công văn lên chánh phủ, ra cáo thị, lập hồ sơ ngõ hầu vĩnh viễn không bị suy sụp, mọi người cử Mã Ký Bình, Ưông Đại Tiếp làm đại biểu, pháp sư Đế Nhân và các vị thuộc hội Duy Trì Phật Giáo tại Thượng Hải như ông Trình Tuyết Lâu v.v... gửi thư xin Diêm Đốc Biện tỉnh Sơn Tây ủng hộ. Do vậy, Tổng Tham Nghị Trưởng là Triệu Tải Văn ủy cho hội trưởng pháp giới tỉnh Sơn Tây là hòa thượng Lực Hoằng cùng các hội viên lên núi vào tháng Năm năm Dân Quốc 16 (1927), mời chánh phó hội trưởng của Tăng chúng trong núi này, khu trưởng, hội trưởng thương hội, những người có danh vọng trong giới Tăng - tục thuộc mười ngôi chùa lớn, cùng bàn định: Chùa Bích Sơn mắc nợ quá lớn, không

có người gánh vác, sẽ do Đông Phòng là Thảo Am Quảng Tế đứng ra trả thay món nợ hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Tất cả điện, phòng, ruộng đất của Bích Sơn vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ, không chấp thuận cho thu nhận đồ đệ để khỏi bị cái họa chôn vùi Tổ đức, làm nhục Phật môn.

Vào ngày 29 tháng Bảy năm Dân Quốc 17 (1928), cùng với đại chúng trả món nợ do sư Long Phước đòi Thanh đã thiếu bên ngoài gồm hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Những bằng khoán ruộng đất nhà cửa do Long Phước đã đem cầm cố trước kia đều thu hồi để giữ vĩnh viễn. Hội Phật Giáo tỉnh Sơn Tây đại diện trình lên chánh quyền tỉnh và huyện để lập hồ sơ, ra thông cáo, ngõ hầu mọi người đều biết chùa Bích Sơn vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ, chỉ chuyên tâm tu hành, tu trì Tịnh nghiệp, sẽ thấy trong hang Sư Tử trọn chẳng còn có loài thú khác, trong rừng Chiên Đàn, vĩnh viễn mất giống Y Lan, gắng sức kế tục đạo của Cô Nguyệt thiền sư, hòng an ủi tấm lòng của Văn Thù đại sĩ thì một phen khổ tâm nâng đỡ, thành toàn của hết thầy Tăng - tục mới chẳng trở thành luống uổng! Phàm những ai sống tại đây ai nấy đều nên gắng sức lên!

13. Bi ký thuật duyên khởi hạ viện Linh Nham Sơn Tự lập thêm hội phóng sanh bên ao phóng sanh

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức lớn của trời đất là Sanh, gốc lớn của nhân dân là Thiện. Sanh thì thực vật, động vật đều sanh thành, Thiện thì yêu người thương vật đều cùng thực hành. Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta. Nếu chẳng khiến cho dân lẫn loài

vật được sống yên vui, làm sao hợp lòng trời? Muốn cho quyền thuộc cõi trời thường rủ lòng thương xót, hãy nên gấp rút chú trọng nơi lòng nhân ái. Được như thế, mưa gió sẽ đúng thời, thóc lúa trúng mùa, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Dù chỉ luận về phương diện cá nhân thì cũng được nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng, sống dựa vào bậc thánh hiền, mắt sẽ lên cõi Cực Lạc.

Khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hồ Gươm ở Tô Châu vốn do hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu sáng lập. Năm Dân Quốc 24 (1935), tặng cho Linh Nham Sơn Tự làm Hạ Viện. Giám viện là thầy Diệu Chân do được tặng hậu hĩ như vậy càng ra sức tiến hành chuyện phóng sanh để mong người có lòng nhân nơi ấy và những kẻ thấy nghe đều hiểu được ý nghĩa phóng sanh, do vậy sẽ kiêng giết bảo vệ sanh vật, ngõ hầu chim - thú - cá - rùa đều sống yên vui, sao cho câu nói *“dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta”* chẳng trở thành chuyện nói xuông, mà phong thái yêu người thương vật cũng ngày càng được phát triển!

Do vậy, cùng với những vị thuộc hội Cứu Giúp Loài Vật trước kia như các ông Dương Đạt Toàn, Viên Hiếu Cốc, Tào Tung Kiều v.v... và vị phát khởi lần này là hòa thượng Chân Đạt, cư sĩ Huệ Thường, các vị Tăng - tục tổ chức một hội phóng sanh. Phạm những người gia nhập hội đều nên kiêng giết, ăn chay, lấy thân làm gương thì những người ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta, nhìn nhau bắt chước làm lành, hiệu quả rất lớn! Nếu chẳng thể đoạn ngay được thì cũng nên giảm dần dần, giảm đến cùng cực thì sát nghiệp vĩnh viễn chấm dứt. Nếu một người suốt đời chẳng giết thì những sanh mạng được sống sót

đã chẳng thể tính được, huống chi là từ một người cho tới mười, một trăm, một ngàn, một vạn người, sẽ trở thành không phóng sanh mà thường hành phóng sanh rộng khắp vậy! Gần đây sát kiếp ngập tràn, hề giặc cướp kéo đến, dân chúng đều gặp cảnh lâm than, đôi bên chẳng hề biết nhau, vừa thấy nhau liền giết phăng, hoặc đánh đập, tra khảo, nung đốt để lòi ra tiền của. Luận theo cuộc sống hiện thời, quả thật là mắc họa ngang xương! Nhưng hề có quả ắt phải có nhân, có nhân ắt phải chuốc lấy quả! Thử nghĩ xem, người đời vì bụng miệng mà giết hại sanh mạng đủ mọi nỗi thảm khốc, ai có thể chịu đựng được? Nhưng do quen thói, chẳng những không sanh lòng thương xót, lại ngược ngạo nẩy lòng vui sướng, đến nỗi tuần hoàn báo đền, trở thành kiếp vận lớn lao này! Chư Phật, Bồ Tát vì cứu sát kiếp mà hiện thân trong dị loại, cũng bị con người giết. Đã giết rồi, thấy các tướng lạ mới biết là do Phật hiện, nhân đấy ai nấy đều kiêng giết. Trong năm Dân Quốc 20 (1931), Quang từng vì ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì (thuộc tỉnh An Huy) viết bài tán làm lời bạt cho bài ký về chuyện tượng Phật hiện trên răng hàm lợn như sau:

Hết thấy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyên từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng Từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận lời Phật dạy. Vô ghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa, đều có hình Phật ngự trong ấy. Có người họ Chức vào đời Tống giết lợn quăng đầu, chó giữ bốn ngày chẳng dám táp. Đuôi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật.

Mắt biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiêm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, mọi người đều nói là “súc sanh”, đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy, biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển! Hãy gấp đầu đầu ngăn dè, hòng được giải thoát! Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành, giành đất sẽ chằm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyện kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về Cực Lạc”

Lời bạt này tuy văn từ thô thiển, nhưng cũng có thể làm cho người xem sanh lòng cảm động. Kính sao lục nguyên văn để mong dứt diệt si tâm của kẻ ham giết ăn thịt, phát khởi thiện niệm kiêng giết ăn chay. Phật, Bồ Tát hiện thân trong dị loại để dứt sát kiếp cho cõi đời, thấy trong khắp các sách vở. Đọc phần Hiện Tướng Trong Loài Vật của sách Quán Âm Bồ Tát Tích Tụng sẽ biết được đại khái. Do đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật nên chẳng nỡ tàn sát lẫn nhau, kéo bị vĩnh viễn chìm đắm trong ác đạo. Đây chính là những thứ biến hiện khiến cho con người thấy nghe mà kinh sợ, chẳng thể không suy nghĩ cặn kẽ sâu xa ư?

14. Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Con người sống trong thế gian thật giống như huyễn hóa, dầu thọ trăm tuổi cũng chỉ là một khoảng khảy ngón tay. Lúc sanh ra cũng tùy theo túc nhân (nhân trong đời trước) mà đến, lúc chết cũng tùy theo hiện nhân (cái nhân trong đời này) mà đi. Dầu sẵn đủ Phật tánh thường trụ bất biến, tịch - chiếu viên dung, nhưng do mê chưa ngộ nên ngược ngạo nương vào sức công đức của Phật tánh ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp luân hồi sáu nẻo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Như Lai thương xót nên khi họ còn sống bèn dạy tu tịnh hạnh để mong bỏ mê về với ngộ, lìa vọng theo về chân ngộ hầu khôi phục Phật tánh sẵn có, sau khi chết bèn hỏa thiêu thân xác nhằm chỉ rõ sáu Trần không có Thể, năm Uẩn đều là không, đích thân chúng được diệu tâm thường trụ. Ở Tây Vực có bốn cách an táng:

1) Một là thả trôi trong nước, tức là bỏ trong các sông rạch cho cá, rùa ăn.

2) Hai là hỏa thiêu, dùng lửa đốt xác ngũ hầu phá được Ngã Chấp.

3) Ba là chôn xuống đất, tức vùi kín trong huyết để thân xác khỏi bị phơi bày. Nước ta thường chú trọng chôn xuống đất; nhưng biển dâu biến đổi, đường đất nhiều lượt thay đổi, đào mộ lộ xương, thảm thương tột cùng!

4) Bốn là thi lâm (rừng thây), tức bỏ xác trong rừng cho chim thú ăn. Nay tại Ngoại Mông Cổ, bỏ xác trong đồng hoang để nuôi chim, thú.

Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều an táng theo cách hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này vì Phật pháp trọng thần thức, chỉ sợ đấm dập thân xác, chẳng thể giải thoát được! Thiêu đi thì sẽ biết đây chẳng phải là ta, không còn đấm dập nữa. Lại vì người đã khuát tụng kinh niệm Phật, mong họ chứng được Pháp Thân. Nho giáo trọng hình tích, còn thần thức thăng hay giáng trọn chẳng để ý tới, nên làm quan quách cho bền chắc để mong xác thân thường còn, chẳng bị biến hoại.

Hiện nay, cả nước mở mang đường tàu hỏa, đường xe hơi, đào lên những hài cốt vô chủ nhiều không thể kể xiết, thảm thương chẳng nỡ nhìn! Những bậc cao nhân hiểu biết đều muốn sửa đổi cách an táng. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu có tháp Tứ Chúng Phổ Đồng: Đào một cái huyết lớn, trong chia thành bốn ngăn, phía trên xây tháp bốn mặt, mỗi mặt đều trở cửa. Phàm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, hay ưu-bà-di đều đem các túi đựng cốt đặt vào trong những lỗ huyết.

Mùa Xuân năm ngoái, chùa Linh Nham dựng tháp này, phỏng theo cách ấy nhưng sửa đổi thành hai loại Phổ Thông và Đặc Biệt. Phổ Thông là phía dưới đào bốn cái huyết, phía trên dựng bốn cái tháp, xương của chúng nào thì đặt túi đựng cốt vào trong lỗ huyết thuộc tháp của chúng đó. Tháp Đặc Biệt là phía trên dựng khám thờ Phật để thờ Tây Phương Tam Thánh, phía sau làm một cái khám nhỏ để thờ bài vị

của người nhập tháp. Phía dưới dùng xi-măng (cement) xây thành tầng ngầm, chia ra hai gian Đông và Tây.

Mỗi gian chia thành bốn khu, mỗi khu nhìn ra hai hướng, mỗi hướng gồm sáu nhóm, mỗi nhóm là bao nhiêu đó ô đựng cốt, tổng cộng là một ngàn ba trăm chín mươi chín ô. Gian phòng thờ được chia thành bốn bộ phận: một là tỳ-kheo, hai là tỳ-kheo-ni, ba là ưu-bà-tắc, bốn là ưu-bà-di. Hỏa thiêu xong, đựng tro trong hũ sứ, đem từ khám thờ Phật xuống đặt trong tầng ngầm.

Nếu đã nạp lệ phí, ghi danh sẵn, ước định sẽ đặt vào nhóm nào, ô nào thì bất luận nhập tháp lúc nào vẫn xếp theo đúng ước định. Nếu không, người nhập tháp trước sẽ được xếp đằng trước, người nhập sau xếp đằng sau.

Phía trên tầng ngầm xây năm gian nhà lớn, ba gian chính giữa là khám thờ Phật, phía dưới là tháp đặc biệt. Bốn tháp ở phía Đông và phía Tây sau khám thờ chính là tháp Phổ Thông.

Hai gian hai bên dùng làm chỗ ở cho vị trông coi nhang đèn, nước nôi và những vị già cả không thể ở chung với chúng được. Chuyên nhất niệm Phật suốt năm để người mất thường được nghe Phật hiệu, phẩm sen tăng cao, người còn sống đau đầu nghĩ tới vô thường, gấp cầu vãng sanh. Âm - dương đều được lợi, cùng gội ân sâu khế lý khế cơ. Kẻ thấy nghe phát tâm cùng tu diệu đạo “*tâm làm, tâm là*”, ngõ hầu phạm phu sát đất cậy vào Phật lực siêu phạm nhập thánh. Đã dự vào hải hội sẽ đoạn Hoặc chứng Chân ngay trong đời này, thật là nhân duyên tối thắng để liễu sanh tử, mà cũng là chỗ quy túc tốt lành nhất sau khi hết tuổi thọ!

Tụng rằng:

Tịnh Độ đại pháp môn,

Mười phương Phật cùng khen,

Mắt - còn siêng tu trì,

Chóng được lên bờ giác.

15. Bài ký về chuyện cư sĩ Châu Tử San sanh Tây

Cư sĩ húy Dục Anh, hiệu Tử San, là cháu đích tôn của vị đại thương gia đất Cát An tỉnh Giang Tây tức tiên sinh Châu Phù Cửu. Mắt cha mẹ từ bé, do bà nội là Đàm Thái Phu Nhân chăm bẵm thành người, bẵm tánh thông minh, sáng suốt, hiếu học, ưa tìm tòi, nhân từ, hòa nhã, lòng dạ rộng rang tựa hang trống, sanh trưởng trong nhà phú quý nhưng chẳng có mảy may thói quen kiêu căng, xa hoa. Ra làm quan, hoàn toàn chú trọng trung thực, giữ lòng từ ái. Từ bạn đồng liêu, thân hữu cho đến tôi tớ, nếu ai trái ý chưa hề hiện vẻ giận dữ, thốt lời thô tháo! Luôn luôn tươi tỉnh, hòa nhã, chuyện nghịch xảy đến bèn thuận chịu.

Đến khi cáo quan về ở ẩn, đóng cửa ngâm tu dưỡng, ngẫu nhiên đọc nội điển (kinh Phật) liền biết Phật pháp là căn bản của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tạo phước lợi cho xã hội, phổ độ chúng sanh đều toàn nhờ vào Phật pháp cả! Vì thế, liền quy y với lão pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông, được đặt pháp danh là Trí Tạng. Từ đây, ăn chay trường, niệm Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, đối xử người khác bằng lòng khoan dung, trung hậu, tự sống đạm bạc, bạn bè thường vay mượn nhưng chẳng nề hà, hết thảy chuyện lành đều khảng khái giúp

cho thành tựu. Nêu gương giúp kẻ đối rét là chuyện thường làm, thực hiện những điều lành thế gian đều dùng tâm Bồ Đề để hồi hướng hồng tạo duyên tăng thượng thù thắng nhất hồng vãng sanh Tây Phương. Lại thấy lòng người hiểm ác, thời sự mỗi ngày một sai trái nên càng dốc sức làm lành, lòng ưa - chán càng sâu.

Năm Dân Quốc 21 (1932), tức năm Nhâm Thân, nhằm độ tuổi tri mạng (50), ngày mồng Tám tháng Tư gặp đúng hôm thánh đàn đức Thích Ca Văn Phật, vào lúc bảy giờ sáng, ông thị hiện chút bệnh nhẹ, cảm thấy hông lưng đau nhức, bảo người xoa nắn nhẹ nhàng cho dễ chịu. Tự mình ngồi xếp bằng ngay ngắn hướng về Tây, chuyên tâm xưng niệm A Di Đà Phật. Thanh âm rõ ràng, rồi cúi đầu qua đời. Người nắn lưng thấy cư sĩ im lặng hồi lâu chẳng ừ hử gì liền thăm dò hơi thở nơi mũi mới biết cư sĩ đã bỏ báo thân này vãng sanh Tây Phương rồi! Lúc ấy mùi hương lạ ngập nhà, năm ngày sau mới tan. Tướng lành như vậy có thể nói là chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiền Định, tức là được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương chẳng còn mảy may nghi ngờ, bàn tán chi nữa! Ôi! Đang trong lúc kiếp trước khổ chẳng kham nổi này, cư sĩ đến lúc lâm chung mới thị hiện chút bệnh, chỉ trong khoảnh khắc liền ngồi mà mất, đã nêu tấm gương lớn cho những kẻ chịu đựng khổ sở chẳng kham nổi! Cư sĩ Ngô Nam Phổ gởi chuyện này cho Quang, nhân vậy bèn ghi lại những nét chánh yếu.

16. Bi ký về ao phóng sanh của Liên Hoa Am tại Thường Thục

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Cần là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống như ta, đây chính là chí hướng chủ yếu “coi dân và loài vật

giống như nhau” của nhà Nho, nghiêm cấm gây đọa thai, phá trứng, ắt sẽ khiến cho chim - thú - cá - rùa đều được sống yên vui. Đây chính là lỗi cai trị bằng đức hòng thắng tàn bạo, trừ khử giết chóc của bậc thánh vương. Đó là vì đức lớn của trời đất là Sinh, nỗi khổ lớn của người lẫn vật là Giết. Thắng tàn bạo, trừ giết chóc phải từ chuyện nhỏ mà thành lớn, thương người yêu vật phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan thứ từ cái gốc ắt sẽ đến nỗi bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó, hằng ngày tàn sát mà cứ lầm lạc muốn yêu người thương vật, ắt chỉ thành chuyện nói xuông, quyết khó thể thực hiện được chuyện ấy!

Vì sao nói thế? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thực hiện chuyện yêu thương loài vật thì do làm lâu ngày bụng dạ sẽ đầy ấp nhân từ, mai sau có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ che chở dân đen lớn lao; dẫu ẩn cư trong một làng cũng có thể dùng thân làm gương để thay đổi phong tục. Như vậy thì cái đạo thương dân phải vun bồi từ lòng yêu vật mới có thể viên mãn trọn khắp không điều tệ! Chẳng xuất phát từ lòng yêu thương loài vật thì trong đời này tợ hồ cũng chẳng có chi đáng áy náy, nhưng trong tương lai ắt phải lo nghĩ lớn lao, bởi đã gieo cái nhân tàn sát loài vật sẽ khó thể tránh cái quả tuần hoàn báo đền. Nguyên những ai có lòng thương người hãy suy nghĩ cẩn kỹ!

Chuyện phóng sanh vốn nhằm để khơi gợi thiện tâm nơi con người hiện tại và tương lai, ngõ hầu họ sẽ kiêng giết, ăn chay, làm cho khắp các loài hàm thức được sống yên vui, đều trọn hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được sát quả; nhỏ là trọn tấm lòng

thuần nhân của ta, lớn là dứt sát kiếp cho cả thế giới. Đừng bảo đây chẳng phải là chuyện cấp bách, rồi coi thường bỏ qua!

Liên Hoa Am bốn mặt đều là nước, chính giữa nổi lên một bãi bồi, cát am trên ấy, thờ Tây Phương Tam Thánh, chuyên thỉnh vị Tăng có giới đức làm Trụ Trì. Cảnh sắc thanh u, chẳng bèn hồng trần, tu trì nghiêm mật, giới đức lan xa, dùng cừ chặn khúc sông trước mặt am làm ao phóng sanh. Từ đời Minh đến nay, thời gian đã lâu xa. Hiện tại có những vị thân sĩ trong ấp như Cù Lương Sĩ, Bàng Đức Siêu v.v... hết sức muốn chinh đốn, và muốn làm sáng tỏ ý nghĩa trọng yếu và lợi ích của việc phóng sanh, cây tôi soạn bài văn để thưa cùng bậc sáng suốt trong mai sau.

Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn nhằm để đề xướng kiêng giết ăn chay. Nếu con người ăn chay trọn đời sẽ trở thành không phóng mà hóa ra là phóng sanh lớn lao vậy! Nay sao chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ lại, ắt sẽ chẳng nở lòng ăn mà lòng chẳng dám ăn cũng bưng bưng dấy lên! Thơ rằng:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,

Danh thù, thể bất thù,

Bổn thị nhất chủng tánh,

Chỉ vi biệt hình khu,

Khổ não từng tha thụ,

Phì cam vi ngã nhu,

Mạc giao Diêm Quân đoán,

Tự suy ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
 Danh khác, thể vốn đồng,
 Vốn cùng một chủng tánh,
 Chỉ hình hài khác nhau!
 Khổ não chúng hứng chịu,
 Béo ngon ta hưởng riêng,
 Chớ đợi Diêm La xử
 Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ này ý vị làm sao! Trung hậu, khoan thứ sẽ cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng mong người khác làm cho chính mình thì chớ gây cho người khác, đây chính là đại kinh đại pháp thành thủy thành chung để yêu người thương vật vậy. Do vậy, chẳng cần phải nói cặn kẽ về những nghĩa lý sâu xa nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo. Nguyên những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu xa.

17. Bi ký thuật công đức trùng tu Di Lạc Lô Các của Linh Nham Sơn Tự

(năm Dân Quốc 29 - 1940, cuối Hè năm Canh Thìn)

Di Lạc là đấng giáo chủ của thế giới Sa Bà sẽ giáng sanh trong tương lai, Lô Các là phòng ốc nơi đức Di Lạc ở khi Thiện Tài đi về phương Nam tham học. Nhà nhiều tầng là Lô, lầu cao là Các. Lô các này thẳng diêu khôn sánh, phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Vị Bồ Tát đều chẳng thể thấy được! Đây chính là báo cảnh do công đức thẳng diêu

thượng cầu hạ hóa của đức Di Lạc từ vô lượng kiếp đến nay cảm thành. Thiện Tài đã tham học với hai vị thiện tri thức là Đức Sanh và Hữu Đức xong, họ lại dạy Thiện Tài đi qua Tỳ Lô Giá Na Trang Nghiêm Tạng Đại Lô Các trong vườn Đại Trang Nghiêm ở nước Hải Ngạn tại phương Nam thỉnh giáo Di Lạc Bồ Tát: *“Vị Bồ Tát ấy ắt sẽ có thể vì người nói diệu pháp khéo lý khéo cơ rất ráo, khiến cho người được đại lợi ích”*. Do vậy, Thiện Tài cực lực đối trị tập khí phiền não, cực lực tu trì đạo Giới - Định - Huệ, đến trước Tỳ Lô Giá Na Đại Lô Các ở nước Hải Ngạn, năm vóc mọp sát đất, nguyện thấy đức Di Lạc, nói kệ tán thán, bèn thấy Di Lạc Bồ Tát từ chỗ khác đi tới.

Thiện Tài đành lễ, Di Lạc đối trước đại chúng cùng đi với Ngài, tán thán Thiện Tài là chân Phật tử, là chân pháp khí. Lại vì Thiện Tài nói đủ mọi công đức của tâm Bồ Đề hồng bồi đắp nên tảng thành Phật, dạy vào trong Đại Lô Các quan sát trọn khắp sẽ biết rõ cách học Bồ Tát hạnh. Học xong sẽ thành tựu vô lượng công đức. Thiện Tài bạch rằng: *“Kính xin Đại Thánh mở cửa lâu các cho con được vào!”* Ngài Di Lạc khảy ngón tay ra tiếng, cửa liền mở ra, bảo Thiện Tài vào. Vào xong cửa đóng lại. Thấy lâu các ấy rộng rãi vô lượng giống như hư không. Mặt đất và cung điện, hết thảy vật cứng đều dùng vô lượng các thứ báu để hợp thành. Lại thấy trong ấy có vô lượng trăm ngàn các thứ lâu các nhiệm màu, mỗi mỗi rộng lớn nghiêm trang, đẹp đẽ, đều bằng với hư không, chẳng ngăn ngại nhau, cũng chẳng tạp loạn. Nơi mỗi một chỗ thấy hết thảy chỗ, trong hết thảy chỗ đều thấy như thế.

Khi đó, Thiện Tài rạp mình lễ kính, vừa mới mọp đầu đã tự thấy thân mình trọn khắp trong hết thảy các lâu các, lễ khắp hết thảy Phật -

Pháp - Tăng, thấy đủ các thứ cảnh giới tự tại chẳng thể nghĩ bàn, như là: Hoặc thấy đức Di Lặc vừa mới phát tâm Bồ Đề hành đạo Bồ Tát, thân cận vị thiện tri thức nào, chúng tam-muội nào cho đến đích thân chúng được Pháp Thân, trong mười phương pháp giới, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật hiện những thân tam thừa lục đạo để giáo hóa, mỗi mỗi đều thấy trọn vẹn và hết thấy chư Phật trong mười phương thế giới từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật độ sanh và nhập Niết Bàn, pháp tồn tại lâu - mau, cũng đều thấy trọn vẹn. Thiện Tài ở trong lâu các thượng cầu hạ hóa, trải số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật siêng năng, chuyên ròng tu trì đủ mọi diệu hạnh mà chẳng mỏi mệt, nhất tâm tiến thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề.

Khi ấy, Di Lặc Bồ Tát liền thân hồi thân lục, vào trong lâu các, khảy ngón tay ra tiếng, bảo Thiện Tài: *“Thiện nam tử! Hãy dậy đi, pháp tánh như vậy đó. Đây chính là trí biết các pháp của Bồ Tát, biết các pháp là tướng được hiện bởi nhân duyên tụ tập. Tự tánh như thế giống như huyễn, như mộng!”* Do vậy, Đại Lâu Các ấy chính là pháp giới tạng. Phàm tất cả những sự vi diệu trong pháp giới không gì chẳng thấy trọn vẹn trong lâu các này. Đó gọi là *“mười pháp giới xưa - nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm hiện tại, vô biên cõi nước, ta - người chẳng cách biệt chùng bằng mây lông!”* Nếu không có thân thông đạo lực của Di Lặc, Thiện Tài cạn lòng thành tận lòng kính, làm sao đạt được như vậy?

Đời gần đây, các nơi không nơi nào chẳng thờ tượng Di Lặc nơi tiền điện, chẳng gọi là Di Lặc Điện mà lại gọi là Thiên Vương Điện, đúng là coi ngài Di Lặc như khách ăn nhờ ở đậu các Thiên Vương, quá

mất ý nghĩa tôn kính! Linh Nham tu bồ tiền điện, nhân đây tôi bèn nói nguyên cớ với giám viện là đại sư Diệu Chân, lại trích lục chương Thiện Tài tham học với ngài Di Lạc từ kinh Hoa Nghiêm để chứng tỏ ngài Di Lạc đức vượt trời Thập Địa, đạo đã chứng Đẳng Giác, từ bi cứu vớt chúng sanh, nếu không phải là Phật sẽ chẳng thể biết được! Do vậy, bèn đặt tên cho tiền điện là Di Lạc Lô Các để mong sau này ai bước vào đó sẽ đều giống như Thiện Tài hoặc trong đời này hoặc trong đời mai sau, ai nấy đích thân chứng được đạo trong lô các, để an ủi tấm lòng đại từ bi “luôn dạy cho người đương thời” của ngài Di Lạc.

Hơn nữa, các nơi thờ tượng Di Lạc chính là tượng Bồ Đại hòa thượng do ngài Di Lạc thị hiện vào cuối đời Đường. Nay đã biết là do Di Lạc thị hiện thì cố nhiên hãy nên thờ bốn tượng vi diệu trang nghiêm. Nhằm tỏ rõ ngài đang sống trên Đâu Suất Thiên nên tạc tượng ngài đội mũ Ngũ Phật để làm tiêu thức. Lược thuật duyên khởi để bảo cùng người thông sáng mai sau, hiểu tôi hay trách tội tôi, tôi cũng chẳng màng! Chuyện tu bồ điện từ đầu đến cuối, công đức của đàn-na tín chủ được ghi cặn kẽ trong tấm bia khác, nên chẳng ghi lại tường tận ở đây!

Phụ Lục: Toa chế thuốc hoàn tiêu đờm chữa ho

Cách chế tạo:

Dùng Kinh Giới, Cát Cánh, Tử Uyển, Bách Bộ, Bạch Tiên, Trần Bì, Tang Bạch Bì, Cam Thảo, mỗi thứ một lượng, đều để tươi nghiền nát thành bột mịn, lại thêm vào hai lượng hạt củ giền tươi để nghiền. Lại dùng một lượng lá Tỳ Bà nấu nước để lọc nước cốt hạt củ giền, rồi thêm vào hai lượng nước cốt củ giền tươi, hòa chất bột của những thứ

thuốc nói trên với nước cốt củ giền vò thành hoàn, thêm vào hai hay ba lạng bách luyện mật nữa là được. Mỗi hoàn nặng hai tiền năm phân.

Cách uống:

Dùng nước sôi để chiêu thuốc, mỗi lần uống một hoàn, trẻ nhỏ thì giảm xuống một nửa. Mỗi ngày sáng dậy lúc chưa ăn gì và lúc tối sắp đi ngủ, uống mỗi lúc một lần.

Bài thuốc này vốn trích từ sách Y Học Tâm Ngô Nghiệm Phương Tân Biên nhưng thiếu Trần Bì, Cam Thảo. Hơn nữa, mỗi thứ đều sao ròi mới chế thuốc, uống vào sợ rằng gây khô háo, nay thêm vào Tang Bạch Bì, và lại dùng lá Tỳ Bà, hạt củ giền, nước cốt củ giền, vò thành hoàn. Các thứ thuốc đều nghiền tươi. Từ đây áp dụng không ai chẳng công hiệu, phong - hàn - đàm - nhiệt đều thích hợp! Nhiếp Vân Đài ghi.

Tôi bị trúng gió ho húng hắng, xin được từ chỗ cư sĩ Vân Đài mười mấy hoàn, uống mấy hoàn liền khỏi bệnh. Những hoàn thuốc còn lại cùng với số xin thêm từ Tam Lạc Xã đem gửi tặng cho người khác, họ đều khen là linh nghiệm. Do vậy đặc biệt ghi thêm toa thuốc vào đây. Nguyên người đọc dựa theo toa chế thuốc nhằm tạo tiện lợi cho người khác thì công đức vô lượng. Đức Sâm ghi thêm.

IV. TỤNG TÁN

(phụ thêm phần kệ)

1. Phật Bảo Tán

Phật bảo khen ngợi khôn cùng,
 Từ trần kiếp trước chứng Đại Hùng,
 Thường trụ Tịch Quang bi tâm sâu,
 Hóa hiện độ quần mông,
 Thuyết pháp khế cơ cùng khế lý,
 Chấn động điếc - đui trong chín cõi,
 Linh Sơn pháp hội nguyện tương phùng,
 Thọ ký, rạng tông phong.

2. Pháp Bảo Tán

Ngợi khen Pháp Bảo khó lường thay!
 Không - Hữu thể - dụng thảy trọn bày,
 Mấy trần chẳng lập muôn đức tội,
 Vô trụ tâm quang tỏa rạng ngời,
 Chân - Tục cùng còn, cùng diệt mất,
 Thế nào mới có thể tán dương?
 Chứng đến chỗ không gì để được,
 Ất đáng xưng là Pháp Trung Vương.

3. Tăng Bảo Tán

Tăng Bảo thật chẳng thể nghĩ bàn,
 Bồn - Tích thánh - phàm há dễ hay!
 Ngài Văn Thù thầy bảy đức Phật,
 Còn hiện tướng Hàn Sơn si ngậy.
 Phàm tăng tận lực tu Tam Học (Giới - Định - Huệ)
 Gánh vác đạo Bồ Đề Như Lai.
 Do vậy, hai khuôn mẫu rộng lớn,
 Pháp đạo phàm - thánh mãi truyền trì.

4. Tán dương tượng Phật Dược Sư

Mười hai đại nguyện đức khó lường,
 Xung danh liền được thoát khổ ương,
 Đến khi nghiệp tận tình không ấy,
 Đông - Tây cõi giác vốn chân thường!

5. Dược Sư Phật kệ

Dược Sư Như Lai Lưu Ly Quang,
 Thệ nguyện rộng sâu đời khó lường!
 Hiển: sanh điều lành, nhóm phước khánh.
 Mật: khiến diệt ác, tiêu họa ương.
 Dẹp khổ: cốt sao sạch nhị tử,
 Ban vui: muôn đức ắt phô bày.

Pháp giới thánh - phạm đều quy mạng,
Gội ân mau chứng được chân thường.

6. Tán dương tượng Phật A Di Đà

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh,
Nghịch ác hướng lòng cũng tiếp nghênh,
Xen trộn đúng - sai không chọn lựa,
Vì thương những kẻ Phật chưa thành.

7. Tán dương kinh tháp Phật A Di Đà

Bảo tháp nguy nga tốt hư không,
Vô biên pháp tạng chứa vào trong,
Cực Lạc trang nghiêm đều hiện trọn,
Di Đà quang thọ vẹn hình dung,
Sáu phương chư Phật thường ca ngợi,
Chín giới chúng sanh trọn hướng lòng,
Một câu sáu chữ hồng danh gọn,
Quy căn kết đảnh thật mênh mông!

8. Tán dương tượng Tây Phương Tam Thánh

Tam Thánh vô tâm đều đã chứng,
Vô tâm ứng trọn hữu tâm nhân,
Dẫn khắp chúng sanh về Cực Lạc,
Thân - tâm trọn không, chẳng dấu hần.

9. Tán dương tháp Đa Bảo

Đa Bảo Như Lai,
 Vì thỏa nguyện xưa,
 Hiện trọn Thật Tế,
 Hiện tháp vọt lên.
 Hiện Bồn để làm khuôn mẫu lớn,
 Mọi kẻ thấy nghe lên bên kia.

10. Tán dương tượng Quán Thế Âm Bồ Tát

Khấp trần sát cõi thấy hiện thân,
 Thương nhất Sa Bà lũ thế nhân,
 Hễ còn ai đó chưa thành Phật,
 Tâm thanh cứu khổ chữa nguôi lòng.

11. Kệ tán dương Quán Thế Âm Bồ Tát

Quán Âm thế nguyện diệu khôn lường,
 Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng!
 Cứu khổ tâm thanh: từ hút sắt,
 Hiện thân thuyết pháp: nước in trắng,
 Cứu vớt muôn sự trần sát cõi,
 Sa Bà càng nặng tâm lòng Từ,
 Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,
 Che chở quần manh khắp xót thương.

Quán Âm thệ nguyện thật mênh mông,
 Độ mọi chúng sanh lìa cõi khổ,
 Hưng khởi từ bi khắp sát trần,
 Phổ Môn mỗi mỗi đều thâm nhiếp,
 Nay ứng hiện khắp bả hai thân,
 Khiến chúng rớt ráo chúng tâm Phật,
 Cung kính thường xưng niệm Quán Âm,
 Cát khánh thường hưởng, chướng dứt bật.

12. Kệ hồi hướng cho Quán Âm Thất

Nguyện do công đức trì tụng này,
 Liên cảm được Đại Sĩ gia bị,
 Tiêu trừ ta - người nghiệp xưa nay,
 Thiện căn ta - người cùng tăng trưởng,
 Bao kiếp giữ mãi Đại Sĩ tâm,
 Khắp cõi thường hành Đại Sĩ sự,
 Gây tạo lợi ích tốt vị lai,
 Khiến mọi hữu tình chẳng họa hại.
 Nguyện do công đức này,
 Tiêu trừ nghiệp xưa - nay,
 Tăng trưởng mọi phước huệ,
 Viên thành thắng thiện căn,

Tất cả đao binh kiếp,
 Cùng với nạn đói khát,
 Đều bị diệt trừ sạch,
 Thế giới mãi thanh bình,
 Mưa gió thường thuận hòa,
 Nhân dân đều an ninh,
 Pháp giới các hàm thức,
 Cùng chứng vô thượng đạo.

13. Kệ khánh chúc Quán Âm

Đoan tọa Phổ Đà thường nhập Định,
 Chúng sanh hễ cầu, trọn rủ lòng,
 Muốn biết nghĩa cảm ứng huyền diệu,
 Xin nhìn trăng rọi khắp muôn sông.

14. Sửa đổi cho đúng bài kệ tán dương đức Quán Âm thường được lưu truyền trong cõi đời

Quán Âm Bồ Tát đức tối ưu,
 Chánh Pháp Minh Phật chứng đã lâu,
 Ân sâu lồng lộng trùm muôn cõi,
 Kim Phật vọi vọi ngự trên đầu,
 Nước bình cam lộ gột trần cấu,
 Tay phóng hào quang diệt ưu sầu,

Hễ trần sát cảm, trần sát ứng,
Vàng trắng in bóng trọn muôn sông.

15. Tán dương tượng Đại Thế Chí Bồ Tát

Như con nhớ mẹ siêng niệm Phật,
Nhiếp trọn sáu căn tai lắng nghe,
Vâng theo lời Đại Sĩ khai thị,
Quả giác ắt khế hợp nhân tâm.

16. Kệ tán dương Đại Thế Chí Bồ Tát

**Thế Chí Bồ Tát đức vô biên,
Phù tá Di Đà thả từ thuyền,
Cứu khổ hết như Quán Tự Tại,
Dẫn dắt về Tây tợ Phổ Hiền.**

**Tu nhân dùng trọn căn - trần - thức,
Chứng quả đều đạt viên thông thường,
Nhiếp người niệm Phật về Tịnh Độ,
Ân này muôn kiếp dễ đâu quên!**

**Đại Thế Chí lợi sanh sâu rộng,
Chuyên chú trọng pháp môn Niệm Phật.**

**Như con nhớ mẹ nhớ Thế Tôn,
Liên được gọi ngay ân đức Phật,
Khế hợp quả giác lẫn nhân tâm,**

**Lập tức trở về với nguồn cội,
Nhiếp trọn sáu căn diệu khó lường,
Nguyện khắp chín giới thường vâng giữ.**

17. Tán dương tượng Địa Tạng Bồ Tát

Cao cả thay Đại Sĩ! Thệ nguyện rộng sâu, nghĩ thương chúng sanh luân hồi kiếp dài lâu, vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, thường ở trong địa ngục để mong cứu kẻ bị treo ngược. Chúng sanh độ hết mới chúng Bồ Đề, địa ngục chưa trống thề chẳng muốn thành Phật. Do nhân duyên ấy, chư Phật ngợi khen. Huống chi những kẻ đang trong lục đạo há nên chẳng bi luyến? Hư không có cùng tận, nhưng thệ nguyện vô cùng. Muốn báo ân sâu, riêng in tôn kính. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng sanh tịnh tín, lần lượt lưu truyền, lợi ích vô tận.

18. Kệ tán dương Địa Tạng Bồ Tát

Đại Sĩ thệ nguyện há thể lường,
Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,
Chúng sanh độ hết mới xong thệ,
Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.
Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,
Tự thân vẫn hiện tướng Thanh Văn,
Chúng sanh và Phật tánh vốn một,
Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương.
Địa Tạng Bồ Tát đại từ bi,

Thệ nguyện vĩnh viễn chẳng hề hết,
 Giáo hóa thành Phật số khôn xiết,
 Vẫn hiện oai nghi bậc Thanh Văn,
 Đến khi địa ngục độ hết sạch,
 Mới chịu thị hiện chứng Bồ Đề,
 Khẩn nguyện ban ân khắp u - hiển,
 Cùng theo hải hội dự liên trì.

19. Kệ tán dương Di Lạc Bồ Tát

Đấng Bồ Xứ Từ Vô Năng Thắng
 Thường ngự Đâu Suất diễn viên âm,
 Hiện thân trần sát nào ai biết?
 Tâm cùng pháp giới tự dung thông,
 Đốc cạn kho tàng trong dãy núi,
 Tươi cười bình đẳng ban thể nhân,
 Nguyện cùng Di Đà thương tiếp dẫn,
 Khéo trong ba hội chứng Nhất Chân.

20. Kệ tán dương Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Văn Thù Bồ Tát đức khôn lường,
 Thành Phật Long Chung Thượng Pháp Vương,
 Do thương chúng sanh mê tị tánh,
 Riêng giúp Thích Ca mở đạo màu,

Thầy bảy vị Phật thể khôn thấu,
 Mẹ chư Bồ Tát dụng khôn ngần,
 Thường trụ Tịch Quang ứng mọi cảm,
 Muôn sông khắp hiện bóng muôn trăng.

(Long Chủng Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn Thù đã thành Phật trong kiếp quá khứ, hãy nên biết là vị Long Chủng Thượng Tôn Phật được nói trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội là vị khác).

Văn Thù phù tá Pháp Vương,
 Trí huệ chỉ Phật suy lường được thôi,
 Chấn hưng Viên Đốn đạo huyền,
 Người nghe tình kiến bỗng nhiên mất liền,
 Bồ Đề tràng hiệu cội nguồn,
 Ân quang nguyện gọi giống như Thiện Tài,
 Rốt ráo chứng được chân thường.

21. Kệ tán dương Phổ Hiền Bồ Tát

Bồ Tát từ bi khó thuật trần,
 Thánh - phàm đều được chứng viên nhân,
 Nhất tâm chẳng trụ, siêu các vị,
 Mười nguyện dẫn về, nói Năng Nhân,
 Tam thừa đều được khế quả giác,
 Quán manh mau được thoát phiền trần,

Khăng khăng tuân lời răn thanh tịnh,
 Chắc chắn đời này thấu bốn chân.
 Đức Phổ Hiền hạnh nguyện sâu thẳm,
 Khuyên người phát Bồ Đề đại tâm,
 Dạy cho Tam Hiền, Thập Địa thánh,
 Đều cùng được thấy Di Đà Tôn,
 Mười đại nguyện vương nếu tuân giữ,
 Lợi ích chỉ Phật kham tuyên bày,
 Quả giác, nhân tâm cùng lặng bật,
 Pháp Thân thanh tịnh chứng lên ngay.

22. Kệ tán dương Trí Tích Bồ Tát

Lâu xa hậu Đa Bảo,
 Đến lễ Thích Ca Tôn,
 Đạo khắp sát trần Phật quốc độ,
 Riêng thương chúng sanh cõi Sa Bà,
 Tượng vẽ hiện oai thần.
 Xiển dương Phật hóa đời Lương,
 Muốn cho tể tướng triều Đường kính tin.
 Hiện thân Sư trị bệnh người,
 Đại diện được bóng tháp ngời rợp che,
 Bí tạng của đức Như Lai,

Ai lên nơi đó tức thời hiểu ra,
 Giếng đào trên đỉnh non xa,
 Uống vào Bát Nhã đạo huyền đều thông.
 Tranh ngài vẽ tướng đang ngồi,
 Dộm mình như thể sắp dời chân đi.
 Tay cầm gậy giữ thẳng,
 Trục chỉ pháp Bất Nhi,
 Tuy chẳng phải đích tổ,
 Truyền tâm chùa Linh Nham,
 Quả thật là khách quý,
 Trong biển khổ độ sanh.

23. Tán dương Trí Tích Bồ Tát

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xét nghĩ Bồ Tát, bi trí rộng sâu, ở phương dưới thường hầu Đa Bảo Phật, thị hiện dấu tích khắp trần sát, hiện thân nơi tượng vẽ, Linh Nham đạo trường tồn.

24. Tán dương Tịnh Độ Tổ Đường

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Một tông Tịnh Độ khởi nguồn từ đức Phổ Hiền, Viễn công nối tiếp nguồn pháp ở Chân Đán, trong - ngoài rộng lưu truyền, khiến cho khắp mọi phàm - thánh chứng Niết Bàn ngay trong đời này.

25. Tán dương tượng Viễn Công đại sư

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Xét nghĩ Viễn Công, thừa nguyện tái lai, sáng lập Liên Tông, thỏa Phật bốn hoài, khiến các phàm - thánh nhớ niệm Phật danh, cày Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh. Bậc đã đoạn Hoạch liền chứng Vô Sanh. Bậc chứng Vô Sanh mau tròn Phật quả. Dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cảm ứng đạo giao lợi ích thật sâu. Chưa thấy kinh Niết Bàn đã tuyên giảng Phật tánh thường trụ, chưa đọc phẩm Hạnh Nguyện đã khuyên khắp mọi người về Tây, lập ra được pháp ngầm hợp ý kinh. Bậc hộ pháp Bồ Tát thể hiện sự đại giác của chính mình. La Thập dâng kinh càng thêm tán thán sâu đậm. Tăng sĩ Tây Vực sanh lòng ngưỡng mộ, tâm hương liền dâng. Hơn ngàn năm qua, chẳng được nghe viên âm. May còn di giáo để hòng noi theo. Kính nguyện thầy ta, sẽ lại thị hiện giảng sanh, dẫn khắp quần luân cùng lên cõi Ngũ Thanh. In di cáo của Ngài để mô tả chân dung đạo pháp của Ngài, hòng kẻ thông sáng mai sau sẽ bắt chước theo.

26. Tán tụng mười hai vị Tổ của Liên Tông

1) Sơ Tổ Đông Lâm Lô Sơn Huệ Viễn đại sư đời Tấn

Dùng pháp đặc biệt vĩnh viễn làm khuôn phép cho đời, ý chỉ ngầm hợp với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, lưu thông khắp trong ngoài nước, khiến cho kẻ tầm thường lẫn bậc cao nhã giải quyết đại sự xong xuôi ngay trong đời này.

Mở nguồn Liên Tông khiến Trung Hoa được phước, thỏa thích bốn hoài của Phật, lập phương tiện, viên âm vừa được xiển dương, sĩ phu

đều về với Lô Sơn, đại pháp sắp hoằng khai, sơn thần hiển thần thông chuyển vật liệu xây dựng Thần Vận Điện, hết thầy pháp môn lưu xuất từ đây, hết thầy hạnh môn được thực hiện từ đây, khiến cho các tông đều quy hướng, muôn sông đổ về biển, nương theo hạnh nguyện.

2) Nhị Tổ Trường An Quang Minh Thiện Đạo đại sư đời Đường

Sư sống vào đầu đời Đường, các tông đều hưng thịnh, đề xướng Tịnh Độ thỏa lòng mọi người, Phật lực ai dám sánh bằng? Nếu chịu gieo lòng thành, Tây Phương quyết định vãng sanh.

Đời truyền tụng Sư là Phật A Di Đà thị hiện, đề xướng giáo nghĩa niệm Phật trọn vẹn, phong phú, thiết tha răn người học phải khiêm nhường, cũng như phải cực lực ưa - chán; về mặt Giải phải thông thạo hết thầy pháp, nhưng về Hạnh chỉ chọn lấy một pháp vừa khế cơ khế lý. Niệm Phật tỏa hào quang khích lệ đại chúng, hãy nên xem lời Ngài như do chính đức Phật nói.

3) Tam Tổ Nam Nhạc Ban Châu Thừa Viễn đại sư đời Đường

Thân gãy mặt bản, hầu bên Di Đà. Thần thức ngài Pháp Chiếu du hành đến cõi Cực Lạc vãng cảnh, Phật chỉ ngôi đình ghi danh ngài Thừa Viễn, môn đình từ đây được kế tục, tâm pháp vĩnh viễn truyền dương.

Ban Châu khổ hạnh đời khó thể chịu đựng được, nhịn cơm dùng bùn đất làm món ăn, thường đem những điều trọng yếu trong kinh và danh hiệu Phật ghi khắp trên các lối ngõ, đá núi. Niệm Phật, Phật dạy pháp đặc biệt, kể đến học dùng pháp ấy để an cái tâm, thiên tử nghe tên hướng về Nam vọng bái, vì thế đạo phong lưu truyền bốn biển.

4) Tứ Tổ Ngũ Đài Trúc Lâm Pháp Chiếu đại sư đời Đường

Xét nghĩ Tứ Tổ đức cao đẹp đáng khâm phục, được Phật, thầy chỉ dạy cõi Cực Lạc, đức Văn Thù dạy túc nhân, khiến cho khắp mọi người thấu đạt bốn chân ngay trong đời này.

Tại Hành Châu thấy được thánh cảnh trong bát, mỗi điều đều đích thân tạo dựng nơi non Ngũ Đài. Nơi Tịnh Độ được thấy sư Thừa Viễn. Tại Trúc Lâm cung kính nhận lãnh lời ngài Văn Thù dạy dỗ. Tiếng niệm Phật vang khắp ngã đường Tinh Châu. Đường Đại Tông sai sứ dâng chiếu thỉnh: “Niệm Phật rớt ráo màu nhiệm như thế nào?” Sư đáp: “*Khiến được mau thành đạo Bồ Đề*”.

5) Ngũ Tổ Tân Định Ô Long Thiếu Khang đại sư đời Đường

Tránh bàn đến thế đế, nên đã bảy tuổi vẫn chưa nói. Thốt lời bèn kinh động trời người. Rộng kết duyên Tịnh Độ, cho tiền trẻ nhỏ, ai nấy đều gieo chín phẩm sen.

Lên bảy tuổi trọn chẳng thốt một lời, thốt lời liền xưng danh hiệu Thế Tôn. Vừa đọc bài Tây Phương Văn của ngài Thiện Đạo liền biết Tịnh Độ là nơi đáng nương tựa, đem tiền dụ trẻ niệm Di Đà, chưa lâu sau tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường. Niệm Phật, tượng Phật từ miệng bay ra, có ai thấy nghe chẳng tuân theo lời dạy?

6) Lục Tổ Hàng Châu Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đời Tống

Một bộ Pháp Hoa, một trăm lẻ tám Phật sự, bốn thứ liệu giản lợi lạc kẻ ngu lẫn người thông sáng, muôn điều thiện xét suy, mong siêu bạt trọn khắp, vãng sanh cõi Cực Lạc.

Thấy các chúng sanh đều là Phật, chỉ nghĩ cứu sanh mạng quên luật nước. Bị giải ra chợ hành hình tâm vui vẻ, sắc mặt chẳng đổi, được xá tội liền thỏa nguyện xuất gia. Công khóa mỗi ngày là “một trăm lễ tám Phật sự, tụng một bộ Pháp Hoa, niệm Phật mười vạn tiếng”. Nếu chẳng phải là bậc Đại Quyền thị hiện trong thế gian, ai có thể dựng được pháp tràng như thế?

7) Thất Tổ Hàng Châu Chiêu Khánh Tĩnh Thường đại sư đời Tống

Hâm mộ đạo Lô Sơn, nối gót liên xã, trích máu biên chép phẩm Tịnh Hạnh, tể tướng Vương Đán theo về dưới tòa. Một trăm hai mươi vị chí hướng lớn lao, cao nhã, nguyện phò theo các ngài Long - Mã (Long Thọ, Mã Minh) vãng sanh.

Hâm mộ đạo phong Lô Sơn lập tịnh xã, do vì đời sau ít người thực hành, liền tùy theo sự việc mà phát thệ một trăm bốn mươi một nguyện để ai nấy đều được an trụ nơi Bồ Đề. Tể tướng Vương Đán đã quy y, công khanh một trăm hai mươi người được un đúc. Tuy trong Diêm Phù phù tá cơ đồ nhà vua, vẫn chẳng bằng vãng sanh cõi Cực Lạc hưởng phước nhà Phật.

8) Bát Tổ Hàng Châu Vân Thê Châu Hoằng đại sư đời Minh

Vừa trụ tại Vân Thê đã chấm dứt được nạn hỏa. Lúc hạn hán, dân chúng cầu thỉnh, Sư niệm Phật mưa liền tuôn xuống thỏa lòng dân mong mỏi. Thôn dân đều cảm thán, sắm cỗ lo liệu, đạo tràng được trùng hưng.

Thuở nhỏ nghe niệm Phật ý đã quyết, về sau răn môn đồ đừng làm trò quái gở, hạnh là khuôn mẫu cho thế gian, lời lẽ là pháp tắc cho cõi đời. Chú trọng Tịnh Độ và quy giới. Chông dỡ sóng cuồng thật khế lý, khế cơ. Xiển minh Phật tâm, đui ong, rết. Khiến cho khắp mọi phàm phu đầy dẫy triền phược cày vào Phật từ lực, lên cõi sen.

9) Cửu Tổ Bắc Thiên Mục Linh Phong Trí Húc đại sư đời Thanh

Ngay từ nhỏ đã tin Phật, theo mẹ lễ tụng, đến lúc đi học theo đạo Nho liền phóng túng, đọc bộ Trúc Song Tuy Bút bèn tự trách, tận lực hoằng dương Đại Thừa, mong cho mọi người cùng thoát khỏi hầm bẫy.

Tông thừa giáo nghĩa thầy dung thông. Sở ngộ giống hệt như Phật chẳng khác biệt. Hoặc nghiệp chưa đoạn thì giống như bát đĩa chưa nung, gặp mưa liền rã, uổng công lao đã tu tập từ trước. Do vậy, tận lực tu hạnh Niệm Phật. Quyết muốn trong đời này thoát khỏi bẫy lồng. Rát miệng thiết tha khuyên người học đạo, có sanh về được Tây Phương thì mới có thể kế thừa đáng Đại Hùng.

10) Thập Tổ Ngũ Sơn Phổ Nhân Hành Sách đại sư đời Thanh

Xiển dương Tịnh Độ, khẩn thiết ít ai bằng, dùng lòng tín nguyện sâu để dốc cạn lòng thành tu tập. Tâm và Phật đôi bên khế hợp, muôn niệm đều dứt, quyết định thoát gò khổ.

Hám Sơn nguyện xưa chưa làm trọn, nên lại thị hiện giáng sanh làm Triệt Lưu, quả trách “*kẻ tu phước cõi trời đúng là bọn Xiển Đề, Chiên Đà La*”. Tâm tánh của Phật và ta vốn chẳng khác. Phật là đã thành, ta chưa tu. Muốn được tâm và Phật đều không sai khác, hãy nên cầu nơi “nhớ Phật, niệm Phật!”

11) Thập Nhất Tổ Hàng Châu Phạm Thiên Thật Hiền đại sư đời Thanh

Bốn mươi tám nguyện, kính phỏng theo Di Đà, một trăm lẻ tám bài thơ hay hơn Sở Ca, người nghe chán Sa Bà, khiến kẻ chần chừ phân khởi chứng Ba La Mật Đa.

Thâm nhập kinh tạng rất khó khăn mà Ngài đích thân chứng được, triệt ngộ tâm rồi tận lực hoằng dương Tịnh tông. Muốn cho người đời biết nguyên do, viết văn làm thơ nêu bày Phật lệnh: *“Phát tâm Bồ Đề để dẫn đường, chân tín nguyện hạnh làm đường lối thực hiện. Nếu đầy đủ được những pháp thù thắng ấy, sẽ siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này”*.

12) Thập Nhị Tổ Hồng Loa Tư Phước Tế Tĩnh đại sư đời Thanh (tức Triệt Ngộ đại sư)

Thông trọn kinh sử, mong làm người hướng dẫn cho cõi đời, vừa bị bệnh liền biết thông thạo kinh sử chẳng thể nương cậy được, nghiên cứu chỗ uyên áo của các tông, thấy đều khó chứng được, bèn chuyên chú nơi giáo pháp Tịnh Độ.

Pháp ngữ dạy đại chúng lợi ích rất nhiều. Kệ niệm Phật tẩy bao la. Toàn chân biến thành vọng chỉ do tâm này. Toàn vọng biến thành chân cũng chẳng có gì khác. Bất biến tùy duyên nên tùy tịnh, tùy duyên bất biến chớ thuận theo sai ngoa. Nếu ai nấy y theo nghĩa này để tu trì thì quang thọ sẽ giống như đức Di Đà.

27. Tán dương tượng Triệt Ngộ thiên sư

Bạc tuấn kiệt làng Nho, đáng khôi hùng cửa Phật, sư tử hùng mạnh nơi hang Thiên, rồng thần nơi biển Giáo, nghiên cứu Từ - Hiền nhưng hoẵng dương giáo pháp Thiên Thai, trụ trì chùa Thiên thổi gió sen, chỉ mong khế cơ cùng khế lý, chẳng tính môn đình là dị hay đồng, nêu tỏ ý nghĩa “làm Phật, là Phật”, phá sạch sự tối tăm chấp lý phế sự, đang lúc tà thuyết tung hoành trong đời ác này, kẻ nhỏ nhoi, người có địa vị lớn lao không đâu chẳng noi theo!

28. Tán dương tượng Đạt Ma Tổ Sư

Đặc biệt từ trời Tây đến đây truyền Phật tâm, Đông Độ vốn nhiều kẻ căn cơ Đại Thừa. Sau đây một chiếc dép trở về Tây, con cháu khắp cõi rền tiếng huyền diệu.

29. Tán dương tượng Tế Công thiên sư

Nhằm khơi gợi lòng chân tín nguyện cho chúng sanh, nên hiển lộ đủ mọi đại thần thông, chẳng giả khùng điên để che mắt mọi người, làm sao trụ mãi trong cõi đời để đánh động bọn điếc - đui?

30. Ca tụng Nam Bình Tông Thừa

Túy Bồ Đề, Bồ Đề túy. Kẻ vô trí chớ theo đuổi. Nếu nhận lầm phương hướng, muôn kiếp thường đọa lạc Nê Lê. Nguyện người học khéo phân biệt: Thuận tâm nghịch tích là phương cách tối thượng, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp chân chánh, chắc chắn sẽ bị tổn hại không lợi ích.

31. Tán dương bài ký “hình Phật hiện hiện trên răng lợn” của ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì

Hết thấy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyền từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng Từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận lời Phật dạy. Vô nghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa, đều có hình Phật ngự trong đó. Có người họ Chúc vào đời Tống giết lợn quăng đầu, chó giữ đầu lợn bốn ngày chẳng dám táp. Đuổi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật. Mất biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiễm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, mọi người đều nói là “súc sanh”, đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy, biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện thì cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển! Hãy gấp đầu đầu ngăn dè, hòng được giải thoát!

Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành, giành đất sẽ chấm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, liền kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyên kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về cõi Cực Lạc.

32. Tán dương tượng Niệm Thành đại sư

Nghĩ tới đức lớn của Ngài, ước mong khôi phục Linh Nham, sau cơn tai kiếp một mình ở trong lòng tháp, gặp được ông Bành lên chơi núi, hứa tra xét ruộng đất của nhà chùa, dần dần trở thành chốn danh lam.

33. Bài ca tụng nhân dịp Cô Nhi Viện tại Thượng Hải khánh thành nhà mới

Giúp đỡ cô nhi, tài cao chót vót. Nếu chẳng cứu giúp, sống bằng cách nào? Đã được nuôi dạy, chánh khí ắt thành. Hoặc là công, thương, học hành, cày cấy, là hiền, là thiện, tốt lành, thuần thực, chăm giữ đạo nghĩa, tuy hèn vẫn vinh. Huống chi chẳng ít anh tuấn lỗi lạc. Do vậy biết rằng: Nuôi dạy cô nhi, lợi ích sâu rộng, lời ông Tử Dư thật đã nghĩ chín, chỉ nguyện người nhân, cùng sẵn từ bi, nhà viện tuy thành, nhu cầu vẫn thiếu, ai nấy ra tay, giúp cho hoàn thành. Thương con của người, con ta ắt nhờ. Hiền thiện tiếp nối, nêu gương cho đời, lợi người, tự lợi, nhân quả như thế, chớ nên chẳng tin. Lời Phật chẳng dối!

34. Ca tụng pháp môn Tịnh Độ thù thắng

(chỉ do pháp môn này thù thắng mà bà Trí Nghi được vãng sanh)

Pháp môn Tịnh Độ dạy dỗ không phân biệt, phàm - thánh, trí - ngu đều được bình đẳng nhiếp thọ. Hết thấy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có mỗi pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực, Phật lực khác biệt tự lực một trời một vực. Tín nguyện ức niệm quyết định sanh về nước Phật. Bao nhiêu người tín niệm, bấy nhiêu người vãng sanh. Phật có lời thệ nguyện, nay đã tỏ lộ dấu hình: Nữ sĩ Trí Nghi tâm niệm Phật

tha thiết, niệm chưa được mấy năm đã được Phật đón tiếp. Nguyện người thấy nghe ai nấy chăm chú tu trì, để dự vào hội Liên Trì, vui sướng nào hơn!

35. Ca tụng chuyện sanh Tây của cư sĩ Từ Úy Như

Cao cả thay ông Từ! Xưa đã trọn đủ huệ căn, hiếu hữu, nhân từ, tận hết bốn phận, trọn vẹn luân thường, nghiêm cẩn tuân theo lời tổ tiên giáo huấn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu hạnh niệm Phật, mong sanh cõi Tịnh. Tuổi trung niên tận lực đảm nhiệm việc khắc in kinh điển để nối tiếp huệ mạng của Phật hồng giúp cho cả Mật lẫn Hiển. Thời cuộc chẳng yên, càng ưa - chán thiết tha, nương nguyện về Tây, đại sự giải quyết xong, được Phật thọ ký, liền trở lại Sa Bà, tiếp dẫn khắp hàm thức cùng thân cận Di Đà.

36. Ca tụng đức cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Cao cả thay cụ Sa, túc căn rất sâu, hiếu hữu nhân từ, cả làng cùng khâm phục, tuổi đã tám mươi mới tu Tịnh Độ, phát trọn ba tâm, mong sanh Thượng Phẩm, tâm sẵn có, tâm tạo tác, tâm làm, tâm là. Giải lẫn hạnh đều viên dung, Lý - Sự nhất trí. Vì thế, khi lâm chung được an nhiên qua đời, đỉnh đầu ấm, vẻ mặt rạng rỡ, để biểu thị đã thật sự đến được Cực Lạc.

37. Ca tụng chuyện quy Tây của cư sĩ Khuất Tử Kiến

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật tâm và chúng sanh tâm, về bản thể vốn chẳng hai. Do nhân duyên mê - ngộ nên tâm chẳng khác mà tướng thành sai khác. Nếu

chịu trái nghịch trần lao, kiêm trì thánh hiệu Phật, hễ được vãng sanh Tây Phương thì sẽ đích thân đến đờc bờ giác. Cao đẹp thay ông Tử Kiến! Túc căn thật sâu, thác sanh vào gia đình đời đời thiện lương, giữ tấm lòng trung hậu, khoan dung. Chuộng nghĩa, khinh tài, thân - sơ đều bình đẳng quan tâm. Có tư cách lỗi lạc, nhưng chuyên trọng niệm Phật. Tịnh nghiệp đã chín muồi, biết trước lúc nào sẽ đi, quyết thuộc đều nhất tâm niệm Phật tương trợ. Vì thế, đờc nương nhờ Phật lực vãng sanh cõi Cực Lạc. Di tướng càng thêm rạng rỡ, ai nấy đều khen là lạ lùng, đặc biệt. Các hành nhân đời Mạt muốn thoát khỏi bầy sanh tử, chỉ có một pháp Niệm Phật là có thể dựa vào bậc thánh trong đời này. Nêu toát yếu đại lược hòng lưu lại vĩnh viễn cho con cháu, mong ai nấy đều noi theo đức của người xưa thân cận Di Đà Thế Tôn.

38. Ca tụng đức cao đẹp của cư sĩ Trương Miện Đường

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay ông Miện Đường! Thừa nguyện thị hiện giáng sanh. Đang trong lúc kiếp nạn ngập trời này, biển cả, đất liền đầy dẫy cọp, kình, nhân dân bị nuốt cắn, phát tâm đẹp cho yên. Do vậy, vào quân ngũ, dùng đức giáo hóa binh lính, lấy nhân nghĩa làm vũ khí, dùng nhân quả làm lũy thành. Phàm đóng quân chỗ nào, tiếng khen ngợi vang rền truyền đến đất Tô. Trừ bạo, an dân lành, hoằng pháp độ hữu tình, ma tà, ngoại đạo đều đẹp yên, Phật nhật đờc chiếu rạng. Chán nghiệp võ theo nghề văn. Sát - cầm thương trởi tiếng. Giảm bớt sự phiền toái trong việc cai trị nên đờc nhiều lúc rảnh rỗi. Niệm Phật có chương trình nhất định. Dùng móng tay vẽ tượng Tam Thánh, tinh diệu khôn sánh tầy. Phàm có ai thấy nghe, tâm đều hướng về Cực Lạc.

“Tâm làm Phật là Phật”, Quán Kinh nghĩa rộng sâu. Sự thể gian, xuất thế, đều lấy gốc nơi lòng thành, nguyện khắp người mọi giới, nghe phong thái đều dấy lòng hành theo, ngõ hầu từ nay trở đi thiên hạ thường thái bình.

39. Ca tụng hạnh cao đẹp của cụ bà họ Từ, mẹ ông Châu

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay Châu mẫu! Xưa có huệ căn, thờ mẹ nuôi em, tiếng khen rộn xóm làng. Gả về nhà ông Châu, giúp chồng làm điều nhân, sửa đổi nghề nghiệp trước, lòng Từ không ai bằng. Trông nom gia đình, dạy con, buôn bán, làm lành, phàm tính toán những gì đều hợp tình lý, lòng mong lợi lạc, giúp người, tài lẫn pháp cùng thí. Xót thương chỉ dạy, không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm đến. Những gì cụ tích tụ cho riêng mình suốt cả một đời, chỉ chứa được đầy tráp. Xét về đạo Nho, hạnh của cụ phù hợp với lễ Đại Đồng, xét nơi đạo Thích, hạnh cụ khế hợp pháp Tứ Nhiếp. Phong thái cao đẹp của hai bà Phi, ba bà Thái vẫn chưa mất; cho nên viết đại lược để nêu gương cho người sau.

40. Ca tụng liệt nữ Trương San Trinh

Chánh khí trong trời đất, được con người thực hiện rộng rãi. Nam - nữ tuy sai khác, lý này cố nhiên chẳng sai biệt. Do cùng sẵn đủ Phật tánh, tức là cái được gọi là “bình di” (vâng giữ luân thường), nhưng phải khéo mở rộng sự ấy, muốn làm thánh hiền phải lấy đó làm nền tảng. Tiếc thay con người trong thời gàn đay, cứ coi điều hay là chuyện tẻ. Tận lực trừ cho hết sạch phạm vi giữa nam - nữ, gọi luyện ái là cao thượng, coi trinh tiết là tỳ vết! Đúng là muốn cho người trong

khấp cỡi đòi giống hệt như cầm thú. Cao cả thay cô Trương San Trinh! Dầu chết chí chẳng dòi, không được mẹ thông cảm, dùng kéo tự rạch cổ. Tuy là con nhà nông, nhưng đáng là điển hình cho nữ giới. Dùng thân phụ trợ Danh Giáo, đáng gọi là đại trượng phu. Người tuy đã qua đời, trinh đức chẳng hề mất. Tiếc rằng chưa biết Phật pháp, rốt cuộc khó thoát khỏi bẫy phàm. Nếu sanh được lòng tín nguyện, chí tâm niệm A Di Đà, ắt được Phật tiếp dẫn, vãng sanh ao bảy báu. Thấy Phật nghe diệu pháp, tiến dần lên chứng được Bồ Đề. Đến tận cùng kiếp vị lai, thường làm thầy trời - người.

**41. Ca tụng hạnh đẹp của cư sĩ Trình Chí Bằng ở Vụ Nguyên
(năm Dân Quốc 22 - 1933)**

**Sanh trong đời nay mà hành đạo xưa. Nêu gương cho làng ấp.
Giữ chí khí, tiết tháo của Liêm Lạc. Tin sâu Phật pháp, chẳng tập
tàn lỗi lầm “trong lòng tuân phụng ngoài mặt chống trái” của
bọn Trình - Châu. Nguyện sanh về Liên Bang, lúc mất được cảm
ứng đạo giao thù thắng. Ôi! Con người như vậy là trụ đá giữa
dòng chảy, là hướng dẫn tốt lành trong đường mê. Do vậy bèn viết
đại lược để bảo với người thông sáng đời mai sau.**

**42. Bài ca tụng nhân dịp minh thọ trăm tuổi của cụ Tề Dữu Nam
và Kim phu nhân**

Ông Tề hiếu hữu đức siêu quần, phu nhân càng giúp nêu gương
thơm. Chớ bảo bình sinh lo buôn bán, phải biết toàn thân đầy học thức.
Học thức ấy thật sự có thể lưu tiếng thơm suốt cả một đời. Tiếc chưa
được nghe Phật pháp, ngộ nguồn tâm. May có con cháu vừa hiền vừa

hiếu, cầu siêu mong cha mẹ được sanh về cõi trời Cực Lạc. Cực Lạc vui sướng khôn lường! Luôn được đích thân châu hầu bậc cổ Giác Hoàng. Chứng Vô Sanh Nhẫn nương Bi nguyện, riêng đến cõi này làm thuyền Từ. Thuyền Từ thả trong biển khổ, khiến cho khắp mọi người về Tây bỏ Đông. Đến ngày tự lợi lợi tha đều viên mãn, sẽ trong pháp giới xưng Đại Hùng.

43. Bài tụng hồi hướng cho khắp mọi người trong hiện tại ấn tống và vĩnh viễn lưu truyền Văn Sao

(năm Dân Quốc 16 - 1927)

Pháp môn Tịnh Độ là pháp giới tạng, khế cơ và khế lý, thật là vô thượng. Bậc Đẳng Giác đại thánh, kẻ nghịch ác tiêu phàm, Luật - Giáo - Thiên - Mật, đều khắp bao hàm. Mười phương chư Phật hết kiếp tuyên dương vẫn khó nói trọn diệu nghĩa, công huân lạ lùng. Huống chi tôi là kẻ tầm thường phàm tục, ngẫu nhiên nêu tỏ được một hạt bụi trong cõi đất, một giọt nước trong biển cả, thật quá nhỏ nhoi! Tự lượng kém hèn, nếu chẳng phải đức Phật sẽ không thể độ được, cũng có những người cùng chí hướng chỉ chuyên chú nơi chuyện này; do vậy mới có đủ mọi thứ lời lẽ hủ bại. Giải bày lòng ngu thành, chứ nào phải hoằng dương Tịnh Độ! Do các cư sĩ nghĩ những lời lẽ ấy có lợi cho hàng sơ cơ, ấn hành nhiều lượt để mong hàng sơ cơ có chỗ nương tựa. Có ông Diệp Đức Quảng bỏ ra ba ngàn đồng, tính để làm ấn phí mong sách được lưu truyền rộng rãi. Trong tháng Tám, thành Thiểm Tây bị vây hãm, tình thế rất đáng buồn, cầu cứu giải vây, liền dùng hết số tiền ấy để cứu đói. Phạm có các thiện sĩ tùy ý quyên góp giúp đỡ, ấn tống năm ba ngàn bộ, vẫn gom thành đủ số. Nguyện những người bỏ tiền và

những ai đọc tụng đều tiêu trừ nghiệp chướng, tăng cao nền phước, cửa nhà yên vui, thân tâm bình yên, mạnh khỏe, sống dự vào bậc thánh, thác về Tây Phương. Tổ tiên đã khuất, oán thân bao đời, đều nhờ lòng Từ của Phật mà chúng được diệu tâm vốn có. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, lễ nghĩa nhân nhượng thịnh hành, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình, trọn báo tứ ân, giúp đều ba cõi, pháp giới chúng sanh cùng chúng Bồ Đề.

Phụ Lục: Toa thuốc thần hiệu Bạch Phàn Cứu Mạng

(Bạch Phàn còn gọi là Minh Phàn hoặc Phàn Thạch)

Phàm ăn nhầm hà đôn hoặc hết thảy những món độc khác, hoặc do sự việc trái ngang bức bách, ý muốn coi rẻ mạng sống, toan tự tận, nuốt nha phiến, tỳ sương, đặng hoàng, hết thảy những thứ có thể hủy hoại tạng phủ con người khiến cho con người mất mạng, tức những thứ được đặt tên là độc vật và uống lầm những loại thuốc độc v.v... đều có thể dùng một cục bạch phàn nghiền nát, dùng nước sôi hòa tan, hòa thêm chừng mấy chén nước lạnh, cốt sao nước phèn vẫn giữ được tánh chất, mùi vị chua rít đậm đặc là được. Liền bảo người bị nạn uống mấy chén nước phèn ấy, chưa đầy một khắc đồng hồ, sẽ ói hết sạch những thứ độc vật đã ăn vào, liền bảo toàn được tánh mạng.

Nếu như ăn phải chất độc thời gian quá lâu, đồ nhiều nước phèn cho lọt vào bụng cũng vẫn có thể cứu chữa được! Dầu cho tạng phủ đã bị hư hoại, cứu vẫn không kịp, cũng không có hại gì. Xét ra, bạch phàn tánh mát, vị chua rít, giải được các chất độc, vì thế rất thích hợp. Cũng có thể dùng bài thuốc này để chữa trị chứng hoắc loạn (bệnh dịch tả).

Bài thuốc này do y sĩ Phùng Văn Phù ở Thiên Tân trải hơn mười năm kinh nghiệm, áp dụng trăm lần đều công hiệu, nhiều lần chúng kiến hiệu quả thần kỳ. In toa thuốc lưu truyền rộng rãi ngõ hầu cứu giúp rộng khắp quả thật là dụng tâm của người nhân từ, quân tử, Hơn nữa, bạch phân ở chỗ nào cũng mua được, giá lại phải chăng. Nguyện người đọc lưu tâm dùng bài thuốc này làm phương tiện cứu người, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Liền đem công đức cứu người ấy hồi hướng Tây Phương thì cũng có thể dùng làm duyên tăng thượng thù thắng.

V. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC

1. Lâm chung tam đại yếu (Ba điều quan trọng nhất lúc lâm chung)

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Điều bi thảm nhất trong thế gian không chỉ bằng cái chết, nhưng người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình lợi người chẳng thể không sớm lo liệu. Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ các nhân đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tin nguyện niệm Phật, sắp đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui Niết Bàn thường trụ chân thật.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ để mong người bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:

* Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến người sắp mất sanh chánh tín.

* Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm cho người sắp mất.

* Ba là hết sức tránh đời động, khóc lóc, kéo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Hễ đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người; dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh Độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chày tháng nào có khó gì mà chẳng tập

thành lễ thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung vậy.

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho người sắp mất sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bình buông xuống hết thấy, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong thì chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyền thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyến luyến, vương mắc. Phải biết: Một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện - ác xen tạp). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dầu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục

đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, sao còn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi rồi sanh lòng nghi ư? Phải biết: Chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì ra ngoài khả năng của ta đâu! Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *“Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”*. Vì thế, hết thấy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi tức là tự mình làm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu!

Huông hồ, lia khỏi thế giới khổ não này sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dầu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây phương nữa, vì tâm mình trái với tâm Phật rồi! Dầu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật! Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Và

lại, hưởng chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyên chuyên chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đây chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những việc chí thành, tận hiếu mà ta phải nên làm thì cũng chỉ chú trọng ở những điểm ấy; chớ nên thuận theo thói tục van cầu thần thánh, tìm thầy chạy thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quý thần, thuốc men giữ cho người ấy khỏi chết được! Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì lòng thành khẩn đối với một sự niệm Phật sẽ bị xen tạp, không cách gì cảm thông đức Phật được! Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung chẳng tiếc tiền của, mời khá nhiều thầy thuốc đến khám. Đây gọi là mua tiếng hiếu, muốn được người đời khen ta tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay trời đất, quý thần thật sự xét soi tường tận nỗi lòng. Vì vậy, đối với những sự thuộc về chuyện tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc thiên tai ắt cũng bị nhân họa. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng những gì thần thức của cha mẹ đạt được! Lời xưng tụng của người đời cố nhiên chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu lại dộc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho ta mắc phải cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi!

b. Thứ hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm cho người chết

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bệnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài

được, ngay cả người chuyên trọng niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu. Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; như vậy thì niệm suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp người đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói “chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy”, đối với người dung cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?

Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngắt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nhỏ nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá

mau bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dầu có lắng nghe tiếng niệm cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích. Nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân; như vậy thì dễ có sức niệm theo. Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thấy các thứ khác nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong treo khiến tâm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyển thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm Phật. Nếu như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc.

Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống

biên. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng để xảy ra sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người đến thăm để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

c. Thứ ba là kiêng dè dòi động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, tình trạng khác nào ngàn cân treo đầu sợi tóc; quan trọng cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để chỉ dạy thần thức của người ấy, trợn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dòi chỗ nằm. Mặc kệ người ấy nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dòi động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước người ấy mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó người sắp chết thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết...), đáng sợ hãi quá sức! Nếu người sắp chết thấy thân quyền đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyện phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái mến mà ra đi nên đến nỗi dòi dòi, kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi người chết sanh lòng sân hận hay mến

luyện thì đâu có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn hơi nóng từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh

Nhân tâm, ngạ quỷ phúc

Súc sanh tất cái ly,

Địa ngục cước bản xuất

Nhưng nếu mọi người chí thành trợ niệm thì người chết ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức người chết chưa rời khỏi xác, có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ!

Kinh dạy: “*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: ‘Vì ta yêu người nên ăn thịt người!’*” Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui bị khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không

đếm xỉa tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phước, để thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho.

Thuyết: *Đảnh thánh, nhãn sanh thiên...* là nói về khi người đã tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu ấm thì ắt là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. *Nhãn sanh thiên* là nếu mắt và trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Riêng chỗ ngực còn ấm thì sanh vào nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh trong ngạ quỷ đạo. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh trong súc sanh đạo. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục đạo. Đây là do hai nghiệp thiện, ác đã tạo của người ấy lúc còn sống đến giờ đây cảm hiện như thế, chứ chẳng thể dựa vào thế lực nào để làm giả ra như vậy được. Khi đó, nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức của quyến thuộc và bạn lành trợ niệm chắc chắn có thể đối nghiệp vãng sanh, siêu phàm nhập thánh vậy. Chẳng cần phải để ý thử sờ xét nghiệm, đến nỗi làm hỏng việc! Mong mỗi lăm thay!

2. Tịnh Độ Chỉ Yếu (Chỉ bày những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh Độ)

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được,

tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà thoát khỏi luân hồi; ngay trong một đời này quyết định lên cõi Phật! Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này làm sao yên được? Phàm những ai tu Tịnh nghiệp thì điều thứ nhất là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt; điều thứ hai là phải phát Bồ Đề tâm; điều thứ ba là phải đầy đủ lòng tín nguyện chân thật.

Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp, Bồ Đề tâm là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông: Không tin sao có thể phát nguyện cho được? Không có nguyện làm sao khởi hạnh? Không có diệu hạnh trì danh, làm sao chứng điều đã tin, mãn điều đã nguyện cho được? Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn! Tín - Nguyện - Hạnh như ba chân của cái đỉnh, thiếu một sẽ đổ nhào.

Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, chỉ mong trì danh cho đạt được nhất tâm, dầu đạt được nhất tâm sâu xa, cũng khó thể liễu sanh thoát tử! Vì sao vậy? Do Phiền Hoặc chưa hết sạch, chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được. Tín nguyện đã không có, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử! Đời có kẻ ham cao chuộng xa, thường phô phang tự lực, miệt thị Phật lực; chẳng biết từ sống đến chết không chuyện gì chẳng cậy vào sức người khác nhưng chẳng lấy đó làm then, sao riêng đòi với đại sự liễu sanh tử và Phật lực lại chẳng muốn tiếp nhận, chắc là mất trí điên khùng nên mới đến nỗi như vậy! Hành giả Tịnh tông hãy nên thống thiết răn dè!

Đối với pháp tắc tu trì, hãy nên thường như con nhớ mẹ, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, qua lại, một câu Phật hiệu miên miên mật mật! Dầu gặp bất cứ sự duyên nào cũng chẳng để cho gián đoạn, nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm tiếp nối. Người làm được như thế chắc chắn vắng sanh! Lại phải nên tâm niệm nhân từ, rộng lượng, tánh khí khiêm nhường, thuận thảo, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu cực nhọc thế cho người khác, thành tựu điều tốt đẹp cho người ta. Thường nghĩ mình sai quấy, đừng bàn lỗi của kẻ khác! Bạc Đẳng Giác Bồ Tát trong mười hai thời lễ mười phương Phật để sám trừ túc nghiệp, huống là kẻ còn đang trong địa vị phàm phu! Hãy nên thường hổ thẹn, nào dám ý y! Nếu ý y, dầu có tu trì thấy đều thuộc về ma nghiệp. Con người như thế chớ nên thân cận, để khỏi đến nỗi lâu ngày đều bị biến đổi giống như họ.

Phải vâng giữ chắc tông chỉ, chẳng bị xoay chuyển bởi kinh giáo và lời lẽ của thiện tri thức rồi bỏ pháp này tu pháp khác. Pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Hết thấy pháp môn không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thấy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Vì thế, pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Bọn ta là hạng mạt học sao lại lập dị, tự chuốc lấy tội khiên tự làm, làm người ư? Nguyên hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa!

3. Trình bày ý nghĩa ẩn kín nơi cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xem cặn kẽ khắp những bậc đại trung đại hiệu thưở xưa, lập đại công, dựng đại nghiệp, đạo che trùm thời ấy, đức thấu đến hậu thế, hạo khí lấp trời đất, lòng tinh trung mờ nhật nguyệt đều do học Phật đắc lực mà ra. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng biết gốc đạo, chỉ thấy được dấu vết đã bộc lộ, chẳng biết đến cội nguồn của cái tâm, khiến cho cái gốc bị ẩn kín chẳng hiển lộ, tiềm tàng chẳng tỏ rõ. Do những Nho sĩ câu nệ thường đồ kỵ Phật, nên những vị danh nhân phần nhiều chú trọng tiềm tu mật chứng, chẳng tự bộc lộ. Nếu xét kỹ hành vi của bọn họ, ắt sẽ có những điểm chẳng thể giấu được. Nếu con cháu chẳng đầy đủ chánh tri kiến ắt chỉ sợ bị kẻ tục Nho chê cười, nên cũng chẳng chịu xiển dương. Do nhân duyên này, khiến cho tiềm đức u quang ẩn mất không được nghe đến nhiều lắm! Trong bộ Cựu Đường Thư, phạm những sự tích về Phật pháp và ngôn luận trao đổi giữa các bậc sĩ đại phu và cao tăng đều được chọn lọc những điều trọng yếu để ghi chép lại. Âu Dương Tu soạn bộ Tân Đường Thư đã gạt bỏ hơn hai ngàn điều. Bộ Ngũ Đại Sử cũng vậy. Ấy là do chỉ sợ thiên hạ đời sau biết Phật pháp hữu ích cho thân tâm tánh mạng, cho nền chánh trị của nước nhà, rồi sẽ học theo! Những sử quan khác đa phần thuộc loại tri kiến hẹp hòi câu nệ ấy. Vì vậy, sự tiềm tu mật chứng của những bậc đại nhân xưa kia đều chẳng được biết đến!

Văn Trung Công Lâm Tắc Từ học vấn, trí thức, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa đều ít thấy trong đời Thanh trước kia. Tuy bận bịu việc

nước, ông chẳng hề gián đoạn việc tu trì Tịnh nghiệp chút nào vì học Phật chính là căn bản của học vấn, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa vậy. Đã có được căn bản này thì ứng xử đều thích đáng, xử sự đều hợp lẽ. Đây chính là nguyên do vì sao bậc đại nhân đời xưa vượt trội những hạng tầm thường. Một bữa nọ, chất của Văn Trung Công là ông Tường, tự là Bích Dư, đưa cho tôi xem cuốn kinh gồm các bài kinh chú Di Đà, Kim Cang, Tâm Kinh, Đại Bi do Văn Trung Công đã đích thân viết, trang bìa ghi “*Tịnh Độ Tư Lương*”. Trên mặt cái hộp đựng sách đề Hành Dư Nhật Khóa (Khóa tụng hằng ngày trong lúc ngồi xe).

Đủ biết Văn Trung Công ngâm tu pháp môn Tịnh Độ, tuy ra vào, đi lại, vẫn chẳng chịu bỏ phé. Do dùng để trì tụng lúc đi xe, cuốn kinh ấy chỉ dài khoảng bốn tấc, rộng ba tấc. Chữ viết cung kính, mực thước, không một nét bút nào cầu thả, đủ thấy lòng cung kính, chí thành của ông, chẳng dám coi thường, chệnh mảng chút nào! Bản kinh ấy mỗi trang gồm sáu hàng, mỗi hàng gồm mười hai chữ.

Bích Dư sợ thủ bút của tiên nhân lâu ngày bị mất đi, liền cho sắp xếp thành sách in theo lối thạch bản để mong được lưu truyền trong nhân sĩ các giới, ngõ hầu mọi người đều biết Văn Trung Công suốt đời tu trì, cốt sao ai nấy gặp việc nhân chẳng nhường, thấy người hiền mong được bằng. Do vậy, sẽ cùng mong vượt ngũ trược lên chín phẩm. Ông Bích Dư sai Quang lược thuật nguyên ủy, Quang từ bé đã nghe danh ngưỡng vọng Văn Trung Công, nay biết ông tu trì nghiêm mật như thế, thật có thể nói là bậc thừa nguyện tái lai, hiện thân tế quan để thuyết pháp. Nguyện những người thấy nghe sẽ nhất trí tiến hành, cùng

noi theo vết chân thì quốc gia may mắn lắm, mà nhân dân cũng may mắn lắm thay.

4. Nêu tỏ ý nghĩa giáo dục trong gia đình là căn bản khiến cho thiên hạ thái bình

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Đời đã loạn đến cùng cực rồi, ai nấy đều mong mõi bình trị nhưng chẳng biết cội gốc thì có mong cầu cũng uổng công! Hãy nên gấp biết cái gốc nằm ở đâu! Sự dạy dỗ của người mẹ trong gia đình chính là căn bản khiến cho hiền tài được dấy lên đông đảo, thiên hạ thái bình. Chẳng chú trọng nơi ấy, làm sao đạt được bình trị?

Mẹ dạy dỗ thì thứ nhất là thai giáo. Thai giáo chính là dạy dỗ về bả́m tá́nh, phẩm chất từ thuở đầu. Phàm nữ nhân sau khi có thai, hãy chú trọng suy nghĩ, tưởng niệm, xử sự sao cho chỉ một bề chân thành, cẩn trọng. Nhất cử nhất động chẳng trái lẽ chánh. Nhất là phải nên vĩnh viễn dứt trừ những món tanh tươi, hằng ngày thường niệm Phật khiến cho thai nhi được bả́m thụ chánh khí của mẹ, thì lúc sanh nở ắt được yên vui không khổ sở, sanh được đứa con tướng mạo đoan nghiêm, tá́nh tình từ thiện, thiên tư thông minh.

Đến lúc con bắt đầu hiểu biết, liền nói cho nó nghe về đạo lý làm người, như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si v.v... và tội phước nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chuyển biến, khiến cho trong tâm nó thường luôn có những điều kiêng sợ, có những điều mong mõi, hâm mộ. Lại dạy nó niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong tăng phước, tăng thọ, tránh tai, tránh nạn. Chẳng cho phép nó nói lời dối trá, nói lời

thị phi, đánh người, chửi người, chẳng cho nó giẫm đạp giấy có viết chữ, giẫm đạp ngũ cốc, giẫm đạp hết thầy các món đồ vật. Chẳng cho nó ăn uống bữa bãi, chẳng cho nó tụ tập chơi giỡn cùng bọn trẻ cùng xóm. Hơi lớn lên, bèn dạy nó đọc thuộc sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, Quan Đế Giác Thế Kinh, để cho nó biết có khuôn pháp để noi theo, có những điều ngăn cấm. Đối với mỗi điều đều nói sơ lược đại ý để làm phương tiện hướng dẫn hòng mai sau nó học hành sẽ được lợi ích.

Lúc bé như thế, càng học hành sẽ càng hiền thiện, lo gì nó chẳng đạt đến địa vị thánh hiền, rạng mày nở mặt tổ tông! Nếu không, cứ mặc cho nó quen thói kiêu căng, nuôi thành phường bại hoại, dẫu có thiên tư cũng chẳng biết học hành là để học làm thánh hiền nên càng học càng thêm tội bại! Những kẻ đại gian đại ác xưa nay đều là những kẻ có thiên tư tốt đẹp, có bản lĩnh lớn lao, chỉ vì cha mẹ, thầy giáo của chúng đều chẳng biết dạy chúng học thành thánh hiền, tận lực thực hiện, chỉ dạy bọn chúng học văn tự để làm căn cứ hòng đối phó với đời, mưu cầu lợi lộc, trí thức hèn tẻ đến tột cùng, đến nỗi những thảm kịch phé kinh điển, phé luân thường, tranh thành giành đất tàn sát lẫn nhau ồ ạt diễn ra. Mọi họa loạn ấy đều do cha mẹ, thầy giáo chẳng biết phương cách dạy dỗ con em mà ra. Dù chính họ chẳng làm điều ác lớn lao nào, nhưng cái tội hoại loạn thế đạo nhân tâm cũng sẽ khiến cho họ đời đời kiếp kiếp cùng chịu ác báo giống như con em!

Vì thế, tôi nói: *“Dạy con là căn bản khiến thiên hạ thái bình, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn nữa”* do con người thuở thơ ấu chuyên cậy vào mẹ dạy dỗ. Cha chẳng thể thường ở trong nhà, còn

mẹ thường chẳng rời con. Nếu mẹ hiền lương, có trí huệ thì hành vi, lời lẽ đều đáng làm gương, con cái thấy nghe quen mắt, trong tâm đã thành nề nếp, lại do thường xuyên răn dạy, đã tập quen thành tánh như vàng lỏng đúc thành đồ dùng, nếu cái khuôn đúc tốt đẹp, chắc chắn chẳng đến nỗi đúc ra vật xấu xí! Vì thế, dạy dỗ con gái so ra càng khắt yếu hơn dạy con trai. Bởi lẽ, hiền mẫu do hiền nữ mà có, nếu không có hiền nữ, làm sao có hiền mẫu cho được? Không có hiền mẫu thì lại làm sao có được con cái hiền lương cho được?

Đạo lý cực bình thường ấy ai cũng đều có thể làm được! Điều đáng đau tiếc là quá ít người đề xướng khiến cho những kẻ làm mẹ chỉ biết nuông chiều mù quáng, những kẻ làm cha cũng chẳng khéo dạy. Đến khi con vào trường học hành, kẻ làm thầy cũng do thuở bé chẳng nghe được nghĩa lý này, vì thế cũng trọn chẳng biết học hành là để học làm thánh hiền, chẳng dạy học trò tận tụy thực hành đạo do thánh hiền đã nói, chỉ học văn tự hòng mưu cầu lợi lộc, chẳng hề biết học làm thánh hiền có lợi ích không chỉ lớn hơn, chính bản thân mình và con cháu đời đời kiếp kiếp hưởng dùng chẳng hết. Còn mưu cầu lợi lộc, nếu mưu cầu một cách tốt đẹp thì chẳng qua đạt được phú quý nhỏ nhoi trong đời này mà thôi! Nếu mưu cầu xấu xa, trong đời này những kẻ thân bại danh liệt, con chết yểu, cháu tuyệt diệt đâu đâu cũng có!

Con người cùng trời đất được gọi là Tam Tài là vì có công năng “dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác, kế tục bậc thánh đời trước, mở lối cho người học đời sau”; do vậy mới được tôn xưng như thế. Nếu chẳng chú trọng học làm thánh hiền sẽ là thân đi thịt chạy, chỉ biết niềm vui ăn uống, trai gái, còn khác gì cầm thú nữa đâu? Một chữ

“người” còn là mạo danh, há còn có thể cùng với trời đất xưng là Tam Tài nữa ư? Nhưng con người tánh vốn lành, ai nấy đều có thể làm Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, nhưng kẻ chẳng thể làm Nghiêu - Thuấn, chẳng thể thành Phật thì chỉ có tánh đức, trọn chẳng có tu đức “đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành và tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si”. Tu đức ấy lúc ban đầu là do cha mẹ hiền, sư trưởng khơi gợi vậy, kế tiếp là do chính mình khăng khăng nỗ lực tu trì. Dầu chưa thể đạt đến địa vị Nghiêu - Thuấn hay địa vị Phật, nhưng đã khác hẳn một trời một vực với kẻ hạ ngu hằng ngày chôn vùi trong nhân dục rồi!

Kinh Thư chép: *“Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh”* (Chỉ vì thánh đánh mất niệm mà thành cuồng, chỉ vì kẻ cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh). Kinh dạy: *“Hễ mê thì Phật chính là chúng sanh, ngộ rồi thì chúng sanh chính là Phật”*. Ta may mắn có căn cơ làm Nghiêu - Thuấn, thành Phật, là trang nam tử hào hùng, há chịu bỏ mặc cho tánh đức này bị vùi lấp trong nhân dục, vĩnh viễn làm chúng sanh hạ ngu trầm luân trong biển khổ ư? Nguyên những người làm cha mẹ, làm sư trưởng, làm con cái, làm học trò trong cõi đời ai nấy đều gắng sức thì nước ta thật may mắn mà toàn cầu cũng may mắn lắm thay!

5. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của Phật Quang Phân Xã tại Xung Điền, Vụ Nguyên

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật quang là tâm quang. Tâm quang ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, bình đẳng giống hệt như nhau, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn than thở sâu xa: *“Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì chưa ngộ nên chẳng tránh khỏi biến trí huệ đức tướng ấy thành vô minh nghiệp thức, mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần, ví như đi mãi trong đêm dài, chẳng thấy được đường chánh, chẳng va tường đụng vách thì cũng đọa hầm sụp hố, luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra!”* Đức Như Lai thương xót, thị hiện giảng sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi, diễn nói các pháp, chỉ dạy thể tướng của nhất tâm, nói ra nhân quả ba đời, pháp thế gian lẫn xuất thế gian không gì chẳng trọn khắp.

Lại muốn lợi lạc khắp ba căn nên đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ, ngõ hầu hết thấy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đích thân chứng được tâm quang mà Phật và chúng sanh đều cùng có, cũng như chứng được tánh thể vô lượng quang thọ. Lại còn rủ lòng từ tiếp dẫn đến tốt cùng đời vị lai, ngõ hầu pháp giới chúng sanh đều được đẫm Phật quang, cùng chứng tâm quang. Quang quang chiếu sáng lẫn nhau, thành một thể giới Thường Tịch Quang mới thôi! Đây chính là cội nguồn của việc cư sĩ Dịch Viên lập ra Phật Quang Xã.

Còn những gì được đề xướng trong liên xã thì trọn chẳng lập ra cách thức sai khác, tức là ai nấy đều dốc tâm thực hiện ngay trong những cư xử thường ngày của chúng ta, có nghĩa là “cha từ, con hiếu,

anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành”, mỗi mỗi đều nghiêm túc trọn hết bổn phận. Như thế thì chính là người lành “chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành”. Hơn nữa, trong khi đi lại, nói năng, làm lưng, đi, đứng, nằm, ngồi, luôn luôn chấp trì một câu thánh hiệu A Di Đà Phật, dùng vạn đức hồng danh của Phật để hun đúc nghiệp thức vô minh của chính mình, hun đúc lâu ngày thì vô minh nghiệp thức ấy sẽ biến thành trí huệ đức tướng. Thanh Lương quốc sư nói: *“Phàm phu cảm cú niệm Phật, niệm đến cùng cực sẽ có thể ngâm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu”*, chính là nói về điều này vậy. Huông chi dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha để cảm Phật, Phật sẽ dùng thệ nguyện từ bi nhiếp thọ; do đó được cảm ứng đạo giao, vạn người tu vạn người về. Lòng từ của đức Như Lai, sự nhiệm mầu của pháp môn không chi hơn được! Nếu không có túc căn sẽ chẳng thể gặp gỡ!

Cư sĩ Giang Dịch Viên đã đạt được lợi ích sâu xa, lại còn khuyến dạy người trong ấp cùng tu pháp này. Do vậy, người do nghiệp tiêu trí rạn mà vãng sanh và những người cậy vào Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh kể sao cho xiết! Vì thế, các vị thiện sĩ ở Xung Điền nghe tiếng tấm dấy lòng noi theo, lập riêng phân xã để mong cư dân lân cận sẽ cùng được đắm Phật quang, cùng sanh về Cực Lạc, đủ thấy con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, đã gieo thiện căn sâu xa trong nhiều đời nhiều kiếp vậy!

Phải biết: Phật pháp vốn là tâm pháp, là gốc của hết thảy các pháp thế gian. Nếu biết Phật pháp thì đạo “cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của thế gian đều được viên

mãn rốt ráo. Nếu không, chỉ là bày biện nơi cành nhánh, chứ trọn chẳng được lợi ích thật sự nơi căn bản: Vì cái thân mưu tính sẽ chẳng thể vượt ra ngoài thân xác, vì đất nước mưu tính sẽ chẳng thể khiến cho phong thái đại đồng được thông suốt. Bậc thượng mà còn như thế thì bậc hạ cần chi phải nói nữa! Ngu phu, ngu phụ nếu y theo pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói để tu trì thì khi còn sống sẽ tận hết bốn phận, trọn hết tình nghĩa để trở thành hiền thiện, mất đi sẽ cao đăng chín phẩm sen liễu sanh thoát tử. Bậc hạ mà còn được như thế hưởng gì là bậc thượng! Nguyên những thiện tín tham dự liên xã và những ai thấy nghe trong hiện tại, tương lai, đều cùng nhờ vào tâm quang để đề cao Phật quang thì xã hội may mắn lắm mà thiên hạ cũng may mắn lắm thay!

6. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập Phật Quang phân xã tại nội thành Vụ Nguyên

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Phật quang là tâm quang. Tâm quang ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được, lại ngược ngạo nương vào sức tâm quang ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi lục đạo trọn chẳng ngừng nghỉ. Vì thế, đức Phật tùy thuận căn cơ của chúng sanh, vì họ nói nhân quả của các pháp môn Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ v.v... và lý tánh sâu màu trạm tịch viên dung Thường - Lạc - Ngã - Tịnh để chúng sanh y theo đó tu tập, sẽ có ngày tự viên mãn Bồ Đề, rốt ráo đích thân chứng được tâm quang ấy chiếu khắp pháp giới.

Nho giáo cũng hết sức chú trọng pháp nhân quả. Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương*” (Nhà tích thiện niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Cuối cùng, Ngài nói: “*Một Âm, một Dương gọi là đạo*”. Phạm tích thiện hay tích bất thiện, đó là nhân; dư khánh, dư ương chính là quả. Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rất ráo rây.

Có người bảo nhân quả là Tiểu Thừa, chẳng chịu đề xướng, đầy đều là hạng chuyên bàn xuông, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa ác đạo đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu Thừa ư? Như Khổng Tử nói “*một Âm một Dương gọi là Đạo*”, thì cái Đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo Thành và Minh hợp nhất đó ư? Thành chính là Minh Đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đấy chính là Tánh Đức. Do không có công phu khắc phục phiền não nên chẳng thể hiển hiện được; vì thế gọi nó là Âm. Minh chính là như chữ Minh thứ nhất trong câu “*minh Minh Đức*” (làm sáng tỏ đức sáng), tức là công phu “*triêu càn tịch dịch, gắng sức tu trì*”, tức Tu Đức. Do những sự thuộc về Tu Đức hiển hiện rõ ràng nên gọi là Dương. Dốc công Tu Đức đến cùng cực thì Tánh Đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, Thành và Minh hợp nhất, tức là cái thường được gọi là “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*” (làm sáng Minh Đức, ở yên nơi tốt lành tốt cùng). Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*”) là cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, còn sự nghiệp

phía sau điều này (tức những điều dụng được thể hiện sau khi đã đạt đến “*minh Minh Đức chỉ u chí thiện*”) là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Nhưng nếu chỉ dùng những công phu tu tập Thành và Minh hợp nhất “*minh Minh Đức, chỉ u chí thiện*” này để đạt tới “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới cần phải có những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý). Thế nào là “những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được?” Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu quyết cũng chẳng chuộng hung ghét lành, vui mừng vì bị tai họa! Nghe “*chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa*”, người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có lầm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

Do vậy biết đôi với việc tự tu thì đạo Thành - Minh đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được! Kết hợp hai pháp nhân quả và Thành - Minh thì mới là đạo kế thiên lập cực nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đây cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy.

Bất Huệ thường nói: “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh*”. Muốn vẫn hồi kiếp vận, cứu chữa nhân tâm nhưng chẳng chú ý điều này thì giống như tìm cá trên cây! Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi,

trộm cắp những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để phát huy tâm pháp của thánh nhân Nho giáo đời trước, muốn cho kẻ học đời sau chẳng nghe tới Phật pháp nên âm thầm sùng phụng, bề ngoài chống trái, càng ra sức bài bác Phật pháp, cho là thật sự chẳng hề có những chuyện nhân quả luân hồi như đức Phật đã nói, Ngài chỉ nhờ vào đó để gạt gẫm hàng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài mà thôi! Do bóng Phật nên tuy là nhân quả do thánh nhân đã nói cũng như những sự tích luân hồi sanh tử được chép trong các bộ Sử Ký, Hán Thư họ đều chẳng buồn nhắc tới, chỉ lấy “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bốn phận, chánh tâm, thành ý” để làm căn bản trị mình, trị người, trị nước mà thôi!

Họ lại còn nói con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dầu có chém - chặt - xay - giã thì lấy gì để thực hiện? Hơn nữa, thần thức đã phiêu tán, còn ai để thác sanh? Kẻ nói như vậy chẳng những phản bác Phật pháp mà còn hết sức phản bác những sự tích về thác sanh, biến hóa được chép trong Tứ Thư, Ngũ Kinh và Sử Ký, Hán Thư, riêng muốn dùng những cách ngăn lấp hậu học ấy khiến cho hàng hậu học đời đời chẳng được nghe Phật pháp để không ai biết những gì chính họ (tức bọn Tống Nho) đã đạt được là do đâu mà có và nhờ đó Nho Giáo cũng sẽ hưng thịnh. Họ chẳng biết cội gốc đã bị tổn thương thì cành nhánh làm sao tươi tốt cho được!

Từ đây trở đi, phương cách để duy trì thể đạo nhân tâm chỉ là “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bốn phận, chánh tâm, thành ý” mà thôi, hoàn toàn phế bỏ sự lý nhân quả thiện ác là cái thúc đẩy người khác chẳng thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bốn phận, chánh tâm, thành ý!

Cõi đời bậc đại hiền thì ít, kẻ căn cơ trung hạ lại nhiều. Nếu coi nhân quả là hư vô, con người chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất thì chính là lấp mất con đường gắng sức làm lành của kẻ trung hạ, mở tung đầu mối cho kẻ cuồng vọng phóng túng chẳng kiêng dè! Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bông bột ngã theo, lại bị biến đổi dữ dội đến tận gốc, rớt cuộc đến nỗi phé kinh điên, phé luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, mà vẫn khoe khoang, chẳng biết hổ thẹn. Nếu như lý nhân quả chẳng bị bài xích, đả phá, có ai chịu xướng lên những vở tuồng xấu ác ấy để chuốc lấy quả báo vĩnh viễn đọa trong ác đạo ư? Các vị tiên sinh bên Nho giáo chỉ biết dùng kiểu đó để bảo vệ đạo Nho, chẳng ngờ do đây mà đạo Nho bị diệt! Học thuyết gây lầm lạc cho người khác, còn quá nước lũ, mãnh thú, chẳng đáng sợ hay sao?

Gần đây, phong hóa trong cõi đời ngày một đi xuống, những người hữu tâm ai nấy đều đề xướng học Phật. Tại Vụ Nguyên, kể từ khi được cư sĩ Giang Dịch Viên đề xướng đến nay, nhân sĩ cả một vùng đua nhau phụ họa, đã có nhiều nơi lập phân xã. Ấy là vì mong được nhờ Từ quang của đức Phật để từ đó bỏ ác tu thiện, tiêu tai, lành bệnh, giặc cướp nhiều phen chẳng kéo đến, tật dịch nhiều phen không xảy ra, hễ mưa nắng trái thời thì niệm Phật cầu đảo bèn được ứng nghiệm. Người cả một vùng khâm phục lời lẽ của Dịch Viên giống như bảy mươi người khâm phục Không Tử vậy.

Nay tại huyện thành cũng lập phân xã, trước khi mở cửa, cư sĩ Tề Dụng Tu xin Bất Huệ lược thuật những nét chánh yếu dù ẩn hoặc hiển về Phật quang, cho nên tôi trình bày những chuyện trong hơn tám chín trăm năm qua để bậc thông sáng mai sau có cái để soi xét. Còn đối với

những người ắt dốc sức thực hành thì hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, vâng giữ tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ”, thực hiện tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, lại còn phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật, tự hành dạy người cùng sanh về Tây Phương, cùng chứng vô lượng thọ, vô lượng quang để tâm quang của mỗi người cùng với Phật quang thường tịch và tâm quang từ Hạnh Đàn Tứ Thủy chiếu rọi lẫn nhau thì quốc gia may mắn lắm mà pháp đạo cũng may mắn lắm.

7. Trình bày ý nghĩa ẩn kín của chữ Nhân (人)

(năm Dân Quốc 27 - 1938, giảng cho một đệ tử)

Con người là một sinh vật trần trụi, thân bất quá mấy thước, tuổi thọ chẳng quá mấy chục năm, lại cùng với trời cao đất dày dài lâu không lường xưng là Tam Tài, nghĩa ấy như thế nào? Phải biết: “Tài” là danh xưng của đức năng. Trời có đức năng che phủ trọn khắp, sanh thành trưởng dưỡng muôn vật; đất có đức năng chuyên chở trọn khắp, hàm dưỡng, bồi đắp muôn vật. Con người lấy việc “phụ trợ quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, kế tục bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau” làm đức năng. Nếu không có đức năng của con người bổ trợ thì đức năng của trời đất vẫn còn thiếu sót. Do được đức năng “giúp đỡ, kế thừa, khơi lối” của con người bù đắp mà đức năng của trời đất được viên mãn, đầy đủ, theo chiều dọc cùng khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Con người cùng với trời đất

được xưng là Tam Tài là vì lẽ đó! Đức năng của con người nói tổng quát có bốn điều:

1) Nhân (con người) tức là Nhân , tức lòng nhân từ trắc ẩn, tự lợi, lợi tha, vì thế gọi là Nhân.

2) Nhân là Nhẫn , chịu thương chịu khó, đảm đương nhiệm vụ chống trời đỡ đất, vì thế gọi là Nhân.

3) Nhân là Nhiệm , tận lực đảm nhiệm tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ” sao cho không bị khiếm khuyết. Vì thế gọi là Nhân (Tám sự này thất phu thất phụ cũng đều làm được. Đây chính là đại sự “giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng của trời đất, kế tiếp bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau, chống đỡ trời đất” vậy. Nếu coi thường hoặc quên mất một hai sự, hoặc cả tám sự đều quên, sẽ trở thành kẻ giả dối mạo danh con người, chứ không phải là con người thật sự sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài. Nếu suy gẫm như thế thì mong thành thánh, thành hiền, học làm Phật, làm Tổ ắt sẽ dư dưng).

4) Nhân là Tận , tận hết đạo luân thường của Nho giáo để giữ vẹn luân thường, tận hết đạo tâm tánh của Phật giáo để chứng tâm, vì thế gọi là Nhân.

Ý nghĩa của chữ Nhân lớn lao thay! Nguyện hết thấy những người cùng hàng ai nấy gánh vác bốn nghĩa của chữ Nhân thì nào phải chỉ mình nước ta may mắn, mà thật ra muôn nước trong thiên hạ đều hưởng may mắn sâu xa. Nếu nói: “Ông nói như thế, ông có thực hiện được mỗi một điều ấy không thiếu sót hay chằng?” Thưa rằng: “Con chim sắp chết tiếng kêu cũng bi thương, con người sắp chết cũng nói

lời phải. Tôi xót cho tôi mỗi điều đều thiếu sót, chỉ mong sao hết thấy những người cùng hàng điều nào cũng chẳng thiếu sót, để mỗi một người cùng hàng lúc tuổi thọ đã hết sẽ khỏi phải xót xa sâu đậm giống như tôi vậy! Ông chẳng thấy trong kinh Vị Tăng Hữu Nhân Duyên con đã can thuyết pháp, trời Đế Thích vái lạy mà nghe đó ư? Nếu người trong khắp cõi đất đều là trời Đế Thích thì cũng chẳng đến nỗi con đã can phải mở miệng, sao ông lại cố chấp tướng nhân ngã để rồi trách móc tôi vậy? Tôi biết lỗi rồi, từ rày chẳng dám nói nữa!”

8. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc học nghề Y

(năm Dân Quốc 27 - 1938, nói với đệ tử là Châu Thanh Thái)

Phật là Đại Y Vương trị khắp những bệnh thân - tâm sanh tử cho chúng sanh, nhưng đại bệnh sanh tử do tâm khởi, nên trước hết phải lấy trị tâm bệnh làm điều kiện tiên khởi. Nếu có thể tu trì theo đúng pháp thì thân bệnh cũng sẽ nhờ đó mà được trị lành. Thân bệnh có ba thứ: một là túc nghiệp, hai là nội thương, ba là ngoại cảm. Trong ba thứ bệnh này chỉ có túc nghiệp là khó trị! Nếu có thể dốc lòng thành, cạn lòng kính, phát đại Bồ Đề tâm tự lợi, lợi tha niệm thánh hiệu “nam-mô A Di Đà Phật” và “nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát” để siêu độ những oan gia đối đầu đã bị người bệnh hãm hại trong những đời trước. Nếu họ (tức những oan gia đối đầu ấy) lìa khổ được vui thì người bệnh sẽ tiêu nghiệp, lành bệnh; họ chẳng những không còn quấy phá mà trái lại còn cảm cái ơn siêu độ nên sẽ âm thầm phù hộ. Phàm những ai mắc bệnh này và những người chữa trị bệnh ấy đều không thể không biết đến nghĩa này.

Hai là nội thương, hoặc do dụng tâm quá độ, hoặc do rượu chè, sắc dục, tiền bạc, hút sách, đối với mỗi thứ đều tham ưa. Nếu có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành và dùng thuốc chữa trị ắt sẽ dễ lành bệnh. Nếu chẳng chú ý nơi căn bản, chỉ cậy vào thuốc men, cũng khó thấy được hiệu quả. Dù có hiệu quả, vẫn khó giữ cho vĩnh viễn không bị tái phát.

Ba là ngoại cảm, chỉ cần làm theo như cách đã nói trong phần nội thương trên đây. Dẫu có bị trúng phải gió, lạnh, nắng, mưa bên ngoài cũng hết sức dễ chữa. Nếu chẳng chú ý ngăn ngừa giận dữ, gạt bỏ ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành thì tuy là bệnh ngoại cảm vẫn chẳng dễ gì chữa trị vì bị tổn thương từ căn bản mà chỉ trị nơi cành nhánh, thật khó được lợi ích! Do vậy, thánh nhân giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ thân khi chưa bệnh, tuy không có kỳ tích bình trị, bảo vệ, nhưng sự bình trị, bảo vệ cũng lớn lắm.

Tôi hoàn toàn chẳng biết gì về thuốc men, nhưng rất mong cho người đời đều không bệnh tật, hằng ngày trì chú Đại Bi gia trì vào nước sạch, có người mắc bệnh ngặt lâu ngày, thầy thuốc Bắc, thuốc Tây đều chẳng chữa được, tôi cho người ấy uống nước đã được trì chú Đại Bi, dạy người ấy kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm, nếu thật sự chí thành sẽ lập tức xoay chuyển được tình thế, không lâu sau tự lành bệnh. Dẫu chẳng thể lành ngay, quyết cũng chẳng lẽ nào bị bệnh nặng thêm,

lại còn có thể tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, lại chẳng tổn kém chi!

Ông muốn học Y, tuy chú trọng nơi châm cứu, dược phẩm, nhưng cần phải phát đại Bồ Đề tâm, thường dùng thánh hiệu của Phật, Bồ Tát và chú Đại Bi khắp vì ta - người trì tụng, để mong đôi bên cùng được thân tâm an lạc trong đời này, lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương thì chẳng uổng là đệ tử Phật, tùy phần tùy sức thực hiện đạo lợi khắp ta - người. Nếu giống như những gã thầy thuốc tầm thường trong cõi đời chỉ cầu lợi, chẳng coi trọng chuyện cứu chữa người bệnh, dẫu cho giàu nứt đổ đổ vách cũng chỉ được kết quả là chính mình vĩnh viễn đọa trong ác đạo, con cháu hoặc thành phường bại hoại, hoặc rớt cuộc bị tuyệt diệt! Uổng có cơ hội tự lợi lợi tha mà lại ngược ngạo biến thành cái quả tự hại, hại người, chẳng đáng thương sao? Chẳng đáng sợ sao? Sách Cẩm Ứng Thiên có câu: *“Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy”*, người thông minh trong cõi đời phần nhiều đều muốn hưởng phước lạc, đâm ra chuốc lấy họa ương. Nếu ông chẳng thuận theo thói đó, ắt sẽ được “danh xứng với thật”, là bậc đại quốc thủ. Nếu không, chỉ trở thành kẻ giặc cho dân mà thôi! Lấy - bỏ thế nào, mong ông hãy tự chọn lựa!

9. Pháp ngữ dạy thầy Hoa Quyền đang bị bệnh

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Con người sống trong thế gian ai cũng chẳng thể nào tránh khỏi nỗi khổ tật bệnh, chết chóc! Trong khi những sự khổ như vậy xảy ra, chỉ

nên buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm “Nam-mô A Di Đà Phật”. Nếu hơi thở ngắn thì chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật, nhất tâm cầu Phật từ bi tiếp dẫn ông vãng sanh Tây Phương. Trừ một niệm ấy ra, trong tâm chẳng được khởi lên mảy may tưởng niệm khác biệt nào, cũng đừng mong bệnh chóng lành, cũng chớ có tưởng niệm cầu thần cầu trời giáng phước. Hễ có những thứ tưởng niệm ấy, tâm ông sẽ bị cách ngăn với tâm đức A Di Đà Phật; do vậy sẽ chẳng hưởng được sức gia bị do lòng từ của Phật.

Ông phải hiểu rằng: Trời đất cha mẹ đều chẳng thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử được, chỉ có đức A Di Đà Phật là có thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử! Giả sử ông chịu buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ được chóng lành. Nếu tuổi thọ đã hết, liền vãng sanh Tây Phương; nhưng chớ nên cầu bệnh chóng lành, chỉ nên cầu mau được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết mà cầu lành bệnh sẽ chẳng được vãng sanh. Cầu vãng sanh thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Vãng sanh Tây Phương có những điều hay chẳng thể nói trọn, so với những kẻ sanh lên cõi trời làm thiên đế, thiên vương vẫn cao cả hơn vô số vô lượng vạn vạn vạn lần.

Ông đừng có si tâm vọng tưởng sợ chết. Có cái tâm sợ chết sẽ chẳng thể vãng sanh được! Chúng ta sống trong thế gian giống như loài giòi trong hầm phân, tù nhân trong lao ngục, khổ chẳng chịu đựng được! Vãng sanh Tây Phương như thoát khỏi hầm phân, lao ngục, đến quê nhà thanh tịnh an lạc tiêu dao tự tại, há nên sợ chết? Nếu có tâm niệm sợ chết, sẽ vĩnh viễn chịu khổ trong sanh tử luân hồi, vĩnh viễn

chẳng có thuở thoát khổ. Nếu ông niệm ra tiếng được thì cũng nên niệm nhỏ tiếng, chẳng thể niệm ra tiếng nổi thì niệm thầm trong tâm, tai nghe người khác niệm, trong tâm cũng niệm như thế. Mắt lại dõi nhìn A Di Đà Phật (tức đức Phật được thờ trong thất), trong tâm tưởng đến A Di Đà Phật. Hễ có những niệm khác khởi lên, hãy nên tự trách: “Ta muốn cậy vào Phật lực vãng sanh Tây Phương, sao lại khởi lên những thứ ý niệm này làm hỏng đại sự của ta?”

Nếu ông chịu niệm theo như lời tôi nói, chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, bao kiếp vĩnh viễn thường hưởng khoái lạc, trọn chẳng phải thấy nghe mảy may sự khổ gì, há còn có những thứ khổ não tật bệnh như thế này hay sao? Nếu gặp lúc trong tâm dấy lên phiền não, phải hiểu rằng đấy chính là do ác nghiệp trong đời trước xui khiến, muốn phá hoại đạo vãng sanh Tây Phương của ta, muốn khiến cho ta vĩnh viễn bị khổ vì sanh tử luân hồi, ta nay hiểu được nó muốn hại ta, ta chẳng để cho nó xoay chuyển, trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng nghĩ đến chuyện gì khác. Như vậy thì tâm tâm tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, sẽ liền vãng sanh. Hãy nhớ kỹ lời tôi thì sẽ tự mau được lợi ích không chi lớn hơn được!

10. Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ân Đức Tăng

(hai bài) (năm Dân Quốc 25 - 1936)

1) Hai chữ “nhân quả” gồm trọn hết thấy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, trọn hết không bỏ sót gì. Do vậy, chẳng riêng gì Phật giáo đề cao nhân quả mà pháp thế gian cũng chẳng bỏ qua nhân quả. Trong

sách Nho đã sớm để lại giáo huấn rõ ràng. Kinh Dịch chép: “*Tích thiện dư khánh, tích bất thiện dư ương*” (tích chứa điều thiện niềm vui có thừa, tích chứa điều bất thiện tai ương có thừa), kinh Thư ghi: “*Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương*” (làm lành thì điều tốt lành sẽ giáng xuống; làm điều chẳng lành, tai ương sẽ giáng xuống) chẳng phải là nói về nhân quả hay sao? Nhưng hết thấy những chuyện kỳ kỳ quái quái, thiện thiện ác ác được biên chép trong bộ Xuân Thu Tả Truyện đều là những ghi chép thật sự về nhân quả. Nếu người đời sau đọc bộ sách ấy, xét nghĩ những chuyện ấy sẽ thấy rành rành họa phúc vô thường, báo ứng chẳng sai vậy!

Do có quý thần, dè dặt kinh sợ, bậc thượng trí sẽ mạnh mẽ đẩy lên chí hướng ưu thời mẫn thế, gắng tu đức của chính mình; kẻ hạ ngu cũng biết nể sợ, chẳng dám làm ác. Vì thế, nhân quả thật sự là sự phòng ngừa lớn lao để ràng buộc lòng người, đáng để phụ trợ cho những chỗ mà sự cai trị của nhà vua chưa được thấu tới, mà cũng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, và cũng là mấu chốt khiến cho đất nước yên ổn hay loạn lạc, hưng thịnh hay suy vi từ xưa đến nay vậy.

Hiện thời thế đạo ngày một suy vi, lòng người chìm đắm, sở dĩ tệ hại đến cùng cực như thế này đều là vì chẳng hiểu rõ lý nhân quả báo ứng mà ra. Lý nhân quả chẳng được sáng tỏ thì tuy cái nhân gần là do bị ảnh hưởng bởi những học thuyết mới, nhưng thật ra cái nhân xa là do Tống Nho bác Phật đã uơ thành. Ấy là vì từ khi học thuyết Tống Nho được xướng suất mạnh mẽ: “Quý thần chỉ là lương năng của hai khí (Âm - Dương), con người chết đi thần hồn cũng phiêu tán, đâu có

chém - chặt - xay - giã sẽ thực hiện vào đâu, quân tử có làm gì để làm lành thì chuyện làm lành ấy cũng chẳng thật, cần gì phải bàn đến nhân quả?” Phạm “không làm gì mà là làm lành” chỉ để nói với bậc thượng trí, chứ đối với hạng người từ bậc trung trở xuống, ắt phải nhờ vào khuyến bảo “hãy có làm” thì mới là lành. Nay nói: “Chẳng làm gì mà là làm” sẽ ngăn trở con đường hướng thiện của người khác!

Thánh nhân dùng thần đạo để lập giáo, ngầm khen ngợi thần minh, từ kết quả truy ngược về cội nguồn nên biết được lẽ sanh tử. Tinh - khí là vật, du hồn biến chuyển, do vậy biết được tình trạng của quý thân. Nay coi quý thân là hư vô, hoang đường, tức là đã phế trừ giáo huấn của các bậc tiên vương! Nếu chết đi đã thành đoạn diệt, không nhân quả, không báo ứng thì hết thấy hạnh nghịch ác hễ tỏ được cái chí thì đâu cần kiêng sợ gì mà không làm cơ chứ? Loạn thiên hạ, gây họa cho nhân loại, ắt đều bắt nguồn từ đây!

Bọn Trình - Châu chỉ biết cổ vũ “quân tử không làm gì chính là làm lành”, chẳng thèm lo tới chuyện “bọn tiểu nhân không kiêng sợ nên cứ làm ác” hay sao? Trong thiên hạ, bậc quân tử thì ít, tiểu nhân lại nhiều, lời lẽ của bọn Trình - Châu lợi thiên hạ thì ít, hại thiên hạ cũng nhiều, chẳng đáng đau xót ư? Nhưng cái thuyết Lý Học của bọn Trình - Châu phần nhiều lấy từ các nghĩa lý trong kinh Phật, nhưng họ lại toan dùng đó để tự khoe tài, đã học được từ người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, bịt tai trộm linh, trong lòng sùng phụng, mặt ngoài chống trái, thậm chí chẳng tiếc công đàn áp.

Thật sự là vì đâu mà lại như thế? Đáp: Do tri kiến môn đình và muốn được phối hưởng trong Văn Miếu mà thôi! Bọn họ chỉ vì tri kiến

môn đình, gây họa hoạn vô cùng cho hậu thế. Đấy cũng là điều bọn Trình - Châu chẳng lường tới, nhưng những người có lòng lo cho đời đều đau đớn sâu đậm! Trình - Châu từng là những bậc đại Nho một thời dưới đời Tống, công duy trì nhân luân kỷ cương của họ đâu thể không tính kể tới, nhưng lập luận của họ chẳng tránh khỏi trái nghịch tiên thánh, gây lầm lạc cho đời sau. Bọn ta đọc sách để học đời cổ nhân, há chẳng suy xét sâu xa ư?

2) Hiện nay muốn xuong minh sự lý nhân quả và phương pháp thực hành điều đó thì trước hết phải thực hiện bằng sự giáo dục trong gia đình; nhưng giáo dục trong gia đình lại phải lấy phụ nữ làm chủ thể. Bởi lẽ, đời có mẹ hiền thì mới có con hiền. Noi theo bậc hiền mẫu thời cổ, thực hiện thai giáo: un đúc bảm chất từ lúc ban đầu, nuôi nấng, dạy dỗ từ khi chưa sanh ra ngõ hầu con sẽ tập quen thành tánh. Như ba bà Thái đời Châu (Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự) ngầm giúp đỡ chồng, dạy con từ lúc nó còn nằm trong thai, đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, quả thật họ đã lập nên nền tảng mở mang vương nghiệp nhà Châu. Tôi thường nói: *“Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa”*. Lại nói: *“Dạy con gái là cái gốc để tề gia, trị quốc”* tức là nói đến chuyện “trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con”. Nữ giới ngày nay phần nhiều chẳng hiểu nghĩa này, lầm lạc muốn tham gia chánh trị nắm quyền, tính làm đại sự, bỏ mặc đạo căn bản là vun bồi gia đình. Điều này quả thật gom sắt của muôn nước chín châu cũng chẳng đúc được cái lõi làm lớn lao ấy, thật đáng cảm khái sâu xa! Thế nào là đạo căn bản để vun bồi gia đình? Chính là hề dạy dỗ con cái, ắt phải khi con đang còn trong độ tuổi măng sữa, trước

hết phải làm cho nó biết về thuyết nhân quả báo ứng thì đối với hết thấy những hành vi nghịch ác nó sẽ tự kiêng sợ chẳng dám làm. Giảng giải sách nhân quả không chi hay bằng Cẩm Ứng Thiên và Âm Chất Văn. Hai cuốn sách ấy phải thường giảng nói, ắt sẽ tự có lợi ích không chi lớn bằng! Bởi lẽ, trẻ thơ thiên tánh chưa xấu xa, lời lành dễ tiếp nhận, tập quen từ bé, lâu ngày sẽ thành bản tánh, đến khi lớn lên sẽ chẳng thay đổi được! Gốc chánh nguồn trong được bắt nguồn từ đây! Vì thế, kinh Dịch chép: “*Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã*” (Dạy cho trẻ thơ điều đúng đắn, có công như thánh nhân vậy).

Ngày nay thiên hạ sở dĩ đại loạn đều là do cha mẹ chẳng hiểu nguyên lý giáo dục đã ươm thành vậy. Bởi lẽ đã chẳng thể dùng thai giáo để dạy dỗ điều lành từ đầu, lại còn chẳng thể dùng nhân quả để răn nhắc lúc sau. Căn bản đã hỏng thì sẽ bừa bãi, tràn lan chẳng thể nào thâm nhập được. Do vậy mới xướng lên những thuyết bất hiểu, không cần cha mẹ, mới bàn đến chuyện cách mạng gia đình không kiêng dè chi! Dẫn đến tình cảnh bạn bè chơi với nhau vì lợi lộc hòng bán chác, vợ chồng hợp lại hay chia tay nhau giống như cầm thú, chôn vùi đạo nghĩa liêm sỉ, thiên lý tuyệt diệt như nước lũ cuộn cuộn tận trời chẳng biết khi nào ngừng. Dầu Khổng Tử, Thích Ca sống trong thời buổi này cũng không có cách gì cứu giúp được, nguy ngập vậy thay!

Làm như thế nào đây? Đáp: Đường lối để cứu vãn chỉ có cách chú trọng giáo dục gia đình sao cho ai nấy giảng rõ sự lý nhân quả cho con cái hòng vun bồi căn bản mà thôi! Đã gieo thiện nhân ắt gặt thiện quả,

mới hòng có hy vọng trong tương lai lòng người biến đổi tốt đẹp, phong tục dần dần thuần lương, thiên hạ nước nhà thái bình vậy.

11. Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường (hai mươi bảy câu)

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

1) Hỏi: Nguyên nhân khiến đệ tử tin Phật bắt nguồn từ việc nghiên cứu thuật Thôi Miên. Xưa kia con đã nghe tục ngữ có câu: “*Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật*”, nghĩ rằng tu mười đời mới thành tựu được, thường sợ bỏ dở giữa đường, phí sạch hết công lao tu tập từ trước. Nếu sớm biết sẽ thành tựu ngay trong đời này thì đã sớm niệm Phật rồi. Tuổi con đã hai mươi bảy, rất hối hận đã phát tâm trễ tràng.

Đáp: “*Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật*” chính là lời nói nhảm của kẻ chẳng biết gì về Phật pháp. Người biết Phật sẽ trọn chẳng nói câu đó. Pháp môn Tịnh Độ chính là cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, đều phải có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định mong cầu đến lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương. Nếu chẳng cậy vào Phật lực mà muốn liễu sanh tử thì ngàn đời vạn kiếp chẳng thể liễu thoát rất nhiều!

2) Hỏi: Con tin tưởng tịnh tâm sẽ thành Phật, giống như trong thuật Thôi Miên ắt phải trầm tĩnh rồi sau đấy mới có hiện tượng chẳng thể nghĩ bàn.

Đáp: Tịnh tâm niệm Phật quán Phật sẽ dễ tương ứng với Phật. Nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chắc chắn được vãng sanh, rồi

sẽ dần dần tấn tu, ắt sẽ thành Phật. Đừng nên nói “hiện tại tịnh tâm sẽ được thành Phật!”

3) Hỏi: Con tin tưởng nhờ cậy vào Phật lực, như trong thuật Thôi Miên tự thôi miên chính mình sẽ khó hơn bị người khác thôi miên. Vì thế biết là Tự Lực chẳng bằng Tha Lực.

Đáp: Hết thầy pháp môn đều phải cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chúng Chân hầu liễu sanh thoát tử, như người thọt chân tự đi, một ngày khó đi được trăm dặm. Pháp môn Tịnh Độ nương vào sức Từ của Phật sẽ có thể đởi nghiệp vãng sanh, giống như kẻ thọt chân ngồi trên bánh xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương, trong một ngày đến khắp bốn châu, làm sao có thể lấy chuyện Thôi Miên để chứng minh cho được!

4) Hỏi: Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, vậy thì đức Phật được tướng ấy có giống như đức Phật được tướng trong phép Quán thứ tám của Quán Kinh hay không?

Đáp: Quán tướng phải bắt đầu tu tập từ phép Quán thứ mười ba. Nếu không, cảnh tế tâm thô, khó thể thành tựu, hoặc nếu như dụng tâm không thích đáng sẽ dấy lên ma sự.

5) Hỏi: Như khi gặp nguy hiểm, lâm vào tình thế chẳng thể cùng một lúc kiêm tụng các chú thì hãy nên ứng dụng như thế nào?

Đáp: Gặp phải tai nạn cực nguy hiểm, chỉ nên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát là đỡ tổn tâm lực nhất, lại có cảm ứng nhiều nhất.

6) Hỏi: Nếu chuyên tụng Phật hiệu, hiệu lực so với thần chú như thế nào?

Đáp: Phật hiệu và thần chú có công đức giống hệt như nhau, chỉ do lòng chí thành thì mới có cảm ứng. Nếu trong tâm trước hết đã khởi lên ý niệm coi thường Phật hiệu thì sẽ chẳng có lợi ích gì, vì đã không chí thành lại còn ngờ vực nên chẳng được lợi ích chân thật.

7) Hỏi: “Duy tâm Tịnh Độ tự tánh Di Đà” với “Tịnh Độ và đức Phật ở Tây Phương” là một nhưng mà hai, là hai nhưng mà một phải không?

Đáp: Có duy tâm Tịnh Độ thì mới sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Nếu tự tâm chẳng tịnh, làm sao vãng sanh được? Dẫu là kẻ tội nhân nghịch ác nhưng do niệm Phật mười tiếng bèn được vãng sanh là vì tịnh tâm niệm Phật mà cảm được quả báo vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong đời lắm kẻ tưởng “duy tâm là không có cõi nước”, trở thành tri kiến của tà ma, ngoại đạo! Loại tà kiến tựa hồ là đúng nhưng thật ra là sai ấy chiếm hơn quá nửa đến nỗi người niệm Phật chẳng được lợi ích thật sự, mà vẫn tưởng mình là cao minh, chẳng biết đây là tà kiến “chấp lý phế sự, tự làm, làm người!” Do tự tánh Di Đà nên phải niệm đức Di Đà ở Tây Phương để cầu vãng sanh hồng tấn tu dần dần để có đích thân chứng được Di Đà nơi tự tánh. Nếu chỉ chấp vào tự tánh Di Đà, chẳng niệm đức Di Đà ở Tây Phương, dẫu có ngộ thật sự vẫn không thể liễu sanh tử được! Huống chi những kẻ nói lời ấy toàn là bọn chấp chặt một bề, toàn là phường nói xuông! “Là một nhưng hai” là chuyện trước khi thành Phật, “tuy hai nhưng một” là chuyện sau khi đã thành Phật.

8) Hỏi: “*Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi*”, sanh và đi đều chỉ cho điều gì?

Đáp: “*Sanh thì quyết định sanh*” là nói theo mặt Sự. “*Đi chẳng thật sự đi*” là nói theo mặt Lý. Chẳng biết cội nguồn của Sự - Lý thì tốt hơn là hãy chắt phác niệm Phật theo sự tướng. Nếu không, ắt sẽ trở thành bọn tà ma, ngoại đạo chấp lý phê sự.

9) Hỏi: Người tên X... nọ khi mạng chung chợt nói: “Tịnh Độ ngay trong góc sân”, vậy cõi đất này là Tịnh Độ ư?

Đáp: Đấy chính là nghĩa lý “duy tâm Tịnh Độ” phát hiện. “Duy tâm Tịnh Độ” chính là cảnh của một mình người đó, ngoài ra đều là duy tâm uế độ. Há có nên dựa theo cái thấy của người ấy để phán đoán ư?

10) Tụng kinh có phải là để làm cho chính mình sanh tâm hoan hỷ, chán lia, hay là còn có tác dụng chi khác?

Đáp: Ông tụng kinh chỉ biết cầu hoan hỷ cho chính mình, đáng tiếc là vô biên diệu nghĩa bị ông xem chẳng đáng một đồng!

11) Hỏi: Hiểu Đệ Nhất Nghĩa là như thế nào?

Đáp: Hiểu Đệ Nhất Nghĩa tức là triệt ngộ diệu lý Thật Tướng, duy tâm tự tánh.

12) Hỏi: Cái tánh còn lại sau khi chết, cái tánh đi vãng sanh, và Phật tánh có những điểm giống nhau, khác nhau như thế nào?

Đáp: Cái tánh của hết thầy chúng sanh trước khi sanh ra sau khi chết đi, cái tánh vãng sanh và Phật tánh ba tánh ấy đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng. Gọi là đồng vì bản thể của tâm tánh

không hai. Nói là bất đồng vì do mê hay ngộ nên sai khác vời vợi một trời, một vực! Do có nghĩa này nên dạy người đoạn Hoặc chúng Chân để mong đích thân chúng được tâm tánh vốn đồng ấy. Chỉ có Thể là đồng, nhưng do mê chưa chúng nên bày ra đủ mọi pháp khiến cho họ bỏ vọng về vói chân, trái trăn hiệp giác hòng đích thân chúng được. Cách tu rất nhiều, chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương là dễ thực hiện nhất, dễ thành tựu nhất!

13) Hỏi: Phật dạy tu Quán chính là vì chúng sanh đời sau ác trước chẳng lành bị năm thứ khổ bức bách mà lập giáo. Nếu dùng Thôi Miên để bộc lộ Thiên Nhân Thông ngộ hầu nói ra để chứng minh thì hiện hiện cõi nước Cực Lạc cũng chẳng phải là chuyện khó. Huống chi rất cần chứng minh cho việc niệm Phật, sao không khuyên người tu Quán mà lại bảo đó là chuyện khó khăn?

Đáp: Thôi Miên là do sức huyền thuật, há phải là thật sự có Thiên Nhân Thông ư? Người thật sự có Thiên Nhân Thông há chịu để cho người khác thôi miên! Ông nay đã học Phật, hãy nên chuyên chí học Phật. Muốn hiện cõi Cực Lạc, chỉ dùng tịnh tâm mà niệm cho chuyên nhất thì sẽ làm được. Ví như mài gương, mài đến cùng cực thì gương tự nhiên tỏa sáng. Dùng thuật Thôi Miên để hiện thì trước hết tâm đã chẳng tịnh, niệm cũng chẳng chuyên nhất, ví như dùng bột trắng xoa lên gương mà cứ mong gương tỏa sáng, chẳng biết là đã phủ lấp tấm gương càng dày vậy!

14) Hỏi: Tu Quán có phải là cậy vào Phật lực hay không? Trong phép Quán thứ mười ba của Quán Kinh có nói: *“Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể thấu hiểu được,*

nhưng do sức tức nguyện của đức Như Lai ấy nên có kẻ ức tướng ắt được thành tựu”. Điểm khác biệt giữa phép Quán này và tham Thiền là gì? So với tham Thiền có dễ hơn hay không?

Đáp: Tham Thiền chỉ cốt suy cứu tự tâm, niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Hai pháp đạt đến rốt ráo viên thành thì hoàn toàn giống như nhau, nhưng dụng công trong lúc tu trì thì rất khác biệt. Ví như đi đường ngồi thuyền hay ngồi xe khác nhau, nhưng về đến nhà thì giống như nhau.

15) Hỏi: Tu Quán là tướng hay là quán, hay dùng cả quán lẫn tướng? Lấy gần hay lấy xa?

Đáp: Hai chữ “quán tướng” há nên chia ra làm đôi! Nhiếp tâm để tướng chính là quán. Ông nghĩ là hai tức là trở thành chỉ biết mười bằng một nhân với mười, chẳng biết con số mười ấy nó cũng là hai lần năm. Hơn nữa, quán tướng sao có thể chia ra thành gần hay xa cho được!

16) Hỏi: Mỗi phép Quán phải cần tu tập tối thiểu bao nhiêu ngày?

Đáp: Ông cho rằng tu một phép Quán này mấy ngày, rồi sẽ tu pháp Quán khác đó ư? Chẳng biết đức Phật tuy nói mười sáu phép Quán nhưng thoát đầu hãy nên thực hành phép Quán thứ mười ba thì mới là tu khế lý khế cơ.

17) Hỏi: Thoạt đầu là tướng tượng thì chẳng phải là lan man ư?

Đáp: Đã biết như trên đã nói thì cứ dựa theo đó mà suy.

18) Hỏi: Phép Quán đầu tiên là nhất tâm tướng mặt trời, hay là phải ngằm trì danh hiệu?

Đáp: Quán và Trì Danh vốn là một chuyện, ông cho rằng khi quán thì chẳng thể trì danh, chẳng được trì danh hay sao?

19) Hỏi: Khi ngồi thì tu Quán, những lúc khác thì trì danh, so với chuyên trì một thứ thì là hơn hay kém?

Đáp: Có cái tâm trầm tĩnh, kín đáo, thuần túy thì tu Quán cũng tốt mà trì danh cũng hay. Nếu không, so ra trì danh ôn hòa hơn, bởi tâm chí sôi động, hời hợt, vọng động mà tu Quán thì sẽ bị nhiều ma sự.

20) Hỏi: Quán thấy cõi nước Cực Lạc thì đây có phải là Tịnh Độ thật sự hay là tướng giả hiện?

Đáp: Quán thấy Cực Lạc chính là do duy tâm biến hiện, bảo đó là giả thì trở thành gã đứng ngoài cửa mắt rồi!

21) Hỏi: Quán thấy cõi Cực Lạc và được nghe pháp thì có phải là Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông hay không?

Đáp: Đây chính là do sức Quán tạo nên. Nếu là Thiên Nhân, Thiên Nhĩ thì không cần quán cũng vẫn thấy nghe được.

22) Hỏi: Có người nói thấy Phật chính là thấy vị Phật ở trong tâm chứ không phải là thấy vị Phật ở Tây Phương. Nếu đúng như vậy thì khi vãng sanh, vị Phật trong tâm có hiện ra hay không? Hay là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn?

Đáp: Lâm chung thấy Phật chính là đức Phật do tự tâm cảm thành, chớ nên quy hết về tự tâm rồi nói rằng “không có chuyện Phật đến đón!”

23) Hỏi: Còn như khi tu phép Quán thứ mười ba, lúc ấy có thể tùy ý vãng sanh hay không? Hay phải đợi đến khi lâm chung mới có thể vãng sanh?

Đáp: Nghiệp báo chưa tận, làm sao vãng sanh ngay được? Xưa kia cũng có người làm được như vậy, nhưng không thể áp dụng cho hết thảy mọi người được!

24) Hỏi: Quán đến khi thấy Phật nghe pháp rồi, mỗi ngày lại quán có cần phải bắt đầu quán từ phép Quán đầu tiên hay không?

Đáp: Quán tưởng thì chỉ cần quán sao cho đắc lực, cần gì phải từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại! Phật nói ra mười sáu phép Quán thì những phép Quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, các phép Quán về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép được tu. Mỗi phép Quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép Quán kia.

25) Hỏi: Từ phép Quán thứ mười bốn trở đi chính là quán các phẩm vãng sanh. Đã không có cảnh để hiện mà dạy quán, nghĩa là làm sao?

Đáp: Nghĩa này đã nói rồi. Hãy xem những điều đã nói ở phần trên.

26) Hỏi: Những người vãng sanh trên đây dường như chẳng phải là những vị do tu Quán mà vãng sanh, chẳng biết nên tưởng sự vãng sanh của người tu Quán như thế nào?

Đáp: Phẩm vị của người vãng sanh muôn sai ngàn khác, trong kinh chỉ dùng chín phẩm để nói tóm gọn, sao ông biết những người vãng sanh trên đây chẳng do tu Quán mà được vãng sanh? Phải biết: Căn tánh con người bất đồng, dầu chỉ cùng là một pháp mà vẫn có cao - thấp rất khác nhau, há nên câu nệ nơi pháp được tu ư? Ấy là do khả năng trong tâm địa của mỗi người, ông cho rằng các vị như Văn Thù, Phổ Hiền... chẳng tu Quán ư?

27) Hỏi: Nhớ số niệm Phật: Hít vào niệm sáu câu, thở ra niệm bốn câu là như thế nào? Tâm đã nhớ số lại niệm Phật, rồi lại phải tưởng Phật nữa ư?

Đáp: Niệm Phật nhớ số là từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười, sao lại hạn định trong hơi thở? Ông là kẻ học luyện đan vận khí nên mới thấy một hai chữ hơi tương tự, liền nói đó là công phu của họ. Cách niệm Phật nhớ số là vì kẻ vọng tâm khó chế ngự mà đặt ra. Niệm được như thế, ghi nhớ như thế, lắng nghe như thế, chắc chắn tâm sẽ dần dần điều phục. Ở đây có ai dạy ông thêm vào hai chữ “tưởng Phật” đâu? Ở đây là tùy tiện niệm, nào phải bận tâm thở ra hay hít vào? Nếu hít thở như thế lâu ngày sẽ bị tổn khí mắc bệnh, chẳng thể không biết điều này!

12. Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Châu Dư Chí Liên

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Bà đã ngoài bảy mươi tuổi rồi, chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết. Hiện thời phải nhanh chóng thu xếp hết thảy mọi việc cho tốt đẹp, trong tâm ngoại trừ niệm Phật ra, không để vướng mắc bất cứ chuyện gì khác thì khi lâm chung mới có thể không vướng mắc, không ngăn ngại. Nếu bây giờ cứ vẫn chuyện gì cũng không buông xuống được như thế, vẫn nhìn không thông suốt, khi lâm chung tất cả những tâm tham luyến y phục, đồ trang sức trên đầu, nhà cửa, con cháu sẽ đều hiện ra hết, như thế thì làm sao có thể vãng sanh Tây Phương cho được? Đã không thể vãng sanh được thì bà một đời thủ tiết niệm Phật và làm đủ mọi chuyện hữu ích sẽ hoàn toàn trở thành phước báo!

Hiện thời bà vẫn chưa có trí huệ, tuy thường tinh tấn niệm Phật, trong tâm vẫn chưa quyết định cầu sanh Tây Phương, đến đời sau trong lúc hưởng phước chắc chắn bị phước mê hoặc, sẽ tạo các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn phải đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu khổ! Nỗi khổ lớn lao ấy đều là do đời này niệm Phật chẳng biết quyết định cầu sanh Tây Phương chiêu cảm. Quang thương xót bà, sợ bà mai sau có thể lâm vào tình huống ấy cho nên lập sẵn cách cho bà. Nếu bà chịu nghe theo lời tôi, sẽ chẳng do phước mà mắc họa.

Hiện thời tuy bà rất mạnh khỏe nhưng phải nghĩ mình sắp chết. Bây giờ cần mặc những thứ quần áo nào thì giữ lại để mặc, phàn những thứ y phục quý trọng như lượt, là, áo da v.v... đều chia cho cháu, cho dâu. Những thứ cài đầu, xuyên đeo tay, hoa tai, vàng, bạc, phỉ thúy v.v... đều dùng để cứu giúp dân chúng bị tai nạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh. Nếu trong tâm thấy biết nhỏ nhoi,

chẳng thể đem cứu vớt tai nạn thì cũng nên chia cho con gái, cháu dâu, cháu gái v.v... Bên thân mình quyết chẳng được giữ lại những thứ khiến cho con người dấy lòng tham luyến ấy. Tất cả những khoản tiền dành dụm để phòng khi dưỡng già cũng nên giao hết cho con cháu, dù là khế ước, sổ sách ruộng đất v.v... đi nữa cũng nên giao hết sạch cho người khác. Trong tâm bà trừ chuyện niệm Phật, chẳng để cho có một chút ý niệm nào khác! Ngay cả cái thân của bà cũng chẳng tính toán sẵn sau khi chết đi sẽ nên an bài ra sao. Ngay cả với cháu, chắt cũng đều nên coi như người không quen biết, mặc kệ chúng nó hay dở ra sao, ta chỉ quan tâm niệm đức Phật của ta, nhất tâm mong chờ đức Phật đến tiếp dẫn ta vãng sanh Tây Phương.

Bà làm theo đúng như lời tôi nói, hết thấy mọi sự đều buông xuống hết, đến lúc lâm chung tự nhiên cảm được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu vẫn cứ tham luyến hết thấy những vật tốt đẹp, tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, đồ cài đầu, quần áo và con cái, cháu chắt v.v... y như cũ thì vạn muôn phần chẳng thể vãng sanh Tây Phương được! Đã không sanh về Tây Phương được thì đời sau chắc chắn có si phước để hưởng, do hưởng phước sẽ tạo nghiệp, chắc chắn khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa lạc trong tam đồ vì ác nghiệp ngăn lấp vậy! Tâm thức chẳng rõ, dầu có một vị Phật sống đến cứu bà cũng chẳng cứu được, há chẳng đáng thương đáng xót lắm ư? Xin bà hãy tin lời tôi nói thì thật là may mắn không chi hơn được!

13. Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung

Bệnh ông đã nặng, chỉ nên nhất tâm niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tâm ấy chân thành, ắt sẽ được mãn

nguyện. Còn đối với tất cả tội nghiệp, chớ nên lấy đó làm điều lo lắng. Vì nếu có thể cực lực chí tâm cầu sanh Tây Phương thì sẽ có thể cậy vào Từ lực của đức Phật để đối nghiệp vãng sanh. Ví như tảng đá to bỏ lên thuyền liền có thể từ bờ biển này sang được bờ kia. Cần biết rằng: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu không có cái tâm chí thành tín nguyện niệm Phật sẽ không có cách gì hiển hiện được. Có lòng chí thành cầu sanh Tây Phương thì ba thứ thần lực oai đức lớn lao chẳng thể nghĩ bàn ấy sẽ liền được hiển hiện. Như ngôi trên chiếc tàu thủy lớn lại được xuôi gió, chẳng lìa ý niệm trong hiện tại đây mà liền sanh về Tây Phương. Ông chỉ nên tin tưởng sâu xa lời tôi, tự nhiên ông sẽ được mãn nguyện. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Thoát, nghĩa là dùng trí huệ, tín nguyện niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương, thoát ly sanh tử vậy.

14. Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo Ngô huyện tỉnh Giang Tô dành cho Tăng chúng các tự viện

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn nương theo bi nguyện thị hiện giáng sanh, vốn thuận theo tâm con người mà lập giáo để kẻ mê nhận lầm hình bóng cái đầu sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục, kẻ ôm của báu mà chịu cùng quẫn sẽ mau chóng có được của cải trân bảo sẵn có trong nhà. Vì thế, Tam Thừa chóng chứng Bồ Đề, lục phạm cùng lên bờ giác. Đây chính là nguyên do khiến đạo này được truyền rộng rãi khắp trên trời dưới đất, giáo pháp lan truyền khắp cõi tam thiên đại thiên. Ấy là vì Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh và Phật đều cùng

có, phàm - thánh giống hệt như nhau, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do ngộ chứng rốt ráo nên phước lẫn huệ đều cùng trọn đủ, Phiền Hoặc vĩnh viễn mất, hưởng pháp lạc chân thường, thí đại giáo tùy thuận căn cơ. Chúng sanh do triệt đề mê trái nên Phiền Hoặc vĩnh viễn hừng hực, luân hồi chẳng ngơi, như chạm phải của báu trong nhà tối, đâm ra lại bị tổn thương. Các giáo trong thế gian đều là nói quyền biến, chỉ có mình Phật giáo khế lý lẫn khế cơ. Vì thế, từ đời Hán đến nay, khi giáo pháp được truyền sang Đông Độ, bao đời đều khâm kính, cả cõi đời thấy tôn sùng.

Nếu Phật pháp không tỏ rõ nhân đề chỉ quả khiến cho người đời giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận hồng giúp cho đạo cai trị, hiểu tâm thấu gốc khiến cho người học đoạn Hoặc chứng Chân đề dựa vào dòng thánh thì làm sao có thể kéo dài đến tận ngày nay mà mỗi đạo vẫn chẳng bị suy sụp cho được? Huống chi từng bị ba vua Vũ bạo ngược, bọn Nho sĩ câu nệ như Hàn Dũ, Âu Dương Tu và lữ Trình - Châu trong lòng sùng phụng, bề ngoài chống trái bài xích mà vẫn được chân hưng tiếp tục tồn tại trong cõi đời, là do được hàng vua quan có thể lực lớn lao hộ vệ, do bậc đại đức cao tăng hoằng dương. Cuối đời Thanh, phong hóa cõi đời ngày một đi xuống, nước nhà không rảnh rỗi đề đề xướng, Tăng chúng phần nhiều biếng nhác tu trì, đến nỗi kẻ không có chánh tri kiến ai nấy đều ôm giữ ý niệm “đuổi Tăng, chiếm đoạt tài sản”. Nhưng do cõi đời ngày càng loạn đến cùng cực, những người có lòng liền đua nhau dấy lên học Phật, cho nên cõi đời vẫn chưa đến nỗi bị khốn khổ ách nạn lớn lao.

Những người cùng sắc áo với tôi hãy thường nghĩ “ta là đệ tử Phật phải nên hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, giáo hóa chúng sanh để làm cầu bến cho cõi đời, báo ân đức của Phật”. Nếu chính mình vẫn chẳng tự gắng sức thì hóa ra đã tạo căn cứ cho những kẻ đuổi Tăng chiếm đoạt tài sản biện minh cho hành động của chúng, bị kẻ tại gia chuyên ròng tu hành coi thường, há chẳng phải là tự mình chuốc lấy nỗi lo hay sao? Con người ai mà không mong được người khác tung hô, nếu chẳng gắng sức tu trì thì chính là tự chuốc lấy sự chán ghét. Phật pháp chẳng thể bị bại hoại bởi thiên ma, ngoại đạo mà chỉ bị bại hoại bởi tăng sĩ chẳng tuân phụng giáo pháp, giới luật của đức Phật! Ví như trùng trên thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, con người ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng có thể thành Phật, điều đáng quý là tự gắng sức vậy!

Cuối đời Minh, Ngẫu Ích đại sư là con nhà họ Chung ở Mộc Đốc, thiên tư thông minh, mẫn tiệp, lúc nhỏ theo mẹ ăn chay lễ tụng, lên bảy tuổi đi học, coi thánh học (Nho học) là trách nhiệm của chính mình, thề diệt Thích - Lão, bắt đầu ăn mặn, uống rượu, viết mấy chục bài luận báng Phật. Năm mười bảy tuổi, đọc bài tựa cho cuốn Tự Trì Lục của Liên Trì đại sư và Trúc Song Tuy Bút bèn chẳng báng Phật. Sau đấy bèn cực lực nghiên cứu, năm hai mươi bốn tuổi bèn xuất gia, triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, một đời trước thuật mấy chục tác phẩm đều là những thứ xưa nay hiếm thấy.

Hiện thời có ông Đặng Trịnh Khôn ở Tứ Xuyên là sinh viên tốt nghiệp trường Pháp Luật Chánh Trị hết sức cuồng ngạo, chống đối.

Đầu thời Dân Quốc, ông ta chuyên môn hủy hoại Phật giáo, bắt luận miếu thờ thần hay chùa thờ Phật đều suất lãnh đồ đảng phá hủy. Sau đấy, chợt biết là sai, tận lực cải hối, đến Phổ Đà xin quy y, ở Thượng Hải Cư Sĩ Lâm tám năm, tinh tấn tu trì. Năm trước, chiến tranh nổ ra tại đất Hồ (Thượng Hải), ông ta ở trong Cư Sĩ Lâm chẳng kinh sợ, chẳng dời động, trước - sau - trái - phải Cư Sĩ Lâm đều biến thành vùng đất tan hoang, bom đạn lớn nhỏ rớt vào trong Lâm nhưng chẳng nổ một trái nào. Đủ thấy con người sửa lỗi hướng thiện, Phật, Bồ Tát liền ban thưởng trọng hậu, che chở cho. Dẫu chúng ta chẳng được như ngài Ngẫu Ích, há cũng chẳng bằng được ông Trịnh Khôn ư? Trịnh Khôn là người mang tội ác cực lớn lao còn được cảm ứng như thế, chúng ta há nên lần khăn cho qua ngày, chẳng thêm gắng sức, giống như lên núi báu mà trở về tay không ư?

Gần đây chánh phủ thường ra lệnh rõ ràng cho Tổng Hội Phật Giáo Trung Quốc, buộc Hội phải nhắc nhở răn đe Tăng Già ai nấy tận lực giữ Thanh Quy. Phải biết rằng: Tăng Già là bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, chánh phủ ban lệnh đốc thúc tức là Tăng Già đã mất thể thống. Nếu vẫn cứ như đang nằm mộng thì sợ rằng sau này khó tránh được nạn Tăng sĩ bị xua đuổi, tài sản bị chiếm đoạt! Hiện thời hội Phật giáo của huyện nhà đã được thành lập, mọi người đều nên nhất trí tiên hành duy trì đại cuộc cho Phật giáo, chớ nên chỉ mong tu tập cho riêng mình. Nếu hội Phật giáo không có cách gì để duy trì thì muốn tự tu tập cũng chẳng thể tu tập được đâu! Vì thế, ai nấy đều phải nghiêm túc tu trì, tự tôn trọng lấy mình. Hiện thời cư sĩ tại gia ai nấy đều chuyên chú tu tập tinh ròng và nghiên cứu, nữ nào đường đường là một bậc tỳ-

kheo lại đâm ra thua kém hàng cư sĩ ư? Người có hào khí hãy nên phát khởi mạnh mẽ, cũng như ai nấy đều nên góp phần tài lực để hỗ trợ cho công việc của hội. Công việc của hội có liên quan đến sự an - nguy của chính mình, ví như hai tay hai chân sử dụng lẫn cho nhau. Thứ này chẳng giúp đỡ thứ kia sẽ khó thể sống được. Quang là một ông Tăng tâm thường chỉ biết cơm cháo, đang đợi chết, sống uổng phí cả một đời, hồ thẹn sám hối còn chẳng kịp, sao dám khoe xấu trước mặt những vị thiện tri thức các chùa. Do Chủ Tịch là hòa thượng Đạo Hằng thấy Quang già cả, nói ra chắc người ta sẽ nghe theo, bèn cậy tôi soạn lời tuyên cáo. Tuy biết mình thiếu đạo đức để khiến người khác cảm phục, nhưng một phen giải lòng thành tính toán lo liệu cho pháp môn ắt sẽ có người đồng ý. Do vậy, đem tình hình Phật giáo đã trải qua và tình hình trong thời gần đây trình bày đại lược. Phàm những vị cùng một sắc áo với tôi, ai nấy hãy mạnh mẽ phát khởi đại tâm để mong trên là tiếp nối huệ mạng của Phật của Tổ, dưới làm phước điền cho chúng sanh, ngõ hầu Phật pháp được hưng thịnh trở lại trong buổi nguy ngập, suy vong, nhân dân đều được hưởng lợi ích pháp hóa thì may mắn chi hơn?

15. Đôi lời đề tựa cho cuốn A Di Đà Kinh của nữ sĩ Vương Tông Ý

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng lấy lòng Thành làm gốc. Những người tu hành càng phải nên chí thành. Hễ có lòng Thành thì nghiệp chương tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Phàm lúc tụng kinh ắt phải dứt bật lo nghĩ, vọng duyên, nhất tâm tịnh niệm như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha

chút niệm lười nhác, coi thường! Lâu ngày chầy tháng sẽ tự ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo màu. Ví như ánh nắng Xuân vừa chiếu đến, băng cứng tự tiêu tan. Lòng Thành đến mức cùng cực sẽ hoá nhiên thông suốt. Đây chính là cách hay nhất để xem kinh, niệm Phật. Bà có thể suốt đời hành theo cách này thì lợi ích sẽ chẳng thể nào diễn tả được! Tông Ý hãy ghi nhớ nhé!

16. Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của Cô Nhi Viện Phật giáo chùa Pháp Vân

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Chuyện trong thiên hạ đều lấy lòng Thành làm căn bản. Lòng Thành đến mức cùng cực thì đá - vàng cũng phải nứt. Thành tích, hiệu quả thật sự đều cấy vào lòng Thành. Cô Nhi Viện từ thuở được đề xướng, thành lập đến nay, các vị quản trị đều thật lòng cứu người nghèo, giúp đỡ trẻ mồ côi, cạn hết tinh lực để lo toan khiến cho cô nhi nghèo khổ đều thành tựu chánh khí, thành gia lập nghiệp, vận dụng phong thái đại đồng bác ái rộng lớn hòng cứu vãn thế đạo nhân tâm đang trong lúc ai nấy đối xử với nhau bằng thái độ khinh dễ, tranh chấp mới thôi. Các vị quản trị đều có tấm lòng thành ấy, vì thế cảm được Lưu viện trưởng chẳng quản già yếu, đích thân lo liệu việc trong viện, mỗi một việc dù to lớn hay nhỏ nhất đều lo liệu thích nghi. Do vậy, các vị giáo viên đều cùng hết lòng dạy dỗ.

Các trò trong viện được ăn no mặc ấm, sống yên nơi đây, ắt phải chú trọng dấy lòng cảm kích, nỗ lực học chữ học nghề, ngõ hầu khỏi phụ một phen hết lòng của viện trưởng, giáo viên, quản trị và những vị

thiện sĩ đã giúp đỡ tiền bạc. Nếu có được cái tâm ấy thì gốc đã lập, đạo sẽ sanh, sau này thành gia lập nghiệp, phẩm cao hạnh trỗi, được xã hội khâm phục ngưỡng mộ sẽ là điều có thể đoán trước được! Nhưng muốn mai sau được thành tựu thì phải lập chí hành sự từ ngay bây giờ, cần phải trung hậu, siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, hòa thuận, tâm và miệng như một, những gì biểu lộ ra ngoài và những gì ẩn kín trong lòng chẳng hai, thường giữ lòng hồ thẹn, đừng tự kiêu căng, sáng - tối chí thành niệm Phật để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyện gì cũng lấy lòng thành làm gốc, niệm niệm thường tự soi xét tự tâm thì sự thành tựu của các trò đều chẳng thể lường được! Vì sao vậy? Do có căn bản vậy! Nếu hiện tại chẳng dấy lòng Thành cảm kích, hồ thẹn, sốt sắng, dững mãnh siêng học, chỉ mong cho xong việc sao cho qua ngày đoạn tháng thì hóa ra đã cô phụ tấm lòng thiết tha của viện trưởng và các vị ân nhân. Do không có lòng Thành nên dẫu chẳng bị tổn phước giảm thọ, chết yếu, thì cũng là thầy đi thịt chạy, là hạng người cả cõi đời đều chán ghét, vứt bỏ! Các trò phải biết tốt - xấu, ai nấy gắng sức lên thì may mắn lắm thay!

17. Khuyên khắp mọi người kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Con người sống trong thế gian được thành tài đạt đức, dựng công lập nghiệp, cho đến có được một tài một nghề để nuôi bản thân lẫn gia đình đều nhờ vào sức chủ trì của văn tự. Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian, có thể khiến cho kẻ phàm trở thành thánh, kẻ ngu thành trí, kẻ bần tiện trở thành phú quý, kẻ tật

bệnh trở thành mạnh khỏe, đạo mạch thánh hiền được lưu truyền muôn đời, lo toan cho bản thân gia đình, truyền lại cho con cháu, không gì chẳng cậy vào sức văn tự. Nếu cõi đời không có chữ thì hết thảy mọi sự lý đều chẳng thành lập được, con người khác gì cầm thú đâu! Đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng, mến tiếc.

Trộm thấy người thời nay mặc tình khinh nhờn, làm như bần, đúng là coi vật quý báu nhất hết như phân đất vậy, há chẳng khỏi đời này tồn phước giảm thọ, đời sau vô tri vô thức ư?

Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bần, vứt bỏ! Nếu chẳng tận lực thực hiện “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ” tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?

Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian; vàng, bạc, châu ngọc, trước vị chẳng thể sánh bằng, vì vàng, bạc, châu ngọc, trước vị đều do chữ mà có. Nếu thế gian không có chữ thì vàng, bạc, châu ngọc, trước vị cũng không có cách gì để đạt được cả! Ân đức của chữ nói chẳng thể tận.

Kính tiếc chữ viết phước báo rất lớn. Cha của ông Vương Văn Chánh đời Tống hết sức kính tiếc giấy có chữ, về sau mộng thấy Khổng Phu Tử dùng tay xoa lưng bảo: “Ông dốc lòng tiếc chữ của ta như thế nên ta sẽ sai Tăng Sâm sanh vào nhà ông hòng làm rạng

rõ môn hộ”. Do vậy, về sau sanh con bèn đặt tên là Vương Tăng, đỗ đầu liên tiếp ba kỳ thi, được phong làm Tể Tướng, khi mất được đặt thụy hiệu là Văn Chánh Công, tước phong Nghi Quốc Công. Hậu duệ đỗ đạt liên miên, con cháu hiền thiện đều do đời trước kính trọng sách vở và giấy có viết chữ mà ra.

Gần đây, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, chẳng những kẻ bình dân chẳng biết kính tiếc sách vở, giấy có chữ, ngay cả Nho sĩ đọc sách cũng chẳng cung kính sách vở và giấy có chữ, hoặc bỏ sách trên sập ngòai, hoặc dùng sách để gói đầu, hoặc giận dữ bèn quăng sách xuống đất, hoặc đi tiêu tiểu vẫn xem thi thư. Chẳng những đại tiểu tiện xong nhất loạt chẳng rửa tay, mà ngay cả đêm nằm ngủ với vợ, sáng dậy đọc sách cũng chẳng rửa tay. Thường dùng giấy có chữ viết để lau chùi đồ đạc, rồi vẫn giả vờ giữ tiếng là kính trọng giấy có chữ bèn đốt những mảnh giấy đã dùng để lau chùi đồ đạc ấy. Vì thế, khiến cho những kẻ bình dân không có gì để học theo, nên trong thùng rác, trong nhà tiêu, đầu đường cuối ngõ, không đâu chẳng là giấy có chữ la liệt khắp đất. Người đi tàu, ngòai xe thường dùng giấy báo để lót chỗ ngòai, phụ nữ đi ra ngòai đều dùng giấy báo để bọc giầy, vớ. Đủ mọi nỗi khinh nhờn chẳng thể nêu trọn.

Vì thế, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống đều là vì khinh nhờn vật quý báu nhất trong trời đất mà ra. Chẳng biết trong những tờ giấy có chữ ấy đều có những chữ “thiên, địa, nhật, nguyệt”, có những câu văn trích từ kinh sách của thánh hiền. Coi vật trân bảo tôn quý tốt bậc ấy như phân, như đất, há lẽ nào chẳng

giảm phước tổn thọ, hiện tại gánh lấy tai ương, gây nên quả báo con cháu ngu hèn ư?

Bài văn ở phía trên của thầy ta đã bao quát những nét chánh yếu, nhưng tôi vẫn sợ “nêu ra một điều chưa chắc người đọc đã suy nghĩ đến ba”, cho nên tôi lại chọn lựa những điều con người dễ coi thường để nhắc thêm, ngõ hầu người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm sẽ xoay vần khuyển chỉ, để ai nấy đều cùng mến tiếc giấy có chữ viết thì sẽ giàu, thọ, mạnh khỏe, bình yên, thân hiện tại được hưởng năm điều phước như Cơ Tử đã luận, thông minh sáng suốt, hậu duệ sẽ nhận lãnh trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn (Trần Tiên Thiện viết)

18. Luận về tên gọi của Tam Đur Đức Đường

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ông Ninh Đức Tấn xin khai thị về tên gọi Tam Đur Đường của chính mình, mong sao đối với pháp thế gian liền hiểu thông suốt Phật pháp, ngõ hầu con cháu đời sau ai nấy đều vâng giữ đạo “trọn vẹn luân thường, tu tâm” hòng làm chuyện lợi mình, lợi người. Tôi nói: Hai chữ Tam Đur bất quá để khuyển răn siêng năng, tận lực học hành, đừng bỏ phí thời gian, một khắc ngàn vàng, hễ đã mất không cách nào tìm lại được. Hãy nên thêm vào một chữ Đức thì ý nghĩa sẽ sâu xa hơn.

Đur là như câu “*tích thiện đur khánh, tích bất thiện đur ương*” trong kinh Dịch, mang ý nghĩa dài lâu chẳng ngại, lưu truyền mãi mãi chẳng hư nát vậy. Không một pháp thế gian nào thường còn mãi, chỉ riêng có người lập đức, lập công, lập ngôn thì mới có thể vĩnh viễn truyền lại

cho đời sau và thường còn lâu dài; nhưng tạo lập được đức nghiệp ấy, nói dễ dàng sao? Nay dạy cho ông cách thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, đâu chẳng có bản lĩnh tạo dựng ấy nhưng lợi ích sẽ lớn lao hơn nhiều.

Ấy chính là dốc lòng tu “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, mền tiếc sanh mạng loài vật, rộng hành phương tiện, tạo lợi ích cho hết thầy, thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh Cực Lạc thế giới”. Dùng điều này để tự hành, lại còn dùng đó để dạy người. Phạm trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là làng nước, xóm giềng, thân thích, bạn bè, đều lấy chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận và niệm Phật cầu vãng sanh để khuyên lơn sao cho bọn họ đều cùng trong đời này vượt trôi, dự vào bậc thánh hiền, đến khi lâm chung cao đăng cõi Cực Lạc.

Luận về phương diện sự nghiệp, thành tích thì những người kia (tức những người lập đức, lập công, lập ngôn) to lớn hơn những người này nhiều lắm, nhưng luận về lợi ích thì những người này trội hơn những người kia thật sâu. Ấy là vì một đằng thì chuyên chú vào pháp thế gian, một đằng còn chú trọng thêm nơi pháp xuất thế. Một đằng chỉ hữu ích cho sắc thân, một đằng thì kèm thêm lợi ích cho huệ mạng nữa. Đấy chính là ba dư đức cho pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Đến khi vãng sanh Tây Phương thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn thì Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát tam đức bí tạng sẽ từ Phần Chứng mà đạt đến chỗ Viên Chứng rốt ráo, thì mới là rốt ráo ba dư đức vậy!

Ba đức ấy theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, hằng cổ hằng kim, chẳng dời, chẳng biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, nhưng do mê chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được.

“Pháp Thân Đức” chính là bản tánh bất sanh bất diệt của chúng ta, “Bát Nhã Đức” chính là chánh trí lìa niệm thường hiểu biết của chúng ta, “Giải Thoát Đức” chính là tịnh hạnh trong sạch không tỳ vết của chúng ta. Ba Đức ấy chẳng tách rời nhau, ước trên mặt nghĩa lý thì chia thành ba, chứ thật ra, một còn chẳng lập, huống là có ba! Vì thế gọi là “ba dư đức rớt ráo”. Nếu không gieo thiện căn trong đời trước, dầu hết kiếp cũng chẳng nghe được nghĩa này. Dùng ngay những pháp thế gian như luân thường, hiếu, đễ v.v... để tu Phật pháp, dùng ngay pháp xuất thế liễu sanh tử để hướng dẫn những pháp luân thường, hiếu đễ v.v... khác nào dựng tháp trên đỉnh núi và đào giếng nơi đất thấp, tuy cùng đạt được những cái giống nhau, nhưng dụng công có hình tướng khó - dễ khác biệt vô cùng. Nếu có thể y theo đó để tu thì lợi ích lớn lao thay!

19. Luận về cái tên Tông Đạo

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Đứa con chưa sanh ra có pháp danh là Tông Đạo, cái tên ấy dùng để xưng hô suốt cả một đời, chẳng cần phải đặt ra nhũ danh, quan danh, tự và hiệu. Vì sao vậy? Muốn cho nó thấy cái tên mà nghĩ đến ý nghĩa để tự giữ bản thân cho tốt lành lại còn nêu gương cho hết thảy nữa. Tông là gốc, là chủ. Đạo là cái tánh bọn ta đều cùng sẵn có và là pháp

phải nên trọn hết, phải nên hành vậy. Tánh tức là Phật tánh, do mê chưa ngộ bèn thành chúng sanh. Nay lấy tánh ấy làm tông tức là giành được quyền làm chủ, tất cả những vọng niệm tham - sân - si sẽ chẳng tới mức tự buông lung, ào ạt đến nỗi lấn chủ gây họa. Những pháp “phải nên trọn vẹn hết, phải nên hành” chính là “cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành”. Tám điều ấy tuy thuộc vào tám đối tượng, nhưng thật ra không một ai chẳng đều trọn đủ tám vai trò ấy. Hễ đã có chức trách thì phải tận hết bổn phận, ắt sẽ chẳng phải lo gia đình không yên vui, con cái không được dạy dỗ. Lại cần phải “ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện” thì sẽ làm gương cho làng xóm, khiến cho ai nấy đều dõng theo nhau, bắt chước nhau mà làm lành. Lại còn phải chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tự hành, dạy người cùng sanh về Tịnh Độ, đích thân chúng được Phật tánh vốn có thì cái tên Tông Đạo mới có thực chất. Xin hãy thường dùng những điều này để dạy bảo nó.

20. Sơ quyền mộ nạo vét ao hoa sen chùa Phổ Tế núi Phổ Đà

(năm Dân Quốc 20 - 1931, viết thay)

Phổ Đà danh sơn chính là cuộc đất thù thắng thị hiện dấu tích của Đại Sĩ. Phổ Tế Thiên Tự quả thật là đạo tràng cầu phước cho quốc dân. Do vậy, các triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Phật điện, lầu kinh chót vót tận trời thăm, lời văn của hoàng đế, bia ngự huy hoàng trong chốn biển Đông. Thiện tín vì gọi ân toan báo đức mà chẳng sợ trèo núi vượt biển nhọc nhằn, những bậc mong thành chánh giác, mong chúng Chân trong ngoài nước ai nấy đều muốn giải bày tâm

lòng kiệt thành tận kính. Nhưng do diện vũ rộng lớn, mà tài sản nhà chùa đạm bạc, hằng năm cần phải chi tiêu rất nhiều, lương thực cho Tăng chúng tốn kém rất lớn, chỉ chuyên lo đối phó với chuyện ấy, nên chưa rảnh rang để lo đến ao sen. Ao chính giữa sen còn mọc đầy, nhưng bùn sâu nước cạn, cũng khó thể là kế lâu dài được! Ao ở phía Tây đã từng là vườn rau, rồi lại đào thành ao. Ao ở phía Đông lớn nhất, ước chừng mười mẫu, bùn lầy tràn ngập, khác nào chằm cỏ.

Bất Huệ thay mặt vị Trụ Trì, then thiếu tài đức, trộm nghĩ tiền nhân đào ao đâu phải chỉ nhằm mục đích mỹ quan, mà chính là vì muốn biểu thị cảnh tượng Tây Phương ngũ hầu những người tạm đến đây hoặc thường trụ khi đi kinh hành bên bờ ao hoa sen, thần thức sẽ dạo chơi Cực Lạc. Nếu có thể tịnh niệm tiếp nối, chắc chắn lâm chung sẽ vãng sanh. Quả thật là duyên trợ đạo thù thắng, thực sự là nhiệm vụ cấp bách để hoằng pháp, tính cho khơi vét cả hai ao chánh giữa và ao phía Đông, dùng đá be bờ ao phía Đông, phía trên xây lan can bằng xi-măng để bảo vệ và tạo vẻ mỹ quan. Như vậy thì cái ao vuông mười mẫu mênh mông như tấm gương, có được nguồn nước lưu chuyển sẽ soi bóng mây và ánh sáng mặt trời khiến cho bậc thượng sĩ Nam tham, bậc cao nhân Đông tỉnh kinh hành trên những tầng cấp ở bốn phía sẽ khế ngộ “nhất niệm tịnh tâm”. Mọi quan hệ ấy há nông cạn, nhỏ nhoi ư? Nhưng bát rỗng tuếch như chiếc khánh treo cây tay người đẽ gọt, khấn cầu các vị đại hộ pháp cùng phát thâm tâm thành tựu sự tốt đẹp, ai nấy quyên ra của báu tốt đẹp vô tận để do tài thí mà thành pháp thí, chỉ làm một chuyện mà được lợi ích đôi bề, công đức ấy há thể diễn tả được ư?

21. Sớ thuật bày duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng tại Cám Châu (tỉnh Giang Tây)

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Thật Tế lý địa trải trần kiếp chẳng biên, chẳng dòi, nhưng trên phương diện Phật sự thì theo nhân duyên mà có hưng vượng hay suy bại. Tuy “bỉ cực thái lai” vốn thuộc vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới quả thật phải nhờ vào con người thực hiện. Xưa kia khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương, đại thần, dạy họ hộ trì, lưu thông. Ấy vì Ngài đã thấy trước đời sau pháp yếu ma mạnh, nếu không cậy vào hạng vĩ nhân có quyền lực bảo vệ bình yên, ngăn chặn kẻ khinh lấn, thì trông mắt của trời người, huệ mạng của Như Lai chắc sẽ gần như bị diệt mất.

Chùa Thọ Lượng là một đạo tràng cổ đã lâu một ngàn năm trăm năm của Cám Châu. Nhằm thời Tiêu Lương, Phòng Ngự Sứ là Lô Quang Đảo vì sư Đạo Thành mà dựng chùa này. Thoạt đầu đặt tên là Lô Hưng Diên Thọ, rồi đổi thành Thánh Thọ, đến niên hiệu Tường Phù đời Tống, vua Chân Tông đặc biệt sắc tứ cho chùa cái tên hiện thời. Trong những đời Nguyên, Minh, Thanh, đời nào cũng hưng vượng, đến thời Quang Tự nhà Thanh, đột nhiên bị suy vi. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915), lại bị lụt lớn, đến nỗi ngôi chùa Phật trang nghiêm trọn thành gò hoang, chỉ có mình tượng Quán Âm cao một trượng sáu đúc bằng sắt là còn nguyên vẹn không bị hư hại. Những vị thân sĩ trong vùng thỉnh hòa thượng Đại Xuân chùa Quang Hiếu kiêm nhiệm Trụ Trì. Hòa Thượng bèn cùng với đại sư Đức Sâm – là vị Tăng trụ ở đây – cạn sức lo liệu, dựng Quán Âm Điện.

Sau này, cụ Đại Xuân qua đời, thầy Đức Sâm rời đất Cám, tìm người kế nhiệm Trụ Trì không ra, đến nổi tòa thị chánh coi là đất bỏ hoang, tính sửa thành chợ rau, mở đường sá. Những hàng Tăng - tục trong vùng báo cho thầy Đức Sâm biết, do vậy thầy bèn gửi thư đến những bậc tai to mặt lớn các giới lần lượt khẩn cầu bảo vệ.

May sao được Tướng Ủy Viên Trưởng thuộc Quân Sự Ủy Viên Hội và Trần Tổng Tư Lệnh tỉnh Quảng Đông cùng Từ Quân Trưởng đều đánh điện cho vị Sư Trưởng đang đóng quân ở đất Cám là tiên sinh Lý Toàn Không lập cách bảo vệ. Hội Phật Giáo Trung Quốc cũng lại gửi thư, đánh điện cầu xin Lý Sư Trưởng duy trì cũng như tuyển lựa người thích hợp qua lại phụ trách, quy hoạch, chỉnh lý. Ông Lý bèn hạ lệnh bãi bỏ đề nghị trước kia, lại còn bằng lòng duy trì cho nhà chùa mau được khôi phục. Những vị quan viên, thân sĩ trong vùng như ông Lưu Cấp Phủ v.v... tận lực đảm nhiệm vai trò trung gian và nguyện làm hậu thuẫn giúp cho ngôi chùa được khôi phục. Ấy là vì pháp đạo được hưng thịnh đều do có nhân duyên, chẳng qua cơn sóng gió này thì ngôi chùa này sẽ gần như biến mất.

Chỉ vì hiện thời đang nhằm thưở Mạt Pháp, con người căn tánh kém hèn, nếu không cậy sức đại thế nguyện của Phật Di Đà để vãng sanh Tây Phương thì ai có thể đoạn sạch Phiền Hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Do vậy, khôi phục lần này sẽ chuyên tu pháp môn Tịnh Độ và lập thêm Cư Sĩ Lâm, lưu thông xú (phòng phát hành kinh sách), để các nhân sĩ trong vùng đều biết đạo trọng yếu hòng thoát Ngũ Trược lên chín phẩm và biết khuôn mẫu tốt lành để giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, biết nhân quả, tu trì cẩn thận. Như thế thì

do Liên Xã được mở mang mà tông phong chấn hưng, lễ giáo hưng khởi, vận nước tốt đẹp, sáng sủa, ngõ hầu xứng với ý nghĩa lập chùa đặt tên của cổ nhân, cũng như đề an ủi một phen nhiệt tâm bảo vệ duy trì của các vị.

Nhưng do nhà chùa không có hằng sản, tăng không tích trữ, bèn cậy Bất Huệ viết lời sớ dẫn giải hồng khẩn cầu các vị đại hộ pháp và các thiện tín phát tâm Bồ Đề hành phương tiện sự, chở vàng, chở gạo, xoay vần khuyên bảo quyên mộ, khiến cho điện báu thành thang sớm có ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp. Tịnh tông được thịnh hành, con người đều biết đạo thoát khổ, nhân quả phô tỏ rõ ràng, mọi người cùng nhau đi theo con đường mong trở thành thánh, sẽ thấy Phật, trời bảo vệ như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, cửa nhà yên vui, quyền thuộc bình an, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, lan quế ngào ngạt, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn, chỉ mong ai nấy đều phát lòng tùy hỷ, đều cùng được tiếng thơm.

22. Sớ quyên mộ tu bổ điện vũ và thánh tượng chùa Quán Âm ở Triệu Gia Thôn thuộc Đông Hương, huyện Cáp Dương

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Quán Âm Đại Sĩ thế nguyện rộng sâu, pháp giới chúng sanh đều được bình đẳng nhiếp thọ, khiến cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa được độ thoát liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Đối với kẻ nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp.

Ấy là vì Đại Sĩ vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm của chính mình; Đại Sĩ không có cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh của chính mình, nên gặp kẻ mê muội tự tâm bèn nói những lời pháp ngữ mềm mỏng khiến cho kẻ ấy khai ngộ, gặp kẻ mắc phải các hiểm nạn bèn hiện thành cầu bến hay nhân sĩ khiến cho kẻ ấy được thoát lìa. Do Đại Sĩ thành Phật đạo đã lâu, bi nguyện vô tận, nên giống như vàng trắng rạng ngời in bóng ngàn sông, dường như ánh nắng Xuân sanh thành muôn cây cỏ, chẳng mong tưởng mà được như vậy. Do vậy, ai nấy đều cảm mộ hồng ân bảo vệ, phù trợ, cho nên nơi nào cũng lập miếu để thờ phụng Ngài.

Chùa Quán Âm thuộc Triệu Gia Thôn tại Ấp Đông, vốn tên là Quán Âm Viện, điều này thấy ghi trong bi ký do một Sinh Viên trong ấp là Lô Tường Hưng soạn vào năm Thiên Khải thứ hai (1622) đời nhà Minh. Người đời sau dựng thêm Phật điện ở đằng trước, đổi tên viện thành Nho Đông Tự, nhưng do hai chữ này đối với pháp đạo chẳng biểu lộ được ý nghĩa sâu xa nào, mà kẻ thấy nghe cũng khó thể gieo thiện căn! Huống chi đang trong lúc luôn gặp phải tai họa này, nếu chẳng đề xuất thánh hiệu Quán Âm khiến cho nhân dân xung danh thoát khổ thì chẳng những cô phụ lòng Từ mênh mông của Đại Sĩ mà còn cô phụ sâu xa thâm tâm của người kiến lập Quán Âm Viện thuở ấy. Vì thế, đổi tên là Quán Âm Tự.

Kiến trúc của chùa là một tòa cửa Tam Quan, bên trong ấy thờ hai vị Kim Cang; một tòa Phật điện thờ ba vị Phật Thích Ca, Dược Sư, Di Đà, có Ca Diếp, A Nan đứng hầu bên cạnh; sau Phật điện là một tòa điện Vi Đà, hai bên là hai tòa phối điện, phía Đông thờ Quan Đế, phía

Tây thờ Già Lam. Chính giữa là một tòa Quán Âm Điện, bên trong thờ đức Quán Âm, đứng hầu hai bên là Thiện Tài, Long Nữ. Hai bên vách là Thập Bát La Hán. Dựa theo hình thế ấy, đủ biết Phật điện là do sau này xây dựng thêm vào.

Người trong ấp tôi từ sau thời Càn Long - Gia Khánh, Phật học bật tiếng vang, ngoại đạo cũng không có. Gần đây nạn đói kém dồn dập xảy ra, quân binh, giặc cướp nhiều lượt quấy nhiễu, nhân dân khổ sở cùng cực, mong yên vui nhưng chẳng được! Các thứ ngoại đạo thừa cơ kéo đến, môn đình tuy khác nhau, nhưng nói chung là dùng luyện Tinh - Khí - Thần để cầu thành tiên làm bầy tôi của Thiên Đế mà thôi! Thoạt đầu, ông Lý Tiên Đào lên Thượng Hải buôn bán nghe pháp quy y. Đến khi quay về, thỉnh một số kinh sách để tặng cho những bạn tri giao có học thức tại các huyện Cáp, Trùng, Triều. Do vậy, mới biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng, cậy vào Phật từ lực liền có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, so với những kẻ cậy vào tự lực để liễu sanh tử thì khó - dễ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực.

Mùa Hạ năm nay, ông Lý từ Cam Túc trở về làng, ngày mùng Tám tháng Tư đến Quán Âm Tự lễ Phật, thấy điện vũ điêu tàn, thánh tượng long lở, sứt mẻ, muốn tu bổ đôi chút, nhưng tiếc rằng sức chẳng thể kham nổi, đến đất Tô cậy Quang viết sớ để hô hào người khác giúp tay. Quang nói: “Đang trong lúc tai họa liên tiếp xảy ra, nhân dân khốn khổ này, chỉ sợ chẳng có mấy người chịu thí xả, nhưng đem tờ sớ của tôi cho mọi người xem, dầu người ta chẳng bỏ ra một đồng nào cũng đã

gieo được thiện căn liễu thoát ngay trong đời này cho người ấy, huống chi nghĩ đến ân Đại Sĩ ắt sẽ có người tùy phận tùy sức giúp đỡ. Khoản tiền quyên được nếu nhiều sẽ tu bổ lớn, nếu nhỏ sẽ sửa chữa nhỏ. Dầu chẳng được một đồng nào thì tôi vẫn không uổng công soạn tờ sớ, ông vẫn có công quyên mộ lớn lao! Vì sao vậy? Do người ta đọc tờ sớ này sẽ biết hồng ân độ chúng sanh của đức Quán Âm và đại pháp Niệm Phật để liễu sanh tử, sẽ thấy sau này những kẻ nối tiếp nhau khởi lên nhiều không thể kể xiết. Có gì cứ phải chấp nhặt một thời, một chỗ, mới là báo ân hoằng pháp hay sao?”

23. Sớ quyên mộ xây dựng đại điện của Liên Tu Tịnh Xá tại đập Dương Thiện, huyện Giang Đô, Dương Châu

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà hiệu quả nhanh chóng, chẳng đoạn Hoạch nghiệp mà được dự vào địa vị Nhất Sanh Bồ Xứ, ngay trong đời hiện tại chắc chắn thoát khỏi luân hồi lục đạo. Do pháp này là chỗ quy túc của hết thảy các pháp Thiên, Giáo, Luật, Mật, là đạo trọng yếu để ba đời chư Phật viên mãn Bồ Đề vậy.

Vào cuối đời Minh, hòa thượng Giác Căn mở một đạo tràng Tịnh Độ tại đập Dương Thiện thuộc Giang Đô, chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Từ đấy về sau luôn có cao nhân trụ trì, vì thế pháp đạo tồn tại lâu dài chẳng suy vi. Trong thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, sau cơn binh hỏa, hòa thượng Tịch Sơn phái người

trông coi, gần đây giao cho đồ đệ là Trí Định làm Trụ Trì, nghiêm túc tuân theo quy củ xưa, chẳng dính đến ngoại duyên. Năm ngoái bị gặp trận lụt lớn, điện đường, liêu xá đều bị cuốn ra biển Đông, tường vách đại điện chẳng còn sót gì. Lúc dựng đại điện đã dùng ba cây gỗ lớn để chống đỡ khám thờ Phật, cũng bị trôi đi mất. Khám thờ Phật bị nước lũ xoáy vỡ, cũng bị cuốn đi.

Nước ngập đến gối tượng Phật, kim thân của bộ tượng Tây Phương Tam Thánh cao tám thước đều tạc bằng gỗ Hương Chương ẻ cả tòa sen gặp cơn vùi dập này chẳng bị tổn hoại mảy may. Đủ thấy nước lũ do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, tượng Phật gặp phải trận tấn công dữ dội này vẫn nghiêm nhiên như cũ. Ấy là vì muốn thị hiện cho khắp mọi chúng sanh được thấy để họ quy mạng, gieo tẩm lòng thành cầu được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Sau khi nước rút, trước hết sư Trí Định dựng một lều tranh để tượng Phật chẳng bị nắng hun mưa xối, nhưng chuyện tu bổ đại điện thì chỉ biết than vãn xuông chẳng biết làm sao hơn! May có huyện trưởng huyện Giang Đô là ông Dương, cục trưởng cục Tài Chánh là ông Diệp, cục trưởng cục Công An là ông Trần, cục trưởng cục Kiến Thiết là ông Lý và những vị thân sĩ, cao niên vùng Giang Đô ai nấy thấy chuyện kỳ lạ như thế đều bỏ tiền ra giúp đỡ hòng khôi phục ngôi cổ đạo tràng làm chỗ cho người địa phương cầu phước; do vậy sư Trí Định xin tôi viết bài sơ giải bày nguyên ủy để khẩn cầu mười phương đàn-việt (phần dưới lược đi).

24. Sớ quyển mộ tu bồ đại diện và các điện đường, liêu xá chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước tại Hàng Châu

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Phật đạo, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng độ sanh ân cần nên lại chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân tâm thanh cứu khổ, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Tức là khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Do vậy, nơi nơi đều lập đạo tràng, nhưng Thiên Trúc là nơi thấy rõ nhất, vì Hàng Châu thường được xưng là Phật Quốc, nhân dân thiện căn sâu dày, nên Bồ Tát linh cảm dị thường.

Nam Thiên Trúc Diễn Phước Tự là do ông Trần Trọng Bảo xây dựng vào năm Khai Hoàng 15 (595) đời Tùy, thỉnh pháp sư Chân Quán khai sơn. Pháp sư vốn thuộc dòng họ Phạm danh giá ở Tiền Đường, đã thoát khỏi bầy lông từ bé, trí huệ thiên bẩm thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm. Thoạt đầu đến yết kiến Thiên Thai Trí Giả đại sư được Đại Sư dùng lễ đồng môn để đối đãi thì có thể hình dung được mức độ cao sâu nơi đạo đức và sự ngộ chứng của Sư. Đến khi trụ tại chùa này, Sư thường giảng kinh Pháp Hoa, pháp đạo hưng thịnh ít ai sánh bằng. Vì thế, người đương thời nói: “*Thiên Trúc có Chân Quán là bằng nửa thiên hạ rồi*”. Từ đấy về sau bề dâu biến đổi, hưng - phế không nhất định.

Đến năm Thuần Hựu thứ tám (1248) đời Tống Lý Tông, chùa lại được trùng hưng, vua ban biển ngạch là Sùng Ân Diễn Phước Tự, cho mãi đến đời Nguyên, thời nào cũng có cao nhân, nhưng được Nhuận pháp sư trụ trì sáu năm hoằng dương lớn lao giáo nghĩa Thiên Thai và Liên Tông. Pháp sư lễ tụng siêng gắng, cõi đời ít ai sánh bằng. Lúc mới xuất gia, Sư lễ thần Già Lam, tượng bèn hư đổ, nếu chẳng có cội gốc sâu xa, làm sao được như vậy? Đến cuối đời Minh, gặp cơn binh hỏa, chùa biến thành gò hoang, dân phụ cận chiếm cứ làm của riêng đã hơn hai trăm năm.

Năm Dân Quốc thứ 5 (1916), hòa thượng Hồ Bảo Pháp Luân nhân đọc sách vở mới biết nguyên do, muốn bảo tồn cổ tích, chí mong khôi phục, hỏi những bậc cao niên tìm được nền chùa cũ, đem ba ngàn đồng chuộc lại được hơn mười mấy mẫu, liền dựng một am tranh, phái người chăm sóc, để đợi cơ duyên. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đại sư Phật Duyên mới tiếp nhận trông nom, sáng chiều lễ tụng, mong có người nương theo đại nguyện luân sẽ trải vàng trùng hưng đạo tràng Tịnh Độ hoành siêu (phần sau lược đi).

25. Sơ quyên mộ tổ chức pháp hội cầu đảo hằng năm để lợi lạc rộng khắp

(năm Dân Quốc 18 - 1929. Viết thay cho nhóm cư sĩ Vương Nhất Đình; về sau, do thầy Minh Giác qua đời nên chưa tiến hành được)

Trộm nghĩ thế giới vốn bình yên, do tình kiến khác biệt mà thành rối loạn; lòng trời vốn từ thiện, do sự ác của chúng sanh chiêu cảm nên tai ương thường giáng xuống. Do vậy, mấy năm gần đây đao binh, lụt

lội, hạn hán, đói kém, tật dịch liên tiếp xảy ra, dân không lẽ sống; nhưng đã cùng sống trong khoảng trời đất, há chẳng ôm lòng “*dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta*” ư? Vì vậy, những người cùng hàng hèn kém như chúng tôi trong nhiều năm qua, hễ các thứ tai ương, hoạn nạn xảy ra ở các nơi đều tận hết sức mọn để cứu giúp. Ấy chính là thương xót cho nỗi khổ sở đắng cay trong đời này mà lập phương cách. Thêm nữa, hồn người đã khuất không chỗ quay về, lâu ngày biến thành vong linh dữ dằn, nếu chẳng lập cách siêu độ thì làm sao an ủi được những loại cô hồn ấy dưới suối vàng cho được? Vì thế, mỗi năm phải đặc biệt lập đạo tràng để cứu vớt cô hồn, cầu chúc thái bình. Đây chính là nhiệm vụ cấp bách để ngăn dứt tai ương trong tương lai vậy! Từ trước đến giờ, việc cầu đảo chưa quyết định tại chỗ nào, cứ tùy ý cử hành tế độ cô hồn.

Trộm nghĩ Quán Âm Đại Sĩ thế nguyện rộng sâu, danh sơn Phổ Đà là nơi Ngài ứng hóa. Hòa thượng Minh Giác lại là vị tăng chân thật tiến hành chuyện công ích, do vậy tính giao phó cho Ngài thực hiện pháp hội này ngay tại am của Ngài. Vào dịp Thanh Minh trong tháng Ba Âm lịch sẽ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm bảy ngày, vào ngày viên mãn sẽ đặc biệt làm lễ thí thực. Vào tháng Bảy bèn niệm thánh hiệu đức Địa Tạng bảy ngày, thí thực bảy hội. Tiết Đông Chí sẽ niệm thánh hiệu Phật Di Đà bảy ngày, đến ngày viên mãn sẽ thí thực một hội. Mỗi lần đều thỉnh bốn mươi tám vị Tăng.

Dùng công đức ấy để siêu độ hết thảy những cô hồn chết vì đao binh, lũ lụt, hạn hán, đói kém, tật dịch để họ đều được sanh vào đường lành, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến thành oán quỷ gây ra chuyện hung ác.

Từ đây nhân dân yên vui, lòng trời hòa thuận vui sướng, mưa - nắng do vậy sẽ đúng thời, sâu rầy do vậy chẳng sanh sôi thì vật mạnh, dân yên, thiên hạ thái bình vậy! Lại nguyện quân, dân, trưởng quan, ai nấy phước thọ đều tăng cao, chuyện tốt lành xảy đến, hưởng đủ năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, cùng nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Dùng phước đức này vỗ về chăm bẵm dân ta, phong thái đại đồng sẽ lại được thấy trong ngày nay. Phàm những ai cùng hàng với tôi xin hãy giúp đỡ, tán thành.

26. Sớ lễ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cầu con

(năm Dân Quốc 29 -1940. Soạn vào cuối Xuân năm Canh Thìn)

Ngưỡng vọng Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện sâu xa mênh mông, bình đẳng nhiếp thọ pháp giới hữu tình, khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Ấy là vì Đại Sĩ vô tâm dùng tâm của chúng sanh để làm tâm, Đại Sĩ vô niệm, dùng niệm của chúng sanh làm niệm. Vì thế, khởi lòng Từ vô duyên, vận lòng Bi đồng thể, như vàng trắng vàng vạc in bóng khắp ngàn sông, như ánh nắng Xuân khiến cho khắp muôn loài cỏ cây sanh sôi, khắp các cõi nước nhiều như bụi trần cảm thì Ngài sẽ ứng trong khắp các cõi nước nhiều như bụi trần. Không điều mong cầu nào chẳng được toại ý, có nguyện gì đều được vừa lòng.

Đệ tử... và vợ là.... đau xót trước cảnh thế đạo nguy ngập, thương cho lòng người chìm đắm ngày càng thêm xuống dốc, trọn chẳng ngưng dứt. Ngưỡng mong Đại Sĩ ban cho chúng con một đứa con

phước đức trí huệ để trong tương lai nếu nó nghèo cùng thì sẽ riêng mình nó thiện hòng xướng suất, hướng dẫn một làng; hễ hiển đạt thì khiến cho người khác cũng được tốt lành, đẩy lùi con sóng cuồng nghiêng ngả.

Riêng lập ra ba điều ước định để làm điều kiện tiên khởi. Thứ nhất là giữ thân tiết dục, thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức, thứ ba là khéo dạy từ lúc còn nằm trong thai và khi còn thơ ấu. Gắng sức hành ba điều này để mong khỏi phụ tấm lòng Từ mênh mông của Đại Sĩ. Lại mong hết thầy đồng nhân trong ngoài bốn biển đều dứt ác tâm, đều phát thiện niệm, đều sanh con phước đức, trí huệ, đều thấu hiểu lòng nhân che khắp chớ đều, coi nước láng giềng như chân tay, xem thiên hạ như một nhà, duy trì lẫn nhau, chẳng xâm lăng, ngược đãi nhau để mong trên là an ủi được ơn lớn mênh mông của cha trời mẹ đất, dưới xứng danh Con Người cùng với trời đất xưng là Tam Tài, chuyển đại loạn thành đại trị, khắp nơi cùng vui sướng, sự giáo hóa của đức Phật được tỏ suốt hai nơi, muôn nước đều yên ổn. Kính nguyện Bồ Tát phổ thí sự không sợ hãi, thương xót tấm lòng ngu thành của con, cho con được mãn nguyện. Ngày... tháng... năm... đệ tử... trăm lạy trình lên.

*** Ba điều trọng yếu để cầu con**

Thứ nhất giữ thân tiết dục để vun bồi Tiên Thiên. Thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước, thứ ba là khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phạm. Ba chuyện trọng yếu này phải chú tâm thực hành. Ngoài ra lại còn dùng lòng chí thành lễ niệm đức Quán Thế Âm, cầu Ngài ban cho đứa

con phước đức, trí huệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt sẽ được như lòng mong cầu, chẳng phụ thánh ân vậy!

1) Thứ nhất, giữ thân tiết dục để vun bồi Tiên Thiên:

Nếu chẳng tiết dục thì tinh khí bạc nhược ắt khó thọ thai được. Dẫu có thọ thai ắt khó thành người! Dẫu được thành người, nhưng vì Tiên Thiên chẳng đủ, chắc chắn sẽ bầy bót, đã không có thân lực mạnh mẽ, dũng mãnh, khỏe khoắn, mà cũng chẳng có tâm lực thông minh, mẫn tiệp, nhớ dai, chưa già đã suy, chẳng làm nên cơm cháo gì! Cầu được đưa con như thế dù Bồ Tát có thỏa nguyện thì thật ra người cầu con cũng đã phụ ân Bồ Tát rất sâu vậy.

2) Thứ hai, giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước:

Muốn sanh được đứa con phước đức, trí huệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng người bề trên, đối đãi tốt đẹp với quyến thuộc, thương xót giúp đỡ tôi tớ, đấy là những điều phải làm trong gia đình. Còn đối với xóm giềng, bạn bè đều phải nên hòa mục, khuyên dạy, khiến cho người già khéo dạy con cái, trẻ nhỏ khéo phụng sự cha mẹ, người bề trên, thường dùng những thuyết “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, nguyện sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân” để khẩn thiết diễn nói với khắp mọi người cùng hàng khiến họ bồi đắp cái nhân xuất thế thù thắng, đều thành dân lành giữ đạo. Người làm được như thế thì nhất cử nhất động đều có ích cho mình lẫn người, mỗi lời nói, mỗi hành vi đều đáng làm khuôn phép, đưa con sanh ra ắt sẽ siêu quần bạt

tụy, có thành tựu lớn lao. Cố nhiên Bồ Tát khiến cho con người được mãn nguyện mà con người cũng an ủi tấm lòng Bồ Tát vậy.

3) Thứ ba, khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phàm:

Những bậc thánh nhân thuở trước đều do cha mẹ hiền khéo dạy mà thành, huống chi phàm nhân? Nếu người cầu con chịu dùng cách thai giáo, đưa con nhất định hiền thiện. Sau khi cần thai rồi, người mẹ phải giữ sao cho hình dung đoan trang, chân thành, thanh tĩnh, lời lẽ phải trung hậu, hòa bình, cư xử phải hiếu hữu, cung kính, hòa thuận. Đi - đứng - nằm - ngồi thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải lắng tai nghe. Hễ nghe thì tâm quy về một mối, công đức càng lớn. Nếu áo mũ tề chỉnh, rửa tay, súc miệng sạch sẽ thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Nếu chưa tắm gội, súc miệng, đi đến nơi không sạch sẽ và lúc ngủ nghỉ, hãy đều nên niệm thầm.

Công đức niệm thầm giống hệt niệm ra tiếng, chứ những lúc ấy mà niệm ra tiếng thì không hợp nghi thức cung kính. Nhưng đến khi sanh nở chớ nên niệm thầm, vì lúc sanh nở phải dùng sức để đẩy đưa con ra. Nếu ngậm miệng niệm, ắt sẽ bị bệnh tắc khí! Sản phụ tự niệm, gia quyến đều trợ niệm, chắc chắn chẳng bị khó sanh, cũng không bị những điều nguy hiểm sau khi sanh nở. Nếu có thể cẩn thận thân - miệng - ý như thế, kiên thành niệm Quán Âm mong cho thai nhi được hưởng chánh khí thuần thiện ấy thì đưa con sanh ra chắc chắn chẳng phải là hạng tầm thường.

Đến khi con hiểu biết, liền nói với nó về nhân quả, báo ứng, lợi người lợi vật ắt tốt lành, hại người hại vật ắt tiêu vong! Phải biết: Lợi người lợi vật thật sự là lợi mình, hại người hại vật còn quá hơn hại mình, làm lành ắt có thiện báo, tạo ác ắt bị ác báo. Lại còn nói làm người ắt phải tuân hành tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” thì mới chẳng thẹn làm người! Nếu không, tuy mang hình dáng con người, tâm hệt như cầm thú vậy! Chẳng được nói dối, chẳng được bừa bãi, cuồng ngạo, chẳng được chiếm đoạt đồ vật của người khác, chẳng được đánh chửi người ta, chẳng được giẫm đạp trùng kiến, giấy có chữ, ngũ cốc, đồ vật. Cử động hành vi ắt phải có ích cho cha mẹ, cho chính mình, không gây tổn hại đến người đến vật.

Ngoài ra, hãy nên dạy nó thường niệm thánh hiệu Quán Âm để mong tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn. Tập quen từ thơ ấu, lớn lên sẽ là người thuần thành, chuyên dốc, chẳng đến nổi tự kiêu khinh người, thành phùng cuồng vọng. Khéo dạy như thế thì đối với tổ tông là đại hiếu, đối với con cái là đại từ, đối với nước nhà xã hội là đại trung. Tôi thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa*” là vì lẽ này. Đức cao đẹp ấy có thể nối gót ba bà Thái đờì Châu ngô hầu chẳng phụ danh xưng Thái Thái! Nguyên những người cầu con hãy đều nên lấy những điều trên đây làm khuôn phép thì nước nhà sẽ may mắn lắm thay!

Ghi thêm những chuyện cấm kỵ để tránh họa hại

Phàm người cầu con thì vợ chồng phải ước định đoạn dục nửa năm để bồi đắp Tiên Thiên cho đứa con. Đợi khi người vợ sạch kinh nguyệt bèn chung đụng ắt sẽ thọ thai. Chưa sạch kinh nguyệt chớ nên ân ái, ân

ái ất sẽ bị bật kinh, gây ra bệnh bạch đới rất nguy hiểm. Lại phải nhằm ngày lành tháng tốt, khí trời trong trẻo, lúc mưa to gió lớn, sấm chớp sét lòa phải hết sức kiêng kỵ. Trong thiên Nguyệt Lệnh sách Lễ Ký có chép: “*Quý Xuân, tiên lô tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạ tuần vu đạo lộ, viết: “Lôi tương phát thanh, hữu bất giới kỳ dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai”* (Cuối Xuân, trước khi sấm động ba ngày, viên quan truyền lệnh dùng linh gỗ đi khắp các nẻo đường truyền lệnh: ‘*Sắp có sấm động, kẻ nào chẳng kiêng ăn nằm thì sanh con chẳng toàn vẹn, ất sẽ bị tai nạn hung hiểm*’). Bậc vua thánh thời cổ đầu đầu nghĩ đến cuộc sống người dân, đặc biệt phái quan đi tuyên bố lệnh ấy, lại còn cho chép vào kinh điển, chẳng phải là tấm lòng của trời đất cha mẹ ư? “Tù nhân” là ông quan tuyên bố mệnh lệnh. “Mộc đạ” chính là cái linh, rung linh cho dân chúng đều nghe thấy. “Tuần” là đi. “Đạo lộ” bao gồm đường nẻo trong thành thị và làng quê. “Dung chỉ” là ăn nằm, “bất bị” là ngũ quan, tứ chi không trọn vẹn hoặc sanh ra quái vật, “hung tai” là vợ chồng hoặc bị bệnh ngặt, hoặc bị tử vong.

Đã cần thai rồi, vĩnh viễn thôi ăn nằm thì chắc chắn sanh được đứa con thân tâm mạnh khỏe, phước thọ sâu dày. Có thai rồi chung đụng một lần thì thai bị trúng độc một lần, lớp bọc thai nhi dày thêm một lần, sản nặn tăng thêm một tầng. Nếu có thai lâu ngày rồi giao phối, có thể bị sẩy thai hoặc gây tổn thương cho thai. Những điều này là do cư sĩ Trương Đức Điền ở huyện Vĩnh Gia, tỉnh Chiết Giang nghĩ thương cho thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống nên vào mùa Thu năm ngoái bèn gởi thơ xin Quang viết bài số lễ niệm Quán Âm cầu con và nói lên cách giữ gìn thân thể, tích đức, dạy dỗ khéo léo v.v... để mong sanh ra

những đứa con đều là hiền thiện, ngô hầu đất nước dần dần đạt đến thái bình. Quang nhiều lần nại cố già cả để từ chối, ông ta vẫn nhiều lần khẩn cầu, khó lòng khước từ mãi, bèn soạn bài số đơn giản cùng với ba điều trọng yếu cho xong trách nhiệm!

27. Lời bạt cho cuốn Liên Tông Chánh Truyền

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cuốn sách Pháp Vũ Quyên Trích Lục (Giọt nước Pháp Vũ) đã trình bày khá rõ ràng về những lẽ lợi - hại do trợ niệm khi lâm chung và phá hoại chánh niệm của việc tắm rửa, thay quần áo, khóc lóc v.v... Mẹ ông Châu Sư Đạo may nhờ sức trợ niệm mà được chánh niệm rõ ràng, hiện các tướng lành qua đời. Do vậy anh em ông ta đem in cuốn sách ấy theo lối thạch bản mấy trăm bản để tặng những người hữu duyên xa gần.

Nay lại dùng số tiền do mẹ để lại để in một vạn cuốn Liên Tông Chánh Truyền nhằm kết tịnh duyên mong cho mẹ chưa vãng sanh sẽ được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Do vậy đem cuốn Pháp Vũ Quyên Trích Lục in kèm vào sau cuốn sách này ngô hầu hết thấy mọi người đều biết lẽ lợi - hại do trợ niệm và phá hoại chánh niệm để chẳng đến nỗi vì yêu thương cha mẹ và yêu thương anh em, vợ con, quyến thuộc mà làm chuyện trái đạo, do cái tâm yêu thương làm chuyện tổn hại, mà vẫn tưởng chính mình đã hết lòng vì người chết! Nhưng do phàm phu hiểu biết kém hèn, chưa nghe Phật pháp, nào ai biết được bao nhiêu chuyện tổn hại hay hữu ích.

Sách này lưu truyền xa gần để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của hết thầy những ai chánh tín niệm Phật khi còn sống gieo thiện căn sâu xa, mất đi thì thân thức siêu thăng Tịnh Độ. Phương pháp này do hòa thượng Thiện Đạo đời Đường đã phát minh ra, cho rằng người thường ngày chẳng niệm Phật mà nương theo trợ niệm cũng có thể vãng sanh. Hòa thượng Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di Đà; do vậy biết pháp ấy lợi ích sâu rộng, nguyện khắp những người thấy nghe đều sanh chánh tín, khuyên dạy lẫn nhau công đức vô lượng, đến khi chính mình lâm chung chắc chắn có người trợ niệm. Vì sao vậy? Do nhân như vậy sẽ cảm được quả như vậy, nhân lẫn quả đều phù hợp nhau.

28. Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Kinh Phạm Võng chép: “Người là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ”. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Hết thầy chúng sanh sẵn đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”. Do vậy biết tâm tánh chúng sanh và tâm Phật vốn đồng, ba pháp “tâm, Phật, chúng sanh” không sai biệt, chỉ vì mê hay ngộ mà phân biệt vậy! Hiềm rằng khi chúng sanh còn mê chưa giác, dấu sẵn đủ Phật tánh viên mãn rộng lớn theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng tánh ấy hoàn toàn bị vùi lấp trong trần lao, ngược ngạo nương theo sức công đức của Phật tánh ấy để khởi

Hoặc tạo nghiệp, hủy báng Tam Bảo, tự hại, hại người. Thật giống như giòng suối chảy ngầm dưới đất, hoàn toàn chẳng hay biết, ắt phải đợi thời tiết nhân duyên khơi mở mới dần dần tỏ lộ được. Vì thế, xưa nay nhiều bậc vĩ nhân có quyền lực thuở bé mê muội, chuyên lo hủy báng Phật pháp, đến khi sự lịch duyệt đã dần dần sâu hơn, gặp cảnh chạm duyên đột nhiên giác ngộ, bèn quy y Tam Bảo, tận lực phụng hành cũng chẳng thể kể xiết. Đủ chứng tỏ Phật pháp rộng lớn, quả thật là tâm pháp vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh vậy.

Cư sĩ Ngô Nam Phủ ở Cát An, tỉnh Giang Tây túc căn sâu dày, từ nhỏ buôn bán ở bến Thượng Hải, giữ tấm lòng từ thiện, hiềm rằng hoàn toàn chẳng biết đến Phật pháp, ngược ngạo coi chuyện tin Phật là mê tín, vợ ông ta là Trương Thị, tuy sẵn đủ tín tâm, nhưng lại chẳng biết phân biệt tà - chánh, dẫu có khuyên can cũng khó thể khơi gợi được! Năm Dân Quốc 20 (1931), ông Ngô Nam Phủ bị cướp bắt trói dẫn về sào huyệt, sào khổ chen lẫn, suy nghĩ không ra cách nào, sực nhớ lời Trương Thị khuyên nên tin tưởng Phật pháp. Do vậy bèn mong Phật từ bi cứu giúp hòng thoát sào huyệt bọn cướp. Nào ngờ Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, lòng Từ của Phật như mẹ nhớ con, cảm ứng đạo giao nhanh chóng như dùi vừa chạm mặt trống liền vang ra tiếng, chợt có cảnh sát vì cứu người khác mà chạy lầm đến nơi đó, liền cứu ông ta ra, chẳng tốn một phân tiền mà an nhiên thoát hiểm. Ông ta mới biết Phật pháp linh ứng, hơi dấy lòng tin, bèn đến những nơi như Phổ Đà v.v... dâng hương lễ Phật.

Năm Dân Quốc 22 (1933), cùng với vợ là Trương Thị, dẫn theo một đứa con, ngồi xe hơi, chạy đến chỗ đường cong giữa đường, chợt một thiếu nữ Tây phương từ bên đường băng ngang, va ngay vào xe, bị xe chẹt ngang, ngã sóng xoài dưới xe. Ba người cha con bọn họ sợ đến nổi hồn muốn lìa khỏi xác, mồ hôi đầm lưng, cho là cô gái ấy đã thành ba đoạn rồi, cấp tốc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để mong Phật rủ lòng Từ gia bị giải cứu. Đến khi ngừng xe lại coi chỉ thấy cô gái Tây phương ấy nằm ngửa dưới gầm xe, lọt thỏm giữa bốn bánh, bị xe lôi đi mấy chục bước. Cùng lúc, tuần cảnh, dân phố xúm lại đông nghẹt, cha cô gái ấy cũng tìm tới, đỡ cô ta lên, chỉ thấy khắp mặt cô ta đỏ bừng, trợn chẳng bị sây sát gì! Trải qua kiểm nghiệm, cô ta trợn chẳng bị tổn thương mảy may gì, cô ta liền theo cha bỏ đi.

Cư sĩ trải qua hai trận nguy hiểm, lòng tin rộng mở. Năm Dân Quốc 23 (1934), đặc biệt xin được quy y với Quang, bèn đặt cho pháp danh là Huệ Vân, Trương Thị có pháp danh là Huệ Hiền, tiếp đó lại thọ Ngũ Giới. Từ đấy, tín tâm chân thật, thiết tha, tinh tấn tu trì, lại tạo công đức rộng rãi tại các chỗ như Linh Nham.

Thêm nữa, mấy người con trai ông ta sanh liên tiếp mấy đứa cháu gái, khó thể có được cháu trai. Đến năm Dân Quốc 24 (1935), đúng dịp cư sĩ mừng thọ sáu mươi, cô dâu cả sanh được một đứa con trai, các thân hữu xúm lại chúc mừng. Do cư sĩ đã trường trai thờ Phật, trong tiệc thọ của chính mình và lễ đầy tháng cho cháu nội đều dùng cỗ chay, trợn chẳng dùng mảy may món mặn nào để nhằm đề xướng kiêng giết, ăn chay. Nay lại dùng một ngàn đồng

để in Tịnh Độ Ngũ Kinh hồng biểu tặng kết duyên, thỉnh Quang viết lời Bạt lược thuật nhân duyên tin Phật của ông ta. Nguyên khắp những ai chưa phát lòng tin, do thấy nghe chuyện này sẽ khởi tín tâm, người đã phát tín tâm thì sẽ do vậy mà lòng tin được tăng trưởng, ngõ hầu người người tin Phật cùng sanh Tây Phương, cùng viên Chứng Trí, để an ủi bồn hoài phổ độ chúng sanh của chư Phật vậy.

29. Lời tựa cho bài Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ, Phật độ chúng sanh. Nếu ai nấy đều biết nhân quả sẽ tự trừ khử nhân dục, noi theo thiên lý để khôi phục lương tri sẵn có thì chuyện thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ đều do điều này mà được hiển lộ rộng rãi. Phật pháp là căn bản của các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Từ khi Phật pháp được truyền vào Trung Quốc dưới đời Hậu Hán, hơn một ngàn tám trăm năm do được vua thánh, tôi hiền, những vị thông suốt thấu đạt hộ trì, đề xướng, nên được truyền bá khắp trong ngoài nước. Trong thời gian ấy, tuy bị đôi ba tên vua hung bạo và những nhà Nho câu nệ bài xích, hủy trừ, nhưng bọn chúng đều là hạng ngựa mặt nhô lên trời, đương nhiên tự bị nhơ bần.

Bọn Trình - Châu đời Tống đọc kinh điển Đại Thừa nhà Phật, thân cận tri thức Thiên tông để mong trộm lấy ý nghĩa hồng tự khoe khoang, do chưa đọc trọn khắp các kinh, chưa tham học rộng khắp với tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa “toàn sự chính là lý” trong kinh Phật

và “*pháp gì, chuyện gì cũng đều quy về tự tâm*” trong Tông môn để giải thích kinh đạo Nho, rốt cuộc trở thành tà kiến chấp lý phé sự, như nói: “Trời chính là lý, nào thật sự có vị vua đội mũ xử đoán đâu? Quỷ thần là lương năng của hai khí (Âm và Dương). Con người sau khi chết đi hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, đâu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần hồn đã phiêu tán rồi, lấy ai để thác sanh?”. Thoạt đầu do chấp lý mà phé sự, kể đến trở thành đoạn diệt, ngoan không. Do vậy, hết sức phô trương ý kiến của chính mình, báng Phật pháp sâu xa, bảo sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã nói chính là căn cứ để phỉnh phờ ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của đức Phật, chứ thật ra không có chuyện ấy.

Từ đây, phàm những kẻ theo Lý Học đều lén lút xem kinh Phật nhưng đều cất lực báng bỏ Phật pháp, chẳng suy xét căn bản của đạo, chỉ chấp chặt vào tri kiến môn đình. Từ đây cách trị tâm, trị thân, trị quốc, trị thế chỉ còn bề ngoài, trọn chẳng có căn bản. Vừa bị Âu hóa liền ngã rạp theo gió, rốt cuộc biến thành hiện tượng phé kinh điển, phé luân thường, tranh thành, giành đất, thê thảm chẳng nở nghe, trở thành cuộc loạn lạc lớn nhất kể từ khi có con người đến nay. Xét đến căn nguyên đều là do học thuyết bài xích nhân quả luân hồi uơng thành!

Từ sau Trình - Châu trở đi, người học hễ thiên tư thông minh thì không ai chẳng trúng phải chất độc do bọn Châu - Trình truyền lại này, tất cả đều tự khoe là bảo vệ đạo pháp, chứ chẳng biết đã trái nghịch đạo cũng lớn lắm. Đối với đại đa số con người, suốt một đời không cách gì được nghe đến đạo, nhưng cũng có người lúc đầu bị hãm vào lối xe đò, về sau thông thiết cải hối, thương mình, xót người, muốn

đem sự mê chấp của chính mình để làm tấm gương cảnh tỉnh cho hết thảy mọi người giống như ông Thành Phục Sơ ở huyện Tàn An tỉnh Cam Túc nào có hạn lượng?

Dựa theo lời con ông ta là Tịnh Niệm đã viết thì: *“Gia nghiêm từ thuở mười sáu, mười bảy tuổi, liền trúng phải chất độc do bọn Trình - Châu để lại, tự lấy chuyện bài xích Phật - Lão làm trách nhiệm của chính mình, tiếc cho một bề chống trái, thiên kiến, nhưng kinh Phật rất khó được thấy, lại không có bậc cao tăng hoằng pháp hay bậc thông đạt lỗi lạc để thân cận, bèn coi lời lẽ của Trình - Châu là lời bàn quyết định ngàn đời chẳng xê xích được, liền y theo những gì bọn họ nói để bài xích Phật - Lão, chứ thật ra trọn chẳng biết cội nguồn Phật - Lão ra sao! Do lầm lạc bài xích Phật - Lão và chỉ coi những điều mình sùng phụng là tông chỉ chân chánh của Nho giáo nên càng thêm mê muội”*.

May sao đời trước đã gieo thiện căn, trời xét soi tấm lòng ngu thành, khiến cho cụ bệnh nặng mấy năm hồng tự phản tỉnh. Thoạt đầu cụ vẫn nói “thiên đạo vô tri”, rồi đại ngộ chính mình thấy hiểu lầm lạc, trái nghịch. Từ đấy, thống thiết sửa đổi lỗi trước, tận lực tu tịnh hạnh, bắt chước ông Liễu Phàm lập mạng, học đòi ông Tịnh Ý sửa đổi cái tâm. Tuy được tâm địa quang minh, mắt vẫn lòa như cũ (năm Dân Quốc 16 (1927), mắt phải kéo màng, chẳng thể thấy mọi vật. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), mắt trái cũng thế, bèn cùng với con cực lực sám hối. Người con trích máu vẽ hình Phật, dùng chất son hòa máu chép kinh. Ông ta tự soạn bài văn thú lỗi, mắt bèn thấy được mọi vật), mới biết chẳng bộc lộ lỗi mình, trọn khó thể tiêu nghiệp được, nếu phơi bày

lỗi xưa thì còn làm lợi cho người khác. Do vậy bèn soạn bài văn sám hối in ra gửi cho những người cùng hàng, đem sự mê - ngộ của chính mình để làm khuôn phép răn dè cho kẻ thông sáng mai sau, cậy Quang viết lời Bạt mong được lưu truyền rộng rãi. Do vậy, tôi lược thuật nguyên ủy mắc bệnh của ông Thành Phục Sơ để mong những người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm cùng đẩy lùi phong thái suy đồi, cùng giữ vẹn hạnh Nho, cùng tu Tịnh nghiệp, cùng được gọi ân Phật, cùng trừ khử món vật nhân dục huyễn vọng, cùng đạt được lương tri sẵn có, ngõ hầu có thể “sáng tỏ Minh Đức” nhằm “an trụ nơi chí thiện”, trì Phật hiệu để sanh Tây Phương. Mất niệm biến thành cuồng, khắc chế được ý niệm sẽ thành thánh, lấy thân làm gương, phổ độ quần mê đều là do những điều đã được nói ở đây vậy.

30. Duyên khởi của Tịnh Nghiệp Xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp Niệm Phật là pháp môn tổng trì trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, trên từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới là phạm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Nói nông cạn thì đàn bà, trẻ nít đều có thể tu trì, nói sâu xa thì bậc thánh triết cũng chẳng thể hiểu trọn.

Đã thế, đối với hàng thiện tín tại gia, pháp này thích hợp căn cơ nhất. Do đức Như Lai gọi “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp*” là “*chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật*”, nên hễ là người niệm Phật thì đối với gia đình,

luân thường đều phải trọn hết bốn phận. Tức là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành vậy. Lại còn phải ngăn giận, dứt ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành; nhưng tu thiện trừ ác thì rất cần phải tích cực phản tỉnh xem xét tại nơi khởi tâm động niệm, dóc lòng thực hiện rộng rãi để trừ khử những thói hư tật xấu, phiền não, ác niệm. Dè dặt kiêng sợ, đừng coi thường thì mới là người lành. Người lành niệm Phật mới có thể được hưởng lợi ích chân thật nơi niệm Phật. Ví như nền tảng vững vàng, chắc chắn thì mới có thể tùy ý xây dựng lâu cao muôn trượng được!

Hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nói chung là vì chẳng nói đến đạo “trọn hết tình nghĩa, tận hết bốn phận” và lý “phước thiện, họa dâm”. Đối với chuyện luân hồi lục đạo và pháp Niệm Phật vãng sanh thì càng không có cách gì nghe tới được! Do tâm chẳng chú trọng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả, báo ứng, dẫu có nghe cũng chẳng thể sanh lòng tin. Bởi những lẽ đó, uơng thành đại kiếp, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, cơ duyên giết chóc ngập tràn, dân không lẽ sống. Những người có lòng lo cho cõi đời muốn cứu vãn đều đề xướng Phật học và tu pháp môn Niệm Phật, bởi pháp này thật sự là pháp dễ tu trì, dễ thành tựu nhất trong Phật pháp, như người tập bắn lấy mặt đất làm đích, bắn không phát nào chẳng trúng.

Pháp này cậy vào Phật từ lực, nếu chịu tuân theo lời dạy tu trì thì không một ai chẳng thành tựu. Do vậy, ai nấy hãy nên quy y Tam Bảo, thọ trì Ngũ Giới, tuân hành Thập Thiện, dùng ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh

Tây Phương Cực Lạc thế giới đề mong liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Người như thế sống là bậc thánh bậc hiền, thác lên cõi Cực Lạc. Khuyến dạy lẫn nhau, nhìn nhau bắt chước làm lành, khó gì chẳng dứt tai tiêu họa, tu đức sẽ hưởng phước, giữ vẹn cái gốc, trọng luân thường, thay đổi phong tục để đạt đến thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Do vậy nói rằng “một pháp Niệm Phật há chẳng là căn bản pháp luân để chấn hưng sức dân, phụ trợ chánh trị, giáo hóa, chẳng nắm giữ địa vị mà dạy dỗ dân, chẳng nhờ đến hình phạt mà dứt được chuyện ác ư?” Nguyện những vị mang lòng văn hồi kiếp vạn đều cùng dự vào Tịnh Nghiệp Xã.

Những người ở xa xôi hoặc thân mang chức vụ bận bịu, hoặc thanh niên, phụ nữ chẳng tiện đến Tịnh Nghiệp Xã thì đều có thể nhiếp tâm tịnh niệm ở nhà. Lập ra Tịnh Nghiệp Xã chẳng qua chỉ nhằm tạo một tổ chức để đề xướng diễn thuyết mà thôi. Hằng ngày niệm Phật cố nhiên là chuyện tu trì tại gia, chẳng thể không biết điều này. Tịnh Nghiệp Xã được lập tại chùa Tiên Khánh, vào ngày nào đó mỗi tháng xã hữu cùng đến niệm Phật. Niệm xong, mời vị nào thông hiểu văn từ lý lẽ giảng diễn chương trình lẫn lợi ích do niệm Phật cũng như quy củ lẫn lợi ích của việc giáo dục con cái trong gia đình. Lại còn sắm sửa những sách giảng về niệm Phật tu thiện đơn giản, gần gũi, ai muốn xem thì cứ trả tiền theo giá vốn để thỉnh về xem, chẳng tốn nhiều tiền lắm. Lại dùng khoản tiền ấy để thỉnh đầy đủ sách đọc. Nếu mọi người có thể đua nhau thực hiện chuyện này mạnh mẽ thì thế đạo nhân tâm sẽ tự nhiên thuần thiện, thiên tai nhân họa không cách chi xảy ra được!

Đây quả thật là sách lược tối thượng vì nước, vì dân, vì xã hội, vì gia đình vậy! Nguyện những người thấy nghe đều cùng khởi lòng.

31. Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh Xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn

(năm Dân Quốc 20 -1931)

Mỗi một tài, một nghề trong thế gian đều phải do mọi người giúp đỡ thì mới có thành tựu. Vì thế nói: “*Bách công cư tứ dĩ thành kỳ sự, quân tử học dĩ trí kỳ đạo*” (Trăm thợ sống ở xưởng thợ để nghề nghiệp được thành, quân tử học để thấu hiểu đạo). Pháp thế gian còn như thế, sao riêng pháp xuất thế gian lại chẳng giống như vậy cho được? Phải biết “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ” chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài, mà phàm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Hết thấy pháp môn chẳng đạt đến mức “nghiệp tận, tình không” sẽ chẳng thể liễu sanh thoát tử được, vì chỉ cậy vào tự lực, cho nên khó khăn!

Pháp môn Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ liền có thể siêu phàm nhập thánh, bởi chuyên cậy vào Phật lực, cho nên dễ dàng! Hễ được vãng sanh thì sẽ đạt được lợi ích cao siêu hơn những người “nghiệp tận tình không” nhiều lắm. Pháp môn này bất luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, trí, ngu, sĩ, nông, công, thương, tại gia, xuất gia đều nên tu trì; chẳng những không trở ngại hết thấy nghề nghiệp mà còn có thể giúp cho hết thấy nghề nghiệp dễ thành tựu.

Phàm là người niệm Phật ắt phải chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện kiên quyết cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác, trong là gia đình, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, bầu bạn đều cùng tu pháp này, cùng cầu vãng sanh. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Vì thế, ông Thành Huệ Dân và các cư sĩ tổ chức Trợ Niệm Vãng Sanh Xã tại Vũ Thánh Miếu trong trấn của họ, mỗi tháng đúng kỳ đến đây niệm Phật. Niệm xong, giảng nói lợi ích của pháp môn Niệm Phật và cách thức tu trì, cũng như biện pháp trợ niệm lúc lâm chung. Phàm những ai tham dự Trợ Niệm Xã đều nên hành theo đó. Hễ có xã hữu hoặc không phải xã hữu thỉnh đến nhà trợ niệm đều nên vận dụng đại Bồ Đề tâm vốn có, khai thị, hướng dẫn bệnh nhân và quyến thuộc của người ấy để ai nấy đều y theo Phật pháp, đừng thuận theo thói phàm. Khai thị xong, mọi người cùng nhất tâm niệm Phật để mong cho người mất vãng sanh về thẳng Tây Phương mới thôi. Thành tựu người khác vãng sanh thì đến khi chính mình lâm chung ắt sẽ có người khác thành tựu sự vãng sanh cho chính mình, đừng cho chuyện ấy là không quan hệ rồi coi thường!

Đối với những đạo hữu niệm Phật cùng một Trợ Niệm Xã, trong lúc bình thường hãy nên nói với người trong nhà về lợi ích do trợ niệm khi lâm chung cũng như những họa hại do tắm rửa, thay áo sắn, hoặc đối trước người sắp mất khóc lóc. Hãy nên thỉnh một cuốn Sứ Chung Tân Lương cho họ đọc để họ biết tường tận. Để rồi đến khi cha mẹ hoặc các quyến thuộc khác sắp mạng chung, quyến thuộc trong nhà sẽ

cùng nhau vì người ấy niệm Phật, khiến cho tâm người sắp mất ấy giữ được chánh niệm, theo Phật vãng sanh, cũng như thỉnh xã hữu trợ niệm cho người sắp mất ấy. Lúc ấy là lúc ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ rất lớn. Hãy nên đem những chi phí ma chay cúng tế rỗng tuếch, hoa mỹ dùng vào lúc ấy, hãy biến tấm lòng buồn đau, tận hiếu chân thành trở thành cái tâm vì cha mẹ niệm Phật. Lại còn bảo quyền thuộc đều nghe theo lời chỉ dạy của xã hữu, đừng khư khư theo tập tục kéo làm hỏng đại sự!

Mạnh Tử nói: *“Dưỡng sanh giả bất túc dĩ đương đại sự, duy tổng tử khả dĩ đương đại sự”*, hưởng chi lúc lâm chung dùng niệm Phật để tương trợ thì chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Thành tựu cho cha mẹ được vãng sanh tức là thành tựu cho cha mẹ thành Phật. Phạm thành Phật sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Chuyện tận hiếu trong thế gian há có lớn hơn điều này được chăng? Do vậy, hãy nên cạn kiệt tấm lòng thành của ta mà tận lực giúp đỡ.

Nếu cứ khư khư theo tập tục chẳng coi trọng việc thành tựu chánh niệm, hoặc tắm rửa, thay quần áo sẵn, do bị đụng chạm, tâm người sắp mất bị nhiễu động có thể bị đau đớn, ắt sanh lòng giận bực. Nếu khóc lóc, người ấy ắt sanh lòng bi luyến. Đã loạn động thì chánh niệm bị mất, không cách gì vãng sanh được! Hễ nóng giận sẽ có thể đọa trong các loài độc trùng; mà mền luyến cũng thuộc về căn bản sanh tử. Con người nếu không bị bệnh cuồng, ai nỡ vì trọn hết lòng ngu thành tận hiếu mà phá hoại chánh niệm của cha mẹ khiến cho họ đánh mất lợi ích lớn lao “liễu sanh thoát tử hòng được thành Phật”, đến nỗi chịu sự khổ lớn lao “đọa lạc trong tam đồ ác đạo, thường bị luân hồi nhiều

kiếp” ư? Thực hiện lòng hiếu kiều đó khác gì La Sát nữ yêu người đâu? La Sát nữ bảo người bị nó ăn thịt: “Ta yêu người nên ăn thịt người!” Nguyên hết thấy những người con hiếu cháu hiền và những quyền thuộc nhân từ hãy cùng tùy thuận cái tâm độ chúng sanh của đức Phật, đừng yêu thương giống như La Sát nữ thì người thác lẩn kẻ sống đều được lợi ích lớn lao vậy!

32. Duyên khởi của Xí Lô Liên Xã

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót chúng sanh do mê muội diệu tâm vốn có mà luân hồi sanh tử, bèn thị hiện giảng sanh trong thế gian thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận căn cơ của chúng sanh, nói đủ mọi pháp. Tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên bất đồng, Quyền, Thật, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều nhằm làm cho chúng sanh khai - thị - ngộ - nhập tri kiến của Phật, rốt ráo thành Phật mà thôi! Nhưng chúng sanh căn cơ có lớn hoặc nhỏ, mê có cạn hoặc sâu, nên chẳng thể thỏa thích bồn hoại của Phật được ngay. Lại do chúng sanh đời Mạt nghiệp chướng sâu dày, trí huệ cạn mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, nếu không cậy vào Phật lực quyết khó thể liễu thoát trong đời này. Do vậy, đặc biệt mở ra một pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn Sơ - Trung - Hậu, độ khắp ba căn cơ thượng - trung - hạ để những vị đã chứng Pháp Thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn Phiền Hoặc cũng thoát luân hồi, lợi ích ấy vượt trội hết thấy giáo pháp trong cả một đời, bởi lẽ một đặng chuyên cậy vào tự lực, một đặng kiêm nương vào Phật lực.

Ví như gã thọt suốt ngày chỉ đi đợc mấy dặm, nếu cười luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương sẽ trong một ngày đến khắp bốn châu. Vì thế, pháp này đợc chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, bởi pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo đợc truyền sang phương Đông, Viễn Công mở liên xã đầu tiên, khi ấy bậc cao tăng đại nho dự vào hội cả một trăm hai mươi ba người. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đấng, truyền khắp trong ngoài nước. Đại pháp của đức Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông, Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh Độ là tu trì dễ dàng nhất, thành tựu dễ dàng nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế các vị thiện tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chăm chú ngàm tu, rất nhiều vị cực lực hoằng dương công khai. Pháp này chân - tục viên dung, vừa khế cơ vừa khế lý, chẳng những vì người học đạo lập ra một môn màu nhiệm để thoát luân hồi, mà thật ra còn là đạo trọng yếu để người cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Do đó, vãng thánh tiền hiền, bậc thông suốt, người trí sáng đều cùng tu trì như mọi ngôi sao châu về Bắc Đẩu, như các dòng nước xuôi về biển Đông.

Gần đây lòng người thua kém thuở xưa, bỏ gốc chạy theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, con người đua nhau chuộng duy tân, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ

sống. Những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như diệt mất, đua nhau lập cách văn hội. Do vậy, các nơi đều lập Tịnh Nghiệp Xã, Cư Sĩ Lâm đề xướng Phật học hồng nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ ra sự luân hồi trong sáu nẻo, tỏ lộ Phật tánh chân thường, tán dương Tịnh Độ cao siêu thù thắng, khiến cho hết thấy mọi người vâng giữ tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ”, hành tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, đều phải ngăn lòng giận, dứt lòng ham muốn, giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người lành trong thế gian, phát Bồ Đề tâm, tự hành, dạy người “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để đến khi lâm chung Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn cho người ấy được vãng sanh, hồng thành bậc thượng thiện nhân xuất thế gian. Đây chính là đại ý các nơi thành lập Tịnh Nghiệp Xã, mở Cư Sĩ Lâm vậy.

Tô Châu vốn là xứ Phật giáo hưng thịnh từ xưa đến nay, cố nhiên có nhiều người túc căn sâu dày, dù bị ngoại đạo lung lạc, bước lầm vào ngõ rẽ, chẳng mấy chốc lại quay về đường chánh. Cư sĩ Tào Tung Kiều sáng lập Ân Bản Hội để châu cấp, cứu giúp dân nghèo chính là ban bố lòng Từ trên phương diện sắc thân. Nay lại lôi kéo hai cư sĩ Trần Y Nhân và Châu Lương Tế mở Xí Lô Liên Xã nhằm đề xướng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu kẻ mê trái quê cũ trọn chẳng có tư lương để trở về sẽ đều được đầy đủ tư lương, đây chính là lo lắng cho phương diện huệ mạng vậy.

Nhưng đạo của Lô Sơn ai có thể nối tiếp dấu tích được, chỉ đành ngưỡng mộ dõi theo mà thôi thì cũng chẳng thẹn là đồ đệ của Lô Sơn, vì thế đặt tên là Xí Lô (ngóng theo Lô Sơn) Liên Xã! Họ cậu Quang viết duyên khởi để phô tỏ ý nghĩa ẩn kín, vì thế mới dài dòng một phen, mong sao người thấy nghe và các xã viên biết rõ ý nghĩa “đạo sẵn có ngay nơi tự tâm, pháp để tu chân trong cõi tục, dùng niệm Phật để hộ quốc, ngẫm tu mà giúp đời” vậy.

33. Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán (thư viện Phật học Phước Châu)

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Phật là giác; tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì mới gọi là Phật, tức là hết sạch Phiền Hoặc, phước huệ trọn đủ, Ngũ Uẩn đều không, chứng triệt để ba đức, là danh hiệu cao đẹp của bậc “thánh trong các thánh, trời trong chư thiên”, là danh hiệu chung của mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Thích Ca Mâu Ni chính là tên riêng của đấng giáo chủ cõi Sa Bà. Tiếng Phạn “Thích Ca Mâu Ni” cõi này dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là triệt chứng tự tánh. “Học” là bắt chước theo, tức là tùy phần tùy sức tu hành theo lời dạy. Đã tu hành theo lời dạy, sao lại nói “tùy phần, tùy sức”? Là vì đức Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh của chúng sanh. Do căn tánh chẳng chỉ có một nên tùy theo sự hiểu biết, khả năng của họ mà nói pháp thích hợp.

Tùy theo căn cơ ban bố giáo pháp, đối bệnh cho thuốc, sao cho giáo pháp phù hợp căn cơ, khiến cho ai nấy đều được lợi ích. Dạy

chúng sanh chìm đắm trong biển khổ sanh tử quy y Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng để làm chỗ nương tựa, dạy họ giữ năm giới “chăng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu”, dạy họ tu Thập Thiện, đối với ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều dạy dứt ác làm lành. Tức là thân chẳng làm chuyện giết - trộm - dâm, miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói ác độc, ý chẳng khởi ý niệm tham dục, nóng giận, ngu si. “Ngu si” nghĩa là không tin nhân quả, nói ra những lời tà kiến như “làm lành làm ác chẳng có báo ứng, con người chết đi thân hồn diệt mất, không có đời sau” v.v... Lại còn gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, khuyên bạn bè hướng thiện sửa lỗi, chủ giữ lòng nhân, tớ giữ lòng trung, mỗi mỗi đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Đây chính là pháp Nhân Thừa. Tu theo pháp này sẽ đời đời làm người. Nhân Thừa là căn bản của Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, như đắp nền đất vững vàng, có thể tùy ý xây dựng lầu cao.

Thiên Thừa thì ngoài Ngũ Giới Thập Thiện ra, còn tu thêm các thứ Thiên Định để sanh vào các cõi trời Lục Dục, Tứ Thiên, Tứ Không v.v... Nhân Thừa lẫn Thiên Thừa đều chẳng phải là pháp liễu sanh tử.

Thanh Văn Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, tu pháp Tứ Đế để liễu sanh tử.

Duyên Giác Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, quán sát hai môn Lưu Chuyển và Hoàn Diệt của Thập Nhị Nhân Duyên hòng liễu sanh tử.

Bồ Tát Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ tu lục độ, vạn hạnh, dưới hóa độ chúng sanh để mong trên là thành Phật đạo.

Nhưng pháp ba thừa này đều thuộc vào pháp phổ thông cậy vào tự lực, người tối thượng thượng căn mới có thể liễu sanh tử ngay trong đời này, dẫu khi Phật đang còn tại thế cũng là trăm người mới có được một. Nếu như hiện thời, e rằng cả thế giới cũng không có được một hai người!

Nhưng do tâm đại từ bi, đức Phật biết trước chúng sanh đời sau không có kẻ nào cậy vào tự lực để liễu sanh tử ngay trong đời này được, bèn mở riêng một pháp môn đặc biệt là tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, trí, ngu, sĩ, nông, công, thương, công chức, quân nhân, giới giáo dục học thuật, tại gia, xuất gia, thượng thánh, hạ phàm đều trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Phạm phu sát đất đời nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương, ba thứ Hoặc - Nghiệp - Khổ thủy đều tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rớt vào lò to, chưa đến nơi đã tan mất. Hàng Nhị Thừa đã liễu sanh tử và Quyền Vị Bồ Tát vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bạc Pháp Thân đại sĩ đã chứng Vô Sanh mà vãng sanh sẽ mau chứng Phật quả.

Hết thủy các pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thế nguyện nhiếp thọ của A Di Đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ức niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. Nhưng đã muốn vãng sanh Tây Phương thì phải nghĩ hết thủy chúng

sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, nghĩ báo ân ấy sẽ càng thêm mến tiếc, che chở, chẳng dám giết ăn, thấy hết thấy những người cùng hàng và các quý thần cùng với chim, thú, côn trùng đều tâm niệm miệng nói, dạy bọn họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu như ba nghiệp thanh tịnh, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đem pháp môn Tịnh Độ khuyên lơn thì người ta sẽ nhìn theo bắt chước nhau làm lành, ắt sẽ có hy vọng thay đổi cảm hóa ngấm ngấm, khiến cho phong tục tốt đẹp thuần hậu.

Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Châu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm “đề cao điều chánh, quở trách thói tà”, người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sừng miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật. Lý luận về đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ Tịch Diệt là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão Tử, Trang Tử. Về sau, do thiên sư Đại Diên khơi gợi, hướng dẫn, Hàn Dũ mới không báng Phật nữa. Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là “do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập”. Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi mà lập như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như thế, kẻ học đạo Nho coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy. Đại sư Minh Giáo muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế Tống Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy Công

xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: “Chẳng ngờ trong Tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!” Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đây họ Âu chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ của Âu Dương Tu tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Châu đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiên Tông, biết được những nghĩa “toàn sự chính là lý” trong kinh và “pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm” của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp lý phế sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy. Lại còn nói: “Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, đâu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?” Do vậy, kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức làm lành.

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh mà họ bảo là “không có thật” khiến cho những kẻ học đời sau đều chẳng dám nói đến nhân quả, chỉ lấy chánh tâm, thành ý để làm gốc cho tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; nhưng nhân quả chính là cái khiến cho người lành chẳng thể không chánh tâm thành ý, kẻ ác chẳng dám không chánh tâm thành ý. Đã không nói đến nhân quả thì pháp trị quốc, trị gia, trị thân, trị tâm chỉ là lời xuông,

chẳng có lợi ích thật sự! Mấy trăm năm qua vẫn còn duy trì được là nhờ phong thái lẫn sự cai trị tốt đẹp của bậc đại nhân thời cổ còn chưa bị hoàn toàn diệt mất.

Gần đây, những kẻ phê bỏ đường lối cũ đua nhau đề cao duy tân, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, cậy mạnh nuốt yếu, uơ thành đại kiếp đều là do Nho sĩ trong cả nước chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích mình đã trái nghịch tiên hiền! Hơn nữa, nếu kẻ nào có chút thành tựu sẽ được dự vào Văn Miếu, nếu nói đến nhân quả sẽ bị người khác coi là nịnh Phật rồi ngăn trở, nên coi việc nói đến nhân quả là điều phải tránh né! Do vậy bèn phát sanh đại loạn từ xưa đến nay chưa hề có! Nếu gia đình, nhà trường, xã hội đều giảng nhân quả, chắc chắn chẳng đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế. Vào thuở ấy, Trình - Châu sợ Phật giáo hưng thịnh thì Nho Giáo sẽ suy tàn, nên mới bài báng bằng cái tâm mê muội trái lý ấy hòng bảo vệ Nho giáo. Thảm trạng tranh chấp, tàn sát lẫn nhau nhiều năm không dứt quả thật chưa hề thấy! Đó gọi là “*nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu*” (người không lo xa, ắt có buồn gần).

Bọn họ sợ rằng nếu không báng Phật, Nho sĩ sẽ đều học theo Phật hết, chẳng biết nếu nhà Nho học Phật thì Nho giáo sẽ càng thêm hưng thịnh. Nghĩa lý này đã được trình bày tường tận trong bài viết nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín qua cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công, bài viết ấy sẽ được sao chép riêng để những nhà Nho nơi quý địa được mở rộng tầm mắt, có chỗ nương theo. Đòi đã loạn đến cùng cực, những vị nghĩ đến phương cách bình trị đều cùng đề xướng Phật học để sao cho ai nấy đều hiểu rõ nhân quả, biết tội phước, hồi tâm hướng

thiện, vẫn hồi kiếp vận đê dân được sống yên. Các vị cư sĩ như La Khanh Đoan v.v... tính lập ra Phật Học Đồ Thư Quán, cậy tôi viết lời trần thuật duyên khởi hồng nêu tỏ chỉ thú giúp đời độ sanh của Phật giáo, do vậy tôi bèn viết bài này cho xong trách nhiệm!

34. Duyên khởi duyên mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu

Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật; đó gọi là Chánh Nhân, thuộc về Tánh đức, cũng còn gọi là Bản Giác. Tuy có Chánh Nhân, nhưng nếu chẳng nghe Phật pháp sẽ như đồ báu trong kho, như viên châu buộc trong chéo áo, do không biết nên phải oan uổng chịu bần cùng. Đã được nghe Phật pháp, biết “Phật là vị Phật đã thành, ta và hết thấy chúng sanh đều là những vị Phật chưa thành”, từ đây tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác. Đây gọi là Duyên Nhân, thuộc về Tu đức, cũng gọi là Thi Giác vậy! Công Tu đức sâu thì Tánh đức hiển lộ, mới biết từ xưa đến nay đã nương theo sức của Chánh Nhân Phật tánh ấy để làm đủ mọi chuyện trái nghịch tánh, chịu đủ mọi nỗi khổ huyễn vọng, giống như trong nhà tôi đựng phải của báu, đâm ra bị tổn thương! Nay đã đích thân thấy được Phật tánh sẵn có thì cái gốc cũ chẳng mất, mà Phật tánh mới giác ngộ hiện thời cũng chẳng được, toàn vọng chính là chân, toàn tu chính là tánh. Đây gọi là Liễu Nhân, chính là Tánh và Tu dung hợp, Thi - Bản hợp nhất vậy!

Phàm hết thấy những pháp môn Đại - Tiểu - Quyền - Thật do đức Phật đã nói, không môn nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh

đích thân chúng được điều này mà thôi! Nhưng căn cơ chúng sanh có lợi, độn, chức phận có thân, sơ, nên khó thể tạo lợi ích rộng khắp được! Vì thế, dùng chuyện tạo dựng tháp miếu, pháp tướng trang nghiêm, gõ chuông, đánh khánh, giơ nắm tay, dựng đứng cây phát trần để tạo duyên phát khởi, giúp cho người khác nhập đạo. Ở mỗi chỗ cư dân đông đảo, cổ nhân xây dựng đại tháp miếu cốt sao người thấy nghe sẽ gieo được hạt giống Phật vào trong tám thức điên, sau này ắt sẽ đích thân chúng được giác đạo, chứ không phải chỉ để tạo cảnh tráng lệ hồng nhìn ngắm cho sướng mắt.

Chùa Báo Ân ở Tô Châu do vua nước Ngô thời Tam Quốc là Tôn Quyền xây dựng để báo ân mẹ, vốn có tên là chùa Thông Huyền. Đến năm Đại Thông thứ tư (530) đời Lương Vũ Đế, chùa được trùng tu, vị Tăng tên Chánh Huệ lập tháp báu mười một tầng, hết sức trang nghiêm. Khi Tùy Văn Đế thay nhà Trần làm chủ giang sơn, chùa bị huyện lệnh đất Ngô là Tôn Khoan phế bỏ. Đầu đời Đường vị Tăng tên Huệ Quân xây dựng lại. Năm Khai Nguyên 26 (738) đời Đường Huyền Tông, vua xuống chiếu mỗi châu quận trong thiên hạ lập một ngôi chùa lớn đề tên là Khai Nguyên; chùa bèn được đổi tên là Khai Nguyên Tự, trong chùa có tượng Huyền Tông bằng đồng thếp vàng. Trong niên hiệu Đại Thuận (890-891) thời Đường Chiêu Tông, chùa bị tên giặc ở Hoài Tây là Tôn Nho đốt cháy rụi. Năm Đồng Quang thứ ba (925) nhà Hậu Đường, Ngô Việt Vương Tiền Liêu dựng chùa Khai Nguyên khác ở bên cạnh chùa Thụy Quang phía trong Bàn Môn vì trong năm Kiến Hưng nguyên niên (313) đời Tấn Mẫn Đế, hai tượng

Phật bằng đá từ biển trôi tấp vào, được xây điện thờ bằng gạch không có rui kèo để thờ. Từ đời Đường Hy Tông, Ngô Việt Vương Tiên Liêu đã chinh phạt Hoàng Sào, dẹp tan Đổng Xương, tận trung với nhà Đường, được phong vương vào thời Chiêu Tông, cai quản xứ Ngô Việt, đạo pháp hưng thịnh lớn lao. Thời Ngũ Đại, chỉ có xứ Ngô Việt là yên ổn nhất do mấy đời vua đều tin Phật, trọn không cai trị hà khắc.

Đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba đời Tống Thái Tông, Ngô Việt Vương hiến hết khu vực cai quản cho nhà Tống. Trong tám chín chục năm ấy, đối với Phật hay đối với Nho đều có quan hệ lớn lao không gì hơn được! Trong niên hiệu Hiển Đức (954-960) nhà Châu thời Ngũ Đại, tại nền cũ của chùa Khai Nguyên, Tiên vương đã xây lại chùa, dời biển ngạch của chùa Báo Ân từ núi Chi Hình về đây, đây là nguồn gốc của tên chùa Báo Ân vậy.

Đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) đời Tống Thần Tông, trùng tu chùa tháp, Tô Đông Pha bỏ ra con rùa đồng để chứa xá-lợi, từ đây có lúc hưng, lúc suy lắm phen. Đầu đời Vạn Lịch nhà Minh, chùa tháp lại bị cháy rụi, do vị Tăng là Tánh Nguyệt đảm nhiệm trùng hưng. Đến khi vị Tăng tên Như Kim đến đây, sư Tánh Nguyệt liền giao phó lại cho Như Kim. Sư Như Kim nói rộng về nhân quả, hiển hiện đại thần lực khiến cho đàn-việt tín thí tụ tập như mây nhóm, dốc hết công sức suốt chín năm trời. Năm Khang Hy thứ năm (1666) đời Thanh, pháp sư Nhất Nguyên muốn trùng tu, gặp đúng dịp Thái Phó Kim Văn Thông Công cáo lão hồi hưu, do vậy bèn khuyến dụ, đề xướng trùng tu khiến cho chùa có

quy mô lớn hơn trước. Năm Đạo Quang 16 (1836), vị thân sĩ trong ấp là Phan Mai Khê tự mình bỏ ra một khoản tiền lớn để sửa sang như mới.

Năm Quang Tự 24 (1898), lão pháp sư Mãn Hy đến đất Tô, thân sĩ trong ấp do thấy tháp chùa Báo Ân đã hư sụp, muốn cậy vào đức độ, danh tiếng của lão pháp sư để khôi phục bèn thỉnh Ngài làm Trụ Trì. Pháp sư bằng lòng, nhưng chưa kịp khởi công đã viên tịch. Pháp đồ là sư Vịnh Hà cực lực đảm đương, lệnh đồ tôn là sư Chiêu Tam giúp sức. Ông cháu hai người dốc cạn sức lực trông nom, đốc thúc, mới khởi công được nửa năm, sư Vịnh Hà mất, khi ấy là năm Quang Tự 31 (1905). Sư Chiêu Tam kế nghiệp làm Trụ Trì, nhọc nhằn lo toan cho tới năm sau ngôi tháp chín tầng và các điện đường đều được hoàn chỉnh.

Cho đến bây giờ đã hơn ba mươi năm, mưa gió vùi dập, gỗ mục, ngói vỡ, trung tuần tháng Năm năm nay, góc cạnh của tầng thứ tám nơi đỉnh tháp đột nhiên bị sứt lở, từ trên xuống dưới tầng nào cũng bị hư hoại. Nếu chẳng cấp tốc tu bổ, sau này sẽ khó thể nào duy trì được. Cụ Chiêu Tam cầm tự chỉ đến cho Bất Huệ xem và kể lể tình trạng hiện thời, tính quyên mộ để sửa chữa, cậy Bất Huệ soạn một bài văn thuật duyên khởi, khẩn cầu mười phương tế quan, trưởng giả, hàng thiện tín v.v... phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, bỏ tiền của chẳng bèn chắc để vun bồi phước đức vô tận, sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, điều tốt lành đua nhau xảy đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại hưởng

năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, quế lan xum xuê, hậu duệ hưởng trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn.

35. Duyên khởi trùng tu Niệm Phật Đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phú Dương

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Trong thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, tùy ý nương theo một pháp nào đó, dùng Bồ Đề tâm tu trì cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng khi đang tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm rất lớn.

Cầu lấy pháp viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế cơ lẫn khế lý, vừa là tánh vừa là tu, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt để trời, người, phàm, thánh chứng Chân thì không chi bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thấy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật cậy thêm Phật lực. Cậy tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới, còn cậy vào Phật lực thì tín nguyện chân thành, thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Người trong thời hiện tại muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ trọn chẳng có hy vọng gì!

Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ pháp nào cũng viên thông, như vàng trắng vằng vặc sáng ngời giữa trời, con sông nào cũng đều hiện bóng. Thủy ngân rót xuống đất, viên nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng

gì cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thể, yên dân, trị quốc, giữ yên cõi bờ đều có lợi ích lớn lao, mà ngay cả sĩ, nông, công, thương, muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, trai, gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không gì chẳng tùy theo lòng cảm mà ứng, thỏa lòng mãn nguyện. Nay lòng người chìm đắm, cõi đời loạn lạc đã đến mức tột cùng, biến loạn thị - phi, điên đảo đen - trắng, tranh đoạt, lừa gạt, lấn áp cực lực diễn ra. Nếu chẳng cứu vãn thì đạo lý làm người gần như diệt mất.

Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu tỏ nhân quả ba đời, tỏ rõ sự luân hồi lục đạo, chỉ rõ Sa Bà trước ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong cõi đời này sẽ đánh đổ những tư dục xằng bậy, khôi phục lễ nghĩa, hòng còn sống sẽ dự vào bậc thánh, bậc hiền, liễu sanh thoát tử, mất về cõi Cực Lạc.

Chùa Tư Phước ở Phụ Dương là ngôi chùa cổ đã trải mấy triều, được ghi chép trong sách vở. Gần đây, vị Trụ Trì không có tư cách hoằng pháp, những kẻ không biết Phật pháp đua nhau đề xướng duy tân, phá trừ mê tín, toan muốn gấp rút hủy diệt ngôi chùa ấy. Tuy bậc minh triết dùng chánh lý để khuyên nhủ, bọn họ trọn chẳng chịu nghe.

Đại biểu hội Phật giáo Phụ Dương là ông Hình Thuần Trai phần uất chẳng quản tâm thân, bôn tẩu tỉnh thành, gặp mặt Chủ Tịch là ông Lưu Tuyết Á, xin hãy ra thông cáo bảo vệ. May được ông Lưu tâm hộ pháp thiết tha, lòng yêu dân sâu đậm, lập tức ra thông cáo ngăn cấm nên mới giữ được chùa.

Nhân sĩ địa phương do nghĩ Phật pháp lý trí cao sâu, lợi ích rộng lớn liền nghĩ đến chuyện Tư Phước là chỗ danh thắng của đất Dĩnh, từ xưa đến nay nhân dân gọi ân đội đức của Phật nhiều khôn kể xiết, chẳng nỡ để mặc cho chùa hoang lương. Do vậy, lại tính chuyện phục hưng.

Hiện thời đã tạo dựng năm gian Niệm Phật Đường, thỉnh pháp sư Bình Sơ tạm thời chủ trì chuyện ấy, tính thỉnh bao nhiêu đó vị sư có giới đức an trụ nơi đó để tu trì Tịnh nghiệp quanh năm. Mồng Một, ngày Rằm mỗi tháng tín sĩ tại gia tụ tập niệm Phật một ngày để giúp cho việc đề xướng. Buổi chiều, sau khi Niệm Phật xong, bất luận là Tăng hay tục đều có thể giảng diễn ý chỉ niệm Phật lớn lao và pháp “ở trong trần lao học đạo, sống nơi rẫy bãi mà báo đền đất nước” cùng với sự “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” và lý “thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để hết thảy mọi người đều biết duyên do “ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật” sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chăm chú mong thành thánh, học thành Phật. Đây chính là pháp môn đại phương tiện “chẳng giữ địa vị mà bảo vệ đất nước, cứu dân, thay đổi phong tục nhưng chẳng lộ dấu vết”. Nguyện dù Tăng hay tục đều cùng gắng công thì lợi ích ấy càng thêm lớn lao vậy.

36. Trình bày về việc quyên mộ in cuốn Quán Thế Âm Bồ Tát Bản Tích Cảm Ứng Tụng

(năm Dân Quốc 14 - 1925, lược đi phần trình bày về biện pháp)

Quán Thế Âm Bồ Tát trong quá khứ đã thành Phật từ lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, chẳng lia Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, trong mười phương vô lượng thế giới tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Phẩm Phổ Môn nói “*nên dùng thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp*”. Tuy là mười phương thế giới không cõi nào chẳng hiện thân, nhưng đối với thế giới Sa Bà nhân duyên rất sâu. Tuy những thân trong mười pháp giới không thân nào chẳng hiện, nhưng người đời thường gọi Ngài là Bồ Tát. Tuy những chỗ Ngài ứng hóa trọn khắp hoàn vũ, nhưng Phổ Đà Sơn tại Chiết Giang là nơi rõ ràng nhất.

Án Quang được hưởng ân thật lớn, đội ân thật sâu. Thoạt đầu xuất gia tại Nam Ngũ Đài Sơn tại Thiểm Tây, tức là đạo tràng nơi đức Quán Âm hiện thân hàng phục rồng độc. Tiếp đó, sống nhờ ở Phổ Đà trong biển Nam, chính là thánh địa nơi Thiện Tài đi về Nam tham học với đức Quán Âm. Thường nghĩ người đời chẳng biết lòng Từ sâu xa, lòng Bi rộng lớn của Bồ Tát, muốn sưu tập từ Đại Tạng và các sách vở, phàm những hạnh nguyện nơi bản địa của Bồ Tát và những sự tích Bồ Tát cảm ứng nơi phương này, soạn thành bài văn ca tụng, lại còn chú thích tường tận, để những người cùng hàng trong cõi đời đều biết tấm lòng đại từ bi của ngài Quán Âm, cũng như thật sự thật lý “tùy loại hiện hình, tâm thanh cứu khổ” ngõ hầu ai nấy sẽ đều cùng trì thánh hiệu, cùng tiêu nghiệp chướng, cùng tăng phước huệ, khi sống thì làm người thân tâm thanh tịnh, thác sẽ dự vào hội của liên trì hải chúng. Dùng những điều này để uồn nắn lòng người, văn hồi kiếp vận, ngõ

hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tuy đã phát cái tâm ấy, nhưng do học thức thiển cận, kém hèn, bút mực vụng về, chất phác, chưa thể tiến hành ngay được!

Khéo sao nhà đại văn học tỉnh Giang Tây là cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh lên núi thăm viếng, vừa gặp nhau đã thành bạn thiết, do vậy bèn đem chuyện này gởi gắm, ông ta liền vui vẻ chấp thuận rồi lắng lòng soạn thuật suốt cả hai năm ròng, viết ra bản Tụng Văn đến hơn hai vạn chữ. Đối với sự tích trong mỗi câu đều chú thích sau mỗi đoạn văn để người đọc vừa xem liền hiểu rõ ngay, tổng cộng gồm ba quyển. Lại sao lục những nghĩa trọng yếu trong kinh, đặt tên là Kinh Chứng (những dẫn chứng trích từ kinh điển) gồm một quyển, ghi kèm vào sau Tụng Văn. Lại còn có Kim Cang Kinh Công Đức Tụng một quyển cũng ghi kèm vào sau để người tụng kinh niệm Phật đều biết phương hướng, cốt sao từ phạm tâm thấy được Phật tâm, thỏa mãn nguyện độ sanh của Như Lai.

Hiện nay, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, thế đạo nhân tâm suy hãm đến cùng cực, riêng nhờ vào cuốn sách này để dẫn đường hòng đẩy lui con sóng cuồng, nâng đỡ thế đạo, cùng lên bậc thánh, cùng chứng Bồ Đề. Nay đã sắp chữ, cho khắc in, nguyện những thiện tín có sức đều cùng bỏ ra tịnh tài ngõ hầu những người cùng hàng trong khắp cõi đời ai nấy đều được gọi từ ân của Quán Âm Bồ Tát, để rồi cùng được đích thân chứng đắc Phật tánh vốn có, viên mãn vô thượng giác đạo, một tấm lòng khăng khăng như thế mà thôi! (phần sau lược đi)

VI. CÂU ĐỐI

Bắt nguồn từ đầu đời Tống, Thục Hậu Chúa Mạnh Sưởng viết câu đối mừng Xuân mới. Từ đây, Tăng - tục đều dùng câu đối để tán tụng công đức, nêu tỏ đạo nhiệm mầu, giải bày những điều ấp ủ trong lòng, hoặc nhờ đó để khuyên nhủ những người cùng hàng. Bộ Văn Thê Pháp Vượng từng chép những câu đối, nay noi theo dấu thom để đối lấy một trận cười.

Án Quang ghi.

1. Câu đối tán dương Phật Thích Ca

a) *Hạ Đâu Suất nhi giáng thân, trụ thế bát thập kỳ niên, linh cứu giới chúng sanh triệt kiến bản lai chân diện mục.*

Đỗ minh tinh nhi ngộ đạo, đàm kinh tam bách dư hội, tử đại thiên Phật tử phục quy nguyên hữu cựu gia hương

(Từ Đâu Suất giáng thân, trụ thế suốt tám mươi năm khiến cả chín giới chúng sanh thấy tốt cùng bản lai chân diện mục.

Thấy sao Mai ngộ đạo, giảng kinh hơn ba trăm hội hòng Phật tử khắp cõi đại thiên trở về lại chốn quê hương sẵn có)

b) *Phật ứng Tây Càn, độ chúng sanh dĩ ngộ chứng Bồ Đề, cố cảm thiên long thường ủng hộ.*

Pháp lưu Đông Độ, khai văn hóa nhi chấn phát lung quý, trí linh hiện trí tận quy tông.

(Phật ứng hiện trời Tây, cứu độ chúng sanh, ngộ chứng Bồ Đề, nên cảm trời - rồng thường ủng hộ.

Pháp truyền sang xứ Đông, mở mang văn hóa, rúng động điếc - đui, khiến cho hiền - trí đều quy ngưỡng)

c) *Tam Hoặc tận nhi nhị tử vong, nhất trần bất lập,*

Ngũ Uẩn không nhi lục căn tịnh, vạn đức viên chương

(Tam Hoặc hết, nhị tử tiêu, mảy trần chẳng lập,

Ngũ Uẩn không, sáu căn sạch, muôn đức trọn bày)

d) *Viên ngộ Tạng tánh, triệt chứng tự tâm, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại*

Từ khởi vô duyên, bi vận đồng thể, ân biến thánh phàm hàm thức trung.

(Viên ngộ Tạng tánh, chứng tột tự tâm, đạo thông trời - đất, vượt khỏi hữu hình,

Khởi vô duyên từ, vận bi đồng thể, ân trùm thánh - phàm, thấu cùng hàm thức).

e) *Ký hữu tình cộng chứng chân thường sẵn tịch diệt tâm, thuyết viên thông pháp,*

Kỳ hàm thức đồng đấng giác ngạn, y nhất thật đạo, khai phương tiện môn.

(Mong hữu tình cùng chứng tâm chân thường sẵn tịch diệt, nói pháp viên thông,

Cầu hàm thức đều lên bốn giác nương đạo nhất thật, mở cửa phương tiện)

f) *Hoa Nghiêm đốn diễn viên tông, độc bị thượng căn, thượng vị tất phù xuất thế độ sanh chi hoàng thế,*

*Hạnh Nguyên đạo quy Cực Lạc, toàn thân cứu giới, phương kham đại
sướng thành đạo lợi vật chi bản hoài.*

(Kinh Hoa Nghiêm giảng tông viên đốn, chỉ thích hợp thượng căn, vẫn
chưa khế hợp hoằng thệ “độ trọn chúng sanh”,

Phẩm Hạnh Nguyên dẫn về Cực Lạc, trọn bao trùm chín giới, mới
kham thỏa bản hoài thành đạo lợi muôn loài)

2. Câu đối tán dương A Di Đà Phật

Mạc nhạ nhất xưng siêu Thập Địa

Tu tri lục tự quát tam thừa

(Chớ ngờ một câu siêu Thập Địa

Phải hay sáu chữ trọn tam thừa)

3. Câu đối tán dương Phật Thích Ca

Hoa biểu viên nhân, hiển Như Lai thành thủy thành chung chi đạo

Nghiêm chương thật quả, thị chúng sanh tâm tác tâm thị chi môn.

(Hoa biểu thị viên nhân, tỏ rõ đạo thành thủy thành chung của Như Lai
Nghiêm trang bày thật quả, chỉ bày môn “tâm làm, tâm là” nơi chúng
sanh).

4. Câu đối tán dương Phật Di Đà

a) Như Lai chứng tế vô phương, quảng độ chúng sanh tu độ ngã

Ngô bối linh bình một ký, bất niệm Di Đà cánh niệm thù?

(Như Lai cứu vớt khôn ngần, muôn rộng độ chúng sanh phải độ ta
trước đã,

Bọn ta lên đên không nơi nương tựa, chẳng niệm Di Đà còn biết niệm ai?)

b) Y hoằng thệ nguyện, kiến chiết nhiếp chi pháp môn, dẫn khăng nhất tâm trì danh, tự nhĩ tiềm phù Thật Tướng, tử tứ thánh lục phàm đồng chứng chân thường, cố đắc cứu giới hàm quy, thập phương cộng tán.

Dĩ đại từ bi, lập yểm hân chi thắng hạnh, nhược năng sơ độ thác chất, hà nan đón nhập Tịch Quang, đạo tam thừa ngũ tánh tề đặng tịnh vực, nhân tư thiên kinh câu xiển, vạn luận quân tuyên.

(Nương thệ nguyện rộng sâu, lập pháp môn chiết - nhiếp, chỉ cần nhất tâm trì danh, từ đây ngầm hợp Thật Tướng, khiến tứ thánh lục phàm cùng chứng chân thường, nên được chín giới đều hướng về, mười phương cùng khen ngợi.

Dùng từ bi rộng lớn, tạo thắng hạnh ưa - chán, nếu được sanh về Sơ Độ, khó gì mau nhập Tịch Quang, dẫn tam thừa ngũ tánh đều lên cõi tịnh, do vậy ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói)

c) Ứng đương phát nguyện, nguyện vãng sanh, khách lộ kê sơn, thiết mạc từng đầu tái quyền luyến.

Tự thị bất quy, quy tiện đắc, cố hương phong nguyệt, trực tu toàn thể tổng thân thừa.

(Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh, núi khe nẻo khách, từ rày thôi quyền luyến.

Tự mình chẳng về, về liền được, gió trăng quê cũ, toàn thể hãy tự vâng)

*d) Thành tựu lục bát đại nguyện, cư Tây Phương dĩ tác Phật, cử Hoa Tạng thế giới chư trang nghiêm viên chương Tịnh Độ,
Mãn niệm cứu phẩm hàm linh, hướng Đông vực nhi thù từ, dẫn Sa Bà quốc trung chúng nam nữ đồng vãng liên bang.*

(Thành tựu bốn mươi tám đại nguyện, làm Phật chốn Tây Phương, toàn thể thế giới Hoa Tạng trang nghiêm trọn phô Tịnh Độ,
Nghĩ thương khắp chín phẩm hàm linh, rủ lòng Từ Đông độ, dẫn khắp cõi nước Sa Bà nam nữ cùng đến liên bang)

e) Xả Tây quy tiếp kính, cứu giới hữu tình thượng hà dĩ viên thành giác đạo?

Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật hạ bất năng phổ lợi quần manh

(Bỏ đường tắt Tây Phương, chín giới hữu tình trên lấy gì để viên thành giác đạo?

Lìa pháp môn Tịnh Độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh)

g) Ngũ trụ nhị chấp, môn quang đốn viên phù tứ đức,

Tam thừa lục đạo, khắc niệm định chứng u Nhất Chân,

(Ngũ trụ nhị chấp, nương quang nhanh chóng viên thành Tứ Đức,
Tam thừa lục đạo, quyết lòng chắc chắn chứng nhập Nhất Chân)

h) Phật nguyện hồng thâm, thập phương cộng tán,

Sanh tâm khẩn đảo, cứu giới đồng quy

(Nguyện đức Phật rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,

Tâm chúng sanh gấp tới, chín giới đều hướng về)

i) *Thọ lượng vô biên, thụ cùng tam tế,*

Quang minh hữu tượng, hoành biến thập phương.

(Thọ lượng không ngần mé, theo chiều dọc tốt cùng ba đời,

Quang minh hiện hình ảnh, theo chiều ngang trọn khắp mười phương)

j) *Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn,*

Lạc bang hữu lộ, khởi tín tức sanh

(Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ,

Cõi vui có nẻo, tin tưởng liền sanh)

k) *Duy kỳ Ngũ Trược đốn không, nhậm tha hương vô nhân phần,*
địa vô nhân tảo,

Thẳng đắc Nhất Chân cộng chứng, tự nhĩ nguyện linh ngã mãn,
tâm linh ngã an

(Chỉ mong mau không Ngũ Trược, nào quản hương không người thấp, đất không người quét,

Nếu được cùng chứng Nhất Chân, từ đây nguyện khiến ta thỏa, tâm khiến ta an)

5. Câu đối tán dương Phật Di Lặc

Bảo các phú thập hư, uyển nhược không hàm vạn tượng,

Phân thân biến trần sát, trực đồng nguyệt ấn thiên giang

(Gác báu rợp mười phương, giống hệt hư không chứa muôn hình tượng,

Phân thân khắp cõi trần, nào khác vàng trắng in bóng ngàn sông)

6. Câu đối tán dương Phật Di Đà

a) *Tế độ vô phương, lân y thể nhất,*

Tân lương vông trắc, mẫn bi mê thâm.

(Tế độ khôn ngần, xót chúng sanh vốn cùng một thể,

Bến bờ nào thấu, thương hữu tình mê muội sâu xa)

b) *Thệ nguyện hoằng thâm, thập phương cộng tán*

Từ bi quảng đại, cứu giới đồng quy

(Thệ nguyện rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,

Từ bi rộng lớn, chín giới đều nương về)

7. Câu đối tán dương ngài Di Lạc

a) *Thản phúc tiểu dung nhiếp hải chúng,*

Phân thân tán ảnh thị thời nhân.

(Bụng rộng mặt cười nhiếp hải chúng,

Phân thân hiện bóng dạy người đời)

b) *Yến tọa đặng nhân lai, dự nhiếp Long Hoa hội lý hữu duyên chi bối*

Phùng cơ dĩ tiểu ứng, viên chương đại đồ bì trung vô sở bất dung

(Ngồi lặng đợi người đến, nhiếp sẵn hạng hữu duyên trong hội Long Hoa,

Gặp căn cơ bèn cười, phô trọn bụng to đùng không gì chẳng chứa)

c) Lâu các môn khai, viên chương pháp giới tu nhân sự,

Từ bi nguyện phổ, dự nhiếp Long Hoa chứng quả nhân

(Cửa lâu các mở, trọn bày sự tu nhân nơi pháp giới,

Từ bi nguyện khắp, nhiếp sẵn người chứng quả hội Long Hoa)

8. Câu đối tán dương đức Quán Âm

Hữu cảm tức thông, thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,

Vô cơ bất bị, vạn lý vô vân vạn lý thiên.

(Có cảm gì liền thông, ngàn sông in bóng nước ngàn trăng,

Không căn nào chẳng ứng, vạn dặm không mây vạn dặm trời)

9. Câu đối tán dương đức Phật

Triệt chứng Nhất Chân pháp giới, Tam Hoặc tận nhi nhị tử vong, đức siêu Thập Địa,

Phổ linh cứu loại thánh phàm, Ngũ Uẩn không nhi lục độ cụ, đạo kế Đại Hùng.

(Chứng tột Nhất Chân pháp giới, Tam Hoặc hết, nhị tử tiêu, đức siêu việt hàng Thập Địa,

Khiến khắp chín loại thánh phàm, Ngũ Uẩn không, lục độ trọn, đạo thừa kế đáng Đại Hùng)

10. Câu đối tán dương Quán Âm Bồ Tát

a) *Nhất trần bất lập, đặ́c chân viên thông, hiện tùy loại trực hình chi thân, tâm thanh cứu khổ,*

Ngũ uẩn giai không, chứng đại tịch diệt, y tức tâm tự tánh chi đạo, thuyết pháp độ sanh.

(Mây trần chẳng lập, đặ́c chân viên thông, tùy loại theo hình hiện thân, tâm thanh cứu khổ,

Ngũ uẩn đều không, chứng đại tịch diệt, nương đạo tự tánh nơi tâm, thuyết pháp độ sanh)

b) *Vân khởi từ môn, mẫn bỉ mê tình bất dị ngộ,*

Ba đấng nguyện hải, lân y Phật tánh liễu vô thù!

(Mây dấy cửa từ, thương lũ mê tình chưa dễ ngộ,

Sóng trào biển nguyện, xót thay Phật tánh khác chi đâu)

c) *Từ bi tâm thiết, tuy cứu khổ dĩ tâm thanh, thường trụ Lăng Nghiêm đại định,*

Dữ bạt tình ân, tủng đậu cơ nhi thuyết pháp, viên chương tịch diệt chân tông.

(Tâm từ bi tha thiết, tuy hay cứu khổ tâm thanh, vẫn thường nhập Lăng Nghiêm đại định,

Lòng cứu vớt ân cần, dẫu thuận căn cơ thuyết pháp, cứ trọn bày tịch diệt chân tông)

d) *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, thuyết pháp độ sanh, thụ cùng tam tế*

Chứng cực nhất thừa thật tướng, tâm thanh cứu khổ, hoành biến thập phương

(Soi thấy năm uẩn đều không, thuyết pháp độ sanh, dọc cùng tột ba đời,
Chứng cực nhất thừa thật tướng, tâm thanh cứu khổ, ngang trọn khắp
mười phương)

e) *Thệ nguyện hoằng thâm, xír xír hiện thân thuyết pháp*

Từ bi quảng đại, thời thời cứu khổ tâm thanh

(Thệ nguyện rộng sâu, chón chón hiện thân thuyết pháp

Từ bi rộng lớn, luôn luôn cứu khổ tâm thanh)

f) *Pháp pháp viên thông, cố danh Tự Tại*

Đầu đầu hợp đạo, nhân hiệu Phổ Môn

(Pháp nào cũng viên thông, cho nên tên Tự Tại,

Chuyện gì thấy hợp đạo, bởi vậy hiệu Phổ Môn)

g) *Từ khởi vô duyên, ân châu thứ loại,*

Bi hưng đồng thể, đạo khai đa môn

(Dấy lòng từ vô duyên, rộng ban ân muôn loại,

Vận lòng bi đồng thể, mở mối đạo nhiều môn)

11. Câu đối tán dương Thế Chí Bồ Tát

a) ***Bốn nguyện bất vi, nhiếp niệm Phật nhân quy Tịnh Độ,***

Phân thân vô lượng, cư Cực Lạc quốc biến thập phương

(Chẳng trái bốn nguyện, nhiếp người niệm Phật sanh về Tịnh Độ,

Phân thân vô lượng, ngự cõi Cực Lạc trọn khắp mười phương)

b) *Đô nhiếp lục căn, hoạch đại tịch diệt,*

Đơn đề nhất niệm, chứng chân viên thông.

(Nhiếp trọn sáu căn, đắc đại tịch diệt,

Chỉ khởi một niệm, chứng chân viên thông)

c) *Dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết,*

Thừa viên thông đạo, quảng độ chúng sanh.

(Dùng trí huệ quang chiếu khắp hết thấy,

Nương viên thông đạo rộng độ chúng sanh)

12. Câu đối tán dương Bồ Tát

Chứng chư Phật bốn diệu giác tâm, từng tư an trụ Tịch Quang,
hưởng chân thường chi pháp lạc,

Mãn chúng sanh mê Như Lai tạng, cố phục hiện thân trần sát, tác
đắc độ chi nhân duyên

(Chứng tâm vốn diệu giác của chư Phật, từ đây an trụ Tịch Quang
hưởng pháp lạc chân thường,

Thương chúng sanh mê tạng tánh Như Lai, nên lại hiện thân trần
sát làm nhân duyên đắc độ)

13. Câu đối đề Phật diện

Minh hiển hàm gia, ân du phụ mẫu

Thánh phạm phổ lợi, đức mại khung thương

(Ngâm lẫn hiển đều gia hộ, ân hơn cha mẹ,

Thánh cùng phàm đều lợi khắp, đức quá trời cao)

14. Câu đối tán dương đức Vi Đà hộ pháp

Bồ Tát hóa thân, phụ chánh tôi tà hoằng thánh giáo,

Đồng chân nhập đạo, an bang hộ quốc, độ quần mê.

(Bồ Tát hóa thân, giúp chánh dẹp tà, hoằng dương thánh giáo,

Đồng chân nhập đạo, yên cõi vững bờ, rộng độ quần mê)

15. Câu đối tán dương Vi Đà Bồ Tát ở Phổ Đà

*Hộ pháp an tăng, tử hữu tình cộng nhập Phổ Môn, mãn Quán Âm
nguyện,*

*Hàng ma chế ngoại, linh hàm thức tề đặng giác ngạn, toại Thiện Thệ
tâm*

(Hộ pháp, giữ yên Tăng chúng, mong hữu tình cùng nhập Phổ Môn,
thỏa tâm đức Quán Âm,

Hàng ma, chế phục ngoại đạo, khiến hàm thức đều lên bờ giác, toại
lòng đấng Thiện Thệ)

16. Câu đối tán dương Thiên Vương ở Phổ Đà

Xi từ vân phổ phú trần hoàn, dĩ thiên vương thân tác Như Lai sứ,

*Kỳ pháp vũ quân triêm sa giới, hiện đại nhân tướng trần viên thông
tràng.*

(Ngóng mây từ che khắp trần hoàn, dùng thân thiên vương làm sứ giả
Như Lai,

Mong mưa pháp thấm đều sa giới, hiện tướng đại nhân trần đạo tràng viên thông)

17. Câu đối tán dương Quan Đế

Hạo khí xung thiên, ngưỡng hiệu nghĩa thiên chi phú tỷ

Tinh trung quán nhật, thường tùy Phật nhật dĩ chiêu chương

(Hạo khí ngút trời cao, kính học Nghĩa Thiên thường che chở,

Tinh trung lòa nhật nguyệt, thường nương Phật nhật rạng phô bày)

18. Câu đối đề Phật điện

Hạnh mãn quả viên, đạo tam thừa dĩ tề thành giác đạo,

Bi thâm nguyện trọng, chứng tứ sanh nhi cộng giới liên bang

(Hạnh mãn quả viên, dẫn tam thừa đều thành giác đạo,

Bi sâu nguyện nặng, độ tứ sanh cùng đến liên bang)

19. Câu đối tán dương tượng Quán Âm được thờ tại giếng Tiên Nhân thuộc Phố Đà

Bi nguyện hoằng thâm, cố từng cá lý dũng cam lộ,

Từ ân hạo đặng, trí sử hoàn khu tận kiệt thành

(Bi nguyện rộng sâu, nên từ chốn này vọt lên cam lộ,

Từ ân lòng lộng, khiến khắp trần gian cạn tắc lòng thành)

20. Câu đối đề tại điện Phật

Giáo diễn Thiên, Viên, thống cửu giới nhi tề độ,

Đức toàn phước huệ, siêu Thập Địa dĩ độc tôn.

(Giáo giảng Thiên, Viên, độ trọn khắp chín giới,

Đức tròn phước huệ, độc tôn hơn Thập Địa)

21. Câu đối tại Trí Tích Điện ở Linh Nham Sơn

Chứng Pháp Hoa nhi lai Linh Sơn, truy tùy Đa Bảo tháp trung Phật

Hiện sắc thân dĩ y Lục đế, mãn niệm Diêm Phù thế thượng nhân

(Để chứng minh pháp hội Pháp Hoa, đến Linh Sơn, theo hầu Phật trong tháp Đa Bảo,

Hiện thân trị bệnh em tể tướng Lục Tượng Tiên, nghĩ thương người đời cõi Diêm Phù)

22. Câu đối tán dương ngài Trí Tích ở Linh Nham

a) *Linh Nham linh tích hữu vĩnh phù, túc hiển luân hồi khoáng viễn,*

Trí Tích trí mưu khả Lục tướng, dụng chương Phật đạo uyên thâm

(Linh Nham dấu thiêng hãy còn vĩnh viễn, đủ rõ luân hồi xa vời,

Trí Tích khôn khéo khơi gợi Lục tướng, nhằm phô Phật đạo thâm sâu)

b) *Thánh đức nan tư, đặc hiện tượng thân thuyết pháp yếu,*

Bi tâm vô ký, vĩnh lưu bốn tự tác bình mông

(Thánh đức khó lường, riêng hiển hiện thân tượng nói pháp yếu,

Bi tâm vô ký, mãi lưu lại chùa này để chở che)

23. Câu đối đề tại Tàng Kinh Các

Như Lai quảng vận từ bi, sóng đằm tam tạng thậm thâm chi diệu điển,

phổ sử chúng sanh khai phát Bồ Đề, tiêu dung hoặc nghiệp, đăng hôn

mê nhi phục thường tịch chiếu, nhiếp quả giác nhi tổng tác nhân tâm,

trực đồng lộ trích thương minh, tiện thị uông dương đại hải, chân đào hóa dục, lợi ích nan danh, ngã bối hân phùng minh hối, cảm bất tốt niên ngọt ngọt, y giáo tu hành, triệt đế cùng nguyên, âm tư nhất vị, tự thử khánh không hậu tế, đạo oán thân dĩ cộng xuất úy đồ, dụng ký ngưỡng thù phù Phật lực.

Hoàng đế bất vong phó chúc, ban bố ngũ thời bí mật chi chân thuyên, tất linh hàm thức văn huân Bát Nhã thanh tịnh căn thân, liễu quái ngại hệ hoạch bốn viên thông, tức phạm tình hệ toàn chương thánh trí, vô dị trần đầu hoa nhạc, đốn thành ngập nghiệp cao sơn, hộ niệm bảo tụy, công huân vãng trắc, ngô sài hạnh ngộ chỉ nam, cố đương chung nhật càn càn, kiệt thành trì tụng, đấng phong tạo cực, quán bỉ thái hư, do tư châu biến thập phương, phù bảo dữ dĩ tế trần đạo ngạn, vĩnh kỳ thượng báo ư quân ân.

(Như Lai rộng mở lòng từ bi, giảng thông suốt diệu điển Tam Tạng rất sâu, khiến khắp chúng sanh khơi mở Bồ Đề, tiêu tan Hoặc nghiệp, gột sạch hôn mê, khôi phục tịch chiếu thường hằng, nhiếp quả giác về trọn nội tâm, hết như giọt sương rơi vào biển thăm bèn thành biển cả minh mông, un đúc trưởng dưỡng, lợi ích khôn nêu, bọn mình mừng gặp giáo huấn rạng ngời, dám chẳng quanh năm miệt mài, y giáo tu hành, thấu đáy tốt nguồn, uống một vị ấy, từ đây rộng toang hậu tế, dẫn oán thân cùng thoát nẻo đường kinh sợ, hòng cung kính đáp đền Phật lực.

Hoàng đế thường chẳng quên phó chúc, ban bố lời chân thuyên năm thời bí mật, hòng mọi hàm thức nghe tập Bát Nhã, thanh tịnh căn thân, trọn không vướng mắc, thấu đạt viên thông vốn sẵn, dùng phạm tình trọn nêu thánh trí, khác gì hạt bụi vun vào Hoa sơn mau thành núi cao

ngắt ngưỡng, hộ niệm chở che, công huân chẳng xiết, lũ ta may gặp
chỉ nam thông tỏ, ắt nên trọn buổi khăng khăng, kiệt thành trì tụng, tới
ngọn lên đỉnh, thấy thái hư kia, do đây trọn khắp mười phương, ôm
giữ mọi loài cùng ta tới bên đạo, mong vĩnh viễn báo đáp ơn vua)

24. Câu đối đề pháp đường

Huệ diệm trùng trùng, thước phá thiên niên chi ám thất,

Pháp nguyên cồn cồn, tư sanh ngũ tánh chi linh miếu

(Lửa huệ trùng trùng, sáng bùng nhà tối ngàn năm,

Nguồn pháp cuộn cuộn, sanh thành mâm thiêng ngũ tánh)

25. Câu đối đề Tàng Kinh Các

*Pháp hải uông dương, thâm thám triệt để chi nguyên, phương khả vị
vô cô Phật hóa,*

*Nghĩa sơn tiêu tẩu, trực thượng tuyệt cao chi đảnh, thử kham vân bất
phụ kỹ linh*

(Biên pháp mênh mông, dò tận đáy nguồn thăm thăm, mới dám bảo
chẳng phụ ơn Phật giáo hóa,

Núi nghĩa vùi vùi, lên thẳng đảnh cao chót vót, mới đáng nói không
phụ bạc tánh mình)

26. Câu đối đề tại Phật điện trong Tàng Kinh Các

Phật quang phổ chiếu thập phương giới

Pháp vũ quân tư ngũ tánh căn

(Phật quang chiếu khắp cõi nước mười phương,

Mưa pháp thấm đều căn cơ ngũ tánh)

27. Câu đối đề Tàng Kinh Các

*Ngũ thời ngôn giáo, phi dị phi đồng, vì Thật thi Quyền, khai Quyền
hiển Thật, hữu như hải dụng bách xuyên, xuyên phó hải,*

*Tam thừa đế lý, tức đa tức nhất, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng quy
tánh, trực tự không hàm vạn tượng, tượng y không.*

(Năm thời ngôn giáo, chẳng khác, chẳng đồng, vì Thật bày Quyền, mở
Quyền hiển Thật, đường biên cả chứa đựng trăm sông, sông xuôi về
biển,

Ba thừa đế lý, vừa nhiều vừa một, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng về
tánh, hết hư không bao hàm muôn tượng, tượng nương hư không)

28. Câu đối đề giảng đường

*Pháp hội hoằng khai, giáo hạnh tịnh tấn, dục đắc thiên cơ phổ dục, lợi
độn tề tu, thị cố lược tư thông đồ, biến sùng đặc biệt, dĩ Hoa Nghiêm
viên mãn Bồ Đề chi diệu nhân duy tại đạo quy Tịnh Độ.*

*Giảng diên đại khái, lý sự song thuyên, nghĩ cầu vạn phái triều tông,
thánh phạm đẳng ích, do tư giản khừ tự lực, chú trọng Phật gia, ký Sa
Bà cụ túc Hoặc nghiệp chi hàm thức, hiện sanh đồng phó liên trì*

(Pháp hội mở rộng, giáo - hạnh cùng tiến, muốn lợi khắp ngàn căn cơ,
lợi - độn đều tu, vì thế, bỏ qua đường chung, trọn đề cao pháp đặc biệt,
bởi diệu nhân viên mãn Bồ Đề trong Hoa Nghiêm chỉ nhằm dẫn về
Tịnh Độ

Giảng tòa khơi lớn, lý - sự cùng giảng, toan cầu trọn muôn phái hướng về, thánh - phàm cùng ích, do vậy, lựa bỏ tự lực, chuyên chú trọng Phật gia hộ, mong hàm thức đầy đầy phiền nghiệp tại Sa Bà, đời này cùng đến liên trì)

(Cậy vào tự lực gọi là pháp môn theo đường lối thông thường, cậy vào Phật lực gọi là pháp môn đặc biệt. Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã khánh thành giảng đường, sai tôi soạn câu đối, do vậy bèn nêu bày tông chỉ)

29. Câu đối tại Niệm Phật Đường

a) *Hà tất vấn thị thù, thử đạo ư kim chiêu nhật nguyệt,*

Đản năng thường hệ niệm, Phật tâm vô xứ bất từ bi

(Cần gì hỏi là ai, đạo này nay đã rạng ngời nhật nguyệt,

Chỉ cần thường hệ niệm, Phật tâm không đâu chẳng từ bi)

b) *Quyết chí cầu sanh, hiệu tích hiền tương thác tựu thác,*

Nhất tâm ức niệm, chí kim nhật nhân vân diệc vân

(Quyết chí cầu sanh, phỏng người hiền thuở xưa đem làm đáp lạc,

Một lòng nghĩ nhớ, tới nay người nói sao ta cũng nói vậy)

c) *Nhân Giới sanh Định, Định - Huệ viên minh Bồ Đề bốn,*

Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiên quán triệt giác đạo thành

(Bởi Giới sanh Định, Định - Huệ viên minh là cội Bồ Đề,

Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiên quán triệt thành tựu giác đạo)

d) *Lực tu Giới Định Huệ Không tác vô ngã kiến,*

Thường niệm Từ Bi Hỷ Xả phương khế Phật tâm.

(Tận lực tu Giới - Định - Huệ - Không sẽ không ngã kiến,
Thường luôn niệm Từ - Bi - Hỷ - Xả mới hợp Phật tâm)

e) *Liễu quân đại sự duy tu tịnh*

Sướng Phật bốn hoài tại vãng sanh

(Xong đại sự của ông chỉ có tu tịnh,

Thỏa bốn hoài của Phật ở nơi vãng sanh)

f) *Tam nghiệp tương ứng, vãng sanh hữu phần,*

Lục căn đô nhiếp, kiến Phật vô nan

(Ba nghiệp tương ứng, vãng sanh có phần,

Sáu căn nhiếp trọn, thấy Phật chẳng khó)

g) *Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, viễn ly điên đảo mộng tưởng,*

Đô nhiếp lục căn tịnh niệm, thượng hợp bốn diệu giác tâm.

(Soi thấy năm uẩn đều không, xa lìa mộng tưởng điên đảo,

Nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm, trên hợp giác tâm vốn màu)

h) *Ngũ uẩn giai không, lục căn câu tịch,*

Nhất trần bất nhiễm, vạn đức viên chường

(Năm uẩn đều không, sáu căn đều lặng,

Mấy trần chẳng nhiễm, muôn đức trọn bày)

30. Câu đối đề Tam Giáo Đường

Nho Thích bốn đồng nguyên, đạo tịnh hành nhi bất bột,

Nội ngoại nguyên nhất thể, lý giao hiển nhi di chường

(Nho - Thích vốn cùng nguồn, hai đạo cùng hành không chống trái,
Trong - ngoài nguyên một thể, lý rọi lẫn nhau thêm rạng ngời)

31. Câu đối đề tháp viện ngài Vĩnh Minh

Tông kính viên chiếu, vạn thiện đồng quy, bốn giáo nghĩa nhi tục huệ mạng,

Pháp Hoa nhất bộ, Phật sự bách bát, chấn đại cơ dĩ cảnh ngu ngoan.

(Tông kính chiếu tròn, vạn thiện đồng quy, bốn giáo nghĩa nối tiếp huệ mạng,

Pháp Hoa một bộ, Phật sự trăm tám, dấy đại cơ nhắc nhở bướng ngu)

32. Câu đối đề Trí Giả Phường

Giáo phán ngũ thời, hóa nghi hóa pháp song thuyên, Linh Thứu thân thừa chư Thiện Thệ,

Phật minh lục tức, tâm tác tâm thị tịnh xiển, Chi Na hoằng đạo vô nhị nhân.

(Phán định giáo pháp gồm năm thời, hóa nghi, hóa pháp cùng giảng, non Linh Thứu đích thân hầu chư Thiện Thệ,

Giải nghĩa chữ Phật bằng lục tức, “tâm làm, tâm là” đều phô, cõi Trung Hoa hoằng đạo chẳng một ai bằng)

33. Câu đối đề Khổng Thánh Điện

Kế vãng khai lai, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,

Tổ Nghiêu thuật Thuấn, ân biến phi tiềm dị loại trung.

(Kế thừa người trước, khơi lối kẻ sau, đạo thông trời đất vượt ngoài hữu hình.

Sùng phụng đạo Nghiêu, noi giữ phép Thuấn, ân trùm bay lặn trọn khắp muôn loài)

34. Câu đối đề Như Ý Liâu

Vạn đức hồng danh thường ỨC NIỆM,

Bách ban huyễn bệnh TỰ TIÊU TRỪ

(Vạn đức hồng danh thường nghĩ nhớ,

Trăm cơn huyễn bệnh tự tiêu trừ)

35. Câu đối đề Địa Tạng Đàn

Hồng nguyện phát thời, sanh môn ĐỘ THOÁT,

Tôn kinh diễn xứ, tội tự TIÊU VONG

(Nguyện lớn phát lên, chúng sanh được độ thoát,

Tôn kinh vừa giảng, tội chướng tự tiêu vong)

36. Câu đối đề Pháp Hoa Đàn

Đại sự nhân duyên, đóa quy Thật Tướng,

Nhất thừa nguyên bản, tại báo thân ân.

(Đại sự nhân duyên, đóa môi quy về Thật Tướng,

Cội nguồn Nhất Thừa tại nơi báo ân mẹ cha)

37. Câu đối đề cửa Tam Quan

a) *Kinh thừa Bắc khuyết, Luật xiển Nam Sơn, tục huệ mạng ư tương lai, trực sử phổ thiên hàm thức đốn minh tịch diệt chân tâm, thụ cùng tam tế*

Đạo kế Tây Càn, tông truyền Đông Chấn, khai Phật tri ư đương niệm, hàm linh pháp giới hữu tình triệt ngộ viên thông diệu tánh, hoành biến thập phương.

(Kinh nương cửa Bắc, Luật hoàng non Nam, nối tiếp huệ mạng tới tận tương lai, khiến hàm thức khắp trời mau tỏ chân tâm tịch diệt, theo chiều dọc cùng tốt ba đời.

Đạo nối trời Tây, tông truyền xứ Đông, mở bày Phật tri kiến nơi đương niệm, khiến hữu tình pháp giới triệt ngộ diệu tánh viên thông, theo chiều ngang trọn khắp mười phương)

b) *Nghệ Bồ Đề tràng, thú tịch diệt điện,*

Đặng viên thông lộ, nhập giải thoát môn.

(Đền Bồ Đề tràng, tới điện tịch diệt,

Lên đường viên thông, vào cửa giải thoát)

38. Câu đối đề vườn rau

Địa trảng thái căn thô, nhân chân quả chánh,

Phân đa gia tử đại, đức hậu phước long

(Đất phì nhiều củ mập, nhân chân quả chánh,

Phân mùn nhiều cà to, đức dày phước thịnh)

39. Câu đối đề sân khấu

a) *Quyền chế bài trường phù giáo hóa*

Xảo thù minh huấn chấn cương thường

(Phương tiện lập sân khấu để giúp giáo hóa,

Khéo léo nêu minh huấn chấn hưng cương thường)

b) *Ngụ bao biếm, biệt thiện ác, khánh ương phước cực, báo bất sáng ư
thục nặc hiền gian, phát quý chân lung, doãn tác thiên thu tảo giám,*

*Phù giáo hóa, chấn cương thường, từ hiếu nhân trung, nghĩa các tận ư
quân thần phụ tử, di phong dịch tục, tuân vi vạn thế điển hình*

(Ngụ ý khen - chê, phân biệt thiện ác, lành dữ, phước xui, quả báo
chẳng sai lành - dữ, hiền - gian, chân động kẻ đui người điếc, xứng
làm gương soi ngàn thu.

Giúp đỡ giáo hóa, chấn chỉnh cương thường, từ hiếu, nhân trung, tiết
nghĩa trọn hết vua - tôi, cha - con, thay đổi nề nếp phong tục, tuân theo
điển hình muôn đời)

c) *Điển hình thị bỉ tương lai, tử cường phu khắc niệm tác thánh,*

Gian du tru ư dĩ vãng, thứ tiêm đức đại phát ư quang

(Nêu bày gương mẫu cho tương lai khiến kẻ cường khắc niệm thành
thánh,

Giết lũ gian nịnh trong quá khứ hòng đức ngấm tỏa rạng ư quang)

40. Câu đối tại cửa Tam Quan am Pháp Như

Pháp đạo ư thâm, trực nhập viên thông diệu cảnh,

Như môn quảng đại, toàn chương tịch chiếu chân tông.

(Pháp đạo thăm sâu, vào thẳng viên thông diệu cảnh,

Như môn rộng lớn, trọn bày tịch chiếu chân tông)

41. Câu đối mừng lễ truyền giới

*Trương giới võng dĩ chấn tông phong, nhị đế viên minh, thành túc
truy tung vãng triết,*

*Bồ từ vân nhi giáng pháp vũ, tam căn phổ bị, doãn kham di phạm
hậu côn.*

(Căng lưới giới để rạng tông phong, nhị đế viên minh, thật đáng
noi dấu hiền nhân thuở trước,

Bủa mây từ hòng tưới mưa pháp, ba căn trọn độ, quả xứng nêu
gương hậu học mai sau)

42. Câu đối về khóa giảng Thiền Lâm Bảo Huấn

Lâm kính tri tâm hoằng bảo huấn,

Quy kim sư cổ chấn thiên lâm

(Soi gương biết thẹn hoằng dương bảo huấn,

Sửa nay noi cổ rạng rỡ thiên lâm

43. Câu đối viếng pháp sư

a) *Dĩ cầu sanh đắc cố hương chi phong nguyệt, sanh bốn vô sanh, vô
sanh nhi sanh, sanh ư vô sanh chi Tịnh Độ*

*Dĩ thị diệt tác hiểm đạo chi đạo sư, diệt thật bất diệt, bất diệt nhi diệt,
diệt ư bất diệt chi uế bang*

(Lấy cầu vãng sanh để được cảnh gió trăng quê cũ, sanh vốn chẳng sanh, vô sanh nhưng lại sanh, sanh về nơi Tịnh Độ vô sanh,

Dùng hiện tịch diệt để làm đạo sư nơi đường hiểm, diệt thật bất diệt, bất diệt mà vẫn diệt, diệt nơi cõi uế chẳng diệt)

b) *Viên mãn Bồ Đề, thường quang hiện xứ huyễn duyên diệt,*

Trang nghiêm Tịnh Độ, bốn hữu triệt thời chân trí sanh.

(Viên mãn Bồ Đề, thường quang hiển hiện, huyễn duyên diệt,

Trang nghiêm Tịnh Độ, bốn hữu tỏ rồi, chân trí sanh)

44. Câu đối mừng thọ năm mươi tuổi

Hiệu Bá Ngọc chi tri phi, ngũ thập niên khiên vu, tùng tư tận sám,

Sư Trọng Ni chi lập mạng, bách thiên thế ý phạm, vĩnh dụng tuân hành

(Phỏng Cừ Bá Ngọc biết sai, tội lỗi suốt năm chục năm, từ đây sám sạch,

Noi Không Trọng Ni lập mạng, hạnh đẹp cả trăm ngàn đời, vĩnh viễn tuân hành)

45. Câu đối viếng vị giảng sư chuyên giảng Lăng Nghiêm

Hội âm nhập giới nhi đầu đầu hợp đạo, số thập niên giáo nghĩa tông phong, đồ thành cảnh ngưỡng,

Mãn căn trần thức nhi pháp pháp quy chân, nhất sát na nhân viên quả mãn, vĩnh tác tân lương

(Gom âm - nhập - giới, chuyện gì cũng đều hợp đạo, mấy chục năm giáo nghĩa tông phong, thật đáng ngưỡng mộ,

Diệt căn - trần - thức, pháp nào tất thấy quy chân, một sát-na nhân tròn
quả mãn, mãi là cầu bến)

46. Câu đối mừng thọ

Kỷ lập, lập nhân, thị danh thượng thọ,

Tri phi, phi đoan, khả vị trưởng niên

(Tự lập, lập người, ấy là thượng thọ,

Biết sai, sai dứt, đáng gọi trưởng niên)

47. Câu đối viếng người tu hành cao tuổi

*Thiền tâm hư tịch, tịnh nghiệp tinh thuần, mong Phật tiếp dẫn dĩ vãng
sinh, bất uổng số thập niên lai cư hải đảo,*

*Đạo mạo oai lẫm, thanh thân trác lạc, linh nhân kính úy nhi cảnh
ngưỡng doãn kham thiên bách thế hậu tác điển hình*

(Tâm thiền trống lặng, tịnh nghiệp tinh thuần, được Phật tiếp dẫn vãng
sinh, chẳng uổng mấy chục năm sống ngoài hải đảo,

Dáng đạo oai nghiêm, lòng thanh siêu việt, khiến người kiêng nể
ngưỡng mộ, đáng cho trăm ngàn đời sau noi gương mẫu)

48. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiên chùa Thiên Đồng

a) *Truy ức niêm đề, ý chỉ chiêu trước, tất linh nhận ảnh cuông đồ tức
thời hoàn đắc bốn đầu, khả thán thiên bất giá niên, trí sử pháp môn
vong chỉ trụ.*

*Mỗi ngâm kệ tụng, thanh vận khanh tương, phổ tử phao gia lẫm tử
trục hạ đốn khai bảo tạng, kham bi sự vị toại chí, cự giao hậu tấn thất
quy thăng*

(Chạnh nhớ niêm đề, ý chỉ rành rành, đều khiến những gã cuồng lằm bóng tức thời nhận biết đầu mình, đáng than thay, trời không cho sống thêm, khiến cho pháp môn mất đi cột trụ,

Thường ngâm kệ tụng, thanh vận réo rắt, khiến khắp bọn lãng tử bỏ nhà lập tức mở ngay kho báu, buồn tiếc vậy, sự nghiệp chưa thỏa chí, đến nỗi hậu học thiếu người uốn nắn)

(Câu đối này người quen biết, pháp tự hay văn bối đều có thể dùng được)

b) *Thập tải trụ Thiên Đồng, hằng dĩ thi ca truyền mật ấn,*

Nhất triều sanh Phật quốc, vĩnh tùy Quán Thế chứng viên thông

(Mười năm trụ Thiên Đồng, thường lấy thi ca truyền mật ấn,

Một hôm sanh nước Phật, mãi theo Quán - Thế chứng viên thông)

49. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiên

a) *Giải đồng tễ nguyệt phong quang, thượng kế Mật Vân chi pháp đạo, phương dục hoằng khai học hội, tiếp dẫn hậu côn, khả liệu cánh sanh Cực Lạc khắc nhân khừ.*

Thi đẳng kim thanh ngọc chấn, vĩnh vi khổ hải chi từ hàng, thượng kỳ thân chứng viên thông, truy tung tiên giác, cấp nghi phục nhập Sa Bà liễu nguyện lai

(Giải hết trăng trong gió mát, kế thừa pháp đạo của Mật Vân, vừa muốn rộng mở học hội tiếp dẫn đàn em, nào ngờ đã sanh về Cực Lạc để thỏa cái nhân

Thơ như vàng gieo ngọc chạm, mãi là thuyền từ trong biển khô, vẫn mong tự chúng viên thông nối gót tiên giác, gấp nên quay trở lại Sa Bà hòng thỏa chí nguyện)

b) *Thống pháp đạo chi thức vi, phúc uân kinh luân, chí đồ khôi phục, viện quan trưởng dĩ tác kim thang, hà ý bán đồ nhi thế,*

Ký tông phong chi phi chấn, tâm huyền tảo giám, khẩu thổ châu ky, xan cức lê dĩ phổ lưu bố, khả vân vĩnh kiếp thường tồn

(Đau vì pháp đạo suy vi, bụng chứa kinh luân, chí mong khôi phục, cậy nhờ quan chức để bảo vệ, nào hay nửa đường khuất bóng,

Mong cho tông phong rạng rỡ, lòng sáng gương trong, miệng phun châu ngọc, gạt trừ gai góc hòng rộng truyền, đáng gọi muôn kiếp thường còn)

50. Câu đối viếng hòa thượng Lưu Vân Quán Nguyệt

Ngưỡng thừa sư chí, sáng kiến thiên lâm, phổ linh tham thỉnh truy lưu đắc dĩ an thân lập mạng, hạnh trị niên cao đức thiệu, thức phạm hậu côn, hà duyên nguyệt lạc thanh thiên thủy đảo hải.

Thượng khẩu đế hôn, khát ban Long tạng, tất sử tông giáo khai sĩ nhân tư đạt bốn cùng nguyên, ký kinh chất tạ thần thiên, thân thị đại giác, đương tất tâm minh lý địa đạo phù không

(Kính vâng chí thầy, tạo dựng thiên lâm, khiến khắp Tăng nhân tham thỉnh nhờ đó an thân lập mạng, may được tuổi cao đức trọng, răn nhắc đàn em, duyên chi trắng khuất trời xanh, nước trôi ra biển?)

Tới gõ cửa khuyết, xin ban Long tạng, khiến mọi khai sĩ Thiên Giáo do đây hiểu nguồn tốt đày, đã đành thân trả hồn đời, hầu hạ Đại Giác, ắt sẽ tâm mờ cõi lý, đạo hợp chân không)

51. Câu đối viếng vị Tăng quen biết sống ở ngôi miếu nhỏ nơi chợ búa

Bản lai diện mục, tức tục hằng chân, phủ hướng bích đàm quán dạ nguyệt,

Tất thế tháo trì, tự thoái thật tấn, đảo kỳ lục tử thượng Lô Sơn,

(Bản lai diện mục, dấu cõi tục vẫn luôn là chân, dõi nhìn đàm biếc xem bóng trăng đêm,

Suốt đời tu dưỡng, tưởng là lùi thật ra luôn tiến, cười ngược chú lừa trèo lên Lô Sơn)

52. Câu đối của ông Tăng viếng vị đại thương gia hộ pháp

Bạch thủ khởi gia, cư triền vi chánh, số thập niên quảng hành từ tế, đại triển kinh luân, vô biên tế thanh tháo cao phong, cự liệu đồ thành phù cảnh ngưỡng.

Xích thành hộ pháp, tức tục tu chân, đương tư thời đốn khí huyễn khu, trực thăng An Dưỡng, tuyệt đối đãi bốn quang thường thọ, tất tương triệt chứng ư duy tâm

(Tay trắng làm nên, sống trong chợ búa cầm quyền, mấy chục năm rộng hành từ tế, rộng mở kinh luân, phong thái cao sạch nào có ngần mé, đâu mong cầu được ngưỡng mộ,

Lòng son hộ pháp, ngay nơi cõi tục tu chân, đúng lúc này chợt bỏ
huyền thân, lên thẳng An Dưỡng, quang minh thọ lượng vốn bất đối
đãi, ắt sẽ triệt chứng duy tâm)

53. Câu đối nhân dịp huyện Định Hải làm lễ tống ôn

*Kinh tuyên bí tạng, tống ôn thần tức quy thiên phủ, khởi đồ nhất áp an
khang, tống thuộc lân bang bất vi hác?*

*Chú tụng chân thuyên, kỳ cát diệu thường chiếu hạ phương, kỳ tích
hạp cảnh phước khánh, kiêm linh thông quốc mộc dung quang.*

(Kinh tuyên bí tạng, tiễn ôn thần về ngay thiên phủ, nào chỉ một áp an
vui, còn thì lân bang chẳng được hưởng nhờ?)

Chú tụng chân thuyên, mong sao lành thường chiếu hạ phương, mong
ban cả vùng phước khánh, kèm thêm cả nước gọi đẫm dung quang)

54. Câu đối tống ôn

Hạ dân bôi giác hợp trần, chí sử thiên tai dĩ kiến cáo,

Đại sĩ tâm thanh cứu khổ, nhân lân quy khốn chi thành cầu.

(Dân đen trái giác hợp trần, đến nỗi thiên tai thường giáng xuống,

Đại Sĩ tâm thanh cứu khổ, do thương tha thiết chí thành cầu)

55. Câu đối phúng điệu ông Tôn Truyền Phương (viết thay)

Tâm khế chân thường, phổ vị oán thân tu thánh đạo,

Thân thường nghiệp trái, hồn vong nhân ngã quy liên bang

(Tâm hợp chân thường, khắp vì oán thân tu thánh đạo,

Thân đền nợ nghiệp, quên phăng nhân ngã về liên bang)

56. Câu đối tổng tiễn thần ôn dịch

Huệ nhật lệ trung thiên, diệt tận ôn dịch chi sương lộ,

Từ vân phú đại địa, tư vinh phước thọ chi căn miếu.

(Huệ nhật rạng giữa trời, trừ sạch sương móc ôn dịch,

Mây từ trùm cõi đất, tốt tươi rễ mầm phước thọ)

57. Câu đối tự khích lệ

a) *Tất tương cách trí thành chánh thố kỹ cung, thị chân hào kiệt,*

Bất dĩ thân tâm tánh mạng trí độ ngoại, nãi đại trượng phu

(Tận lực thực hiện cách trí thành chánh, thật đáng bậc hào kiệt,

Gác bỏ chẳng màng thân tâm tánh mạng, mới xứng đại trượng phu)

b) *Nhữ tương tử khoái niệm Phật, tâm bất chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thượng nan cầu, vật vọng tưởng nhân thiên phước quả,*

Nhữ tương tử khoái niệm Phật, chí nhược chân thành, tiện dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác do phát trụ, định khắc chứng đẳng diệu viên thừa

(Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả phước trời người,

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa đẳng diệu)

c) *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tâm cảnh câu quyên, trực đồng
hạo nguyệt cô viên, quang thốn vạn tượng,*

*Chứng đáo nhất trần bất lập, trí bi song vận, bất dị hạo thiên hạo
đăng, thể phú quần luân*

(Soi thấy năm uẩn đều không, tâm cảnh đều mát, hết như vàng
trắng vàng vạc, ánh sáng rọi trùm muôn vật,

Chứng đến mấy trần chẳng lập, trí bi cùng vận, khác nào mặt trời
rực rỡ, thể tánh che khắp mọi loài)

d) *Niệm Phật phương năng tiêu túc nghiệp,*

Kiệt thành tự khả chuyển phàm tâm

(Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,

Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm)

e) *Bế hộ cự lai nhân, thống niệm tử kỳ tương chí,*

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thâm tâm đạo nghiệp vị thành

(Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành)

f) *Trác lập bất di, thường sư Khổng thánh,*

Hữu phi tất cải, nghi hiệu Cừ hiền

(Kiên quyết chẳng dời, thường tôn thờ Khổng thánh,

Có lỗi bèn sửa, hãy học hạnh Cừ hiền)

g) *Chứng đạo phương năng siêu lục đạo,*

Minh tâm tự khả liễu tam tâm

(Chứng đạo mới hòng siêu lục đạo,

Minh tâm sẽ tự rõ ba tâm)

h) *Đạo nghiệp vị thành, cảm sử thử tâm tán loạn,*

Tử kỳ tương chí, lực từ nhất thiết ứng thù

(Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,

Kỳ chết sắp đến, tận lực từ tạ mọi thù tạc)

i) *Duyệt biển trần hoàn nguyên thị huyễn,*

Nghiên cùng diệu tánh cấp quy chân

(Xem khắp trần gian đều huyễn ảo,

Xét cùng diệu tánh gấp quy chân)

j) *Quả quá vị năng vi ngã hám,*

Cư tâm vô nguy nhậm nhân phi

(Bớt lỗi chưa xong, thường áy náy,

Giữ lòng không dối, mặc người sai)

k) *Tri Phật tánh thường, phấn khắc chứng chí,*

Tư địa ngục khổ, phát Bồ Đề tâm

(Biết Phật tánh thường hằng, quyết chí chứng đắc,

Nghĩ địa ngục khổ não, phát Bồ Đề tâm)

58. Câu đối khi nhàn rồi

a) *Giải hạnh toàn vô, cảm sung thiên diệu,*

Căn thân vị tịnh, miễn hiệu vân ngu

(Giải hạnh trọn không, nào dám như chim trời,

Căn thân chưa tịnh, gắng bắt chước trâu mây)

b) *Vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn*

Sư hiền tâm thật, sư thánh tâm không

(Vì sự học ngày càng tăng thêm, vì đạo ngày càng bỏ bớt,

Nói theo người hiền tâm thành thật, nói bậc thánh tâm rỗng không)

c) *Tuy hữu châu hải kim sơn, bất như tọa tán thử đạo,*

Túng linh phong thiên bách quốc, hà nhược lập vãng Tây Phương

(Tuy có biển ngọc núi vàng, chẳng như tán tu nơi đạo này,

Dẫn cho lên ngôi dựng nước, nào bằng đứng sanh về Tây Phương)

d) *Sự sự lợi nhân, xuất nhĩ phản nhĩ,*

Tâm tâm tỉnh kỷ, niệm tư tại tư

(Chuyện chuyện lợi người, ra từ đâu trở về đó,

Tâm tâm xét mình, niệm nơi này nghĩ tại đây)

e) *Nhất chế phù tâm thành thiết hán,*

Tam giam kỳ khẩu học kim nhân.

(Một phen chế phục tâm, thành gã sắt,

Ba lượt ngâm kín miệng, học người vàng)

59. Câu đối tán dương Phật Dược Sư

Như Lai thệ nguyện hồng thâm, phổ lợi hữu tình, quả năng tâm vô sở

trụ trì hồng danh, tự khả tai biến tiêu tận lục đạo khổ,

Kinh chú oai thần quảng đại, tề tư hàm thức, nhược khăng niệm bất phân trì bả thánh giáo, định nhiên thọ đắc diên cập Lương Túc Tôn

(Nhu Lai thệ nguyện rộng sâu, lợi khắp hữu tình, nếu tâm vô sở trụ trì hồng danh, sẽ tự tiêu sạch tai ương hết khổ lực đạo,

Kinh chú oai thần lớn rộng, giúp trọn hàm thức, nếu chịu niệm chẳng rong ruổi tuân thánh giáo, chắc chắn hưởng tuổi thọ dài như đấng Lương Túc)

60. Câu đối đề pháp đường

Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, nhi vạn đức viên chương, cứu cánh thân chứng phù Thật Tướng

Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại xả tâm, tâm tâm ấn tâm, nhi nhất trần bất lập, triệt để hiển hiện hồ Phật tâm

(Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, muôn đức trọn bày, rốt ráo tự chứng Thật Tướng,

Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại xả tâm, tâm tâm ấn tâm, mảy trần bất lập, triệt để hiển hiện Phật tâm)

61. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Quán Thế Âm hiện chúng thân dĩ thuyết diệu pháp, tùy trần sát cảm, biến trần sát ứng,

Địa Tạng Vương không địa ngục nhi tận sanh giới, hành Như Lai sự, úy Như Lai tâm

(Quán Thế Âm hiện mọi thân để nói pháp mâu, trần sát cảm bèn ứng khắp trần sát,

Địa Tạng Vương trống địa ngục hồng hết sanh giới, làm chuyện Như Lai thỏa tâm Như Lai)

62. Câu đối chúc mừng Công Đức Lâm

Nhục thực nhãn tâm chiêu kiếp vận,

Tổ xan thiện niệm trí thái bình

(Ăn thịt nhãn tâm chuốc kiếp vận,

Dùng chay thiện niệm dẫn thái bình)

63. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Biến pháp giới tâm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, thủ thối Phổ Môn đại sĩ,

Cử minh dương hưng từ vận bi, thường thời thù thủ, mặc quá Địa Tạng nguyện vương

(Khấp pháp giới tâm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, phải nhường Phổ Môn đại sĩ,

Trọn âm dương hưng từ vận bi, thường luôn xòe tay, ai hơn Địa Tạng nguyện vương)

64. Câu đối chúc mừng Công Đức Lâm

Thế càn phụ khôn mẫu chi tâm, vĩnh trừ nhục thực,

Tồn dân bào vật dữ chi niệm, đặc bị tổ xan

(Thấu hiểu lòng cha trời mẹ đất, vĩnh viễn thôi ăn thịt,

Vâng giữ niệm dân bào vật dữ, riêng sắp đặt món chay)

65. Câu đối tán dương đức Địa Tạng

*Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ Đề, miễn dữ lạc bặt khổ chi tâm,
cộng tam tế thập hư nhi mạc ký,*

*Địa ngục dĩ không, thí thị thành Phật, tố hưng từ vận bi chi niệm, cử
ngũ thừa cứu giới nhi vô di*

(Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ Đề, tưởng tám lòng ban vui dẹp
khổ, khắp ba đời mười phương vẫn chưa trọn,

Địa ngục không rồi, mới hiện thành Phật, nghĩ đầy niệm hưng từ vận
bi, cả năm thừa chín giới đều chẳng sót)

66. Câu đối về các pháp sâu thẳm như biển

*Phật nguyện hồng thâm, phổ bị tam căn, nhân tu cứu giới đồng quy,
thập phương cộng tán,*

*Pháp môn quảng đại, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn
luận quân tuyên*

(Phật nguyện rộng sâu, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng nương
về, mười phương cùng khen ngợi,

Pháp môn bao la, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển
dương, muôn luận đều tuyên nói)

67. Câu đối giải thích đích xác ý nghĩa từ ngữ “cách vật trí tri”

Cách trừ huyễn vọng tư dục vật,

Trí hiển trung dung bình di tri

(Trừ khử vật tư dục huyễn vọng,

Thấu tốt luân thường giữ trung dung)

68. Câu đối về ăn chay niệm Phật

*Miễn Như Lai mãn niệm thù ân, thường trì hồng danh, ký lịch kiếp tội
khiên do tư tức diệt,*

*Quán thế nhân nhai xải tất báo, vĩnh đoạn nhục thực, dĩ sát thân oán
hận quyết định nan tiêu*

(Nghĩ đến ân đức Như Lai sâu xa thương tưởng, thường trì hồng danh
hòng diệt ngay tội khiên bao kiếp,

Ngó thấy quả báo người đời chớp mắt phải chịu, quyết không ăn thịt
để giải trừ hận giết khó tiêu)

69. Câu đối đề chỗ ăn chay

Thôi ngô nhân ó tử chi tâm, xảo hành cứu tế,

Thế thiên địa hiếu sanh chi đức, vĩnh giới tàn thương

(Suy lòng lữ ta sợ chết, khéo hành cứu tế,

Hiểu đức trời đất hiếu sanh, mãi kiêng sát thương)

70. Câu đối về ăn chay niệm Phật

Khẩu phúc ngộ nhân, xuất nhĩ phản nhĩ kết oán đối,

Phật danh tế thế, niệm tư tại tư dự thánh lưu

(Miệng bụng làm người, từ đâu ra trở về đó, kết oán thù,

Phật danh cứu đời, niệm từ đâu, nghĩ tại đây, dự dòng thánh)

VII. PHỤ LỤC

Cổ nhân nói: “*Bá Di, Thúc Tề tuy hiền, nhưng do được Phu Tử nhắc đến mà thêm nổi tiếng; Nhan Uyên tuy chăm học, nhưng do bám vào đuôi ngựa Ký mà hạnh thêm rạng*”, Đức Sâm khổ não khôn xiết, hạnh lẫn học đều thiếu, nếu không được Ân lão nhân nhiếp thọ, nâng đỡ, quả thật chẳng biết sẽ đặt chân nơi đâu, huống là bàn đến những chuyện chi khác! Mà cũng là nhờ các vị Tăng - tục để lọt mắt xanh thương xót, chứ nào phải chỉ riêng mình lão nhân gia bị mà được như thế! Ngẫu nhiên có ghi chép, viết lách thì quê kệch, không ra hồn, lời lẽ thiếu thứ tự, nào kham lưu truyền trong cõi đời kéo gai mắt nhả của người khác! Nhưng do cư sĩ Tra Tân Thần gửi thư thuật tình huống sanh Tây của cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, lão nhân liền gửi thư bảo Đức Sâm ghi thuật chuyện ấy để đính kèm vào cuối bộ Văn Sao Tục Biên. Do vậy, tuân theo mạng lệnh ấy, ghi lại đôi lời về những sự thật, tình hình rõ ràng liên quan đến pháp yếu để tạo thành phần Phụ Lục, rồi trình lên lão nhân giám định đã được Ngài chấp thuận mới dám bám vào đuôi ngựa Ký để nhờ đó được lưu truyền rộng rãi. Nếu nói muốn nói gót lão nhân hoàng tuyên pháp đạo thì tôi chẳng dám, chỉ là nương từ quang của lão nhân ngõ hầu những sự thực được ghi chép sẽ truyền bá xa gần khiến cho người ta tin ngay chẳng ngờ mà thôi!

Khổ Não tỳ-kheo Đức Sâm kính cẩn viết.

1. Niệm Phật nhiếp tâm kệ

(sao chép theo bài viết trên vách Vân Thủy Đường)

Sách A Di Đà Kinh Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích có câu: “*Nếu tín nguyện kiên cố thì lâm chung dù mười niệm hay một niệm cũng chắc chắn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dù trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tấp chẳng ướt, hết như tường bạc vách sắt cũng không lẽ nào được vãng sanh!*” Tổ sư cực lực nói toạc ra như thế, chính là lời thành thật phun gan nhả mật, mổ tim vẩy máu dành cho bọn người dùng trì danh để đè nén vọng tưởng chẳng biết cầu sanh vậy; kẻ tu tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Nhưng bọn ta đã biết sanh lòng tin phát nguyện quyết định cầu sanh, hiềm rằng vọng tưởng toại bời, miệng tuy niệm Phật, tâm hoàn toàn mê muội, tán loạn, đây cũng là điều chướng ngại vãng sanh. Nếu giống như Sâm là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, độn căn tệ nhất thì dẫu tuân chiếu theo mấy phương cách tốt lành của tiền nhân vẫn cảm thấy tổn sức mà khó thể chế ngự tâm vào một chỗ.

Ở đây, tôi sao chép bài kệ Nhiếp Tâm Niệm Phật của Vân Thủy Tăng viết trên vách để dường như khơi gợi những gì tiền nhân chưa khơi gợi. Dùng cách ấy để điều phục thân tâm, quả thật so ra hữu hiệu hơn những phương cách khác. Hướng chi niệm niệm còn nghĩ đến hoa sen, tức là an tâm nơi cảnh thù thắng cõi Tây Phương, tự nhiên sẽ có ích cho tịnh hạnh, trọn chẳng có điều tệ nào, chẳng suy tính mà ngầm hợp với pháp “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” của đức Thế Chí, đem trình lên, có lẽ Ấn công lão nhân cũng khen ngợi là tuyệt hay. Vì thế, dám đem chép kèm

vào đây để những Tịnh nghiệp hành nhân độn căn hèn kém như
Sâm nương theo tu tập, kệ rằng:

*Nếu hỏi pháp Niệm Phật,
Nhiếp tâm tự có cách,
Niệm mỗi một câu Phật,
Miệng tỏa hương hoa sen,
Do tâm ta thanh tịnh,
Nên có mùi hương này,
Hoa từ miệng thoát ra,
Đóa đóa về trời Tây
Mỗi câu Phật, một đóa,
Có màu và quang minh,
Niệm Phật hiệu câu đầu,
Hoa xanh, tỏa ánh xanh,
Niệm Phật hiệu câu kế,
Hoa vàng, tỏa ánh vàng,
Niệm Phật đến câu ba
Hoa đỏ, tỏa ánh đỏ,
Niệm Phật hiệu câu bốn
Hoa trắng, tỏa ánh trắng,
 Xoay vần tưởng như thế,*

Niệm niệm chẳng hề quên

Chẳng cần phải nhớ số,

Chỉ tưởng sắc, hương, quang,

Nếu tâm chẳng tán loạn,

Quyết thấy Đại Nguyên Vương

2. Bài ký và bài tụng về chuyện cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh vãng sanh

Cư sĩ tên là Nghiệp Hốt, người huyện Bành Trạch tỉnh Giang Tây, làm quan Hàn Lâm năm Giáp Thìn (1904) đời Quang Tự nhà Thanh, làm quan tám năm, sau khi quang phục (Trung Hoa Dân Quốc thành lập) liền ẩn cư. Năm Dân Quốc thứ hai (1912), hướng lòng học Phật, đốc chí nơi Tịnh Độ. Tiếp đó, đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, liền biết lão nhân là bậc long tượng trong pháp môn, thật đúng là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong Tịnh tông. Rồi biết Quán Âm đại sĩ chính là vị phù tá bên trái Phật Di Đà, là bậc hướng dẫn trí tuệ của cõi sen, liền khởi ý niệm triều bái Phổ Đà, lễ Đại Sĩ, yết kiến cụ Ấn.

Năm Dân Quốc 11 (1922) đi triều bái, lễ bái, chiêm ngưỡng xong, đem bài Sớ Lễ Quán Âm đã soạn trình lên (toàn văn bài sớ này được chép ở đầu cuốn Quán Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng), trong ấy có câu “*thực Đình Chương chi vu, khắc nhật Tây hành*” (ăn khoai Đình Chương, hẹn ngày về Tây) lão nhân liền nghĩ ông ta còn chưa thôi ăn mặn, bèn hỏi: “Ông đã ăn chay hay chưa?” Đáp: “Ăn chay theo kỳ”. Lão nhân nghiêm mặt quở trách: “Thật là tệ! Bậc đại thông gia như vậy mà vẫn chưa lấy thân làm gương ăn chay thì làm sao cảm hóa được người khác?” Lớn tiếng quát to, cư sĩ vui vẻ ứng chịu, chẳng

những không một mảy may nào trái ý, mà thật ra tâm còn vui sướng thành thật khâm phục. Hôm sau, dâng thư xin lão nhân tiếp tục biên tập Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tự nguyện sẽ giúp cho thành tựu. Gặp mặt nhận lời quở trách từ bi mà biểu lộ muôn phần cảm kích, đáng khen “danh chẳng hư truyền!” Lão nhân thấy cư sĩ tri kiến thuần chánh, văn bút siêu diệu, đúng là lòng rộng rang như hang núi, thật hiếm có trong đời Mạt, bèn thỉnh cư sĩ biên tập Quán Thế Âm Bồ Tát Bốn Tích Cảm Ứng Tụng.

Từ đây thư từ qua lại càng thêm mật thiết, nhưng vẫn giữ lễ đệ tử, xin được quy y với lão nhân, ban cho pháp danh. Lão nhân bèn đặt pháp danh là Chỉ Tịnh. Năm Dân Quốc 16, 17 (1927-1928), ty nạn tại Thượng Hải, cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh ông Hứa biên tập bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Hai cuốn sách ấy lần lượt được lưu truyền, phàm những vị Tăng - tục có chánh tri kiến đều khen là Phật lý cao sâu, văn học tinh túy. Lão cư sĩ Phan Đối Phù lại thỉnh ông Hứa biên soạn Phật Học Cứu Kiếp Biên. Ba cuốn sách soạn xong đều được Ấn lão nhân lo liệu ấn hành, ngay cả việc ấn hành Sơn Chí của tứ đại danh sơn, cư sĩ cũng đều góp sức, trong lời tựa những bộ Sơn Chí ấy lão nhân cũng đã thuật đại khái. Năm Dân Quốc 25 (1936), tại chùa Báo Quốc, cư sĩ lại cầu lão nhân đích thân truyền Bồ Tát giới (do trước kia vâng theo lời lão nhân dạy đã tự thọ giới trước đức Phật).

Cư sĩ tuy có học vấn đạo đức người khác khó thể sánh kịp, nhưng tâm lòng rộng rang, khiêm tốn, gặp Tăng ắt vái chào, thấy Phật ắt lễ, toàn thân buông xuống, nghiêm ngặt giữ thân phận hàng tại gia bạch y làm đệ tử quy y Tam Bảo, chẳng tư hào kiêu căng, ngạo mạn, thật là

chuyện người hiện thời khó thể làm được! Hơn nữa, tuy pháp nào cũng dung thông, nhưng tu trì cẩn trọng lại hoàn toàn giống như ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tây Phương chẳng mấy may đôi đời! May được Tam Bảo gia bị, túc nghiệp lẫn tịnh hạnh đều cảm vời, chuyển quả báo nặng “ắt phải đời đời kiếp kiếp đọa lạc tam đồ” trong đời sau do ác nghiệp “sát sanh ăn thịt, náo hại chúng sanh trong thuở trước” thành báo nhẹ trong hiện tại để liễu thoát ngay trong đời này, nhanh chóng về Tây Phương. Vì thế, trong nhiều năm gần đây, cư sĩ thường bị bệnh khổ (xin hãy coi tiểu sử hai vị cổ đức là Giới Hiền và Huyền Trang sẽ tự tin tưởng lời nói này chẳng hư vọng).

Do Sâm thường hầu cụ Án, lại có tình đồng hương với cư sĩ, mỗi khi ít việc thường thông tin cho nhau, nên biết khá tường tận, nay chỉ trình bày những chuyện chánh yếu, còn đối với hết thảy những chuyện nhỏ nhặt như công khóa nhất định mỗi ngày, tinh tấn tu trì, và kiêm hành điều lành thế gian, cạn hết lòng thành duy trì, hộ trì Tam Bảo đều chẳng rảnh rang để viết đầy đủ được.

Đến tháng Năm năm Dân Quốc 27 (1938), cư sĩ ty nạn tại chùa Hoàng Long trên ngọn Cỏ Lành, Lô Sơn, lại mắc bệnh nặng. Đến tháng Bảy nhuận, bệnh đỡ hơn một chút, nhưng vẫn nằm bẹp, không thể cầm bút được, bèn đọc thư, bảo cháu ngoại viết thay, thuật diễn biến bệnh tình và thuật những ý như “từ nay trở đi gấp cầu giải thoát, sớm được sanh về Tây, nhưng nghĩ Cửu Hoa Sơn Chí chưa xong, nếu như chưa vãng sanh ngay, mong sẽ đọc trước cho lẹ” v.v... Sâm nghĩ cụ đã suy yếu đến mức ấy, biết cụ sẽ chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong cõi người nữa. Tháng Mười, nhận được thư của thầy Phước Hải

gởi đến, biết cụ đã về Tây. Khi ấy, cụ thọ sáu mươi ba tuổi. Đến năm Dân Quốc 28 (1939), cư sĩ Tra Tân Thần sao lại lá thư của một vị cư sĩ sống cùng chùa là cư sĩ Diêu Bán Tăng viết cho anh ông ta (anh ông ta là Diêu Tiết Khanh, là môn sinh của cư sĩ) đem gởi cho Sâm, nhờ đây biết tường tận tình hình Hứa cư sĩ sanh Tây.

Thư nói: Ngày mồng Một tháng Chín (chỉ ngày tháng Âm Lịch của năm 1938), gọi em đến trước giường dặn dò hậu sự, tiếp đó, mỉm cười nói: “Sáng nay mộng thấy Phật đến, khắp thân là chuỗi ngọc, tướng hảo, quang minh, hướng về tôi bảo: ‘Ta đến gặp ông’, tôi liền lễ bái, trong khoảnh khắc liền tỉnh giấc, chẳng phải là đức Thế Tôn từ bi, riêng đến an ủi tôi hay sao? Nếu lại được Ngài thị hiện tiếp dẫn khiến cho tôi được đời nghiệp vãng sanh thì may mắn quá!” Nói xong, liền chắp tay nói: “Hẹn gặp lại ở Tây Phương”, từ đấy, không còn nói năng gì nữa, chỉ chuyên tâm thâm niệm Phật hiệu, đến bảy giờ sáng ngày mồng Ba, an tường về Tây. Toàn thân lạnh hết, chỉ còn mình đánh đầu vẫn ấm.

Lúc nhập khám, toàn thân mềm mại như bông, nghiêm nhiên giống như vị lão Tăng nhập định, sắc mặt tươi nhuận hơn lúc còn sống. Đúng là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiên Định. Tăng - tục thấy nghe khởi lòng kính nể sâu xa, khen là hy hữu. Giữ lại chùa niệm Phật bảy ngày theo đúng Luật hỏa thiêu, tro xương vẫn giữ tại chùa Hoàng Long.

Sâm nói: “Do nhân như thế mà cảm được quả như thế, được như sở nguyện, mãn Bồ Đề nguyện, nguyện người thấy nghe phát Bồ Đề tâm cùng niệm Phật hiệu, cùng sanh Tây Phương, tương lai trong ao bảy

báu sẽ được kê vai với cư sĩ cùng đi, cùng là đệ tử của Phật Di Đà, nghe pháp chứng Vô Sanh nhãn, cùng độ chúng sanh Sa Bà”. Nhằm mãn nguyện của cư sĩ nên soạn bài ký, lại còn nói bài tụng rằng:

Than ôi Tịnh công! Bạc kim thang cho pháp môn, đủ chánh tri kiến, an phận thủ thường, nghiên cứu khắp kinh tạng, thâm nhập chỗ thăm sâu của Phật, tỏ, thị hiện thân phận bạch y, giữ vững biên cương Kỳ Viên, thường than cuối đời Mạt, Tăng - tục phần nhiều thiếu sót bổn phận, tận lực đề xướng liên xã, ắt phải cậy Tăng già nêu kỷ cương, Tông lãn thuyết đều thông, đáng xưng là bậc ngoại hộ vây cánh, giữ cho tăng sống yên, bảo vệ đạo pháp, thật đáng khen là bậc long tượng vô song.

Pháp nào cũng viên dung, nhưng chỉ giữ mỗi giáo pháp Tịnh Độ khế cơ khế lý. Môn nào cũng thấu đạt thông suốt, chỉ thẳng tới cõi Cực Lạc dễ hành, dễ đạt. Nay đã đưa chín, cuống rơi, quả thật được Tây Phương giáo chủ tiếp dẫn, càng mong mau chứng vô sanh, chẳng trái bổn nguyện, liền trở lại Sa Bà, hộ trì Tam Bảo, làm thuyền Từ phổ độ chúng sanh.

3. So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm

Cư sĩ Lưu Hiểu Ngu tên là Cảnh Liệt, người huyện Cám tỉnh Giang Tây, thuở trẻ du học Đông Doanh (Nhật Bản), là bạn học với ông Thái Tùng Pha v.v... Sau khi quang phục, từng làm Nghị Viên Quốc Hội khóa đầu tiên. Năm Dân Quốc thứ sáu, thứ bảy (1917-1918), đảm nhiệm chức Ty Trưởng ty Chức Phương. Do người anh họ là cư sĩ Hảo Ngu, tên ngoài đời là Cảnh Hy, vốn là một thân sĩ tiếng tăm ở Cám

Châu rất tôn sùng Phật học; cho nên từ thuở bé, đối với pháp môn cư sĩ cũng chịu hộ trì. Ngôi chùa cổ Thọ Lượng trong thành bị bỏ hoang, sụp nát từ lâu. Đầu thời Dân Quốc, người dân trong vùng tính mượn danh nghĩa lập trường tiểu học cho quốc dân để che đậy ý đồ chiếm hết cả chùa, chiếm đóng nơi ấy. Về sau, do cư sĩ phát khởi, thỉnh hòa thượng Đại Xuân kiêm nhiệm Trụ Trì, giúp sức bảo vệ. Đến năm Dân Quốc thứ tám, thứ chín (1919-1920), nhà chùa cùng trường học dính vào chuyện thừa kiện, đều do cư sĩ đức cao trọng vọng mà một người xướng, trăm người hòa, ngã rạp theo gió, phàm những vị chánh sĩ thuộc các giới thân sĩ, thương nhân, giáo dục ở địa phương đều nhất trí chủ trương công đạo, dời nhà trường khỏi chùa, bảo toàn được cơ sở nhà chùa và chuộc lại chùng đó ruộng cho cấy rẽ.

Đến năm Dân Quốc 22 (1933), chánh quyền địa phương phóng đường cái, nhà chùa nằm ngay trên tuyến đường được quy định thiết lập đại lộ, hai bên đều biến thành trang trại nhỏ, họ tính phá sạch cả chùa, muôn phần không còn cách gì bảo tồn được nữa! Hàng Tăng - tục đã đến chỗ sơn cùng thủy tận rồi, biết Sâm khi xưa đã từng phụ giúp hòa thượng Đại Xuân, có mối nhân duyên với chùa ấy; khi đó, Sâm đang hầu hạ cụ Ân tại đất Tô, ắt sẽ quen biết vị hộ pháp có thể lực, họ bèn gửi thư xin lập phương cách cứu vãn.

Khéo sao, cư sĩ cũng do tỵ nạn mà đến đất Tô, đã quy y với Ân lão pháp sư, ăn chay theo kỳ, tu Tịnh nghiệp, pháp danh là Đức Thành. Sâm vì tạo dựng tượng Đại Sĩ bằng sắt cao hai mươi thước mà bôn tẩu hô hào, nhà chùa được giữ nguyên vẹn; tiến hơn một mức nữa là lại được trùng hưng cũng nhờ công sức cư sĩ giúp đỡ không ít. Đến năm

Dân Quốc 25 (1936), cư sĩ trở về quê, chuyện duy trì nhà chùa càng nhờ cậy cư sĩ nhiều hơn, nhưng do việc công chuyện tư bề bận, tuy đã phát tín tâm, nhưng khó chuyên thực hành được. Mỗi ngày bắt quá thực hiện công khóa chốc lát, tùy duyên tu tập mà thôi!

Đến cuối Thu năm Dân Quốc 27 (1938), do sát nghiệp trong đời trước đời này chiêu cảm, lại bị bệnh nặng (khi chưa quy y Phật, cư sĩ thích bẫy chim lưới cá, sát hại rất nhiều sanh mạng. Năm Dân Quốc mười mấy, từng bị chứng Đói Khẩu Sang, bệnh tình rất nguy hiểm, đau khổ cùng cực, bèn phát nguyện đoạn trừ thói quen xấu ác ấy. Do niệm Quán Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, chợt nghe trên hư không tỏa hương, bệnh tình dần dần được bình phục), dây dưa lâu ngày, đau khổ khó kham, sai con là Phát Trang đem món tiền mấy trăm đồng, cậy Sâm cúng dường cho cụ Ấn và làm công đức thay cho mình. Sâm lo liệu xong, viết thư phúc đáp khuyên cư sĩ nên ăn chay trường; nghe nói đến cuối năm cư sĩ mới thực hành chuyện thôi ăn mặn. Cho đến tháng Ba năm Dân Quốc 28 (1939), bệnh tình ngày càng thêm nặng. May nhờ thầy tiếp, dâu, con đều là đệ tử quy y với cụ Ấn, đều biết trợ niệm lúc lâm chung là chuyện khẩn yếu, bèn trong ngày Mười Bảy thỉnh hai vị Tăng ở chùa Thọ Lượng đến trợ niệm.

Niệm đến sáng ngày Mười Chín, cư sĩ tự biết sắp từ biệt trần thế, sai khiêng ra trước sân để đôi không khí, gọi anh em dặn dò hậu sự, bảo người con cả là Phát Trang quỳ nghe di chúc. Nói xong, mọi người thấy sắc mặt cư sĩ rất lạ, bèn khiêng trở vào phòng ngủ. Hai vị Tăng và người nhà đồng thanh niệm Phật hiệu để trợ niệm. Phát Trang kính cẩn nâng tượng A Di Đà Phật tiếp dẫn, thỉnh cư sĩ hãy nhìn xem.

Do lúc mới phát bệnh ngặt thì vẫn là chứng bệnh ở phía ngoài cổ (tức chứng Đối Khẩu Sang tái phát) khiến cho tay trái rũ xuống mấy tháng không thể giở lên được; chính đang lúc hấp hối vừa thấy tượng Phật, tay trái chợt hoạt động như thường, giơ lên chấp tay, liền tỏ vẻ hoan hỷ hơn hở, niệm gấp A Di Đà Phật. Lúc ấy, chẳng có mảy may đau khổ nào, an tường qua đời giữa tiếng niệm Phật của mọi người, thọ được sáu mươi một tuổi, nhằm ngày Mười Chín tháng Ba năm Kỷ Mão (1939) Âm lịch.

Cư sĩ bệnh nặng mấy tháng, đau khổ khó kham, quả thật là báo nặng trong đời sau do não hại chúng sanh đã chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời, đến khi lâm chung có được tướng lành ấy, có thể nói là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiên Định, chắc chắn sanh về Tây Phương không còn ngờ gì nữa! Việc ma chay, đãi khách nhất nhất đều tuân theo lời cụ Án đã dạy trong thư: Nhất loạt dùng cỗ chay, mở ra đầu mỗi đầu tiên theo đường lối Phật hóa ở miền Nam Cấm Châu. Thiện lợi như vậy tuy do chính thiện căn của chính cư sĩ chín muồi, nhưng quyền thuộc giúp sức đúng pháp khéo trợ niệm vào lúc lâm chung cho nên cũng thật sự là một trợ duyên rất lớn. Vì thế, cuối cùng, tôi mong tứ chúng Phật tử hãy sớm chú ý điều này.

Bà Đình nhà họ Lý, pháp danh Đức Hoằng, từng làm vợ cả ông Lý X... ở Dương Châu. Do chồng đã cưới vợ lẽ mà bà lại chưa từng sanh nở, khó sống yên trong nhà chồng được, bèn đến sống nhờ nơi mẹ kế là cư sĩ Đình Đức Nguyên. Bà mẹ kế cũng coi bà Đình như con ruột, nâng đỡ lẫn nhau, quây quần bên nhau gần suốt hai mươi năm mà

giống hệt như một ngày. Năm Dân Quốc 17 (1928) ở tại đất Thân (Thượng Hải), do thân hữu dẫn đến gặp Ấn lão pháp sư, bèn cùng nhau cầu khẩn xin được nhiếp thọ, quy y, xin ban pháp danh. Lão nhân cũng nghĩ tới lòng họ thành khẩn bèn từ bi chấp thuận, và ghi cho pháp danh là Đức Nguyên, Đức Hoằng.

Từ đấy, ăn chay trường, thờ Phật, tu trì nghiêm cẩn, mẹ con nương tựa nhau, chuyển thành pháp tử. Đau đáu nghĩ tục duyên bạc phước, quyền thuộc thừa thốt, nay gặp Tịnh tông là cha mẹ tốt lành hướng dẫn xuất thế, được nương tựa nơi thầy, cũng là may mắn muôn vàn. Do vậy, đối với lão nhân tâm hiếu kính mười phần chân thật, thiết tha.

Luận về sự tin tưởng, tu trì thường ngày thì hết thấy mọi mặt cư sĩ Lý Đình Đức Hoằng đều trội hơn Lưu cư sĩ, chỉ hận túc nghiệp ngăn chướng, nhân duyên khiếm khuyết! Mùa Hạ năm Dân Quốc 27 (1938), thấy Vũ Hán sắp lâm vào cảnh vây hãm, nguy ngập, bèn từ Hương Cảng đến tỵ nạn tạm thời tại đất Hồ (Thượng Hải). Do giá nhà quá cao, thuê mướn chẳng dễ dàng, bèn ở tại khách sạn, vừa quá tốn kém vừa quá bất tiện. Cụ Chân Đạt chùa Thái Bình biết mẹ con bà tin Phật chân thật, thiết tha, trong lúc đại kiếp này lên đên không nơi nương tựa, quyền thuộc điều hui, thật đáng thương xót, nên trong chùa có lập một tịnh thất cho năm người già trẻ cùng sống.

Đến đầu tháng Ba năm Dân Quốc 28 (1939), Lý cư sĩ đột nhiên mắc bệnh thương hàn, dây dưa tới tháng Tư thuốc men không công hiệu, bệnh tình ngày càng nặng thêm, trong chùa Phật sự bề

bộn, phòng ốc lại ít, nếu chết tại chùa không cách chi xếp đặt ổn thỏa được, bắt buộc dĩ phải đưa vào bệnh viện. Quy định của bệnh viện là phải theo quy cách Tây Phương, việc trợ niệm lúc lâm chung muôn phần khó thể thực hiện được. Nhập viện hai ba ngày, những người biết Phật pháp chẳng thể đến thăm được, cư sĩ bèn chết hờ hờ tại bệnh viện vào sáng ngày Mười Tám tháng Tư, thọ năm mươi tuổi.

Người có tín tâm tu trì như thế nếu lâm chung được trợ niệm đúng pháp, sẽ hiện tướng lành vãng sanh chẳng kém cư sĩ Lưu Hiểu Ngu; nhưng vì cơ duyên bị trở ngại, hoàn toàn chẳng được hưởng lợi ích do trợ niệm, đến nỗi tín tâm hằng ngày chẳng thể thọ dụng được trong đời này, chỉ thành nhân duyên đặc độ trong vị lai, thật đáng tiếc quá! So sánh những chuyện này, biết đích xác trợ niệm lâm chung có quan hệ rất trọng yếu! Tuy nhiên, công chẳng luống uổng, quả không bỏ phí!

Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, cũng như không có nhân nào chẳng kết thành quả. Lưu cư sĩ hưởng thiện lợi như thế là do nhân gieo trong đời trước nay đã chín muồi, vì thế có được thiện duyên quyến thuộc giúp cho thành tựu.

Lý cư sĩ chịu cảnh ngang trái như thế chắc là vì đời trước phá hoại chuyện thù thắng của người khác đến nỗi cảm lấy đủ mọi thời tiết nhân duyên chẳng đúng pháp gây nên chướng nạn. Hết thấy thiện hạnh do tín phụng Tam Bảo trong hiện tại chắc chắn sẽ tạo thành cái nhân đặc độ trong vị lai, chẳng thể nghi ngờ, bàn bạc

mấy may nào nữa, nhưng rốt cuộc chẳng thắng chóng bằng liễu thoát ngay trong đời này.

Do vậy, lão nhân thường nói: *“Lợi người tức là lợi mình, hại người còn quá hại mình”*. Nguyên những vị Tăng - tục cùng hàng có chí sanh Tây trong nhất cử nhất động hãy chú ý nhân quả khiến cho mỗi bước mỗi chuyện đều tạo thành duyên thù thắng để thành tựu vãng sanh, đấy là điều thiết yếu vậy!

4. Người tu Tịnh nghiệp ăn chay niệm Phật trong xử sự thường nhật chuyện gì cũng phải rất phù hợp với Tịnh hạnh thì mới có thể vãng sanh

Cư sĩ Tào Á Bá người huyện Dương Tân tỉnh Hồ Bắc, thiên tư khá tốt, đến tuổi búi tóc đi học, liền cùng với những vị tham gia cuộc khởi nghĩa Vũ Xương cực lực đề xướng cách mạng. Triều đình nhà Thanh nghiêm cấm, bèn liễu mạng bỏ ra nước ngoài, đi khắp Âu - Mỹ, cùng hoạt động chung với các vị như Tôn Tông Lý. Đến năm Dân Quốc 11 (1922), cư sĩ bèn chẳng muốn nghe đến chuyện quốc sự nữa, ẩn cư tại Thượng Hải. Tiếp đó tậu sản nghiệp, dựng nhà tại Côn Sơn, rồi nghe theo lời khuyên của cư sĩ Trương Thuận Nhất tin tưởng Phật pháp, đọc khắp những bộ kinh luận nổi tiếng của Đại Thừa. Đến năm Dân Quốc 18, 19 (1929-1930), sau khi thân cận cụ Ấn, cũng khá hợp tính với Sâm, hễ gặp người khác bèn đem Phật pháp khuyên lon, đề xướng tuyên truyền, khá có ảnh hưởng.

Đối với chuyện thuộc pháp môn, cư sĩ tận lực hộ trì, chẳng hề né tránh, kiêng dè, cũng là người làm được những điều người khác khó

thể làm. Sâu lo liệu những chuyện thuộc về tài sản nhà chùa tại Giang Tây cũng được cư sĩ giúp sức không ít. Ông ta khinh tài trọng nghĩa, thanh cao, thật thà, chẳng tranh quyền lợi với ai, cũng là hạng người hiếm có trong thời này.

Tiếc là chuyện gì cũng luông tuông, chẳng tuân theo quy củ đã định, đến nỗi phần nhiều những chuyện ông làm đều trở thành trò đùa! Vì thế, chỉ gieo được cái nhân xa, chứ khó thể được lợi ích thật sự trong đời này.

Thường ngày, do thân lẫn tâm đều mạnh mẽ, ông tự coi mình là anh hùng, mong có thể sống tới một trăm hai mươi tuổi! Hiềm rằng thuở thiếu niên chơi bời bừa bãi (chuyện này ông ta thường tự lớn tiếng nói cho người khác biết), trác táng quá độ nên đã trở thành bề ngoài mạnh mẽ nhưng bên trong thì khô héo; cho nên đến tuổi xế chiều cũng thường sanh bệnh. Mùa Thu năm Dân Quốc 26 (1937), bị bệnh thổ tả nhẹ, trị gần lành, vẫn gửi thư cho Sâm ước hẹn kỳ hạn đến đất Tô lễ bái, thân cận cụ Ân, nhân đấy bày tỏ nỗi lòng.

Nào ngờ tối hôm trước ngày đã định, cư sĩ mắc chứng dịch tả. Lần này những người bạn thân đã ước hẹn đồng hành đến mời cư sĩ lên đường, thấy ông ta đã sắp mất, chưa đầy một tiếng đồng hồ đã thêm thiếp qua đời, thọ sáu mươi hai tuổi, chỉ được nửa số tuổi mong muốn, mất đúng vào giữa trưa ngày Hai Mươi Lăm tháng Tám. Hết thấy các sự thế gian lẫn xuất thế gian đã nói trước đây đều trở thành bánh vẽ. Đây chính là bằng chứng chắc như sắt về chuyện đùa bốn nơi pháp môn, khó được lợi ích thật sự trong đời

này! Người tu Tịnh nghiệp đối với hết thảy những chuyện chẳng tuân theo quy củ đã định phải thống thiết răn ngừa vậy!

Cư sĩ Bành Thủ Chuyết người huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 18 (1929), đặc biệt sang đất Hồ chọn đầu bếp chuyên nấu món chay về Nam Xương trông coi tiệm đồ chay. Nhân đó, đến chùa Thái Bình lễ cụ Ấn nên mới bắt đầu quen biết Sâm. Về sau, ông lại trông coi Phật Kinh Lưu Thông Xứ tại chùa Hựu Dân. Do làm việc nghiêm túc, ông được các cư sĩ tín nhiệm, cho nên công việc cả hai nơi đều giao cho ông chăm sóc. Đối với chuyện trong pháp môn, ông luôn ủng hộ các vị Tăng - tục, cũng như dốc cạn tâm lực hộ trì đề xướng. Sâm phải lo chuyện tài sản nhà chùa ở vùng Nam Cám, được ông lập nhiều cách giúp đỡ, hưởng lợi ích cũng sâu đậm lắm. Nhưng vì ông đông con quá, trong nhà chẳng có của cải gì, duy trì sanh kế cho gia đình khá vất vả. Công khóa tự tu tuy chưa thể không gián đoạn, nhưng cũng chẳng chịu bỏ luống.

Khi ngoài năm mươi tuổi, do lao lực chất chứa, thân suy nhược, đến nỗi thường đổ bệnh. Đến khoảng tháng Bảy năm Dân Quốc 27 (1938), biết trước lúc mất, đã định sẵn kỳ hạn với người nhà. Khi ấy, người nhà vây quanh trợ niệm Phật hiệu, cư sĩ cũng chánh niệm phân minh, an tường về Tây giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Do ông ta cung kính Tam Bảo, chuyện gì cũng học theo ông Hứa Chỉ Tịnh, nghe nói tướng lành lúc vãng sanh cũng gần giống như vậy (nhưng lúc nghe còn chưa ghi lại, nên vẫn còn nhiều chuyện chưa thể tường tận được).

Cư sĩ Tra Tân Thần, người huyện Cửu Giang tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 24 (1935), làm nghề buôn bán, gia đạo cũng dư dả đôi chút, nhiệt tâm làm chuyện công ích, ưa làm lành, thích bố thí. Những chuyện từ thiện trong địa phương đều khảng khái giúp cho thành tựu, làm phó xã trưởng của Cửu Giang Liên Xã. Năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm qua Cửu Giang vừa gặp mặt lần đầu liền được ông đặc biệt ưu đãi. Năm Dân Quốc 25 (1936), triều bá Phủ Đà, đến đất Tô, càng thêm quen biết đậm đà hơn. Mùa Xuân năm Dân Quốc 28 (1939), do ty nạn về sống tại Cám Châu, tuy phải lênh đênh trôi nổi, vẫn cứ nhất tâm thờ Phật, mấy lần gửi thư cho Sâm để bàn bạc chuyện trong pháp môn.

Đến tháng Giêng năm Dân Quốc 29 (1940), chẳng may phi cơ oanh tạc Cám Thần, bom rớt xuống gần nơi cư sĩ cư ngụ, bị kinh hãi trúng phong, tiếp đó bị chứng bệnh viêm màng não cấp tính, qua đời vào giờ Thân ngày Hai Mươi Một tháng Hai. Do bình nhật tin tưởng Tịnh Độ sâu xa, thật sự có tu trì, lại thêm quyến thuộc cũng hơi biết về ý nghĩa quan trọng của sự giúp sức trong lúc lâm chung, nên tuy bị mất vì bệnh ngặt, tâm vẫn giữ được chánh niệm, trọn chẳng có hiện tượng hôn mê, vướng mắc, xung niệm A Di Đà Phật liên tiếp, nhắm mắt, an nhiên qua đời. Dựa theo kinh giáo, người mất như vậy có khá đầy đủ tướng lành sanh về Tây, cũng là do chuyện gì cũng đều tuân theo quy củ đã định, phần nhiều phù hợp với Tịnh Độ mà cảm vời ra.

Xét ra, ba vị cư sĩ này đều quy y dưới tòa của Ấn lão nhân, giữ lễ đệ tử, đối với cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh không ai chẳng đồng thanh tán dương, nhưng hết thấy hành vi của hai vị Bàn - Tra phần nhiều lấy hai vị lão nhân (tức tổ Ấn Quang và ông Hứa Chỉ Tịnh) làm khuôn

mẫu để phỏng theo; nếu có chỗ nào sức không kham nổi thì cũng tự biết hồ thẹn, chẳng dám buông lung, do vậy kết quả cũng chẳng thua kém cho mấy! Tào cư sĩ xưng tụng ngoài miệng, có thực hành, nhưng không có gì tới nơi tới chốn, chỉ tự mình hành động, phần nhiều gần như là làm quấy quá, chứ thật ít khi thực hiện thật sự! Hơn nữa, hoàn toàn chẳng có công khóa nhất định để lễ bái, trì tụng đúng pháp, lại còn thuận theo tâm hạnh của chính mình, nên mang tiếng là niệm Phật nhưng kết quả cũng hoàn toàn chẳng có ảnh hưởng gì! Đủ chứng tỏ Phật pháp quý nơi thật hành, chứ không phải chỉ nói xuông là có thể giải quyết xong việc. Công chẳng lãng phí, quả chẳng phí uổng. Sâu viết bài này để tự răn mà cũng để răn nhắc hết thảy những ai cùng bệnh vậy!

5. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hiểu Phó, viện trưởng Ân Thí Pháp Viện

(đính kèm nguyên văn thư gửi đến, Hoàng cư sĩ có pháp danh là Đức Hoàng)

Sau tiết Đoan Ngọ hai bữa, lời chỉ dạy của thầy được gửi đến, để mãi cho đến hôm nhằm tiết Đại Thử mới cung kính mở ra đọc, tính ra đã ba mươi một ngày. Giao thông bất tiện như thế này, nhằm vào lúc chẳng bình thường, hết thảy mọi việc đều phải xem xét theo quy cách chẳng bình thường thì mới được trời cao đất rộng vậy! Tự nghĩ nghiệt nặng chướng sâu, may giữ được cái mạng tàn để thưa hỏi cùng thầy đều là do sức Phật, Bồ Tát thâm gia hộ vậy!

Ngày Hai Mười tháng Tư Âm lịch, máy bay Nhật ném bom huyện thành Ân Thi, khi ấy nhằm đầu giờ Dậu, Đức Hoàng từ pháp viện (tòa án) trở về chỗ ở; còi báo động hú lên, hai đứa con gái và đứa tớ gái ẵm bé Phước Châu chạy vào hang núi trú ẩn, cô tiểu thiếp ẵm bé Phước Bị ở lại với Hoàng, không chạy đi. Còi hú báo động khẩn cấp rú lên từng hồi, Hoàng đối trước Phật niệm Quán Âm Bồ Tát, máy bay chao qua lượn lại gầm rít âm ỉ. Trước Phật tòa có một cái bàn vuông, bên trên phủ vải bông, người tiểu thiếp nép dưới gầm, chột kéo áo Hoàng, Hoàng cúi đầu nhìn xuống. Đầu Hoàng vừa rúc xuống gầm bàn, bom đạn liên tiếp nổ rền, nhưng không quá dữ dội. Bé Phước Bị khóc thét, lưng Hoàng bị miếng văng trúng, trầy nhẹ, đứng lên xem thử, nhà cửa bị rung sụp, Phật tòa cũng bị nghiêng lệch, tro bụi phủ đầy nhà. Dưới chân có bức tượng Quán Âm nhỏ bằng sứ, bèn vội nhặt lấy ôm vào lòng (năm ngoái, phòng ngủ ở Pháp Viện bị tàn phá, tượng sứ ấy bị vùi trong đống gạch ngói, chẳng bị hư hao mảy may nào). Tường đã ngã xiêu ra phía ngoài. Tôi cùng với người tiểu thiếp ra khỏi cửa xem mới biết hai dãy phố trước và sau đều bị trúng bom, kèo gãy rui sụp. Nhà hàng xóm ở dãy phố phía sau lại trúng phải đạn lưu huỳnh bốc cháy, họ thảng thốt chạy ra khỏi chỗ ẩn núp có kèo gỗ chống đỡ nơi dãy phố phía trước. Người tiểu thiếp và cô bé hàng xóm chạy tránh đến chỗ an toàn.

Hoàng tính vót vát quần áo, đồ đạc, nên quay trở lại công nghệ nơi trú ngụ, một mình không ai giúp tay, chẳng dám chui vào một mình. Đang trong lúc ngân ngừ, chẳng ngờ bốn mặt lửa bốc lên nghẽn lối, phải gấp tránh né, vội nằm nép mình trong cái rãnh bùn lầy phía trong

tường, nhắm mắt niệm Phật. Trên, dưới, trái, phải, tàn lửa rụng như mưa, lấy tay phủi liên tấp. Ngọn lửa cách đầu chưa đầy một trượng, hơi nóng vô cùng khó chịu đựng được; bùn trong rãnh đã trở thành nước nóng, quần áo đã bén lửa một hai chỗ, trong tâm vẫn không sợ hãi, chỉ tự trách chớ nên tham luyến quần áo, đồ đạc để rồi bị hãm trong tuyết địa, lạng lẽ chờ Phật, Bồ Tát tiếp cứu mà thôi!

Một hồi lâu sau, thế lửa ở phía Nam giảm đi, nhờ gót giày bị bùn lấy thấm ướt, liền cố sức đạp lửa xông qua, đi xa được mười trượng, rốt cuộc được an toàn, không bị thương tổn mấy may; bất quá da thịt bị lửa hun đã lâu, ông mập đã trở thành chàng gầy nhom! Tất cả quần áo, đồ đạc, sách vở, và nhật ký, bản thảo thơ văn mười mấy năm qua đã mất sạch không còn gì. Những hồ sơ, vật dụng trong pháp viện cũng tiêu sạch. Cũng may là các bộ phận hành chánh, tài chánh đều do viện trưởng phân viện thứ ba thuộc Tối Cao Pháp Viện đảm nhiệm. Ngày hôm qua theo lệnh của Bộ, các chức vụ viện trưởng, chủ tịch phân viện đều bị bãi trừ.

Trong tương lai, tuy Hoàng bị kỷ luật, nhưng chắc là chén cơm cũng không bị trở ngại. Pháp viện dời về khu vực tạm trú Đông Hương, Hoàng bèn thuê một gian nhà tranh ở vùng phụ cận, mượn của bạn bè một hai bộ quần áo. Đồng hương tặng cho mấy đứa trẻ mấy bộ, hai đứa con gái, hai thằng con trai có áo không có quần. Phần lớn những tiệm buôn trong thành bị bom phá hủy, ở trong làng muốn ra chợ mua sắm vải vóc rất khó, sống cuộc đời dân tỵ nạn gần hai tháng trời.

Nghĩ đến mình dân bát tuần của tiên khảo, không có sức làm chay, chỉ dâng lên năm đồng, cầu xin thầy chuyển lời thỉnh đến đạo tràng Một Trăm Lễ Tám Phật Thất làm lễ cầu siêu, lại xin mua giùm một “món đồ câu cơm” (tức Lục Pháp Toàn Thư). Đưa con thứ vốn tên là Phước Bị, chẳng ngờ Ấn lão pháp sư khi đặt tên liền dùng ngay hai chữ ấy, Phật pháp cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Hoàng từ sau khi thoát ra khỏi cơn nạn lửa, thề suốt đời trì chú Đại Bi, đi, đứng, nằm, ngồi trong tâm đều thâm tụng để cầu thế giới hòa bình, chỉ quan tâm đến chuyện cày bừa, chẳng hỏi đến chuyện thâm hoạch, thầy có cho là đúng hay không? Sanh con lần nuôi dạy đều quan trọng, người tiểu thiếp rắn dạy rất nghiêm, lúc cấp bách cũng biết niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, bé Phước Châu cũng biết lạy Phật. Con thừa gởi những gì nghĩ biết, rất mong thầy gởi thư rắn dạy về lý nhân quả trong lần bị nạn lửa này. Phiền thầy cho con gởi lời vãn an trước tòa lão pháp sư.

Ngày hôm qua nhận được thư gởi tới bằng đường tàu, ông trải qua một phen nguy hiểm kinh sợ này khác nào được sống sót từ nơi miệng cọp, đúng là khiến cho người khác chẳng rét mà run! Phật, Bồ Tát hữu cầu tất ứng, tầm thanh cứu khổ, cảm thông chẳng thể nghĩ bàn, nay đã có thêm chứng cứ để càng thêm tin tưởng. Sấm tính soạn một bài ký về sự linh cảm đăng trên những tờ báo như Phật Học Bán Nguyệt San v.v... để tuyên dương nhằm khơi gợi lòng tin tưởng của mọi người, mà thiện căn của cư sĩ cũng ngày càng được tăng thêm.

Gặp phen cư sĩ mắc đại kiếp về quần áo, vật dụng lần này, Sâm ở xa ngoài mấy ngàn dặm, quả thật chỉ ôm lòng thương cảm nhưng không cách nào giúp đỡ được. May là cả nhà lớn bé đều được thoát hiểm không hề hấn gì. Chỉ có thân hình bị lửa dữ hun lâu nên chàng mặt biến thành gã ròm chứ không bị tổn thương chi khác thì cử động lại càng thêm thoải mái, cũng không trở ngại chi!

Còn như trong lúc chưa thoát khỏi hang lửa, đang trong lúc nguy hiểm nhất vẫn có thể tâm không sợ hãi, đấy chính là chỗ biểu hiện một dạ tu trì vậy, nhưng chỉ biết lặng lẽ chờ Phật, Bồ Tát đến cứu giúp, chẳng biết nghĩ đến chuyện đã lâm vào cảnh hãm tuyệt, đang trong lúc muôn phần không còn lẽ sống, càng phải nên chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật hoặc Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát (niệm danh hiệu nào cũng đều được), nhất tâm mong mỏi Phật, Bồ Tát rủ lòng từ. Nếu chẳng thể thoát hiểm tìm ra lẽ sống, liền chuyên mong được tiếp dẫn vãng sanh. Chẳng biết suy nghĩ như thế thì chưa phải là triệt để rốt ráo, may là được thoát hiểm, nếu không, sợ rằng đã chôn thân trong hầm lửa, chẳng được lợi lành vãng sanh thì làm lẫn lộn quá rồi! Chú tâm tưởng Phật, Bồ Tát tiếp dẫn vãng sanh, nếu như chưa đến lúc thì cũng cảm được Phật, Bồ Tát cứu giúp, che chở thoát hiểm. Rất mong hãy *“đầu sào trăm thước, tiến thêm bước nữa”* thì lợi ích lớn lao mới là triệt để.

Còn như luận về lý nhân quả trong lần này thì bọn ta từ vô thủy đến nay không oan nghiệt nào chẳng tạo, chỉ cần nhân duyên hội ngộ ắt sẽ chịu quả báo. Ngay như hết thấy tâm hạnh hiểm ác của những kẻ ngay

trong hiện thời khiến cho chúng ta mắc phải đại kiếp này đều là vì bọn ta xưa kia khi mê muội chẳng biết giác chiếu đã trót mang những tâm hạnh hiểm ác ấy, dẫu có nặng - nhẹ, mạnh - yếu khác biệt thì cũng không gì chẳng phải là “chỉ mong sao ta sống, chẳng sợ người khác chết, cày năm mươi bước cưỡi kẻ một trăm bước” mà thôi! Cõi đời không quả nào chẳng có nhân mà cũng không nhân nào chẳng có quả! Tương lai rốt cuộc sẽ phải đền bù ra sao, hoặc ngấm ngấm hoặc rõ rệt, sẽ tự có giá trị tương đương, chúng ta chỉ nên tin tưởng sâu xa nhân quả chẳng sai tơ tóc là được rồi! Nếu nói rốt ráo là như thế nào thì chính tôi là hạng tăng phàm tục chỉ biết cơm cháo chẳng thể nào phân tích được!

Về minh thọ tám mươi tuổi của lệnh tiên nghiêm lão nhân, tôi đã gửi thư cho đạo tràng Một Trăm Lễ Tám Phật Thất lập bài vị cầu siêu. “Bộ đồ câu cơm” Lục Pháp Toàn Thư đã cày bừa mua giùm, gửi giùm rồi. Tôi gửi kèm theo thư này thư trả lời của người bạn ấy để ông biết đầu đuôi. Còn ý nguyện cao quý suốt đời trì chú Đại Bi để cầu nguyện thế giới hòa bình của ông cố nhiên rất tốt, nhưng đang trong lúc muôn phần không có lẽ sống, đối với kiếp sống thừa sau con tai kiếp, quang âm hữu hạn này, càng phải nên niệm Nam Mô A Di Đà Phật cho nhiều và đem hết thủy công đức hồi hướng cho khắp mọi chúng sanh cùng cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, để mình lẫn người đều được lợi ích rốt ráo liễu sanh thoát tử thật sự, ngõ hầu chẳng phụ Phật, Bồ Tát từ bi cứu vớt lần này vậy!

6. Lời bạt ghi sau bài ký về chuyện bà Phó Trâu Nhân Hiền niệm Phật cảm được cọp thả con lợn mà nó đã bắt

(đính kèm nguyên văn bài ký được gởi đến)

1) Bài ký:

Phó Trâu Nhân Hiền, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, là vợ cư sĩ Phó Xuân Phổ (chuyện sanh về Tây của ông Phó Xuân Phổ chồng bà ta xin xem ở cuối phần Phụ Lục này), là người nhân từ, mềm mỏng, thành thật, khắc khổ, tự gắng sức, tin thờ Tam Bảo, niệm Phật chẳng lười nhác. Phó cư sĩ khuất núi, bà lên đêngh cô khổ, trợ trợ một thân, mất nơi nương tựa, nhiều lần bàn tính với bạn bè của cư sĩ Xuân Phổ về chuyện ăn ở, gặp phải nhiều nghịch cảnh.

Giữa tháng Năm năm Dân Quốc 28 (1939), được người ta đưa đến cư trú tại Thanh Tịnh Am ở làng Thạch Pha cách trấn Chương Thụ mười mấy dặm. Bà Nhân Hiền niệm tụng siêng ròngh, chăm chỉ, lúc rảnh lên núi dẫn củi về bán để đổi lấy thung thóc đầu gạo. Người trong làng đại đa số không nghe đến danh hiệu Phật, thấy Nhân Hiền tu trì như vậy đều thân cận. Có ai mắc bệnh thì Nhân Hiền bèn vì người ấy tụng kinh, cho thuốc (thuốc do cư sĩ Dư Kính Tây chế tạo gởi đến), liền có công hiệu lạ thường, trong mười trường hợp có tới tám chín người lành bệnh.

Một ngày nọ sau khóa tụng buổi sáng, bà Nhân Hiền theo lệ thường lên núi dẫn củi. Củi đã bó chặt xong, đặt lên vai gánh đi, dõ mắt thấy ở phía trước chừng một trượng, trong đám lau lách có con vật gì to

như con trâu, đúng lúc ấy có hai con lợn trong thôn chạy qua chỗ đất ấy, con vật đó liền chụp lấy một con lợn, ra về sắp ăn thịt. Bà Nhân Hiên thấy vậy, liền lớn tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Nào ngờ con vật ấy buông con lợn ra, mặc cho nó trốn chạy. Con vật ấy hai mắt sáng quắc, chăm chú nhìn Nhân Hiên, Nhân Hiên nhìn kỹ mới biết là hổ. Lúc ấy, tuy niệm Phật không ngớt nhưng gần như niệm không ra tiếng, kinh hoảng luống cuống, chẳng giở chân lên được.

Phía dưới núi mấy chục bước chân có nông dân đang cày ruộng, trong lúc hổ đến - đi những người nông dân ấy đều trông thấy, bà Nhân Hiên niệm Phật những người ấy cũng nghe rõ. Con lợn bỏ chạy về nhà, chạy đúng ngang qua khoảnh ruộng đó, máu tươi đầm đìa, những người nông dân đều kinh dị, đều bảo “con lợn ấy có thể đào thoát khỏi miệng hổ quả là một sự kỳ lạ lớn, nhưng người niệm Phật có thể gặp bất trắc!” Đương trong lúc phân vân suy tính, nghe tiếng niệm Phật dứt nổi vẫn thoảng bên tai, ủa nhau lần theo tiếng niệm đi đến, thấy bà Nhân Hiên đứng ngậy như con gà gổ, nhưng vẫn niệm Phật như cũ. Mọi người ủa tới hỏi han, Nhân Hiên mới trở lại dáng vẻ bình thường, kể lể đầu đuôi, bỏ củi quay về.

Do câu chuyện lạ gặp hổ niệm Phật giải thoát tai ách cho con lợn này, người dân làng Thạch Pha mới biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, người tin tưởng do vậy ngày càng đông đảo, đàn-na tín thí cũng chẳng thiếu người. Người bố thí đầu tiên chính là chủ nhân con lợn thoát miệng hổ. Con lợn ấy nay vẫn mập mạnh như thường.

(Bài ký này thu thập từ những điều được lược thuật trong những lá thư do cư sĩ Dư Kính Tây nhiều lượt gửi đến)

2) Lời bạt:

Phó Trâu Nhân Hiền, năm Dân Quốc... đã cầu được truyền Tam Quy dưới tòa hòa thượng Định Hằng ở Nam Xương. Mùa Thu năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm trở về đất Cám khi đi ngang qua trấn Chương Thụ, bà ta theo chồng là Xuân Phó xin Sâm truyền thụ Ngũ Giới. Từ đấy, ăn chay niệm Phật, tinh tấn chẳng lười nhác. Tới khi Xuân Phó về Tây vào năm ngoái, mắt thấy tướng lành hiện rõ, mọi người khen là hy hữu, nhân đây tín tâm càng thêm vững chắc. Đã thế, trên không cha mẹ, dưới không con cái, lại chẳng có miếng đất cắm dùi, cô quạnh, khổ sở, không nơi nương tựa, tâm nhàm chán Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc càng thêm thiết tha.

Hiềm rằng túc nghiệp chướng ngại, tuy có những bạn già của chồng như cư sĩ Tạ Song Hồ v.v... đôi phen giúp đỡ, rớt cuộc do nhân duyên chướng cách, khó sống yên được. Nhìn vào những nỗi khốn khổ bà đã trải qua, quả thật là ách nạn bị đói rét bức bách, không lối nào cầu xin được! May là bà có tâm tin Phật chuyên nhất, thiện niệm chân thật, thiết tha, gặp phải chướng ngại vẫn luôn “thà tự mình chịu khổ, chẳng muốn gây khó khăn cho người khác!” Khổ, vui, an, nguy trong cuộc đời này đều không bận tâm đến, một dạ dốc chí niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do lòng chân thiện ấy nên được cảm ứng như vậy, đủ diệt được túc nghiệp nặng nề. Những nghịch cảnh bà đã phải trải qua trước đây quả thật đã bị lòng chân thiện ấy cảm ứng mà bị trừ sạch, chuyển quả báo nặng nề chẳng thể tưởng tượng được trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong đời hiện tại. Vốn là bà góa đói khát khổ

sở, không cách gì lo liệu được ba món ăn, mặc, ở, nay do chẳng may may tham cầu mà tự nhiên có cái ăn, cái mặc, chỗ ở.

Tuy do các thiện sĩ thương xót, giúp đỡ thành tựu cho, nhưng nếu không được lòng Từ của đức Phật gia bị, làm sao có thể đạt được như vậy? (Xét rằng: Hồ là con vật cực ác, vốn bắt chim chóc, gia súc làm thức ăn, nhưng vừa được nghe Phật hiệu nhân đầy tánh hung ác tiêu ngay, tâm từ thiện nảy sanh, liền thả đi con lợn đã ngoạm vào miệng. Nhưng điều chưa từng được nghe qua là hồ ra khỏi rừng thấy người niệm Phật, đến khi hồ thấy bà Nhân Hiền kinh hãi, hồ liền lánh đi. Sáu chữ hồng danh oai thần thật chẳng thể nghĩ bàn! Hồ còn như thế, con người là “vạn vật chi linh”, nghe rồi rốt cuộc sẽ như thế nào? Nay người trong cả làng ấy nhân chuyện này bèn cảm động, sanh lòng tin. Do vậy, con hồ ấy là hộ pháp của Nhân Hiền, là đạo sư (người hướng dẫn) cho người làng vậy. Kinh dạy: “*Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh*”, con hồ là một chứng minh càng rõ rệt vậy. Nguyên khắp những người cùng hàng mang bả tánh tối linh hãy dừng mãnh thức tình, giác ngộ để khỏi bị chê trách người thua kém hồ)

Nhưng Nhân Hiền nay đã được như vậy, nếu đột nhiên sanh tâm tự mãn, tự cho là đủ, tự cậy là ta có công hạnh, hoặc xen tạp vọng niệm tham cầu không biết đủ sẽ khó khỏi chọc giận hộ pháp long thiên, tương lai sẽ bị tai ách y như cũ. Chỉ mong bà ta biết mình vốn là bà góa khốn khổ, chắc chắn trở thành người đói khát, nay được ba thứ ăn - mặc - ở để có thể sống qua ngày thì càng phải sanh lòng hồ thẹn sâu đậm, biết đủ, biết ngừng, khẩn thiết sám hối, chuyên ròng niệm Phật, ác niệm tham - sân - si v.v...đều mong nhỏ sạch cội rễ, phát khởi Bồ

Đề đại tâm, tự độ, độ người, đối với những tài vật được đàn-việt thí cho, trừ những thứ sử dụng tiết kiệm chánh đáng cho chính mình ra, tất cả những gì còn dư đều nên thí lại cho người cô đơn nghèo túng. Suốt đời hành như thế thì sanh Tây sẽ là điều đoán biết được, ngõ hầu khỏi uổng dịp gặp gỡ được Phật, Bồ Tát linh cảm gia bị này, mà công đức của các vị đàn-việt hộ trì cũng được thành tựu viên mãn.

7. Qua thư của Thôi cư sĩ trả lời Du cư sĩ, nhân tiện dâng lên lời phúc đáp cư sĩ Giang Dịch Viên

Cư sĩ Giang Dịch Viên vốn là một đại văn nhân có túc căn, có học vấn, tuy đối với đế lý tinh áo của Phật pháp còn chưa thâm nhập (xem phần luận về Tam Quán trong cuốn Diển Giảng Lục của ông ta thì người có đầy đủ con mắt sẽ tự biết được trình độ Phật pháp của ông ta). Do về thế đế, ông ta thông minh hơn người nên đối với những nghĩa lý Phật pháp thông tục có thể nêu tỏ rạch rõ, lớn lao. Lại còn là con người chẳng câu nệ, hẹp hòi, luôn hòa nhã, khiêm hư, thật chẳng giống như những kẻ cuồng ngạo tự cao, làm lạc nghĩ mình cao quý, lớn lao, coi rẻ hết cả.

Vì thế, Sâm nghe tiếng ông ta, xem văn của ông ta (chỉ cho bài Tam Tự Tụng và tập đầu bộ Dương Phúc Trai Thi Kệ) liền khát ngưỡng, hâm mộ khôn nguôi. Đến khi gặp mặt trò chuyện, càng cảm thấy yêu mến, rất mong mỗi ông ta sẽ cùng với các vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Từ Úy Như, Nhiếp Vân Đài, Phạm Cổ Nông v.v... làm kim thang đuổi tà giúp chánh cho pháp môn (ở đây là nói đến những vị ngoại hộ còn có thể hoằng pháp lợi sanh. Nếu chỉ làm ngoại hộ thì có nhiều người lắm). Hiềm rằng do nghiệp cảm của

chúng sanh, ông Từ, ông Hứa nối nhau quy Tây, ông Vân bệnh nặng, ông Cổ thân thể cũng suy yếu, chỉ còn ông Dịch là mạnh khỏe. Về mọi mặt, ông Giang Dịch Viên đều khá, chỉ vì tâm hiếu kỳ nặng nề, đến nỗi bị bút gõ, mâm cát mê hoặc. Lại do những kẻ khéo tăng bóc người khác đến mức thành phường giáo quyết mượn sức linh quý để bợ đỡ hồng làm mỗi nử, khiến cho người say mê cầu cơ bị những tà thuyết ấy thâm nhập tận tạng phủ, đến nỗi hể mê rồi chẳng quay lại được! Ngay như vị được ông ta thường sùng bái, tín phụng nhất là Ấn Quang pháp sư ra sức quạt gió huệ, cực lực quét sạch cũng chẳng thể lay động được màn sương mê. Sâu tự xét mình học thức hẹp hòi, chẳng cần phải nói nữa.

Vì thế, ông ta làm lẫn coi đám mây mê của những lời giảng cơ và vàng mây từ Phật pháp giống hệt như nhau, từng gửi thư cầu khẩn cụ Chân và Sâm xin cụ Ấn cho lưu thông hồng trừ bỏ màn ngăn khiến cho đôi bên đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu với nhau! Sâm cũng muốn phúc đáp gấp ngõ hầu ông ta ra khỏi hang tối, lên được cây to. Một phen suy nghĩ kỹ lại, thấy mình người hèn lời nhẹ, thật khó ra tay.

May sao có cư sĩ Thôi Chú Bình vốn theo hầu ông Dịch lâu ngày (Diễn Giảng Lục của ông Dịch phần lớn do ông Thôi ghi lại), ông Thôi là người vẫn còn có thể phân biệt tà - chánh, chân - ngụy, chẳng đến nỗi bị làn sương mê phủ kín. Xem thư ông ta trả lời cư sĩ Du Hữu Duy xót lòng đơn độc chỉ bảo, nói thẳng khuyên can, ngăn đón, đáng gọi là đã cảm nhận trước tấm lòng tôi, vì thế liền

nhờ vào nhân duyên này để giảm bớt công bút mực giải bày, bèn dâng lời thưa trung thực, thành khẩn nhất đáp lời ông Dịch, không chùng ông ta nghe lọt tai.

Ông Dịch làm thơ rằng: *“Tạp niên Nho Phật phá trầm tư, Phật quĩ thiên uyên khởi vị tri”* (Ba chục năm rông nghĩ Phật - nho, Phật quĩ trời - vực vẫn chưa tường). Niệm Phật trì trai mà gọi là “quĩ giáo” (lời dạy của quĩ) thì lời lẽ ấy có khác gì báng Phật A Di Đà! Do điều này càng biết ông Dịch còn thiếu con mắt chọn lựa pháp. Vì sao vậy? Kinh Lăng Nghiêm, quyển thứ chín, trong phần giảng về Tướng Âm gồm mười loại Âm Ma, mỗi đoạn đều nói thiên ma thừa dịp thuận tiện, loài phi tinh dựa vào con người, khiến cho người ấy miệng nói kinh pháp, nhưng người ấy chẳng biết là ma dựa, tự nói đã đắc vô thượng Niết Bàn, điều này có thể làm chứng cứ sắt đanh để vạch trần ông Dịch đã nhận lầm phương hướng. Do không biết điều này nên chẳng lạ gì đã mê rồi không trở lại được nữa!

Huống chi lúc này lòng người chẳng bằng thời xưa, chuyên chú trọng đầu cơ trục lợi, xin ông Dịch hãy đọc kỹ Lăng Nghiêm, nghiên cứu tinh rông nghĩa kinh cho đến khi hiểu sâu xa tĩ mĩ ma sự hiểm ác mới thôi! Nếu vẫn cứ coi bút gỗ, mâm cát có thể thay thế cho sự tuyên nói, giáo hóa của đức Phật thì sẽ có lỗi với lời khuyên dạy của những vị như cụ Ấn chẳng hạn, những vị ấy là bậc đầy đủ chánh tri kiến, hạnh giải tương ứng, rất miệng xót lòng, trong ngoài như một; nếu không phải là hạng người giống như Điều Đạt thì chẳng biết còn là loại người nào khác nữa! Sao lại

nghe lời khuyên niệm Phật ăn chay và những bậc thiện tri thức hiện thời là chẳng đáng tin tưởng, cứ nhất định tin chắc vào những lời nhận được từ nơi bút gõ, mâm cát vậy?

Nay tôi giải bày lời thôi như thế, chính là vì ông Dịch là người cao thượng bất phàm, mong hãy vứt bỏ bút gõ, mâm cát, chuyên dùng đạo niệm Phật ăn chay để tự hành, dạy người thì chẳng những pháp môn may mắn mà thật ra chúng sanh trong cả đại địa cũng may mắn lắm đấy! Khăng khăng một lòng ngu thành, kính mong lượng thứ!

8. Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh

Thư ông gửi đến có những câu như: *“Đang trong lúc Mạt Pháp, ma đảng tà kiến thân thể thường mạnh khỏe, còn bậc chánh tín đâm ra lại nhiều bệnh, lắm nỗi khổ não. Nếu chẳng phải là định nghiệp khiến cho như vậy làm cho con người phải than dài sườn sượt chẳng ngọt”* v.v.. Sâu rất không đồng ý. Vì sao? Một là do định nghiệp trong đời trước xui khiến thành ra như vậy.

Hơn nữa nhân quả phức tạp, bọn ta là phàm phu mắt thịt chẳng thể hiểu rõ rốt ráo được! Luận sư Giới Hiền, pháp sư Huyền Trang đã gieo nhân trong quá khứ, nay quả báo hiện hành, thiện căn phước đức rốt cuộc như thế nào mà vẫn phải chịu bệnh khổ nặng nề? Trả sạch sát nghiệp xa xưa mới được sanh lên Đâu Suất Nội Viện, lần lượt tấn tu, viên mãn Bồ Đề. Bọn ta nghiệp chướng sâu nặng, luận về chánh tín, công hạnh, phước đức, trí huệ đều chẳng thể mong sánh bằng các vị cô đức như Giới Hiền, Huyền Trang, hưởng chi thân ác tuy ít, ý ác quả

thật rất nhiều (Đây là Sâm tự thuật tâm hạnh, chứ nơi miệng vẫn thường phạm lỗi. Mỗi phen đọc bài ký Du Tịnh Công gặp Táo Thần, khôn ngăn rét run tận xương lông!) đâu có phát tâm cũng khó chân thật, thiết tha.

Nay muốn nương theo pháp môn Tịnh Độ hoành siêu hoàn toàn cậy vào Phật lực để đời nghiệp vãng sanh, liền cảm được Phật từ gia bị, hòng quả báo nặng nề “trăm luân nơi tam đồ hết sức khổ sở” trong đời sau sẽ chuyển thành quả báo nhẹ nhàng là “bệnh tật triền miên” trong đời hiện tại ngõ hầu trong một đời này giải quyết xong đại sự sanh tử chẳng dễ giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Đấy chính là Phật từ nhiếp thọ, hữu cầu tất ứng, có cảm liền thông (Đối với Bồ Đề tâm và hết thấy sự thực hành của hai vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Nhiếp Vân Đài, Sâm thường cảm thấy hổ thẹn không bằng, nhưng hai vị ấy bệnh khổ triền miên quả thật hơn bọn ta nhiều lắm. Sâm suy nghĩ kỹ lưỡng hồi lâu, lại dùng lòng người và sự thật trong xã hội để chứng minh thì mới biết “gây nghiệp dễ dàng, đền trả thật khó!” Mới tin rằng hai vị ấy bị bệnh khổ quả thật là do nghiệp nặng chuyển thành báo nhẹ để được lợi ích thù thắng là siêu phàm nhập thánh. Còn bọn tà ma mạnh khỏe thì một là trong đời này có lẽ ác quả chưa chín muồi, còn cậy vào túc phước, hai là có thể là vì ác tâm dữ dội, đạo trời khéo léo, mâu nhiệm, hậu đãi bọn tánh tình hung ác cho chúng nó mau vào tam đồ. Bất luận như thế nào, đâu là khổ quả trong tương lai, chúng ta cũng quyết chẳng muốn nhận lãnh. Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, mà cũng không có nhân nào chẳng kết thành quả! Nhưng báo ứng rõ ràng hay ngấm ngầm, nhanh hay chậm, quả thật do nhân quả phức tạp gây nên,

chúng ta là phàm phu mắt thịt chẳng dễ phân biệt rõ ràng được, chớ nên hiểu lầm).

Suy nghĩ sâu xa như vậy thì tuy ma bệnh khuấy nhiễu triền miên, đau khổ nhiều năm, thân dù khó chịu đựng được, tâm thật mừng vui, sung sướng, chẳng hề có ý oán trách than vãn mảy may! Chỉ thuận theo “tùy duyên tiêu nghiệp chướng, chẳng tạo thêm ương họa mới”, ắt mong món nợ nặng phải đền trả nhẹ, oán gia trái chủ mỗi mỗi đều khoan dung, tha thứ để cùng vãng sanh mới thôi! Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ như thế nào?

9. Tờ kêu gọi quyên mộ của Thiên Hoa Thiền Viện ở Phổ Đà Sơn để có đủ chi phí tiếp nhận chủ quyền am Sùng Ninh tại Thượng Hải

Quán Thế Âm Bồ Tát thế nguyện rộng sâu, tầm thanh cứu khổ. Bài kệ trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa có câu: *“Hoặc trôi giạt biển lớn, cá, rồng các nạn quý, do sức niệm Quán Âm, sóng mòi chẳng chìm được”*. Đây chính là đoạn văn sáng tỏ ghi chép lời thành thật thốt từ miệng vàng của đức Thích Ca Thế Tôn ta từ ba ngàn năm trước qua lời kệ đáp cho Vô Tận Ý Bồ Tát. Chuyện linh cảm như thế được sử sách ghi chép, đâu đâu cũng tra cứu được. Ở ngay trước mắt, càng có những sự thật để chứng minh, quả thật là lòng tin có chứng cứ vậy!

Trụ Trì Thiên Hoa Thiền Viện núi Phổ Đà là đại sư Tu Điền. Năm Dân Quốc 15, 16 (1926-1927), khi Sâm ở tại chùa Pháp Vũ giúp Ấn lão pháp sư giáo chánh bộ Văn Sao, giáo chánh, sửa lỗi Sơn Chí, liền cùng ở một chỗ với sư Tu Điền, Sâm khuyên Sư nên niệm Phật, niệm

Quán Âm, Sư liền sanh lòng tin tưởng. Đến năm nay, do ảnh hưởng thời cuộc, lương thực thiếu hụt, Sư đặc biệt ngồi thuyền từ Phổ Đà sang đất Thân (Thượng Hải) quyên mộ, đáp đúng tàu của hãng Hoa Dân. Bơi đã lâu năm, thuyền mục nát, nước tràn vào khoang, tại vùng biển Châu Sơn (thuộc tỉnh Chiết Giang) đụng phải đá ngầm, thuyền chìm.

Khi ấy nhằm lúc trời tối đen, chẳng biết phương hướng, khách ngồi thuyền mấy trăm người kinh hoàng cuống quít, xúm nhau kêu cứu mạng. Do đại sư biết đức Quán Âm linh cảm, liền khuyên mọi người đồng niệm thánh hiệu để cầu Ngài cứu giúp. Do tai họa cấp bách như lửa cháy mây, đông đảo người tin tưởng cùng niệm theo. Gần hai trăm người trong đêm tối trong lúc muôn phần vạn phần chết chắc đã nắm được một sợi dây đôi, lần lượt ven theo kè đá, vịn bò lên núi; gần hơn một trăm người khác táng thân vào bụng cá. Chuyện này đã sớm thấy đăng tin trên báo, nào biết đại sư cũng là một trong những người vẫn còn sống sót sau cơn tai kiếp!

Đến khi đại sư đổi thuyền đến được đất Hồ, gặp đúng lúc am Sùng Ninh ở cửa lớn phía Đông trong thành đang bàn bạc chuyện sang nhượng chủ quyền. Do vậy, Sư nghĩ mỗi năm phải đi kêu gọi quyên mộ như thế này, cảm thấy thật khó khăn. Nếu lập cách sang lại chủ quyền am này, biến nó trở thành Hạ Viện của chùa Thiên Hoa thì tặng chúng Thiên Hoa qua lại đôi bên, đem phần thâm nhập còn dư thừa của Sùng Ninh bù đắp cho cơm gạo chùa Thiên Hoa; đây chính là kế nhọc nhằn một phen, an nhàn vĩnh viễn, mà cũng tốt lành, thỏa đáng vậy.

Bàn bạc với các vị thiện tín hộ pháp, cũng được nhiều người tỏ ý tán đồng; hiềm rằng chi phí mua lại chủ quyền và tu bổ cần đến mấy ngàn đồng, do vậy bèn bảo Sâm lược thuật duyên khởi để tiện kêu gọi quyên mộ. Sâm bèn đem kinh nghiệm linh cảm của đại sư do tin niệm đức Quán Âm mà được may mắn sống sót tường thuật đại lược. Chỉ mong hộ pháp tế quan thiện nam tín nữ nghe sự tích Đại Sĩ linh cảm tâm thanh cứu khổ này đều cùng phát tín tâm, gặp được nhân duyên đặc biệt sùng phụng Tam Bảo này đều vui vẻ giúp cho thành tựu, phát lòng bi đồng thể, quyên ra vô tận bảo tạng thì công đức đã làm ấy chỉ có đức Phật chứng biết. Do vậy, bèn làm tờ khai.

10. Trả lời cư sĩ Tăng Di Chi (bốn bài)

1) Phật thất ở Linh Nham phần nhiều hồi hương một lần (những nơi khác phần lớn cũng làm như thế), tức là mỗi ngày trước lúc giữa trưa, cúng Phật xong, liền đến trước bài vị cúng cơm (dẫu là Phật thất cầu sống lâu mà kèm thêm lễ cúng cơm cho các bài vị tổ tiên cũng không trở ngại gì) thì cũng là một lần hồi hương. Mỗi ngày trừ công khóa sáng chiều hết sáu cây hương ra, sau cây hương thứ hai và sau khi cúng Phật, cúng cơm cho người đã khuất xong, tạm nghỉ giây lát rồi dùng cơm trưa.

2) Công khóa sáng tối vì vong nhân xưng danh hồi hương, Sâm chiếu theo công khóa phổ thông chốn tùng lâm, mỗi lần xong khóa sáng vào mùng Một hay Rằm, lúc lễ Tổ gần xong, liền đọc câu “*Mỗi người hãy vì cha mẹ sanh thành, lễ Phật ba lay cầu sanh Tịnh Độ*”. Vì thế, mỗi ngày Rằm hay mùng Một, dù chỉ có một người tụng niệm khóa sáng xong cũng chiếu theo lệ thường lễ Tổ (chỗ này lúc hành lễ

cùng đại chúng thì có phần đầy đủ hơn). Lễ xong, liền xưng danh lễ Phật một lần, coi như hồi hướng.

Nếu như hồi hướng cho cha mẹ thì trong tâm thầm niệm quán tưởng rằng: *“Thay cho cha mẹ sanh thành lễ Phật ba lạy”* (nếu lễ một lạy thì đọc “một lạy”), sám hối nghiệp chướng, giải trừ vô biên tội nghiệp, tiêu tan, tháo gỡ oan khiên, tội lỗi, thoát lìa đường khổ, cầu Phật từ bi xót thương nhiếp thọ, sớm được tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ (vừa lạy vừa thầm niệm, trong tâm nghĩ tưởng hình dáng cha mẹ cùng ở trước đức Phật lễ bái với ta. Một lạy tưởng như thế, mỗi lạy cũng đều như thế). Đối với cha mẹ làm như vậy mà đối với những người khác cũng tưởng như vậy. Thậm chí oán thân bình đẳng cho đến hết thấy chúng sanh trong pháp giới lần lượt khắp vì họ xưng danh lễ Phật hồi hướng.

Dẫu chẳng phải mùng Một, ngày Rằm, trong công khóa sáng tối, khi đọc Tam Quy Y xong, nếu chẳng lễ Tổ thì cũng nên thay cho cha mẹ sanh thành và những ân nhân có liên quan (hoặc có nhân duyên đặc biệt, như thân hữu mới vừa qua đời v.v...) đều hồi hướng như thế. Điều này Sâm chẳng được truyền dạy, hoàn toàn dựa theo ý kiến của chính mình để làm (ở Linh Nham mỗi tối đại hồi hướng cũng có ba lạy), chuẩn theo lý thì đương nhiên không trở ngại gì. Hồi hướng xong, hoặc liền lễ Phật ba lạy lui ra thì cũng được.

Sâm còn thực hiện khóa lễ Quán Thế Âm Bồ Tát, trì chú Đại Bi, Vãng Sanh v.v... để cầu thế giới hòa bình, ta người cùng thoát khỏi ách nạn v.v... (Công khóa của Linh Nham được gọi là Linh Nham

Niệm Phật Nghi Quy, mùa Hạ năm nay đã sớm xuất bản rồi, tiếc rằng lúc này không gửi được. Đợi khi có thể gửi được sẽ gửi mấy bản thì ông sẽ biết).

3) Chuyện trà-tỳ (hỏa thiêu) thì Tăng hay Tục đều không trở ngại gì. Người Tây Vực chết rồi có bốn cách mai táng: Một là thả trôi trong nước, tức bỏ xuống các sông rạch để no lòng cá rùa (cách này cần phải ở gần sông rạch lớn mới được. Nếu ở tại con suối nhỏ nơi vách núi thì chẳng thích hợp). Hai là hỏa thiêu, tức dùng lửa đốt xác hòng phá Ngã Chấp (cách này chỗ nào cũng thực hiện được). Ba là chôn xuống đất, đào đất chôn vùi để khỏi bị bọ cạp (cách này cũng phổ biến). Bốn là lâm thi, tức bỏ trong rừng cho chim thú ăn (cách này phải ở trong rừng sâu, chằm lớn mới được, rốt cuộc chẳng ổn thỏa bằng ba cách trước). Nước ta xưa nay chủ yếu là chôn dưới đất (đọc thiên sách của Mạnh Tử nói “trong đời thường có kẻ chẳng chôn cất cha mẹ” sẽ biết nguyên do), thật ra vẫn chẳng mỹ mãn bằng hỏa thiêu.

Khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều hỏa thiêu với ý nghĩa phá trừ Ngã Chấp. Con người bị phiền não sanh tử hoàn toàn là do Ngã Chấp, Thân Kiến làm căn bản, ngay như cả họa hoạn lớn lao như dâm dục v.v... cũng do Ngã Chấp, Thân Kiến mà sanh. Nếu Thân Kiến, Ngã Chấp đã phá thì dâm dục còn do đâu mà sanh? Vì thế, vào thời Đường, thời Tống, những vị cao nhân đạt sĩ thông hiểu sâu xa Phật pháp tuy chưa xuất gia cũng thường chú trọng hỏa thiêu. Đời sau phần nhiều chẳng thích theo gương ấy chính là giữ chặt Thân Kiến, Ngã Chấp! Thân Kiến quá nặng chính là một chướng ngại lớn cho việc tu hành.

Trong thư ông gửi đến, có câu: “Cư sĩ phần nhiều chưa đoạn dục, sắc thân chẳng thanh khiết, chớ nên hỏa thiêu” thì cũng không phải là lời bàn luận thông suốt! Cái thân của hạng phàm phu sát đất là do Tứ Đại giả hòa hợp, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không thì chẳng cần biết là Tăng hay Tục, đều là do máu thịt tanh tươi, hôi thối, bản thủ hợp thành. Nếu dựa theo tình kiến thiện cận của kẻ phàm ngu mà luận thì tuy cái thân đoạn dục so với kẻ tham dục dường như thanh khiết hơn, nhưng tâm dục chưa sạch thì ô uế vẫn còn! Nếu luận theo đế lý cao sâu thì Tứ Đại vốn không, Ngũ Uẩn chẳng có, các pháp nhân duyên đều không có tự tánh.

Biển Chánh Biến Tri của chư Phật ở trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh; một niệm hồi quang liền giống như vốn đã đắc, diệu thể Tỳ Lô Giá Na phô bày trọn vẹn khắp các giới. Vốn chẳng có sanh, diệt, tăng giảm sai khác, sao lại có tăng, tục, nhơ, sạch khác biệt? Vì thế, Tâm Kinh nói: “*Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm*” chính là chỉ cho bản thể Thật Tướng Chân Như của ba pháp tâm, Phật, chúng sanh không sai biệt. Chúng ta mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần đến nổi trôi giạt sanh tử trọn chẳng có thuở thoát ra! Nay muốn bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì phá trừ Thân Kiến, Ngã Chấp phải là công phu cần thực hiện trước hết!

Do điều này, phàm là người học Phật nếu biết cầu cho thần thức được yên vui thì chẳng nệ là Tăng hay tục đều nên hỏa thiêu, chẳng những không trở ngại gì mà còn có ích thật sự (đối với hoàn cảnh hiện thời và mai sau, hỏa táng rất thích hợp vì do đường sắt cắt ngang, phần

nhiều những ngôi mộ bị phơi thây lộ xương. Nếu ở nơi đô hội thì quan tài giá mắc, kiếm đất chôn rất khó, e rằng dầu chẳng phải là đệ tử Phật cũng phải làm theo cách này! Nhưng điều quan trọng là cần phải tìm cho được cách thức hỏa thiêu tốt đẹp). Nếu như quyền thuộc chẳng nở lòng hỏa táng thì cũng là vì chẳng biết những ý nghĩa “chú trọng đến sự yên vui của thần thức” và “họa hại của Thân Kiến, Ngã Chấp” mà ra! Nếu hơi hiểu biết thì chỉ sợ người trong cuộc chẳng làm cho nhanh ấy chứ! Hàng quyền thuộc cũng nên khéo thấu hiểu tâm lòng người thân, há nên sanh chút lưu luyến nào!

4) Về chuyện áo mũ dùng để nhập liệm cho hai chúng tại gia, do đã biết là “cần phải phá trừ Thân Kiến, Ngã Chấp” thì áo mũ miễn sao thuận tiện là được rồi, chẳng cần phải nói nữa! Cái sắc thân suốt cả một đời phải nhờ vả nó để làm hết thảy mọi chuyện mà còn bỏ được như đồ thừa thì áo mũ là thứ bao bọc bên ngoài huyễn thân nào còn đáng để coi trọng! (Đối với người còn sống trên đời, Khổng Tử còn chẳng coi áo xấu, thức ăn dở là điều đáng thẹn, huống chi là những thứ dùng để nhập liệm gán theo cái xác đã hư nát sau khi con người đã chết).

Theo ngu kiến, ắt phải tiết kiệm, giản lược là hay nhất. Thà giảm bớt chi phí chế tạo áo mũ mới rồi dùng khoản tiền dôi ra đó để hoằng pháp lợi sanh và làm những sự nghiệp từ thiện như cứu tế kẻ đói rét khốn khổ hòng giúp ích cho thần thức người đã khuất được yên vui. So với chuyện tốn kém để khâm liệm cho trọng hậu thì chuyện được - mất như một trời một vực, nhưng cần phải thuận theo tình cảm thế tục của

kẻ làm con đôi chút, đừng vì chú trọng thân thức mà bỏ sạch những lễ nghi.

Tùy theo tâm nguyện của người đã khuất mà mặc Tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng sao cả, nói chung là chớ nên tốn kém quá. Nếu như do chính người đã khuất chủ trương đồ khâm liệm gần đến mức quá tốn kém, rườm rà thì cũng nên khéo léo giải thích để người ấy chẳng chấp vào Thân Kiến là được. Nếu thuận theo lòng tham đắm của người ấy rồi khâm liệm trọng hậu để giúp cho Thân Kiến, Ngã Chấp của người ấy được thỏa mãn thì sẽ gây chướng cho sự vãng sanh, đây chính là điều không nên vậy! Nếu người đã khuất chủ trương khâm liệm đạm bạc tức là không bị vướng mắc nơi Thân Kiến, thì tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng trở ngại gì! Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ thế nào?

11. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Phó Xuân Phổ

(viết vào tháng Chín năm Dân Quốc 27 - 1938)

Dư Ngẫu Sinh và Trần Triển Tây cùng ghi

Cư sĩ húy là Xuyên, hiệu Xuân Phổ, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, mẹ là Nhiếp thái phu nhân nhọc nhằn, tiết kiệm nuôi dạy, theo học trường Pháp Chánh Tuần Cảnh, từng được bổ nhiệm những chức vụ viên chức văn phòng huyện lỵ huyện Thanh Giang, sở trưởng sở Cảnh Sát tại trấn Châu Đàm thuộc huyện Vạn Tải, hiệu trưởng trường Nghĩa Vụ thuộc trấn Chương Thụ v.v... Sống tại huyện thành nhiều năm, tham dự đủ loại công vụ, được quan chức, thân

sĩ tin cậy, hễ có chuyện nghi nan lớn lao nào thường bàn bạc, quyết định với ông ta.

Nhiếp thái phu nhân thờ Quán Âm đại sĩ đã lâu, ăn chay niệm Phật. Năm Dân Quốc 17 (1928), thái phu nhân mắc bệnh, cư sĩ phát nguyện triều bái Phổ Đà, cụ không uống thuốc mà lành bệnh. Tháng Chín năm Dân Quốc 20 (1931), bèn đến Phổ Đà hoàn nguyện, lễ Phạm Âm động, cảm được Bồ Tát thị hiện dưới hình dạng áo trắng, cầm tịnh bình với cành dương. Lại cầu được biết rõ túc mạng, thấy một vị đầu-đà y phục lam lũ bèn ngộ luân hồi chẳng phải hư huyền, ý niệm cầu thoát lia Sa Bà càng thêm khẩn thiết. Do pháp sư Minh Tịnh gửi thư giới thiệu, bèn yết kiến Ấn Quang pháp sư và thầy Đức Sâm tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, lúc ấy mới được nghe pháp yếu của Tịnh tông. Từ đấy trở đi, những sách vở do Hoằng Hóa Xã xuất bản đều thỉnh cả; do vậy, tín giải càng tăng, bèn gửi thư khẩn cầu quy y. Thầy Đức Sâm bèn đặt pháp danh là Thiên Xuyên, tự là Hàng Tây, lại nhân lúc thầy Đức Sâm đi qua Chương Thụ, bèn xin thọ giới Ưu Bà Tắc. Ông ta tín nguyện niệm Phật, tinh tấn không lười nhác phần lớn là nhờ sự khơi gợi chỉ vẽ của thầy Đức Sâm.

Năm Dân Quốc 22 (1933), ông được cử làm người chuyên trách tuyên giảng tại Lộc Giang Niệm Phật Lâm, khuyên dụ chỉ dẫn, từ đấy Niệm Phật Lâm rất đông. Cư sĩ gia cảnh nghèo nàn, thân yếu lắm bệnh, thường muốn xuất gia, nhưng khổ vì không có chùa chiền để nương náu, thường đến khám bệnh tại nhà Ngẫu Sinh. Ngẫu Sinh nói đến chuyện thời tiết nhân duyên chẳng thể cưỡng

cầu được, nhưng cái tâm “chán trước, ưa tịnh” đã sâu, ý nguyện giảm thọ cầu được vãng sanh càng thiết tha, lễ bái, quán tưởng, đều mong sớm được tiếp dẫn, chóng đến liên trì.

Mùa Xuân năm nay, ông mộng thấy Quán Âm Bồ Tát thị hiện, báo cho biết kỳ hẹn là tháng Bảy. Đến sau hội Vu Lan Bồn, ông bèn ngã bệnh, nhất tâm niệm Phật quên cả khổ sở. Ngày Hai Mươi Ba, thân thích, bạn bè trợ niệm, đã nằm bần bật hồi lâu rồi tỉnh lại, mời thầy Đại Nhân ở Đại Bảo Điện thuộc Vĩnh Thái đến nhờ cậy chuyện trà-tỳ. Ngày Hai Mươi Sáu lại thêm thiếp, người nhà khóc lóc, cư sĩ cười ngăn lại, bảo: “Ta sẽ về Tây vào ngày thánh đản Địa Tạng Bồ Tát”, đến ngày ấy, ngồi ngay ngắn trên ghế dựa, kết ấn Di Đà, mắt đăm đăm nhìn tượng Phật, an nhiên về Tây, khắp thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu vẫn ấm, sắc mặt tươi đẹp còn hơn lúc sống.

Mồng Hai tháng Bảy nhuận, trụ trì chùa Thông Huệ ở Chương Thu là hòa thượng Đại Tùng và thầy Đại Nhân đều tới, lo liệu việc nhập khâm. Ông ngồi xếp bằng chấp tay hệt như người còn sống. Bữa hôm trước trời nổi cơn mưa gió to, đến giờ Tý nổi lửa, trời chợt sáng sủa, mùi hương lạ ngào ngạt, chẳng phải là mùi thơm của Chiên Đàn hay hoa lan, một tia sáng trắng từ khám tỏa ra xẹt về phía Tây. Đang lúc đầu Thu, khí trời nóng bức, chết đã ba bốn hôm mà xác chẳng thối nát, lại còn tỏa mùi thơm lạ, nếu chẳng phải do Phật pháp linh dị làm sao được như vậy? Người thấy kẻ nghe đều tán thán, khởi lòng cung kính, xưng tụng Phật pháp thật chẳng thể nghĩ bàn. Xuân thu được bốn mươi tám tuổi.

Ngẫu Sinh nói: Đòi Mạt, người niệm Phật thì nhiều nhưng thành tựu lại ít là vì không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha vậy! Mạnh Tử luận về đại trượng phu phải nên “phú quý chẳng dâm lạc, nghèo hèn chẳng đổi dời chí khí, chẳng khuất phục trước oai quyền, sức mạnh”. Pháp thế gian còn như thế, huống gì là Phật pháp cầu sanh Tịnh Độ siêu phàm nhập thánh ư?

Cư sĩ bị vướng bận vì nghèo, bệnh, gia đình, nhưng nhất loạt chẳng quan tâm tới, khăng khăng, miệt mài chỉ lo niệm Phật, bị chê bai, nhục mạ, gặp trắc trở, trăm nỗi khó khăn chẳng xoay chuyển được, lúc mất biết trước ngày giờ, tướng lành rạng rỡ, đủ làm chứng có chứng tỏ đã sanh Tây. Bi tâm triệt để của đức Như Lai, pháp môn Tịnh Độ không ai hỏi mà tự nói, quả thật là con đường tắt cho chúng sanh trong đời Mạt thoát khổ, chỉ cần chịu dộc lòng, quyết chẳng giả dối, cớ nhân thật chẳng dối ta! Ngẫu Sinh do giao du với cư sĩ mà thật sự được un đúc, dấy lên lòng tin. Vui nhìn bước chân nhanh nhẹn của người trước, gắng đè nén nỗi đau nhân cảm, lưu truyền sự tích vãng sanh của Phó cư sĩ để khuyến khích người đời mà cũng là để tự cảnh tỉnh mình.

12. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Nhiếp Vân Sanh

Trần Triển Tây ghi

Cư sĩ húy Truyền Tăng, hiệu Vân Sanh, người huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, được mẹ nuôi dạy, tánh tình đoan nghiêm, trang trọng, ham học, đậu Tiến Sĩ năm Giáp Thìn (1904) thời Quang Tự, làm quan tại Hồ Bắc, người anh họ mất, bèn trở về quê, về sau được bầu làm ủy viên hội đồng cố vấn

tỉnh Giang Tây. Vào thời Dân Quốc, ông làm nghị viên hội đồng tỉnh, luôn tận hết trách nhiệm, giữ lời hứa, chẳng quanh co, lật lọng. Vào thời Trù An Hội dùng phương cách hối lộ để khuyên dụ các đại biểu bỏ phiếu tán thành Viên Thế Khải làm hoàng đế, hề bỏ phiếu ưng thuận sẽ được ngay một ngàn đồng, chống đối sẽ đem quân bắt giữ. Cư sĩ phát tay áo quay về, giữ gìn khí tiết như thế.

Cư sĩ ưa thích viết văn chương theo lối cổ, nhưng những thứ chẳng có quan hệ bảo vệ lớn lao cho thế đạo bèn chẳng cầu thả viết ra. Trong hai mươi năm tuổi xế chiều, dốc lòng nơi kinh sách nhà Phật, xoay vần trì tụng các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Viên Giác, nhưng quy túc nơi Tịnh Độ Ngũ Kinh, ăn chay trường, niệm Phật có thời khóa nhất định. Đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, hận chưa được thân cận đại sư Ấn Quang.

Năm Đinh Sửu (1937) cầu mưa được thỏa nguyện, bèn thành lập Cao Vũ Niệm Phật Lâm, thường đến diễn giảng tại Lộc Giang Niệm Phật Lâm tại trấn Chương Thụ, cảm hóa rất nhiều người. Mùa Hạ năm Kỷ Mão (1939), nhiều lần mắc bệnh đi tả, tự mình dốc chí quy Tây, chẳng còn muốn tìm thuốc men linh nghiệm để chữa trị nữa! Vào tháng Mười bệnh tình nguy ngập đến tột cùng, nhiều lần mộng thấy Phật, Bồ Tát thị hiện, tự biết đã đến lúc, miệng dặn dò di chúc, mời tăng lữ, thân thích, bạn bè suất lãnh con cháu niệm Phật. Tới lúc hấp hối, hơi thở dần dần nhẹ đi giống như Kim Cang niệm, chẳng đau khổ mảy may gì, chánh niệm

phân minh, nhất tâm bất loạn xả báo an tường như nhập Thiên Định, toàn thân mềm mại, đỉnh đầu lạnh đi sau cùng, vẻ mặt tươi tắn, vui sướng, uy nghi như hầy còn sống. Các tướng lành phù hợp khít khao với chứng cố vãng sanh, xét theo Quán Kinh phẩm sen ất cao! Ấy là vì pháp môn Tịnh Độ dùng tự lực để cảm Phật lực, cho nên có thể hoàn tất ngay trong đời này.

Cư sĩ sanh vào năm Kỷ Tỵ tức năm Đồng Trị thứ tám (1869) đời Thanh, về Tây ngày mùng Một tháng Mười Một năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 (1939), hưởng thọ bảy mươi một tuổi, biên soạn bộ Tư Phụ Đường Thi Văn Nhật Chí phần nhiều xiển dương rõ giáo nghĩa Tịnh tông được cất giữ tại nhà.

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TỤC BIÊN,

Quyển Hạ hết

(Trọn Bộ)